

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

FEEL THE PERFORMANCE

Khi đọc tài liệu hướng dẫn này, bạn sẽ thấy thông tin đứng sau biểu tượng CHÚ Ý. Thông tin này giúp bạn tránh gây hư hỏng cho xe, tài sản, hoặc môi trường.

Các biểu tượng ⚠ 🕮 trên các nhãn được dán vào xe để nhắc bạn đọc tài liệu hướng dẫn sử dụng để vận hành xe đúng cách và an toàn.

Biểu tượng ⚠ được mã hóa bằng màu để thể hiện "nguy hiểm" (màu đỏ), "cảnh báo" (màu cam), hoặc "chú ý" (màu hổ phách).

➔ **Nhãn An Toàn** Tr. 111

Một Vài Chú Ý Về An Toàn

An toàn của bạn, an toàn của mọi người là rất quan trọng và vận hành xe an toàn là trách nhiệm của bạn.

Để giúp bạn có những hiểu biết về an toàn, chúng tôi cung cấp các quy trình vận hành và thông tin khác trên nhãn và trong tài liệu hướng dẫn này. Thông tin này sẽ cảnh báo bạn về những nguy cơ rủi ro có thể xảy ra làm bạn và những người khác bị thương.

Tất nhiên, các thông tin này không thể cảnh báo hết được về tất cả các tình huống rủi ro có thể xảy ra khi vận hành hoặc bảo dưỡng xe. Bạn phải tự xử lý được các tình huống.

Bạn sẽ thấy thông tin an toàn quan trọng này theo những hình thức khác nhau, bao gồm:

- **Nhãn An Toàn** - trên xe.
- **Cảnh Báo An Toàn** - dán phía sau biểu tượng cảnh báo ⚠ và một trong các từ sau: **NGUY HIỂM, CẢNH BÁO** hoặc **LƯU Ý**. Những cụm từ này có nghĩa:

⚠ NGUY HIỂM	Bạn SẼ bị TỬ VONG hoặc TRỌNG THƯƠNG nếu bạn không làm theo chỉ dẫn.
⚠ CẢNH BÁO	Bạn CÓ THỂ bị TỬ VONG hoặc TRỌNG THƯƠNG nếu bạn không làm theo chỉ dẫn.
⚠ LƯU Ý	Bạn CÓ THỂ bị THƯƠNG nếu không làm theo chỉ dẫn.

- **Đề Mục An Toàn** - những Chú Ý Quan Trọng Về An Toàn.
- **Phần Hướng Dẫn An Toàn** - Lái Xe An Toàn.
- **Hướng Dẫn Chung Khác** - cách sử dụng xe sao cho đúng và an toàn.

Cuốn sách này bao gồm thông tin quan trọng về an toàn - hãy đọc kỹ.

Thiết Bị Ghi Nhận Dữ Liệu Sự Cố

Xe của bạn được trang bị một số thiết bị thông thường nhằm mục đích Ghi Nhận Dữ Liệu Sự Cố. Thiết bị này ghi lại những dạng dữ liệu thời gian thực khác nhau của xe như việc nổ túi khí SRS và lỗi của các bộ phận của hệ thống SRS.

Các dữ liệu này thuộc về chủ xe và không ai có thể truy cập trừ trường hợp có yêu cầu hợp pháp hoặc có sự cho phép của chủ xe.

Tuy nhiên, Honda, các đại lý Honda được ủy nhiệm và thợ sửa chữa, nhân viên, người đại diện và các nhà thầu được Honda ủy nhiệm có thể truy cập dữ liệu này vì mục đích chẩn đoán kỹ thuật, nghiên cứu và phát triển xe.

Thiết Bị Ghi Chẩn Đoán Dịch Vụ

Xe của bạn được trang bị các thiết bị liên quan đến dịch vụ, các thiết bị này ghi lại các thông tin hoạt động của cơ cấu truyền động và điều kiện lái xe. Kỹ thuật viên có thể dùng dữ liệu này trong việc chẩn đoán, sửa chữa và bảo dưỡng xe. Không ai có thể truy cập dữ liệu này trừ trường hợp có yêu cầu hợp pháp hoặc có sự cho phép của chủ xe.

Tuy nhiên, Honda, các đại lý Honda được ủy nhiệm và thợ sửa chữa, nhân viên, người đại diện và các nhà thầu được Honda ủy nhiệm có thể truy cập dữ liệu này vì mục đích chẩn đoán kỹ thuật, nghiên cứu và phát triển xe.

Điều Khoản và Điều Kiện Sử Dụng Tài Liệu Hướng Dẫn Sử Dụng*

Điều Khoản Chung

Xe này có ứng dụng cho phép Màn Hình Giải Trí của xe tự động tìm kiếm các bản cập nhật tài liệu hướng dẫn sử dụng dành riêng cho Màn Hình Giải Trí của xe mỗi khi đặt chế độ nguồn ở BẬT. Ứng dụng này sẽ gửi theo định kỳ một số thông tin của xe và thiết bị đến máy chủ như: Số Nhận Dạng Xe (VIN), số sê-ri phần cứng Màn Hình Giải Trí, ngôn ngữ, địa chỉ IP, nhật ký giao dịch (xem cảnh báo hoặc cập nhật, tải và cài đặt bản cập nhật, cách sử dụng tài liệu hướng dẫn sử dụng), v.v. Khi ứng dụng tìm thấy bản cập nhật từ máy chủ, màn hình sẽ hiển thị thông báo tải xuống và cài đặt.

Khi Màn Hình Giải Trí của xe tìm kiếm bản cập nhật từ máy chủ, máy chủ sẽ tự động cho phép bạn cập nhật tài liệu hướng dẫn sử dụng. Lịch sử cài đặt các bản cập nhật cũng sẽ được lưu lại trên máy chủ.

Dữ Liệu Cá Nhân

Nếu các thông tin trên được gửi đến hệ thống của Honda và hệ thống tự tìm ra thông tin cá nhân về vị trí của bạn, lưu ý rằng thông tin này sẽ được xử lý nghiêm ngặt theo đúng các quy tắc và quy định được nêu trong thông báo và luật bảo vệ dữ liệu hiện hành.

Các điều khoản này có trong chính sách bảo mật của Honda và khi sử dụng các bản cập nhật hệ thống, bạn phải tuân thủ chính sách bảo mật. Chính sách bảo mật của Honda đưa ra thông tin về việc Honda và bên thứ ba bất kỳ xử lý dữ liệu cá nhân do Honda thu thập được từ khách hàng hoặc khách hàng cung cấp cho Honda thông qua phần mềm tiện ích như thế nào. (Truy cập trang web của Honda (https://www.privacynotice.honda.eu) để biết thêm thông tin chi tiết.)

Honda thu thập, sử dụng và lưu trữ dữ liệu cá nhân của khách hàng vì những lý do dưới đây:

Đảm bảo các quyền lợi về mặt pháp lý cho Honda, như được liệt kê dưới đây, mà vẫn đảm bảo quyền được bảo vệ dữ liệu cá nhân của khách hàng.

- cung cấp các bản cập nhật tài liệu hướng dẫn sử dụng cho khách hàng;
- cải tiến và tối ưu hóa tài liệu hướng dẫn sử dụng và bảo dưỡng;
- giải đáp thắc mắc và khiếu nại của khách hàng; và lưu trữ hồ sơ nội bộ.

Việc bảo vệ lợi ích kinh doanh hợp pháp và quyền hợp pháp của Honda bao gồm, nhưng không giới hạn, việc sử dụng gắn liền với việc tuân thủ, quy định, kiểm toán, các tuyên bố pháp lý (bao gồm việc tiết lộ thông tin liên quan đến quy trình pháp lý hoặc kiện tụng) và các yêu cầu báo cáo về đạo đức và tuân thủ khác.

Honda cũng sẽ chuyển đổi dữ liệu cá nhân thành dữ liệu ẩn danh và sử dụng dữ liệu đó (thường trên cơ sở thống kê tổng hợp) nhằm mục đích nghiên cứu và phân tích thị trường, cải tiến tài liệu hướng dẫn sử dụng, phân tích xu hướng và đánh giá hiệu quả của các bản cập nhật phần mềm. Thông tin cá nhân được tổng hợp sẽ không nhận dạng cá nhân hoặc bất kỳ cách sử dụng nào khác của tài liệu hướng dẫn sử dụng.

Honda có thể chia sẻ dữ liệu này với tổ chức hỗ trợ trên toàn cầu của Honda hoặc các công ty con của Honda hoặc các bên thứ ba khác mà Honda liên kết nhằm cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến hỗ trợ hệ thống.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Điều Khoản và Điều Kiện Cập Nhật Hệ Thống*

Điều Khoản Chung

Xe này có ứng dụng cho phép Màn Hình Giải Trí của xe tự động tìm kiếm các bản cập nhật phần mềm của Honda dành riêng cho Màn Hình Giải Trí và các thiết bị được kết nối (ban đầu cứ một (1) tuần một lần qua Wi-Fi hoặc bốn (4) tuần một lần qua Bộ Điều Khiển Viễn Thông (TCU)*, các truy vấn có thể xảy ra thường xuyên hơn hoặc ít xảy ra do sự cố internet, do cố thử lại, do thao tác của người dùng, và do WAP gửi từ máy chủ hoặc do thay đổi chính sách truy vấn trên máy chủ Honda). Ứng dụng này sẽ gửi theo định kỳ một số thông tin của xe và thiết bị đến máy chủ (Số Nhận Dạng Xe (VIN), Số Nhận Dạng Loại Xe (MT), Số Phụ Tùng Phần Cứng và Phần Mềm, Số Sê-ri, Phiên Bản Phần Mềm, ngôn ngữ ưu tiên, địa chỉ Giao Thức Internet (IP), Nhật Ký Giao Dịch (xem cảnh báo hoặc cập nhật, cập nhật tải xuống và cài đặt, trạng thái phần mềm), v.v.). Khi ứng dụng tìm thấy bản cập nhật từ máy chủ, màn hình sẽ hiển thị thông báo tải xuống và cài đặt bản cập nhật. Bạn có thể chọn tự động tải xuống và cài đặt các bản cập nhật này trong phần cài đặt hoặc chọn cập nhật hệ thống theo cách thủ công.

Khi Màn Hình Giải Trí của xe tìm kiếm bản cập nhật hoặc cảnh báo từ máy chủ, máy chủ sẽ tự động cho phép bạn cập nhật thiết bị hoặc gửi bản cập nhật hoặc cảnh báo đến Màn Hình Giải Trí. Lịch sử cài đặt các bản cập nhật hoặc cảnh báo cũng sẽ được lưu lại trên máy chủ.

Dữ Liệu Cá Nhân

Nếu các thông tin trên được gửi đến hệ thống của Honda và hệ thống tự tìm ra thông tin cá nhân về vị trí của bạn, lưu ý rằng thông tin này sẽ được xử lý nghiêm ngặt theo đúng các quy tắc và quy định được nêu trong thông báo và luật bảo vệ dữ liệu hiện hành.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Các điều khoản này có trong chính sách bảo mật của Honda và khi sử dụng các bản cập nhật hệ thống, bạn phải tuân thủ chính sách bảo mật. Chính sách bảo mật thông báo về việc Honda và bên thứ ba bất kỳ sẽ xử lý dữ liệu cá nhân do Honda thu thập được từ khách hàng hoặc khách hàng cung cấp cho Honda thông qua ứng dụng như thế nào.
Truy cập trang web của Honda để biết thêm thông tin chi tiết.

Honda thu thập, sử dụng và lưu trữ dữ liệu cá nhân của khách hàng vì những lý do dưới đây:

- cung cấp các bản cập nhật hệ thống và các dịch vụ liên quan đến khách hàng;
- cải tiến và tối ưu hóa tài liệu hướng dẫn sử dụng và bảo dưỡng;
- giải đáp thắc mắc và khiếu nại của khách hàng; và lưu trữ hồ sơ nội bộ.
- bảo đảm các quyền lợi về mặt pháp lý cho Honda, như được liệt kê dưới đây, mà vẫn đảm bảo quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân của khách hàng.

Việc bảo vệ lợi ích kinh doanh hợp pháp và quyền lợi hợp pháp của Honda bao gồm, nhưng không giới hạn, việc sử dụng gắn liền với việc tuân thủ, quy định, kiểm toán, các tuyên bố pháp lý (bao gồm việc tiết lộ thông tin liên quan đến quy trình pháp lý hoặc kiện tụng), các yêu cầu về đạo đức và các quy định tuân thủ khác.

Honda cũng sẽ chuyển đổi dữ liệu cá nhân thành dữ liệu ẩn danh và sử dụng dữ liệu đó (thường trên cơ sở thống kê tổng hợp) nhằm mục đích nghiên cứu và phân tích thị trường, cải tiến cập nhật hệ thống, phân tích xu hướng và đánh giá hiệu quả của các bản cập nhật phần mềm. Thông tin cá nhân được tổng hợp sẽ không nhận dạng cá nhân hoặc bất kỳ ai sử dụng bản cập nhật hệ thống.

Honda có thể chia sẻ dữ liệu này với tổ chức hỗ trợ trên toàn cầu của Honda hoặc các công ty con của Honda hoặc các bên thứ ba khác mà Honda liên kết nhằm cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến hỗ trợ hệ thống.

Tài liệu hướng dẫn sử dụng này được coi như một phần không thể thiếu của xe và nên được kèm theo khi bán xe.

Tài liệu hướng dẫn này dùng chung cho tất cả các loại xe. Bạn có thể tìm thấy các miêu tả về các thiết bị và các tính năng mà xe bạn không có.

Những hình ảnh có trong tài liệu hướng dẫn sử dụng này miêu tả những tính năng và thiết bị chỉ có ở một số loại xe nhất định, không phải có ở tất cả các loại xe. Bởi vậy, sẽ có một số tính năng mà xe bạn không có.

Thông tin và các thông số kỹ thuật có trong tài liệu có hiệu lực kể từ thời điểm phê duyệt ấn hành. Tuy nhiên, Honda Motor giữ bản quyền này và được quyền cắt bỏ và thay đổi các thông số kỹ thuật hoặc thiết kế bất cứ lúc nào mà không cần thông báo hoặc chịu bất kỳ trách nhiệm nào.

Mặc dù tài liệu này áp dụng với cả hai loại vô lăng bên phải và vô lăng bên trái, nhưng những hình minh họa trong tài liệu này chủ yếu liên quan tới loại vô lăng bên phải.

Lái Xe An Toàn Tr. 37

Lái Xe An Toàn Tr. 38 Dây Đai An Toàn Tr. 43 Túi Khí Tr. 54

Bảng Điều Khiển Tr. 113

Đèn Báo Tr. 114 Đồng Hồ Đo và Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái Tr. 135

Điều Khiển Tr. 181

Đồng Hồ Tr. 182 Khóa và Mở Khóa Cửa Tr. 183

Vận Hành Các Công Tắc Quanh Vô Lăng Tr. 205

Hệ Thống Điều Khiển Nhiệt Độ Tr. 250

Tính Năng Tr. 259

Hệ Thống Âm Thanh Tr. 260 Màn Hình Giải Trí Tr. 261

Nhắc Nạp Nhiên Liệu* Tr. 389

Lái Xe Tr. 391

Trước Khi Lái Xe Tr. 392 Kéo Rơ-moóc Tr. 396 Khi Lái Xe Tr. 397

Camera Lùi Đa Hướng Tr. 581 Nạp Nhiên Liệu Tr. 583

Bảo Dưỡng Tr. 589

Trước Khi Tiến Hành Bảo Dưỡng Tr. 590 Hệ Thống Giám Sát Dầu Tr. 593

Kiểm Tra và Thay Lưỡi Gạt Nước Tr. 633

Bảo Dưỡng Hệ Thống Điều Khiển Nhiệt Độ Tr. 648

Xử Lý Sự Cố Bất Ngờ Tr. 661

Dụng Cụ Tr. 662 Nếu Lốp Xe Bị Xẹp Tr. 664

Không Gạt Được Cần Số Tr. 698 Quá Nhiệt Tr. 699

Nếu Bạn Không Mở Được Cửa Nạp Nhiên Liệu Tr. 716

Thông Tin Tr. 719

Thông Số Kỹ Thuật Tr. 720 Số Nhận Dạng Xe Tr. 724

Nội Dung

Hướng Dẫn Tham Khảo Nhanh Tr. 6

Lái Xe An Toàn Tr. 37

Bảng Điều Khiển Tr. 113

Điều Khiển Tr. 181

Tính Năng Tr. 259

Lái Xe Tr. 391

Bảo Dưỡng Tr. 589

Xử Lý Sự Cố Bất Ngờ Tr. 661

Thông Tin Tr. 719

Mục Lục Tr. 731

Hệ Thống Bật Nắp Ca-pô Tr. 70 An Toàn Cho Trẻ Tr. 73 Khí Xả Nguy Hiểm Tr. 110 Nhãn An Toàn Tr. 111

Cửa Hậu Tr. 199 Hệ Thống An Ninh Tr. 201 Cửa Kính Tr. 203
Gương Tr. 224 Ghế Ngồi Tr. 226 Hạng Mục Tiện Ích Bên Trong Tr. 236

Thông Báo Lỗi Âm Thanh Tr. 352 Thông Tin Chung về Hệ Thống Âm Thanh Tr. 353

Honda Sensing Tr. 456 Phanh Tr. 555 Đỗ Xe Tr. 570
Tiết Kiệm Nhiên Liệu và Khí Thải CO_2 Tr. 586 Xe có Động Cơ Tăng Áp Tr. 587

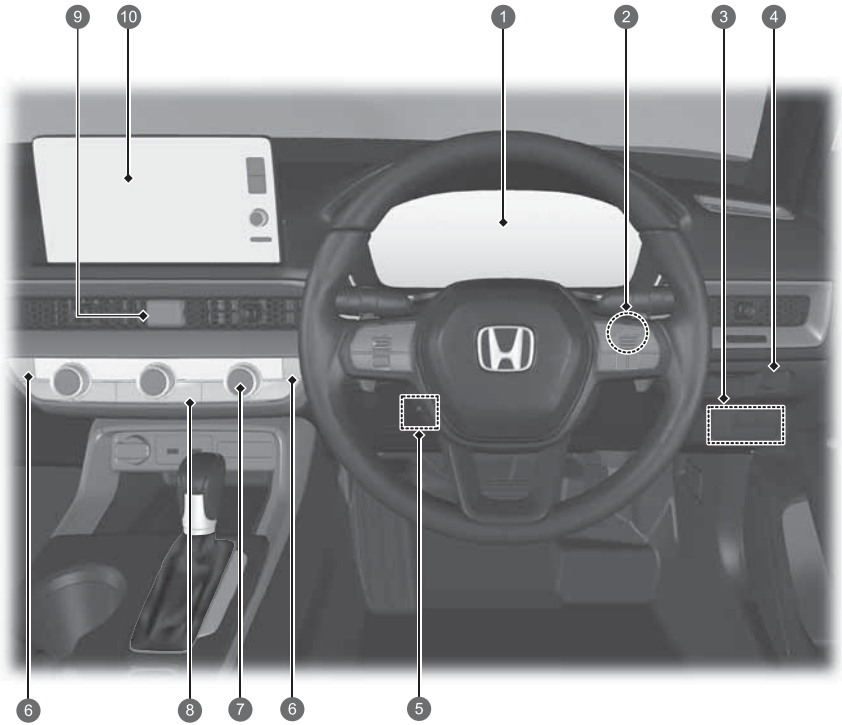
Lịch Bảo Dưỡng Tr. 602 Bảo Dưỡng Dưới Nắp Ca-Pô Tr. 606 Thay Bóng Đèn Tr. 625
Kiểm Tra và Thay Lốp Tr. 636 Ắc Quy Tr. 642 Bảo Dưỡng Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa Tr. 645
Vệ Sinh Tr. 651 Phụ Kiện và Điều Chỉnh Tr. 658

Khi Nâng Xe Bằng Kích Tr. 688 Động Cơ Không Khởi Động Tr. 689 Nếu Ắc Quy Chết Tr. 695
Đèn Báo Sáng/Nhấp Nháy Tr. 703 Cầu Chì Tr. 708 Kéo Xe Khẩn Cấp Tr. 715
Nếu Bạn Không Mở Được Cửa Hậu Tr. 717

Thiết Bị Phát Ra Sóng Radio Tr. 726 Giấy Phép Mã Nguồn Mở Tr. 730

Mục Lục Trực Quan

Loại Vô Lăng Bên Phải



❶ **Đèn Báo Hệ Thống** Tr. 114
Đồng Hồ Đo Tr. 135
Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái Tr. 140, 155, 160

❷ **Nút ENGINE START/STOP** Tr. 205

❸ **Nút (TẮT Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA))** Tr. 445
Công Tắc Hỗ Trợ An Toàn Tr. 452, 464, 537
Nút Hệ Thống Cảm Biến Đỗ* Tr. 573

❹ **Điều Chỉnh Độ Sáng** Tr. 220, 221

❺ **Điều Chỉnh Vô Lăng** Tr. 223

❻ **Nút Sưởi Ghế*** Tr. 249

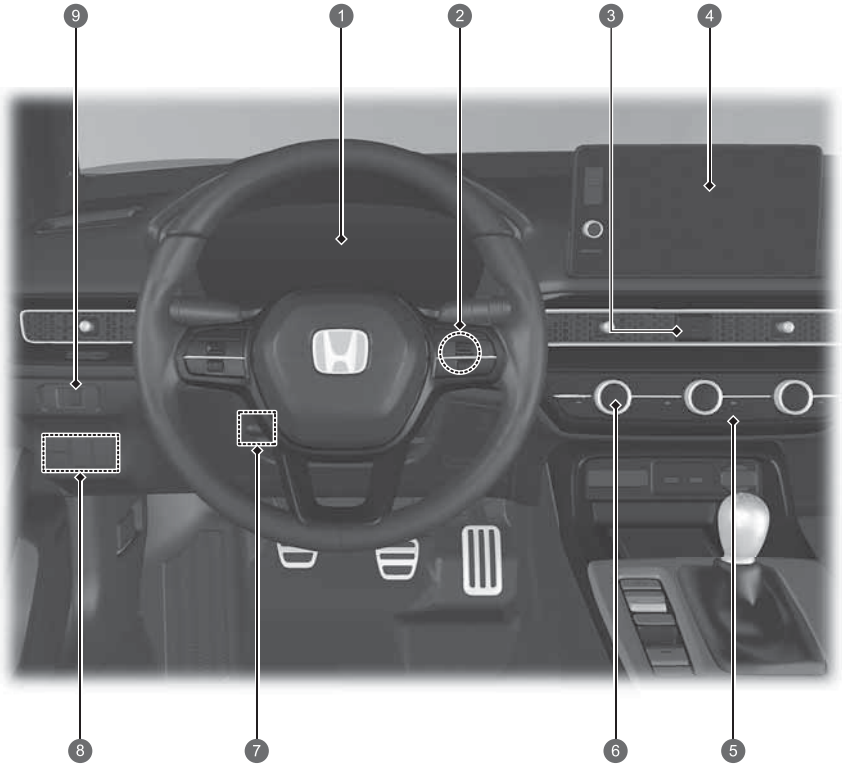
❼ **Hệ Thống Điều Khiển Nhiệt Độ** Tr. 250

❽ **Sấy Kính Sau** Tr. 222
Nút Sấy Gương Cửa* Tr. 222

❾ **Nút Cảnh Báo Nguy Hiểm**

❿ **Hệ Thống Âm Thanh** Tr. 260
Hệ Thống Định Vị*
Xem Tài Liệu Hướng Dẫn Hệ Thống Định Vị

Loại Vô Lăng Bên Trái



❶ **Đèn Báo Hệ Thống** Tr. 114
Đồng Hồ Đo Tr. 135
Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái Tr. 155, 160

❷ **Nút ENGINE START/STOP** Tr. 205

❸ **Nút Cảnh Báo Nguy Hiểm**

❹ **Hệ Thống Âm Thanh** Tr. 260
Hệ Thống Định Vị*
Xem Tài Liệu Hướng Dẫn Hệ Thống Định Vị

❺ **Sấy Kính Sau** Tr. 222

❻ **Hệ Thống Điều Khiển Nhiệt Độ** Tr. 250

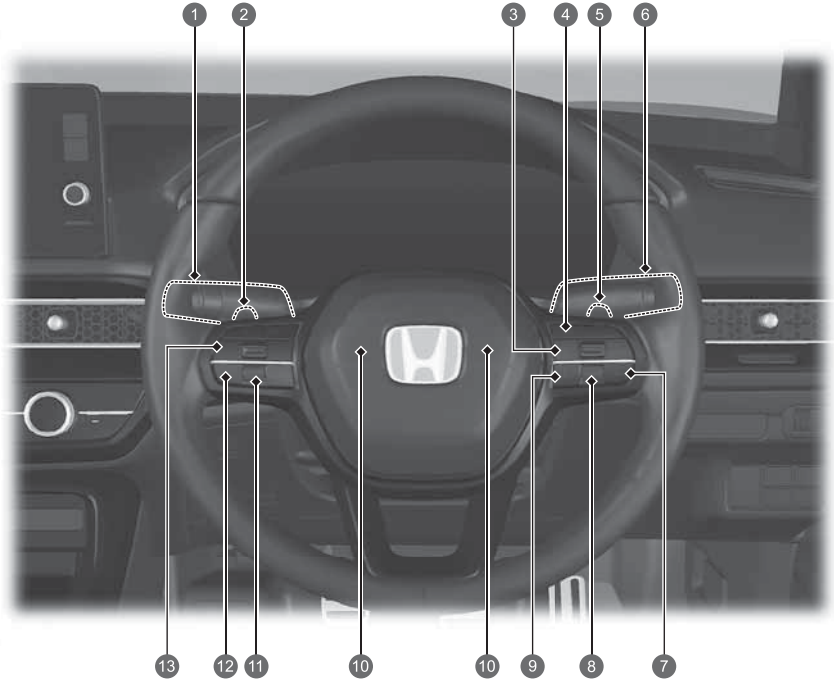
❼ **Điều Chỉnh Vô Lăng** Tr. 223

❽ **Nút** (TẮT Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA)) Tr. 445
Công Tắc Hỗ Trợ An Toàn Tr. 452, 464, 537

❾ **Điều Chỉnh Độ Sáng** Tr. 221

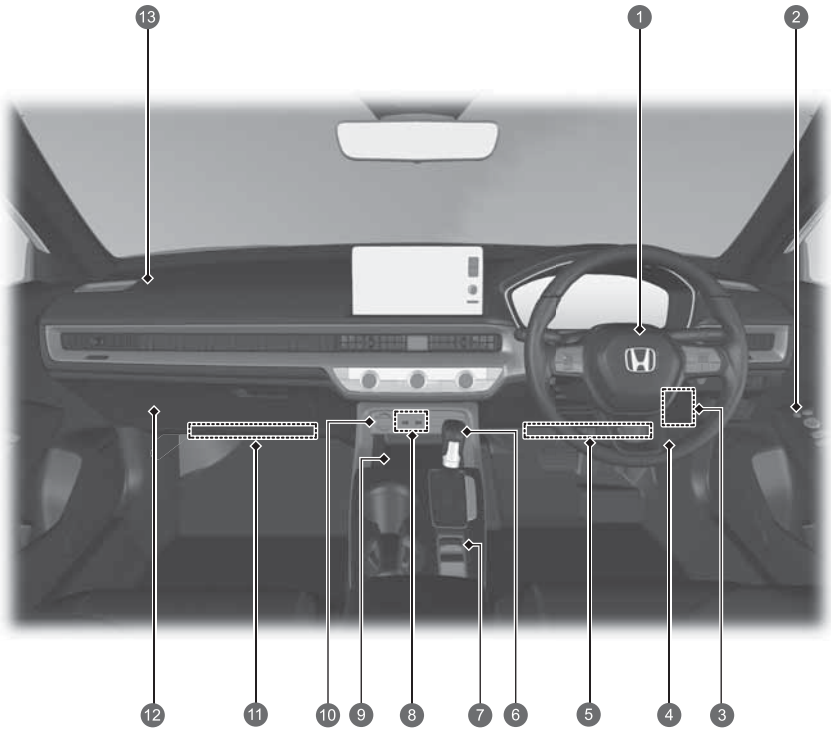
* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Mục Lục Trực Quan



❶ Cần Gạt Nước/Rửa Kính* Tr. 217
Đèn Chiếu Sáng/Xi Nhan* Tr. 208, 210
❷ Lẫy Sang Số (Giảm Số)* Tr. 409
❸ Nút LIM* Tr. 431, 437, 491
❹ Nút Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp* Tr. 473
Nút Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC)* Tr. 490
❺ Lẫy Sang Số (Tăng Số)* Tr. 490
❻ Đèn Chiếu Sáng/Xi Nhan* Tr. 208, 210
Đèn Sương Mù Trước* Tr. 212
Đèn Sương Mù Sau* Tr. 212
Cần Gạt Nước/Rửa Kính* Tr. 217
❼ Nút Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS) Tr. 511
❽ Vòng Lựa Chọn Bên Phải* Tr. 161
❾ Nút Khoảng Cách Tr. 485
❿ Còi (Ấn quanh .)
⓫ Vòng Lựa Chọn Bên Trái Tr. 140
⓬ Nút (Màn Hình Chính)* Tr. 140
⓭ Điều Khiển Âm Thanh Từ Xa Tr. 265
Nút Hệ Thống Điện Thoại Rảnh Tay Tr. 332

Loại Vô Lăng Bên Phải

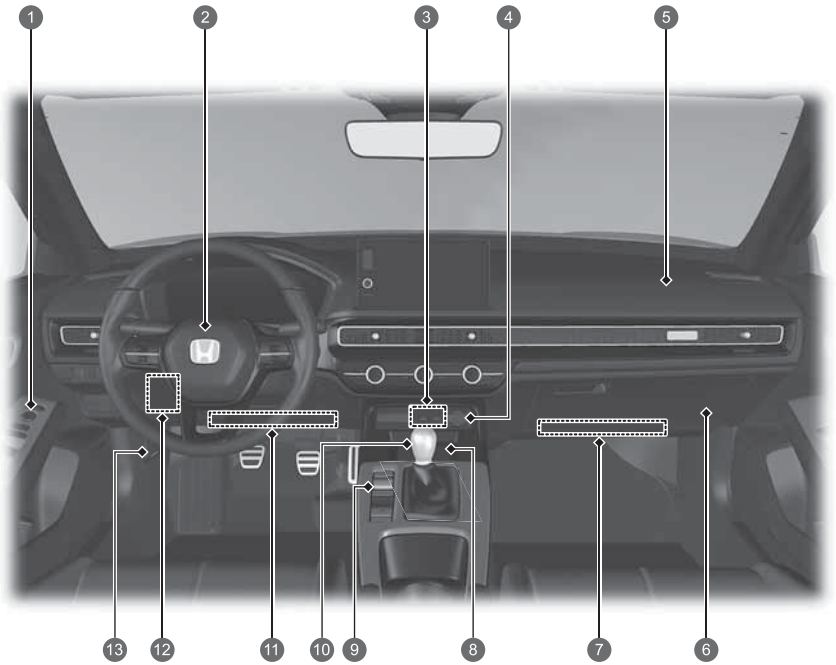


❶ **Túi Khí Trước Phía Người Lái** Tr. 56
❷ **Điều Khiển Gương Cửa** Tr. 225
Công Tắc Khóa Cửa Chính Tr. 196
Công Tắc Cửa Kính Điện Tr. 203
❸ **Hộp Cầu Chì Trong Xe** Tr. 710
❹ **Lẫy Nhả Nắp Ca-pô** Tr. 608
❺ **Túi Khí Đầu Gối Người Lái** Tr. 59
❻ **Cần Số**
Hộp Số Vô Cấp Tr. 405
Hộp Số Thường Tr. 410
❼ **Công Tắc Chế Độ Lái** Tr. 421, 424
Nút TẮT Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời* Tr. 416
Nút +R* Tr. 425
Công Tắc Phanh Đỗ Điện Tr. 555
Nút Giữ Phanh Tự Động Tr. 561, 563
❽ **Cổng USB** Tr. 264
❾ **Nạp Không Dây** Tr. 246
❿ **Ổ Cắm Điện Phụ Kiện** Tr. 245
⓫ **Túi Khí Đầu Gối Hành Khách** Tr. 59
⓬ **Hộp Đựng Đồ** Tr. 237
⓭ **Túi Khí Trước Phía Hành Khách** Tr. 56

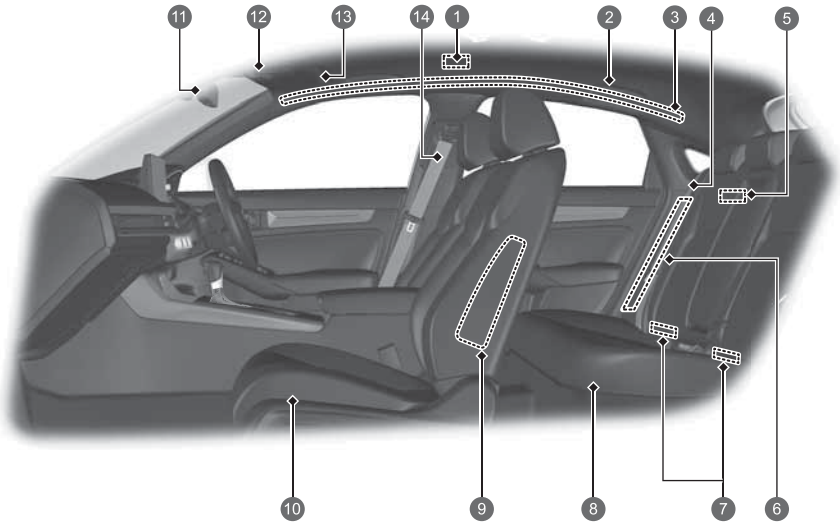
*Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Mục Lục Trực Quan

Loại Vô Lăng Bên Trái



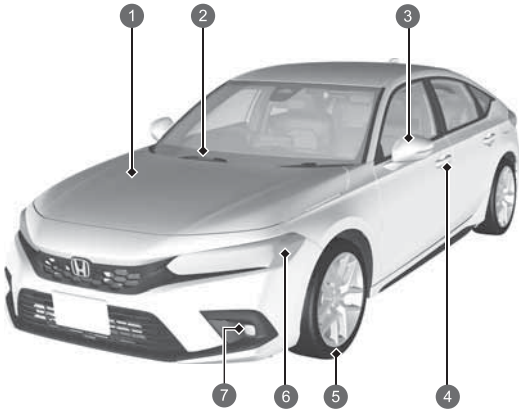
❶ Điều Khiển Gương Cửa Tr. 225
Công Tắc Khóa Cửa Chính Tr. 196
Công Tắc Cửa Kính Điện Tr. 203
❷ Túi Khí Trước Phía Người Lái Tr. 56
❸ Cổng USB Tr. 264
❹ Ổ Cắm Điện Phụ Kiện Tr. 245
❺ Túi Khí Trước Phía Hành Khách Tr. 56
❻ Hộp Đựng Đồ Tr. 237
❼ Túi Khí Đầu Gối Hành Khách Tr. 59
❽ Sạc Không Dây Tr. 246
❾ Công Tắc Chế Độ Lái Tr. 424
Nút +R Tr. 425
Công Tắc Phanh Đỗ Điện Tr. 555
Nút Giữ Phanh Tự Động Tr. 563
❿ Cần Số Tr. 410
⓫ Túi Khí Đầu Gối Người Lái Tr. 59
⓬ Hộp Cầu Chì Trong Xe Tr. 710
⓭ Lẫy Nhả Nắp Ca-pô Tr. 608



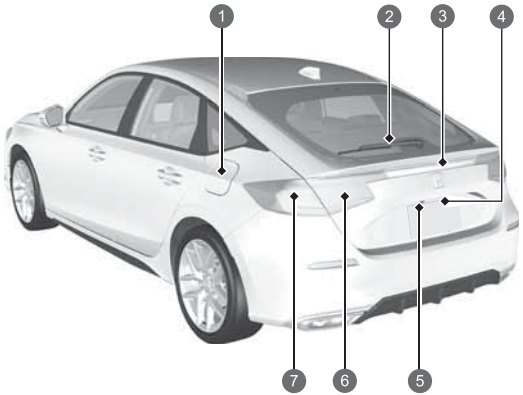
1. **Đèn Trần** Tr. 236
2. **Tay Nắm Cửa**
   Móc Treo Áo Tr. 241
3. **Túi Khí Rèm** Tr. 66
4. **Dây Đai An Toàn (Lắp Đặt Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em)** Tr. 101
   Dây Đai An Toàn để Cố Định Hệ Ghế Ngồi Trẻ Em) Tr. 103
5. **Đèn Khoang Hành Lý**
6. **Túi Khí Bên Sau*** Tr. 63
7. **Các Điểm Móc Neo Dưới để Cố Định Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em** Tr. 95
8. **Ghế Sau** Tr. 230
9. **Túi Khí Phía Trước** Tr. 63
10. **Ghế Trước** Tr. 226
11. **Gương Chiếu Hậu** Tr. 224
12. **Đèn Đọc Sách** Tr. 236
13. **Tấm Che Nắng**
    Gương Cá Nhân
14. **Dây Đai An Toàn** Tr. 43

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Mục Lục Trực Quan



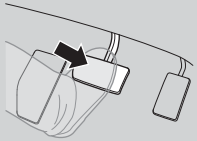
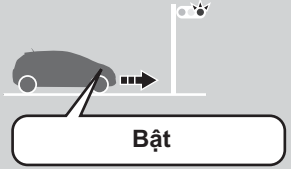
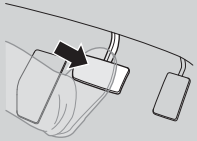
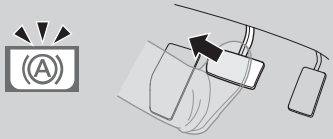
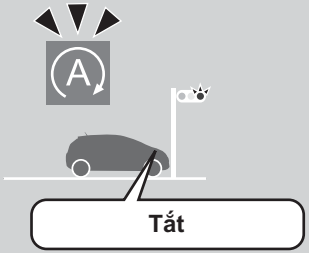
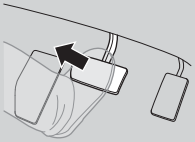
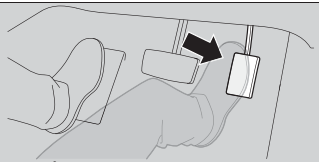
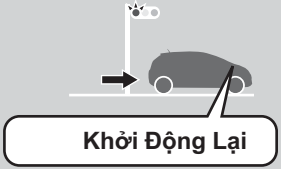
1 Bảo Dưỡng Dưới Nắp Ca-pô Tr. 606
2 Cần Gạt Nước Kính Chắn Gió Tr. 217, 633
3 Gương Cửa Điện Tr. 225
Đèn Xi Nhan Bên Tr. 210, 625
4 Điều Khiển Khóa/Mở Khóa Cửa Tr. 187
5 Lốp Xe Tr. 636, 664
6 Đèn Chiếu Sáng Tr. 208, 625
Đèn Vị Trí/Đèn Ban Ngày Tr. 208, 213, 625
Đèn Xi Nhan Trước Tr. 210, 625
7 Đèn Sương Mù Trước* Tr. 212, 625



1 Cách Nạp Nhiên Liệu Tr. 584
2 Cần Gạt Nước Sau Tr. 219, 635
3 Đèn Phanh Cao Tr. 630
4 Mở/Đóng Cửa Hậu Tr. 199
Nút Nhả Cửa Hậu Tr. 200
Đèn Biển Số Sau Tr. 630
5 Camera Lùi Đa Hướng Tr. 581
6 Đèn Hậu Tr. 629
Đèn Lùi Tr. 629
Đèn Sương Mù Sau* Tr. 212, 630
7 Đèn Phanh/Đèn Hậu Tr. 626
Đèn Xi Nhan Sau Tr. 626

Chức Năng Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời*

Để cải thiện tiết kiệm nhiên liệu, hãy dừng và khởi động lại động cơ như hình minh họa dưới đây. Khi bật hệ thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời, đèn báo hệ thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời (xanh lục) sẽ sáng. Tr 414

Khi	Hộp số vô cấp	Trạng thái động cơ
Giảm Ga	**Giữ Phanh Tự Động Tắt** Tr. 561  **Giữ Phanh Tự Động Bật** Tr. 561  Nhấn bàn đạp phanh.	
Dừng	 Nhấn và giữ bàn đạp phanh.  Khi hệ thống giữ phanh tự động hoạt động, bạn có thể nhả bàn đạp phanh khi đèn báo Ⓐ (xanh lục) sáng.	
Khởi Động	 Nhả bàn đạp phanh.  Khi hệ thống giữ phanh tự động hoạt động, hãy nhấn bàn đạp ga.	

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

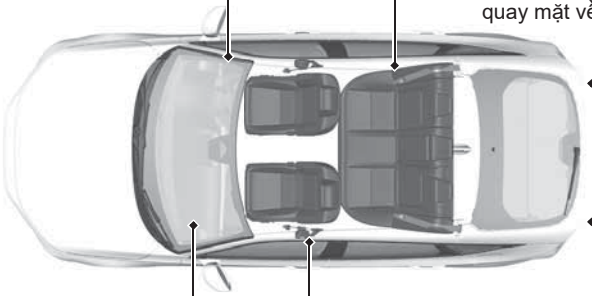
Lái Xe An Toàn Tr. 37

Danh Mục Kiểm Tra Trước Khi Lái Xe Tr 392

- Trước khi lái xe, hãy kiểm tra xem các ghế trước, tựa đầu*, vô lăng và các gương đã được điều chỉnh đúng chưa.

An Toàn Cho Trẻ Tr. 73

- Tất cả các trẻ em từ 12 tuổi trở xuống nên ngồi ở ghế sau.
- Trẻ nhỏ cần phải được bảo vệ an toàn bằng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước.
- Trẻ sơ sinh phải được bảo vệ an toàn bằng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau ở ghế sau.



Khí Xả Nguy Hiểm Tr. 110

- Xe của bạn thải ra một lượng khí xả nguy hiểm có chứa hàm lượng CO. Không được khởi động xe ở không gian hẹp, kín nơi có thể tích tụ CO.

Dây Đai An Toàn Tr. 43

- Thắt dây đai an toàn và ngồi đúng tư thế.
- Kiểm tra xem hành khách của bạn đã thắt dây đai an toàn đúng cách chưa.



Thắt dây đai an toàn hông càng thấp càng tốt.

Túi Khí Tr. 54

- Xe của bạn được trang bị các túi khí để bảo vệ bạn và hành khách trong các vụ va chạm với mức độ từ trung bình đến mạnh.

Bảng Điều Khiển Tr. 113

Đèn Báo Tr. 114/Đồng Hồ Đo Tr. 135/Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái Tr. 140, 155, 160

Loại xe có đồng hồ đo loại A



Nhiệt Độ Ngoài Trời Tr. 136

Đèn Viền Đồng Hồ Tr. 135

Đồng Hồ Đo Tốc Độ Động cơ Tr. 135

Đồng Hồ Đo Tốc Độ Xe Tr. 135

Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái Tr. 140

Đồng Hồ Đo Quãng Đường Tr. 136

Đồng Hồ Đo Nhiên Liệu Tr. 135

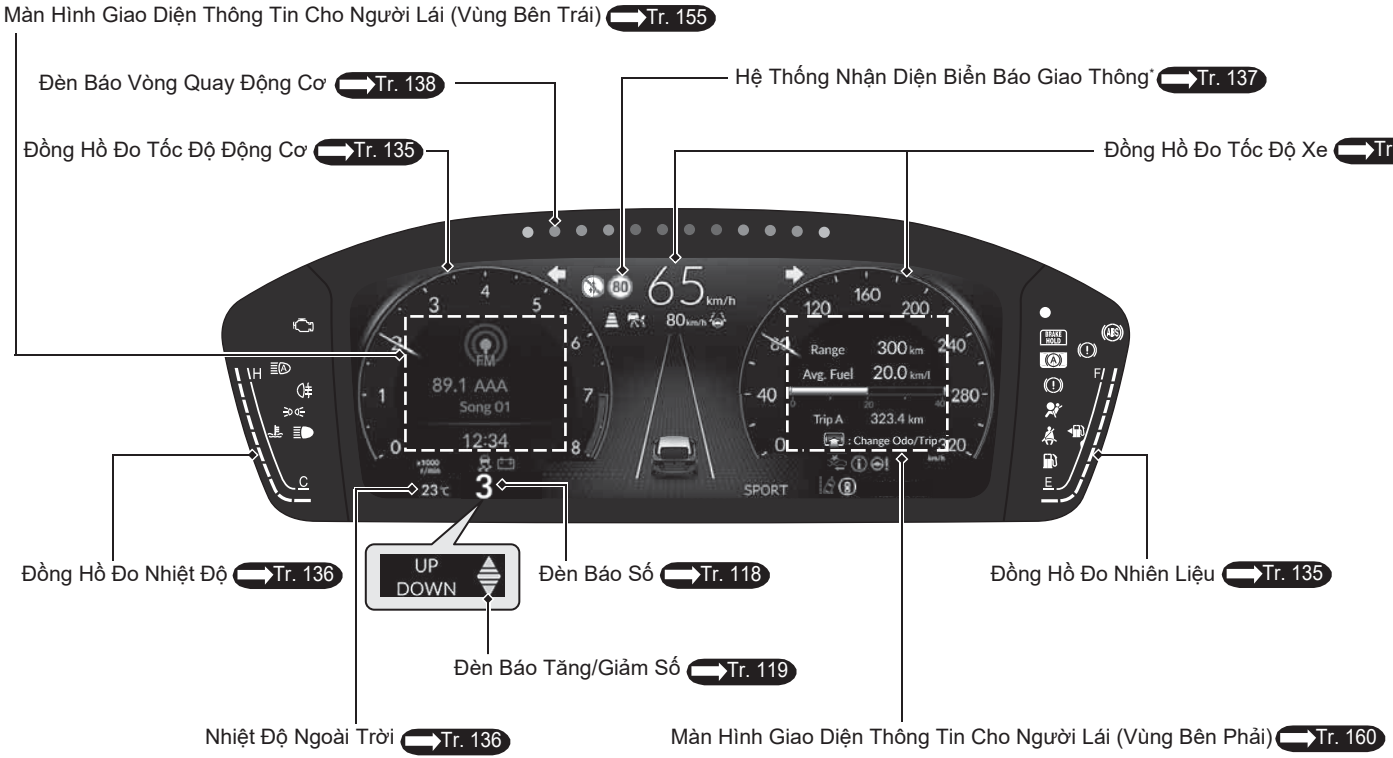
Đèn Báo **M** (chế độ sang số thường 7 cấp)/Đèn Báo Số Tr. 118

Đèn Báo Số/Đèn Báo Hệ Thống Số Tr. 118

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

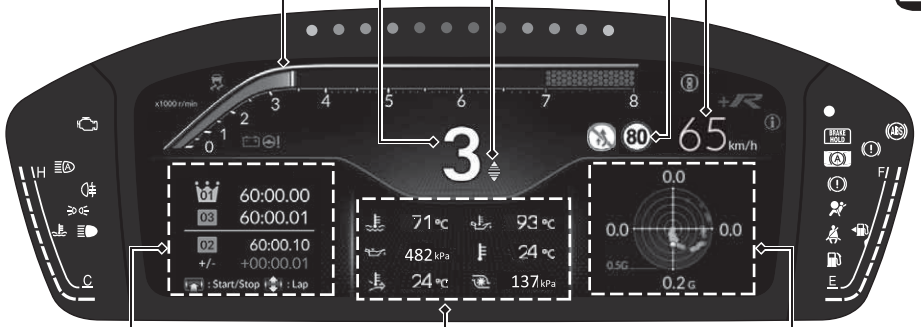
Loại xe có đồng hồ đo loại B

- Bạn có thể thay đổi kiểu hiển thị đồng hồ đo.
  Thay đổi kiểu hiển thị đồng hồ đo Tr. 179



Loại xe có đồng hồ đo loại B

● Khi sử dụng đồng hồ đo **+R**



Đèn Báo Số Tr. 118

Đồng Hồ Đo Tốc Độ Động Cơ Tr. 135

Đèn Báo Tăng/Giảm Số Tr. 119

Hệ Thống Nhận Diện Biển Báo Giao Thông Tr. 137

Đồng Hồ Đo Tốc Độ Xe Tr. 135

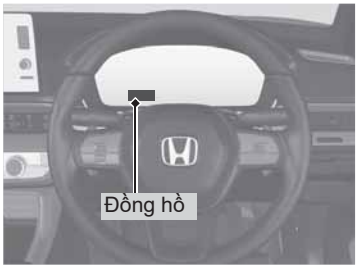
Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái (Vùng Bên Trái) Tr. 155

Thông Tin Về Xe Tr. 139

Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái (Vùng Bên Phải) Tr. 160

Điều Khiển Tr. 181

Đồng Hồ Tr. 182



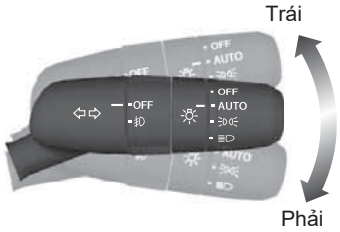
Nút ENGINE START/ STOP Tr. 205

- Ấn nút này để thay đổi chế độ nguồn của xe.



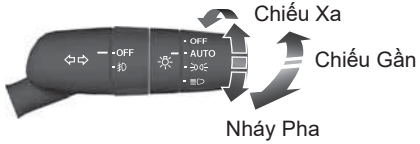
Xi Nhan Tr. 210

Cần Điều Khiển Xi Nhan



Đèn Tr. 208

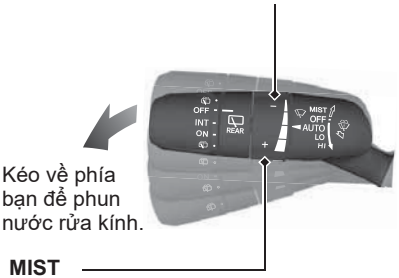
Công Tắc Điều Khiển Đèn



Cần Gạt Nước và Rửa Kính Tr. 219

Cần Điều Khiển Cần Gạt Nước/Rửa Kính

Vòng Điều Chỉnh
−: Độ nhạy thấp
+: Độ nhạy cao



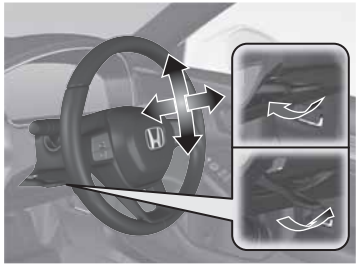
MIST
OFF
AUTO: Gạt tự động
LO: Gạt tốc độ chậm
HI: Gạt tốc độ nhanh

Luôn **TẮT** chế độ **AUTO** trong các tình huống sau để tránh làm hỏng hệ thống cần gạt nước:

- Vệ sinh kính chắn gió
- Rửa xe
- Không có mưa

Vô Lăng Tr. 223

- Để điều chỉnh, đẩy cần điều chỉnh xuống, điều chỉnh đến vị trí mong muốn, sau đó khóa cần về đúng vị trí.



Mở Khóa Cửa Trước từ Bên Trong

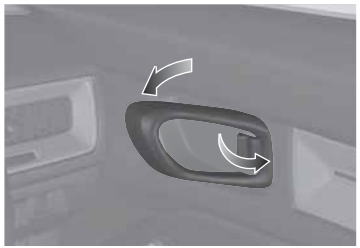
Tr. 195

Ngoại trừ loại xe Việt Nam

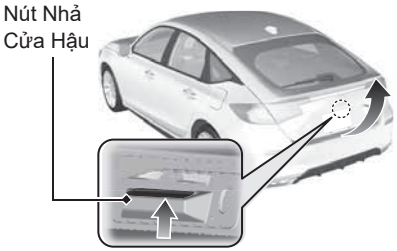
- Kéo tay nắm bên trong cửa người lái để mở khóa và mở cửa cùng một lúc.

Loại xe Việt Nam

- Kéo một trong hai tay nắm bên trong cửa trước để mở khóa và mở cửa cùng một lúc.



Cửa Hậu Tr. 199

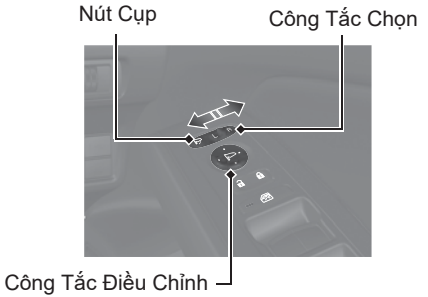


- Ấn nút nhả cửa hậu để mở khóa và mở cửa hậu khi bạn mang theo chìa khóa điều khiển từ xa.

Gương Cửa Điện

Tr. 225

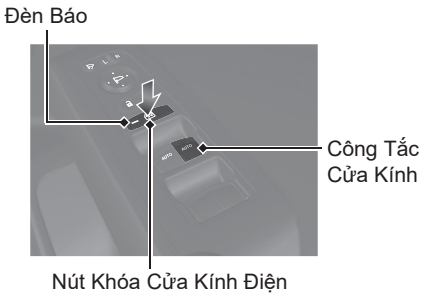
- Khi chế độ nguồn ở BẬT, gạt công tắc chọn đến **L** hoặc **R**.
- Ấn các mép tương ứng của công tắc điều chỉnh để điều chỉnh gương.
- Ấn nút cụp để cụp và mở các gương cửa.



Cửa Kính Điện

Tr. 203

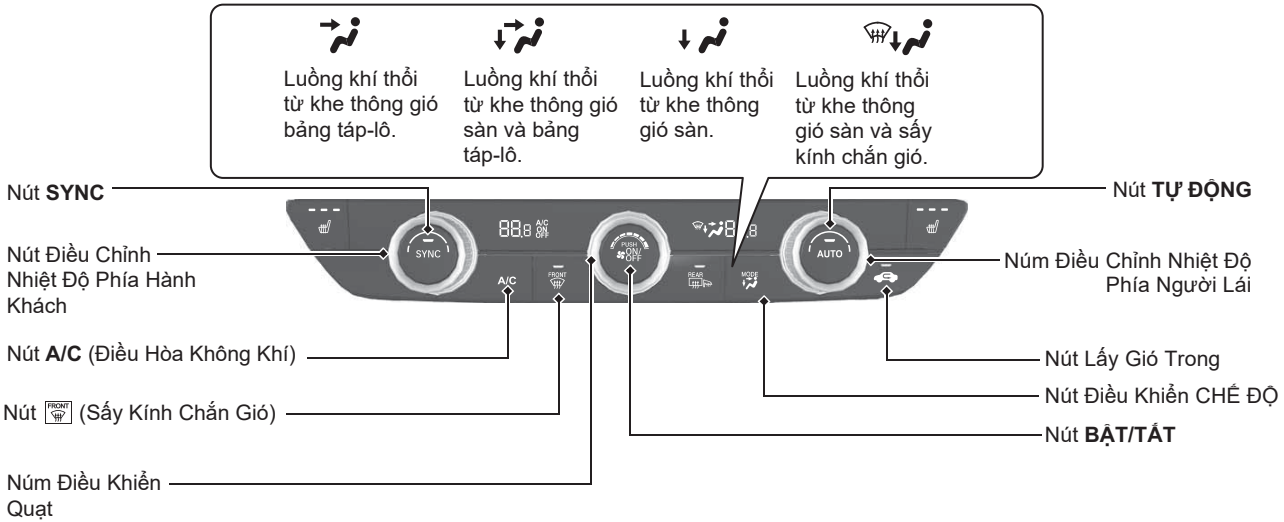
- Mở và đóng các cửa kính điện khi chế độ nguồn ở BẬT.
- Nếu nút khóa cửa kính điện ở vị trí tắt, có thể mở và đóng từng cửa kính điện hành khách bằng công tắc của mỗi cửa.
- Nếu nút khóa cửa kính điện ở vị trí bật (đèn báo sáng), các công tắc cửa kính điện phía hành khách sẽ không thể hoạt động.

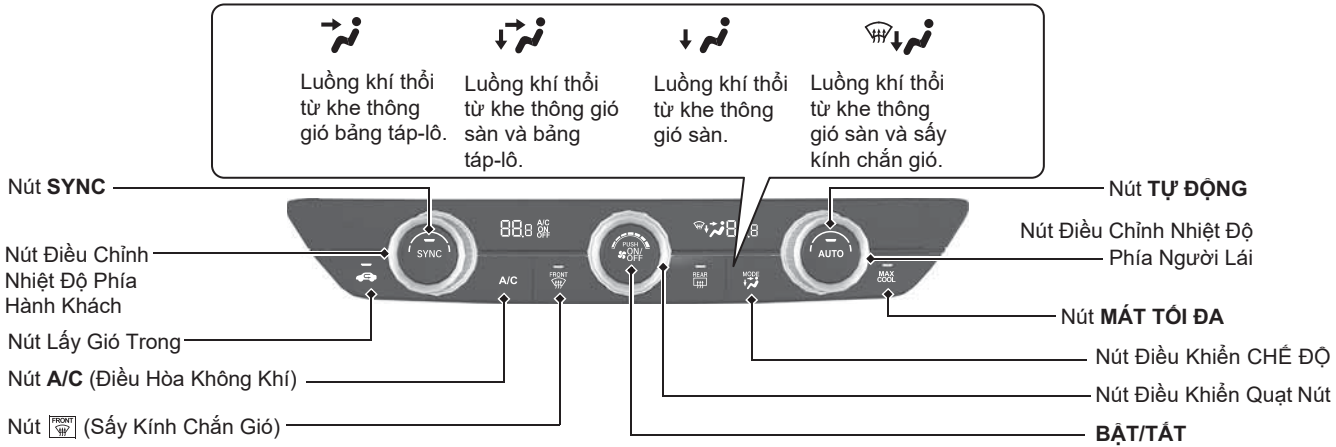


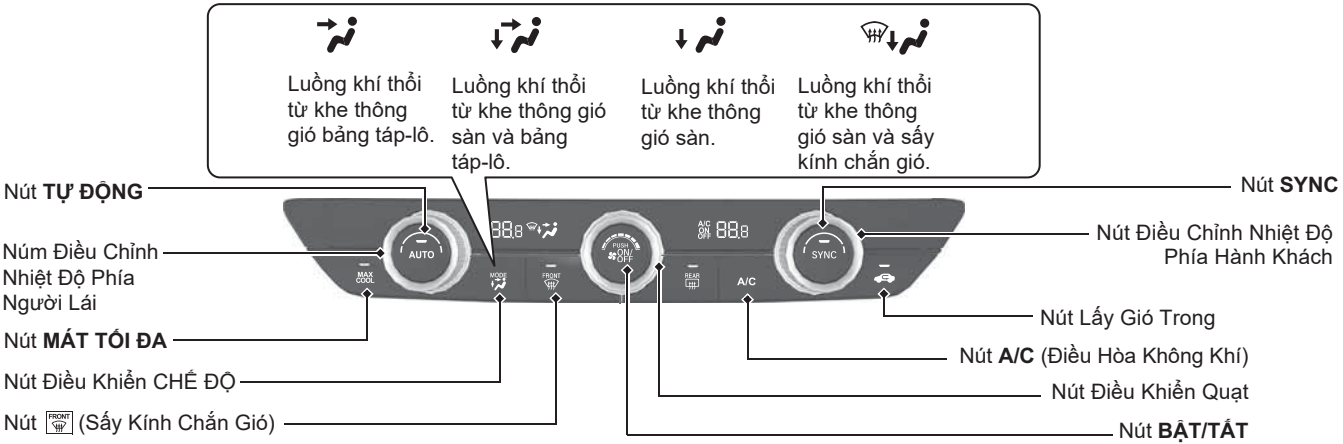
Hệ Thống Điều Khiển Nhiệt độ Tr. 250

- Ấn nút **AUTO** để kích hoạt hệ thống điều khiển nhiệt độ.
- Ấn nút ON/OFF để bật hoặc tắt hệ thống.
- Ấn nút FRONT để làm tan sương kính chắn gió.

Loại xe không có nút MAX COOL (MÁT TỐI ĐA)




Luồng khí thổi từ khe thông gió bảng táp-lô.
Luồng khí thổi từ khe thông gió sàn và bảng táp-lô.
Luồng khí thổi từ khe thông gió sàn.
Luồng khí thổi từ khe thông gió sàn và sấy kính chắn gió.
Nút SYNC
Nút Điều Chỉnh Nhiệt Độ Phía Hành Khách
Nút Lấy Gió Trong
Nút A/C (Điều Hòa Không Khí)
Nút (Sấy Kính Chắn Gió)
Nút TỰ ĐỘNG
Nút Điều Chỉnh Nhiệt Độ Phía Người Lái
Nút MÁT TỐI ĐA
Nút Điều Khiển CHẾ ĐỘ
Nút Điều Khiển Quạt Nút
BẬT/TẮT
SYNC
A/C
AUTO
MAX COOL
MODE
REAR
FRONT


Luồng khí thổi từ khe thông gió bảng táp-lô.
Luồng khí thổi từ khe thông gió sàn và bảng táp-lô.
Luồng khí thổi từ khe thông gió sàn.
Luồng khí thổi từ khe thông gió sàn và sấy kính chắn gió.
Nút TỰ ĐỘNG
Núm Điều Chỉnh Nhiệt Độ Phía Người Lái
Nút MÁT TỐI ĐA
Nút Điều Khiển CHẾ ĐỘ
Nút (Sấy Kính Chắn Gió)
Nút SYNC
Nút Điều Chỉnh Nhiệt Độ Phía Hành Khách
Nút Lấy Gió Trong
Nút A/C (Điều Hòa Không Khí)
Nút Điều Khiển Quạt
Nút BẬT/TẮT
AUTO
SYNC
A/C

Tính Năng Tr 259

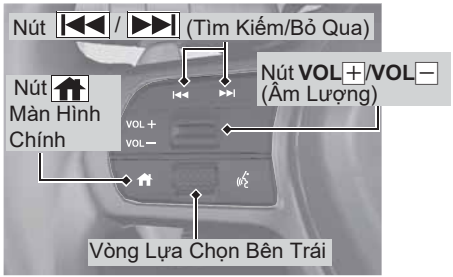
Hệ Thống Âm Thanh Tr 260

Về hoạt động của hệ thống định vị Tham khảo Tài Liệu Hướng Dẫn Sử Dụng Hệ Thống Định Vị

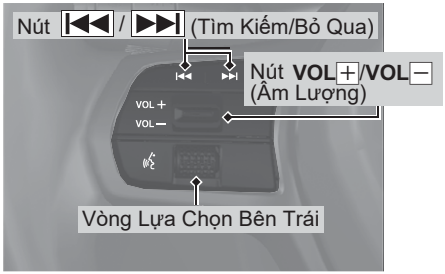


Điều Khiển Âm Thanh Từ Xa Tr. 265

Loại xe có đồng hồ đo loại A



Loại xe có đồng hồ đo loại B



- Nút **VOL+/VOL−** (Âm Lượng)
  Ấn để tăng/giảm âm lượng.
- Vòng Lựa Chọn Bên Trái

Loại xe có đồng hồ đo loại A

Khi chọn chế độ âm thanh

Ấn nút (màn hình chính), sau đó cuộn lên hoặc cuộn xuống để chọn (âm thanh) trên màn hình giao diện thông tin cho người lái, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.

Cuộn lên hoặc cuộn xuống: Để chuyển sang các chế độ âm thanh, cuộn lên hoặc cuộn xuống, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái:
FM/AM/DAB/iPod/USB/Apple CarPlay/ Android Auto/Âm Thanh *Bluetooth*®

Loại xe có đồng hồ đo loại B

Cuộn lên hoặc cuộn xuống: Để chuyển sang các chế độ âm thanh, cuộn lên hoặc cuộn xuống, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái:
Back/Phone/FM/DAB*/AM/USB/Bluetooth/ Ứng dụng/Màn hình tùy chọn

Các chế độ có thể thay đổi tùy thuộc vào thiết bị được kết nối.

- Nút |◀◀ / ▶▶| (Tìm Kiếm/Bỏ Qua)
  Đài: Ấn nút |◀◀ / ▶▶| để chuyển kênh cài đặt sẵn.
  Khi Kết Nối iPod, USB, Âm Thanh *Bluetooth*® hoặc Điện Thoại Thông Minh:
  Ấn |◀◀ / ▶▶| để bỏ qua đến phần đầu của bài hát tiếp theo hoặc quay lại phần đầu của bài hát đang phát.
  Đài: Ấn và giữ |◀◀ / ▶▶| để chuyển sang kênh có tín hiệu mạnh.
  USB: Ấn và giữ |◀◀ / ▶▶| để chuyển thư mục.
  Ấn và giữ |◀◀ / ▶▶| để chuyển sang bài hát khác.

Các thao tác có thể thay đổi tùy thuộc vào thiết bị được kết nối.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

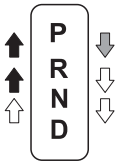
Lái Xe Tr. 391

Hộp Số Thường* Tr. 410

Hộp Số Vô Cấp* Tr. 404, 405

● Sang số [P] và nhấn bàn đạp phanh khi khởi động động cơ.

Sang Số





Nhấn bàn đạp phanh và ấn nút nhả cần số để sang số.



Sang số mà không ấn nút nhả cần số.



Ấn nút nhả cần số và sang số.



[P] **Số Đỗ**
Dùng khi đỗ xe hoặc khi khởi động động cơ.

[R] **Số Lùi**
Dùng khi lùi xe.

[N] **Số Không**
Hộp số không bị khóa.

[D] **Số Lái**
- Để lái thường.
- Khi lái tạm thời ở chế độ sang số thường 7 cấp.
- Khi lái ở chế độ sang số thường 7 cấp (Khi lái ở chế độ SPORT)

Chế Độ Sang Số Thường 7 Cấp Tr. 407

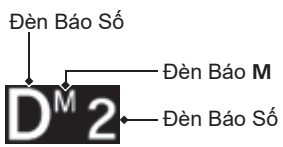
● Cho phép bạn tăng hoặc giảm số bằng tay mà không cần bỏ tay ra khỏi vô lăng.

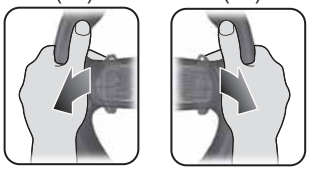
Khi cần số ở [D] ở chế độ SPORT

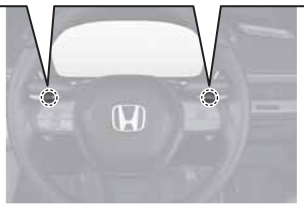
● Kéo lẫy sang số để thay đổi từ chế độ số vô cấp sang chế độ sang số thường 7 cấp.
● Đèn báo **M** và số cấp được chọn hiển thị trên đèn báo số.

Khi cần số ở [D]

● Kéo lẫy sang số để thay đổi tạm thời từ chế độ số vô cấp sang chế độ sang số thường 7 cấp. Số cấp được chọn sẽ hiển thị trên đèn báo số.







Bật và Tắt CMBS Tr. 464

- Khi khả năng xảy ra va chạm phía trước là không thể tránh được, CMBS có thể giúp bạn giảm tốc độ xe và giảm va chạm mạnh.
- CMBS bật mỗi khi bạn khởi động động cơ.
- Để bật hoặc tắt CMBS, sử dụng công tắc hỗ trợ an toàn.

Bật và Tắt VSA Tr. 445

- Hệ thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA) giúp ổn định xe khi vào cua và giúp duy trì bám đường khi xe tăng tốc trên bề mặt đường trơn hoặc lầy.
- VSA tự động sáng mỗi khi bạn khởi động động cơ.
- Để bật hoặc tắt chức năng VSA, ấn và giữ nút (TẮT VSA) đến khi bạn nghe thấy tiếng bíp.

Hệ Thống Giới Hạn Tốc Độ Có Thể Điều Chỉnh* Tr. 431

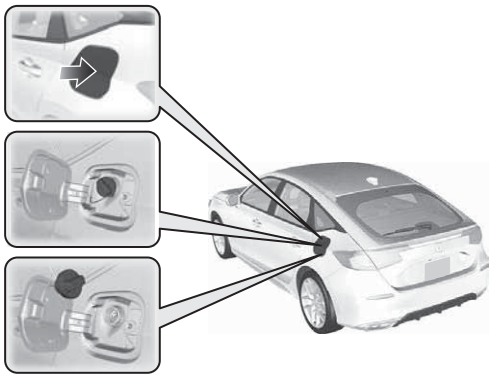
Hệ thống này giúp bạn không vượt quá tốc độ tối đa ngay cả khi bạn nhấn bàn đạp ga.

- Để sử dụng hệ thống giới hạn tốc độ có thể điều chỉnh, ấn nút . Chọn giới hạn tốc độ có thể điều chỉnh bằng cách ấn nút **LIM**, sau đó ấn lên hoặc xuống nút **RES/+/SET/-** khi xe đạt được tốc độ mong muốn.
- Có thể thiết lập tốc độ giới hạn của xe từ khoảng 30 km/h đến khoảng 320 km/h.

Nạp Nhiên Liệu Tr. 583

Nhiên liệu khuyên dùng:	Loại xe có hộp số vô cấp **Xăng không chì, chỉ số Octan 91 trở lên** Loại xe số sàn Ngoại trừ loại xe Thái Lan **Xăng cao cấp không chì, chỉ số Octan 95 trở lên** Loại xe Thái Lan **Xăng cao cấp không chì/pha cồn lên tới E10 (90% xăng và 10% ethanol), chỉ số Octan 95 trở lên**
Dung tích bình nhiên liệu:	**47 L**

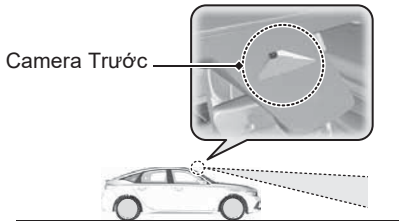
1. Mở khóa cửa người lái. Tr. 195
2. Ấn mép cửa nạp nhiên liệu để cho cửa bật lên nhẹ nhàng.
3. Xoay từ từ nắp bình nhiên liệu để tháo nắp.
4. Đặt nắp lên ngăn cửa nạp nhiên liệu.
5. Sau khi nạp nhiên liệu, vặn nắp lại cho đến khi nghe thấy ít nhất một tiếng tách.



* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Honda Sensing Tr. 456

Honda Sensing là một hệ thống hỗ trợ lái xe sử dụng camera trước được gắn ở phía trong kính chắn gió, phía sau gương chiếu hậu.



Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS) Tr. 460

Hệ thống có thể hỗ trợ bạn khi xe có nguy cơ va chạm với xe (gồm cả xe máy) vượt lên từ phía sau, xe đang đến từ phía trước, người đi bộ hoặc người đang đi xe đạp (xe đạp chuyển động).
CMBS có chức năng cảnh báo bạn khi xác định có khả năng va chạm, đồng thời hỗ trợ giảm tốc độ xe nhằm tránh va chạm và giảm thiểu nguy cơ thương vong do va chạm.

Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp* Tr. 473

Giúp duy trì tốc độ xe ổn định và thiết lập khoảng cách an toàn giữa xe bạn với xe phía trước, và nếu phát hiện xe phía trước chuẩn bị dừng lại, hệ thống sẽ giảm tốc độ xe và dừng xe mà bạn không cần giữ chân lên bàn đạp phanh hay bàn đạp ga.

Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC)* Tr. 490

Giúp duy trì tốc độ xe ổn định và thiết lập khoảng cách an toàn giữa xe bạn với xe phía trước mà bạn không cần giữ chân lên bàn đạp phanh hay bàn đạp ga.

Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS) Tr. 508

Hỗ trợ đánh lái nhằm duy trì xe ở giữa làn đường, và nếu phát hiện xe nằm ngoài làn đường, hệ thống sẽ đưa ra các cảnh báo dưới dạng hình ảnh, âm thanh và rung vô lăng.

Hệ Thống Hỗ Trợ Lái Xe Khi Tắc Đường * Tr. 521

Hệ thống Hỗ Trợ Lái Xe Khi Tắc Đường sử dụng camera trước được gắn vào phía trên của kính chắn gió để phát hiện và giám sát các vạch phân cách làn đường bên trái và bên phải màu trắng (hoặc vàng).
Dựa trên hình ảnh từ camera chụp được, hệ thống tác động mô-men lực lên hệ thống lái để giữ xe của bạn đi ở giữa làn đường được phát hiện.

Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường Tr. 530

Loại Australia và New Zealand

Cảnh báo và hỗ trợ bạn khi hệ thống xác định xe bạn có nguy cơ chệch ra khỏi vạch phân cách làn đường được phát hiện, hoặc phát hiện xe bạn sắp đi ra ngoài lề đường (vào vệ cỏ hoặc sỏi) hoặc phát hiện có xe đang đến gần.

Ngoại trừ loại xe Australia và New Zealand

Cảnh báo và hỗ trợ bạn khi hệ thống xác định khả năng xe bạn vô tình cắt ngang qua vạch phân cách làn đường và/hoặc ra khỏi làn đường xe chạy.

Hệ Thống Nhận Diện Biển Báo Giao Thông*

Tr. 543

Nhắc nhở bạn về thông tin biển báo đường bộ, chẳng hạn như xe của bạn đang vượt quá biển báo giới hạn tốc độ và cho hiển thị thông tin đó trên đồng hồ đo.

Hệ Thống Cảnh Báo Xe Phía Trước Khởi Hành* Tr. 549

Đưa ra thông báo bằng hình ảnh và âm thanh khi xe bạn dừng lại nhưng xe phía trước lại bắt đầu di chuyển.

Bảo Dưỡng Tr. 589

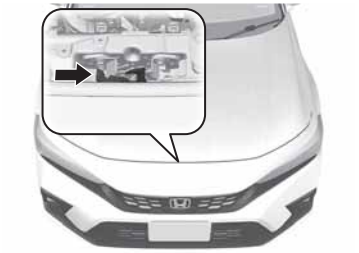
Dưới Nắp Ca-pô Tr. 606

- Kiểm tra dầu động cơ, nước làm mát động cơ và nước rửa kính chắn gió. Bổ sung nếu cần
- thiết. Kiểm tra dầu phanh/ly hợp*.
- Kiểm tra tình trạng ắc quy hàng tháng.

1. Kéo lẫy nhả nắp ca-pô ở bên dưới góc của bảng táp-lô.



2. Xác định vị trí cần chốt nắp ca-pô, đẩy cần sang bên sau đó nâng nắp ca-pô lên. Khi đã nâng nhẹ nắp ca-pô lên, bạn có thể bỏ tay khỏi cần.



3. Khi thực hiện xong, đóng nắp ca-pô và đảm bảo nắp ca-pô đã được khóa chắc chắn vào đúng vị trí.

Lưỡi Gạt Nước Tr. 633

- Thay lưỡi gạt nếu nó để lại vệt trên kính chắn gió hoặc có tiếng ồn.



Đèn Tr. 625

- Kiểm tra tất cả các đèn thường xuyên.

Lốp Xe Tr. 636

- Kiểm tra lốp và bánh xe thường xuyên.
- Kiểm tra áp suất lốp thường xuyên.
- Lắp lốp mùa đông khi lái xe vào mùa đông.

Xử Lý Sự Cố Bất Ngờ Tr. 661

Xẹp Lốp Tr. 664

Loại xe có dụng cụ vá lốp khẩn cấp

- Đỗ xe ở nơi an toàn và vá lốp xẹp bằng dụng cụ vá lốp.

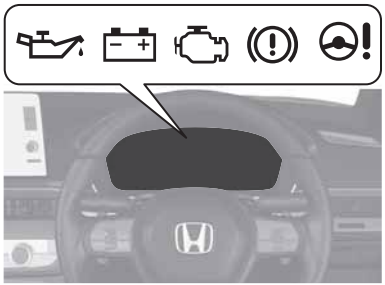
Loại xe có lốp dự phòng loại nhỏ

- Đỗ xe ở nơi an toàn và lấy lốp dự phòng trong khoang hành lý để thay cho lốp bị xẹp.



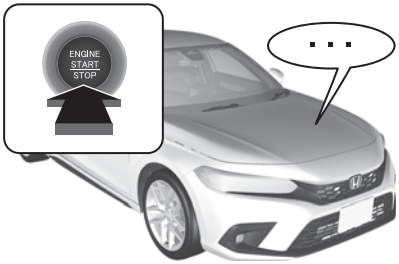
Đèn Báo Sáng Tr. 703

- Tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng để nhận diện đèn báo.



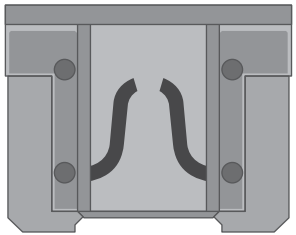
Động Cơ Không Khởi Động Tr. 689

- Nếu ắc quy chết, mồi khởi động bằng ắc quy tăng cường.



Nổ Cầu Chì Tr. 708

- Kiểm tra nổ cầu chì nếu có một thiết bị điện không hoạt động.



Quá Nhiệt Tr. 699

- Đỗ xe ở nơi an toàn. Nếu bạn không nhìn thấy hơi nước dưới nắp ca-pô, hãy mở nắp ca-pô và để cho máy nguội.



Kéo Xe Khẩn Cấp Tr. 715

- Hãy gọi dịch vụ kéo xe chuyên nghiệp nếu bạn cần kéo xe.



* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Làm Gì Nếu

Q **Tại sao không thể thay đổi chế độ nguồn từ TẮT MÁY (KHÓA) sang PHỤ KIỆN?**

A
- Vô lăng có thể bị khóa.
- Xoay vô lăng sang trái và sang phải sau khi ấn nút **ENGINE START/STOP**.



Q Loại xe có hộp số vô cấp

Tại sao không thể thay đổi chế độ nguồn từ PHỤ KIỆN sang TẮT MÁY (KHÓA)?

A Gạt cần số đến P.



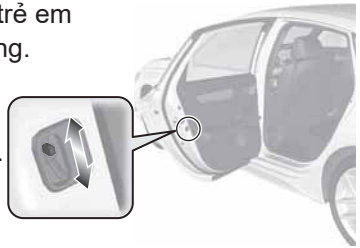
Q **Tại sao bàn đạp phanh lại rung nhẹ khi nhấn phanh?**

A Điều này có thể xảy ra khi ABS hoạt động, đó là điều bình thường. Nhấn bàn đạp phanh hết cỡ, chắc chắn. Không nhấp nhả bàn đạp phanh.

➡ **Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh (ABS)** ➡Tr. 567

Q **Tại sao không thể mở cửa sau từ bên trong xe?**

A Kiểm tra xem khóa trẻ em có ở vị trí khóa không. Nếu có, hãy mở cửa sau bằng tay nắm bên ngoài cửa. Để hủy chức năng này, gạt cần đến vị trí mở khóa.



Q **Tại sao các cửa khóa lại sau khi tôi mở khóa các cửa?**

A Nếu bạn không mở cửa trong vòng 30 giây, các cửa sẽ tự động khóa lại để đảm bảo an toàn.

Q **Tại sao tiếng bíp vang lên khi tôi mở cửa người lái?**

A Tiếng bíp vang lên khi:
- Chế độ nguồn ở PHỤ KIỆN.
- Các đèn ngoài xe còn sáng.
- Chế độ Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời* đang hoạt động.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Q **Tại sao tiếng bíp vang lên khi tôi ra khỏi xe và đã đóng cửa?**

A Tiếng bíp vang lên nếu bạn di chuyển chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* ra ngoài phạm vi hoạt động của chức năng tự động khóa cửa khi ra khỏi xe trước khi tất cả các cửa đóng hoàn toàn.

Khóa các cửa và cửa hậu (Tự động khóa cửa khi ra khỏi xe) Tr. 190

Q **Tại sao tiếng bíp vang lên khi tôi bắt đầu lái xe?**

A Tiếng bíp vang lên khi người lái và/hoặc bất kỳ hành khách nào không thắt dây đai an toàn.

Q **Tại sao khi ấn công tắc phanh đỗ điện mà phanh đỗ không nhả?**

A Ấn công tắc phanh đỗ điện và nhấn bàn đạp phanh.

Q **Tại sao nhấn bàn đạp ga mà phanh đỗ không tự động nhả?**

A
- Thắt dây đai an toàn người lái.
- Kiểm tra xem cần số có ở P * hoặc N không. Nếu có, chọn số khác.

Q **Tại sao tôi nghe thấy tiếng rít lên khi nhấn bàn đạp phanh?**

A Có thể cần thay má phanh. Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

Q Loại xe có động cơ 2.0 L ngoại trừ loại xe Hồng Kông và Ma Cao

Nên sử dụng xăng không chì với Chỉ Số Octan (RON) từ 95 trở lên.
Có thể sử dụng xăng không chì có Chỉ Số Octan (RON) 91 trở xuống cho loại xe này không?

A Dùng xăng có chỉ số Octan thấp có thể gây ra tiếng gõ kim loại trong động cơ và làm giảm hiệu suất động cơ.
Sử dụng xăng có chỉ số Octan dưới 91 sẽ làm hỏng động cơ.

Q Loại xe Hồng Kông và Ma Cao

Nên sử dụng xăng không chì với Chỉ Số Octan (RON) từ 98 trở lên.
Có thể sử dụng xăng không chì có Chỉ Số Octan (RON) 91 trở xuống cho loại xe này không?

A Dùng xăng có chỉ số Octan thấp có thể gây ra tiếng gõ kim loại trong động cơ và làm giảm hiệu suất động cơ.
Sử dụng xăng có chỉ số Octan dưới 91 sẽ làm hỏng động cơ.



Lái Xe An Toàn

Bạn có thể thấy nhiều khuyến cáo an toàn trong chương này và tài liệu hướng dẫn này.

Lái Xe An Toàn
- Chú Ý Quan Trọng Về An Toàn 38
- Tính Năng An Toàn Của Xe 40
- Danh Mục Kiểm Tra An Toàn 42

Dây Đai AnToàn
- Dây Đai An Toàn Của Xe 43
- Thắt Dây Đai An Toàn 48
- Kiểm Tra Dây Đai An Toàn 52
- Điểm Treo 53

Túi Khí
- Thành Phần Hệ Thống Túi Khí 54
- Loại Túi Khí 56
- Túi Khí Trước (SRS) 56
- Túi Khí Đầu Gối 59
- Túi Khí Bên 63
- Túi Khí Rèm 66
- Đèn Báo Hệ Thống Túi Khí 68
- Kiểm Tra và Thay Thế Túi Khí 69

Hệ Thống Bật Nắp Ca-pô*
- Hệ Thống Bật Nắp Ca-pô Của Xe 70
- Kiểm Tra Và Thay Thế Hệ Thống Bật Nắp Ca-Pô 72

An Toàn Cho Trẻ
- Bảo Vệ An Toàn Cho Trẻ 73
- An Toàn Cho Trẻ Sơ Sinh và Trẻ Nhỏ 76
- An Toàn Cho Trẻ Lớn 107

Khí Xả Nguy Hiểm
- Khí CO 110

Nhãn An Toàn
- Vị Trí Nhãn An Toàn 111

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Những trang sau đây trình bày về các tính năng an toàn của xe và cách sử dụng các tính năng đó một cách chính xác. Dưới đây là những chú ý về an toàn quan trọng nhất mà bạn cần lưu ý.

Chú Ý Quan Trọng Về An Toàn

■ Luôn thắt dây đai an toàn

Dây đai an toàn là thiết bị bảo vệ an toàn tốt nhất trong mọi tình huống va chạm. Túi khí được thiết kế để hỗ trợ dây đai an toàn, chứ không thay thế cho dây đai an toàn. Vì vậy, cho dù xe được trang bị túi khí, bạn và hành khách vẫn phải luôn thắt dây đai an toàn và thắt đúng cách.

■ Bảo vệ trẻ ở tất cả các lứa tuổi

Trẻ từ 12 tuổi trở xuống nên ngồi ở ghế sau, không nên ngồi ghế trước để đảm bảo an toàn. Trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ nên được bảo vệ bằng hệ thống ghế ngồi trẻ em. Trẻ lớn hơn nên sử dụng ghế lót đặc biệt và thắt dây đai an toàn hông/vai đến khi trẻ có thể sử dụng dây đai an toàn mà không cần đến ghế lót đặc biệt.

■ Chú ý những nguy hiểm khi sử dụng túi khí

Túi khí có thể bảo vệ an toàn, tuy nhiên nó cũng có thể làm người trên xe bị thương nếu ngồi quá gần túi khí, hoặc sử dụng không đúng cách. Trẻ sơ sinh, trẻ nhỏ, và người lớn có vóc dáng nhỏ bé là những đối tượng dễ gặp rủi ro nhất. Phải tuân theo những hướng dẫn và cảnh báo trong tài liệu này.

■ Không lái xe khi đã uống bia rượu

Lái xe khi đã uống bia rượu là một điều tối kị. Thậm chí một lượng nhỏ bia rượu cũng làm giảm khả năng phản xạ của bạn với thay đổi của xung quanh, và tốc độ phản ứng càng kém đi khi uống nhiều rượu bia. Do đó khi đã uống rượu bia thì không lái xe và cũng không để cho bạn bè của bạn làm như vậy.

Chú Ý Quan Trọng Về An Toàn

Một số quốc gia cấm sử dụng điện thoại di động ngoại trừ thiết bị điện thoại rảnh tay khi đang lái xe.

■ Tập trung lái xe an toàn

Nghe điện thoại hoặc làm những việc khác khi đang lái xe sẽ khiến bạn không tập trung vào đường đi, các phương tiện, và người đi đường khác từ đó có thể gây ra va chạm. Hãy nhớ rằng, tình huống có thể thay đổi rất nhanh và chỉ có bạn mới có thể quyết định khi nào đủ an toàn để chú ý đến điều khác.

■ Kiểm soát tốc độ

Tốc độ quá cao là nguyên nhân chính gây ra thương tích, tử vong trong các vụ va chạm. Thông thường, lái xe với tốc độ càng cao thì nguy cơ xảy ra tai nạn càng lớn, nhưng tai nạn nghiêm trọng cũng có thể xảy ra khi lái ở tốc độ chậm. Không được lái xe nhanh hơn mức an toàn trong điều kiện lúc đang lái, bất kể tốc độ tối đa được phép là bao nhiêu.

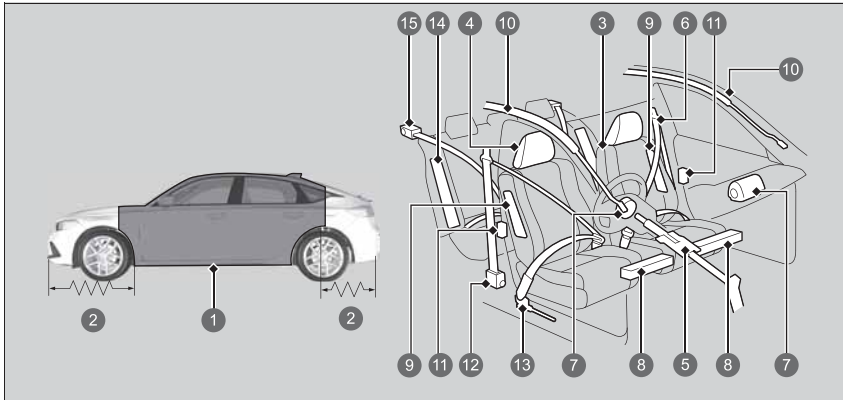
■ Giữ xe trong điều kiện hoạt động an toàn

Tình trạng xe bị xẹp lốp hoặc bị trục trặc kỹ thuật có thể cực kỳ nguy hiểm. Để giảm nguy cơ rủi ro, hãy kiểm tra áp suất lốp và các điều kiện khác thường xuyên cũng như duy trì bảo dưỡng định kỳ.

■ Luôn giám sát khi trẻ ngồi trên xe

Nếu trẻ nhỏ, vật nuôi và người khuyết tật ở trong xe mà không được giám sát cẩn thận thì có thể kích hoạt một hoặc nhiều chức năng điều khiển xe dẫn đến bị thương. Những đối tượng này có thể làm cho xe di chuyển, gây ra va chạm xe khiến họ và/hoặc (những) người khác bị thương hoặc tử vong. Ngoài ra, tùy theo nhiệt độ môi trường, nhiệt độ trong xe có thể tăng lên mức cao nhất, khiến họ bị nguy hiểm hoặc tử vong. Ngay cả khi hệ thống điều khiển nhiệt độ đang bật, cũng không được để họ trong xe một mình vì hệ thống điều khiển nhiệt độ có thể bị tắt bất cứ lúc nào.

Tính Năng An Toàn Của Xe



❶ Bộ Khung An Toàn
❷ Vùng Hấp Thụ Va Đập
❸ Ghế và Lưng Ghế
❹ Tựa Đầu
❺ Tay Lái Gật Gù
❻ Dây Đai An Toàn
❼ Túi Khí Trước
❽ Túi Khí Đầu Gối
❾ Túi Khí Bên Trước
❿ Túi Khí Rèm
⓫ Khóa Cửa
⓬ Bộ Căng Dây Đai An Toàn Ghế Trước
⓭ Bộ Căng Sớm Dây Đai An Toàn Hông Bên Ngoài
⓮ Túi Khí Bên Sau*
⓯ Bộ Căng Dây Đai An Toàn Ghế Sau*

Tính Năng An Toàn Của Xe

Xe của bạn được trang bị nhiều tính năng an toàn, hoạt động cùng với nhau để bảo vệ bạn và hành khách trong các vụ va chạm.

Có một số tính năng không yêu cầu bất kỳ thao tác nào của bạn. Những bộ phận này bao gồm bộ khung thép khoẻ tạo ra khung an toàn bao xung quanh khoang hành khách, vùng hấp thụ lực va đập lực phía trước và phía sau, tay lái gật gù và bộ căng dây đai an toàn để thắt chặt dây đai an toàn ghế trước và ghế sau bên ngoài* khi xảy ra va chạm.

Tuy nhiên, các tính năng an toàn này sẽ không phát huy hết tác dụng bảo vệ cho bạn và hành khách trừ khi bạn ngồi đúng vị trí và luôn thắt dây đai an toàn. Thực tế, một số tính năng an toàn có thể khiến bạn bị thương nếu không sử dụng đúng cách.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Bảng liệt kê những mục sau đây sẽ giúp bạn chủ động bảo vệ mình và hành khách.

Danh Mục Kiểm Tra An Toàn

Vì sự an toàn của bạn và hành khách, hãy kiểm tra những mục sau trước mỗi lần lái xe.

- Điều chỉnh ghế tới vị trí thích hợp để lái xe. Đảm bảo ghế trước được điều chỉnh càng lùi về phía sau càng tốt mà vẫn cho phép người lái có thể điều khiển xe. Ngồi quá gần túi khí trước có thể bị trọng thương hoặc thậm chí tử vong khi có va chạm.
  ➔ **Ghế Ngồi** Tr. 226

Ngoại trừ loại xe có động cơ 2.0 L

- Điều chỉnh tựa đầu tới vị trí thích hợp. Tựa đầu phát huy tác dụng nhất khi phần giữa của tựa đầu thẳng với phần giữa đầu bạn. Người có vóc dáng cao nên điều điều chỉnh tựa đầu tới vị trí cao nhất.
  ➔ **Điều Chỉnh Vị Trí Tựa Đầu Trước*** Tr. 233

- Luôn thắt dây đai an toàn và thắt đúng cách. Đảm bảo tất cả hành khách đều thắt đúng cách.
  ➔ **Thắt Dây Đai An Toàn** Tr. 48

- Bảo vệ trẻ em bằng dây đai an toàn hoặc sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em theo lứa tuổi, chiều cao và cân nặng.
  ➔ **An Toàn Cho Trẻ** Tr. 73

Danh Mục Kiểm Tra An Toàn

Nếu thông báo cửa và/hoặc cửa hậu mở xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái tức là cửa và/hoặc cửa hậu không đóng hoàn toàn. Hãy đóng chặt tất cả các cửa và cửa hậu cho đến khi thông báo biến mất.

➔ **Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái (Đồng Hồ Đo Loại A)** Tr. 160
➔ **Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái Vùng Bên Phải (Đồng Hồ Đo Loại B)** Tr. 160

Ngoại trừ loại xe Philippin



Loại xe Philippin



* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Dây Đai An Toàn Của Xe

Dây đai an toàn là thiết bị an toàn đơn giản hiệu quả nhất bởi vì nó giúp bạn liên kết với xe để có thể tận dụng rất nhiều tính năng an toàn bên trong. Dây đai an toàn giữ bạn không bị văng bên trong xe, văng vào các hành khách khác trên xe, hoặc văng ra khỏi xe. Khi được thắt đúng cách, dây đai an toàn sẽ giữ bạn ở tư thế thích hợp khi xảy ra va chạm để tận dụng tối đa chức năng bảo vệ phụ trợ của các túi khí.

Ngoài ra, dây đai an toàn giúp bảo vệ bạn hầu hết trong các tình huống va chạm, bao gồm:
- Va chạm phía trước
- Va chạm bên
- Va chạm phía sau
- Lộn vòng

Dây Đai An Toàn Của Xe

⚠CẢNH BÁO

Không thắt dây đai an toàn đúng cách có thể tăng nguy cơ trọng thương hoặc tử vong khi xảy ra va chạm, ngay cả khi xe bạn có túi khí.

Hãy đảm bảo bạn và hành khách của bạn luôn thắt dây đai an toàn và thắt đúng cách.

CẢNH BÁO: Dây đai an toàn được thiết kế để ôm trọn phần khung cơ thể, và nên được thắt thấp ngang qua phía trước phần xương chậu hoặc xương chậu, ngực và vai; tránh thắt dây đai an toàn hông qua vùng bụng.

CẢNH BÁO: Dây đai an toàn phải được điều chỉnh càng chắc chắn càng tốt, tạo sự thoải mái và có thể thực hiện chức năng bảo vệ như được thiết kế. Dây đai an toàn thắt lỏng sẽ giảm khả năng bảo vệ rất lớn cho người sử dụng.

CẢNH BÁO: Không nên xoắn vặn đai khi thắt dây đai an toàn.

CẢNH BÁO: Mỗi dây đai an toàn chỉ được sử dụng cho một người. Vòng dây đai an toàn ngang qua người trẻ đang ngồi trong lòng người sử dụng sẽ cực kỳ nguy hiểm.

Còn nữa

■ Dây đai an toàn hông/vai

Tất cả bốn hoặc năm ghế ngồi đều được trang bị dây đai an toàn hông/vai có bộ rút khóa khẩn cấp. Trong điều kiện lái xe thông thường, bộ rút khóa dây đai an toàn cho phép bạn di chuyển thoải mái mà vẫn giữ được lực căng cho dây đai. Khi va chạm hoặc xe dừng đột ngột, bộ rút sẽ khóa lại để bảo vệ cơ thể bạn.

Thắt dây đai an toàn đúng cách khi sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước.

➲ **Lắp Đặt Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em bằng Dây Đai An Toàn Hông/Vai** Tr.101

■ Sử dụng dây đai an toàn đúng cách

Tuân theo các hướng dẫn sau để sử dụng đúng cách:

- Tất cả mọi người phải ngồi thẳng, tựa lưng vào ghế và duy trì tư thế đó trong suốt chuyến đi. Ngồi thõng xuống và ngồi ngả người sẽ làm giảm hiệu quả bảo vệ của dây đai an toàn và làm tăng nguy cơ bị trọng thương khi xảy ra va chạm.
- Không được để phần vai của dây đai an toàn hông/vai dưới cánh tay hoặc sau lưng bạn để tránh bị trọng thương khi xảy ra va chạm.
- Không được sử dụng một dây đai an toàn cho hai người để tránh bị trọng thương khi xảy ra va chạm.
- Không được lắp thêm phụ kiện gì vào dây đai an toàn. Việc lắp các phụ kiện khiến bạn thấy thoải mái hơn hoặc đặt lại vị trí của phần đai vai của dây đai an toàn có thể làm giảm khả năng bảo vệ và tăng nguy cơ bị trọng thương khi xảy ra va chạm.

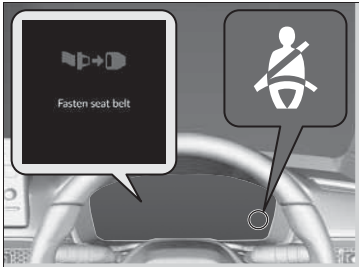
Dây Đai An Toàn Của Xe

Nếu bạn kéo dây đai an toàn ra quá nhanh, dây đai sẽ bị khóa lại. Nếu điều này xảy ra, hãy nhẹ nhàng rút dây đai an toàn, sau đó nới ra từ từ.

Dây đai an toàn không thể bảo vệ bạn trong tất cả các vụ va chạm. Nhưng trong hầu hết các trường hợp, dây đai an toàn có thể giảm nguy cơ bị trọng thương.

Hầu hết các quốc gia đều yêu cầu thắt dây đai an toàn. Hãy dành thời gian để tìm hiểu quy định của quốc gia mà bạn lái xe.

■ Nhắc Thắt Dây Đai An Toàn



■ Ghế trước

Hệ thống dây đai an toàn có một đèn báo trên bảng điều khiển để nhắc nhở người lái hoặc hành khách phía trước hoặc cả hai thắt dây đai an toàn. Nếu bạn đặt chế độ nguồn ở BẬT và không thắt dây đai an toàn, đèn báo sẽ sáng.

Tiếng bíp vang lên từng hồi và đèn báo sẽ nhấp nháy nếu bạn lái xe mà không thắt dây đai an toàn.

Nhắc Thắt Dây Đai An Toàn

Đèn báo cũng sẽ sáng nếu hành khách phía trước không thắt dây đai an toàn trong vòng sáu giây từ khi đặt chế độ nguồn ở BẬT.

Khi không có ai ngồi ở ghế hành khách phía trước, đèn báo sẽ không sáng và tiếng bíp không vang lên.

Nếu đèn báo sáng hoặc tiếng bíp vang lên mà không có ai ở ngồi ghế hành khách trước, hãy kiểm tra để đảm bảo:

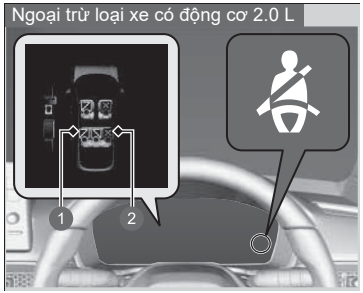
- Không có vật nặng nào trên ghế hành khách trước.
- Người lái đã thắt dây đai an toàn.

Nếu đèn báo không sáng khi hành khách ngồi vào ghế và không thắt dây đai an toàn, có thể cảm biến nhận biết người ngồi có sự cố.
Kiểm tra xem:

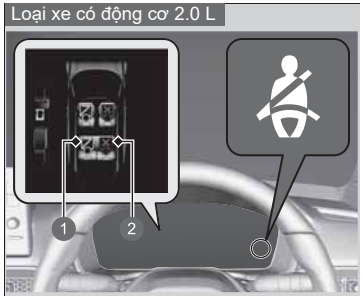
- Có đệm đặt trên ghế không.
- Hành khách phía trước ngồi đúng tư thế chưa.

Nếu không phải những trường hợp nói trên, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

Còn nữa



❶ Thắt
❷ Không Thắt



❶ Thắt
❷ Không Thắt

■ Ghế sau

Xe của bạn giám sát việc sử dụng dây đai an toàn ghế sau. Màn hình giao diện thông tin cho người lái sẽ thông báo cho bạn biết nếu người ngồi ghế sau không thắt dây đai an toàn ghế sau.

Màn hình hiển thị xuất hiện khi:

- Hành khách ngồi ghế sau không thắt dây đai an toàn khi đặt chế độ nguồn ở BẬT.
- Một cửa sau mở hoặc đóng.
- Có hành khách ngồi ghế sau thắt hoặc không thắt dây đai an toàn.

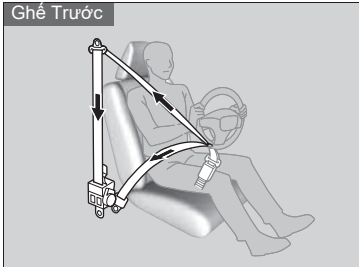
Đèn báo nhắc thắt dây đai an toàn nhấp nháy và tiếng bíp vang lên nếu hành khách ngồi ghế sau không thắt dây đai an toàn trong khi xe đang chạy.

Bộ Căng Dây Đai An Toàn Tự Động

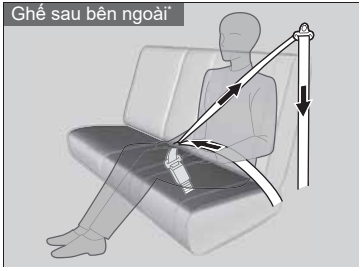
Các ghế trước và các ghế sau bên ngoài* được trang bị bộ căng dây đai an toàn tự động để làm tăng độ an toàn.

Bộ căng dây đai an toàn sẽ tự động siết chặt dây đai an toàn ghế trước và dây đai an toàn ghế sau bên ngoài* khi xảy ra va chạm trước với mức độ từ trung bình đến mạnh, thậm chí đôi khi nếu sự va chạm không đủ mạnh để làm bung túi khí phía trước hoặc túi khí đầu gối người lái và hành khách.

Ghế Trước



Ghế sau bên ngoài*



Bộ Căng Dây Đai An Toàn Tự Động

Chỉ có thể sử dụng bộ căng dây đai an toàn một lần duy nhất. Khi bộ căng dây đai an toàn được kích hoạt, đèn báo SRS sẽ sáng. Hãy đưa xe đến đại lý để thay bộ căng dây đai an toàn và kiểm tra toàn bộ hệ thống dây đai an toàn vì nó có thể không còn khả năng bảo vệ trong những lần va chạm sau đó.

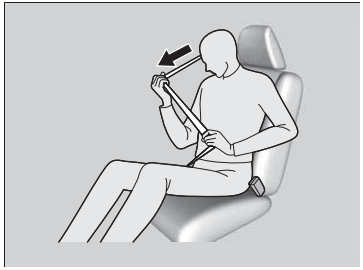
Khi có va chạm bên với mức độ từ trung bình đến mạnh, bộ căng dây đai an toàn ở cả hai bên xe cũng sẽ kích hoạt.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

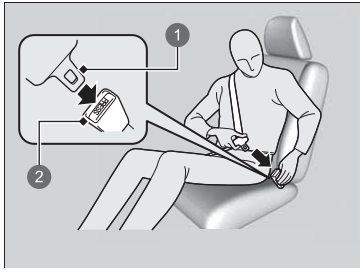
Thắt Dây Đai An Toàn

Sau khi điều chỉnh ghế trước đến vị trí phù hợp, hãy ngồi thẳng và tựa vào lưng ghế:

Ghế Ngồi Tr. 226



1. Kéo dây đai an toàn ra từ từ.



2. Gài đầu chốt vào trong ổ khóa, sau đó kéo dây đai để đảm bảo khóa chắc chắn.
► Đảm bảo dây đai an toàn không bị xoắn hoặc vướng vào bất kỳ vật gì.

❶ Đầu Chốt
❷ Khóa

Thắt Dây Đai An Toàn

Không để ai ngồi ghế có dây đai an toàn không hoạt động hoặc dây đai hoạt động không tốt. Sử dụng dây đai hoạt động không tốt sẽ không bảo vệ được hành khách khi xảy ra va chạm. Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra dây đai an toàn sớm nhất có thể.

Không được đưa bất kỳ vật gì vào khóa hoặc cơ cấu rút dây.

Nếu dây an toàn bị kẹt khóa ở vị trí rút lại hoàn toàn, hãy kéo mạnh dây đai vai một lần, sau đó đẩy dây đai trở lại.
Sau đó, từ từ kéo dây ra khỏi bộ rút và thắt dây đai.
Nếu bạn không thể nhả dây an toàn khỏi vị trí rút lại hoàn toàn, không để ai ngồi vào ghế và hãy đưa xe của bạn đến đại lý để sửa chữa.

Dây Đai An Toàn Của Xe Tr. 43
Kiểm Tra Dây Đai An Toàn Tr. 52



3. Điều chỉnh phần hông của dây đai càng thấp càng tốt qua hông bạn (xem hình), sau đó kéo phần đai vai của dây đai an toàn lên để khít vào phần hông. Làm như vậy để nếu có va chạm thì xương chậu là bộ phận khỏe trên cơ thể sẽ chịu lực và giảm nguy cơ bị nội thương.
4. Nếu cần thiết, kéo phần đai lần nữa để tránh dây đai bị chùng, sau đó kiểm tra xem phần đai có thắt ở giữa ngực và qua vai không. Việc này có tác dụng phân tán lực va chạm ra phần xương khỏe nhất của nửa phần trên cơ thể.

Thắt Dây Đai An Toàn

⚠CẢNH BÁO

Không thắt dây đai an toàn đúng cách có thể dẫn đến bị trọng thương hoặc tử vong nếu xảy ra va chạm.

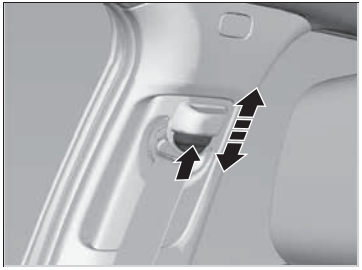
Đảm bảo thắt dây đai an toàn trước khi lái xe.

Để tháo dây đai an toàn, ấn nút **PRESS** màu đỏ, sau đó dùng tay dẫn dây đai an toàn đến khi dây đai rút lại hoàn toàn.
Khi bạn đã ra khỏi xe, đảm bảo xếp gọn dây đai an toàn để dây đai không vướng vào lối đi và không bị mắc khi đóng cửa.

Còn nữa

Điều Chỉnh Móc Neo Vai

Các ghế trước có móc neo vai có thể điều chỉnh để phù hợp với người dùng.



1. Di chuyển móc neo lên và xuống đồng thời giữ nút nhả.
2. Định vị móc neo sao cho dây đai chéo qua phần giữa ngực và vòng qua vai.

Điều Chỉnh Móc Neo Vai

Sau khi điều chỉnh, hãy cố định vị trí móc neo vai.

Có thể điều chỉnh độ cao móc neo vai theo bốn mức. Nếu dây đai an toàn chạm vào cổ bạn, hãy hạ chiều cao của móc neo vai từng mức một.

Lời Khuyên cho Phụ Nữ Mang Thai

Lời khuyên:

Nếu bạn là phụ nữ mang thai, cách tốt nhất để bảo vệ bạn và em bé trong bụng bạn khi lái hoặc ngồi trên xe là luôn thắt dây đai an toàn. Khi xác định vị trí của dây đai an toàn, thắt dây đai vai qua phần ngực, không thắt qua vùng bụng và giữ phần đai hông thắt ngang qua hông càng thấp càng tốt (Xem hình.)



Lời Khuyên cho Phụ Nữ Mang Thai

Mỗi lần bạn đi kiểm tra sức khoẻ, hãy hỏi bác sỹ xem bạn có thể lái xe không.

Để giảm nguy cơ xảy ra thương tích cho bạn và em bé trong bụng do nổ túi khí trước, hãy làm theo các hướng dẫn sau:

- Khi lái xe, ngồi thẳng lưng và điều chỉnh ghế càng lùi về phía sau càng tốt trong khi vẫn đảm bảo điều khiển xe thoải mái.
- Khi ngồi ở ghế hành khách phía trước, điều chỉnh ghế càng lùi về phía sau càng tốt.

Kiểm Tra Dây Đai An Toàn

Thường xuyên kiểm tra tình trạng của dây đai an toàn như sau:

- Kéo từng dây đai an toàn ra hết cỡ và kiểm tra xem có bị xước, cắt, cháy và mòn không.
- Kiểm tra xem các chốt và khóa hoạt động trơn tru không và các dây đai rút dễ dàng không.
  ▶ Nếu khi rút dây đai bị mắc, hãy làm sạch dây đai. Chỉ sử dụng xà phòng trung tính và nước ấm để lau. Không được dùng dung dịch tẩy hoặc dung môi để làm sạch. Đảm bảo lau khô dây đai an toàn trước khi nó rút lại.

Bất kỳ dây đai an toàn nào hoạt động không tốt hoặc trong điều kiện không tốt sẽ không có khả năng bảo vệ và cần được thay thế càng sớm càng tốt.
Nếu dây đai an toàn bị mòn do xe bị va chạm sẽ không đảm bảo hiệu quả bảo vệ trong lần va chạm sau. Hãy đến đại lý để kiểm tra dây đai an toàn sau mỗi lần va chạm.

Kiểm Tra Dây Đai An Toàn

⚠CẢNH BÁO

Không kiểm tra hoặc bảo dưỡng dây đai an toàn có thể gây trọng thương hoặc tử vong nếu dây đai an toàn không hoạt động tốt khi cần thiết.

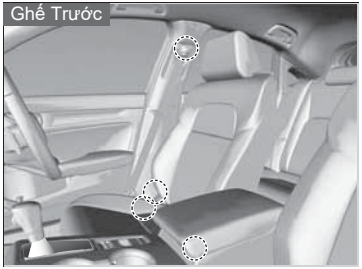
Thường xuyên kiểm tra dây đai an toàn và khắc phục sự cố càng sớm càng tốt.

CẢNH BÁO: Người sử dụng không được thay đổi hoặc thêm gì vào dây đai an toàn để tránh làm cản trở hoạt động của các thiết bị của dây đai an toàn hoặc cản trở dây đai tự điều chỉnh để không bị chùng.

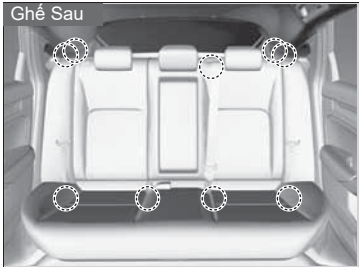
CẢNH BÁO: Phải thay cả cụm dây đai an toàn nếu đã xảy ra va chạm nghiêm trọng gây mòn dây đai, hoặc ngay cả khi dấu hiệu hư hỏng cụm dây đai là không rõ ràng.

CẢNH BÁO: Cần bảo quản dây đai an toàn để dây đai không bị bẩn do dầu bóng, dầu bôi trơn, hóa chất và đặc biệt là dung dịch axit của bình ắc quy. Hãy làm sạch dây đai an toàn bằng xà phòng trung tính và nước. Hãy thay dây đai nếu nó bị xơ xước, bị bẩn hoặc bị hỏng.

Điểm Treo

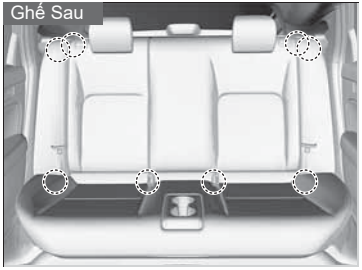


Khi thay thế dây đai an toàn, hãy sử dụng những điểm treo như hình vẽ. Ghế trước có một dây đai an toàn hông/vai.



Ngoại trừ loại xe có động cơ 2.0 L

Ghế sau có ba dây đai an toàn hông/vai.



Loại xe có động cơ 2.0 L

Ghế sau có hai dây đai an toàn hông/vai.

Thành Phần Hệ Thống Túi Khí

Túi khí trước, túi khí đầu gối người lái, túi khí đầu gối hành khách trước, túi khí bên*, và túi khí rèm nổ theo hướng và mức độ va chạm. Hệ thống túi khí bao gồm:

- Hai túi khí trước SRS (Hệ Thống Bảo Vệ Phụ Trợ) bao gồm túi khí phía người lái được đặt ở giữa vô lăng; túi khí phía hành khách trước được đặt trong bảng táp-lô. Cả hai được đánh dấu **SRS AIRBAG**.

- Hai túi khí đầu gối. Túi khí đầu gối người lái ở đặt ở dưới trụ lái; túi khí đầu gối hành khách trước đặt ở dưới hộp đựng đồ. Cả hai được đánh dấu **SIDE AIRBAG**.

Ngoại trừ loại xe Australia và New Zealand có động cơ 2.0L

- Hai túi khí bên, một cho người lái, một cho hành khách phía trước. Các túi khí được đặt ở cạnh ngoài của lưng ghế. Cả hai được đánh dấu **SIDE AIRBAG.**

Loại xe Australia và New Zealand có động cơ 2.0L

- Bốn túi khí bên, một cho người lái, một cho hành khách phía trước và hai cho ghế sau bên ngoài. Các túi khí được đặt ở cạnh ngoài của lưng ghế. Cả hai được đánh dấu **SIDE AIRBAG**.

- Hai túi khí rèm, mỗi bên xe có một chiếc. Các túi khí được đặt trên trần, phía trên cửa kính bên. Tại trụ phía trước và phía sau đều được đánh dấu **SIDE CURTAIN AIRBAG**.

- Khi chế độ nguồn ở BẬT, bộ điều khiển điện tử liên tục theo dõi thông tin về các cảm biến va chạm khác nhau, cảm biến dây đai an toàn và khóa, bộ kích hoạt túi khí, bộ căng dây đai an toàn và thông tin khác về xe. Khi xảy ra va chạm, bộ này sẽ ghi lại những thông tin đó.

- Bộ căng dây đai an toàn tự động cho các ghế trước và các ghế sau bên ngoài*.

- Các cảm biến va chạm có thể phát hiện va chạm có mức độ từ trung bình đến mạnh từ phía trước hoặc hai bên.

- Đèn báo trên bảng điều khiển sẽ cảnh báo cho bạn biết nếu hệ thống túi khí hoặc bộ căng dây đai an toàn có sự cố.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Thông Tin Quan Trọng Về Túi Khí

Túi khí có thể gây nguy hiểm nghiêm trọng. Khi hoạt động, túi khí phải nổ với một lực rất mạnh. Do đó, túi khí có thể bảo vệ tính mạng của bạn nhưng cũng có thể gây bỏng, thâm tím và một số thương tích nhẹ khác chí đôi khi sẽ gây tử vong nếu người ngồi trên xe không thắt dây đai an toàn đúng cách và ngồi không đúng tư thế.

Bạn cần phải làm gì: Luôn thắt dây đai an toàn đúng cách và ngồi thẳng người càng xa vô lăng càng tốt trong khi vẫn đảm bảo điều kiện lái xe thoải mái. Hành khách ngồi phía trước cần điều chỉnh ghế càng xa bảng táp-lô càng tốt.

Tuy nhiên, hãy nhớ rằng không có hệ thống an toàn nào có thể ngăn ngừa được mọi thương tích hoặc tử vong trong các vụ va chạm mạnh, thậm chí ngay cả khi đã thắt dây đai an toàn đúng cách và túi khí nổ.

Không được để vật nặng hoặc nhọn ở giữa bạn và túi khí trước.
Để các vật cứng hoặc sắc nhọn ở hông, hoặc vừa lái xe vừa hút tẩu thuốc hoặc ngậm một vật nhọn ở miệng có thể gây thương tích nếu túi khí trước nổ.

Không được gắn hoặc đặt bất cứ vật gì lên nắp túi khí trước, túi khí đầu gối người lái và túi khí đầu gối hành khách trước. Vật thể đặt trên nắp có đánh dấu **SRS AIRBAG** có thể cản trở hoạt động túi khí hoặc bị đẩy vào bên trong xe và gây thương tích nếu túi khí nổ.

Thông Tin Quan Trọng Về Túi Khí

Không được cố hủy kích hoạt túi khí. Túi khí cùng với dây đai an toàn sẽ mang lại sự bảo vệ tốt nhất.

Khi lái xe, để tay và cánh tay ngoài khu vực nổ của túi khí trước bằng cách nắm vào hai bên vô lăng. Không được vắt chéo tay qua phần nắp túi khí.

Loại Túi Khí

Xe của bạn được trang bị bốn loại túi khí:

- **Túi khí trước**: Các túi khí ở phía trước các ghế người lái và hành khách trước.
- **Túi khí đầu gối:** Các túi khí ở dưới trụ lái và dưới hộp đựng đồ.
- **Túi khí bên**: Các túi khí ở lưng ghế bên ngoài ghế người lái và hành khách trước và gần các ghế sau bên ngoài*.
- **Túi khí rèm**: Các túi khí ở phía trên cửa kính bên.

Từng loại túi khí được đề cập ở những trang sau đây.

Loại Túi Khí

Túi khí có thể nổ bất cứ khi nào chế độ nguồn ở BẬT.

Sau khi túi khí nổ khi xảy ra va chạm, bạn có thể thấy một thứ giống như khói bay ra. Đây thực chất là một loại bột tạo ra do quá trình cháy. Mặc dù bột này không có độc hại nhưng nó cũng gây khó chịu cho người hít phải. Trong trường hợp này, hãy ra khỏi xe càng nhanh càng tốt khi đã cảm thấy an toàn.

Túi Khí Trước (SRS)

Các túi khí SRS phía trước nổ khi có va chạm từ phía trước với mức độ từ trung bình đến mạnh giúp bảo vệ đầu và ngực của người lái và/hoặc hành khách trước.

SRS (Hệ Thống Bảo Vệ Phụ Trợ) cho biết túi khí được thiết kế chỉ để hỗ trợ, không phải thay thế cho dây đai an toàn. Dây đai an toàn là hệ thống bảo vệ quan trọng nhất.

■ Vị Trí Lắp Đặt

Các túi khí trước được đặt ở giữa vô lăng dành cho người lái và đặt trong bảng táp-lô là dành cho hành khách trước. Cả hai túi khí đều được đánh dấu **SRS AIRBAG**.

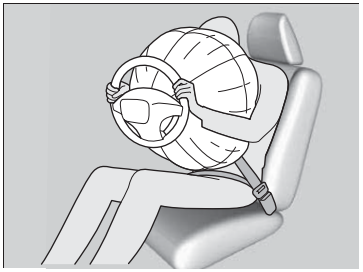
* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Hoạt Động

Túi khí trước sẽ nổ khi có va chạm từ phía trước với mức độ từ trung bình đến mạnh. Khi xe giảm tốc độ đột ngột, các cảm biến sẽ gửi thông tin đến bộ điều khiển. Bộ điều khiển sẽ quyết định một hoặc cả hai túi khí trước sẽ nổ.

Khi xảy ra va chạm từ phía trước có thể là vào đầu hoặc góc giữa hai xe, hoặc khi xe đâm vào một vật cố định, như tường bê tông.

Hoạt Động Của Túi Khí Trước



Trong khi dây đai an toàn bảo vệ phần thân của bạn thì túi khí trước hỗ trợ bảo vệ phần đầu và ngực.
Túi khí trước sẽ xẹp ngay nên nó không cản trở tầm quan sát, khả năng đánh lái hoặc điều khiển xe của người lái.

Túi khí nổ và xẹp đi nhanh tới mức hầu hết mọi người đều không nhận ra túi khí đã nổ cho đến lúc thấy nó đã nằm ngay trước mặt.

Còn nữa

■ Túi khí trước không nổ khi

Va chạm nhẹ từ phía trước: Túi khí trước được thiết kế để hỗ trợ dây đai an toàn và giúp bảo vệ tính mạng con người, chứ không giúp bạn tránh bị những vết xước nhẹ, thậm chí gãy xương trong trường hợp xảy ra va chạm từ phía trước với mức độ thấp hơn mức trung bình đến mạnh.

Va chạm bên: Túi khí trước có thể bảo vệ bạn khi xe đột ngột giảm tốc độ làm cho người lái hoặc hành khách phía trước nhào về phía trước. Túi khí bên và túi khí rèm được thiết kế đặc biệt để giúp giảm mức độ thương tích khi có va chạm bên với mức độ từ trung bình đến mạnh làm cho người lái hoặc hành khách xô sang một bên.

Va chạm phía sau: Tựa đầu và dây đai an toàn bảo vệ bạn tốt nhất khi có va chạm từ phía sau. Các túi khí trước không thể bảo vệ hiệu quả và không được thiết kế để nổ trong trường hợp va chạm này.

Xe bị lộn vòng: Dây đai an toàn và các túi khí rèm mang lại hiệu quả bảo vệ tốt nhất trong trường hợp xe bị lộn vòng. Túi khí phía trước có thể mang lại hiệu quả bảo vệ thấp vì chúng không được thiết kế để bảo vệ trong trường hợp này.

■ Túi khí trước nổ trong trường hợp hư hỏng nhỏ hoặc không rõ ràng

Vì hệ thống túi khí cảm nhận sự giảm tốc đột ngột, nên khi có va chạm mạnh vào phần khung hoặc hệ thống treo của xe sẽ làm cho một hoặc nhiều túi khí nổ. Ví dụ khi gầm xe va vào rìa đường, mép hố, hoặc những vật thể cố định khác phía dưới có thể khiến xe giảm tốc độ đột ngột. Vì va chạm từ phía gầm của xe nên hư hỏng có thể không thấy rõ.

■ Túi khí trước không nổ kể cả khi xe bị hư hỏng nặng bên ngoài

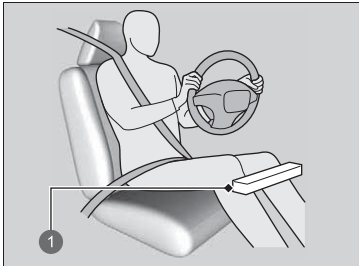
Do các bộ phận thân xe là phần hấp thụ lực va chạm trong trường hợp xe bị va chạm, nên không thể chỉ dựa vào mức độ hư hỏng bên ngoài mà có thể khẳng định túi khí của xe có hoạt động tốt hay không. Thực tế, một vài va chạm có thể dẫn đến hư hỏng nặng nhưng túi khí không nổ bởi vì trong trường hợp này túi khí không cần thiết hoặc không mang lại hiệu quả bảo vệ khi nổ.

Túi Khí Đầu Gối

Túi khí SRS đầu gối nổ với mức độ từ trung bình đến mạnh khi xảy ra va chạm trước để giữ người lái và/hoặc hành khách phía trước ở vị trí thích hợp và giúp tối đa hóa lợi ích do các tính năng an toàn khác của xe mang lại.

SRS (Hệ Thống Bảo Vệ Phụ Trợ) cho biết túi khí được thiết kế chỉ để hỗ trợ, không phải thay thế cho dây đai an toàn. Dây đai an toàn là hệ thống bảo vệ quan trọng nhất.

Vị Trí Lắp Đặt



1 Vị Trí Lắp Đặt Túi Khí Đầu Gối Người Lái

Một túi khí đầu gối dành cho người lái được đặt dưới trụ lái và túi khí còn lại dành cho hành khách phía trước được đặt bên dưới hộp đựng đồ.

Cả hai túi khí đều được đánh dấu **SRS AIRBAG.**

Túi Khí Đầu Gối

Không được gắn thêm phụ kiện vào hoặc gần túi khí đầu gối để không làm cản trở túi khí hoạt động, hoặc không làm ai đó bị thương khi túi khí nổ.

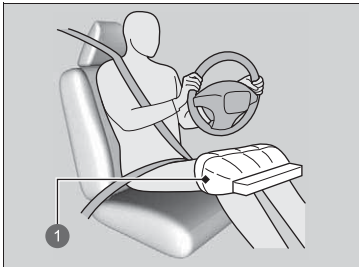
Người lái và hành khách phía trước không nên để bất kỳ vật dụng nào dưới ghế ngồi hoặc sau chân của họ. Các vật dụng này có thể làm túi khí nổ không đúng cách khi xảy ra va chạm trực diện với mức độ từ trung bình đến mạnh và có thể ảnh hưởng đến hiệu quả bảo vệ của túi khí.

Còn nữa



❶ Vị Trí Lắp Đặt Túi Khí Đầu Gối Hành Khách

■ Hoạt Động

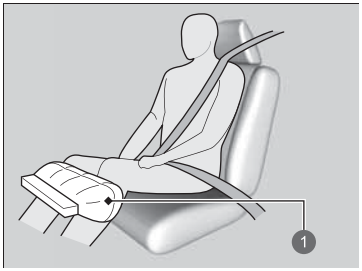


❶ Túi Khí Đầu Gối Người Lái Nổ

Túi khí đầu gối người lái và hành khách trước nổ đồng thời với túi khí người lái và túi khí hành khách trước tương tứng.

Loại xe có động cơ 2.0 L

Ngay cả khi va chạm không đủ nghiêm trọng để làm nổ túi khí phía trước, túi khí đầu gối có thể vẫn nổ.



❶ Túi Khí Đầu Gối Hành Khách Nổ

Còn nữa

■ Túi khí đầu gối nổ trong trường hợp hư hỏng nhỏ hoặc không rõ ràng

Vì hệ thống túi khí cảm nhận sự giảm tốc đột ngột, nên khi có va chạm mạnh vào phần khung hoặc hệ thống treo của xe sẽ làm cho một hoặc nhiều túi khí nổ. Ví dụ khi xe va vào rìa đường, mép hố, hoặc những vật thể cố định khác phía dưới có thể khiến xe giảm tốc độ đột ngột. Vì va chạm từ phía gầm của xe nên hư hỏng có thể không thấy rõ.

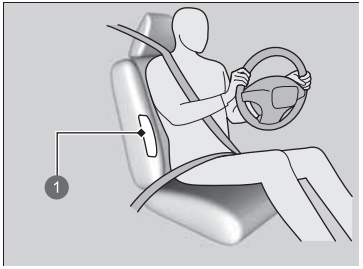
■ Túi khí đầu gối có thể không nổ kể cả khi xe bị hư hỏng nặng bên ngoài

Do các bộ phận thân xe là phần hấp thụ lực va chạm khi xảy ra va chạm, nên không thể chỉ dựa vào mức độ hư hỏng bên ngoài mà có thể khẳng định túi khí của xe có hoạt động tốt hay không. Thực tế, một vài va chạm có thể dẫn đến hư hỏng nặng nhưng túi khí không nổ bởi vì trong trường hợp này túi khí không cần thiết hoặc không mang lại hiệu quả bảo vệ khi nổ.

Túi Khí Bên

Túi khí bên giúp bảo vệ phần trên thân mình và xương chậu của người lái, hành khách phía trước hoặc người ngồi nghế sau bên ngoài* khi có va chạm bên với mức độ từ trung bình đến mạnh.

Vị Trí Lắp Đặt



Túi khí bên được lắp ở cạnh ngoài của lưng ghế người lái và lưng ghế hành khách và gần các vị trí ghế sau bên ngoài*.

Cả hai được đánh dấu **SIDE AIRBAG**.

1 Vị Trí Lắp Đặt Túi Khí Bên

Loại xe Australia và New Zealand có động cơ 2.0 L



1 Vị Trí Lắp Đặt Túi Khí Bên

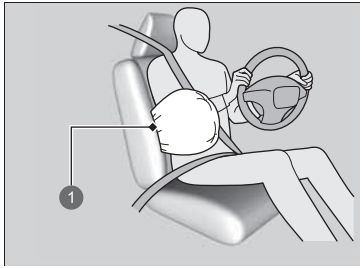
* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Còn nữa

Túi Khí Bên

Không được gắn thêm phụ kiện vào hoặc gần túi khí bên để không làm cản trở túi khí hoạt động, hoặc không làm ai đó bị thương khi có một túi khí nổ.

Hoạt Động



Khi các cảm biến phát hiện va chạm bên với mức độ từ trung bình đến mạnh, bộ điều khiển sẽ gửi tín hiệu đến túi khí bên phía có va chạm để nổ ngay lập tức.

1 Túi Khí Bên Nổ

Loại xe Australia và New Zealand có động cơ 2.0 L



1 Túi Khí Bên Nổ

Túi Khí Bên

Không bọc hoặc thay vỏ lưng ghế trước mà không tham khảo đại lý.
Thay thế hoặc bọc không đúng cách vỏ lưng ghế trước có thể làm túi khí bên nổ không đúng cách khi có va chạm bên.

Không để hành khách phía trước dựa nghiêng sang một bên với phần đầu nghiêng về hướng nổ của túi khí bên vì túi khí bên nổ có thể bật ra lực rất mạnh và gây thương tích cho hành khách.

■ Túi khí bên nổ trong trường hợp hư hỏng nhỏ hoặc không rõ ràng

Vì hệ thống túi khí nhận biết khi xe tăng tốc đột ngột, nên một va chạm mạnh vào sườn của khung xe có thể làm nổ túi khí bên. Trong trường hợp đó, có thể có hư hỏng nhỏ hoặc không có hư hỏng nhưng cảm biến va chạm bên phát hiện mức độ va chạm đủ mạnh để nổ túi khí.

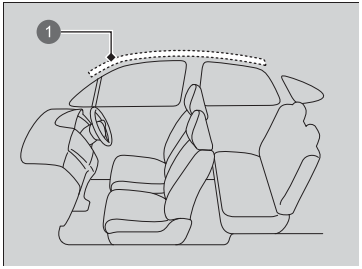
■ Túi khí bên không thể nổ ngay cả khi xe bị hư hỏng nặng

Túi khí bên có thể không nổ khi xảy ra va chạm mạnh gây hư hỏng nặng. Điều này có thể xảy ra khi điểm va chạm ở quá xa phần phía trước hoặc phía sau của xe, hoặc khi bộ phận thân xe hấp thụ hết lực va chạm. Trong cả hai trường hợp trên, túi khí sẽ không cần thiết hoặc không mang lại hiệu quả bảo vệ khi nổ.

Túi Khí Rèm

Túi khí rèm giúp bảo vệ đầu người lái và hành khách hoặc hành khách ngồi ở ghế bên ngoài khi xảy ra va chạm bên với mức độ từ trung bình đến mạnh.

Vị Trí Lắp Đặt



Túi khí rèm được đặt trên trần xe, ngay phía trên cửa kính ở hai bên của xe.

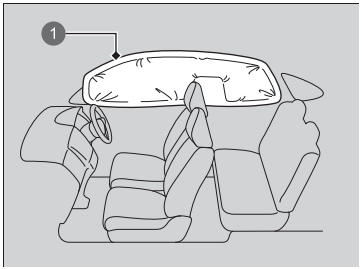
1 Vị Trí Lắp Đặt Túi Khí Rèm

Túi Khí Rèm

Túi khí rèm có khả năng bảo vệ hiệu quả nhất khi người sử dụng thắt dây đai an toàn đúng cách và ngồi thẳng, dựa lưng vào ghế.

Không gắn bất cứ vật gì vào cửa kính bên hoặc tấm ốp trụ đỡ nóc xe vì việc đó có thể làm cho túi khí rèm hoạt động không tốt.
Không treo áo khoác hoặc vật nặng lên móc áo để tránh bị thương tích nếu túi khí rèm nổ.

■ Hoạt Động



Túi khí rèm được thiết kế để nổ khi xảy ra va chạm bên với mức độ từ trung bình đến mạnh.

1 Túi Khí Rèm Nổ

■ Túi khí rèm nổ trong trường hợp có va chạm từ phía trước

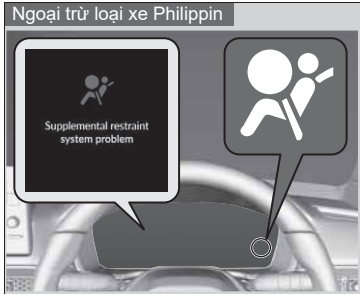
Một hoặc cả hai túi khí rèm có thể nổ trong trường hợp va chạm từ góc phía trước với mức độ từ trung bình đến mạnh.

Đèn Báo Hệ Thống Túi Khí

Nếu hệ thống túi khí có sự cố, đèn báo SRS sẽ sáng và thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

■ Đèn Báo Hệ Thống Bảo Vệ Phụ Trợ (SRS)

Ngoại trừ loại xe Philippin



Loại xe Philippin



■ Khi đặt chế độ nguồn ở BẬT

Đèn báo sáng trong vài giây, sau đó tắt chứng tỏ hệ thống đang hoạt động tốt.

Nếu đèn báo sáng ngoài khoảng thời gian đó, hoặc không sáng, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra càng sớm càng tốt. Nếu không, túi khí và bộ căng dây đai an toàn có thể không hoạt động tốt khi cần.

»Đèn Báo Hệ Thống Bảo Vệ Phụ Trợ (SRS)

⚠CẢNH BÁO

Không để ý đến đèn báo SRS có thể gây thương tích hoặc tử vong nếu hệ thống túi khí hoặc bộ căng dây đai không hoạt động tốt.

Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra càng sớm càng tốt nếu đèn báo SRS cảnh báo có thể xảy ra sự cố.

Kiểm Tra và Thay Thế Túi Khí

Bạn không cần và không nên tự mình thực hiện kiểm tra hoặc thay thế bất cứ bộ phận nào của túi khí. Tuy nhiên, bạn nên đưa xe đến đại lý để kiểm tra trong các tình huống sau:

■ Sau khi túi khí nổ

Sau khi túi khí nổ, phải thay bộ điều khiển và các bộ phận liên quan. Tương tự, phải thay bộ căng dây đai an toàn tự động sau khi bộ này được kích hoạt.

■ Sau khi xe bị va chạm với mức độ từ trung bình đến mạnh

Ngay cả khi túi khí không nổ, hãy đến đại lý để kiểm tra các bộ phận sau: bộ căng dây đai an toàn ghế trước và ghế sau bên ngoài* và từng dây đai an toàn xem có bị mòn không sau khi xảy ra va chạm.

Kiểm Tra và Thay Thế Túi Khí

Nghiêm cấm tháo bất kỳ bộ phận nào của túi khí ra khỏi xe.

Trong trường hợp túi khí có sự cố hoặc ngưng hoạt động hoặc sau khi túi khí nổ/bộ căng dây đai an toàn được kích hoạt, cần yêu cầu thợ sửa chữa có tay nghề thực hiện sửa chữa.

Bạn không nên sử dụng lại các bộ phận của hệ thống túi khí, bao gồm túi khí, các bộ căng dây đai an toàn, các cảm biến và bộ điều khiển.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

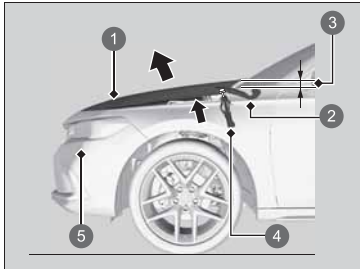
Hệ Thống Bật Nắp Ca-pô Của Xe

Hệ thống bật nắp ca-pô có chức năng giúp giảm chấn thương đầu có thể xảy ra với người đi bộ nếu họ va chạm trực diện với xe của bạn.

Hệ Thống Hoạt Động Khi

Xe của bạn đâm vào người đi bộ hoặc các vật thể khác với tốc độ từ trung bình trở lên.

Hoạt Động của Hệ Thống



Khi cảm biến phát hiện va chạm người đi bộ phát hiện thấy một lực va chạm nhất định, hệ thống bật nắp ca-pô sẽ kích hoạt và phía chân nắp ca-pô sẽ nâng lên.

Nắp ca-pô nâng lên có thể giúp giảm chấn thương đầu cho người đi bộ.

Cục nguồn nằm ở mặt trước bản lề xe.

1. Nắp Ca-pô
2. Bản lề
3. Nâng lên khoảng 100mm
4. Cục Nguồn
5. Cảm Biến Phát Hiện Va Chạm Người Đi Bộ

Hệ Thống Bật Nắp Ca-pô Của Xe

⚠CẢNH BÁO

Sau khi hệ thống bật nắp ca-pô hoạt động, cục nguồn cực kỳ nóng và có thể gây bỏng. Không chạm vào cục nguồn cho đến khi cục nguồn nguội.

CHÚ Ý

Không cố mở nắp ca-pô sau khi hệ thống bật nắp ca-pô đã được kích hoạt. Sau khi kích hoạt hệ thống, đảm bảo nắp ca-pô sau khi nâng không cản trở tầm nhìn, hãy lái xe chậm và cẩn thận.

Nếu nắp ca-pô không được đóng chặt, nó sẽ hoạt động không tốt. Đảm bảo đóng chặt nắp ca-pô trước khi lái xe.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Các điều kiện sau đây cũng sẽ làm hệ thống hoạt động.
- Có tác động mạnh vào gầm xe.
- Lái xe vượt quá tốc độ va chạm ở tốc độ cao, hoặc qua một ổ gà lớn.
- Khi có một vật tác động vào cảm biến va chạm người đi bộ.

Hệ thống có thể không hoạt động nếu xe của bạn:
- Bị tác động từ phía sau hoặc hai bên.
- Bị lật ngược hoặc lộn vòng.
- Một người đi bộ bị mắc kẹt trong góc.

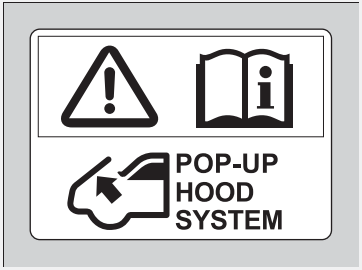
Các yếu tố khác, chẳng hạn như vị trí xe đang chạy, góc độ xe, hoặc tốc độ xe đang chạy có thể khiến hệ thống bật nắp ca-pô không hoạt động.

Hệ Thống Bật Nắp Ca-pô Của Xe

Để hệ thống bật nắp ca-pô hoạt động tốt:
- Luôn sử dụng lốp có cùng kích thước như lốp ban đầu. Hệ thống không thể đọc chính xác tốc độ xe nếu sử dụng các lốp có kích thước khác nhau.
- Không được tác động lực vào bộ nguồn của hệ thống vì bộ nguồn sẽ bị hỏng nếu như bạn đóng mạnh nắp ca-pô.
- Không tác động vào các cảm biến phát hiện va chạm người đi bộ ở cản trước.

Nhãn Hệ Thống Bật Nắp Ca-pô ở phía dưới nắp ca-pô:

Vị Trí Nhãn Tr.111



Còn nữa

■ Thông Báo Cảnh Báo Hệ Thống Bật Nắp Ca-Pô



■ Khi chế độ nguồn ở BẬT

Thông báo cảnh báo hệ thống xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái nếu hệ thống bật nắp ca-pô có sự cố.

Kiểm Tra Và Thay Thế Hệ Thống Bật Nắp Ca-Pô

Bạn không cần và không nên tự thực hiện bất kỳ bảo dưỡng nào hoặc thay thế bất kỳ bộ phận nào của hệ thống bật nắp ca-pô.
Tuy nhiên, nếu hệ thống bật nắp ca-pô đã từng được kích hoạt, bạn phải đến đại lý để thay bộ điều khiển và các bộ phận liên quan khác.

Thông Báo Cảnh Báo Hệ Thống Bật Nắp Ca-Pô

⚠CẢNH BÁO

Hệ thống bật nắp ca-pô sẽ gặp sự cố nếu bỏ qua thông báo bật nắp ca-pô. Việc này có thể dẫn đến trọng thương hoặc tử vong nếu xe của bạn va chạm vào người đi bộ.

Nếu thông báo bật nắp ca-pô sáng lên, hãy đến đại lý để kiểm tra xe càng sớm càng tốt.

Kiểm Tra Và Thay Thế Hệ Thống Bật Nắp Ca-Pô

Nếu cản trước bị hỏng, đưa xe đến đại lý để kiểm tra ngay cả khi không kích hoạt hệ thống bật nắp ca-pô.

Bảo Vệ An Toàn Cho Trẻ

Hàng năm có rất nhiều trẻ bị thương hoặc tử vong trong những vụ tai nạn xe hơi, bởi vì chúng không được bảo vệ an toàn hoặc được bảo vệ nhưng không đúng cách. Trên thực tế, tai nạn xe hơi là nguyên nhân số một gây tử vong cho trẻ em từ 12 tuổi trở xuống.

Để giảm số trẻ em bị thương tích và tử vong, trẻ sơ sinh và trẻ lớn hơn cần được bảo vệ đúng cách khi ngồi trên xe.

Bảo Vệ An Toàn Cho Trẻ

Tấm Che Nắng Hành Khách Phía Trước

⚠CẢNH BÁO



KHÔNG sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau trên ghế có TÚI KHÍ HOẠT ĐỘNG ở phía trước để tránh làm TRẺ bị TRỌNG THƯƠNG hoặc TỬ VONG.

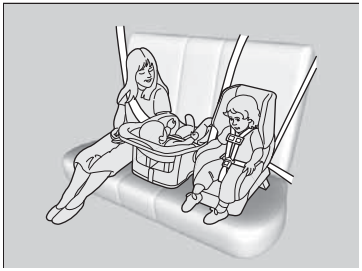
⚠CẢNH BÁO

Trẻ không được bảo vệ hoặc bảo vệ không đúng cách có thể bị trọng thương hoặc tử vong khi xảy ra va chạm.

Nếu trẻ quá nhỏ không thể sử dụng dây đai an toàn, chúng cần được bảo vệ bằng hệ thống ghế ngồi trẻ em. Trẻ lớn hơn có thể sử dụng dây đai an toàn và ghế lót đặc biệt khi cần thiết.

Còn nữa

Trẻ em phải được ngồi đúng cách và được bảo vệ ở ghế sau vì những lý do sau:



- Túi khí trước nổ có thể gây thương tích hoặc tử vong cho trẻ ngồi ở ghế trước.

Bảo Vệ An Toàn Cho Trẻ

Ở nhiều quốc gia, pháp luật quy định trẻ em từ 12 tuổi trở xuống và những trẻ dưới 150 cm phải được bảo vệ an toàn đúng cách ở ghế sau.

Ở nhiều quốc gia, cần sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em phù hợp và đúng tiêu chuẩn khi để trẻ ngồi ở ghế hành khách bất kỳ. Hãy kiểm tra các quy định của pháp luật sở tại.

Bạn nên sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em theo Quy Định số 44 hoặc số 129 của Liên Hợp Quốc hoặc các quy định của quốc gia bạn.

➔ **Chọn Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em** Tr. 79

Loại Xe Malaysia và Việt Nam

Thanh Dọc Cửa Phía Hành Khách Trước

⚠CẢNH BÁO



Cảnh Báo Nguy Hiểm!

KHÔNG ĐƯỢC đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau trên ghế có túi khí phía trước!

- Không được ôm trẻ nhỏ trong lòng bởi vì điều đó không thể bảo vệ trẻ khi xảy ra va chạm.
- Không được thắt dây đai an toàn vòng qua bạn và trẻ nhỏ để tránh dây đai sẽ siết chặt vào trẻ dẫn đến trọng thương hoặc tử vong khi xảy ra va chạm.
- Không được để hai trẻ thắt chung dây đai an toàn để tránh bị trọng thương khi xảy ra va chạm.
- Nếu trẻ quá nhỏ không thể thắt dây đai an toàn, chúng phải được bảo vệ bằng hệ thống ghế ngồi trẻ em đúng tiêu chuẩn được lắp đúng cách trên xe bằng cách sử dụng dây đai an toàn hoặc hệ thống móc neo ghế ngồi trẻ em.
- Không để trẻ vận hành cửa, cửa kính hoặc điều chỉnh ghế.
- Không được để trẻ một mình trên xe, đặc biệt là khi trời nóng vì nhiệt độ trong xe có thể nóng đến mức làm trẻ tử vong. Trẻ cũng có thể vô tình kích hoạt hệ thống điều khiển làm cho xe di chuyển.

Bảo Vệ An Toàn Cho Trẻ

CẢNH BÁO: Sử dụng nút khóa cửa kính điện để ngăn trẻ em mở các cửa kính. Sử dụng tính năng này để tránh trẻ nghịch cửa kính bởi việc đùa nghịch này có thể gây nguy hiểm hoặc làm cho người lái mất tập trung.

➔ **Mở/Đóng Cửa Kính Điện** Tr. 203

CẢNH BÁO: Luôn mang theo chìa khóa xe mỗi khi bạn ra khỏi xe dù trong xe còn người hay không.

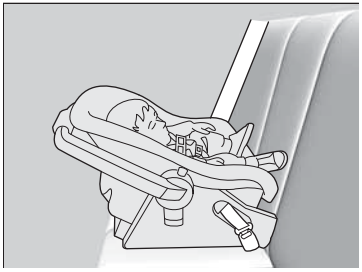
Để nhắc bạn về nguy hiểm của túi khí trước phía hành khách và an toàn cho trẻ, xe của bạn có nhãn cảnh báo trên tấm che nắng phía hành khách.
Hãy đọc và làm theo các hướng dẫn trên nhãn này.

➔ **Nhãn An Toàn** Tr. 111

An Toàn Cho Trẻ Sơ Sinh và Trẻ Nhỏ

■ Bảo Vệ Trẻ Sơ Sinh

Trẻ sơ sinh phải được đặt trong hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau cho đến khi trẻ đạt đến giới hạn trọng lượng và chiều cao để sử dụng ghế của nhà sản xuất hệ thống ghế ngồi trẻ em.



■ Lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau

Hệ thống ghế ngồi trẻ em phải được đặt ở hàng ghế sau.

- ► Bạn nên lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em ở ghế ngay phía sau ghế hành khách trước, di chuyển ghế về phía trước để có đủ khoảng trống lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em và để trống ghế ngồi đó.
- ► Đảm bảo hệ thống ghế ngồi trẻ em và ghế phía trước không sát nhau hoặc bạn có thể lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau có kích thước nhỏ hơn.

Bảo Vệ Trẻ Sơ Sinh

⚠CẢNH BÁO

Đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau ở ghế trước có thể khiến trẻ bị trọng thương hoặc tử vong nếu túi khí trước phía hành khách nổ.

Luôn đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau cho trẻ ở ghế sau, không đặt ở ghế trước.

Các chuyên gia khuyến nghị nên sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau cho đến khi trẻ đủ hai tuổi nếu chiều cao và cân nặng của trẻ vẫn phù hợp với hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau.

Khi hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau được lắp đúng cách, người lái hoặc hành khách ngồi ghế trước không thể ngả hết cỡ ghế của họ về phía sau được, hoặc không thể khóa lưng ghế ở vị trí mong muốn.

Bảo Vệ Trẻ Nhỏ

Không lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau ở vị trí ghế quay mặt về phía trước.

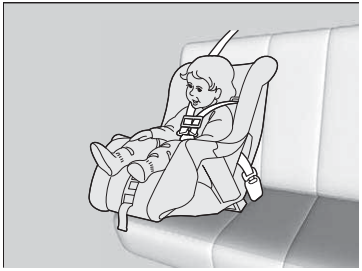
Luôn tham khảo hướng dẫn của nhà sản xuất hệ thống ghế ngồi trẻ em trước khi lắp đặt.

Túi khí trước phía hành khách nổ có thể va vào hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau với lực rất mạnh làm hệ thống bật ra khỏi vị trí, khiến trẻ bị trọng thương.

Còn nữa

■ Bảo Vệ Trẻ Nhỏ

Nếu trẻ có cân nặng và chiều cao vượt giới hạn quy định đối với hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau, bạn nên đặt trẻ ngồi chắc chắn trong hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước cho đến khi cân nặng và chiều cao của trẻ vượt giới hạn quy định đối với hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước.



■ Lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước

Bạn nên đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước ở hàng ghế sau.

Đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước ở hàng ghế trước có thể gây nguy hiểm. Đặt ở ghế sau sẽ an toàn nhất cho trẻ.

Bảo Vệ Trẻ Nhỏ

⚠CẢNH BÁO

Đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước ở ghế trước có thể khiến trẻ bị trọng thương hoặc tử vong nếu túi khí nổ.

Nếu bạn phải đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước ở ghế trước, hãy dịch chuyển ghế càng lùi về phía sau càng tốt và bảo vệ trẻ đúng cách.

Tự trang bị kiến thức pháp luật và các quy định liên quan tới hệ thống ghế ngồi trẻ em tại nước sở tại khi lái xe và tuân theo hướng dẫn của nhà sản xuất hệ thống ghế ngồi trẻ em.

■ Chọn Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em

Một vài hệ thống ghế ngồi trẻ em tương thích với móc neo phía dưới. Một vài hệ thống có loại móc treo cứng trong khi một vài loại khác có móc treo mềm. Cả hai loại này đều dễ sử dụng. Một số hệ thống ghế ngồi trẻ em hiện tại hoặc trước kia chỉ có thể được lắp đặt bằng cách sử dụng dây đai an toàn. Cho dù bạn chọn loại nào, hãy tuân theo những hướng dẫn về sử dụng và bảo dưỡng của nhà sản xuất hệ thống ghế ngồi trẻ em cũng như hướng dẫn trong tài liệu hướng dẫn sử dụng này. Lắp đặt đúng mới có thể đảm bảo an toàn tối đa cho trẻ.

Loại mềm có thể không có sẵn ở nước bạn.

Đối với các ghế ngồi và xe không được trang bị hệ thống móc neo phía dưới, hãy lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em bằng cách dùng dây đai an toàn và dây thắt ở phía trên để tăng độ chắc chắn. Vì toàn bộ hệ thống ghế ngồi trẻ em phải được cố định chắc chắn bằng dây đai an toàn khi không sử dụng hệ thống móc neo phía dưới. Ngoài ra, nhà sản xuất hệ thống ghế ngồi trẻ em khuyên bạn nên sử dụng dây đai an toàn để cố định hệ thống ghế ngồi trẻ em theo tiêu chuẩn ISOFIX khi trẻ đạt tới cân nặng tiêu chuẩn. Hãy đọc tài liệu hướng dẫn sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em để được hướng dẫn lắp đặt đúng cách.

■ Lưu ý quan trọng khi lựa chọn hệ thống ghế ngồi trẻ em

Đảm bảo hệ thống ghế ngồi trẻ em đáp ứng được ba yêu cầu sau:

- Hệ thống ghế ngồi trẻ em có chủng loại và kích cỡ phù hợp với trẻ.
- Hệ thống ghế ngồi trẻ em có chủng loại phù hợp với vị trí ghế ngồi.
- Hệ thống ghế ngồi trẻ em phải đạt tiêu chuẩn an toàn. Bạn nên sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em theo Quy Định số 44 hoặc 129 của Liên Hợp Quốc hoặc theo quy định của mỗi quốc gia. Hãy tìm nhãn kiểm duyệt và cam kết tiêu chuẩn của nhà sản xuất hệ thống trên ghế.

Còn nữa

Chọn Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em

Lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em tương thích với xe có móc neo phía dưới rất đơn giản.

Hệ thống ghế ngồi trẻ em tương thích với móc neo phía dưới được cải tiến nhằm đơn giản hóa việc lắp đặt và giảm khả năng gây thương tích do lắp đặt không đúng.

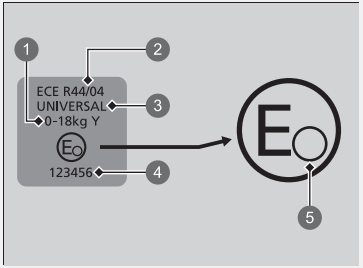
Bạn nên sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau hoặc quay mặt về phía trước phù hợp cho trẻ sơ sinh hoặc trẻ nhỏ loại ISOFIX chính hiệu Honda. Hãy tham khảo đại lý.

■ Tiêu Chuẩn Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em

Nếu hệ thống ghế ngồi trẻ em (loại i-Size/ISOFIX hoặc loại có dây đai an toàn) đáp ứng các Quy Định của Liên Hợp Quốc, hệ thống sẽ được dán nhãn kiểm duyệt như hình minh họa trong bảng bên cạnh. Trước khi mua hoặc sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em, hãy kiểm tra nhãn kiểm duyệt để đảm bảo hệ thống ghế ngồi trẻ em tương thích với xe của bạn, với trẻ và đáp ứng các quy định của Liên Hợp Quốc.

Chọn Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em

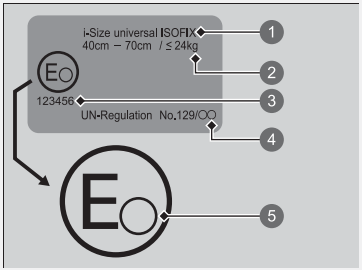
Minh họa nhãn kiểm duyệt theo Quy Định số 44 của Liên Hợp Quốc



1. "Nhóm khối lượng"
2. Số quy định
3. Loại
4. Số phê duyệt
5. Mã quốc gia

Chọn Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em

Minh họa nhãn kiểm duyệt theo Quy Định số 129 của Liên Hợp Quốc



1. Loại
2. Chỉ định kích thước và cân nặng
3. Số kiểm duyệt
4. Số quy định
5. Mã quốc gia

Còn nữa

■ Vị Trí Lắp Đặt Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em

Ngoại trừ loại xe có động cơ 2.0 L



U	Thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em thông dụng lắp bằng dây đai an toàn của xe.
UF	Thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em thông dụng quay mặt về phía trước lắp bằng dây đai an toàn của xe.
	Thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em i-Size và ISOFIX.
	Chỉ thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước.
	Không được sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau.
	Vị trí ghế có Đầu Buộc móc neo.

* 1 Khi lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em, trượt ghế hết cỡ về phía sau. Nếu hệ thống ghế ngồi trẻ em vướng vào tựa đầu và không thể lắp chắc chắn, hãy nâng tựa đầu đến vị trí cao nhất. Nếu sau khi nâng ghế vẫn bị vướng vào tựa đầu, hãy tháo tựa đầu. Nhớ cất tựa đầu đã tháo vào khoang hành lý để nó không bị rơi ra khi phanh gấp hoặc khi xảy ra va chạm. Ngoài ra, nếu bạn tháo hệ thống ghế ngồi trẻ em, hãy lắp lại tựa đầu vào ghế ban đầu và đảm bảo tựa đầu được lắp chắc chắn. Nếu bạn không thể cố định chắc chắn ghế lót đặc biệt, hãy điều chỉnh góc lưng ghế song song với lưng ghế của hệ thống ghế ngồi trẻ em cho đến khi nó ngả về phía trước móc neo vai của dây đai an toàn.
* 2 Chỉ lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước.
* 3 Để lắp đặt loại hệ thống ghế ngồi trẻ em thông dụng bằng dây đai an toàn, điều chỉnh lưng ghế hết cỡ ra phía trước.
* 4 Nếu hệ thống ghế ngồi trẻ em vướng vào tựa đầu và không thể lắp chắc chắn, hãy nâng tựa đầu đến vị trí cao nhất.

- Có thể lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em có chân đỡ ở các ghế không thể lắp loại i-Size, ngoại trừ ghế giữa.
- Loại Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em (CRS) là theo khuyến nghị của Honda vào thời điểm bán ra thị trường. Bạn nên trao đổi với đại lý ủy quyền để biết thông tin cập nhật về các CRS được khuyến nghị. Các CRS khác cũng có thể phù hợp để sử dụng với xe của bạn. Tham khảo danh sách của nhà sản xuất CRS để biết về các loại xe có thể sử dụng hệ thống này.

Còn nữa

Ngoại trừ loại xe có động cơ 2.0 L

Thông tin chi tiết về việc lắp đặt CRS

	Vị trí ghế và Số vị trí ghế					
	Nhóm Chiều Cao, Cân Nặng		①	②	③	④
			Ghế hành khách trước[*1*2]	Hàng ghế thứ 2[*4]		
				Trái	Giữa	Phải
Vị trí ghế phù hợp với loại thông dụng có dây đai (có/không)	Nhóm 0	Đến 10kg	Không	Có	Có	Có
	Nhóm 0+	Đến 13kg				
	Nhóm I	9-18kg	Có[*3]	Có	Có	Có
	Nhóm II	15-25kg				
	Nhóm III	22-36kg				
Vị trí ghế cho loại i-Size (có/không)	≤ 150cm		Không	Có	Không	Có
Vị trí ghế phù hợp cho CRS khuyến nghị chính hiệu	Tham khảo danh sách CRS chính hiệu		Không	Không	Không	Không
Vị trí ghế phù hợp cho loại quay sang hai bên (L1/L2)	—		Không	Không	Không	Không
Phù hợp nhất cho loại quay mặt ra phía sau (R1/R2X/R2/R3)	Nhóm 0	Đến 10kg	Không	R3	Không	R3
	Nhóm 0+	Đến 13kg				
	Nhóm I	9-18kg				
Phù hợp nhất cho loại quay mặt ra phía trước (F2X/F2/F3)	Nhóm I	9-18kg	Không	F3	Không	F3
Phù hợp nhất cho loại ghế lót đặc biệt (B2/B3)	≤ 150cm		B3	B3	B3	B3

Vị Trí Lắp Đặt Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em

Khi mua hệ thống ghế ngồi trẻ em, đảm bảo kiểm tra nhóm kích thước ISOFIX hoặc đồ gá để đảm bảo ghế phù hợp với xe.

Đồ gá (CRF)	Mô tả
ISO/L1	Ghế trẻ sơ sinh quay mặt sang bên trái (xe nôi)
ISO/L2	Ghế trẻ sơ sinh quay mặt sang bên phải (xe nôi)
ISO/R1	Ghế trẻ sơ sinh quay mặt về phía sau
ISO/R2X	Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau kích thước nhỏ
ISO/R2	Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau kích thước nhỏ
ISO/R3	Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau kích thước lớn
ISO/F2X	Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước loại thấp
ISO/F2	Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước loại thấp
ISO/F3	Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước loại cao
ISO/B2	Ghế lót đặc biệt quay mặt về phía trước loại ngắn
ISO/B3	Ghế lót đặc biệt quay mặt về phía trước loại dài

* 1 Khi lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em, trượt ghế hết cỡ về phía sau.
Nếu hệ thống ghế ngồi trẻ em vướng vào tựa đầu và không thể lắp chắc chắn, hãy nâng tựa đầu đến vị trí cao nhất. Nếu sau khi nâng ghế vẫn bị vướng vào tựa đầu, hãy tháo tựa đầu. Nhớ cất tựa đầu đã tháo vào khoang hành lý để nó không bị rơi ra khi phanh gấp hoặc khi xảy ra va chạm. Ngoài ra, nếu bạn tháo hệ thống ghế ngồi trẻ em, hãy lắp lại tựa đầu vào ghế ban đầu và đảm bảo tựa đầu được lắp chắc chắn.
Nếu bạn không thể cố định chắc chắn ghế lót đặc biệt, hãy điều chỉnh góc lưng ghế song song với lưng ghế của hệ thống ghế ngồi trẻ em cho đến khi nó ngả về phía trước móc neo vai của dây đai an toàn.

* 2 Chỉ lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước.

* 3 Để lắp đặt loại hệ thống ghế ngồi trẻ em thông dụng bằng dây đai an toàn, hãy điều chỉnh lưng ghế hết cỡ về phía trước đến vị trí khóa trước.

* 4 Nếu hệ thống ghế ngồi trẻ em vướng vào tựa đầu và không thể lắp chắc chắn, hãy nâng tựa đầu đến vị trí cao nhất.

- Có thể lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em có chân đỡ ở các ghế không thể lắp loại i-Size, ngoại trừ ghế giữa.
- Loại Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em (CRS) là theo khuyến nghị của Honda vào thời điểm bán ra thị trường. Bạn nên trao đổi với đại lý ủy quyền để biết thông tin cập nhật về các CRS được khuyến nghị. Các CRS khác cũng có thể phù hợp để sử dụng với xe của bạn. Tham khảo danh sách của nhà sản xuất CRS để biết về các loại xe có thể sử dụng hệ thống này.

Còn nữa

Loại xe có động cơ 2.0 L

Loại vô lăng bên phải ngoại trừ loại xe Malaysia



U	Thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em thông dụng lắp bằng dây đai an toàn của xe.
UF	Thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em thông dụng quay mặt về phía trước lắp bằng dây đai an toàn của xe.
	Thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em i-Size và ISOFIX.
	Chỉ thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước.
	Không được sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau.
	Vị trí ghế có Đầu Buộc móc neo.

* 1 Khi lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em, trượt ghế hết cỡ về phía sau.
Nếu bạn không thể cố định chắc chắn ghế lót đặc biệt của hệ thống ghế ngồi trẻ em, hãy điều chỉnh góc lưng ghế song song với lưng ghế của hệ thống ghế ngồi trẻ em cho đến khi nó ngả về phía trước móc neo vai của dây đai an toàn.

* 2 Để lắp đặt loại thông dụng có dây đai, hãy điều chỉnh lưng ghế hết cỡ về phía trước đến vị trí khóa.

- **Có thể lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em có chân đỡ ở các ghế không thể lắp loại i-Size.**

Loại xe có động cơ 2.0 L

Loại vô lăng bên phải ngoại trừ loại xe Malaysia

Thông tin chi tiết về việc lắp đặt CRS

	Vị trí ghế và Số vị trí ghế				
	Nhóm Chiều Cao, Cân Nặng		①	②	③
			Ghế hành khách trước*1	Hàng ghế thứ 2	
				Trái	Phải
Vị trí ghế phù hợp với loại thông dụng có dây đai (có/không	Nhóm 0	Đến 10kg	Không	Có	Có
	Nhóm 0+	Đến 13kg			
	Nhóm I	9-18kg	Có*2	Có	Có
	Nhóm II	15-25kg			
	Nhóm III	22-36kg			
Vị trí ghế cho loại i-Size (có/không)	≤150cm		Không	Có	Có
Vị trí ghế phù hợp cho CRS chính hiệu khuyến nghị	—		Không	Không	Không
Vị trí ghế phù hợp cho loại quay sang hai bên (L1/L2)	—		Không	Không	Không
Phù hợp nhất cho loại quay mặt ra phía sau (R1/R2X/R2/R3)	Nhóm 0	Đến 10kg	Không	R3	R3
	Nhóm 0+	Đến 13kg			
	Nhóm I	9-18kg			
Phù hợp nhất cho loại quay mặt ra phía trước (F2X/F2/F3)	Nhóm I	9-18kg	Không	F3	F3
Phù hợp nhất cho loại ghế lót đặc biệt (B2/B3)	≤150cm		Không	B3	B3

Còn nữa

*1 Khi lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em, trượt ghế hết cỡ về phía sau.
Chỉ lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước.
Nếu bạn không thể cố định chắc chắn ghế lót đặc biệt của hệ thống ghế ngồi trẻ em, hãy điều chỉnh góc lưng ghế song song với lưng ghế của hệ thống ghế ngồi trẻ em cho đến khi nó ngả về phía trước móc neo vai của dây đai an toàn.

*2 Để lắp đặt loại hệ thống ghế ngồi trẻ em thông dụng có dây đai, hãy điều chỉnh lưng ghế hết cỡ về phía trước đến vị trí khóa.

- Có thể lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em có chân đỡ ở các ghế không thể lắp loại i-Size.

Loại xe Malaysia



U	Thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em thông dụng lắp bằng dây đai an toàn của xe.
UF	Thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em thông dụng quay mặt về phía trước lắp bằng dây đai an toàn của xe.
	Thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em i-Size và ISOFIX.
	Chỉ thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước.
	Không được sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau.
	Vị trí ghế có Đầu Buộc móc neo.

*1 Chỉ dùng cho hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước.
Khi lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em, trượt ghế hết cỡ về phía sau.
Nếu bạn không thể cố định chắc chắn ghế lót đặc biệt của hệ thống ghế ngồi trẻ em, hãy điều chỉnh góc lưng ghế song song với lưng ghế của hệ thống ghế ngồi trẻ em cho đến khi nó ngả về phía trước móc neo vai của dây đai an toàn.

*2 Để lắp đặt loại thông dụng có dây đai, hãy ngả lưng ghế hết cỡ về phía trước đến vị trí khóa.

● **Có thể lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em có chân đỡ ở các ghế không thể lắp loại i-Size.**

Loại xe Malaysia

Thông tin chi tiết về việc lắp đặt CRS

	Vị trí ghế và Số vị trí ghế				
	Nhóm Chiều Cao, Cân Nặng		①	②	③
			Ghế hành khách trước*1	Hàng ghế thứ 2	
				Trái	Phải
Vị trí ghế phù hợp với loại thông dụng có dây đai (có/ không)	Nhóm 0	Đến 10kg	Không	Có	Có
	Nhóm 0+	Đến 13kg			
	Nhóm I	9-18kg	Có*2	Có	Có
	Nhóm II	15-25kg			
	Nhóm III	22-36kg			
Vị trí ghế cho loại i-Size (có/không)	≤150cm		Không	Có	Có
Vị trí ghế phù hợp cho CRS chính hiệu khuyến nghị	—		Không	Không	Không
Vị trí ghế phù hợp cho loại quay sang hai bên (L1/L2)	—		Không	Không	Không
Phù hợp nhất cho loại quay mặt ra phía sau (R1/R2X/ R2/R3)	Nhóm 0	Đến10kg	Không	R3	R3
	Nhóm 0+	Đến 13kg			
	Nhóm I	9-18kg			
Phù hợp nhất cho loại quay mặt ra phía trước (F2X/F2/F3)	Nhóm I	9-18kg	Không	F3	F3
Phù hợp nhất cho loại ghế lót đặc biệt (B2/B3)	≤150cm		Không	B3	B3

*1 Chỉ dùng cho hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước.
Khi lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em, trượt ghế hết cỡ về phía sau.
Nếu bạn không thể cố định chắc chắn ghế lót đặc biệt của hệ thống ghế ngồi trẻ em, hãy điều chỉnh góc lưng ghế song song với lưng ghế của hệ thống ghế ngồi trẻ em cho đến khi nó ngả về phía trước móc neo vai của dây đai an toàn.

*2 Để lắp đặt loại hệ thống ghế ngồi trẻ em thông dụng bằng dây đai an toàn, điều chỉnh lưng ghế hết cỡ ra phía trước.

- Có thể lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em có chân đỡ ở các ghế không thể lắp loại i-Size.

Còn nữa

Loại vô lăng bên trái



U	Thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em thông dụng lắp bằng dây đai an toàn của xe.
UF	Thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em thông dụng quay mặt về phía trước lắp bằng dây đai an toàn của xe.
i	Thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em i-Size và ISOFIX.
	Chỉ thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước.
	Không được sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau.
	Vị trí ghế có Đầu Buộc móc neo.

*1 Khi lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em, trượt ghế hết cỡ về phía sau.
Nếu bạn không thể cố định chắc chắn ghế lót đặc biệt của hệ thống ghế ngồi trẻ em, hãy điều chỉnh góc lưng ghế song song với lưng ghế của hệ thống ghế ngồi trẻ em cho đến khi nó ngả về phía trước móc neo vai của dây đai an toàn.

*2 Để lắp đặt loại thông dụng có dây đai, hãy điều chỉnh lưng ghế hết cỡ về phía trước đến vị trí khóa.

● **Có thể lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em có chân đỡ ở các ghế không thể lắp loại i-Size.**

Loại Vô Lăng Bên Trái

Thông tin chi tiết về việc lắp đặt CRS

	Vị trí ghế và Số vị trí ghế				
	Nhóm Chiều Cao, Cân Nặng		① Ghế hành khách trước[*1]	② Hàng ghế thứ 2 Trái	③ Hàng ghế thứ 2 Phải
Vị trí ghế phù hợp với loại thông dụng có dây đai (có/không)	Nhóm 0	Đến 10kg	Không	Có	Có
	Nhóm 0+	Đến 13kg			
	Nhóm I	9-18kg	Có[*2]	Có	Có
	Nhóm II	15-25kg			
	Nhóm III	22-36kg			
Vị trí ghế cho loại i-Size (có/không)	≤150cm		Không	Có	Có
Vị trí ghế phù hợp cho CRS chính hiệu khuyến nghị	—		Không	Không	Không
Vị trí ghế phù hợp cho loại quay sang hai bên (L1/L2)	—		Không	Không	Không
Phù hợp nhất cho loại quay mặt ra phía sau (R1/R2X/R2/R3)	Nhóm 0	Đến 10kg	Không	R3	R3
	Nhóm 0+	Đến 13kg			
	Nhóm I	9-18kg			
Phù hợp nhất cho loại quay mặt ra phía trước (F2X/F2/F3)	Nhóm I	9-18kg	Không	F3	F3
Phù hợp nhất cho loại ghế lót đặc biệt (B2/B3)	≤150cm		Không	B3	B3

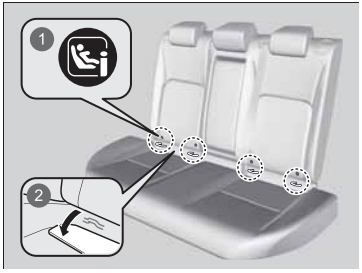
Còn nữa

* 1 Khi lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em, trượt ghế hết cỡ về phía sau.
  Chỉ dùng cho hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước.
  Nếu bạn không thể cố định chắc chắn hệ thống ghế ngồi trẻ em, hãy điều chỉnh góc lưng ghế song song với lưng ghế của hệ thống ghế ngồi trẻ em cho đến khi nó ngả về phía trước móc neo vai của dây đai an toàn.
* 2 Để lắp đặt loại hệ thống ghế ngồi trẻ em thông dụng với dây đai an toàn, điều chỉnh lưng ghế hết cỡ ra phía trước.

- Có thể lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em có chân đỡ ở các ghế không thể lắp loại i-Size.

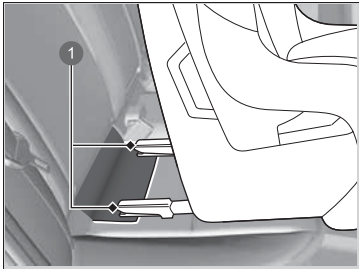
■ Lắp Đặt Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em Có Móc Neo Phía Dưới

Có thể lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em có móc neo phía dưới ở một trong hai ghế sau bên ngoài. Hệ thống ghế ngồi trẻ em được gắn vào móc neo phía dưới bằng móc treo cứng hoặc móc treo mềm.



❶ Dấu Móc Neo
❷ Nắp Che

1. Xác định vị trí các dấu móc neo được gắn vào đế của đệm ghế.
2. Kéo nắp móc neo ở dưới điểm đánh dấu ra để nhìn thấy móc neo phía dưới.



❶ Vấu

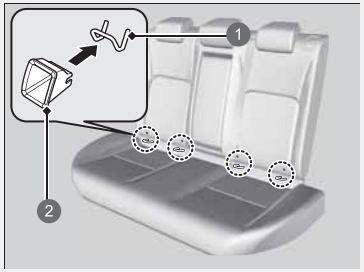
3. Đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em lên ghế xe sao cho các vấu nằm trên nắp che.

Còn nữa

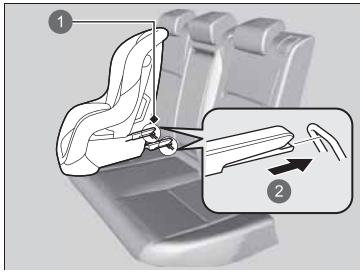
⚠CẢNH BÁO

Không buộc chung hai hệ thống ghế ngồi trẻ em vào cùng một móc neo. Khi xảy ra va chạm, móc neo đó không đủ chắc chắn để giữ an toàn cho cả hai hệ thống ghế ngồi trẻ em và có thể bị gãy, khiến trẻ bị trọng thương hoặc tử vong.

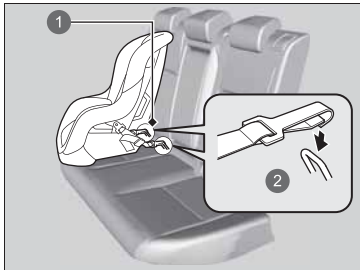
Một vài hệ thống ghế ngồi trẻ em có kèm theo hộp dẫn hướng để tránh làm hỏng mặt ghế. Hãy tuân theo các hướng dẫn của nhà sản xuất khi sử dụng hộp dẫn hướng và lắp nó vào các móc neo phía dưới giống như hình vẽ.



❶ Móc Neo Phía Dưới
❷ Hộp Dẫn Hướng



❶ Móc Neo Phía Dưới
❷ Loại Móc Cứng



❶ Móc Neo Phía Dưới
❷ Loại Móc Mềm

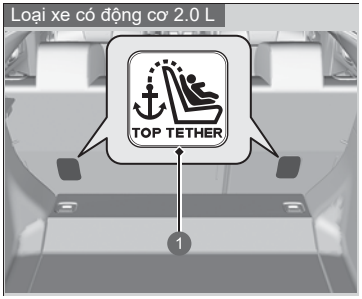
4. Lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em vào móc neo phía dưới theo hướng dẫn lắp đặt của hệ thống ghế ngồi trẻ em.
► Khi lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em, đảm bảo móc neo phía dưới không bị mắc vào dây đai hoặc bất kỳ vật gì khác.

Ngoại trừ loại xe có động cơ 2.0 L



❶ Biểu Tượng Đầu Buộc Móc Neo

Loại xe có động cơ 2.0 L



❶ Biểu Tượng Đầu Buộc Móc Neo

Lắp Đặt Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em Có Móc Neo Phía Dưới

CẢNH BÁO: Không được sử dụng móc không có Biểu Tượng Đầu Buộc Móc Neo để cố định hệ thống ghế ngồi trẻ em đã lắp đặt.

Vì sự an toàn cho trẻ, khi sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em được lắp đặt bằng hệ thống móc neo phía dưới, đảm bảo hệ thống ghế ngồi trẻ em được cố định chắc chắn trên xe.
Hệ thống ghế ngồi trẻ em nếu không được lắp đúng cách sẽ không bảo vệ được trẻ đúng cách khi xảy ra va chạm và có thể gây trọng thương cho trẻ hoặc hành khách khác trên xe.

Loại móc mềm có thể không có sẵn ở nước bạn.

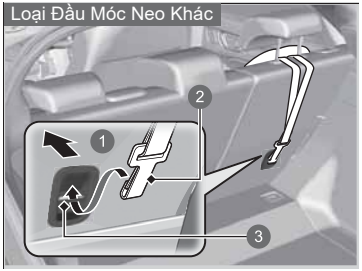
Còn nữa

Đầu Móc Neo Loại Thẳng



❶ Phía Trước Xe
❷ Đầu Móc Dây Đai
❸ Móc Neo

Loại Đầu Móc Neo Khác



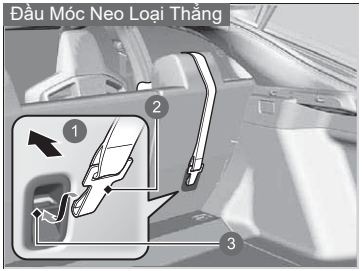
❶ Phía Trước Xe
❷ Đầu Móc Dây Đai
❸ Móc Neo

Ngoại trừ loại xe có động cơ 2.0 L

5. Nâng tựa đầu lên vị trí cao nhất.
► Tháo tấm che khoang hành lý.
➡ **Tấm Che Khoang Hành Lý*** Tr. 243
6. Luồn đầu móc của dây đai qua chân tựa đầu. Đảm bảo dây đai không bị xoắn.
7. Lắp đầu móc dây đai vào móc neo.
8. Thắt chặt dây thắt như hướng dẫn của nhà sản xuất hệ thống ghế ngồi trẻ em.
9. Để kiểm tra hệ thống ghế ngồi trẻ em đã được cố định chắc chắn chưa, lắc ghế về phía trước, về phía sau, sang hai bên đến khi chỉ còn cảm nhận có một chút dịch chuyển.
10. Đảm bảo khóa các dây đai an toàn trong tầm với của trẻ nếu không sử dụng đến.

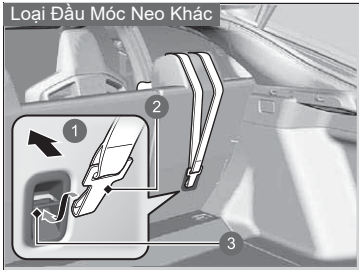
 * Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Đầu Móc Neo Loại Thẳng



❶ Phía Trước Xe
❷ Đầu Móc Dây Đai
❸ Móc Neo

Loại Đầu Móc Neo Khác



❶ Phía Trước Xe
❷ Đầu Móc Dây Đai
❸ Móc Neo

Loại xe có động cơ 2.0 L

5. Tháo tấm che khoang hành lý*.
➲**Tấm Che Khoang Hành Lý*** Tr. 243

6. Luồn đầu móc của dây đai qua chân tựa đầu.
▶ Đảm bảo dây đai không bị xoắn.

7. Lắp đầu móc vào móc neo.

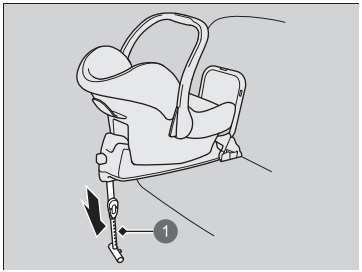
8. Thắt chặt dây thắt như hướng dẫn của nhà sản xuất hệ thống ghế ngồi trẻ em.

9. Để kiểm tra hệ thống ghế ngồi trẻ em đã được cố định chắc chắn chưa, lắc ghế về phía trước, về phía sau, sang hai bên đến khi chỉ còn cảm nhận có một chút dịch chuyển.

10. Đảm bảo khóa các dây đai an toàn trong tầm với của trẻ nếu không sử dụng đến.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Còn nữa



❶ Chân Đỡ

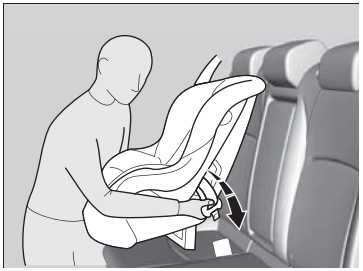
Hệ thống ghế ngồi trẻ em có chân đỡ

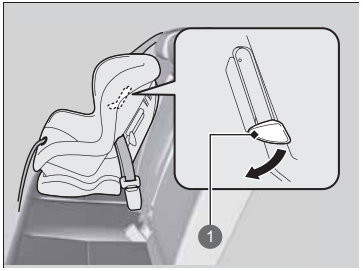
4. Duỗi chân đỡ ra cho đến khi nó chạm đến sàn như trong hướng dẫn của nhà sản xuất hệ thống ghế ngồi trẻ em.

► Đảm bảo khu vực sàn nơi đặt chân đỡ phải bằng phẳng. Nếu khu vực đó không bằng phẳng, chân đỡ sẽ không đỡ được.

► Đảm bảo ghế của trẻ và ghế phía trước không chạm vào nhau.

■ Lắp Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em bằng Dây Đai Hông/Vai





1 Vấu

1. Đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em lên ghế xe.

2. Luồn dây đai an toàn qua hệ thống ghế ngồi trẻ em theo hướng dẫn của nhà sản xuất hệ thống ghế ngồi trẻ em, sau đó gài đầu chốt vào ổ khóa.
► Gài đầu chốt vào hoàn toàn cho đến khi có tiếng tách.

3. Đẩy vấu khóa xuống. Luồn phần vai của dây đai an toàn vào trong khe ở cạnh bên của hệ thống ghế ngồi trẻ em.

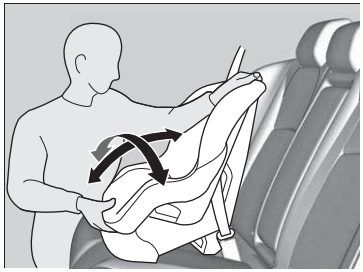
4. Giữ phần vai của dây đai gần đầu khóa và kéo nó lên để phần hông của dây đai hết chùng.
► Khi thực hiện động tác này, tỳ người lên hệ thống ghế ngồi trẻ em và đẩy ghế vào trong ghế xe.

5. Đặt dây đai an toàn vào đúng vị trí và đẩy vấu khóa. Đảm bảo dây đai không bị xoắn.
► Khi đẩy vấu khóa lên trên, kéo phần phía trên vai của dây đai để dây đai hết chùng.

Lắp Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em bằng Dây Đai Hông/Vai

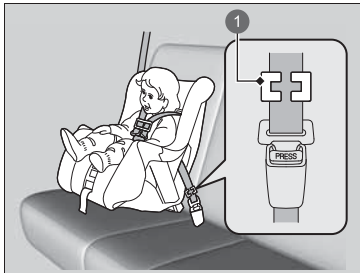
Hệ thống ghế ngồi trẻ em nếu không được lắp đúng cách sẽ không bảo vệ được trẻ đúng cách khi xảy ra va chạm và có thể gây trọng thương cho trẻ hoặc hành khách khác trên xe.

Còn nữa



6. Để kiểm tra hệ thống ghế ngồi trẻ em đã được cố định chắc chắn chưa, lắc ghế về phía trước, về phía sau, sang hai bên đến khi chỉ còn cảm nhận có một chút dịch chuyển.
7. Đảm bảo khóa các dây đai an toàn trong tầm với của trẻ khi chưa sử dụng đến.

Nếu hệ thống ghế ngồi trẻ em trên xe không có cơ cấu buộc dây đai, hãy lắp kẹp khóa vào dây đai an toàn.



❶ Kẹp Khóa

Sau khi xong bước 1 và 2, kéo phần vai của dây đai an toàn lên và đảm bảo phần hông của dây đai không bị chùng.

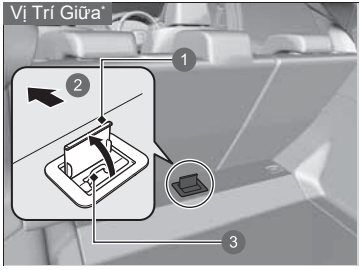
3. Ghì chặt phần dây đai gần đầu chốt. Kẹp chặt hai phần của dây đai để chúng không bị trượt qua đầu chốt. Tháo khóa dây đai an toàn.
4. Lắp kẹp khóa như trong hình. Lắp kẹp càng gần đầu chốt càng tốt.
5. Gài đầu chốt vào trong khóa. Chuyển sang bước 6 và 7.

Tăng Thêm Độ An Toàn bằng Dây Thắt



Điểm móc dây thắt được đặt ở đằng sau mỗi ghế sau.
Nếu hệ thống ghế ngồi trẻ em có dây thắt đi kèm, bạn cũng có thể sử dụng dây đai an toàn để cố định ghế, có thể sử dụng thêm dây thắt để tăng độ an toàn.

1. Móc Neo
2. Phía Trước Xe
3. Đầu Móc Dây Thắt



1. Nắp Che
2. Phía Trước Xe
3. Móc Neo

Tăng Thêm Độ An Toàn bằng Dây Thắt

CẢNH BÁO: Các móc neo ghế ngồi trẻ em được thiết kế để chịu tải trọng của hệ thống ghế ngồi trẻ em. Trong bất kỳ trường hợp nào cũng không được sử dụng cho dây đai an toàn của người lớn, không sử dụng để cố định hoặc để gắn một vật hoặc thiết bị gì khác vào xe.

Luôn sử dụng dây thắt cho hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước cho dù có dùng hay không dùng dây đai an toàn hoặc các móc neo phía dưới.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

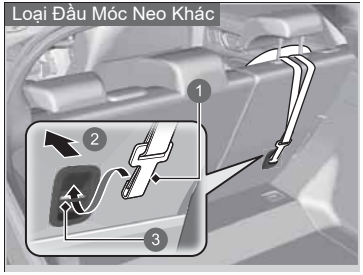
Còn nữa

Đầu Móc Neo Loại Thẳng



❶ Đầu Móc Dây Đai
❷ Phía Trước Xe
❸ Móc Neo

Loại Đầu Móc Neo Khác



❶ Đầu Móc Dây Đai
❷ Phía Trước Xe
❸ Móc Neo

Ngoại trừ loại xe có động cơ 2.0 L

■ Sử dụng móc neo bên ngoài

1. Tháo tấm che khoang hành lý.
➡ **Tấm Che Khoang Hành Lý*** Tr. 243

2. Đặt đúng đầu móc dây thắt.

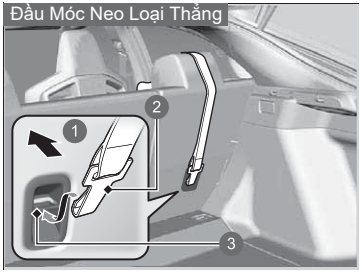
3. Nâng tựa đầu lên vị trí cao nhất, sau đó luồn đầu móc của dây thắt qua chân tựa đầu.
► Đảm bảo dây thắt không bị xoắn.

4. Móc đầu móc dây thắt vào móc neo.

5. Thắt chặt dây thắt theo hướng dẫn của nhà sản xuất hệ thống ghế ngồi trẻ em.

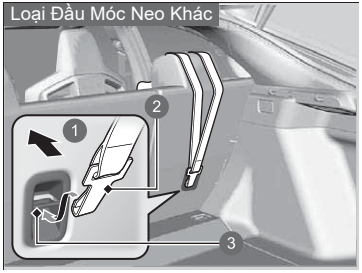
 * Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Đầu Móc Neo Loại Thẳng



❶ Phía Trước Xe
❷ Đầu Móc Dây Thắt
❸ Móc Neo

Loại Đầu Móc Neo Khác



❶ Phía Trước Xe
❷ Đầu Móc Dây Thắt
❸ Móc Neo

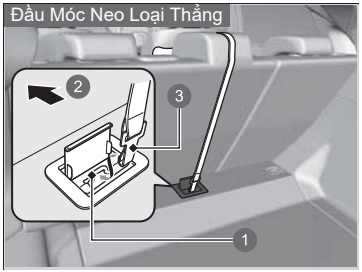
Loại xe có động cơ 2.0 L

1. Tháo tấm che khoang hành lý*.
➲**Tấm Che Khoang Hành Lý*** Tr. 243
2. Đặt đúng đầu móc dây thắt.
3. Luồn đầu móc của dây thắt qua chân tựa đầu. Đảm bảo dây thắt không bị xoắn.
4. Móc đầu móc dây thắt vào móc neo.
5. Thắt chặt dây thắt theo hướng dẫn của nhà sản xuất hệ thống ghế ngồi trẻ em.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

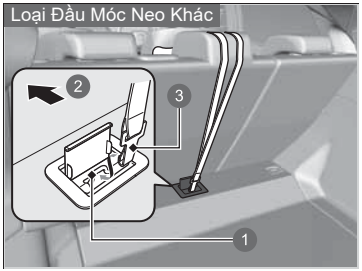
Còn nữa

Đầu Móc Neo Loại Thẳng



❶ Móc Neo
❷ Phía Trước Xe
❸ Đầu Móc Dây Thắt

Loại Đầu Móc Neo Khác



❶ Móc Neo
❷ Phía Trước Xe
❸ Đầu Móc Dây Thắt

Ngoại trừ loại xe có động cơ 2.0 L

■ Sử dụng móc neo giữa

1. Tháo tấm che khoang hành lý.
➔ **Tấm Che Khoang Hành Lý*** Tr. 243

2. Đặt đúng đầu móc dây thắt và lật nắp lên.

3. Luồn đầu móc của dây thắt qua tựa đầu.
▶ Đảm bảo dây không bị xoắn.

4. Móc chắc chắn đầu móc dây thắt vào móc neo.

5. Thắt chặt dây thắt theo hướng dẫn của nhà sản xuất hệ thống ghế ngồi trẻ em.

 * Không áp dụng cho tất cả các đời xe

An Toàn Cho Trẻ Lớn

■ Bảo Vệ Trẻ Lớn

Những trang sau đây sẽ hướng dẫn cách kiểm tra dây đai an toàn, cách sử dụng ghế lót đặc biệt cho trẻ khi cần và những phòng ngừa quan trọng khi trẻ phải ngồi ở phía trước.

■ Kiểm Tra Độ Phù Hợp Của Dây Đai An Toàn

Khi trẻ quá lớn để sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em, hãy bảo vệ trẻ ở ghế sau bằng dây đai an toàn hông/vai. Để trẻ ngồi thẳng và dựa vào lưng ghế, sau đó kiểm tra các mục sau:



■ Danh Mục Kiểm Tra

- Đầu gối của trẻ có gập thoải mái theo mép ghế ngồi không?
- Phần vai của dây đai có đặt vào vị trí giữa cánh tay và cổ của trẻ không?
- Phần hông của dây đai có ở vị trí thấp nhất có thể và chạm vào phần đùi của trẻ không?
- Trẻ có ngồi được như vậy trong suốt hành trình không?

Nếu câu trả lời cho tất cả các câu hỏi này là có tức là trẻ đã thắt dây đai an toàn hông/vai đúng cách. Nếu có câu trả lời nào đó là không thì hãy cho trẻ dùng ghế lót đặc biệt cho đến khi dây đai an toàn phù hợp với cơ thể trẻ và không cần dùng đến ghế lót đặc biệt.

An Toàn Cho Trẻ Lớn

⚠CẢNH BÁO

Để trẻ từ 12 tuổi trở xuống ngồi ở ghế trước có thể làm trẻ bị thương hoặc tử vong nếu túi khí trước phía hành khách nổ.

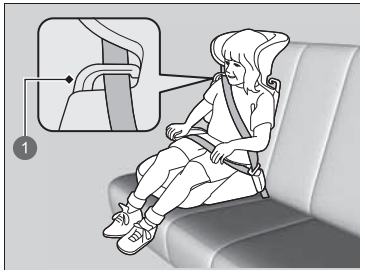
Nếu phải để trẻ lớn ngồi ở ghế trước thì chỉnh ghế trước càng lùi về sau càng tốt. Để trẻ ngồi ngay ngắn và thắt dây đai an toàn đúng cách, sử dụng ghế lót đặc biệt nếu cần.

Còn nữa

Ghế Lót Đặc Biệt



Nếu trẻ chưa thể sử dụng dây đai an toàn hông/vai hiệu quả, hãy đặt trẻ lên ghế lót đặc biệt ở ghế sau. Vì sự an toàn của trẻ, hãy kiểm tra xem trẻ có đáp ứng các khuyến cáo của nhà sản xuất ghế lót không.



Phần tựa lưng ghế được thiết kế riêng cho ghế lót đặc biệt. Lắp ghế lót đặc biệt vào tựa lưng và điều chỉnh cho vừa ghế ngồi theo hướng dẫn của nhà sản xuất ghế lót. Đảm bảo luôn dây đai qua khe dẫn hướng ở phần vai của tựa lưng và không để dây đai chạm và vắt ngang qua cổ của trẻ.

1 Dẫn Hướng

Ghế Lót Đặc Biệt

Khi lắp ghế lót đặc biệt, hãy đọc kỹ hướng dẫn của nhà sản xuất và lắp ghế theo hướng dẫn. Có ghế lót đặc biệt loại lưng cao và loại lưng thấp. Hãy chọn loại ghế lót có thể thắt dây đai an toàn hiệu quả.

Bạn nên sử dụng loại ghế lót có tựa lưng để điều chỉnh dây đai vai dễ dàng hơn.

■ Bảo Vệ An Toàn Cho Trẻ Lớn - Kiểm Tra Cuối

Nên để trẻ ngồi ở ghế sau để trẻ được bảo vệ hiệu quả. Nếu trên xe có một nhóm trẻ, và có một trẻ phải ngồi ở ghế trước:

- Đảm bảo bạn đã đọc và hiểu hết hướng dẫn và thông tin an toàn trong tài liệu hướng dẫn này.
- Ngả ghế hành khách phía trước càng lùi về phía sau càng tốt.
- Để trẻ ngồi thẳng và dựa lưng vào ghế.
- Kiểm tra xem dây đai an toàn đã ở đúng vị trí chưa để đảm bảo trẻ được bảo vệ an toàn trên ghế.

■ Giám sát trẻ em

Bạn nên để mắt đến trẻ khi có trẻ trên xe. Ngay cả với trẻ lớn, trẻ trưởng thành đôi khi cũng cần nhắc thắt dây đai an toàn và ngồi đúng tư thế.

Khí CO

Trong khí thải của xe có chứa CO, là một chất không màu, không mùi, độc tố cao. Nếu bảo dưỡng xe đúng cách, khí này sẽ không lọt vào xe bạn.

■ **Phải kiểm tra hệ thống khí xả có rò rỉ hay không khi:**
- Có âm thanh khác lạ trong hệ thống xả.
- Hệ thống xả bị hỏng.
- Xe được nâng lên để thay dầu.

Khi bạn vận hành xe mà mở cửa hậu, luồng khí có thể lùa khí thải vào trong xe và gây nguy hại. Nếu bạn buộc phải mở cửa hậu khi lái xe, hãy mở tất cả các cửa kính và cài đặt hệ thống điều khiển nhiệt độ như sau.

1. Chọn chế độ lấy gió ngoài.
2. Chọn chế độ .
3. Đặt quạt gió ở tốc độ cao.
4. Đặt nhiệt độ ở mức thoải mái nhất.

Điều chỉnh hệ thống điều khiển nhiệt độ giống như trên nếu bạn phải ngồi trên xe khi đã đỗ xe mà xe vẫn nổ máy.

Khí CO

⚠CẢNH BÁO

Khí CO là khí độc

Hít phải khí độc hại có thể gây bất tỉnh hoặc tử vong.

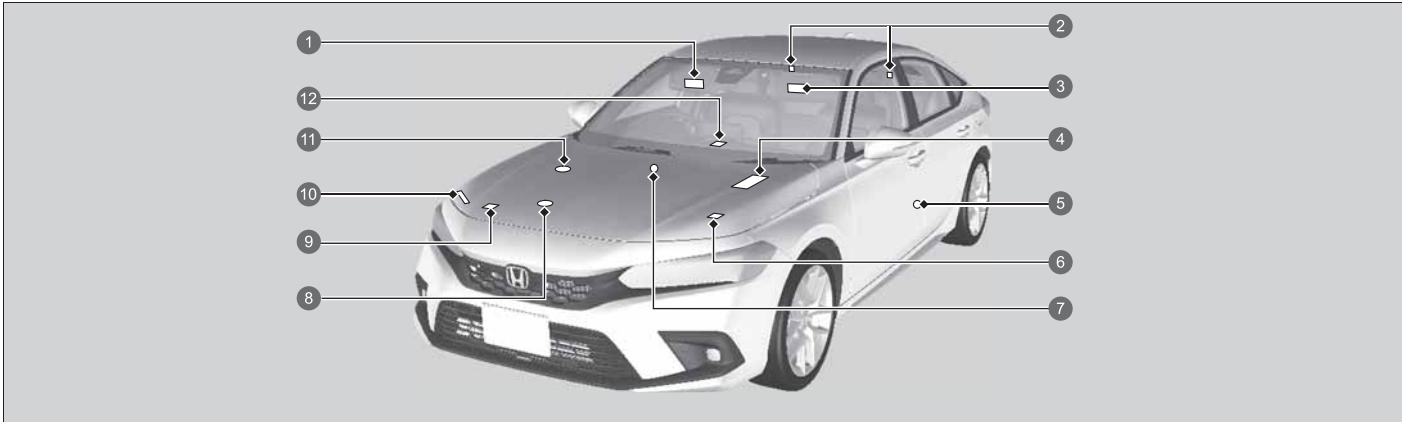
Tránh khu vực kín hoặc những nơi sản xuất có thải khí CO.

Lượng khí CO có thể tập trung ở các khu vực kín như gara.
Không được nổ máy khi cửa gara đang đóng.
Ngay cả khi cửa gara đang mở, hãy lái xe ra khỏi gara ngay sau khi khởi động động cơ.

Vị Trí Nhãn

Các nhãn an toàn này ở các vị trí như hình vẽ. Chúng cảnh báo cho bạn nguy hiểm tiềm ẩn có thể gây trọng thương hoặc tử vong. Hãy đọc kỹ các nhãn này.

Nếu nhãn này bị mất hoặc bị mờ, hãy liên hệ với đại lý để được thay thế.



1. Bảo Vệ Trẻ Em (Loại vô lăng bên trái) ➔ Tr. 73
2. Tựa Đầu Bên Ngoài Sau* ➔ Tr. 234
3. Bảo Vệ Trẻ Em (Loại vô lăng bên phải) ➔ Tr 73
4. Ắc Quy
5. An Toàn Cho Trẻ* (Loại vô lăng bên phải) ➔ Tr. 74
6. Nắp Ca-pô Bật lên* ➔ Tr. 71
7. An Toàn Cho Trẻ* (Loại vô lăng bên trái) ➔ Tr. 74
8. Nắp Két Nước*
9. Điều Hòa Không Khí* ➔ Tr. 648
10. Nắp Vách Ngăn Trước ➔ Tr. 609

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

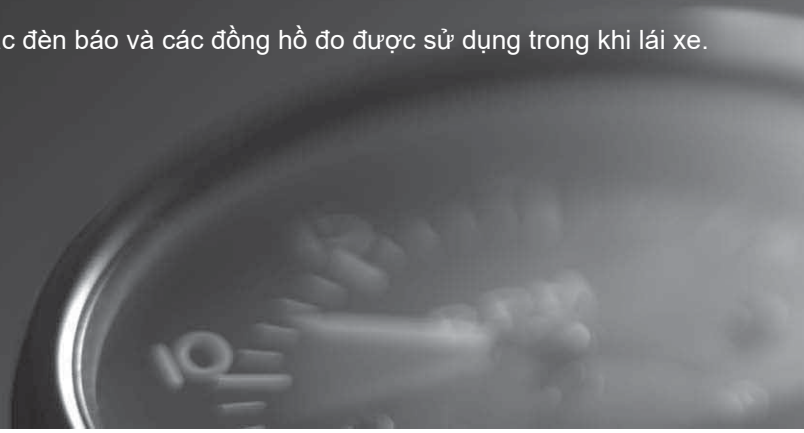
Còn nữa

⓫ Nắp Bình Chứa* ➔ Tr. 619
⓬ Nạp Không Dây ➔ Tr. 248

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Bảng Điều Khiển

Chương này mô tả các nút, các đèn báo và các đồng hồ đo được sử dụng trong khi lái xe.



Đèn Báo 114
Đồng Hồ Đo và Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái 135
Đồng Hồ Đo 135
Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái (Đồng Hồ Đo Đo Loại A) 140
Vùng Bên Trái Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái (Đồng Hồ Đo Loại B) 155
Vùng Bên Phải Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái (Đồng Hồ Đo Loại B) 160

Đèn báo sáng/nhấp nháy tùy thuộc vào điều kiện của xe. Khi đó, thông báo cũng có thể xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái. Hãy làm theo thông báo hướng dẫn, ví dụ như liên hệ với đại lý.

Bảng Điều Khiển


*1 Đèn Báo Phanh Đỗ và Hệ Thống Phanh (Đỏ) →Tr. 116


*1 Đèn Báo Phanh Đỗ và Hệ Thống Phanh (Màu Hổ Phách) →Tr. 117


*1 Đèn Báo Hệ Thống Giữ Phanh Tự Động →Tr. 117


*1 Đèn Báo Giữ Phanh Tự Động →Tr. 117


*1 Đèn Báo Sự Cố →Tr. 117


*1 Đèn Báo Hệ Thống Nạp Điện →Tr. 117


Đèn Báo Hệ Thống Số* →Tr. 118


Đèn Báo **M** (chế độ sang số thường 7 cấp)*/Đèn Báo Số* →Tr. 118


Đèn Báo Số* →Tr. 118


Đèn Báo Số* →Tr. 118


Đèn Báo Tăng Số* →Tr. 119


Đèn Báo Giảm Số* →Tr. 119


Đèn Báo Nhắc Thắt Dây Đai An Toàn →Tr. 119


Đèn Báo Nhiên Liệu Thấp →Tr. 119


*1 Đèn Báo Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh (**ABS**) →Tr. 119


*1 Đèn Báo Hệ Thống Bảo Vệ Phụ Trợ →Tr. 120


1 Đèn Báo Nhiệt Độ Thấp →Tr. 120


*1 Đèn Báo Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA) →Tr. 120


*1 Đèn Báo **TẮT** Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA) →Tr. 121


*1 Đèn Báo Hệ Thống Lái Điện (EPS) →Tr. 121


Đèn Xi Nhan và Đèn Cảnh Báo Nguy Hiểm →Tr. 121


Đèn Báo Đèn Bật →Tr. 121


Đèn Báo Chiếu Xa →Tr. 122


*1 Đèn Báo Chiếu Xa Tự Động →Tr. 122


Đèn Báo Đèn Sương Mù Trước* →Tr. 122


Đèn Báo Đèn Sương Mù Sau* →Tr. 122

*1: Khi đặt chế độ nguồn ở BẬT, các đèn báo này sẽ sáng để thông báo rằng đang thực hiện kiểm tra hệ thống. Đèn báo sẽ tắt sau vài giây hoặc sau khi động cơ khởi động. Nếu đèn báo nào đó không sáng hoặc tắt, có thể hệ thống đó có sự cố. Để xử lý sự cố này, hãy làm theo các hướng dẫn trong tài liệu hướng dẫn sử dụng.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

ECON	Đèn Báo Chế Độ **ECON***	→Tr. 126
NORMAL	Đèn Báo Chế Độ **NORMAL***	→Tr. 126
SPORT	Đèn Báo Chế Độ **SPORT**	→Tr. 126
INDIVIDUAL	Đèn Báo Chế Độ **INDIVIDUAL***	→Tr. 126
COMFORT	Đèn Báo Chế Độ **COMFORT***	→Tr. 126
+R	Đèn Báo Chế Độ **+R***	→Tr. 126
	Đèn Báo Thông Báo Hệ Thống	→Tr. 127
	Đèn Báo Khoảng Cách Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC)*	→Tr. 130
	Đèn Báo Sẵn Sàng Hỗ Trợ Cảnh Báo Chệch Làn Đường*	→Tr.131
OFF	Đèn Báo **TẮT** Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời*	→ Tr.124
	Đèn Báo Tạm Dừng Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời*	→Tr.125

*1	Đèn Báo Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời (Hổ Phách)*	→Tr.124
	Đèn Báo Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời (Xanh Lục)*	→Tr.124
	Đèn Báo Hệ Thống Chống Nổ Máy	→Tr.123
	Đèn Báo Hệ Thống Cảnh Báo An Ninh	→Tr.123
LIM	Đèn Báo Hệ Thống Giới Hạn Tốc Độ Có Thể Điều Chỉnh (Trắng/Xanh Lục)*	→Tr.128
LIM	Đèn Báo Hệ Thống Giới Hạn Tốc Độ Thông Minh (Trắng/Xanh Lục)*	→Tr.128
*1	Đèn Báo Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp (Hổ Phách)*	→Tr.129
	Đèn Báo Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp* (Trắng/Xanh Lục)	→Tr.129
*1	Đèn Báo Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS) (Hổ Phách)	→Tr.130
	Đèn Báo Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS) (Trắng/Xanh Lục)	→Tr.130

*1	Đèn Báo Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS) (Màu Hổ Phách)*	→Tr.131
	Đèn Báo Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS) (Xám)*	→Tr.131
*1	Đèn Báo Cảnh Báo Chệch Làn Đường (Màu Hổ Phách)*	→Tr.131
	Đèn Báo Cảnh Báo Chệch Làn Đường (Xám)*	→Tr.131
	Đèn Báo TẮT Tự Động Hỗ Trợ Lái của Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường*	→Tr.132
*1	Đèn Báo Hỗ Trợ An Toàn (Màu Hổ Phách)	→Tr.132
	Đèn Báo Hỗ Trợ An Toàn (Xanh Lục/Xám)	→Tr. 134

*1: Khi đặt chế độ nguồn ở BẬT, các đèn báo này sẽ sáng để thông báo rằng đang thực hiện kiểm tra hệ thống. Đèn báo sẽ tắt sau vài giây hoặc sau khi động cơ khởi động. Nếu đèn báo nào đó không sáng hoặc tắt, có thể hệ thống đó có sự cố. Để xử lý sự cố này, hãy làm theo các hướng dẫn trong tài liệu hướng dẫn sử dụng.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Còn nữa

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải
 (Màu Đỏ)	Đèn Báo Phanh Đỗ và Hệ Thống Phanh (Màu Đỏ)	• Sáng khi gài phanh đỗ và tắt khi nhả phanh đỗ.	• Tiếng bíp vang lên và đèn báo sáng nếu gài phanh đỗ trong khi lái xe. • Sáng trong khoảng 30 giây khi bạn gài phanh đỗ điện trong khi chế độ nguồn ở PHỤ KIỆN hoặc TẮT MÁY, sau đó tắt. • Vẫn sáng trong khoảng 30 giây khi bạn đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY trong khi gài phanh đỗ điện, sau đó tắt.
		• Sáng khi dầu phanh ở mức thấp.	• **Sáng khi lái xe** - Đảm bảo nhả phanh đỗ. Dừng xe ở nơi an toàn và kiểm tra mức dầu phanh. ➡ **Phải làm gì nếu đèn báo sáng khi đang lái xe** Tr. 705
		• Sáng nếu hệ thống phanh có sự cố.	• **Sáng cùng với đèn báo ABS** - Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra. ➡ **Nếu Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Đỏ) Sáng hoặc Nhấp Nháy** Tr. 705 • **Nhấp Nháy và Đèn Báo Phanh Đỗ và Hệ Thống Phanh (màu hổ phách) sáng cùng một lúc**- Hệ thống phanh đỗ điện có sự cố. Có thể chưa gài phanh đỗ. Tránh dùng phanh đỗ và đưa ngay xe đến đại lý để kiểm tra. ➡ **Nếu đèn báo hệ thống phanh (đỏ) sáng hoặc nhấp nháy đồng thời đèn báo hệ thống phanh (màu hổ phách) sáng, nhả phanh đỗ bằng tay hoặc tự động.** Tr. 707

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải
 (Màu hổ phách)	Đèn Báo Phanh Đỗ và Hệ Thống Phanh (Màu Hổ Phách)	• Sáng nếu hệ thống liên quan đến phanh có sự cố ngoại trừ hệ thống phanh thông thường.	• **Sáng lên trong khi lái xe** - Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra. • Khi đèn báo này sáng, xe bạn vẫn có khả năng phanh bình thường.
		• Sáng nếu hệ thống phanh đỗ điện và/hoặc hệ thống giữ phanh tự động có sự cố.	• **Sáng suốt** - Tránh dùng phanh đỗ và hãy đưa ngay xe đến đại lý kiểm tra.
	Đèn Báo Hệ Thống Giữ Phanh Tự Động	• Sáng khi bật hệ thống giữ phanh tự động.	**Giữ Phanh Tự Động** Tr. 561
	Đèn Báo Giữ Phanh Tự Động	• Sáng khi kích hoạt chức năng giữ phanh tự động.	**Giữ Phanh Tự Động** Tr. 561
	Đèn Báo Sự Sự Cố	• Sáng nếu hệ thống kiểm soát khí thải có sự cố. • Nhấp nháy khi phát hiện mất lửa trong các xy lanh động cơ.	**Nếu Đèn Báo Sự Cố Sáng hoặc Nhấp Nháy** Tr. 704
	Đèn Báo Hệ Thống Nạp Điện	• Sáng khi hệ thống nạp điện có sự cố.	• Dừng xe ở nơi an toàn và liên hệ ngay với đại lý. **Kiểm Tra Ắc Quy** Tr. 642 **Nếu Đèn Báo Hệ Thống Nạp Điện Sáng** Tr. 704

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải
	Đèn Báo Hệ Thống Số*	• Nhấp nháy nếu hệ thống số có sự cố.	• Hãy đưa ngay xe đến đại lý để kiểm tra
	Đèn Báo **M** (chế độ sang số thường 7 cấp)*/Đèn Báo Số*	• Sáng khi kích hoạt chế độ sang số thường 7 cấp.	➡ **Chế Độ Sang Số Thường 7 Cấp** Tr. 407
	Đèn Báo Số*	• Hiển thị số hiện tại.	➡ **Sang Số** Tr. 405
	Đèn Báo Số*	• Hiển thị số 1 đến số 6 và số N.	• Nếu bạn sang số từ từ, số khác có thể hiển thị một lúc. ➡ **Sang Số** Tr. 410 • Khi bật chế độ nguồn, N sẽ không xuất hiện cho đến khi sang số R hoặc sang số 1 đến số 6. • Số 1 đến số 6 không xuất hiện khi xe đã dừng. • Có thể tùy chọn BẬT/TẮT màn hình âm thanh/ thông tin. ➡ **Tính Năng Tùy Chọn** Tr. 313

 * Không áp dụng cho tất cả các đời xe

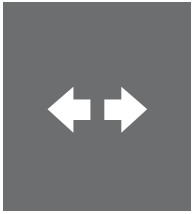
Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải
	Đèn Báo Tăng Số*	• Sáng khi cần tăng số.	**Đèn Báo Tăng/Giảm Số** Tr. 412
	Đèn Báo Giảm Số*	• Sáng khi cần giảm số.	**Đèn Báo Tăng/Giảm Số** Tr. 412
	Đèn Báo Nhắc Thắt Dây Đai An Toàn	• Sáng nếu bạn không thắt dây đai an toàn khi đặt chế độ nguồn ở BẬT. • Nếu hành khách phía trước không thắt dây đai an toàn, đèn báo sẽ sáng lên trong vài giây sau đó. • Sáng một lát khi không thắt dây đai an toàn ghế sau trong khi chế độ nguồn ở BẬT. • Nhấp nháy khi đang lái xe nếu bạn và/hoặc bất kỳ hành khách nào không thắt dây đai an toàn. Tiếng bíp vang lên và đèn báo nhấp nháy ngắt quãng đều đặn.	• Tiếng bíp ngừng và đèn báo tắt khi bạn và hành khách thắt dây đai an toàn. • **Vẫn sáng sau khi bạn và/hoặc hành khách đã thắt dây đai an toàn** - Có thể xảy ra lỗi phát hiện ở cảm biến. Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra. **Nhắc Thắt Dây Đai An Toàn** Tr. 45
	Đèn Báo Nhiên Liệu Thấp	• Sáng khi bình chứa nhiên liệu ở mức thấp (còn khoảng 7 Lít).	• **Sáng** - Nạp đầy nhiên liệu càng sớm càng tốt.
		• Nhấp nháy nếu đồng hồ đo nhiên liệu có sự cố.	• Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.
	Đèn Báo Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh (**ABS**)	• Sáng nếu ABS có sự cố.	• **Sáng suốt** - Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra. Khi đèn báo sáng, xe bạn vẫn có khả năng phanh bình thường nhưng không có chức năng chống bó cứng. **Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh (ABS)** Tr. 567

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Còn nữa

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải
	Đèn Báo Hệ Thống Bảo Vệ Phụ Trợ	• Sáng nếu phát hiện một trong các hệ thống sau có sự cố: - Hệ Thống Bảo Vệ Phụ Trợ - Hệ thống túi khí bên - Hệ thống túi khí rèm - Bộ căng dây đai an toàn	• **Sáng suốt** - Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.
	Đèn Báo Nhiệt Độ Thấp*	• Sáng khi nhiệt độ nước làm mát động cơ thấp.	• Nếu đèn báo vẫn sáng sau khi động cơ đã đạt được nhiệt độ hoạt động bình thường, có thể xảy ra lỗi với các cảm biến nhiệt. Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.
	Đèn Báo Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA)	• Nhấp nháy khi kích hoạt VSA.	—
		• Sáng nếu hệ thống VSA, hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp, hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc, chức năng phanh hỗ trợ khởi động*, hoặc hỗ trợ xử lý nhanh có sự cố.	• **Sáng suốt** - Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra. ➡ **Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA)** Tr. 444 ➡ **Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc** Tr. 399
		• Sáng nếu hệ thống VSA bị tắt tạm thời sau khi tháo ắc quy, sau đó lắp lại.	• Lái xe một quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h. Đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn không tắt, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

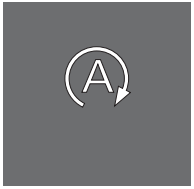
 * Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải
	Đèn Báo **TẮT** Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA)	• Sáng khi bạn tắt VSA.	➔ **Bật và Tắt VSA** Tr. 445
		Loại xe có đồng hồ đo loại B • Sáng khi bạn ấn và giữ nút (**TẮT** VSA) trong khi ở chế độ **+R**.	➔ **Khi ở chế độ lái +R** Tr. 446
		Loại xe có đồng hồ đo loại A • Sáng nếu hệ thống VSA bị tắt tạm thời sau khi tháo ắc quy, sau đó lắp lại.	• Lái xe một quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h. Đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn không tắt, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.
	Đèn Báo Hệ Thống Lái Trợ Lực Điện (EPS)	• Sáng nếu hệ thống EPS có sự cố.	• **Sáng suốt** - Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra. • **Do not drive** (Không lái xe) **xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái** - Dừng ngay xe ở nơi an toàn và liên hệ với đại lý. ➔ **Nếu Đèn Báo Hệ Thống Lái Trợ Lực Điện (EPS) Sáng** Tr. 706
	Đèn Báo Xi Nhan và Cảnh Báo Nguy Hiểm	• Nhấp nháy khi bạn gạt cần xi nhan. • Nhấp nháy cùng với đèn xi nhan khi bạn ấn nút cảnh báo nguy hiểm.	• **Không nhấp nháy hoặc nhấp nháy nhanh** ➔ **Thay Bóng Đèn** Tr. 625
		Loại xe có đồng hồ đo loại A • Nhấp nháy cùng với đèn xi nhan khi bạn nhấn bàn đạp phanh trong khi lái xe ở tốc độ cao.	➔ **Tín Hiệu Dừng Khẩn Cấp** Tr. 569
	Đèn Báo Đèn Bật	• Sáng lên khi bật đèn vị trí, đèn hậu và các đèn ngoài xe.	➔ **Đèn** Tr. 208

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải
	Đèn Báo Chiếu Xa	• Sáng khi bật các đèn chiếu xa.	—
	Đèn Báo Chiếu Xa Tự Động	• Sáng khi đáp ứng tất cả các điều kiện hoạt động của chiếu xa tự động.	**Chiếu Xa Tự Động** Tr. 214
	Đèn Báo Đèn Sương Mù Trước*	• Sáng khi bật đèn sương mù trước.	**Đèn Sương Mù Trước*** Tr. 212
	Đèn Báo Đèn Sương Mù Sau*	• Sáng khi bật đèn sương mù sau.	**Đèn Sương Mù Sau*** Tr. 212

 * Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải
Loại xe có đồng hồ đo loại A  Loại xe có đồng hồ đo loại B  Đèn Báo	Đèn Báo Hệ Thống Chống Nổ Máy	• Nhấp nháy nếu hệ thống chống nổ máy không nhận dạng được thông tin chìa khóa.	• **Nhấp nháy** - Bạn không thể khởi động động cơ. Đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY, sau đó chọn lại chế độ BẬT. • **Nháy liên tục** - Hệ thống có thể có sự cố. Hãy đưa xe đến đại lý kiểm tra. • Không cố sửa hệ thống hoặc thêm bất kỳ thiết bị khác vào hệ thống. Sự cố điện có thể xảy ra.
Loại xe có đồng hồ đo loại A  Loại xe có đồng hồ đo loại B  Đèn Báo	Đèn Báo Hệ Thống Cảnh Báo An Ninh	• Nhấp nháy khi hệ thống cảnh báo an ninh được thiết lập.	**Hệ Thống Cảnh Báo An Ninh** Tr. 202

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải
	Đèn Báo **TẮT** Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời*	• Sáng khi tắt hệ thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời bằng nút **TẮT** Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời.	**BẬT/TẮT Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời** Tr. 416
	Đèn Báo Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời (Màu Hổ Phách)*	• Nhấp nháy khi hệ thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời có sự cố.	• **Nhấp nháy** - Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.
	Đèn Báo Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời (Màu Xanh Lục)*	• Sáng khi hệ thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời đang hoạt động. Động cơ sẽ tự động tắt.	**Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời*** Tr. 414

 * Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải
	Đèn Báo Tạm Dừng Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời*	• Sáng khi hệ thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời tạm dừng trong các tình huống sau.	—
		- Không nhấn hết cỡ bàn đạp phanh	• Nhấn hết cỡ bàn đạp phanh.
		- Cần số không ở D	➔ **Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời*** Tr. 414
		- Ưu tiên nạp hệ thống	
		- Ưu tiên hệ thống điều khiển nhiệt độ	
		- Nhiệt độ nước làm mát động cơ không trong phạm vi hoạt động	
		- Chọn chế độ **SPORT**.	➔ **Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời*** Tr. 414 ➔ **Công Tắc Chế Độ Lái** Tr. 421
		- Nhiệt độ ắc quy quá thấp. - Hệ thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời không hoạt động do một số lý do.	➔ **Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời*** Tr. 414
		—	• Nếu bạn ấn và giữ nút **TẮT** Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời, bạn có thể chọn bật hoặc tắt thông báo tình trạng hệ thống.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải
	Đèn Báo Chế Độ **ECON***	• Sáng khi bạn đặt chế độ lái ở **ECON**.	**Công Tắc Chế Độ Lái** Tr. 421
	Đèn Báo Chế Độ **NORMAL***	• Sáng khi bạn đặt chế độ lái ở **NORMAL**.	**Công Tắc Chế Độ Lái** Tr. 421
	Đèn Báo Chế Độ **SPORT**	• Sáng khi bạn đặt chế độ lái ở **SPORT**.	Loại xe có đồng hồ đo loại A • Đèn viền đồng hồ vẫn sáng đỏ bất cứ khi nào chọn chế độ **SPORT**. **Công Tắc Chế Độ Lái** Tr. 421, 424
	Đèn Báo Chế Độ **INDIVIDUAL***	• Sáng khi bạn đặt chế độ lái ở **INDIVIDUAL**.	**Công Tắc Chế Độ Lái** Tr. 424
	Đèn Báo Chế Độ **COMFORT***	• Sáng khi bạn đặt chế độ lái ở **COMFORT**.	**Công Tắc Chế Độ Lái** Tr. 424
	Đèn Báo Chế Độ **+R***	• Sáng khi bạn đặt chế độ lái ở **+R**.	**Công Tắc Chế Độ Lái** Tr. 424

 * Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải
	Đèn Báo Thông Báo Hệ Thống	• Sáng và tiếng bíp cũng vang lên khi phát hiện ra sự cố. Đồng thời thông báo hệ thống cũng sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.	• Tham khảo thông tin các Đèn Báo trong phần này khi thông báo hệ thống xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái. Xử lý theo thông báo tương ứng. Loại xe có đồng hồ đo loại A • Trong khi đèn báo sáng, ấn nút (màn hình chính) và chọn **Warnings** để xem lại thông báo. **Chuyển Đổi Màn Hình Hiển Thị** Tr. 140 • Màn hình giao diện thông tin cho người lái sẽ không trở về màn hình bình thường trừ khi hủy cảnh báo hoặc ấn nút (màn hình chính. Loại xe có đồng hồ đo loại B • Trong khi đèn báo sáng, cuộn vòng lựa chọn bên phải để xem lại thông báo. **Chuyển Đổi Màn Hình Hiển Thị** Tr. 161 • Màn hình giao diện thông tin cho người lái sẽ không trở về màn hình bình thường trừ khi hủy cảnh báo hoặc cuộn vòng lựa chọn bên phải.

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải
	Đèn Báo Hệ Thống Giới Hạn Tốc Độ Có Thể Điều Chỉnh (MàuTrắng/ Xanh Lục)*	• Sáng trắng khi bạn ấn nút . Nếu đèn báo khác sáng, ấn nút **LIM**. • Sáng xanh lục khi bạn đặt tốc độ cho hệ thống giới hạn tốc độ có thể điều chỉnh.	**Hệ Thống Giới Hạn Tốc Độ Có Thể Điều Chỉnh*** Tr. 431
	Đèn Báo Hệ Thống Giới Hạn Tốc Độ Thông Minh (MàuTrắng/ Xanh Lục)*	• Sáng trắng khi bạn ấn nút . Nếu đèn báo khác sáng, ấn nút **LIM** tương ứng. • Sáng xanh lục khi bạn ấn công tắc **RES/+/ SET/−** lên hoặc xuống.	**Hệ Thống Giới Hạn Tốc Độ Thông Minh*** Tr. 437

 * Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải
	Đèn Báo Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp* (Màu Hổ Phách)	• Sáng nếu ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp* có sự cố.	• **Sáng khi đang lái xe** - Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.
		• Sáng nếu ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp dừng hoạt động tạm thời sau khi tháo ắc quy, sau đó lắp lại.	• Lái xe ở quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h. Đèn báo phải tắt. Nếu không tắt, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.
		• Đèn báo có thể sáng tạm thời khi vượt quá giới hạn tải tối đa cho phép. • ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp* bị hủy tự động.	• Đảm bảo tổng trọng tải nằm trong giới hạn tải tối đa cho phép. ➡ **Giới Hạn Tải** Tr. 395 • **Sáng suốt** - Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.
	Đèn Báo Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp* (Màu Trắng/ Xanh Lục)	Loại xe Australia và New Zealand có động cơ 2.0 L • Sáng trắng khi bạn ấn nút  . Nếu đèn báo khác sáng, ấn nút **LIM.** Ngoại trừ loại xe Australia và New Zealand có động cơ 2.0 L • Sáng trắng khi bạn ấn nút  . Tất cả các loại xe • Sáng xanh lục khi bạn ấn công tắc **RES/+**/ **SET/-** lên hoặc xuống.	➡ **Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) có Hỗ trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp*** Tr. 473 ➡ **Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC)*** Tr. 490

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Còn nữa

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải
	Đèn Báo Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS) (Màu Hổ Phách)	• Sáng nếu hệ thống LKAS có sự cố.	• **Sáng suốt** - Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.
		• Đèn báo có thể sáng tạm thời khi vượt quá giới hạn tải tối đa cho phép.	• Đảm bảo tổng trọng tải nằm trong giới hạn tải tối đa cho phép. ➡ **Giới Hạn Tải** Tr. 395 • **Sáng suốt** - Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.
	Đèn Báo Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS) (Màu Trắng/ Xanh Lục)	• Sáng trắng khi bạn ấn nút LKAS. • Sáng xanh lục khi LKAS đang hoạt động.	➡ **Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS)** Tr. 508
	Đèn Báo Khoảng Cách Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC)*	• Sáng khi đèn báo Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) sáng.	• Mỗi khi bạn ấn nút khoảng cách, chu kỳ thiết lập khoảng cách với xe khác (khoảng cách giữa xe bạn và xe phía trước được phát hiện) sẽ chuyển từ **Furthest***1/**Extra long***2 (Xa nhất/Rất xa), **Far***1/**Long***2 (Xa), **Mid***1/ **Middle***2, (Trung bình) và **Nearest***1/**Short***2 (Gần nhất/Gần) ➡ **Thiết Lập hoặc Thay Đổi Khoảng Cách Giữa Các Xe** Tr. 485

* 1: Loại Xe Philippin
* 2: Ngoại trừ loại xe Philippin

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải
	Đèn Báo Sẵn Sàng Hỗ Trợ Cảnh Báo Chệch Làn Đường*	• Sáng khi đáp ứng tất cả các điều kiện hoạt động của hệ thống Phanh Giảm Va Chạm và phát hiện vạch báo làn đường.	**Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường** Tr. 530
	Đèn Báo Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS) (Màu Hổ Phách)*	• Sáng nếu CMBS có sự cố hoặc không thể sử dụng hệ thống tạm thời do kính chắn gió gần camera bị bụi bẩn.	• Đèn Báo Hỗ Trợ An Toàn (Màu Hổ Phách) sáng cùng lúc. **Đèn Báo Hỗ Trợ An Toàn (Màu Hổ Phách)** Tr. 132
	Đèn Báo Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS) (Màu Xám)*	• Sáng khi CMBS tắt.	**Hỗ Trợ An Toàn** Tr. 152, 177
	Đèn Báo Cảnh Báo Chệch Làn Đường (Màu Hổ Phách)*	• Sáng khi Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường có sự cố hoặc không thể sử dụng hệ thống tạm thời do kính chắn gió gần camera bị bụi bẩn.	• Đèn Báo Hỗ Trợ An Toàn (Màu Hổ Phách) sáng cùng lúc. **Đèn Báo Hỗ Trợ An Toàn (Màu Hổ Phách)** Tr. 132
	Đèn Báo Cảnh Báo Chệch Làn Đường (Màu Xám)	• Sáng khi Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường tắt.	**Hỗ Trợ An Toàn** Tr. 152, 177

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải
	Đèn Báo TẮT Tự Động Hỗ Trợ Lái của Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường*	• Sáng khi tính năng hỗ trợ lái của Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường tự động tắt.	**Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường** Tr. 530
	Đèn Báo Hỗ Trợ An Toàn (Màu Hổ Phách)	• Sáng khi hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường, CMBS, hoặc hệ thống thông tin điểm mù* có sự cố.	• **Sáng suốt** - Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.
		• Đèn báo có thể sáng tạm thời khi vượt quá giới hạn tải tối đa cho phép.	• Đảm bảo tổng trọng tải nằm trong giới hạn tải tối đa cho phép. **Giới Hạn Tải** Tr. 395 • **Sáng suốt** - Đưa xe đến đại lý để kiểm tra.
		• Sáng nếu hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường hoặc CMBS dừng hoạt động tạm thời sau khi tháo ắc quy, sau đó lắp lại.	• Lái xe ở quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h. Đèn báo phải tắt. Nếu không tắt, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

 * Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải
	Đèn Báo Hỗ Trợ An Toàn (Màu Hổ Phách)	• Sáng khi hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường và/hoặc CMBS tự tắt.	• **Sáng suốt** - Nhiệt độ bên trong camera quá cao. Sử dụng hệ thống điều khiển nhiệt độ để làm mát camera. Hệ thống hoạt động khi nhiệt độ bên trong camera giảm. ➔ **Camera Trước** Tr. 553
			• **Sáng suốt** - Vùng xung quanh camera bị bụi bẩn, bùn bám, v.v. Hãy dừng xe ở nơi an toàn, dùng giẻ sạch, mềm lau sạch bụi bẩn. • Hãy đưa xe đến đại lý kiểm tra nếu đèn báo và thông báo vẫn hiển thị trên màn hình ngay cả khi đã lau sạch vùng xung quanh camera. ➔ **Camera Trước** Tr. 553 • Đèn có thể sáng khi điều kiện môi trường xung quanh tối, như khi lái xe qua đường hầm, hoặc lái xe vào ban đêm, lúc sáng sớm, hoặc lúc chập tối.
		Loại xe có hệ thống thông tin điểm mù • Sáng khi có bùn, tuyết hoặc băng tích tụ ở vùng xung quanh cảm biến hệ thống thông tin điểm mù. • Sáng khi nhiệt độ của cảm biến hệ thống thông tin điểm mù cao.	• **Sáng khi đang lái xe** - Có thể có thứ gì đó đang làm nhiễu cảm biến hệ thống thông tin điểm mù. Kiểm tra vùng xung quanh cảm biến hệ thống thông tin điểm mù và loại bỏ bất kỳ vật cản nào. • Hệ thống sẽ trở lại bình thường khi nhiệt độ giảm. ➔ **Hệ Thống Thông Tin Điểm Mù*** Tr. 449

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Còn nữa

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải
	Đèn Báo Hỗ Trợ An Toàn (Màu Xanh Lục /Xám)	• Sáng màu xanh lục khi hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường, CMBS và hệ thống thông tin điểm mù* bật. • Sáng màu xanh lục và màu xám khi hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường, CMBS và hệ thống thông tin điểm mù* hoặc hai trong số các hệ thống này tắt. • Sáng màu xám khi hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường, CMBS và hệ thống thông tin điểm mù* tắt.	➔ **Bật và Tắt Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường** Tr. 537 ➔ **Bật và Tắt Hệ Thống Thông Tin Điểm Mù** Tr. 452 ➔ **Bật và Tắt CMBS** Tr. 464

 * Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Đồng Hồ Đo

Đồng hồ đo bao gồm đồng hồ đo tốc độ xe, đồng hồ đo nhiên liệu và các đèn báo liên quan. Các đồng hồ đo này hiển thị khi chế độ nguồn ở BẬT.

Đồng Hồ Đo Tốc Độ Xe

Hiển thị tốc độ xe tính bằng km/h.

Đồng Hồ Đo Nhiên Liệu

Hiển thị lượng nhiên liệu còn lại trong bình chứa nhiên liệu.

Đồng Hồ Đo Nhiên Liệu

CHÚ Ý

Bạn nên nạp nhiên liệu khi kim chỉ xăng ở E*. Hết nhiên liệu có thể làm cho động cơ không nổ, làm hỏng bộ trung hòa khí xả.

Lượng nhiên liệu còn lại trên thực tế có thể khác so với chỉ số trên đồng hồ đo.

Đồng Hồ Đo Tốc Độ Động Cơ

Hiển thị số vòng quay động cơ vòng/phút.

Đồng Hồ Đo Tốc Độ Động Cơ

Loại xe có đồng hồ đo loại A

Có thể bật và tắt màn hình đồng hồ đo tốc độ động cơ.

➔ **Tính Năng Tùy Chọn** Tr. 313

Loại xe có đồng hồ đo loại B

Âm thanh cảnh báo tăng số vang lên khi chỉ số đồng hồ đo tốc độ động cơ chỉ vào vùng đỏ.

Bạn có thể bật và tắt tính năng cảnh báo tăng số.

➔ **Tính Năng Tùy Chọn** Tr. 313

Loại xe có đồng hồ đo loại A

Đèn Viền Đồng Hồ

Thay đổi sang màu xanh lục để báo xe đang được lái ở chế độ tiết kiệm nhiên liệu với chế độ lái SPORT tắt.

Còn nữa

Loại xe có đồng hồ đo loại B

■ Đồng Hồ Đo Nhiệt Độ

Hiển thị nhiệt độ nước làm mát động cơ.

Đồng Hồ Đo Nhiệt Độ

CHÚ Ý

Lái xe khi kim chỉ đồng hồ đo nhiệt độ ở mức cao có thể làm cho động cơ bị hư hỏng nghiêm trọng. Lái xe vào lề đường và để nhiệt độ động cơ trở lại mức bình thường.

➔ **Quá Nhiệt** Tr. 699

Loại xe có đồng hồ đo loại A

■ Đồng Hồ Đo Quãng Đường

Hiển thị tổng số km mà xe của bạn đã đi.

■ Nhiệt Độ Ngoài Trời

Hiển thị nhiệt độ ngoài trời tính theo đơn vị độ C.
Nếu nhiệt độ ngoài trời dưới 3°C tại thời điểm bạn đặt chế độ nguồn ở BẬT, thông báo **Outside temperature low** (Nhiệt độ ngoài trời thấp) sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

Nhiệt Độ Ngoài Trời

Cảm biến nhiệt độ nằm ở tấm cản trước. Hơi nóng từ mặt đường và khí xả của xe có thể làm ảnh hưởng tới chỉ báo nhiệt độ khi tốc độ xe dưới 30 km/h.

Có thể mất vài phút để cập nhật màn hình sau khi nhiệt độ đã ổn định.

■ Điều chỉnh hiển thị nhiệt độ ngoài trời

Điều chỉnh số đo nhiệt độ lên xuống ±3°C nếu chỉ số nhiệt độ không chính xác.

Điều chỉnh hiển thị nhiệt độ ngoài trời

Bạn có thể điều chỉnh chỉ báo nhiệt độ.

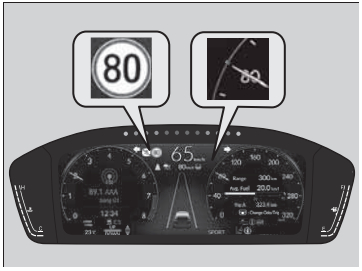
➔ **Tính Năng Tùy Chọn** Tr. 313

■ Hệ Thống Nhận Diện Biển Báo Giao Thông*

Hiển thị một số biển báo giao thông trong khi lái xe.

Đèn báo nhấp nháy khi Hệ Thống Nhận Diện Biển Báo Giao Thông phát hiện xe vượt quá biển báo giới hạn tốc độ.

➲ **Hệ Thống Nhận Diện Biển Báo Giao Thông*** Tr. 543



* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Còn nữa

■ Chế Độ Hiện Tại cho ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp*, LKAS, và Hệ Thống Hỗ Trợ Lái Xe Khi Tắc Đường*

Hiển thị chế độ hiện tại cho ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp*, LKAS, và Hệ Thống Hỗ Trợ Lái Xe Khi Tắc Đường*.

- **Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp*** Tr. 473
- **Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC)*** Tr. 490
- **Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS)** Tr. 508
- **Hệ Thống Hỗ Trợ Lái Xe Khi Tắc Đường*** Tr. 521

Loại xe có đồng hồ đo loại A

■ Đồng Hồ

Hiển thị đồng hồ.

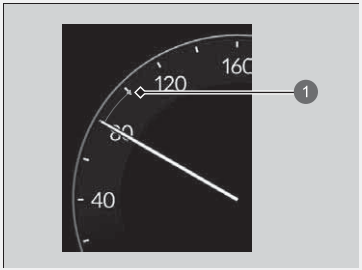
■ Đồng Hồ Đo Vòng Quay Động Cơ*

Sáng từ bên ngoài đến giữa theo tốc độ động cơ.

Chế Độ Hiện Tại cho ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp*, LKAS và Hệ Thống Hỗ Trợ Lái Xe Khi Tắc Đường*

Loại xe có đồng hồ đo loại B

Nếu bạn cài đặt đồng hồ đo ở **Round** (Dạng tròn) hoặc **Bar** (Dạng vạch chia), khi bạn đặt tốc độ cho ACC, vạch báo tốc độ cài đặt sẽ hiển thị trên đồng hồ đo tốc độ xe.



1 Cài Đặt Tốc Độ

Đồng Hồ

Bạn có thể điều chỉnh giờ bằng tay hoặc thay đổi kiểu hiển thị đồng hồ 12 giờ hoặc 24 giờ.

Đồng Hồ Tr. 182

Đồng Hồ Đo Vòng Quay Động Cơ*

Bạn có thể bật và tắt đồng hồ đo vòng quay động cơ.

Tính Năng Tùy Chọn Tr. 313

 * Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Loại xe có đồng hồ đo loại B

Thông Tin Xe

Khi sử dụng đồng hồ đo **+R**, các thông tin về xe sau đây sẽ hiển thị.

➔ **Honda LogR*** Tr. 363

- **Water Temp.** (Nhiệt Độ Nước)
- **Oil Temp.** (Nhiệt Độ Dầu)
- **Oil Pressure** (Áp Suất Dầu)
- **Ext. Air Temp.** (Nhiệt Độ Không Khí Bên Ngoài)
- **Intake Air Temp.** (Nhiệt Độ Khí Nạp)
- **Boost Pressure** (Áp Suất Tăng Áp)
- **Steering Angle** (Góc Lái)
- **Accel. Ped. Pos.** (Vị Trí Bàn Đạp Ga)
- **Brake Pressure** (Áp Suất Phanh)
- **Clutch Ped. Pos.** (Vị Trí Bàn Đạp Ly Hợp)
- **Yaw Rate** (Góc xoay thân xe)
- **Atmos. Pressure** (Áp Suất Không Khí)

Thông Tin Xe

Có thể chọn và cho hiển thị 6 mục cùng lúc.

➔ **Honda LogR*** Tr. 363

Bạn có thể thiết lập giới hạn cho **Water Temp.** và **Oil Temp.**. Khi đạt giới hạn, màn hình sẽ chuyển sang màu hổ phách.

➔ **Honda LogR*** Tr. 363

Khi bật ACC hoặc LKAS, thông tin xe sẽ không hiển thị.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái (Đồng Hồ Đo Loại A)

Màn hình giao diện thông tin cho người lái hiển thị thông tin như quãng đường đi dự kiến và mức tiêu thụ nhiên liệu của xe. Màn hình này cũng hiển thị các thông báo như cảnh báo hoặc các thông tin hữu ích khác.
Khi thông báo cảnh báo xuất hiện, hãy kiểm tra thông báo và liên hệ với đại lý và đưa xe đến kiểm tra nếu cần thiết. Hãy tham khảo các trang sau nếu thông báo **Engine oil pressure low** (Áp suất dầu động cơ thấp) hoặc **Engine temperature too hot** (Nhiệt độ động cơ quá nóng) xuất hiện.

➲ **Nếu Cảnh Báo Áp suất dầu động cơ thấp Xuất Hiện** Tr. 703
➲ **Quá Nhiệt** Tr. 699

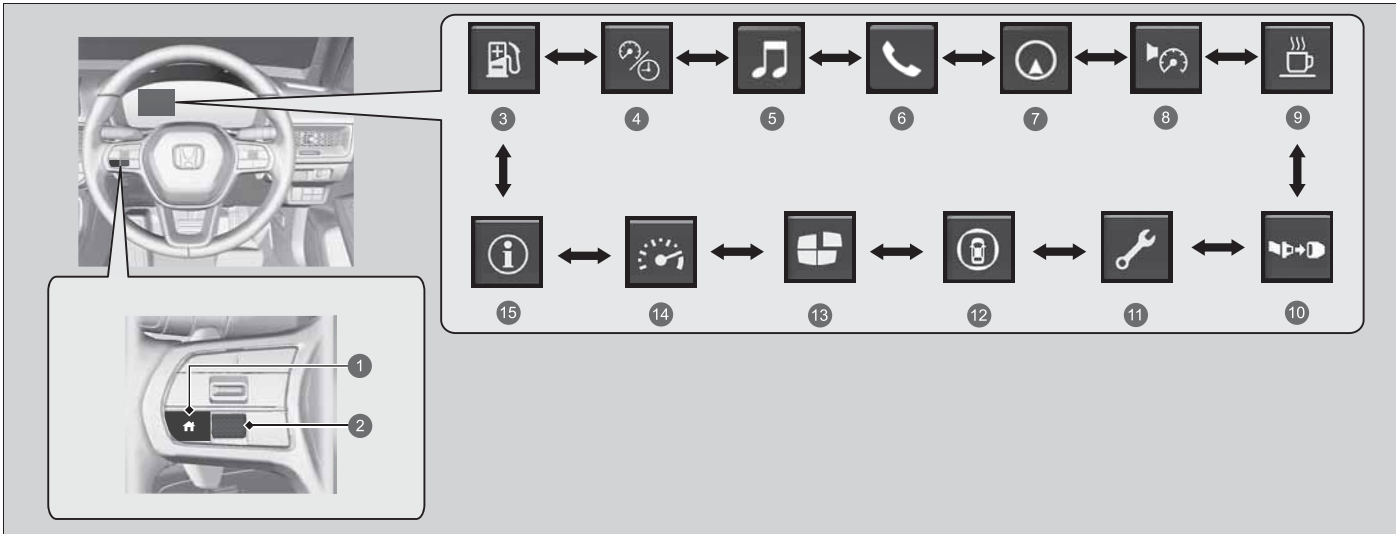
■ Chuyển Đổi Màn Hình Hiển Thị

Ấn nút ⌂ (màn hình chính), sau đó cuộn vòng lựa chọn bên trái để cuộn đến nội dung mà bạn muốn xem. Ấn vòng lựa chọn bên trái để xem thông tin chi tiết.

Chuyển Đổi Màn Hình Hiển Thị

Bạn có thể thêm hoặc xóa nội dung trên đồng hồ đo.

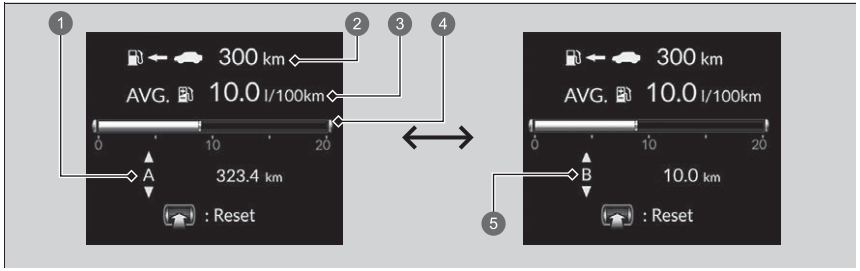
➲ **Tùy Chọn Màn Hình Hiển Thị** Tr. 153



1. Nút (Màn Hình Chính)
2. Vòng Lựa Chọn Bên Trái
3. **Quãng đường và nhiên liệu** Tr. 142
4. **Tốc độ và thời gian** Tr.144
5. **Âm thanh** Tr.145
6. **Điện thoại** Tr. 145
7. **Định vị** Tr.145
8. **Cảnh báo tốc độ** Tr. 146
9. **Mức Độ Tập Trung Của Người Lái** Tr. 147
10. **Dây đai an toàn** Tr.151
11. **Bảo dưỡng** Tr. 151
12. **Hỗ trợ an toàn** Tr.152
13. **Màn hình tùy chọn** Tr.153
14. **Không có thông tin** Tr.154
15. **Thông tin** Tr. 154

■ Quãng Đường/Nhiên Liệu/Đồng Hồ Đo Hành Trình

Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chuyển đổi giữa đồng hồ đo hành trình A và đồng hồ đo hành trình B.



1. Đồng Hồ Đo Hành Trình A
2. Quãng Đường
3. Tiêu Thụ Nhiên Liệu Trung Bình
4. Tiêu Thụ Nhiên Liệu Tức Thời
5. Đồng Hồ Đo Hành Trình B

■ Đồng hồ đo hành trình

Hiển thị tổng số km xe bạn đã đi được kể từ lần cài đặt lại gần đây nhất. Có thể sử dụng đồng hồ đo A và B để đo hai hành trình riêng biệt.

Cài đặt lại đồng hồ đo hành trình

Để cài đặt lại đồng hồ hành trình, cho đồng hồ hiển thị, ấn vòng lựa chọn bên trái, sau đó chọn **Reset.**

▶ Đồng hồ đo hành trình được cài đặt lại từ 0.0.

■Quãng đường

Cho biết quãng đường ước tính xe còn đi được với lượng nhiên liệu còn lại. Quãng đường này được ước tính dựa vào lượng tiêu thụ nhiên liệu hiện tại của xe.

■ Tiêu thụ nhiên liệu trung bình

Hiển thị mức tiêu thụ nhiên liệu được ước tính cho mỗi hành trình tính bằng l/100km. Màn hình hiển thị được cập nhật ở những lần cài đặt khác nhau. Khi cài đặt lại đồng hồ đo hành trình thì mức tiêu thụ nhiên liệu trung bình cũng được cài đặt lại.

■ Tiêu thụ nhiên liệu tức thời

Biểu thị lượng tiêu thụ nhiên liệu tức thời dưới dạng biểu đồ dạng cột tính bằng l/100 km.

Quãng đường

Quãng đường xe đi được hiển thị chỉ là ước tính và có thể khác với quãng đường thực tế mà xe có thể chạy được.

Tiêu thụ nhiên liệu trung bình

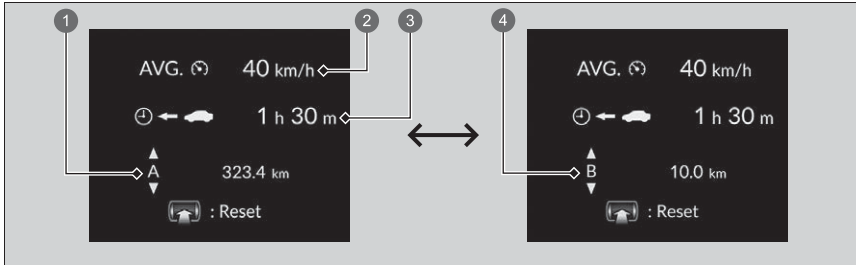
Bạn có thể thay đổi khi cài đặt lại lượng tiêu thụ nhiên liệu trung bình.

Tính Năng Tùy Chọn Tr. 313

Còn nữa

■ Tốc Độ/Thời Gian/Đồng Hồ Đo Hành Trình

Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chuyển đổi giữa đồng hồ đo hành trình A và đồng hồ đo hành trình B.



1. Đồng Hồ Đo Hành Trình A
2. Tốc Độ Trung Bình
3. Thời Gian Xe Chạy
4. Đồng Hồ Đo Hành Trình B

■ Đồng hồ đo hành trình

Đồng hồ đo hành trình Tr. 143

■ Tốc độ trung bình

Hiển thị tốc độ trung bình tính bằng km/h từ lúc cài đặt lại Hành Trình A và Hành Trình B.

■ Thời Gian Xe Chạy

Hiển thị thời gian xe chạy từ lúc cài đặt lại Hành Trình A và Hành Trình B.

Tốc độ trung bình

Bạn có thể thay đổi khi cài đặt lại tốc độ trung bình.

Tính Năng Tùy Chọn Tr. 313

Thời gian xe chạy

Bạn có thể thay đổi khi cài đặt lại thời gian xe chạy.

Tính Năng Tùy Chọn Tr. 313

■ Âm Thanh

Hiển thị thông tin âm thanh đang phát.

➔**Vận Hành Cơ Bản** Tr. 262

■ Điện Thoại

Hiển thị thông tin điện thoại đang phát.

➔**Hệ Thống Điện Thoại Rảnh Tay** Tr. 332

■ Định Vị

■ La Bàn

Hiển thị màn hình la bàn.

■ Dẫn Đường Chi Tiết

Khi xe được trang bị hệ thống định vị, sau khi kết nối điện thoại có ứng dụng Android Auto hoặc Apple CarPlay, hướng dẫn lái và thông tin dẫn đường chi tiết sẽ xuất hiện trên màn hình để giúp bạn đi đến điểm đến.

➔**Tham Khảo Tài Liệu Hướng Dẫn Sử Dụng Hệ Thống Định Vị**
➔**Android Auto™** Tr. 309
➔**Apple CarPlay** Tr. 305

Định vị

Bạn có thể chọn bật hoặc tắt màn hình dẫn đường chi tiết trong quá trình dẫn đường.

➔**Tính Năng Tùy Chọn** Tr. 313

Khi la bàn hoặc dẫn đường chi tiết hiển thị, bạn có thể cuộn vòng lựa chọn bên trái để điều khiển một số chức năng hệ thống định vị trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

➔**Tham Khảo Tài Liệu Hướng Dẫn Sử Dụng Hệ Thống Định Vị**

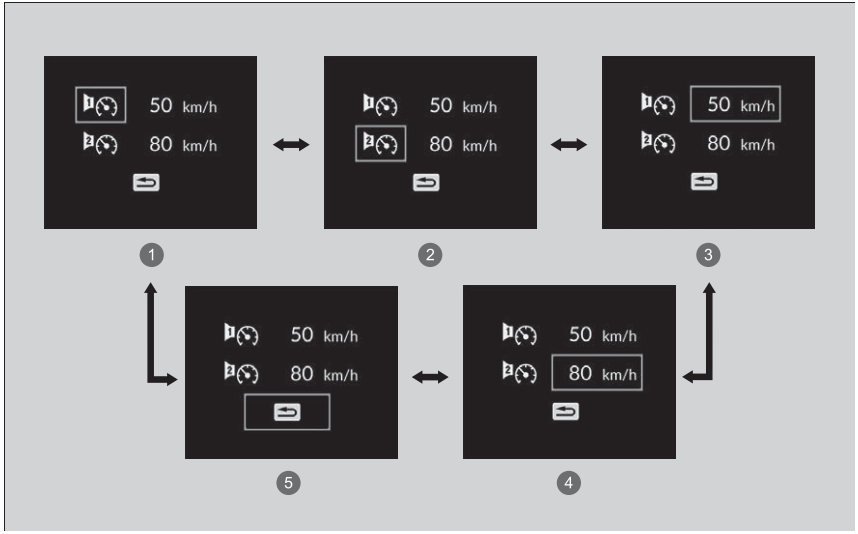
Dẫn đường chi tiết có thể không có ở tất cả các ứng dụng.

Còn nữa

■ Cảnh Báo Tốc Độ

Cài đặt cảnh báo tốc độ và thay đổi cài đặt cảnh báo tốc độ.

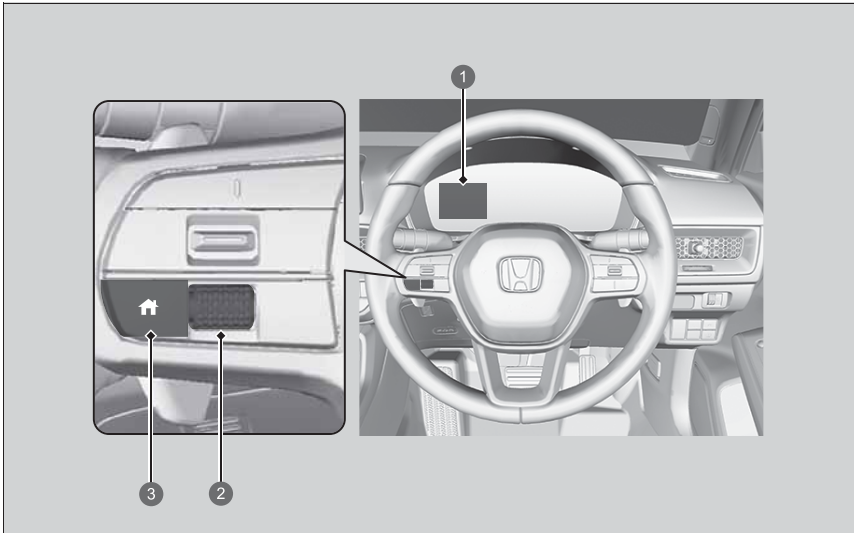
Cuộn vòng lựa chọn bên trái, cài đặt cảnh báo tốc độ sẽ thay đổi như sau:



❶ Bật/Tắt Cảnh Báo Tốc Độ 1*1
❷ Bật/Tắt Cảnh Báo Tốc Độ 2*1
❸ Cài Đặt Tốc Độ Cảnh Báo Tốc Độ 1 (50 km/h*1)
❹ Cài Đặt Tốc Độ Cảnh Báo Tốc Độ 2 (80 km/h*1)
❺ Quay lại
* 1: Cài Đặt Mặc Định

Chức Năng Theo Dõi Mức Độ Tập Trung Của Người Lái

Chức Năng Theo Dõi Mức Độ Tập Trung Của Người Lái phân tích mức độ tác động lên vô lăng để xác định người lái có đang trong trạng thái buồn ngủ hoặc mất tập trung không. Nếu xác định được người lái đang trong trạng thái đó, chức năng này sẽ hiển thị mức độ tập trung của người lái trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.



1. Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái
2. Vòng Lựa Chọn Bên Trái
3. Nút [⌂] (Màn Hình Chính)

Chức Năng Theo Dõi Mức Độ Tập Trung Của Người Lái

Chức Năng Theo Dõi Mức Độ Tập Trung Của Người Lái không phải lúc nào cũng phát hiện được người lái mệt mỏi hay mất tập trung. Bất kể hệ thống phản hồi thế nào, nếu bạn cảm thấy mệt mỏi, hãy dừng xe ở nơi an toàn và nghỉ ngơi đến khi hết mệt.

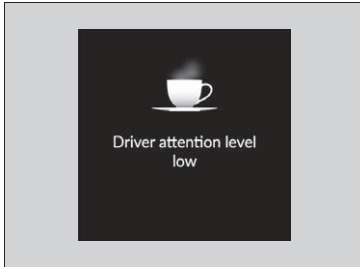
Còn nữa



Khi bạn chọn **Driver attention** (Mức độ tập trung của người lái) trên màn hình giao diện thông tin cho người lái, thanh mức độ sẽ sáng màu trắng để biểu thị mức độ tập trung của người lái.

➡ **Chuyển Đổi Màn Hình Hiển Thị** Tr.140

1 Mức Độ



Nếu hai thanh sáng lên, thông báo **Driver attention level low** (Mức độ tập trung của người lái thấp) sẽ hiện lên.



Nếu một thanh sáng lên, thông báo **Driver attention level low. Take a rest** (Mức độ tập trung của người lái thấp. Hãy nghỉ ngơi.) sẽ xuất hiện, tiếng bíp sẽ vang lên và vô lăng sẽ rung.
Nếu thông báo này xuất hiện, hãy dừng xe ở nơi an toàn và nghỉ ngơi đến khi hết mệt.
Thông báo sẽ biến mất khi ấn vòng lựa chọn bên trái hoặc khi hệ thống xác định được người lái đang ở trạng thái bình thường. Nếu người lái không nghỉ ngơi và chức năng theo dõi vẫn phát hiện người lái rất mệt, thông báo sẽ xuất hiện lại sau khoảng 15 phút, kèm theo tiếng bíp vang lên và vô lăng rung. Thông báo không xuất hiện khi thời gian di chuyển là từ 30 phút trở xuống.

Còn nữa

■ Chức Năng Theo Dõi Mức Độ Tập Trung Của Người Lái được thiết lập lại khi:

- Tắt động cơ.
- Người lái tháo dây đai an toàn và mở cửa khi xe dừng hẳn.

■ Chức năng Theo Dõi Mức Độ Tập Trung Của Người Lái hoạt động khi:

- Xe chạy với tốc độ trên 40km/h.
- Đèn báo hệ thống lái trợ lực điện (EPS) tắt.

■ Tùy thuộc vào điều kiện lái xe hoặc các yếu tố khác, Chức Năng Theo Dõi Mức Độ Tập Trung Của Người Lái có thể không hoạt động trong các trường hợp sau:

- Chức năng hỗ trợ lái của Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS) hoạt động.

Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS) Tr. 508

- Điều kiện đường xá kém, ví dụ như mặt đường không được trải nhựa hoặc mấp mô.
- Trời gió to.
- Người lái thường xuyên thay đổi làn đường hoặc tăng tốc.

■ Tùy Chọn

Bạn có thể thay đổi cài đặt Chức Năng Theo Dõi Mức Độ Tập Trung Của Người Lái. Chọn **Tactile and audible alert, Tactile alert only** (Cảnh báo bằng rung vô lăng và âm thanh, Chỉ cảnh báo bằng rung vô lăng) hoặc **OFF** (TẮT).

Tính Năng Tùy Chọn Tr. 313

Chức năng Theo Dõi Mức Độ Tập Trung Của Người Lái hoạt động khi:

Các thanh trên màn hình giao diện thông tin cho người lái vẫn là màu xám trừ khi Chức Năng Theo Dõi Mức Độ Tập Trung Của Người Lái đang hoạt động.

Dây Đai An Toàn

Xuất hiện khi thắt hoặc không thắt dây đai an toàn.

Nhắc Thắt Dây Đai An Toàn Tr. 45

Bảo Dưỡng

Hiển thị hệ thống giám sát dầu.

Hệ Thống Giám Sát Dầu Tr. 593

Còn nữa

Hệ Thống Hỗ Trợ An Toàn

Biểu thị trạng thái của hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường, CMBS và hệ thống thông tin điểm mù như Bật, Tắt hoặc Lỗi, bằng màu sắc hoặc thông báo bằng chữ.

Những màu sắc sau biểu thị trạng thái của bất kỳ hệ thống nào được nhắc đến ở trên:

- Xanh Lục: Hệ thống bật.
- Xám: Hệ thống tắt.
- Hổ Phách: Hệ thống có sự cố.



❶ Thông Tin Vùng cho Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường
❷ Thông Tin Vùng cho CMBS
❸ Thông Tin Vùng cho Hệ Thống Thông Tin Điểm Mù
❹ Biểu Tượng và Thông Tin Trạng Thái Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường
❺ Biểu Tượng và Thông Tin Trạng Thái CMBS
❻ Biểu Tượng và Thông Tin Trạng Thái Hệ Thống Thông Tin Điểm Mù

Hệ Thống Hỗ Trợ An Toàn

Nếu hệ thống hiển thị màu hổ phách, hãy đưa ngay xe đến đại lý để kiểm tra.

Để bật hoặc tắt từng hệ thống, trước tiên hãy xoay vòng lựa chọn bên trái để chuyển màn hình hiển thị. Từ màn hình tiếp theo, bạn có thể chọn bật hoặc tắt hệ thống.

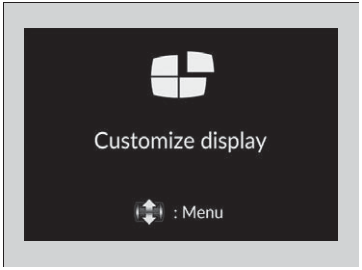
➔ **Bật và Tắt Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường** Tr. 537
➔ **Bật và Tắt Hệ Thống Thông Tin Điểm Mù** Tr. 452
➔ **Bật và Tắt CMBS** Tr. 464

Bạn cũng có thể xác nhận trạng thái của từng chức năng bằng màu sắc của đèn báo.

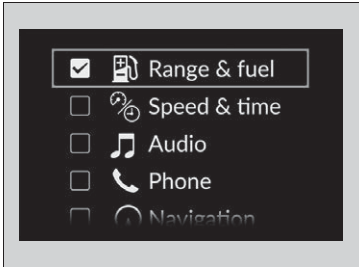
➔ **Đèn Báo Hỗ Trợ An Toàn (Màu Hổ Phách)** Tr. 133
➔ **Đèn Báo Hỗ Trợ An Toàn (Xanh Lục/ Xám)** Tr. 134

Tùy Chọn Màn Hình Hiển Thị

Bạn có thể lựa chọn biểu tượng hiển thị trên màn hình chính.



1. Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chọn **Customize display**, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.
2. Cuộn vòng lựa chọn bên trái.



3. Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chọn một trong số các biểu tượng, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái để chọn hoặc bỏ chọn các biểu tượng.

Tùy Chọn Màn Hình Hiển Thị

Không thể xóa các biểu tượng màu xám ở màn hình chính.

Khi bạn tùy chọn cài đặt, sang số P.

Còn nữa

Không Có Thông Tin

Đồng Hồ Đo Tốc Độ Động Cơ Tr. 135

Thông Tin

Bạn có thể kiểm tra xem có thông báo cảnh báo nào đang hoạt động không.

Không Có Thông Tin

Có thể bật và tắt đồng hồ đo tốc độ động cơ trên màn hình âm thanh/thông tin.

Tính Năng Tuỳ Chọn Tr. 313

Ngay cả khi bạn đã tắt đồng hồ đo tốc độ động cơ trên màn hình âm thanh/thông tin, nếu chọn **No content** trên màn hình giao diện thông tin cho người lái, màn hình sẽ chuyển sang chỉ hiển thị đồng hồ đo tốc độ động cơ.

Chuyển Đổi Màn Hình Hiển Thị Tr.140

Thông Tin

Nếu có nhiều cảnh báo hoặc thông tin, bạn có thể cuộn vòng lựa chọn bên trái để xem các cảnh báo khác.

Vùng Bên Trái Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái (Đồng Hồ Đo Loại B)

Hiển thị âm thanh và thông tin điện thoại v.v.

Điều Khiển Âm Thanh Từ Xa Tr. 265
Hệ Thống Điện Thoại Rảnh Tay Tr. 332

Đồng Hồ

Hiển thị đồng hồ.

Đồng Hồ

Bạn có thể điều chỉnh giờ bằng tay hoặc thay đổi kiểu hiển thị đồng hồ 12 giờ hoặc 24 giờ.

Đồng Hồ Tr. 182

Bạn có thể chọn hiển thị hoặc không hiển thị đồng hồ trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

Màn Hình Tuỳ Chọn Tr. 178

Còn nữa

■ Đồng Hồ Bấm Giờ

Đo thời gian từng đoạn và hiển thị thời gian đã đo trước đó cũng như thời gian từng đoạn nhanh nhất.



■ Đo Thời Gian Từng Đoạn

1. Thay đổi nội dung hiển thị ở vùng bên trái **Đồng Hồ Bấm Giờ.**
   ➡ **Chọn nội dung hiển thị ở vùng bên trái** Tr. 159
2. Ấn vòng lựa chọn bên trái để hiển thị màn hình danh mục đồng hồ bấm giờ.
3. Chọn **Lap Timer** và ấn vòng lựa chọn bên trái để hiển thị màn hình đo từng đoạn.
4. Ấn vòng lựa chọn bên trái để bắt đầu đo.
5. Ấn vòng lựa chọn bên trái để dừng đo.
   ► Đo thời gian từng đoạn, ấn và giữ vòng lựa chọn bên trái, rồi cuộn vòng lựa chọn bên trái khi kết thúc từng đoạn.
   ► Trở lại màn hình danh mục đồng hồ bấm giờ, ấn và giữ vòng lựa chọn bên trái.

Đồng Hồ Bấm Giờ

Đảm bảo chỉ sử dụng chức năng đo này ở những nơi và thời điểm an toàn để thực hiện.

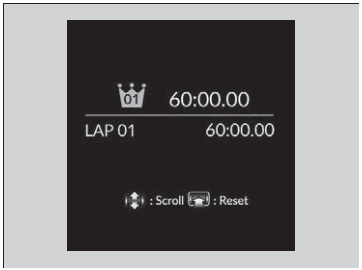
Thời gian từng đoạn hiển thị từ 00:00.00 đến 99:59.99.

Mỗi lần có thể lưu tối đa 20 đoạn.

Khi đo thời gian từng đoạn bằng Honda LogR, thời gian sẽ được hiển thị trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

➡ **Honda LogR*** Tr. 363

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe



■ Kiểm tra/Xóa lịch sử

Để kiểm tra hoặc xóa lịch sử, chọn **History/ Reset** trên màn hình danh mục đồng hồ bấm giờ và ấn vòng lựa chọn bên trái.

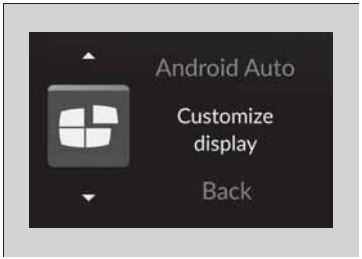
- ► Cuộn qua từng đoạn, cuộn vòng lựa chọn bên trái.
- ► Xóa lịch sử, ấn vòng lựa chọn bên trái trên màn hình danh mục đồng hồ bấm giờ trong khi không đo từng đoạn, sau đó chọn và ấn **Reset**.
- ► Trở lại màn hình danh mục đồng hồ bấm giờ, ấn và giữ vòng lựa chọn bên trái.

Còn nữa

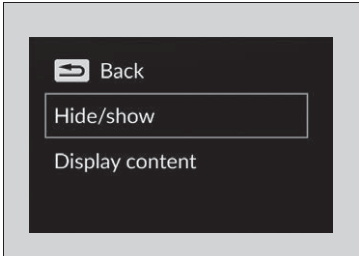
■ Tùy Chọn Màn Hình Hiển Thị

■ Bố trí nguồn âm thanh ở vùng bên trái màn hình

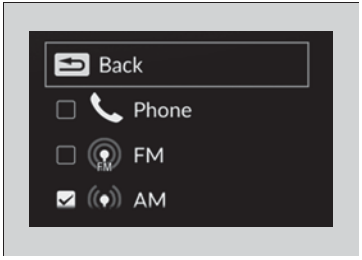
Bạn có thể lựa chọn nguồn âm thanh hiển thị trên màn nguồn âm thanh.



1. Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chọn **Customize display,** sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.



2. Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chọn **Hide/show**, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.



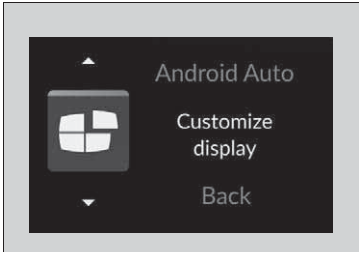
3. Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chọn một trong số các nguồn âm thanh, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái để chọn hoặc bỏ chọn các nguồn âm thanh.

Tùy Chọn Màn Hình Hiển Thị

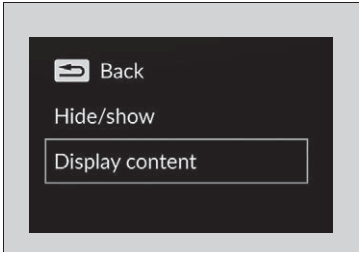
Khi bạn tuỳ chọn cài đặt, gài phanh đỗ.

■ Chọn nội dung hiển thị ở vùng bên trái

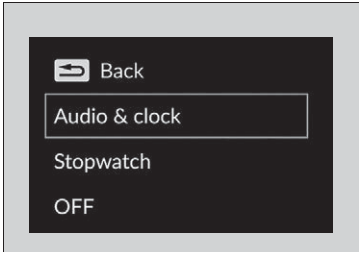
Bạn có thể thay đổi nội dung hiển thị ở vùng bên trái màn hình. Chọn **Audio & clock**, **Stopwatch**, hoặc **OFF**.



1. Cuộn vòng lựa chọn bên trái đến mục **Customize display**, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.



2. Cuộn vòng lựa chọn bên trái đến mục **Display content**, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.



3. Cuộn vòng lựa chọn bên trái đến nội dung mong muốn, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.

Vùng Bên Phải Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái (Đồng Hồ Đo Loại B)

Màn hình giao diện thông tin cho người lái hiển thị các thông tin như quãng đường đi ước tính và mức tiêu thụ nhiên liệu của xe. Màn hình này cũng hiển thị các thông báo như cảnh báo hoặc các thông tin hữu ích khác.
Khi có thông báo cảnh báo hiển thị, hãy kiểm tra thông báo và liên hệ với đại lý và đưa xe tới đại lý để kiểm tra nếu cần thiết. Hãy tham khảo các trang sau nếu thông báo **Engine oil pressure low** (Áp suất dầu động cơ thấp) hoặc **Engine temperature too hot** (Nhiệt độ động cơ quá nóng) hiển thị.

➲ **Nếu Cảnh Báo Áp suất dầu động cơ thấp Xuất Hiện** Tr. 703
➲ **Quá Nhiệt** Tr. 699

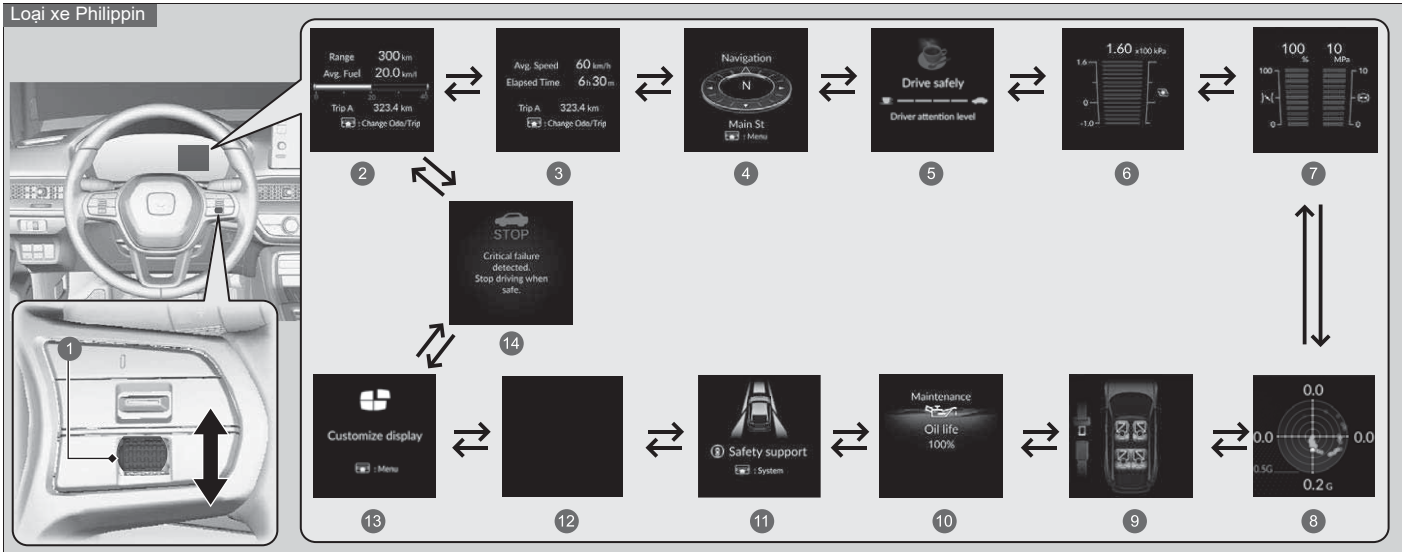
Chuyển Đổi Màn Hình Hiển Thị

Cuộn vòng lựa chọn bên phải để xem các loại nội dung khác nhau.

Chuyển Đổi Màn Hình Hiển Thị

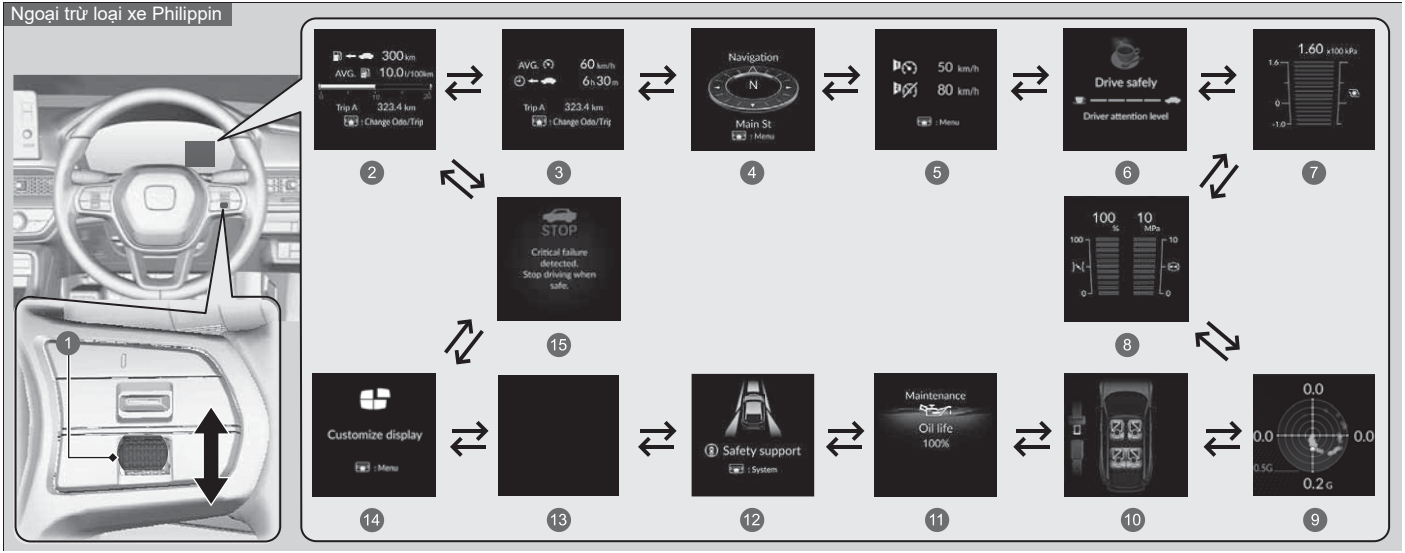
Bạn có thể thêm hoặc xóa nội dung trên đồng hồ đo.
Tùy Chọn Màn Hình Hiển Thị Tr. 178

Loại xe Philippin



1. Vòng Lựa Chọn Bên Trái
2. Khoảng Cách/Nhiên Liệu/Đồng Hồ Đo Quãng Đường/Đồng Hồ Đo Hành Trình ➡ Tr. 163
3. Tốc Độ/Thời Gian/Đồng Hồ Đo Quãng Đường/Đồng Hồ Đo Hành Trình ➡ Tr. 166
4. Định Vị ➡ Tr. 168
5. Chức Năng Theo Dõi Mức Độ Tập Trung Của Người Lái ➡ Tr. 170
6. Đồng Hồ Đo Tu-bô ➡ Tr. 174
7. Đồng Hồ Đo Vị Trí Bàn Đạp Ga/Áp Suất Phanh ➡ Tr. 174
8. Máy Đo Trọng Lực ➡ Tr. 175
9. Dây Đai An Toàn ➡ Tr. 176
10. Bảo Dưỡng ➡ Tr. 176
11. Hỗ Trợ An Toàn ➡ Tr. 177
12. Không Có Nội Dung
13. Tùy Chọn Màn Hình Hiển Thị ➡ Tr. 178
14. Thông Báo Cảnh Báo ➡ Tr. 180

Còn nữa



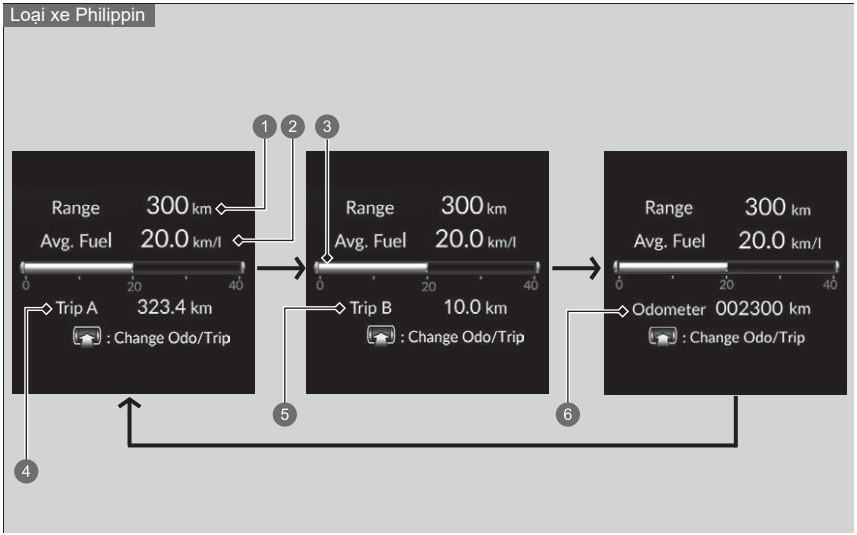
1. Vòng Lựa Chọn Bên Phải
2. Quãng Đường/Nhiên Liệu/Đồng Hồ Đo Quãng Đường/Đồng Hồ Đo Hành Trình ➔ Tr.163
3. Tốc Độ/Thời Gian/Đồng Hồ Đo Quãng Đường/Đồng Hồ Đo Hành Trình ➔ Tr. 166
4. Định Vị ➔ Tr. 168
5. Cảnh Báo Tốc Độ* ➔ Tr. 169
6. Chức Năng Theo Dõi Mức Độ Tập Trung Của Người Lái ➔ Tr. 170
7. Đồng Hồ Đo Tu-bô ➔ Tr. 174
8. Đồng Hồ Đo Vị Trí Bàn Đạp Ga/Áp Suất Phanh ➔ Tr. 174
9. Máy Đo Trọng Lực ➔ Tr. 175
10. Dây Đai An Toàn ➔ Tr. 176
11. Bảo Dưỡng ➔ Tr. 176
12. Hỗ Trợ An Toàn ➔ Tr. 177
13. Không Có Nội Dung
14. Tùy Chọn Màn Hình Hiển Thị ➔ Tr.178
15. Thông Báo Cảnh Báo ➔ Tr. 180

 * Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Quãng Đường/Nhiên Liệu/Đồng Hồ Đo Quãng Đường/ Đồng Hồ Đo Hành Trình

Ấn vòng lựa chọn bên phải để chuyển đổi giữa đồng hồ đo hành trình A, đồng hồ đo hành trình B và đồng hồ đo quãng đường.

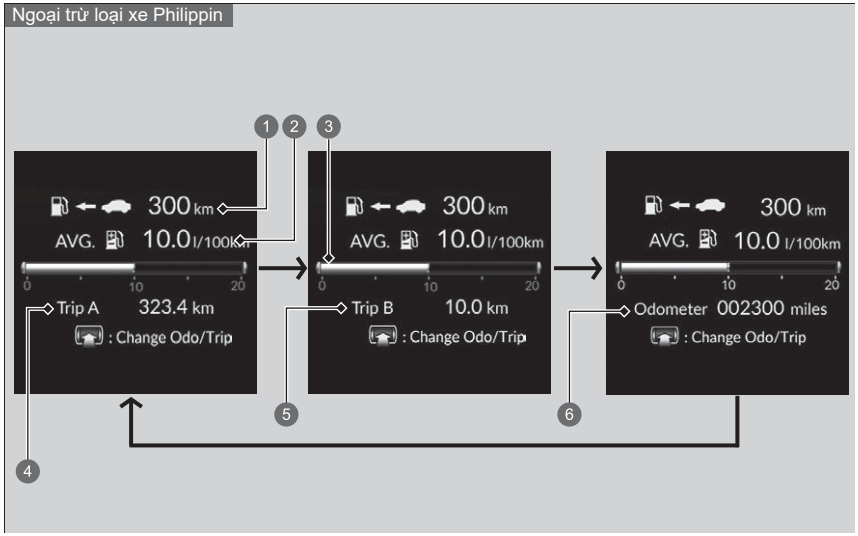
Loại xe Philippin



1. Quãng Đường
2. Tiêu Thụ Nhiên Liệu Trung Bình
3. Tiêu Thụ Nhiên Liệu Tức Thời
4. Đồng Hồ Đo Hành Trình A
5. Đồng Hồ Đo Hành Trình B
6. Đồng Hồ Đo Tốc Độ Xe

Còn nữa

Ngoại trừ loại xe Philippin



1. Quãng Đường
2. Tiêu Thụ Nhiên Liệu Trung Bình
3. Tiêu Thụ Nhiên Liệu Tức Thời
4. Đồng Hồ Đo Hành Trình A
5. Đồng Hồ Đo Hành Trình B
6. Đồng Hồ Đo Quãng Đường

■ Đồng Hồ Đo Quãng Đường
Hiển thị tổng số km xe bạn đã đi được.

■ Đồng hồ đo hành trình
Hiển thị tổng số km xe bạn đã đi được kể từ lần cài đặt gần đây nhất. Các đồng hồ A và B có thể được sử dụng để đo hai hành trình riêng biệt.

Cài đặt lại đồng hồ đo hành trình
Để cài đặt lại đồng hồ đo hành trình, cho đồng hồ hiển thị, ấn và giữ vòng lựa chọn bên phải sau đó chọn **Reset**
▶ Đồng hồ đo hành trình được cài đặt lại từ **0.0**.

■ Khoảng cách
Cho biết khoảng cách ước tính xe còn đi được với lượng nhiên liệu còn lại. Khoảng cách này được ước tính dựa vào lượng tiêu thụ nhiên liệu hiện tại của xe.

■ Tiêu thụ nhiên liệu trung bình
Hiển thị mức tiêu thụ nhiên liệu được ước tính cho mỗi hành trình tính bằng km/l* hoặc l/100km*. Màn hình hiển thị được cập nhật ở những lần cài đặt khác nhau. Khi đồng hồ đo hành trình được cài đặt lại thì mức tiêu thụ nhiên liệu trung bình cũng được cài đặt lại.

■ Tiêu thụ nhiên liệu tức thời
Biểu thị lượng tiêu thụ nhiên liệu tức thời dưới dạng biểu đồ dạng cột tính bằng km/l * hoặc l/100 km*.

Khoảng Cách

Khoảng cách xe đi được đã hiển thị chỉ là ước tính và có thể khác với khoảng cách thực tế mà xe có thể chạy được.

Tiêu thụ nhiên liệu trung bình

Bạn có thể thay đổi khi cài đặt lại lượng tiêu thụ nhiên liệu trung bình.
Tính Năng Tùy Chọn Tr. 313

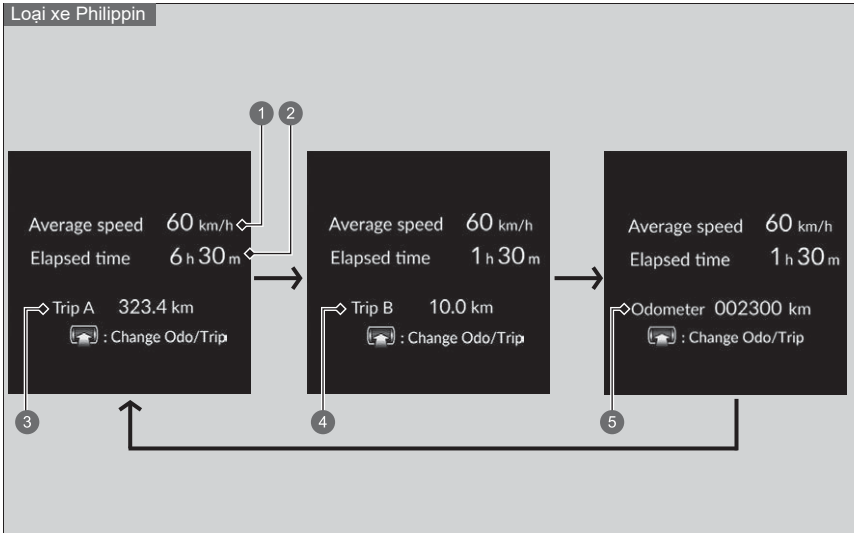
* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Còn nữa

■ Tốc Độ/Thời Gian/Đồng Hồ Đo Quãng Đường/Đồng Hồ Đo Hành Trình

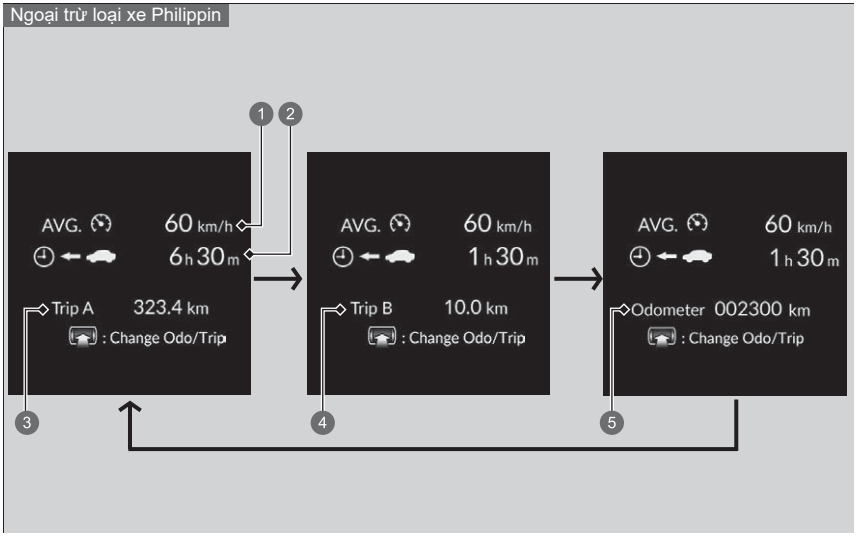
Ấn vòng lựa chọn bên phải để chuyển đổi giữa đồng hồ đo hành trình A, đồng hồ đo hành trình B và đồng hồ đo quãng đường.

Loại xe Philippin



1. Tốc Độ Trung Bình
2. Thời Gian Xe Chạy
3. Đồng Hồ Đo Hành Trình A
4. Đồng Hồ Đo Hành Trình B
5. Đồng Hồ Đo Quãng Đường

Ngoại trừ loại xe Philippin



1. Tốc Độ Trung Bình
2. Thời Gian Xe Chạy
3. Đồng Hồ Đo Hành Trình A
4. Đồng Hồ Đo Hành Trình B
5. Đồng Hồ Đo Quãng Đường

Còn nữa

■ Đồng Hồ Đo Quãng Đường
Đồng Hồ Đo Quãng Đường Tr. 165

■ Đồng hồ đo hành trình
Đồng hồ đo hành trình Tr. 165

■ Tốc độ trung bình
Hiển thị tốc độ trung bình tính bằng km/h từ lúc cài đặt lại Hành Trình A và Hành Trình B.

■ Thời gian xe chạy
Hiển thị thời gian xe chạy từ lúc cài đặt lại Hành Trình A hoặc Hành Trình B.

■ Định Vị

■ La Bàn
Hiển thị màn hình la bàn.

■ Dẫn Đường Chi Tiết
Khi xe được trang bị hệ thống định vị*, sau khi kết nối điện thoại có ứng dụng Apple CarPlay hoặc Android Auto, hướng dẫn lái và thông tin dẫn đường chi tiết sẽ xuất hiện trên màn hình để giúp bạn đi đến điểm đến.

Tham Khảo Tài Liệu Hướng Dẫn Sử Dụng Hệ Thống Định Vị
Android Auto™ Tr. 309
Apple CarPlay Tr. 35

Tốc độ trung bình

Bạn có thể thay đổi khi cài đặt lại tốc độ trung bình.
Tính Năng Tùy Chọn Tr. 313

Thời gian xe chạy

Bạn có thể thay đổi khi cài đặt lại thời gian xe chạy.
Tính Năng Tùy Chọn Tr. 313

Định vị

Bạn có thể chọn bật hoặc tắt màn hình dẫn hướng chi tiết trong quá trình dẫn đường.
Tính Năng Tùy Chọn Tr. 313

Không phải tất cả các ứng dụng đều có dẫn đường chi tiết.

Loại xe có hệ thống định vị

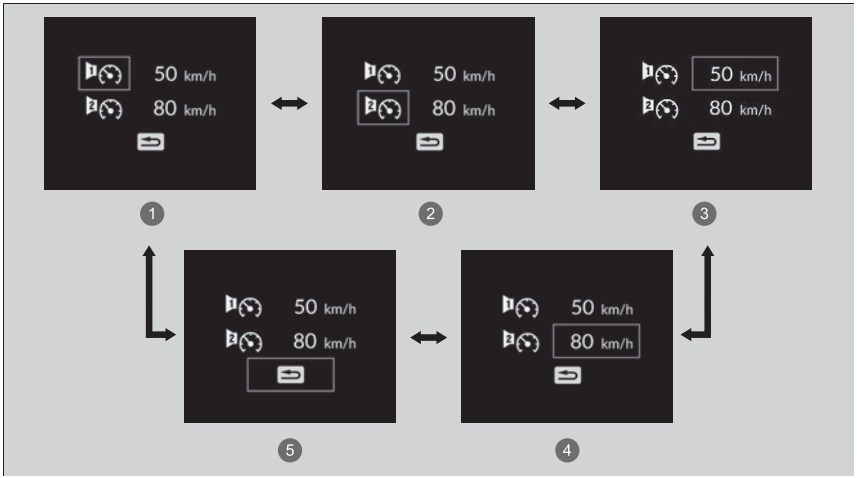
Khi la bàn hoặc dẫn đường chi tiết được hiển thị, bạn có thể điều khiển một số chức năng hệ thống định vị trên màn hình giao diện thông tin cho người lái bằng cách ấn vòng lựa chọn bên phải.
Tham Khảo Tài Liệu Hướng Dẫn Sử Dụng Hệ Thống Định Vị

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Cảnh Báo Tốc Độ*

Cài đặt bật cảnh báo tốc độ và thay đổi cài đặt cảnh báo tốc độ.

Ấn vòng lựa chọn bên phải để hiển thị màn hình cài đặt rồi cuộn vòng lựa chọn bên phải, cài đặt cảnh báo tốc độ thay đổi như sau:



❶ Bật/Tắt Cảnh Báo Tốc Độ 1*1
❷ Bật/Tắt Cảnh Báo Tốc Độ 2*1
❸ Cài Đặt Tốc Độ Cảnh Báo Tốc Độ 1 (50 km/h*1)
❹ Cài Đặt Tốc Độ Cảnh Báo Tốc Độ 2 (80 km/h*1)
❺ Quay Lại

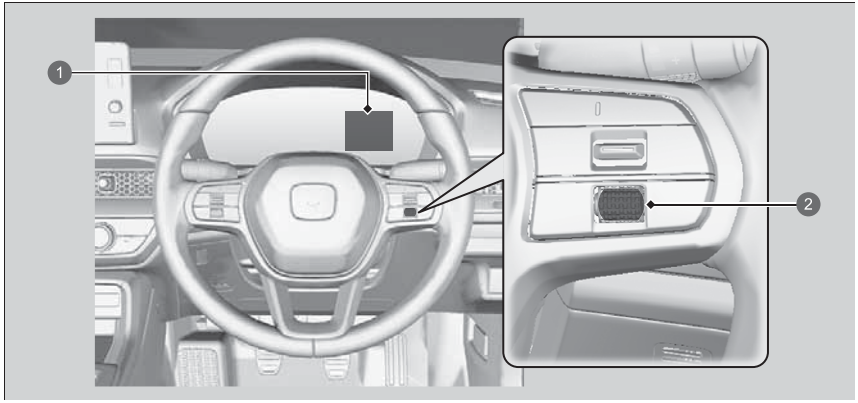
* 1: Cài Đặt Mặc Định

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Còn nữa

Chức Năng Theo Dõi Mức Độ Tập Trung Của Người Lái

Chức Năng Theo Dõi Mức Độ Tập Trung Của Người Lái phân tích mức độ tác động lên vô lăng để xác định người lái có đang trong trạng thái buồn ngủ hoặc mất tập trung không. Nếu xác định được người lái đang trong trạng thái đó, chức năng này sẽ hiển thị mức độ tập trung của người lái trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.



1 Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái
2 Vòng Lựa Chọn Bên Phải

Chức Năng Theo Dõi Mức Độ Tập Trung Của Người Lái

Chức Năng Theo Dõi Mức Độ Tập Trung Của Người Lái không phải lúc nào cũng phát hiện được người lái mệt mỏi hay mất tập trung.
Bất kể hệ thống phản hồi thế nào, nếu bạn cảm thấy mệt mỏi, hãy dừng xe ở nơi an toàn và nghỉ ngơi đến khi hết mệt.



Khi bạn chọn Driver Attention Monitor (Chức Năng Theo Dõi Mức Độ Tập Trung Của Người Lái) trên màn hình giao diện thông tin cho người lái, thanh mức độ sẽ sáng màu trắng để biểu thị mức độ tập trung của người lái.

➔ **Chuyển Đổi Màn Hình Hiển Thị** Tr. 161

1 Mức Độ



Nếu hai thanh sáng lên, thông báo **Driver attention level low** (Mức độ tập trung của người lái thấp) sẽ xuất hiện.

Loại xe Philippin



Ngoại trừ loại xe Philippin



Nếu một thanh sáng lên, thông báo **Driver attention level low. Time for a break**[*1]/**Driver attention level low. Take a rest**[*2]/(Mức độ tập trung của người lái thấp. Cần nghỉ ngơi) sẽ xuất hiện, tiếng bíp sẽ vang lên và vô lăng rung. Nếu thông báo này xuất hiện, hãy dừng xe ở nơi an toàn và nghỉ ngơi đến khi hết mệt. Thông báo sẽ biến mất khi ấn vòng lựa chọn bên trái hoặc khi hệ thống xác nhận người lái đang lái xe bình thường.
Nếu người lái không nghỉ ngơi và chức năng theo dõi vẫn phát hiện người lái rất mệt, thông báo sẽ xuất hiện lại sau khoảng 15 phút, kèm theo tiếng bíp vang lên và vô lăng rung. Thông báo không xuất hiện khi thời gian di chuyển là từ 30 phút trở xuống.

* 1: Loại xe Philippin
* 2: Ngoại trừ loại xe Philippin

■ **Chức Năng Theo Dõi Mức Độ Tập Trung Của Người Lái được cài đặt lại khi:**
- Động cơ tắt.
- Người lái tháo dây đai an toàn và mở cửa khi xe dừng hẳn.

■ **Chức năng Theo Dõi Mức Độ Tập Trung Của Người Lái hoạt động khi:**
- Xe chạy với tốc độ trên 40 km/h.
- Đèn báo hệ thống lái trợ lực điện (EPS) tắt.

■ **Tùy thuộc vào điều kiện lái xe hoặc các yếu tố khác mà Chức Năng Theo Dõi Mức Độ Tập Trung Của Người Lái có thể không hoạt động trong các trường hợp sau.**
- Chức năng hỗ trợ lái của Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS) hoạt động.
  ➡**Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS)** Tr. 508
- Điều kiện đường xá kém, ví dụ mặt đường không lát đá hoặc mấp mô.
- Trời gió to.
- Người lái lái xe ở trạng thái tự chủ như thường xuyên thay đổi làn đường hoặc tăng tốc.

■ **Tùy chọn**

Bạn có thể thay đổi các cài đặt Chức Năng Theo Dõi Mức Độ Tập Trung Của Người Lái. Chọn **Tactile and audible alert** (Cảnh báo bằng rung vô lăng và bằng âm thanh), **Tactile Alert**[*1](Cảnh Báo Bằng Rung Vô Lăng[*1])/**Tactile alert only**[*2] (Cảnh báo chỉ bằng rung vô lăng[*2]) hoặc **OFF** (TẮT).

➡**Tính Năng Tùy Chọn** Tr. 313

* 1: Loại xe Hồng Kông, Ma Cao và Philippin
* 2: Ngoại trừ loại xe Hồng Kông, Ma Cao và Philippin

Chức năng Theo Dõi Mức Độ Tập Trung Của Người Lái hoạt động khi:

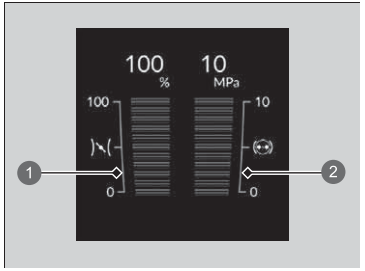
Các thanh chia mức trên màn hình giao diện thông tin cho người lái vẫn có màu xám trừ khi Chức Năng Theo Dõi Mức Độ Tập Trung Của Người Lái đang hoạt động.

Còn nữa

■ Đồng Hồ Đo Tu-Bô

Khi tu-bô đang tạo ra lực tăng áp, đồng hồ này sẽ hiển thị áp suất tăng áp đang tăng lên.

■ Đồng Hồ Đo Vị Trí Bàn Đạp Ga/Áp Suất Phanh



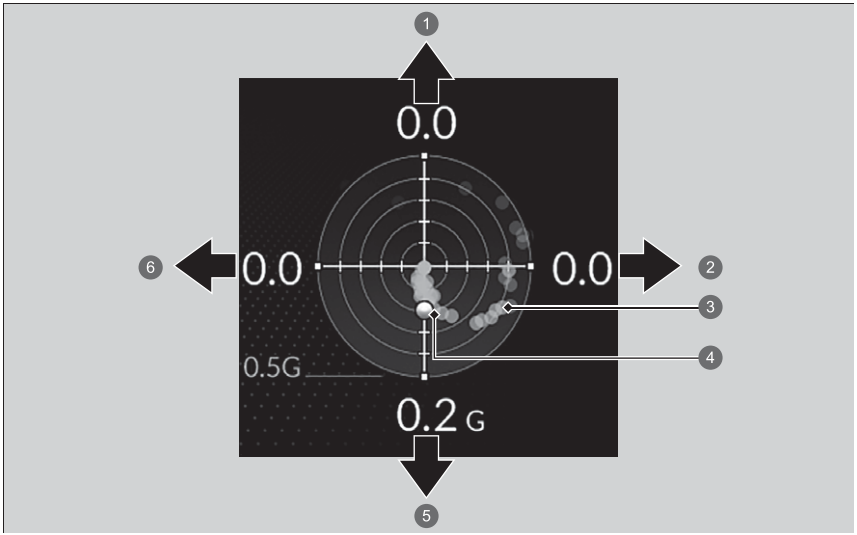
■ Đồng Hồ Đo Vị Trí Bàn Đạp Ga
Hiển thị vị trí bàn đạp ga theo %.

■ Đồng Hồ Đo Áp Suất Phanh
Hiển thị áp suất phanh theo MPa khi nhấn phanh.

❶ Đồng Hồ Đo Vị Trí Bàn Đạp Ga
❷ Đồng Hồ Đo Áp Suất Phanh

■ Máy Đo Trọng Lực

Hiển thị trọng lực (G) và hướng của tải trọng tác dụng lên xe trong khi lái xe.



1. Khi giảm tốc trong khi xe tiến/Khi tăng tốc trong khi xe lùi
2. Khi đánh lái sang trái
3. Lực ngang trong ba giây trước (trắng)
4. Lực ngang thời gian thực (vàng)
5. Khi tăng tốc trong khi xe tiến/Khi giảm tốc trong khi xe lùi
6. Khi đánh lái sang phải

Máy Đo Trọng Lực

Bạn có thể thay đổi trọng lực hiển thị tối đa (G).

Honda LogR* Tr. 363

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Còn nữa

■ Dây Đai An Toàn

Xuất hiện khi bất kỳ dây đai an toàn nào được thắt hoặc không thắt.

Nhắc Thắt Dây Đai An Toàn Tr. 45

■ Bảo Dưỡng

Hiển thị hệ thống giám sát dầu.

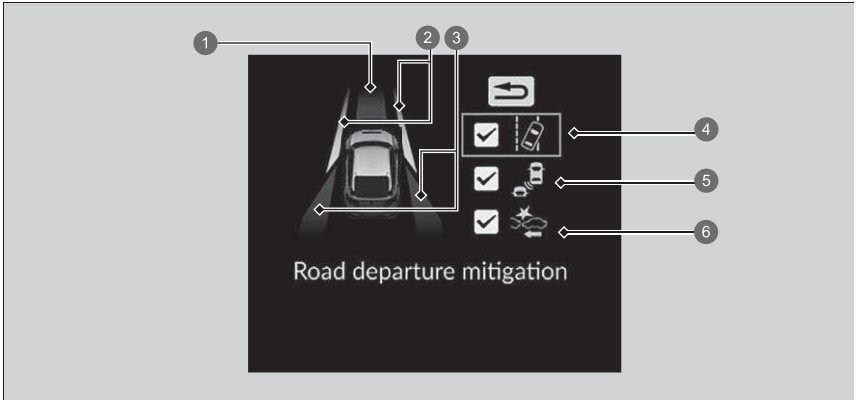
Hệ Thống Giám Sát Dầu Tr. 593

Hệ Thống Hỗ Trợ An Toàn

Biểu thị trạng thái của hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường, CMBS và hệ thống thông tin điểm mù* như Bật, Tắt hoặc Lỗi bằng màu sắc hoặc thông báo bằng chữ.

Những màu sắc sau biểu thị trạng thái của các hệ thống được nhắc đến ở trên:

- Xanh Lục: Hệ thống bật.
- Xám: Hệ thống tắt.
- Hổ Phách: Hệ thống có sự cố.



❶ Thông Tin Vùng cho CMBS
❷ Thông Tin Vùng cho Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường
❸ Thông Tin Vùng cho Hệ Thống Thông Tin Điểm Mù*
❹ Biểu Tượng và Thông Tin Trạng Thái Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường
❺ Biểu Tượng và Thông Tin Trạng Thái Hệ Thống Thông Tin Điểm Mù*
❻ Biểu Tượng và Thông Tin Trạng Thái CMBS

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Còn nữa

Hệ Thống Hỗ Trợ An Toàn

Nếu hệ thống hiển thị màu hổ phách, hãy đưa ngay xe đến đại lý để kiểm tra.

Để bật hoặc tắt từng hệ thống, trước tiên hãy ấn vòng lựa chọn bên phải để chuyển màn hình hiển thị. Từ màn hình tiếp theo, bạn có thể chọn bật hoặc tắt hệ thống.

- **Bật và Tắt hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường** Tr. 537
- **Bật và Tắt CMBS** Tr. 464
- **Bật và Tắt Hệ Thống Thông Tin Điểm Mù** Tr. 452

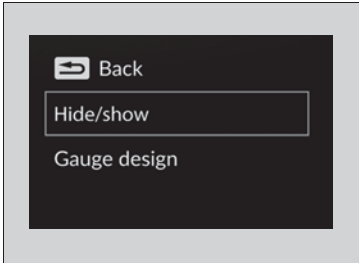
Bạn cũng có thể xác nhận trạng thái của từng chức năng bằng màu sắc của đèn báo.

- **Đèn Báo Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS) (Màu Hổ Phách)*** Tr. 131
- **Đèn Báo Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS) (Xám)*** Tr. 131
- **Đèn Báo Cảnh Báo Chệch Làn Đường (Màu Hổ Phách)*** Tr. 131
- **Đèn Báo Cảnh Báo Chệch Làn Đường (Xám)*** Tr. 131
- **Đèn Báo TẮT Tự Động Hỗ Trợ Điều Khiển Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường*** Tr. 132
- **Đèn Báo Hỗ Trợ An Toàn (Màu Hổ Phách)** Tr. 133
- **Đèn Báo Hỗ Trợ An Toàn (Xanh Lục/Xám)** Tr. 134

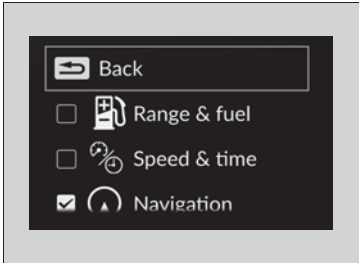
■ Tùy Chọn Màn Hình Hiển Thị

■ Sắp xếp nội dung ở vùng bên phải

Bạn có thể lựa chọn nội dung để hiển thị ở vùng bên phải màn hình.



1. Ấn vòng lựa chọn bên phải khi bạn chọn **Customize display** trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.
2. Cuộn vòng lựa chọn bên phải để chọn **Hide/show**, sau đó ấn vòng lựa chọn bên phải.



3. Cuộn vòng lựa chọn bên phải để chọn một trong số các nội dung, sau đó ấn vòng lựa chọn bên phải để chọn hoặc bỏ chọn.

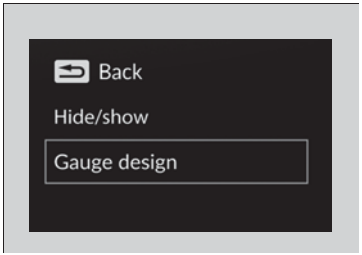
Sắp xếp nội dung ở vùng bên phải

Không thể xóa các nội dung màu xám ở vùng bên phải.

Khi bạn tùy chọn cài đặt, gài phanh đỗ.

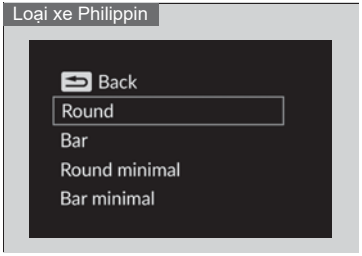
■ Thay đổi kiểu hiển thị đồng hồ đo

Bạn có thể thay đổi kiểu hiển thị đồng hồ đo ở dạng tròn hoặc dạng vạch chia.



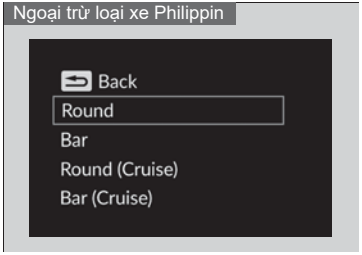
1. Ấn vòng lựa chọn bên phải khi bạn chọn **Customize display** trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.
2. Cuộn vòng lựa chọn bên phải để chọn **Gauge design**, sau đó ấn vòng lựa chọn bên phải.

Loại xe Philippin



3. Cuộn vòng lựa chọn bên phải để chọn cài đặt mong muốn, sau đó ấn vòng lựa chọn bên phải.

Ngoại trừ loại xe Philippin



* 1: Loại xe Philippin
* 2: Ngoại trừ loại xe Philippin

Thay đổi kiểu hiển thị đồng hồ đo

Khi chọn kiểu hiển thị đồng hồ đo **Round minimal**[*1]**/ Round (Cruise)**[*2] (Dạng tròn cực nhỏ[*1] /Dạng tròn (chạy chậm[*2]) hoặc **Bar minimal**[*1]**/Bar (Cruise)**[*2] (Dạng vạch chia cực nhỏ[*1]/Dạng vạch chia (chạy chậm[*2]), màn hình đơn giản sẽ hiển thị khi ACC đang hoạt động.
Không thể thay đổi kiểu hiển thị **+R**.

Còn nữa

■ Cảnh Báo*1/Thông Tin*2

Bạn có thể kiểm tra xem có bất kỳ thông báo cảnh báo nào xuất hiện không.

Cảnh Báo*1/Thông Tin*2

Nếu có nhiều cảnh báo hoặc thông tin, bạn có thể cuộn vòng lựa chọn bên phải để xem các cảnh báo khác.

*1: Loại xe Philippin
*2: Ngoại trừ loại xe Philippin



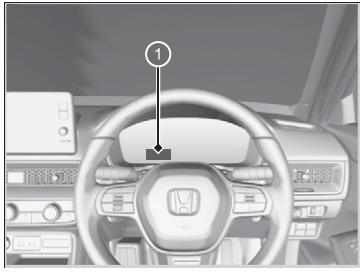
Điều Khiển

Chương này mô tả cách vận hành một số chức năng cần thiết của xe.

Đồng Hồ 182
Khóa và Mở Khóa Cửa
Chìa Khóa 183
Tín Hiệu Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa/Khóa Thẻ Từ Yếu* 186
Khóa/Mở Khóa Cửa từ Bên Ngoài 187
Khóa/Mở Khóa Cửa từ Bên Trong 195
Khóa Phòng Ngừa Trẻ Em 197
Khóa/Mở Khóa Cửa Tự Động* 198
Cửa Hậu 199
Hệ Thống An Ninh 201
Cửa Kính 203
Vận Hành Các Công Tắc Quanh Vô Lăng
Nút ENGINE START/STOP 205
Đèn 208
Chiếu Xa Tự Động 214
Cần Gạt Nước và Rửa Kính 217
Điều Chỉnh Độ Sáng 220
Nút Sấy Cửa Kính Sau/Sấy Gương Cửa* 222
Điều Chỉnh Vô-Lăng 223
Gương
Gương Chiếu Hậu Trong Xe 224
Gương Cửa Điện 225
Ghế Ngồi 226
Hạng Mục Tiện Ích Bên Trong
Đèn Trong Xe 236
Ngăn Để Đồ 237
Hạng Mục Tiện Ích Bên Trong Khác 245
Hệ Thống Điều Khiển Nhiệt Độ 250

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Điều Chỉnh Đồng Hồ



1 Đồng Hồ

Bạn có thể điều chỉnh giờ bằng tay hoặc thay đổi kiểu hiển thị đồng hồ 12 giờ hoặc 24 giờ trên màn hình âm thanh/thông tin.

Tính Năng Tùy Chọn Tr. 313

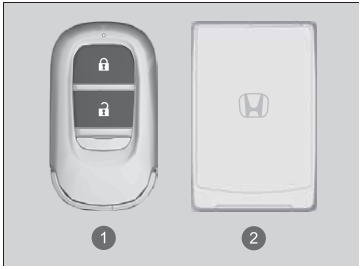
Điều Chỉnh Đồng Hồ

Đồng hồ được cập nhật tự động thông qua hệ thống âm thanh.

Kiểu hiển thị đồng hồ trên bảng điều khiển cũng thay đổi khi điều chỉnh kiểu hiển thị đồng hồ trên màn hình âm thanh/thông tin.

Chìa Khóa

Xe này có những chìa khóa sau:



❶ Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa
❷ Khóa Thẻ Từ*

Sử dụng chìa khóa để khởi động và dừng động cơ, để khóa và mở khóa tất cả các cửa, cửa hậu và cửa nạp nhiên liệu.

Chìa Khóa

Tất cả các chìa khóa đều có hệ thống chống nổ máy. Hệ thống chống nổ máy giúp bảo vệ xe khỏi bị trộm cắp.

Hệ Thống Chống Nổ Máy Tr. 201

Làm theo lời khuyên sau đây để tránh làm hỏng chìa khóa:

- Không để chìa khóa dưới ánh nắng mặt trời trực tiếp, hoặc những nơi có nhiệt độ hoặc độ ẩm cao.
- Không làm rơi chìa khóa hoặc để vật nặng lên nó.
- Để chìa khóa cách xa các chất lỏng, bụi bẩn hoặc cát.
- Không tháo rời các bộ phận chìa khóa ra trừ khi thay pin.

Nếu mạch trong chìa khóa bị hỏng, động cơ có thể không khởi động được và chìa khóa điều khiển từ xa có thể không hoạt động.

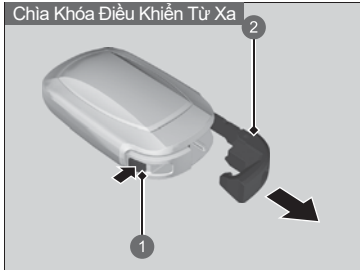
Nếu chìa khóa không hoạt động tốt, hãy mang chìa khóa đến đại lý để kiểm tra.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Còn nữa

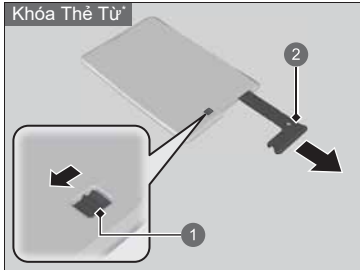
■ Chìa Khóa Tích Hợp

Có thể sử dụng chìa khóa tích hợp để mở khóa các cửa khi pin chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* yếu và không thể mở khóa cửa.



Để tháo chìa khóa tích hợp, trượt núm nhả, sau đó kéo chìa khóa ra. Để lắp lại, đẩy chìa khóa tích hợp vào trong chìa khóa điều khiển từ xa cho đến khi nghe thấy tiếng tách.

❶ Nút Nhả
❷ Chìa Khóa Tích Hợp

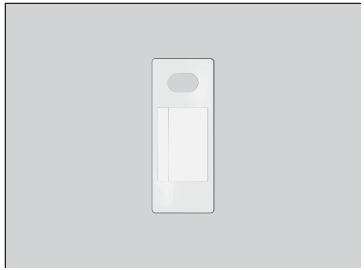


Để tháo chìa khóa tích hợp, trượt núm nhả, sau đó kéo chìa khóa ra. Để lắp lại, đẩy chìa khóa tích hợp vào trong khóa thẻ từ cho đến khi nghe thấy tiếng tách.

❶ Núm Nhả
❷ Chìa Khóa Tích Hợp

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Nhãn Mã Số Chìa Khóa



Chứa mã số mà bạn sẽ cần nếu bạn mua một cái thay thế.

Nhãn Mã Số Chìa Khóa

Để nhãn mã số chìa khóa tách biệt với chìa khóa tại một nơi an toàn bên ngoài xe.
Nếu bạn muốn mua thêm một chìa khóa nữa, hãy liên hệ với đại lý.

Nếu bạn mất chìa khóa và không thể khởi động động cơ, hãy liên hệ với đại lý.

Tín Hiệu Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa/Khóa Thẻ Từ Yếu*

Xe truyền tín hiệu sóng radio để xác định vị trí chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* để khởi động động cơ, khóa và mở khóa tất cả các cửa, cửa hậu và cửa nạp nhiên liệu.

Trong các trường hợp sau, việc khởi động động cơ hoặc khóa/mở khóa cửa, cửa hậu và cửa nạp nhiên liệu có thể bị hạn chế hoặc vận hành không ổn định:

- Có một thiết bị gần đó đang phát ra sóng radio mạnh.
- Bạn đang mang theo chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* cùng với các thiết bị truyền thông, máy tính xách tay, điện thoại di động, hoặc các thiết bị không dây.
- Một vật bằng kim loại đang chạm hoặc phủ lên chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ*.
- Khóa thẻ từ* có nắp che hoặc trong hộp có thể chặn sóng radio.

Tín Hiệu Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa/Khóa Thẻ Từ Yếu*

Liên lạc giữa chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* và xe sẽ tiêu thụ pin của chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ*.
Tuổi thọ của pin được khoảng 2*1 hoặc 1,5*2 năm, nhưng có thể thay đổi tùy thuộc vào cường độ sử dụng.
Pin sẽ tiêu thụ điện mỗi khi chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* nhận được sóng radio mạnh. Tránh đặt nó cạnh các thiết bị điện tử như ti vi và máy tính cá nhân.

Chìa khóa điều khiển từ xa

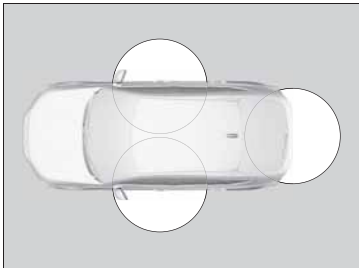
Hãy tắt chức năng thu sóng radio để giảm tiêu hao pin. Khi bạn giữ các nút khóa và mở khóa cùng một lúc trong khoảng ba giây, đèn LED sẽ nhấp nháy hai lần và chức năng thu sóng radio sẽ tắt.
Nếu bạn ấn nút bất kỳ trên chìa khóa điều khiển từ xa một lần, chức năng thu sóng radio sẽ hoạt động trở lại.

*1: Chìa khóa điều khiển từ xa
*2: Khóa thẻ từ

 * Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Khóa/Mở Khóa Cửa từ Bên Ngoài

■ Sử Dụng Hệ Thống Truy Cập Từ Xa



Khi mang theo chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ*, bạn có thể khóa/mở khóa các cửa, cửa nạp nhiên liệu và cửa hậu.

Bạn có thể khóa/mở khóa các cửa, cửa nạp nhiên liệu và cửa hậu trong bán kính 80 cm tính từ tay nắm bên ngoài cửa hoặc nút nhả cửa hậu.

Khóa/Mở Khóa Cửa từ Bên Ngoài

Nếu công tắc đèn trong xe ở vị trí kích hoạt cửa, đèn trong xe sẽ sáng khi bạn mở khóa cửa và cửa hậu.

Không cửa nào mở: Đèn tắt dần sau 30 giây.

Các cửa và cửa hậu khóa lại: Đèn tắt ngay lập tức.

Đèn Trong Xe Tr. 236

Sử Dụng Hệ Thống Truy Cập Từ Xa

Nếu bạn không mở cửa hoặc cửa hậu trong vòng 30 giây sau khi mở khóa xe bằng hệ thống truy cập từ xa, các cửa và cửa hậu sẽ tự động khóa lại.

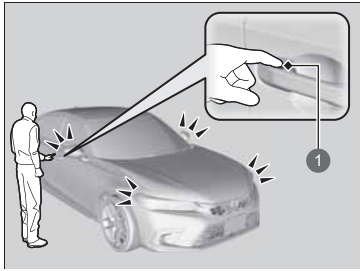
Bạn chỉ có thể khóa hoặc mở khóa các cửa bằng hệ thống truy cập từ xa khi chế độ nguồn ở TẮT MÁY.

Hệ thống truy cập từ xa sẽ không khóa được xe khi có một cửa hoặc cửa hậu mở.

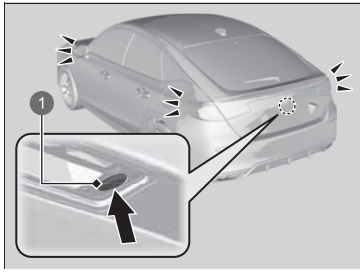
* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Còn nữa

■ Khóa cửa và cửa hậu



❶ Cảm Biến Khóa Cửa



❶ Nút Khóa

Chạm vào cảm biến khóa cửa ở cửa trước hoặc ấn nút khóa cửa trên cửa hậu.

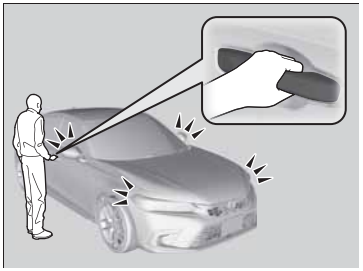
▶ Một số đèn ngoài xe nhấp nháy; tiếng bíp vang lên; tất các cửa và cửa hậu khóa; hệ thống an ninh được thiết lập.

Sử Dụng Hệ Thống Truy Cập Từ Xa

- Không để chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* bên trong xe khi bạn ra khỏi xe. Hãy mang theo bên mình.
- Ngay cả khi bạn không mang theo chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ*, bạn có thể khóa/mở khóa các cửa và cửa hậu khi ai đó cầm chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* nằm trong phạm vi cho phép.
- Cửa có thể mở khóa cửa nếu tay nắm cửa bị dính nước mưa hoặc khi rửa xe nếu chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ* từ nằm trong phạm vi cho phép.
- Nếu bạn đeo găng tay và nắm tay nắm cửa trước hoặc chạm vào cảm biến khóa cửa, cảm biến cửa có thể phản ứng chậm hoặc không phản ứng khi mở khóa hoặc khóa cửa.
- Sau khi khóa cửa, chờ 2 giây, sau đó kéo tay nắm cửa để kiểm tra xem cửa khóa chưa. Nếu bạn muốn mở khóa ngay sau khi khóa cửa, phải đợi ít nhất hai giây trước khi cầm tay nắm cửa, nếu không cửa sẽ không mở khóa.
- Cửa có thể không mở nếu bạn kéo cửa ngay sau khi nắm tay nắm cửa. Nắm lại tay nắm và chắc chắn rằng cửa đã mở khóa trước khi kéo tay nắm.
- Thậm chí trong bán kính 80 cm, bạn không thể khóa/mở khóa các cửa bằng chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* nếu để nó trên hoặc dưới tay nắm bên ngoài cửa.
- Chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* có thể không hoạt động nếu nó ở quá gần cửa hoặc kính cửa.

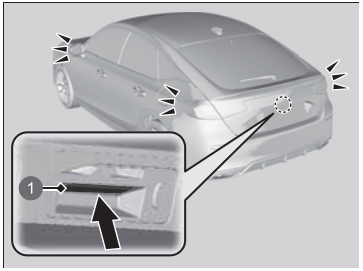
 * Không áp dụng cho tất cả các đời xe

■ Mở khóa cửa và cửa hậu



Nắm tay nắm cửa trước:

- ▶ Tất cả các cửa, cửa hậu và cửa nạp nhiên liệu mở khóa.
- ▶ Một số đèn ngoài xe nhấp nháy hai lần và tiếng bíp vang lên hai lần.



Ấn và giữ nút nhả cửa hậu.

- ▶ Cửa hậu và tất cả các cửa sẽ mở khóa.
- ▶ Một số đèn ngoài xe nhấp nháy hai lần và tiếng bíp vang lên hai lần.

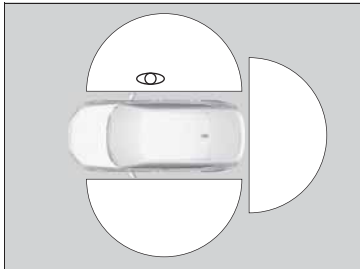
❶ Nút Nhả Cửa Hậu

Sử Dụng Hệ Thống Truy Cập Từ Xa

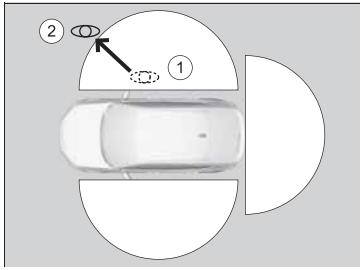
Có thể tùy chọn các cài đặt nháy đèn, tiếng bíp bằng màn hình âm thanh/thông tin.

➡ **Tính Năng Tùy Chọn** Tr. 313

Còn nữa



Phạm vi hoạt động của chức năng khóa tự động là khoảng 1,5 m



■ Khóa cửa và cửa hậu (Khóa cửa tự động khi ra khỏi xe)

Khi bạn ra khỏi xe mà các cửa và cửa hậu đang đóng và mang theo chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ*, các cửa và cửa hậu sẽ tự động khóa.

Chức năng khóa cửa tự động sẽ hoạt động khi tất cả các cửa và cửa hậu đều đóng và chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* cách tay nắm cửa bên ngoài hoặc nút nhả nắp cửa hậu 1,5 m.

Hãy ra khỏi xe, mang theo chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* và đóng (các) cửa và cửa hậu.

1. Cách xe khoảng 1,5 m.
   ► Tiếng bíp vang lên; chức năng khóa cửa tự động sẽ hoạt động.
2. Khi chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* được mang ra ngoài xe, cách xe 1,5 m và ở ngoài phạm vi này khoảng từ 2 giây trở lên.
   ► Một số đèn ngoài xe nhấp nháy; tiếng bíp vang lên; sau đó tất cả các cửa và cửa hậu sẽ khóa.

Khóa cửa và cửa hậu (Khóa cửa tự động khi ra khỏi xe)

Chức năng khóa cửa tự động được cài đặt ở TẮT là cài đặt mặc định gốc. Có thể thay đổi cài đặt sang BẬT cho chức năng này bằng màn hình âm thanh/thông tin.

Nếu bạn cài đặt chức năng khóa cửa tự động ở BẬT bằng màn hình âm thanh/thông tin, chỉ có thể sử dụng chìa khóa điều khiển từ xa để mở khóa cửa người lái trước khi thay đổi cài đặt thì mới có thể kích hoạt khóa cửa tự động.

➲ **Tính năng Tuỳ Chọn** Tr. 313

Sau khi chức năng khóa cửa tự động được kích hoạt, khi bạn ở trong phạm vi vận hành khóa/mở khóa, đèn báo trên chìa khóa điều khiển từ xa sẽ liên tục nhấp nháy cho tới khi các cửa khóa lại.

Khi bạn đứng cạnh xe trong phạm vi hoạt động, các cửa và cửa hậu sẽ tự động khóa trong khoảng 30 giây sau khi chức năng khóa cửa tự động kích hoạt bộ phát tiếng bíp.

Khi bạn mở cửa hoặc cửa hậu sau khi chức năng khóa cửa tự động kích hoạt bộ phát tiếng bíp, chức năng khóa cửa tự động sẽ bị hủy.

Chức năng khóa cửa tự động sẽ không hoạt động ở điều kiện bất kỳ sau:

- Chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* ở trong xe.
  ►Không có tiếng bíp vang lên.
- Chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* được mang ra khỏi phạm vi hoạt động trước khi tất cả các cửa và cửa hậu đóng.
  ►Tiếng bíp vang lên.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Để tạm thời hủy kích hoạt chức năng:

1. Đặt chế độ nguồn ở TẮT.

2. Mở cửa người lái.

3. Sử dụng công tắc khóa cửa chính, vận hành khóa như sau:
Khóa→Mở Khóa→Khóa→Mở Khóa.
▶ Tiếng bíp vang lên và chức năng khóa cửa bị hủy.

Để khôi phục chức năng:

- Đặt chế độ nguồn ở BẬT.
- Khóa xe mà không sử dụng chức năng khóa cửa tự động.
- Mang theo chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* và đi ra xa khỏi phạm vi hoạt động của chức năng khóa tự động.
- Mở cửa bất kỳ.

Khóa cửa và cửa hậu (Khóa cửa tự động khi ra khỏi xe)

Trong các trường hợp sau, chức năng khóa cửa tự động sẽ không hoạt động:

- Chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* ở trong xe.
- Một cửa, cửa hậu hoặc nắp ca-pô không đóng.
- Chế độ nguồn được đặt ở chế độ bất kỳ trừ chế độ TẮT.
- Chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* không ở cách xe trong bán kính 1,5 mét khi bạn ra khỏi xe và đóng các cửa.

Tiếng bíp báo dừng hoạt động chức năng khóa cửa tự động

Sau khi chức năng khóa cửa tự động được kích hoạt, tiếng bíp báo dừng hoạt động chức năng khóa cửa tự động vang lên trong khoảng hai giây trong các trường hợp sau.

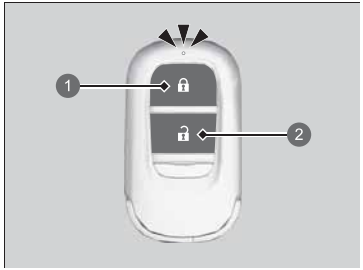
- Đưa chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* vào bên trong xe qua cửa kính.
- Bạn đứng quá gần xe.
- Để chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* trong khoang hành lý.

Nếu tiếng bíp cảnh báo vang lên, hãy kiểm tra để đảm bảo bạn đang mang theo chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ*. Sau đó mở/đóng cửa và xác nhận tiếng bíp báo khóa cửa tự động hoạt động vang lên một lần.

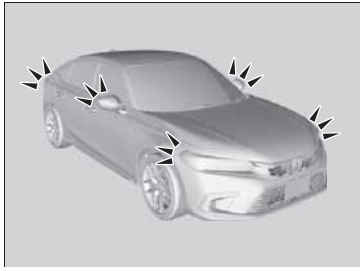
* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Còn nữa

■ Sử Dụng Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa



❶ Nút Khóa
❷ Nút Mở Khóa



■ Khóa cửa và cửa hậu

Ấn nút khóa.

Một lần:

► Một số đèn ngoài xe nhấp nháy, tất cả các cửa, cửa hậu, cửa nạp nhiên liệu và hệ thống an ninh được thiết lập.

Hai lần (trong vòng năm giây sau khi bấm lần thứ nhất):

► Một số đèn ngoài xe nhấp nháy, tiếng bíp vang lên và xác nhận hệ thống an ninh được thiết lập.

■ Mở khóa cửa và cửa hậu

Ấn nút mở khóa.

►Một số đèn ngoài xe nhấp nháy hai lần và tất cả các cửa, cửa hậu và cửa nạp nhiên liệu mở khóa.

Sử Dụng Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa

Nếu bạn không mở cửa hoặc cửa hậu trong vòng 30 giây sau khi mở khóa xe bằng chìa khóa điều khiển từ xa, các cửa sẽ tự động khóa lại.

Bạn chỉ có thể khóa hoặc mở khóa cửa bằng chìa khóa điều khiển từ xa khi chế độ nguồn ở TẮT MÁY.

Chìa khóa điều khiển từ xa sử dụng tín hiệu công suất thấp, vì vậy phạm vi hoạt động có thể thay đổi tùy thuộc vào môi trường xung quanh.

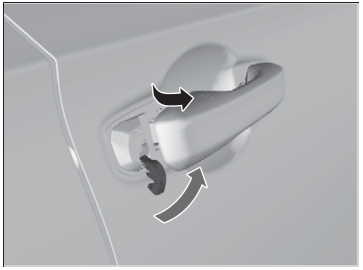
Chìa khóa điều khiển từ xa sẽ không thể khóa xe khi một cửa hoặc cửa hậu đang mở.

Nếu chìa khóa điều khiển từ xa hoạt động ở khoảng cách hay bị thay đổi, pin có thể sẽ bị yếu.
Nếu đèn LED không sáng khi bạn ấn nút, có thể pin bị hết điện.

Thay Pin Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa
Tr. 645

■ Mở Khóa Cửa Bằng Chìa Khóa

Nếu nút mở khóa của chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* không hoạt động, hãy sử dụng chìa khóa để mở cửa. Ổ khóa ở phía sau tay nắm cửa.



Cắm chìa khóa vào ổ khóa phía dưới tay nắm cửa rồi xoay.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Còn nữa

Mở Khóa Cửa Bằng Chìa Khóa

Khi bạn mở khóa cửa người lái bằng chìa khóa, tất cả các cửa khác sẽ mở khóa cùng một lúc.

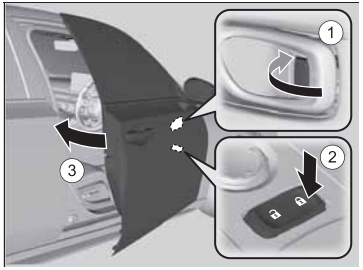
Nếu bạn mở khóa cửa bằng chìa khóa trong khi hệ thống an ninh hoạt động, chuông cảnh báo sẽ tắt.

Có thể khóa cửa mà không sử dụng chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ*.

Khóa Cửa Không Sử Dụng Chìa Khóa Tr.194

■ Khóa Cửa Không Sử Dụng Chìa Khóa

Nếu bạn không mang theo chìa khóa hoặc vì lý do nào đó bạn không khóa được cửa bằng chìa khóa, bạn có thể khóa cửa mà không cần dùng đến chìa.



■ Khóa cửa người lái

Đẩy tai khóa về phía trước ① hoặc đẩy công tắc khóa cửa chính theo hướng khóa ②, sau đó kéo và giữ tay nắm bên ngoài cửa ③. Đóng cửa, sau đó thả tay ra.

■ Khóa cửa hành khách

Đẩy tai khóa về phía trước và đóng cửa.

■ Hệ thống chống khóa cửa

Không thể khóa các cửa và cửa hậu khi chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* ở bên trong xe.

Khóa Cửa Không Sử Dụng Chìa Khóa

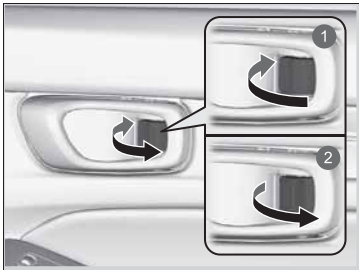
Khi bạn khóa cửa người lái, tất cả các cửa khác và cửa hậu sẽ khóa cùng một lúc.

Trước khi khóa cửa, đảm bảo không để chìa khóa trong xe.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Khóa/Mở Khóa Cửa từ Bên Trong

■ Sử Dụng Tai Khóa

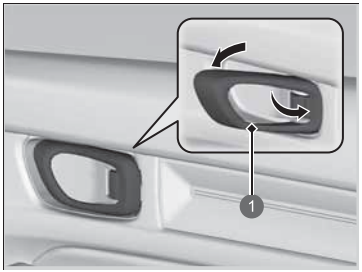


❶ Để Khóa
❷ Để Mở Khóa

■ Khóa cửa
Đẩy tai khóa về phía trước.

■ Mở khóa cửa
Kéo tai khóa về phía sau.

■ Mở Khóa Bằng Tay Nắm Bên Trong Cửa Trước



❶ Tay Nắm Bên Trong

Ngoại trừ loại xe Việt Nam

Kéo tay nắm bên trong cửa người lái
► Cửa sẽ mở khóa và mở bằng một thao tác.

Loại xe Việt Nam

Kéo tay nắm bên trong cửa trước.
► Cửa sẽ mở khóa và mở bằng một thao tác.

Sử Dụng Tai Khóa

Khi bạn khóa/mở khóa cửa bằng tai khóa trên cửa người lái, tất cả các cửa khác và cửa hậu sẽ khóa/mở khóa cùng lúc.

Mở Khóa Bằng Tay Nắm Bên Trong Cửa Trước

Ngoại trừ loại xe Việt Nam

Tay nắm bên trong cửa người lái có chức năng giúp người lái mở cửa bằng một thao tác. Tuy nhiên, tính năng này yêu cầu người lái không được phép kéo tay nắm bên trong cửa khi xe đang chạy.

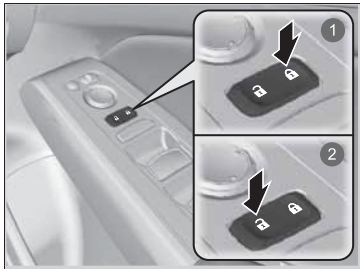
Loại xe Việt Nam

Tay nắm bên trong cửa trước có chức năng giúp người ngồi ghế trước mở cửa bằng một thao tác. Tuy nhiên, tính năng này yêu cầu người ngồi ghế trước không được phép kéo tay nắm bên trong cửa trước khi xe đang chạy.

Trẻ em luôn phải ngồi ghế sau có khóa phòng ngừa trẻ em.
➔ **Khóa Phòng Ngừa Trẻ Em** Tr. 197

Còn nữa

■ Sử Dụng Công Tắc Khóa Cửa Chính



Ấn công tắc khóa cửa chính như hình vẽ để khóa hoặc mở khóa tất cả các cửa, cửa hậu và cửa nạp nhiên liệu.

❶ Để Khóa
❷ Để Mở Khóa

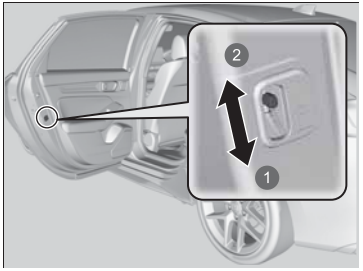
Sử Dụng Công Tắc Khóa Cửa Chính

Khi bạn khóa/mở khóa một trong hai cửa trước bằng công tắc khóa cửa chính, tất cả các cửa khác, cửa hậu và cửa nạp nhiên liệu sẽ khóa/mở khóa cùng một lúc.

Khóa Phòng Ngừa Trẻ Em

Khóa phòng ngừa trẻ em giúp ngăn không cho các cửa sau bị mở từ bên trong bất kể vị trí của tai khóa ở đâu.

■ Cài Đặt Khóa Phòng Ngừa Trẻ Em



Trượt lẫy ở cửa sau đến vị trí khóa và đóng cửa.

■ Khi mở cửa

Mở cửa bằng tay nắm bên ngoài cửa.

1 Khóa
2 Mở Khóa

Khóa Phòng Ngừa Trẻ Em

Để mở cửa từ bên trong khi khóa phòng ngừa trẻ em bật, gạt tai khóa đến vị trí mở khóa, hạ cửa kính sau, đưa tay ra bên ngoài cửa kính và kéo tay nắm bên ngoài cửa.

Khóa/Mở Khóa Cửa Tự Động*

Xe của bạn tự động khóa hoặc mở khóa tất cả các cửa ở một số điều kiện nhất định sau.

■ Khóa Cửa Tự Động

■ Chế độ khóa khi lái xe

Tất cả các cửa và cửa hậu sẽ khóa khi tốc độ xe khoảng 15 km/h.

■ Mở Khóa Cửa Tự Động

■ Chế độ mở khóa khi có nguồn điện

Tất cả các cửa và cửa hậu sẽ mở khóa khi chế độ nguồn không ở BẬT.

Khóa/Mở Khóa Cửa Tự Động*

Bạn có thể tắt hoặc chuyển sang cài đặt khác cho chức năng khóa/mở khóa cửa tự động trên màn hình âm thanh/thông tin.

➔ **Tính Năng Tùy Chọn** Tr. 313

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Lưu Ý khi Mở/Đóng Cửa Hậu

Luôn đảm bảo không có người nào và vật gì ở gần cửa hậu khi mở hoặc đóng cửa.

- Mở hoàn toàn cửa hậu.
  ▶ Nếu cửa hậu không mở hết, cửa sẽ tự đóng lại bởi sức nặng của cửa.
- Cẩn thận khi trời có gió vì gió có thể làm cửa hậu sập xuống.

Luôn đảm bảo đóng cửa hậu trong khi lái xe để:
▶ Tránh hư hỏng có thể xảy ra.
▶ Ngăn không cho khí xả lọt vào xe.
➔ **Khí CO** Tr. 110

⚠CẢNH BÁO

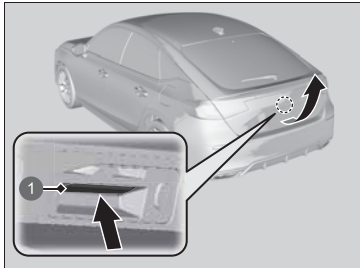
Không để ai ở gần cửa hậu khi cửa đang đóng hoặc mở để tránh bị kẹp, gây trọng thương. Luôn đảm bảo không có ai ở gần cửa hậu khi mở hoặc đóng cửa.

Cẩn thận không va đầu vào cửa hậu hoặc không để tay vào giữa cửa hậu và khoang hành lý khi đóng cửa hậu.

Khi xếp hoặc dỡ đồ đạc ra khỏi khoang hành lý, khi động cơ đang chạy không tải, không được đứng trước ống xả để tránh bị bỏng.

Không để bất kỳ hành khách nào ngồi trong khoang hành lý để tránh bị thương khi xe phanh gấp, tăng ga đột ngột, hoặc khi xảy ra va chạm.

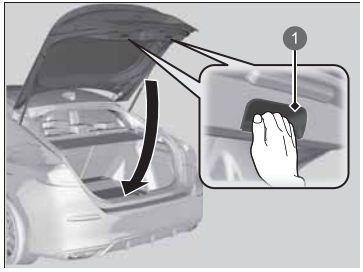
Mở/Đóng Cửa Hậu



❶ Nút Nhả Cửa Hậu

Khi mở khóa tất cả các cửa, cửa hậu sẽ mở khóa.
Ấn nút nhả cửa hậu và nâng cửa hậu lên để mở.

Nếu bạn mang theo chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ*, bạn không cần mở khóa cửa hậu trước khi mở cửa hậu.



❶ Tay Nắm Bên Trong

Để đóng cửa hậu, nắm tay nắm bên trong, kéo cửa hậu xuống và ấn cửa sập xuống từ bên ngoài.

Mở/Đóng Cửa Hậu

- Không để chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* ở trong xe khi bạn ra khỏi xe. Hãy mang theo chìa khóa bên mình.
- Ngay cả khi bạn không mang theo chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ*, bạn vẫn có thể mở khóa cửa hậu khi có ai đó cầm chìa khóa điều khiển từ xa trong phạm vi cho phép.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Hệ Thống Chống Nổ Máy

Hệ thống chống nổ máy giúp ngăn việc khởi động động cơ bằng chìa khóa chưa được đăng ký.

Chú ý những điểm sau khi ấn nút **ENGINE START/STOP**:

- Không để đồ vật có sóng radio mạnh gần nút **ENGINE/START/STOP**.
- Đảm bảo chìa khóa không bị những vật thể bằng kim loại đè lên hoặc chạm vào.
- Không để chìa khóa của một xe khác có lắp hệ thống chống nổ máy gần nút **ENGINE START/STOP**.

Không để chìa khóa gần các vật có từ tính. Các thiết bị điện tử như tivi và các hệ thống âm thanh tạo ra từ trường mạnh. Lưu ý rằng ngay cả móc chìa khóa cũng có từ tính.

Hệ Thống Chống Nổ Máy

CHÚ Ý

Để chìa khóa trong xe có thể bị mất trộm xe hoặc vô tình làm xe di chuyển.
Luôn mang theo chìa khóa bên mình mỗi khi bạn rời khỏi xe.

Không thay đổi hệ thống này hoặc gắn thêm thiết bị khác vào để tránh làm hỏng hệ thống và làm xe bạn không thể khởi động được.

Nếu hệ thống liên tiếp không nhận mã chìa khóa, hoặc nếu bạn mất chìa khóa và không thể khởi động động cơ, hãy liên hệ với đại lý.

Hệ Thống Cảnh Báo An Ninh

Hệ thống cảnh báo an ninh hoạt động khi cửa hậu, nắp ca-pô hoặc các cửa mở theo cách bất thường. Hệ thống cảnh báo an ninh không hoạt động nếu cửa hậu hoặc các cửa được mở bằng chìa khóa điều khiển từ xa hoặc hệ thống truy cập từ xa.

■ Khi hệ thống cảnh báo an ninh hoạt động

Còi kêu từng hồi và tất cả các đèn ngoài xe nhấp nháy.

■ Tắt hệ thống cảnh báo an ninh

Sử dụng chìa khóa điều khiển từ xa hoặc hệ thống truy cập từ xa, hoặc xoay chế độ nguồn đến BẬT để mở khóa xe. Hệ thống cùng với còi và đèn đang nhấp nháy sẽ tắt.

■ Cài đặt hệ thống cảnh báo an ninh

Hệ thống cảnh báo an ninh sẽ tự động thiết lập trong những trường hợp sau:

- Chế độ nguồn ở TẮT MÁY.
- Nắp ca-pô đóng.
- Tất cả các cửa và cửa hậu được khóa từ bên ngoài bằng chìa khóa điều khiển từ xa hoặc thống truy cập từ xa.

■ Khi hệ thống cảnh báo an ninh được thiết lập

Đèn báo hệ thống cảnh báo an ninh trên bảng điều khiển nhấp nháy và thời gian nhấp nháy thay đổi sau khoảng 15 giây.

■ Hủy hệ thống cảnh báo an ninh

Hệ thống cảnh báo an ninh bị hủy khi xe được mở khóa bằng chìa khóa điều khiển từ xa hoặc hệ thống truy cập từ xa, hoặc khi chế độ nguồn ở BẬT. Đèn báo hệ thống cảnh báo an ninh sẽ tắt cùng lúc.

Hệ Thống Cảnh Báo An Ninh

Không được thay đổi hoặc gắn thêm thiết bị khác vào hệ thống này để tránh làm hỏng hệ thống và làm xe bạn không thể hoạt động.

Hệ thống cảnh báo an ninh sẽ tiếp tục cảnh báo trong khoảng 5 phút trước khi hệ thống an ninh tắt.
Hệ thống sẽ tiến hành đủ 10 chu kỳ, mỗi chu kỳ 30 giây, trong quá trình đó còi sẽ vang lên và đèn báo khẩn cấp sẽ nhấp nháy.
Tùy từng trường hợp, hệ thống an ninh có thể tiếp tục hoạt động trong hơn 5 phút.

Không cài đặt hệ thống cảnh báo an ninh khi có ai đó trên xe hoặc có một cửa kính còn mở. Hệ thống có thể vô tình kích hoạt khi:

- Mở khóa cửa bằng tai khóa.
- Mở nắp ca-pô bằng lẫy nhả nắp ca-pô.

Nếu ắc quy chết sau khi bạn cài đặt hệ thống cảnh báo an ninh, hệ thống có thể tắt khi nạp lại hoặc thay ắc quy.
Nếu trường hợp này xảy ra, hãy tắt hệ thống cảnh báo an ninh bằng chìa khóa điều khiển từ xa hoặc hệ thống truy cập từ xa để mở khóa cửa.

Nếu bạn mở khóa cửa bằng chìa khóa tích hợp trong khi hệ thống an ninh đang hoạt động, cảnh báo sẽ tắt.

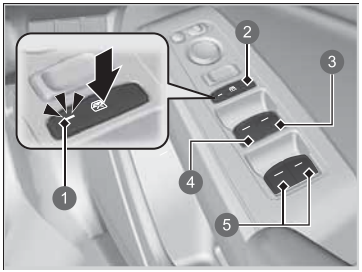
Mở/Đóng Cửa Kính Điện

Có thể mở và đóng cửa kính điện bằng các công tắc trên các cửa khi chế độ nguồn ở BẬT.

Có thể sử dụng các công tắc phía người lái để mở và đóng tất cả các cửa kính. Để mở và đóng các cửa kính từ vị trí bất kỳ trừ ghế người lái thì phải tắt nút khóa cửa kính điện phía người lái (không ấn xuống, đèn báo tắt).

Khi ấn nút khóa cửa kính điện, đèn báo sẽ sáng và bạn chỉ có thể vận hành cửa kính người lái. Bật nút khóa cửa kính điện khi có trẻ nhỏ trên xe.

■ Mở/Đóng Cửa Kính bằng Chức Năng Mở/Đóng Tự Động



❶ Đèn Báo
❷ Nút Khóa Cửa Kính Điện
❸ Công Tắc Cửa Kính Người Lái
❹ Công Tắc Cửa Kính Hành Khách Phía Trước
❺ Công Tắc Cửa Kính Hành Khách Phía Sau*

■ Mở/đóng bằng tay

Để mở: Ấn nhẹ công tắc xuống và giữ cho đến khi cửa kính đến vị trí bạn muốn.
Để đóng: Kéo nhẹ công tắc lên và giữ cho đến khi cửa kính đến vị trí bạn muốn.

■ Mở/đóng tự động

Để mở: Ấn dứt khoát công tắc xuống.
Để đóng: Kéo dứt khoát công tắc lên.

Cửa kính mở hoặc đóng hoàn toàn. Để dừng cửa kính bất cứ lúc nào, ấn hoặc kéo nhanh công tắc.

Còn nữa

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

⚠CẢNH BÁO

Đóng cửa kính điện trong khi ai đó để ngón tay hoặc bàn tay lên cửa kính đó có thể gây trọng thương.

Đảm bảo hành khách cách xa cửa kính khi đóng cửa.

CẢNH BÁO: Luôn mang theo chìa khóa xe mỗi khi bạn ra khỏi xe dù trong xe còn người hay không.

Loại xe Châu Đại Dương
Cửa kính điện có thể hoạt động trong vòng 45 giây sau khi bạn đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY. Mở một trong hai cửa trước sẽ hủy chức năng này.

Loại xe Đông Nam Á
Cửa kính điện có thể hoạt động trong vòng 10 phút sau khi bạn đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY. Mở một trong hai cửa trước sẽ hủy chức năng này.

Loại xe Hồng Kông và Ma Cao
Cửa kính điện có thể hoạt động trong vòng 10 phút sau khi bạn đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY. Đóng cửa người lái sẽ hủy chức năng này.

■ Mở/Đóng Cửa Kính không có Chức Năng Mở/Đóng Tự Động*

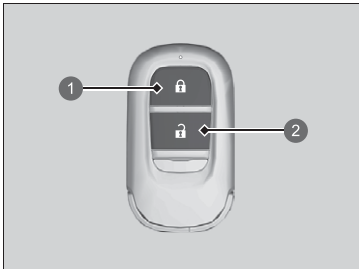


Để mở: Ấn công tắc xuống.
Để đóng: Kéo công tắc lên.

Nhả công tắc khi cửa kính đến vị trí bạn muốn.

1 Đóng
2 Mở

■ Mở/Đóng Cửa Kính bằng Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa*



Để mở: Ấn nút mở khóa và sau đó trong vòng 10 giây, ấn thêm một lần nữa và giữ nút.
Để đóng*: Ấn nút khóa và sau đó trong vòng 10 giây, ấn thêm một lần nữa và giữ nút.

Nếu cửa kính dừng ngang chừng, làm lại các bước này.

1 Nút Khóa
2 Nút Mở Khóa

Mở/Đóng Cửa Kính Điện

Chức Năng Tự Động Đảo Chiều
Nếu cửa kính điện cảm nhận được vật cản khi đang đóng tự động, cửa sẽ ngừng đóng và đảo chiều.

Chức năng tự động đảo chiều cửa kính người lái sẽ ngừng hoạt động khi bạn tiếp tục kéo công tắc lên.

Chức năng tự động đảo chiều sẽ ngừng cảm nhận khi cửa kính đã đóng gần hết để đảm bảo cửa đóng hoàn toàn.

Mở/Đóng Cửa Kính bằng Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa*

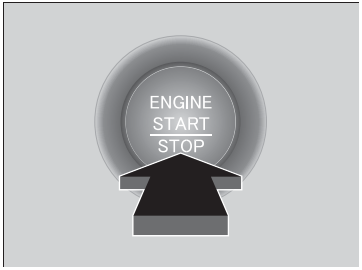
Bạn có thể bật hoặc tắt để mở các cửa kính bằng cách cài đặt chìa khóa điều khiển từ xa trên màn hình âm thanh/thông tin.

Tính Năng Tuỳ Chọn Tr. 313

 * Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Nút ENGINE START/STOP

Thay Đổi Chế Độ Nguồn



Loại xe có hộp số vô cấp

Nếu bạn mang theo chìa khóa điều khiển từ xa và ấn nút **ENGINE START/STOP** mà không nhấn bàn đạp phanh, chế độ nguồn sẽ thay đổi theo thứ tự sau: TẮT MÁY→PHỤ KIỆN→BẬT→TẮT MÁY.

Loại xe có hộp số thường

Nếu bạn mang theo chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ và ấn nút **ENGINE START/STOP** mà không nhấn bàn đạp ly hợp, chế độ nguồn sẽ thay đổi theo thứ tự sau: TẮT MÁY→PHỤ KIỆN→BẬT→TẮT MÁY.

TẮT MÁY:
Nguồn điện trên xe TẮT.
PHỤ KIỆN:
Có thể sử dụng hệ thống âm thanh và một số thiết bị.
BẬT:
Có thể sử dụng tất cả các thiết bị.

Nút ENGINE START/STOP

Nếu để chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* ở trong hộp đựng hoặc một nơi khác mà ở đó tín hiệu có thể bị ngắt quãng, chế độ nguồn có thể không thay đổi.

Loại xe có hộp số vô cấp

Khi đặt chế độ nguồn ở BẬT, chế độ nguồn sẽ thay đổi sang PHỤ KIỆN nếu ấn nút **ENGINE START/STOP** trong khi cần số không ở P.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Còn nữa

■ Tắt Nguồn Tự Động

Nếu bạn ra khỏi xe trong khoảng thời gian từ 30 đến 60 phút mà để cần số ở P (hộp số vô cấp) và chế độ nguồn ở PHỤ KIỆN, xe sẽ tự động chuyển sang chế độ tương tự như TẮT MÁY (KHÓA) để tránh làm hao điện ắc quy.

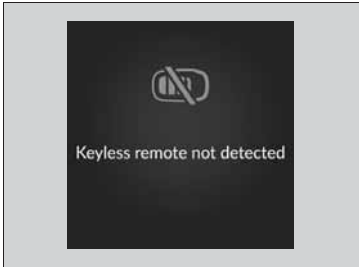
Khi xe ở chế độ này:
Vô lăng không khóa.
Bạn không thể khóa hoặc mở khóa các cửa bằng chìa khóa điều khiển từ xa hoặc hệ thống truy cập từ xa.

Ấn nút **ENGINE START/STOP** hai lần để chuyển sang chế độ TẮT MÁY (KHÓA).

■ Nhắc Chế Độ Nguồn

Nếu bạn mở cửa người lái khi chế độ nguồn ở PHỤ KIỆN, tiếng bíp cảnh báo sẽ vang lên.

■ Nhắc Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa/Khóa Thẻ Từ*



Khi đặt chế độ nguồn ở chế độ bất kỳ trừ chế độ TẮT và bạn rút chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* ra khỏi xe và đóng cửa, âm thanh cảnh báo sẽ vang lên. Nếu âm thanh cảnh báo tiếp tục vang lên, hãy để chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* ở một nơi khác.

■ Khi chế độ nguồn ở PHỤ KIỆN

Âm thanh cảnh báo sẽ vang lên từ bên ngoài xe.

■ Khi chế độ nguồn ở BẬT

Âm thanh cảnh báo sẽ vang lên từ cả bên trong và bên ngoài xe. Ngoài ra, đèn cảnh báo cũng sẽ sáng trên bảng điều khiển.

Nhắc Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa/Khóa Thẻ Từ*

Khi chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* nằm trong phạm vi hoạt động của hệ thống và cửa người lái đã đóng, chức năng cảnh báo sẽ bị hủy.

Nếu mang chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* ra khỏi xe sau khi động cơ khởi động, bạn không thể thay đổi chế độ nút **ENGINE START/STOP** hoặc khởi động lại động cơ được nữa. Luôn đảm bảo chìa khóa điều khiển từ xa ở trong xe khi bạn ấn nút **ENGINE START/STOP**.

Lấy chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* ra khỏi xe qua cửa kính sẽ không kích hoạt được bộ phát tiếng bíp cảnh báo.

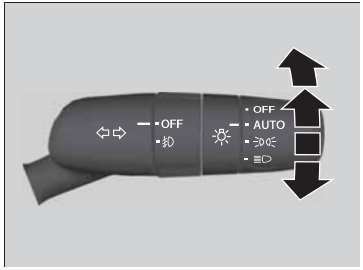
Không đặt chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* lên bảng táp-lô hoặc trong hộp đựng đồ để tránh làm cho bộ phát tiếng bíp cảnh báo tắt. Trong một số điều kiện khác, việc này có thể làm cho xe không định vị được chìa khóa điều khiển từ xa, bộ phát tiếng bíp cảnh báo có thể tắt ngay cả khi chìa khóa điều khiển từ xa nằm trong phạm vi hoạt động của hệ thống.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Đèn

■ Đèn Chiếu Sáng/Đèn Vị Trí

Các đèn sẽ tự động bật tùy thuộc vào độ sáng của môi trường xung quanh. Cũng có thể bật hoặc tắt đèn bằng tay.



Các đèn ngoài xe sẽ tự động bật khi công tắc đèn được đặt ở **AUTO** trong khi chế độ nguồn ở BẬT.

■ Vận hành bằng tay

Đèn chiếu sáng/đèn vị trí:

Xoay công tắc đèn sang .

Đèn vị trí:

Xoay công tắc đèn sang .

Đèn chiếu sáng/đèn vị trí tắt:

Xoay công tắc đèn sang **OFF** và thả tay trong khi cần số ở P (hộp số vô cấp) hoặc gài phanh đỗ.

▶ Đèn sẽ tự động sáng lại khi:

- Xoay công tắc đèn sang **OFF** một lần nữa và thả tay.
- Gạt cần số ra khỏi P (hộp số vô cấp) và nhả phanh đỗ.

Đèn

Khi bật các đèn, các đèn báo trên bảng điều khiển sẽ sáng.

Đèn Báo Các Đèn Bật Tr. 121

Loại xe Australia có động cơ 2.0 L và loại xe Malaysia

Các đèn chiếu sáng thích hợp dùng cho loại xe có vô lăng bên trái hoặc vô lăng bên phải. Khi lái xe trên đường có các quy định giao thông khác nhau, phải điều chỉnh chế độ chiếu xa.

Điều Chỉnh Phân Phối Đèn Chiếu Sáng Tr. 455

Đèn Chiếu Sáng/Đèn Vị Trí

Khi các đèn vị trí sáng, đèn hậu và đèn biển số sau cũng sẽ sáng.

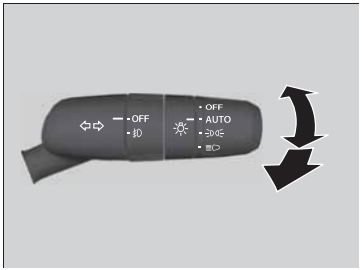
Khi xoay công tắc đèn sang hoặc và chuyển chế độ nguồn sang TẮT, tiếng bíp cảnh báo sẽ vang lên khi cửa người lái mở.

Khi xoay công tắc đèn sang **AUTO** và độ sáng của môi trường xung quanh yếu, các đèn chiếu sáng và đèn vị trí sẽ sáng nếu bạn mở khóa cửa. Đèn sẽ tắt khi khóa cửa.

Xe của bạn được trang bị hệ thống điều chỉnh đèn chiếu sáng tự động, có thể tự động điều chỉnh góc thẳng đứng của đèn chiếu gần. Nếu bạn thấy góc thẳng đứng của đèn chiếu sáng thay đổi, hệ thống có thể có sự cố. Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

■ Chiếu Xa

Khi các đèn chiếu sáng bật, đẩy cần gạt về phía trước. Kéo cần gạt về phía sau để quay trở về chiếu gần.



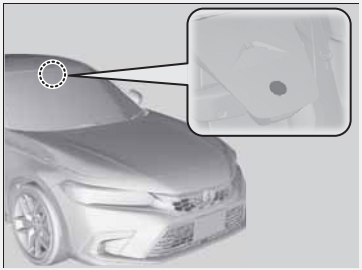
■ Nháy đèn chiếu xa

Kéo cần gạt về phía sau để bật chiếu xa.

▶ Thả cần gạt để trở về chiếu gần.

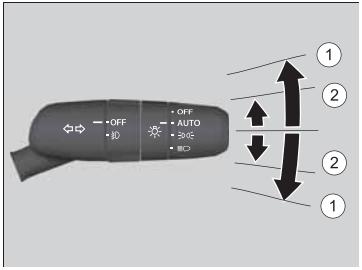
Đèn Chiếu Sáng/Đèn Vị Trí

Cảm biến ánh sáng được lắp tại vị trí như hình minh họa bên dưới. Không được phủ bất cứ vật gì lên cảm biến ánh sáng.



Còn nữa

■ Xi Nhan



Có thể sử dụng đèn xi nhan khi chế độ nguồn ở BẬT.

■ ①: Bật xi nhan

Đẩy cần gạt lên hoặc xuống theo hướng bạn muốn rẽ và đèn xi nhan sẽ nhấp nháy.

■ ②: Gạt xi nhan một lần

Khi bạn gạt nhẹ cần lên hoặc xuống và thả tay, đèn xi nhan sẽ nhấp nháy 3 lần.

► Nếu bạn đẩy nhẹ cần xi nhan theo hướng đối diện trong khi đèn xi nhan đang nhấp nháy, đèn xi nhan sẽ dừng nhấp nháy.

Xi Nhan

Đèn báo xi nhan trên bảng điều khiển sẽ nhấp nháy khi đèn xi nhan bên ngoài nhấp nháy.

Đèn Xi-nhan và Đèn Cảnh Báo Nguy Hiểm
Tr. 121

Đèn Chiếu Sáng Tích Hợp với Cần Gạt Nước

Các đèn chiếu sáng sẽ tự động sáng khi các cần gạt nước được gạt vài lần trong một khoảng nhất định với công tắc đèn chiếu sáng ở **AUTO**.
Các đèn chiếu sáng tự động tắt sau vài phút nếu các cần gạt nước ngừng gạt.

Đèn Chiếu Sáng Tích Hợp với Cần Gạt Nước

Tính năng này được kích hoạt trong khi các đèn chiếu sáng được tắt ở chế độ **AUTO.** Độ sáng bảng điều khiển không thay đổi khi các đèn chiếu sáng bật.

Nếu môi trường xung quanh tối, tính năng điều khiển chiếu sáng tự động sẽ bật các đèn chiếu sáng bất kể số lần gạt của cần gạt nước là bao nhiêu.

Bạn có thể bật và tắt chức năng đèn chiếu sáng tích hợp với cần gạt nước.

➲ **Tính Năng Tuỳ Chọn** Tr. 313

Tính Năng Tắt Đèn Tự Động

Các đèn chiếu sáng, tất cả các đèn ngoài xe khác và các đèn bảng điều khiển sẽ tắt trong 15 giây sau sau khi bạn đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY, hãy mang theo chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* và đóng cửa người lái.

Nếu bạn đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY khi các đèn chiếu sáng bật nhưng không mở cửa, các đèn sẽ tắt sau 10 phút (3 phút, nếu công tắc ở vị trí **AUTO**).

Các đèn sẽ sáng trở lại khi bạn mở khóa hoặc mở cửa người lái. Nếu bạn mở khóa cửa nhưng không mở cửa trong 15 giây, các đèn sẽ tắt. Nếu bạn mở cửa người lái, bạn sẽ nghe thấy âm báo nhắc đèn đang bật.

Tính Năng Tắt Đèn Tự Động

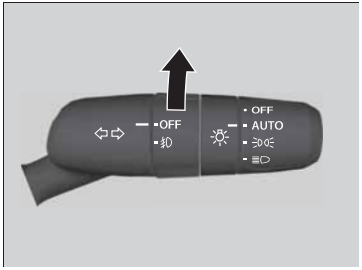
Bạn có thể thay đổi cài đặt hẹn giờ tự động tắt đèn chiếu sáng.

➲ **Tính Năng Tuỳ Chọn** Tr. 313

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Còn nữa

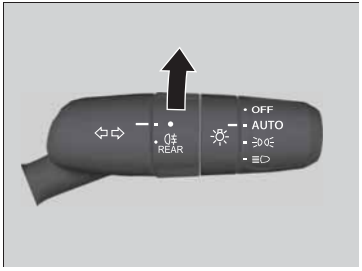
■ Đèn Sương Mù Trước*



Có thể sử dụng khi bật đèn vị trí hoặc đèn chiếu sáng.

Xoay công tắc lên trên từ vị trí **OFF** tới vị trí BẬT. Đèn báo sẽ sáng.

■ Đèn Sương Mù Sau*



Có thể sử dụng khi bật đèn chiếu sáng.

Xoay công tắc đến . Đèn báo sẽ sáng.

 * Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Đèn Ban Ngày

Đèn ban ngày sẽ sáng khi đáp ứng các điều kiện sau:

- Chế độ nguồn ở BẬT.
- Công tắc đèn chiếu sáng ở **AUTO**.
- Đèn môi trường xung quanh sáng.

Khi xe dừng hẳn, nếu bạn xoay công tắc đèn sang **OFF** và thả ra, đèn ban ngày sẽ tắt. Khi gạt cần số ra khỏi P và nhả phanh đỗ, các đèn sẽ sáng trở lại. Nếu công tắc đèn được xoay sang **OFF** một lần nữa, đèn sẽ sáng trở lại.

Đèn Ban Ngày

Đèn ban ngày và đèn vị trí cùng chung nguồn ánh sáng.

Đèn ban ngày sáng hơn đèn vị trí.

Đèn ban ngày sẽ không bật nếu đèn vị trí được bật bằng tay.

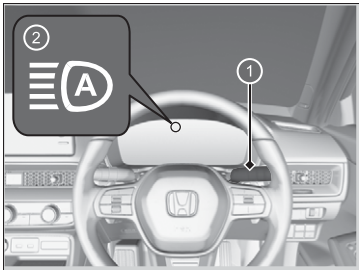
Chiếu Xa Tự Động

Camera trước phát hiện các nguồn sáng phía trước xe bạn như đèn xe phía trước hoặc xe đang đến gần hoặc đèn đường. Khi bạn lái xe vào ban đêm, hệ thống sẽ tự động chuyển đèn chiếu sáng từ chế độ chiếu gần sang chiếu xa và ngược lại tùy từng điều kiện.

■ Cách Sử Dụng Chiếu Xa Tự Động

■ Kích hoạt hệ thống

Đèn báo chiếu xa tự động sẽ sáng và hệ thống sẽ tự động chuyển đèn chiếu sáng từ chế độ chiếu xa sang chiếu gần và ngược lại tùy từng trường hợp khi đáp ứng tất cả các điều kiện sau.



- Chế độ nguồn ở BẬT.
- Công tắc đèn ở **AUTO**.
- Cần điều khiển ở vị trí chiếu gần.
- Đèn chiếu sáng đã được kích hoạt tự động.
- Bên ngoài trời tối.

1 Công Tắc Đèn
2 Đèn Báo Chiếu Xa Tự Động

Nếu đèn báo chiếu xa tự động không sáng ngay cả khi đáp ứng tất cả các điều kiện trên, hãy thực hiện một trong hai quy trình dưới đây, đèn báo sẽ sáng.

- Kéo cần gạt về phía bạn và thả ra.
- Bật công tắc đèn sang AUTO sau đó chuyển công tắc đèn sang **AUTO**.

Chiếu Xa Tự Động

Hệ thống chiếu xa tự động không thể hoạt động trong mọi tình huống mà chỉ có thể hỗ trợ người lái. Vì thế bạn cần phải luôn quan sát xung quanh khi lái xe và và dùng tay chuyển đèn chiếu sáng từ chế độ chiếu xa sang chiếu gần và ngược lại nếu cần thiết.

Phạm vi và khoảng cách mà camera có thể phát hiện ra sẽ thay đổi tùy vào điều kiện giao thông xung quanh.

Tham khảo phần sau để biết thêm thông tin về việc xử lý camera gắn bên trong kính chắn gió.
➡ **Camera Trước** Tr. 553

Để hệ thống chiếu xa tự động hoạt động tốt:

- Không đặt bất cứ vật gì phản chiếu ánh sáng lên bảng táp-lô.
- Giữ vệ sinh kính chắn gió khu vực quanh camera.
- Khi vệ sinh kính chắn gió, chú ý không để nước rửa kính chắn gió bắn vào thấu kính camera.
- Không dán vật gì, nhãn dán hoặc màng phủ lên khu vực quanh camera.
- Không chạm vào thấu kính camera.

Nếu camera bị tác động mạnh hoặc cần sửa chữa khu vực quanh camera, hãy liên hệ với đại lý.

Cách tắt Hệ Thống Chiếu Xa Tự Động
Bạn có thể bật và tắt hệ thống chiếu xa tự động.
➡ **Tính Năng Tuỳ Chọn** Tr. 313

■ Tự động chuyển chế độ chiếu xa sang chiếu gần và ngược lại

Khi đèn báo chiếu xa tự động sáng, có thể chuyển chế độ từ chiếu xa sang chiếu gần và ngược lại theo các điều kiện dưới đây.

Chuyển sang chế độ chiếu xa		Chuyển sang chế độ chiếu gần
Phải đáp ứng tất cả các điều kiện sau trước khi bật chế độ chiếu xa. • Tốc độ xe từ 30 km/h trở lên. • Xe phía trước hoặc xe đang đến gần không bật đèn chiếu sáng hoặc đèn hậu. • Có ít đèn đường ở phía trước.	⇔	Phải đáp ứng một trong các điều kiện sau trước khi bật chế độ chiếu gần. • Tốc độ xe từ 24 km/h trở xuống. • Xe phía trước hoặc xe đang đến gần bật đèn chiếu sáng hoặc đèn hậu. • Có nhiều đèn đường ở phía trước.

Cách Sử Dụng Chiếu Xa Tự Động

Trong các trường hợp dưới đây, hệ thống chiếu xa tự động không thể chuyển chế độ chiếu sáng một cách chính xác hoặc thời gian chuyển có thể thay đổi. Nếu bạn không quen sử dụng chức năng chuyển chiếu sáng tự động, hãy chuyển bằng tay.

- Độ sáng của đèn xe phía trước hoặc xe đang đến gần quá mạnh hoặc quá yếu.
- Tầm nhìn kém do thời tiết (mưa, tuyết, sương mù, kính chắn gió bị đóng băng, v.v).
- Các nguồn sáng khác như đèn đường, đèn biển quảng cáo và đèn giao thông đang sáng ở đoạn đường phía trước.
- Mức độ sáng của đoạn đường phía trước thay đổi liên tục.
- Đường xá ghồ ghề, có nhiều khúc cua.
- Có xe khác đột ngột xuất hiện ngay phía trước xe bạn hoặc có xe phía trước không chạy cùng chiều hoặc ngược chiều với xe bạn.
- Xe bạn bị nghiêng do tải nặng ở sau xe.
- Biển báo giao thông, gương hoặc các vật khác phía trước phản chiếu ánh sáng mạnh về phía xe bạn.
- Xe đang đến gần thường xuyên khuất sau các lùm cây bên đường hoặc vật cản giữa đường.
- Xe phía trước hoặc xe đang đến gần là xe máy, xe đạp, xe lăn điện hoặc xe cỡ nhỏ khác.

Hệ thống chiếu xa tự động sẽ duy trì ở chế độ chiếu gần khi:

- Cần gạt nước kính chắn gió gạt với tốc độ cao.
- Camera bị mờ do có lớp sương dày phủ lên.

Còn nữa

■ Dùng tay chuyển chế độ chiếu xa sang chiếu gần và ngược lại

Nếu bạn muốn dùng tay chuyển chế độ chiếu xa sang chiếu gần và ngược lại, hãy thực hiện một trong hai quy trình dưới đây. Cần lưu ý khi bạn chuyển chế độ, đèn báo chiếu xa tự động sẽ tắt và chế độ chiếu xa tự động sẽ ngừng hoạt động.

Sử dụng cần điều khiển:

Kéo cần về phía bạn để nháy đèn chiếu xa sau đó thả ra.

► Để bật lại chế độ chiếu xa tự động, hãy thực hiện một trong hai quy trình dưới đây và đèn báo chế độ chiếu xa tự động sẽ sáng.

- Kéo cần về phía bạn và thả ra.
- Bật công tắc đèn đến ≡D sau đó đến **AUTO** khi cần ở vị trí chiếu gần.

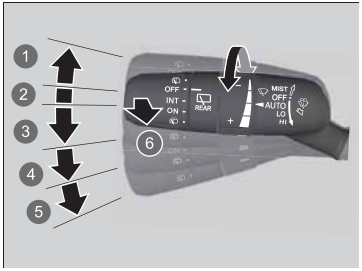
Sử dụng công tắc đèn:

Xoay công tắc đèn đến ≡D.

► Để bật lại chế độ chiếu xa tự động, xoay công tắc đèn sang **AUTO** khi cần ở vị trí chiếu gần, đèn báo chiếu xa tự động sẽ sáng.

Cần Gạt Nước và Rửa Kính

■ Cần Gạt Nước/Rửa Kính Chắn Gió



❶ **MIST**
❷ **OFF**
❸ **AUTO**
❹ **LO**: Gạt chậm
❺ **HI**: Gạt nhanh
❻ **Rửa Kính**

Có thể sử dụng cần gạt nước và rửa kính chắn gió khi chế độ nguồn ở BẬT.

■ MIST

Cần gạt nước gạt ở tốc độ cao cho đến khi bạn thả cần.

■ Công tắc cần gạt nước (OFF, AUTO, LO, HI)

Gạt cần lên hoặc xuống để thay đổi cài đặt cần gạt nước.

■ Rửa kính

Nước rửa kính sẽ phun ra trong khi bạn kéo cần gạt về phía bạn. Khi bạn thả cần gạt nước trong hơn một giây, nước sẽ ngừng phun, cần gạt nước sẽ quét thêm hai hoặc ba lần trước khi dừng hẳn.

»Cần Gạt Nước và Rửa Kính

CHÚ Ý

Không vận hành các cần gạt nước khi kính chắn gió khô để tránh làm kính chắn gió bị xước, hoặc các lưỡi cao su bị hỏng.

CHÚ Ý

Tắt chế độ rửa kính nếu không có nước phun ra để tránh làm hỏng bơm.

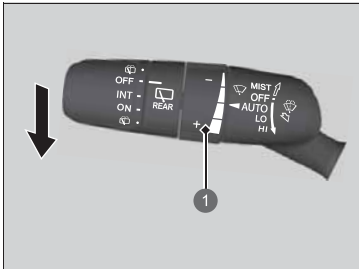
Mô-tơ cần gạt nước có thể dừng hoạt động tạm thời để tránh quá tải. Vận hành cần gạt nước sẽ trở lại bình thường trong vài phút.

CHÚ Ý

Khi trời lạnh, các lưỡi gạt có thể đóng băng vào kính chắn gió.
Vận hành các cần gạt trong điều kiện này có thể làm hỏng cần gạt nước. Sử dụng sấy kính để làm ấm kính chắn gió, sau đó bật cần gạt nước.

Còn nữa

■ Chế Độ Gạt Tự Động Ngắt Quãng



❶ Vòng Điều Chỉnh
-: Độ Nhạy Thấp
+: Độ Nhạy Cao

Khi bạn gạt cần đến **AUTO**, cần gạt nước kính chắn gió sẽ gạt một lần, rồi chuyển sang chế độ tự động.

Cần gạt nước gạt ngắt quãng, gạt chậm, hoặc gạt nhanh và dừng tùy theo lượng mưa mà cảm biến lượng mưa phát hiện.

■ Điều chỉnh độ nhạy TỰ ĐỘNG

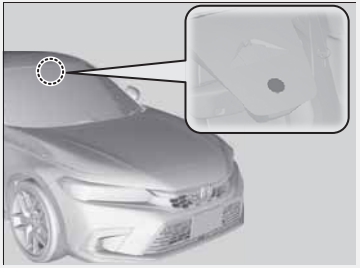
Khi cài đặt chức năng cần gạt nước ở chế độ **AUTO**, bạn có thể điều chỉnh độ nhạy của cảm biến lượng mưa (sử dụng vòng điều chỉnh) sao cho cần gạt hoạt động theo ý muốn của bạn.

Cần Gạt Nước và Rửa Kính

Nếu cần gạt nước ngừng hoạt động do có vật cản như tuyết đóng băng, hãy đỗ xe ở nơi an toàn. Xoay công tắc cần gạt nước đến **OFF** và đặt chế độ nguồn ở PHỤ KIỆN hoặc TẮT MÁY, sau đó gạt bỏ vật cản.

Chế Độ Gạt Tự Động Ngắt Quãng

Cảm biến lượng mưa nằm ở vị trí như hình minh họa bên dưới.

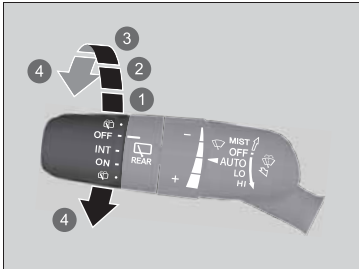


CHÚ Ý

Để tránh làm hỏng hệ thống cần gạt nước, luôn **TẮT** chế độ **AUTO** khi:

- Vệ sinh kính chắn gió
- Rửa xe
- Trời không mưa

■ Cần Gạt Nước/Rửa Kính Sau



❶ **OFF**
❷ **INT** (Ngắt quãng)
❸ **ON** (Gạt liên tục)
❹ **Rửa Kính**

Có thể sử dụng cần gạt nước và rửa kính sau khi chế độ nguồn ở BẬT.

■ Công tắc cần gạt nước (OFF, INT, ON)
Thay đổi cài đặt công tắc gạt nước theo lượng mưa.

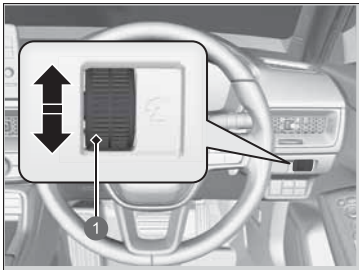
■ Rửa kính ( )
Nước rửa kính sẽ được phun ra khi bạn xoay công tắc đến vị trí này.
Giữ công tắc ở vị trí này để kích hoạt cần gạt nước sau và để phun nước rửa kính.
Sau khi thả ra, nước sẽ dừng phun và cần gạt nước sau sẽ trở lại vị trí cài đặt đã chọn sau vài lần gạt.

■ Vận hành khi lùi xe
Khi bạn gạt cần số đến R với cần gạt nước kính chắn gió đang hoạt động, cần gạt nước sau sẽ tự động hoạt động như sau ngay cả khi công tắc tắt.

Hoạt Động Cần Gạt Nước Kính Chắn Gió	Hoạt Động Cần Gạt Nước Sau
Ngắt quãng	Ngắt quãng
Gạt tốc độ chậm Gạt tốc độ nhanh	Liên tục

Loại xe có đồng hồ đo loại A

Điều Chỉnh Độ Sáng



1 Núm Điều Chỉnh



Khi chế độ nguồn ở BẬT, bạn có thể sử dụng núm điều chỉnh độ sáng để điều chỉnh độ sáng bảng điều khiển.
Sáng: Xoay núm lên.
Mờ: Xoay núm xuống.

Bạn sẽ nghe thấy tiếng bíp khi độ sáng ở mức tối thiểu hoặc tối đa. Sau vài giây bạn điều chỉnh độ sáng, màn hình sẽ trở lại màn hình trước đó.

■ Vạch biểu thị mức độ sáng

Vạch biểu thị độ sáng sẽ xuất hiện trên màn hình khi bạn điều chỉnh độ sáng.

Điều Chỉnh Độ Sáng

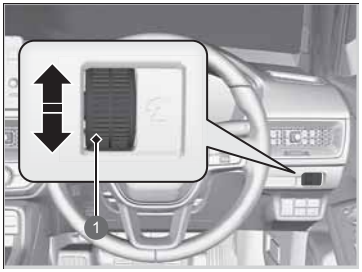
Độ sáng bảng điều khiển sẽ giảm ở các điều kiện sau:

- Chế độ nguồn ở BẬT.
- Các đèn vị trí bật và bên ngoài tối.

Có thể cài đặt độ sáng khác nhau khi các đèn ngoài xe bật và tắt.

Loại xe có đồng hồ đo loại B

Điều Chỉnh Độ Sáng



1 Núm Điều Chỉnh

Độ sáng của đồng hồ đo được tự động điều chỉnh tùy thuộc vào độ sáng của đèn viền.

- Độ sáng sẽ tối hơn khi đèn viền tối.
- Độ sáng sẽ sáng hơn khi đèn viền sáng.

■ Điều chỉnh độ sáng bằng tay

Bạn có thể sử dụng núm điều chỉnh độ sáng để điều chỉnh độ sáng bảng điều khiển.

Sáng: Xoay núm lên.

Mờ: Xoay núm xuống.

▶ Bạn có thể thay đổi cài đặt ngay cả khi đèn viền sáng, nhưng độ sáng của đồng hồ đo sẽ không thay đổi.



■ Vạch biểu thị mức độ sáng

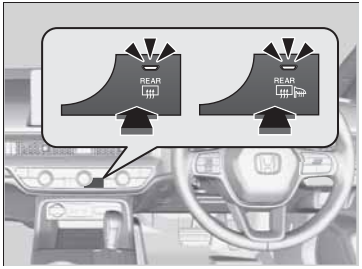
Vạch biểu thị độ sáng sẽ xuất hiện trên màn hình khi bạn điều chỉnh độ sáng.

Điều Chỉnh Độ Sáng

Sau vài giây bạn điều chỉnh độ sáng, màn hình sẽ trở lại màn hình trước đó.

Nút Sấy Kính Sau/Sấy Gương Cửa*

Ấn nút sấy kính sau và sấy gương cửa* để làm tan sương cửa kính sau và gương cửa khi chế độ nguồn ở BẬT.



Hệ thống sấy kính sau và sấy gương cửa* tự động tắt sau 10-30 phút tùy thuộc vào nhiệt độ bên ngoài. Tuy nhiên, nếu nhiệt độ bên ngoài là từ 0°C trở xuống, hệ thống sẽ không tự động tắt.

Nút Sấy Kính Sau/Sấy Gương Cửa*

Hệ thống này tiêu thụ rất nhiều điện, do vậy hãy tắt hệ thống này khi các cửa kính đã tan sương. Đồng thời, không sử dụng hệ thống lâu ngay cả khi động cơ chạy không tải. Sử dụng như vậy có thể làm ắc quy bị yếu, động cơ sẽ khó khởi động.

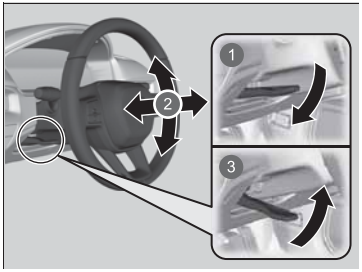
Loại xe có sấy gương cửa

Khi chế độ nguồn được đặt ở BẬT và nhiệt độ bên ngoài xuống dưới 5°C, sấy gương cửa sẽ tự động kích hoạt trong 10 phút.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Điều Chỉnh Vô Lăng

Bạn có thể điều chỉnh độ cao và khoảng cách từ vô lăng đến người bạn để có thể điều khiển vô lăng một cách thoải mái theo tư thế lái.



❶ Nhả
❷ Điều chỉnh
❸ Khóa

1. Khi xe dừng, kéo cần điều chỉnh vô lăng lên.
▶ Cần điều chỉnh vô lăng nằm dưới trụ lái.

2. Di chuyển vô lăng lên hoặc xuống, vào trong hoặc ra ngoài.
▶ Đảm bảo bạn có thể quan sát được các đồng hồ đo và các đèn báo bảng điều khiển.

3. Kéo cần điều chỉnh vô lăng lên để khóa vô lăng vào đúng vị trí.
▶ Sau khi điều chỉnh, để đảm bảo bạn đã khóa chặt vô lăng đúng vị trí, hãy thử lắc vô lăng lên, xuống, vào trong và ra ngoài.

Điều Chỉnh Vô Lăng

⚠CẢNH BÁO

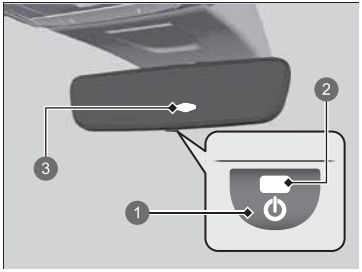
Điều chỉnh vị trí vô lăng trong khi lái có thể làm bạn mất kiểm soát xe và bị trọng thương khi xảy ra va chạm.

Chỉ điều chỉnh vô lăng khi xe dừng.

Gương Chiếu Hậu Trong Xe

Điều chỉnh góc gương chiếu hậu khi bạn đang ngồi ở vị trí lái đúng.

■ Gương Chiếu Hậu Làm Mờ Tự Động



Khi bạn lái xe lúc trời tối, gương chiếu hậu làm mờ tự động sẽ làm giảm độ chói của các đèn chiếu sáng đằng sau xe bạn. Ấn nút TỰ ĐỘNG để bật và tắt chức năng này. Khi hoạt động, đèn báo TỰ ĐỘNG sẽ sáng.

1. Nút TỰ ĐỘNG
2. Đèn báo TỰ ĐỘNG
3. Cảm Biến

Gương

Làm sạch mặt trong, mặt ngoài của gương và điều chỉnh gương để nhìn rõ nhất.

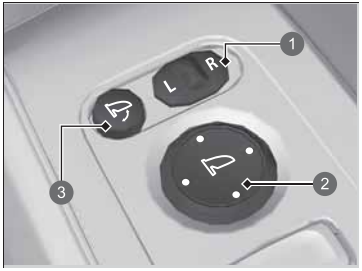
Điều chỉnh các gương trước khi lái xe.

➔ **Ghế Trước** Tr. 226

Gương Chiếu Hậu Làm Mờ Tự Động

Chức năng làm mờ tự động bị hủy khi cần số ở R.

Gương Cửa Điện



1 Công Tắc Chọn
2 Công Tắc Điều Chỉnh
3 Nút Cụp Gương

Bạn có thể điều chỉnh các gương cửa khi chế độ nguồn ở BẬT.

■ Điều chỉnh vị trí gương

Công tắc chọn L/R: Chọn gương trái hoặc phải. Sau khi điều chỉnh gương, xoay lại công tắc đến vị trí giữa.

Công tắc điều chỉnh vị trí gương: Ấn công tắc trái, phải, lên, hoặc xuống để điều chỉnh gương.

■ Cụp gương cửa

Ấn nút cụp để cụp và mở các gương cửa.

■ Chức Năng Tự Động Cụp Gương Cửa

■ Cụp các gương cửa

Ấn nút khóa trên chìa khóa điều khiển từ xa hoặc ấn vào cảm biến khóa cửa trên cửa trước.

▶ Các gương bắt đầu tự động cụp vào.

■ Mở các gương cửa

Mở khóa tất các các cửa và cửa hậu bằng chìa khóa điều khiển từ xa hoặc hệ thống truy cập từ xa.

▶ Các gương bắt đầu tự động mở ra.

Chức Năng Tự Động Cụp Gương Cửa

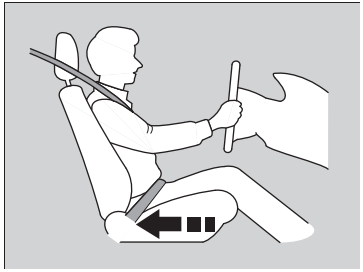
Bạn không thể sử dụng chức năng mở gương cửa tự động nếu chúng đã được cụp bằng nút cụp.

Bạn có thể bật và tắt chức năng cụp gương cửa tự động.

Tính Năng Tùy Chọn Tr. 313

Các gương cửa sẽ không tự động cụp khi khóa từ bên trong xe bằng vấu khóa hoặc công tắc khóa cửa chính.

Ghế Trước



Lùi về sau để tạo khoảng cách phù hợp.

Điều chỉnh ghế người lái càng xa về phía sau càng tốt đồng thời vẫn cho phép bạn điều khiển xe thoải mái. Bạn nên ngồi thẳng, sát vào lưng ghế để có thể dễ dàng nhấn bàn đạp mà không cần nghiêng về phía trước và điều khiển vô lăng thoải mái. Điều chỉnh ghế hành khách theo cách tương tự, càng xa túi khí trước trong bảng táp-lô càng tốt.

Ghế Ngồi

Luôn điều chỉnh ghế ngồi trước khi lái xe.

Ghế Trước

⚠CẢNH BÁO

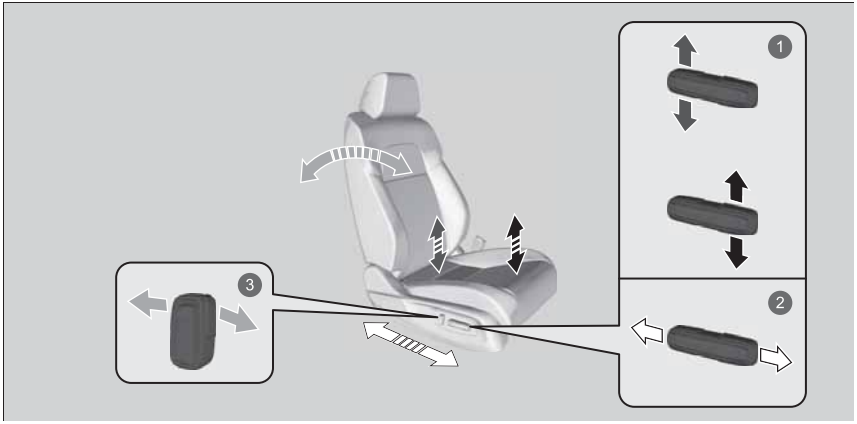
Ngồi quá gần túi khí trước có thể dẫn đến trọng thương hoặc tử vong nếu túi khí trước nổ.

Luôn ngồi càng xa các túi khí trước càng tốt đồng thời đảm bảo điều khiển xe thoải mái.

Ngoài điều chỉnh ghế ngồi, bạn có thể điều chỉnh vô lăng lên, xuống, vào, ra. Khoảng cách tối thiểu giữa tâm vô lăng và ngực người lái là 25 cm.

Điều Chỉnh Vị Trí Ghế Ngồi

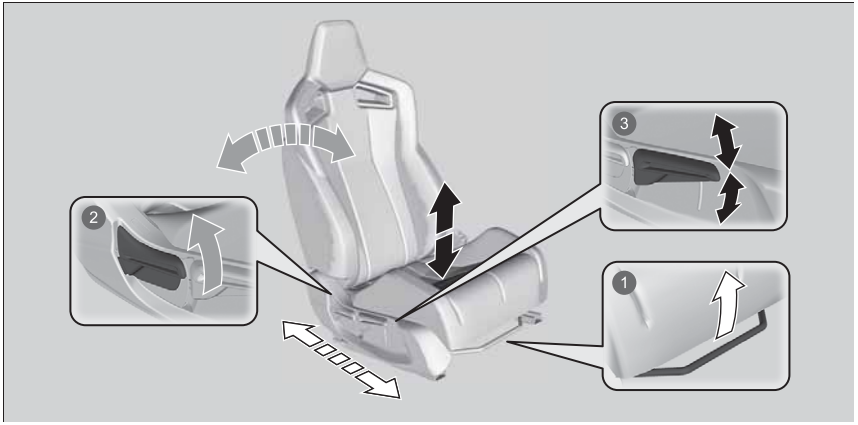
Điều chỉnh ghế điện trước



1 Điều Chỉnh Độ Cao (Chỉ ghế người lái)
2 Điều Chỉnh Độ Xa
3 Điều Chỉnh Góc Lưng Ghế

Còn nữa

■ Điều chỉnh ghế trước bằng tay



❶ Điều Chỉnh Độ Xa
Kéo thanh ngang lên để di chuyển ghế, sau đó thả tay ra.

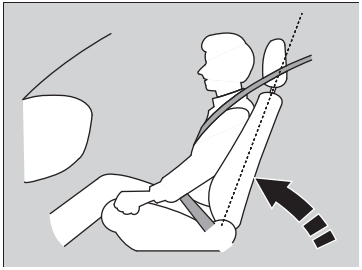
❷ Điều Chỉnh Góc Lưng Ghế
Kéo cần lên để thay đổi góc.

❸ Điều Chỉnh Độ Cao (Chỉ phía người lái)
Kéo cần lên hoặc xuống để nâng ghế lên hoặc hạ thấp ghế xuống.

Điều chỉnh ghế trước bằng tay

Sau khi điều chỉnh, hãy lắc ghế qua lại để đảm bảo ghế đã được khóa đúng vị trí.

Điều Chỉnh Lưng Ghế



Điều chỉnh lưng ghế người lái đến vị trí thoải mái, vuông góc để tạo một không gian rộng giữa ngực bạn và nắp che túi khí ở giữa vô lăng.

Hành khách ngồi ghế trước cũng nên điều chỉnh lưng ghế đến vị trí thoải mái, vuông góc.

Ngả lưng ghế mà phần đai vai của dây đai không thắt qua ngực người ngồi sẽ làm giảm khả năng bảo vệ của dây đai, làm tăng khả năng bị trượt ra khỏi dây đai khi va chạm và dẫn đến trọng thương. Lưng ghế càng ngả nhiều, nguy cơ bị thương càng lớn.

Điều Chỉnh Lưng Ghế

⚠CẢNH BÁO

Ngả lưng ghế quá xa có thể gây trọng thương hoặc tử vong khi xảy ra va chạm.

Điều chỉnh lưng ghế đến vị trí vuông góc và dựa thoải mái trên lưng ghế.

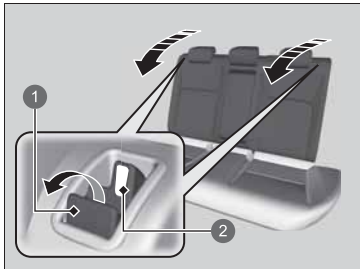
Không kê đệm, hoặc đồ vật khác giữa lưng ghế và lưng bạn để tránh làm ảnh hưởng đến hoạt động của dây đai hoặc túi khí.

Nếu bạn không thể ngồi cách xa vô lăng theo tiêu chuẩn, bạn nên tìm hiểu một số thiết bị chuyên dụng để trợ giúp.

Ghế Sau

Gập Ghế Sau

Gập lần lượt ghế bên trái và ghế bên phải hàng ghế sau xuống để có chỗ chứa đồ.



❶ Lẫy Nhả
❷ Vấu Đỏ

1. Hạ tựa đầu* xuống vị trí thấp nhất.
2. Kéo cần nhả và gập lưng ghế xuống.

Gập Ghế Sau

⚠CẢNH BÁO

Đảm bảo chốt chặt lưng ghế trước khi lái xe.

Có thể gập lưng ghế sau xuống để chứa các vật cồng kềnh trong khoang hành lý.

Để khóa thẳng lưng ghế, đẩy lưng ghế về phía sau cho đến khi lưng ghế khóa lại sao cho các vấu đỏ ở cần nhả quay xuống dưới.
Khi đẩy lưng ghế về vị trí ban đầu, phải đẩy thật mạnh.

Đảm bảo các đồ vật trong khoang hành lý hoặc các đồ vật gác lên các ghế sau phải được buộc chặt. Đồ vật buộc lỏng có thể bị xô về phía trước nếu bạn phanh gấp.

(Các) ghế trước phải cách các ghế sau một khoảng cách phù hợp để không cản trở việc gập các ghế sau.

 * Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Nhắc Ghế Sau

Tính năng này cảnh báo cho bạn biết có thể có người ngồi hoặc có vật gì ở các ghế sau trước khi bạn ra khỏi xe. Tính năng này hoạt động khi đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY nếu các cửa sau mở hé trước khi hoặc sau khi đặt chế độ nguồn ở BẬT.

Loại xe có hộp số vô cấp



Loại xe số sàn



Thông báo nhắc bạn kiểm tra ghế sau sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái và âm báo sẽ vang lên khi đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY.

Nhắc Ghế Sau

Khi đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY, nhắc ghế sau sẽ tắt, sau đó chức năng này sẽ dừng hoạt động.

Tính năng nhắc sẽ không hoạt động nếu chế độ nguồn không được đặt ở BẬT trong vòng 10 phút từ khi đóng/mở các cửa sau.

Hệ thống sẽ không phát hiện ra có người ngồi ở ghế sau. Thay vào đó, hệ thống có thể phát hiện cửa sau đóng hoặc mở, tức là có cái gì đó ở ghế sau.

Bạn có thể cài đặt tắt thông báo.
Tính Năng Tùy Chọn Tr. 313

Duy Trì Vị Trí Ngồi Thích Hợp

Sau khi tất cả mọi người trên xe đã điều chỉnh ghế, tựa đầu* và đã thắt dây đai an toàn, họ cần phải duy trì tư thế ngồi thẳng, tựa vào lưng ghế, để chân lên sàn cho đến khi xe dừng an toàn và động cơ tắt.

Ngồi không đúng tư thế có thể làm tăng nguy cơ bị thương khi xảy ra va chạm. Ví dụ, ngả dài người trên ghế, nằm trên ghế, quay ngang quay dọc, ngồi sát về phía trước, ngả người về phía trước hoặc sang bên cạnh, để chân lên ghế, thì khả năng bị thương khi xảy ra va chạm sẽ là rất lớn.

Ngoài ra, nếu hành khách ghế trước ngồi sai vị trí có thể dẫn đến trọng thương hoặc tử vong khi xảy ra va chạm do va đập vào các bộ phận bên trong xe hoặc bị va vào túi khí đang nổ.

Duy Trì Vị Trí Ngồi Thích Hợp

⚠CẢNH BÁO

Ngồi không đúng cách hoặc ngồi lệch có thể dẫn đến trọng thương hoặc tử vong khi xảy ra va chạm.

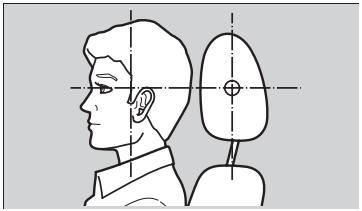
Luôn ngồi thẳng, tựa vào lưng ghế, để chân trên sàn.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Tựa Đầu

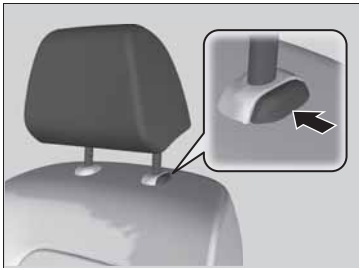
Xe bạn được trang bị tựa đầu ở tất cả các vị trí ghế ngồi.

Điều Chỉnh Tựa Đầu Ghế Trước*



Tựa đầu có tác dụng bảo vệ tốt nhất tránh tổn thương do dây đai siết lại và tổn thương do va chạm từ phía sau, khi phần giữa phía sau đầu của người ngồi sát với phần giữa của tựa đầu. Đỉnh của tai người ngồi phải ngang bằng với phần giữa của tựa đầu.

Để đầu ở giữa tựa đầu.



Để nâng tựa đầu:
Kéo tựa đầu lên.
Để hạ tựa đầu:
Ấn tựa đầu xuống đồng thời ấn nút nhả.

Điều Chỉnh Tựa Đầu Ghế Trước*

⚠CẢNH BÁO

Tựa đầu không được điều chỉnh hợp lý sẽ làm giảm hiệu quả bảo vệ và làm tăng nguy cơ trọng thương khi xảy ra va chạm.

Đảm bảo các tựa đầu được đặt đúng vị trí và được điều chỉnh phù hợp trước khi lái.

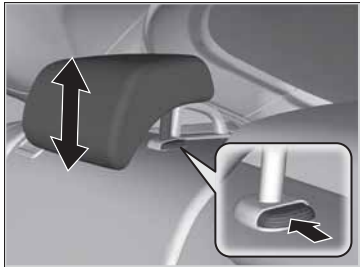
Để hệ thống tựa đầu hoạt động tốt:

- Không treo bất cứ vật gì lên các tựa đầu, hoặc các chân tựa đầu.
- Không để bất cứ vật gì giữa người ngồi và lưng ghế.
- Lắp các tựa đầu vào đúng vị trí.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Còn nữa

■ Điều Chỉnh Tựa Đầu Ghế Sau Bên Ngoài*



Hành khách ngồi ở hàng ghế sau bên ngoài cần điều chỉnh độ cao tựa đầu đến vị trí thích hợp trước khi xe bắt đầu chạy.

Để nâng tựa đầu:
Kéo tựa đầu lên.

Để hạ tựa đầu:
Ấn tựa đầu xuống đồng thời ấn nút nhả.

■ Tháo và Lắp Lại Tựa Đầu Ghế Trước và Ghế Sau Bên Ngoài*

Có thể tháo tựa đầu ghế trước và ghế sau bên ngoài ra để vệ sinh hoặc sửa chữa.

Để tháo tựa đầu:
Kéo tựa đầu lên hết cỡ. Sau đó, ấn nút nhả, kéo tựa đầu lên sau đó kéo tựa đầu ra.

Để lắp lại tựa đầu:
Lắp các chân vào đúng vị trí, sau đó điều chỉnh tựa đầu đến độ cao thích hợp đồng thời ấn nút nhả. Kéo tựa đầu lên để kiểm tra xem tựa đầu đã được khóa vào đúng vị trí chưa.

Điều Chỉnh Tựa Đầu Ghế Sau Bên Ngoài*

Khi bạn sử dụng tựa đầu ở ghế sau bên ngoài, hãy kéo tựa đầu đến vị trí cao nhất. Không sử dụng tựa đầu ở vị trí thấp hơn.



Tháo và Lắp Lại Tựa Đầu Ghế Trước và Ghế Sau Bên Ngoài*

⚠CẢNH BÁO

Không lắp tựa đầu, hoặc lắp lại không chính xác có thể dẫn đến bị trọng thương khi xảy ra va chạm.

Luôn lắp lại tựa đầu trước khi lái xe.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Tựa Tay

Sử Dụng Tựa Tay Ghế Trước



Có thể sử dụng nắp hộp đựng đồ để làm tựa tay.

Sử Dụng Tựa Tay Ghế Sau*

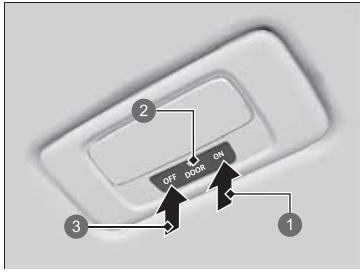


Kéo tựa tay ở tựa lưng ghế giữa xuống.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Đèn Trong Xe

■ Công Tắc Đèn Trong Xe



❶ Bật
❷ Vị Trí Kích Hoạt Cửa
❸ Tắt

■ BẬT

Các đèn trong xe sáng cho dù các cửa mở hay đóng.

■ Kích hoạt cửa

Các đèn trong xe sáng trong những trường hợp sau:

- Khi cửa bất kỳ mở.
- Khi bạn mở khóa cửa người lái.
- Khi đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY.

■ TẮT

Các đèn trong xe vẫn tắt dù cửa mở hay đóng.

■ Công Tắc Đèn Đọc Sách



Ấn các nút để bật và tắt đèn đọc sách.

Công Tắc Đèn Trong Xe

Ở vị trí kích hoạt cửa, các đèn trong xe mờ dần và tắt sau khi đóng các cửa khoảng 30 giây.
Các đèn tắt sau 30 giây trong những trường hợp sau:

- Khi bạn mở khóa cửa người lái nhưng không mở cửa.
- Khi bạn đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY nhưng không mở cửa nào.

Bạn có thể thay đổi thời gian mờ của đèn trong xe.
Tính Năng Tùy Chọn Tr. 313

Đèn trong xe tắt ngay trong những trường hợp sau:

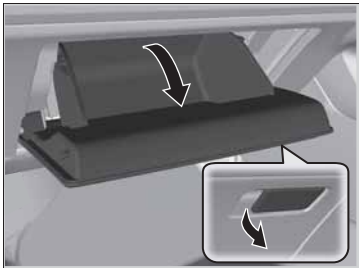
- Khi bạn khóa cửa người lái.
- Khi bạn đóng cửa người lái với chế độ nguồn ở PHỤ KIỆN.
- Khi bạn đặt chế độ nguồn ở BẬT.

Nếu bạn để bất kỳ cửa nào mở khi xe đang ở chế độ TẮT MÁY, các đèn trong xe sẽ tắt sau khoảng 15 phút.

Để tránh làm hao điện ắc quy, không để đèn trong xe bật trong thời gian dài khi đã tắt động cơ.

Ngăn Để Đồ

■ Hộp Đựng Đồ



Kéo tay cầm để mở hộp đựng đồ.

Hộp Đựng Đồ

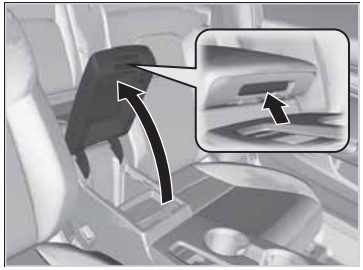
⚠CẢNH BÁO

Để hộp đựng đồ mở có thể làm cho hành khách bị trọng thương khi xảy ra va chạm, ngay cả khi hành khách đã thắt dây đai an toàn.

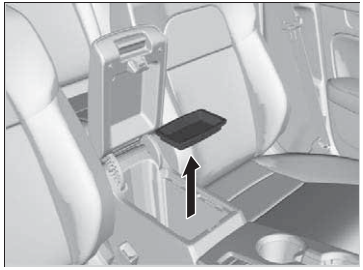
Luôn đóng hộp đựng đồ khi lái xe.

Còn nữa

■ Hộp Đựng Đồ Trung Tâm



Kéo tay nắm để mở hộp đựng đồ trung tâm.

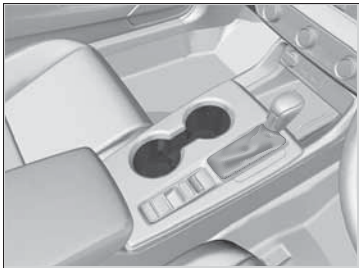


■ Khay có thể tháo*

Có thể dễ dàng tháo khay ở hộp đựng đồ trung tâm bằng cách kéo khay lên.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

■ Ngăn Để Cốc



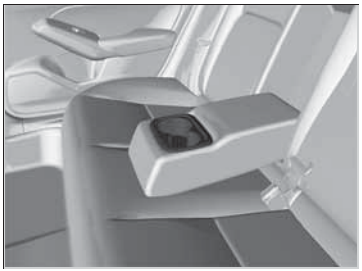
■ Ngăn để cốc ghế trước

Nằm ở hộp đựng đồ trung tâm ở giữa các ghế trước.



■ Ngăn để cốc cánh cửa trước

Nằm ở hai cánh cửa trước.



■ Ngăn để cốc ghế sau

Loại xe năm chỗ

Gập tựa tay xuống để sử dụng ngăn để cốc ghế sau.

Ngăn Để Cốc

CHÚ Ý

Chất lỏng tràn ra có thể làm hỏng tấm đệm, thảm và các thiết bị điện trong xe.

Cẩn thận khi sử dụng ngăn để cốc. Nước nóng có thể làm bạn bị bỏng.

Còn nữa



Loại xe bốn chỗ

Ở ghế sau.



■ Ngăn để cốc cánh cửa sau

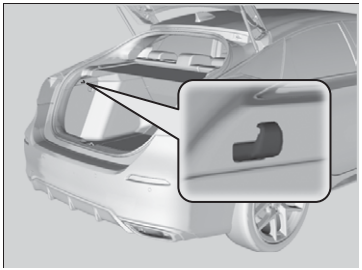
Nằm ở hai cánh cửa sau.

■ Móc Treo Áo



Có các móc treo áo trên tay nắm phía người lái.

■ Móc Treo Đồ



Có thể sử dụng móc neo trong khoang hành lý để treo đồ nhẹ.

Móc Treo Áo

Móc áo không dùng để treo các đồ vật to hoặc nặng.
.

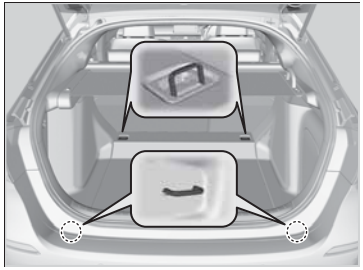
Móc Treo Đồ

CHÚ Ý

Không treo vật có kích thước lớn hoặc vật có trọng lượng trên 3kg lên móc treo đồ này để tránh làm hỏng móc.

Còn nữa

Móc Neo Giữ Đồ

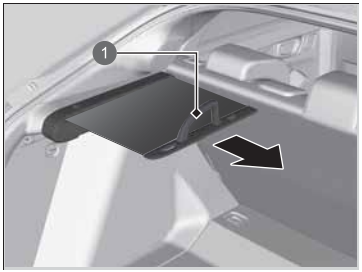


Có thể sử dụng móc neo chỗ sàn khoang hành lý để móc lưới giữ đồ.

Móc Neo Giữ Đồ

Không để ai lấy đồ trong khoang hành lý khi đang lái xe để tránh bị thương khi bạn phanh gấp.

■ Tấm Che Khoang Hành Lý*



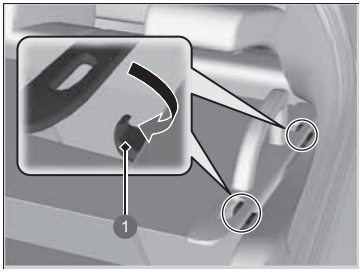
❶ Tay Nắm

Có thể tháo nắp che khoang hành lý ra để lấy chỗ chứa hành lý.

■ Để kéo ra

Kéo tay cầm nắp che thẳng ra và treo vào hai đầu móc.

Khi cất tấm che, tháo tấm che ra khỏi móc và đặt nhẹ nhàng vào chỗ cũ.



❶ Móc

Tấm Che Khoang Hành Lý*

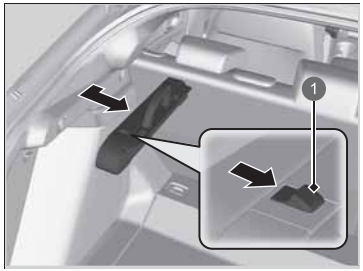
Không để ai lấy đồ trong khoang hành lý khi xe đang chạy để tránh bị thương khi phải phanh gấp.

Không chất đồ trong khoang chứa cao hơn đỉnh lưng ghế để tránh bị che khuất tầm nhìn và đồ đạc không bị rơi ra khi dừng xe đột ngột.

Để tránh làm hỏng tấm che khoang hành lý:
- Không để đồ lên tấm che khoang hành lý:
- Không ấn mạnh lên tấm che khoang hành lý:

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

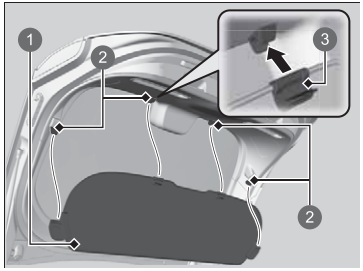
Còn nữa



❶ Lẫy

■ Để tháo

Trượt lẫy trên vỏ tấm che khoang hành lý và vừa rút ra vừa kéo về phía bạn.



❶ Phần mở rộng
❷ Kẹp
❸ Vấu

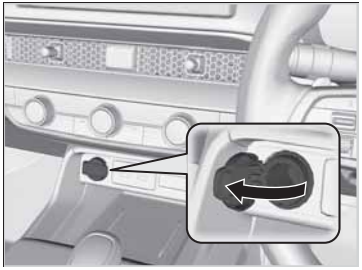
■ Phần mở rộng nắp khoang hành lý

Phần mở rộng được gắn ở phía sau cửa hậu bằng bốn kẹp để có thể mở rộng diện tích bao phủ khi bạn đóng cửa hậu. Để tháo, hãy tháo phần mở rộng ra khỏi cửa hậu. Khi lắp lại phần mở rộng, đảm bảo các vấu ở sát mép.

Hạng Mục Tiện Ích Bên Trong Khác

■ Ổ Cắm Điện Phụ Kiện

Có thể sử dụng ổ cắm điện phụ kiện khi chế độ nguồn ở PHỤ KIỆN hoặc BẬT.



■ Ổ cắm điện phụ kiện ở hộp đựng đồ trung tâm

Mở nắp để sử dụng.

⊠Ổ Cắm Điện Phụ Kiện

Không cắm ổ châm thuốc loại tự động vào ổ cắm này để tránh làm ổ cắm bị quá nhiệt.

Ổ cắm điện phụ kiện cung cấp nguồn điện một chiều 12 vôn với công suất từ 180 W (15 ampe) trở xuống.

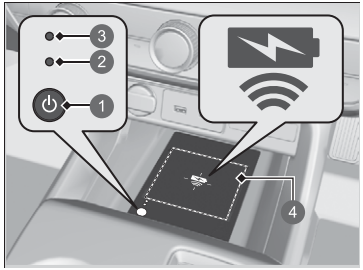
Để tránh làm ắc quy bị hết điện, chỉ sử dụng ổ cắm điện phụ kiện khi động cơ đang chạy.

Khi không sử dụng ổ cắm điện phụ kiện, hãy đóng nắp để ngăn không cho bất kỳ vật gì lọt vào ổ cắm điện phụ kiện.

Còn nữa

■ Sạc Không Dây

Để sử dụng sạc không dây, chế độ nguồn phải ở PHỤ KIỆN hoặc BẬT.
Sạc thiết bị tương thích với sạc không dây Qi ở khu vực có biểu tượng :



1. Nút (Nguồn)
2. Đèn Báo Màu Xanh Lục
3. Đèn Báo Màu Hổ Phách
4. Khu Vực Sạc

1. Để bật và tắt hệ thống, ấn và giữ nút (nguồn).
► Khi hệ thống bật, đèn báo màu xanh lục sẽ sáng.

2. Đặt thiết bị bạn muốn sạc vào vị trí sạc.
► Hệ thống sẽ tự động sạc thiết bị và đèn báo màu hổ phách sẽ sáng.
► Đảm bảo thiết bị tương thích với hệ thống và được đặt vào giữa khu vực sạc.

3. Khi sạc xong, đèn báo màu xanh lục sẽ sáng.
► Tùy thuộc vào từng thiết bi, đèn báo màu hổ phách vẫn sẽ sáng.

Sạc Không Dây

⚠LƯU Ý

Nếu có vật gì bằng kim loại giữa thiết bị và bàn sạc, vật đó sẽ nóng lên và có thể làm bạn bị bỏng, vì vậy hãy:

- Loại bỏ bất cứ vật gì ra khỏi bàn sạc trước khi sạc thiết bị.
- Đảm bảo bề mặt không có bụi và các mảnh vụn khác trước khi sạc.
- Không làm đổ chất lỏng (như nước, đồ uống, v.v.) lên sạc và thiết bị.
- Không sử dụng dầu, mỡ, cồn, xăng hoặc chất pha loãng để làm sạch bàn sạc.
- Không phủ khăn, quần áo hoặc bất cứ vật gì khác lên hệ thống khi đang sạc, v.v.
- Tránh xịt hóa chất lên bề mặt bàn sạc.

Hệ thống này tiêu thụ rất nhiều điện. Vì vậy, không nên sử dụng hệ thống trong một thời gian dài khi động cơ không chạy để tránh làm ắc quy yếu, gây khó khăn cho việc khởi động động cơ.

Khi sử dụng sạc không dây, hãy kiểm tra hướng dẫn sử dụng đi kèm với thiết bị tương thích bạn muốn sạc.

■ Khi sạc không hoạt động

Thực hiện một trong các giải pháp trong bảng sau.

Đèn Báo		Nguyên Nhân	Giải Pháp
Xanh Lục & Hổ Phách	Nháy đồng thời	Có (các) vật cản giữa khu vực sạc và thiết bị.	Loại bỏ (các) vật cản.
		Thiết bị không nằm trong khu vực sạc.	Để thiết bị vào giữa khu vực sạc nơi có biểu tượng .
		Nhiệt độ của bàn sạc tăng.	Tạm thời ngừng sạc thiết bị. Chờ nhiệt độ giảm và thử sạc lại thiết bị.
Hổ phách	Nhấp nháy	Sạc không dây bị hỏng.	Liên hệ với đại lý để sửa chữa.

Sạc Không Dây

Sạc không dây có thể hỗ trợ tối đa 15W, nhưng tốc độ sạc thay đổi tùy theo thiết bị và các điều kiện khác.

CHÚ Ý

Không đặt máy ghi âm băng từ hoặc máy đo độ chính xác ở khu vực sạc trong khi sạc. Dữ liệu trên thẻ của bạn như thẻ tín dụng có thể bị mất do hiệu ứng từ. Ngoài ra, máy đo độ như đồng hồ có thể bị ảnh hưởng.

Biểu tượng “Qi” và là nhãn hiệu đã được Hiệp Hội Năng Lượng Không Dây (WPC) đăng ký quyền sở hữu.

Trong các trường hợp sau, sạc có thể bị ngừng hoặc không hoạt động:

- Thiết bị đã được sạc đầy.
- Nhiệt độ của thiết bị quá cao trong khi sạc.
- Bạn đang ở nơi phát ra sóng điện từ hoặc nơi có tiếng ồn lớn như đài truyền hình, nhà máy điện hoặc trạm xăng.
- Thiết bị có vỏ, nắp hoặc phụ kiện không tương thích với sạc không dây.

Thiết bị có thể không sạc được nếu kích thước hoặc hình dạng của thiết bị không phù hợp với khu vực sạc.

Không phải tất cả các thiết bị đều tương thích với hệ thống.

Trong khi sạc, thiết bị và sạc bị nóng lên là bình thường.

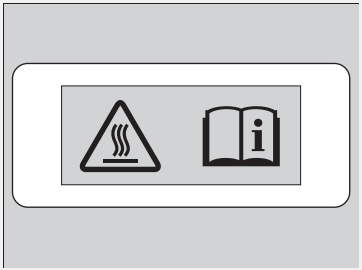
Còn nữa

Sạc Không Dây

Quá trình sạc có thể bị gián đoạn một lúc khi:

- Tất cả các cửa và cửa hậu đóng
  - Để hệ thống truy cập từ xa có thể hoạt động tốt.
- Thay đổi vị trí của thiết bị.

Không sạc nhiều thiết bị cùng một lúc ở khu vực sạc.



Rủi ro cháy:
Bất kỳ vật kim loại nào được đặt giữa bàn sạc và thiết bị đều có thể bị nóng lên.

Nếu thiết bị quá nóng và chức năng bảo vệ pin của thiết bị kích hoạt, thiết bị có thể sạc cực chậm hoặc không sạc nữa.
Nhiệt độ ở thời điểm chức năng bảo vệ pin kích hoạt phụ thuộc vào từng thiết bị.

Bộ Sưởi Ghế*



Có thể sử dụng bộ sưởi ghế khi chế độ nguồn phải ở BẬT.



Ấn nút bộ sưởi ghế:
Một lần - Chế độ HI (ba đèn báo sáng)
Hai lần - Chế độ MID (hai đèn báo sáng)
Ba lần - Chế độ LO (một đèn báo sáng)
Bốn lần - Chế độ OFF (không đèn báo nào sáng)

Khi chế độ nguồn được bật lên sau khi tắt, cài đặt trước đó sẽ được duy trì.

Bộ Sưởi Ghế*

⚠CẢNH BÁO

Khi sử dụng bộ sưởi ghế, nhiệt có thể gây ra cháy.

Với những người có khả năng cảm nhận nhiệt độ bị giảm (ví dụ người bị tiểu đường, dây thần kinh chi dưới bị tổn thương, hoặc bị bại liệt) hoặc người có da nhạy cảm không nên dùng bộ sưởi ghế.

Khi động cơ đã tắt, không nên sử dụng bộ sưởi ghế kể cả ở chế độ LO để tránh làm ắc quy bị yếu, làm động cơ khó khởi động.

Sau một khoảng thời gian nhất định, bộ sưởi ghế trước được cài đặt từ mức nhiệt độ cao sẽ tự động giảm xuống từng mức một cho đến khi bộ sưởi ghế trước tắt. Thời gian thay đổi tùy thuộc vào môi trường bên trong xe.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Sử Dụng Điều Khiển Nhiệt Độ Tự Động

Hệ thống điều khiển nhiệt độ tự động duy trì nhiệt độ bên trong xe mà bạn đã chọn. Hệ thống cũng sẽ chọn nhiệt độ nóng hoặc lạnh một cách hợp lý để làm tăng hoặc giảm nhiệt độ trong xe đến mức bạn muốn một cách nhanh nhất.

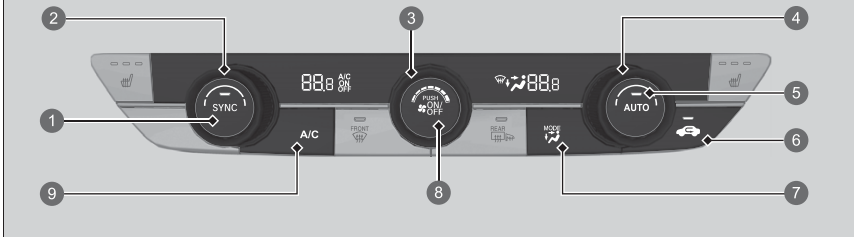
Sử dụng hệ thống khi động cơ đang chạy.

1. Ấn nút **TỰ ĐỘNG.**

2. Điều chỉnh nhiệt độ trong xe bằng núm điều chỉnh nhiệt độ phía người lái hoặc phía hành khách.

3. Ấn nút ON/OFF (BẬT/TẮT) để hủy.

Loại xe không có nút MAX COOL (MÁT TỐI ĐA)



1. Nút **SYNC**
2. Núm Điều Chỉnh Nhiệt Độ Phía Hành Khách
3. Núm Điều Khiển Quạt
4. Núm Điều Chỉnh Nhiệt Độ Phía Người Lái
5. Nút **TỰ ĐỘNG**
6. Nút Lấy Gió Trong
7. Núm Điều Khiển CHẾ ĐỘ
   - Luồng khí từ khe thông gió bảng táp-lô
   - Luồng khí từ khe thông gió bảng táp-lô và khe thông gió sàn
   - Luồng khí từ khe thông gió sàn
   - Luồng khí từ khe thông gió sàn và khe thông gió sấy kính chắn gió
8. Nút **BẬT/TẮT**
9. Nút **A/C** (Điều Hòa Không Khí)

Sử Dụng Điều Khiển Nhiệt Độ Tự Động

Nếu bạn ấn nút bất kỳ khi đang sử dụng hệ thống điều khiển nhiệt độ tự động, chức năng của nút được ấn sẽ được ưu tiên.

Đèn báo nút tự động sẽ tắt, nhưng những chức năng không liên quan đến nút mà bạn đã ấn sẽ vẫn được điều khiển tự động.

Loại xe có Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời

Ở chế độ tự động dừng động cơ tạm thời, điều hòa không khí bị tắt và chỉ có quạt gió hoạt động. Nếu bạn không muốn tắt điều hòa không khí, ấn nút **TẮT** Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời để hủy chế độ này.

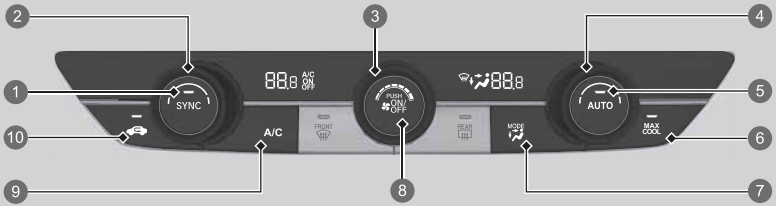
Để ngăn khí lạnh thổi vào từ bên ngoài, quạt có thể không chạy ngay khi ấn nút **AUTO**.

Nếu bên trong xe quá nóng, bạn có thể làm mát nhanh chóng bằng cách mở hé cửa kính, chuyển hệ thống sang chế độ tự động và đặt nhiệt độ ở mức thấp. Chuyển chế độ lấy gió ngoài sang chế độ lấy gió trong cho đến khi nhiệt độ mát trở lại.

Khi bạn đặt nhiệt độ ở mức thấp hoặc cao, **Lo** hoặc **Hi** sẽ hiển thị.

Ấn nút ON/OFF để bật và tắt hệ thống điều khiển nhiệt độ. Khi bật, hệ thống sẽ trở lại lựa chọn gần đây nhất.

Loại xe có nút MAX COOL (MÁT TỐI ĐA) và Loại Vô Lăng Bên Phải



1. Nút **SYNC**
2. Núm Điều Chỉnh Nhiệt Độ Phía Hành Khách
3. Núm Điều Khiển Quạt
4. Núm Điều Chỉnh Nhiệt Độ Phía Người Lái
5. Nút **TỰ ĐỘNG**
6. Nút **MÁT TỐI ĐA**
7. Nút Điều Khiển CHẾ ĐỘ
   - Luồng khí từ khe thông gió bảng táp-lô
   - Luồng khí từ khe thông gió bảng táp-lô và khe thông gió sàn
   - Luồng khí từ khe thông gió sàn
   - Luồng khí từ khe thông gió sàn và khe thông gió sấy kính chắn gió
8. Nút **BẬT/TẮT**
9. Nút **A/C** (Điều Hòa Không Khí)
10. Nút Lấy Gió Trong

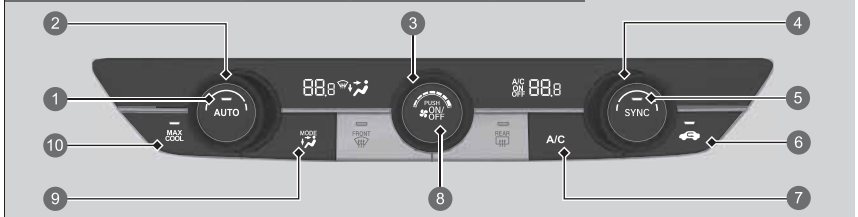
Sử Dụng Điều Khiển Nhiệt Độ Tự Động

Loại xe có chế độ ECON

Khi ở chế độ ECON, hiệu suất làm mát của hệ thống điều khiển nhiệt độ sẽ bị giảm.

Còn nữa

Loại xe có nút MAX COOL (MÁT TỐI ĐA) và Loại Vô Lăng Bên Trái



❶ Nút **TỰ ĐỘNG**
❷ Núm Điều Chỉnh Nhiệt Độ Phía Người Lái
❸ Núm Điều Khiển Quạt
❹ Núm Điều Chỉnh Nhiệt Độ Phía Hành Khách
❺ Nút **SYNC**
❻ Nút Lấy Gió Trong
❼ Nút **A/C** (Điều Hòa Không Khí)
❽ Nút **BẬT/TẮT**
❾ Nút Điều Khiển CHẾ ĐỘ
- Luồng khí từ khe thông gió bảng táp-lô
- Luồng khí từ khe thông gió bảng táp-lô và sàn
- Luồng khí từ khe thông gió sàn
- Luồng khí từ khe thông gió sàn và sấy kính chắn gió

❿ Nút **MÁT TỐI ĐA**

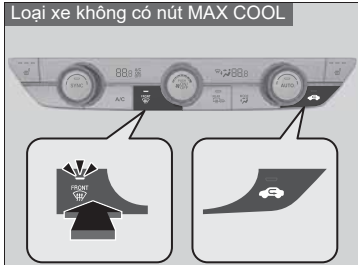
■ Chuyển đổi giữa chế độ lấy gió trong và lấy gió ngoài

Ấn nút  (lấy gió trong) và chuyển chế độ tùy theo điều kiện môi trường.
Chế độ lấy gió trong (đèn báo sáng): Tuần hoàn không khí từ bên trong xe thông qua hệ thống.
Chế độ lấy gió ngoài (đèn báo tắt): Duy trì thông gió bên ngoài. Giữ hệ thống ở chế độ lấy gió ngoài trong các điều kiện bình thường.

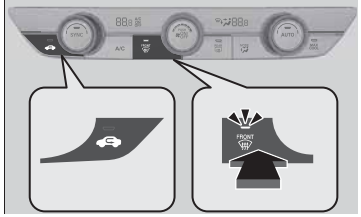
Còn nữa

■ Làm Tan Sương Kính Chắn Gió và Cửa Kính

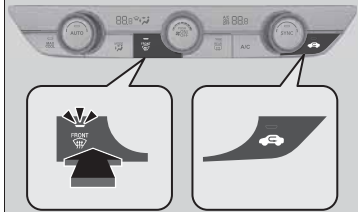
Loại xe không có nút MAX COOL



Loại xe có nút MAX COOL và Loại Vô Lăng Bên Phải



Loại xe có nút MAX COOL và Loại Vô Lăng Bên Trái



Loại xe Châu Đại Dương

Ấn nút FRONT (sấy kính chắn gió) để bật hệ thống điều hoà không khí và để chuyển tự động hệ thống sang chế độ lấy gió ngoài.

Ngoại trừ loại xe Châu Đại Dương

Ấn nút FRONT (sấy kính chắn gió) để bật hệ hệ thống điều hoà không khí.
Ấn nút (đèn báo tắt) để chuyển sang chế độ lấy gió ngoài.

Ấn nút FRONT thêm một lần nữa để tắt, hệ thống sẽ trở về chế độ cài đặt trước đó.

Làm Tan Sương Kính Chắn Gió và Cửa Kính

Vì sự an toàn của bạn, cần đảm bảo bạn có thể nhìn rõ qua các cửa kính trước khi lái.

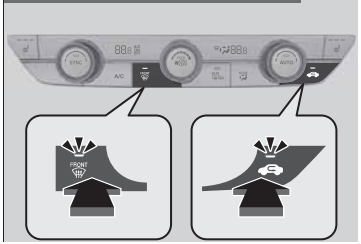
Không đặt nhiệt độ ở gần mức cao hoặc thấp. Khi khí lạnh phả vào kính chắn gió, phía ngoài của kính chắn gió có thể đọng sương.

Loại xe có Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời

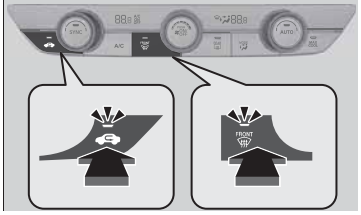
Nếu bạn ấn nút FRONT trong khi Chế Độ Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời hoạt động, động cơ sẽ tự động khởi động lại.

■ Làm tan sương các cửa kính nhanh

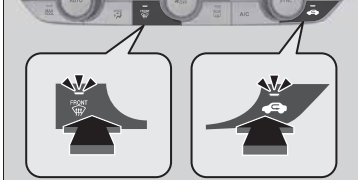
Loại xe không có nút MAX COOL



Loại xe có nút MAX COOL và Loại Vô Lăng Bên Phải



Loại xe có nút MAX COOL và Loại Vô Lăng Bên Trái



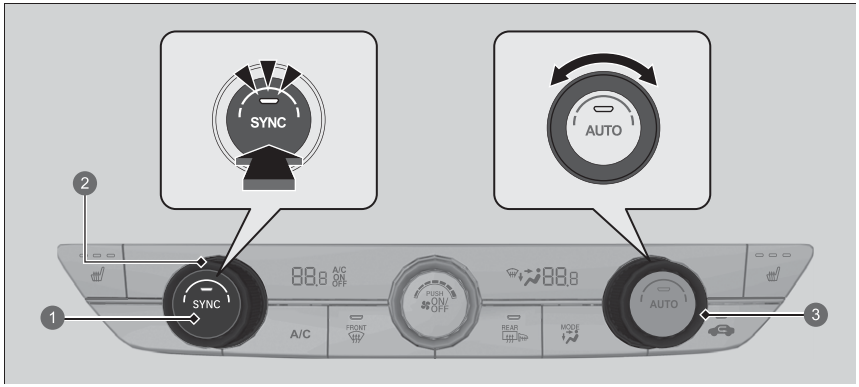
1. Ấn nút FRONT.
2. Ấn nút .

Làm tan sương các cửa kính nhanh

Sau khi làm tan sương các cửa kính, hệ thống sẽ chuyển về chế độ lấy gió ngoài. Nếu bạn vẫn để hệ thống ở chế độ lấy gió trong, các cửa kính có thể đọng sương do hơi ẩm dẫn đến làm giảm tầm nhìn.

Còn nữa

■ Chế Độ Đồng Bộ



❶ Nút **SYNC**
❷ Núm Điều Chỉnh Nhiệt Độ Phía Hành Khách
❸ Núm Điều Chỉnh Nhiệt Độ Phía Người Lái

Bạn có thể cài đặt đồng thời nhiệt độ phía người lái và phía hành khách ở chế độ đồng bộ.

1. Ấn nút **SYNC**.
► Hệ thống chuyển sang chế độ đồng bộ.
2. Điều chỉnh nhiệt độ bằng cách sử dụng núm điều chỉnh nhiệt độ phía người lái.

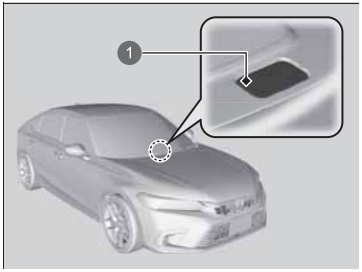
Ấn nút **SYNC** hoặc thay đổi cài đặt nhiệt độ phía hành khách để trở lại chế độ điều hòa hai vùng.

Chế Độ Đồng Bộ

Khi ấn nút [FRONT], hệ thống sẽ chuyển sang chế độ đồng bộ.

Khi hệ thống ở chế độ đồng bộ, không thể cài đặt riêng nhiệt độ phía người lái và nhiệt độ phía hành khách.

Cảm Biến Điều Khiển Nhiệt Độ Tự Động



Hệ thống điều khiển nhiệt độ tự động được trang bị các cảm biến. Không được che hoặc làm tràn chất lỏng vào các cảm biến này.

1 Cảm Biến



1 Cảm Biến

Tính Năng

Chương này mô tả cách vận hành các tính năng công nghệ.

Hệ Thống Âm Thanh 260
Màn Hình Giải Trí 261
Thông Báo Lỗi Âm Thanh 352
Thông Tin Chung về Hệ Thống Âm Thanh 353
Honda LogR* 363
Nhắc Nạp Nhiên Liệu* 389

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Về Hệ Thống Âm Thanh Của Xe

Hệ thống âm thanh có tính năng đài FM/AM và đài Phát Thanh Kỹ Thuật Số (DAB)*. Hệ thống này có thể phát nhạc lưu trong USB, iPod, iPhone, các thiết bị *Bluetooth*® và điện thoại thông minh.

Bạn có thể vận hành hệ thống âm thanh bằng các nút và các núm trên bảng điều khiển, điều khiển từ xa trên vô lăng, hoặc các biểu tượng trên màn hình cảm ứng.

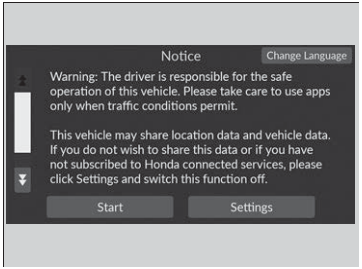


1. USB
2. iPod
3. Điều Khiển Từ Xa (Loại xe có đồng hồ đo loại A)
4. Điều Khiển Từ Xa (Loại xe có đồng hồ đo loại B)

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Khởi Động

Màn Hình Giải Trí sẽ tự động khởi động khi bạn đặt chế độ nguồn ở PHỤ KIỆN hoặc BẬT. Khi khởi động, màn hình thông báo về tải dữ liệu sẽ xuất hiện như sau.



Chọn **Start**.

- ▶ Nếu bạn không chọn **Start**, hệ thống sẽ tự động chuyển sang màn hình chính sau một khoảng thời gian nhất định.
- ▶ Nếu thiết bị chưa được đăng ký, hãy chọn **Start** và màn hình ghép đôi *Bluetooth*® sẽ xuất hiện.



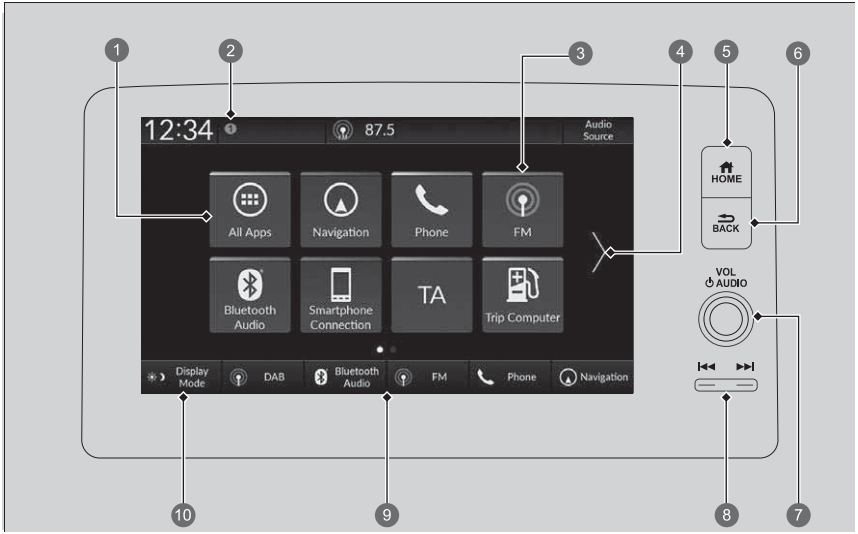
■ Ghép đôi điện thoại di động (chưa ghép đôi điện thoại nào với hệ thống)

1. Đảm bảo điện thoại đang ở chế độ tìm kiếm hoặc có thể tìm thấy.
2. Chọn **Honda HFT** từ điện thoại.
   - ▶ Nếu bạn muốn ghép đôi điện thoại từ Màn Hình Giải Trí, chọn **Search for Devices** (Tìm Kiếm Thiết Bị), sau đó chọn điện thoại của bạn khi điện thoại xuất hiện trong danh sách trên màn hình.
   - ▶ Nếu bạn chọn **Do not show this again** (Không hiển thị nữa), màn hình này sẽ không hiển thị.

Vận Hành Cơ Bản

■ Chức Năng Hệ Thống Âm Thanh

Để sử dụng hệ thống âm thanh, chế độ nguồn phải ở PHỤ KIỆN hoặc BẬT.



❶ **Tất Cả Các Ứng Dụng**
❷ Biểu Tượng Trạng Thái
❸ Biểu Tượng Ứng Dụng Truy Cập Nhanh
❹ Mũi Tên
❺ Nút HOME (Màn Hình Chính)
❻ Nút BACK (Trở Lại)
❼ Núm **VOL**/ **AUDIO** (Âm Lượng/ Nguồn)
❽ Nút ⏮ / ⏭ (Tìm Kiếm/Bỏ Qua)
❾ Biểu Tượng Công Tắc Chuyển Chế Độ
❿ Biểu Tượng **Chế Độ Hiển Thị**

Chức Năng Hệ Thống Âm Thanh

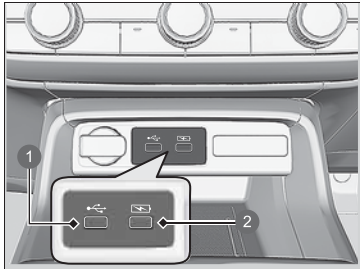
Màn hình này biểu thị cho loại xe có vô lăng bên phải. Đối với loại xe có vô lăng bên trái, các chức năng này được đặt ở vị trí đối xứng đối diện với loại xe có vô lăng bên phải.

All Apps: Hiển thị tất cả các ứng dụng.
Biểu Tượng Trạng Thái: Hiển thị các chỉ báo thông tin về xe, điện thoại được kết nối, v.v. ở vùng tiêu đề.
Biểu Tượng Ứng Dụng Truy Cập Nhanh: Hiển thị các biểu tượng ứng dụng truy cập nhanh.
Mũi Tên: Hiển thị các trang tiếp theo trên màn hình âm thanh/thông tin.
Biểu Tượng **Chế Độ Hiển Thị**: Thay đổi độ sáng màn hình âm thanh/thông tin. Chọn một lần và chọn hoặc để điều chỉnh. Mỗi lần bạn chọn , chế độ sẽ chuyển sang chế độ ngày, chế độ đêm và chế độ tắt*.
Biểu Tượng Công Tắc Chuyển Chế Độ: Hiển thị các biểu tượng để thay đổi chế độ.
Nút / (Tìm Kiếm/Bỏ Qua): Ấn để chuyển kênh, bài hát hoặc file.
Núm VOL / **AUDIO (Âm Lượng/Nguồn)**: Bật và tắt hệ thống âm thanh và điều chỉnh âm lượng.
Nút **(Trở Lại)**: Ấn để quay lại màn hình trước đó.
Nút **(Màn Hình Chính)**: Ấn để chuyển sang màn hình chính.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Còn nữa

■ Cổng USB



❶ Phát các file âm thanh và kết nối điện thoại tương thích
❷ Chỉ dùng để nạp điện cho các thiết bị

■ Trên bảng điều khiển trước ( )

Sử dụng cổng USB (2,5A) trên bảng điều khiển trước để nạp điện cho các thiết bị, phát các file âm thanh và kết nối thiết bị tương thích với Apple CarPlay hoặc Android Auto.

▶ Để tránh xảy ra các sự cố, hãy sử dụng Đầu Nối Lightning được Apple MFi chứng nhận cho Apple CarPlay và cho Android Auto, cáp USB phải đạt tiêu chuẩn USB-IF để tương thích với USB 2,0.

■ Trên bảng điều khiển trước ( )

Chỉ sử dụng cổng USB (2,5A) trên bảng điều khiển trước để nạp điện cho các thiết bị.

▶ Bạn không thể phát nhạc ngay cả khi bạn đã cắm máy phát nhạc vào cổng USB.

Cổng USB

- Không để iPod hoặc USB trong xe để tránh bị hỏng do ánh nắng mặt trời chiếu vào và do nhiệt độ cao.
- Nên sử dụng cáp USB khi bạn cắm USB vào cổng USB.
- Không kết nối iPod hoặc USB bằng bộ chia USB.
- Không sử dụng thiết bị như đầu đọc thẻ, ổ cứng để tránh làm hỏng thiết bị hoặc các file.
- Nên lưu dự phòng dữ liệu của bạn trước khi sử dụng thiết bị trên xe.
- Thông báo hiển thị có thể khác nhau tùy vào thiết bị hoặc phiên bản phần mềm.

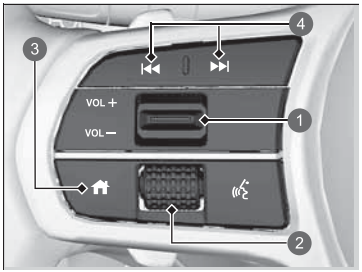
Sạc điện bằng cổng USB

Cổng USB có thể cấp nguồn điện lên tới 2,5A.
Cổng này không cấp nguồn điện đầu ra 2,5A nếu thiết bị không yêu cầu.
Để biết chi tiết về cường độ dòng điện, hãy đọc tài liệu hướng dẫn vận hành thiết bị cần nạp.

Ở một số điều kiện nhất định, thiết bị được cắm vào cổng cũng có thể gây nhiễu khi bạn nghe radio.

Điều Khiển Âm Thanh Từ Xa

Loại xe có đồng hồ đo loại A



Giúp bạn có thể vận hành hệ thống âm thanh khi đang lái xe. Thông tin sẽ hiển thị trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

1. Nút **VOL** +/**VOL** – (Âm Lượng)
2. Vòng Lựa Chọn Bên Trái
3. Nút (Màn Hình Chính)
4. Nút / (Tìm Kiếm/Bỏ Qua)

Điều Khiển Âm Thanh Từ Xa

Một số chế độ chỉ xuất hiện khi sử dụng thiết bị hoặc phương tiện phù hợp.

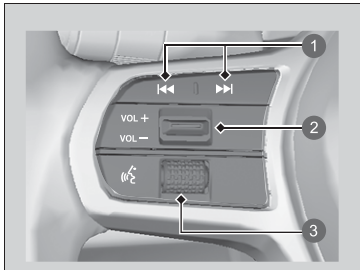
Tùy thuộc vào thiết bị *Bluetooth*® mà bạn kết nối, một số chức năng có thể không có trong hệ thống âm thanh.

Loại xe có đồng hồ đo loại A

Ấn nút (màn hình chính) để trở lại màn hình chính của màn hình giao diện thông tin cho người lái.

Còn nữa

Loại xe có đồng hồ đo loại B



❶ Nút |◀◀/▶▶| (Tìm Kiếm/Bỏ Qua)
❷ Công Tắc **VOL** +/**VOL** – (Âm Lượng)
❸ Vòng Lựa Chọn Bên Trái

Công tắc VOL +/VOL – (Âm Lượng)
Gạt Lên: Để tăng âm lượng.
Gạt Xuống: Để giảm âm lượng.

Vòng Lựa Chọn Bên Trái
- Khi chọn chế độ âm thanh

Loại xe có đồng hồ đo loại A

Ấn nút (màn hình chính), sau đó cuộn lên hoặc xuống để chọn (âm thanh) trên màn hình giao diện thông tin cho người lái rồi ấn vòng lựa chọn bên trái.

Loại xe có đồng hồ đo loại B

Cuộn lên hoặc xuống để chọn **Audio** trên màn hình giao diện thông tin cho người lái, rồi ấn vòng lựa chọn bên trái.

Cuộn lên hoặc xuống:
Để chọn các chế độ âm thanh, cuộn lên hoặc xuống rồi ấn vòng lựa chọn bên trái:

Loại xe có đồng hồ đo loại A

FM/AM/DAB/iPod/USB/Apple CarPlay/Android Auto/Âm Thanh *Bluetooth*®

Loại xe có đồng hồ đo loại B

Trở Lại/Điện Thoại/FM/DAB*/AM/USB/Bluetooth/Ứng Dụng/Màn hình tùy chọn
▶ Tùy vào thiết bị được kết nối, các chế độ hiển thị có thể thay đổi.

Nút |◀◀/▶▶| (Tìm Kiếm/Bỏ Qua)

- Khi nghe radio
  Ấn |▶▶|: Để chọn kênh radio cài đặt sẵn tiếp theo.
  Ấn |◀◀|: Để chọn kênh radio cài đặt sẵn trước đó.
  Ấn và giữ |▶▶|: Để chọn kênh có tần số mạnh tiếp theo.
  Ấn và giữ |◀◀|: Để chọn kênh có tần số mạnh trước đó.
- Khi nghe nhạc trên iPod, USB, Âm Thanh *Bluetooth*® hoặc Kết Nối Điện Thoại Thông Minh
  ▶ Tùy vào thiết bị được kết nối, thao tác có thể thay đổi.
  Ấn |▶▶|: Để bỏ qua sang bài tiếp theo.
  Ấn |◀◀|: Để trở lại bài hát trước đó.
- Khi nghe nhạc trên USB
  Ấn và giữ |▶▶|: Để bỏ qua sang thư mục tiếp theo.
  Ấn và giữ |◀◀|: Để trở lại thư mục trước đó.
- Khi nghe nhạc trên iPod:
  Ấn và giữ |▶▶|: Để bỏ qua sang bài tiếp theo.
  Ấn và giữ |◀◀|: Để trở lại bài hát trước đó.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Màn Hình Âm Thanh/Thông Tin

Hiển thị trạng thái âm thanh và đồng hồ. Từ màn hình này, bạn có thể chuyển sang các tùy chọn cài đặt khác nhau.



Màn Hình Âm Thanh/Thông Tin

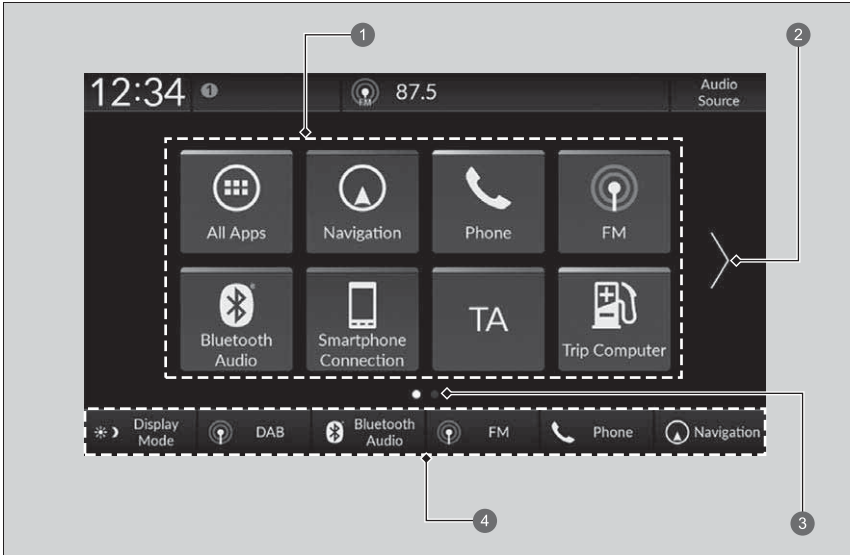
Thao Tác Trên Màn Hình Cảm Ứng

- Thực hiện các thao tác đơn giản như chạm, vuốt và cuộn để sử dụng một số chức năng của hệ thống âm thanh.
- Một số mục có thể chuyển sang màu xám để bạn tập trung hơn vào việc lái xe.
- Bạn có thể chọn các mục đó khi xe đã dừng.
- Đeo găng tay có thể làm giảm độ nhạy hoặc làm màn hình cảm ứng phản hồi chậm.

Bạn có thể thay đổi cài đặt độ nhạy màn hình cảm ứng.

Tính Năng Tùy Chọn Tr. 313

■ Chức Năng Truy Cập Ứng Dụng Nhanh



❶ Biểu Tượng Truy Cập Ứng Dụng Nhanh
❷ Mũi Tên
❸ Chỉ Báo Trang
❹ Công Tắc Thay Đổi Chế Độ

■ Chuyển sang màn hình kế tiếp

Chọn < hoặc >, hoặc vuốt màn hình sang trái hoặc phải để chuyển sang màn hình tiếp theo.

Chức Năng Truy Cập Ứng Dụng Nhanh

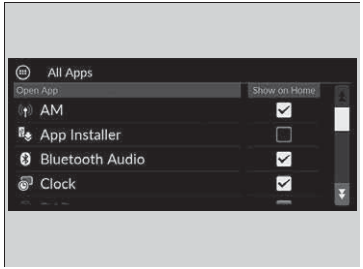
Có thể thêm 6 trang vào màn hình chính.

Ấn nút HOME để quay trở lại trang đầu tiên của màn hình chính từ trang bất kỳ.

Còn nữa

■ Thêm các biểu tượng ứng dụng trên màn hình chính

Có thể thêm các biểu tượng ứng dụng trên màn hình chính.



1. Ấn nút HOME.
2. Chọn **All Apps**.
3. Tích vào các ứng dụng muốn thêm.

Thêm các biểu tượng ứng dụng trên màn hình chính

Có thể không khởi động được các ứng dụng có sẵn. Nếu điều này xảy ra, bạn cần khởi động lại hệ thống. Đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY, rồi chuyển sang BẬT. Sau đó, khởi động lại ứng dụng. Nếu vẫn không thể khởi động các ứng dụng, bạn cần cài đặt lại hệ thống.

Mặc Định Tất Cả Các Cài Đặt Tr. 331

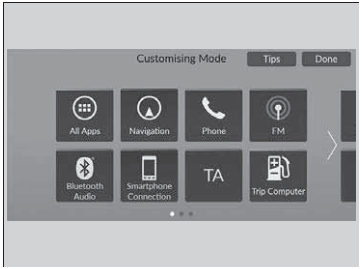
Thực hiện **Khôi Phục Dữ Liệu Gốc** có thể khiến tất cả các cài đặt trở về dạng mặc định.

Mặc Định Tất Cả Các Cài Đặt Tr. 331

Trong trường hợp các ứng dụng đó vẫn không khởi động được bình thường ngay cả sau khi **Khôi Phục Dữ Liệu Gốc**, hãy liên hệ với đại lý của bạn.

■ Di chuyển các biểu tượng trên màn hình chính

Bạn có thể thay đổi vị trí các biểu tượng trên màn hình chính.



1. Ấn nút HOME.
2. Chọn và giữ biểu tượng.
   ▶ Màn hình chuyển sang màn hình tùy chọn.
3. Kéo và thả biểu tượng đến vị trí bạn muốn.
4. Chọn **Done**.
   ▶ Màn hình sẽ trở lại màn hình chính.

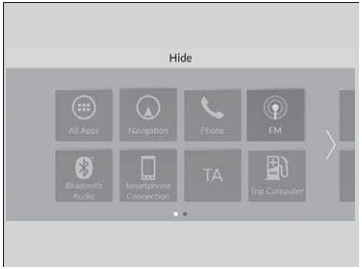
Di chuyển các biểu tượng trên màn hình chính

Chọn **Tips** để hiển thị các gợi ý. Để ẩn chúng, chọn thêm một lần nữa.

Còn nữa

■ Xóa các biểu tượng trên màn hình chính

Bạn có thể xóa các biểu tượng trên màn hình chính.



1. Ấn nút HOME.
2. Chọn và giữ biểu tượng.
   ► Màn hình chuyển sang màn hình tùy chọn.
3. Kéo và thả biểu tượng muốn xóa vào vùng tiêu đề.
   ► Biểu tượng sẽ bị xóa khỏi màn hình chính.
4. Chọn **Done**.
   ► Màn hình sẽ trở lại màn hình chính.

Xóa các biểu tượng trên màn hình chính

Các ứng dụng sẽ không bị bị xóa nếu chỉ xóa các biểu tượng trên màn hình chính.

Chọn **Tips** để hiển thị các gợi ý. Để ẩn chúng, chọn thêm một lần nữa.

■ Tạo biểu tượng truy cập nhanh trên màn hình chính

Bạn có thể lưu sáu biểu tượng ở phía dưới cùng của màn hình chính.



1 Công Tắc Thay Đổi Chế Độ

1. Ấn nút HOME.

2. Chọn và giữ biểu tượng.
▶ Màn hình chuyển sang màn hình tùy chọn.

3. Kéo và thả biểu tượng bạn muốn lưu xuống phía dưới màn hình chính.
▶ Biểu tượng được lưu ở khu vực công tắc chuyển chế độ.

4. Chọn **Done**.
▶ Màn hình sẽ trở lại màn hình chính.

Tạo biểu tượng truy cập nhanh trên màn hình chính

Chọn **Tips** để hiển thị các gợi ý. Để ẩn chúng, chọn thêm một lần nữa.

Còn nữa

■ Vùng Trạng Thái

Hiển thị các mục thông tin về xe, điện thoại được kết nối, v.v. ở vùng tiêu đề. Bạn có thể xác nhận thông tin chi tiết bằng cách chọn các biểu tượng này.



1. Chọn biểu tượng trạng thái hệ thống.
   ► Vùng trạng thái xuất hiện.
2. Chọn một mục để xem chi tiết.
3. Ấn nút BACK hoặc chọn biểu tượng trạng thái hệ thống để đóng vùng trạng thái.

❶ Biểu Tượng Trạng Thái Hệ Thống

■ Chọn Nguồn Âm Thanh



Chọn **Audio Source** trên vùng tiêu đề, sau đó chọn một biểu tượng trong danh sách nguồn âm thanh để chuyển nguồn âm thanh.

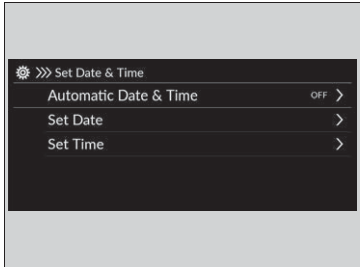
Hạn Chế khi Vận Hành Bằng Tay

Một số chức năng vận hành bằng tay bị vô hiệu hoá hoặc không hoạt động khi xe đang chạy. Bạn không thể chọn mục bị vô hiệu hoá cho đến khi xe dừng lại.

Cài Đặt Đồng Hồ

Điều Chỉnh Đồng Hồ

Bạn có thể điều chỉnh thời gian bằng tay và đặt hình nền của đồng hồ ở màn hình âm thanh/thông tin.



1. Ấn nút HOME
2. Chọn **General Settings**.
3. Chọn **System**.
4. Chọn **Date & Time**.
5. Chọn **Set Date & Time**.
6. Chọn **Automatic Date & Time**, sau đó chọn **OFF**.

Điều chỉnh ngày:
7. Chọn **Set Date**.
8. Chọn ▲/▼.
9. Chọn **Save** để cài đặt ngày.

Điều chỉnh thời gian:
7. Chọn **Set Time**.
8. Chọn ▲/▼.
9. Chọn **Save** để cài đặt thời gian.

Điều Chỉnh Đồng Hồ

Đồng hồ được cập nhật tự động thông qua hệ thống âm thanh.

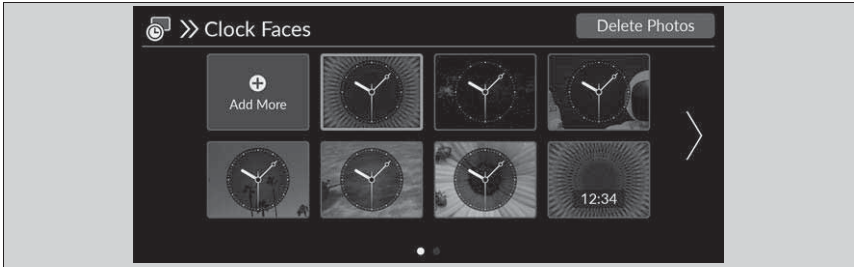
Bạn cũng có thể điều chỉnh đồng hồ bằng cách chọn biểu tượng đồng hồ hiển thị trên vùng tiêu đề của màn hình âm thanh/thông tin, **Clock** hiển thị trên màn hình chính, hoặc **All Apps**.

1. Chọn biểu tượng đồng hồ trên màn hình. Màn hình đồng hồ loại mặt tròn xuất hiện.
2. Chọn **Settings**.
3. Chọn **Date & Time**.
4. Chọn **Set Date & Time**.
5. Chọn **Automatic Date & Time**, sau đó chọn **OFF**.
6. Chọn **Set Date** hoặc **Set Time**.
7. Điều chỉnh ngày, giờ và phút bằng cách chọn ▲ ▼.
8. Chọn **Save** để cài đặt thời gian.

Bạn có thể tùy chọn màn hình hiển thị đồng hồ.

Hệ Thống Tr. 314

■ Cài Đặt Hình Nền Đồng Hồ



■ Lưu hình nền đồng hồ

1. Cắm USB vào cổng USB.

Cổng USB Tr. 264

2. Ấn nút HOME.

3. Chọn **Clock**.

▶ Nếu **Clock** không hiển thị trên màn hình chính, chọn **All Apps**.

4. Chọn **Settings**.

5. Chọn **Clock Faces**.

6. Chọn **Add More**.

▶ Hình ảnh được lưu trong USB sẽ hiển thị trong danh sách.

7. Chọn hình ảnh muốn lưu.

▶ Có thể chọn nhiều hình ảnh cùng một lúc.

8. Chọn **OK**.

▶ Hình ảnh được chọn sẽ hiển thị.

9. Chọn **Transfer**.

▶ Trở về màn hình cài đặt hình nền đồng hồ.

Cài Đặt Hình Nền Đồng Hồ

- Khi lưu file hình nền, hình ảnh phải nằm trong thư mục gốc của USB.
  Không thể lưu ảnh nằm trong một thư mục.
- Tên file phải nhỏ hơn 64 byte.
- Có thể lưu file hình ảnh có định dạng là BMP (bmp) hoặc JPEG (jpg).
- Dung lượng mỗi file phải dưới 10 MB.
- Nếu trong USB không có hình ảnh nào, thông báo sẽ xuất hiện.
- Có thể lưu được 11 hình ảnh.
- Kích thước tối đa của hình ảnh là 4.096 x 2.304 pixels. Nếu kích thước hình ảnh nhỏ hơn 1.280 x 720 pixels, hình ảnh sẽ được hiển thị ở giữa màn hình xung quanh là màu đen.

Còn nữa

■ **Chọn hình nền đồng hồ**

1. Ấn nút HOME.
2. Chọn **Clock**.
► Nếu **Clock** không hiển thị trên màn hình chính, chọn **All Apps**.
3. Chọn **Settings**.
4. Chọn **Clock Faces**.
5. Chọn hình ảnh muốn cài đặt.
► Bản xem trước được hiển thị trên màn hình.
6. Chọn **Save**.
► Màn hình đồng hồ hiển thị hình nền đã lưu.

■ **Xóa hình nền đồng hồ**

1. Ấn nút HOME.
2. Chọn **Clock**.
► Nếu **Clock** không hiển thị trên màn hình chính, chọn **All Apps.**
3. Chọn **Settings.**
4. Chọn **Clock Faces**.
5. Chọn **Delete Photos**.
6. Chọn hình nền muốn xóa.
► Có thể chọn nhiều hình ảnh cùng một lúc.
7. Chọn **OK**.
► Hình ảnh được chọn sẽ hiển thị.
8. Chọn **Delete**.
► Trở về màn hình cài đặt hình nền đồng hồ.

Điều Chỉnh Âm Thanh



1. Chọn nguồn âm thanh.
2. Chọn **Sound**.
3. Chọn cài đặt bạn muốn.

Chọn một mục trong các lựa chọn sau:

- **Bass / Treble:** Bổng, Trung, Trầm
- **Balance / Fader**[*1]**/Audio Zones & Balance / Fader**[*2]**:** Cân Bằng, Giảm Âm, Vùng Âm Thanh[*]
- **Bose Centerpoint**[*2]**: BẬT** và **TẮT** âm thanh vòm Bose Centerpoint.
- **Speed Volume Compensation**[*1]**:** Tự động điều chỉnh âm lượng theo tốc độ xe.
- **Bose Dynamic Speed Compensation**[*2]**:** Tự động điều chỉnh âm lượng theo tốc độ xe.

* 1: Loại xe có đồng hồ đo loại B ngoại trừ loại xe Philippin
* 2: Loại xe có đồng hồ đo loại A và loại xe Philippin

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Điều Chỉnh Âm Thanh

Chức năng Speed Volume Compensation (SVC)[*] hay Bose Dynamic Speed Compensation[*] điều chỉnh âm lượng theo tốc độ xe. Âm lượng tăng khi xe chạy nhanh hơn. Âm lượng giảm khi xe chạy chậm lại.

Bạn có thể điều chỉnh âm thanh theo các bước sau.

1. Ấn nút HOME.
2. Chọn **General Settings**.
3. Chọn **Sound**.

Để thiết lập lại từng cài đặt cho **Bass / Treble**, **Balance / Fader**[*1], **Audio Zones & Balance / Fader**[*2], **Bose Centerpoint**[*2], **Speed Volume Compensation**[*1], và **Bose Dynamic Speed Compensation**[*2], chọn **Default** trên mỗi màn hình cài đặt.

Cài Đặt Màn Hình Hiển Thị

Bạn có thể cài đặt độ sáng của màn hình riêng cho các chế độ Ban Ngày và Ban Đêm.

■ Chuyển Chế Độ Hiển Thị Bằng Tay



Chọn (Chế Độ Hiển Thị).

► Thanh chia độ sáng hiển thị trong vài giây.

► Chọn hoặc để điều chỉnh độ sáng.

Cài Đặt Màn Hình Hiển Thị

Bạn có thể điều chỉnh độ sáng màn hình bằng cách vuốt hoặc chạm vào thanh chia độ sáng.

Bạn cũng có thể thay đổi độ sáng màn hình theo các bước sau.

1. Ấn nút HOME.
2. Chọn **General Settings**.
3. Chọn **Display**.
4. Chọn cài đặt mà bạn muốn.

Để thiết lập lại cài đặt, hãy chọn **Default**.



Cập Nhật Hệ Thống

Có thể cập nhật chương trình của hệ thống âm thanh bằng kết nối Wi-Fi hoặc bằng USB.

■ Cách Cập Nhật

Khi có bản cập nhật hệ thống âm thanh, thông báo sẽ hiển thị trên vùng trạng thái. Thực hiện các bước sau để cập nhật hệ thống.

1. Ấn nút HOME.

2. Chọn **System Updates**.

▶ Nếu **System Updates** không hiển thị trên màn hình chính, chọn **All Apps**.

▶ Hệ thống sẽ kiểm tra các bản cập nhật.

▶ Nếu biểu tượng cập nhật xuất hiện trên màn hình chính, hãy chọn biểu tượng trạng thái.

Vùng Trạng Thái Tr. 274

3. Chọn **Download**.

▶ Thông báo xuất hiện trên màn hình để yêu cầu người dùng chấp nhận tải xuống.

4. Chọn **Install Now** hoặc **Install While Vehicle Off**.

▶ Thông báo xuất hiện trên màn hình để bắt đầu cập nhật.

Cách Cập Nhật

Bạn có thể cập nhật hệ thống qua Wi-Fi, nhưng không thể sử dụng cổng cố định có yêu cầu đăng nhập hoặc yêu cầu đồng ý các điều khoản sử dụng trên trình duyệt.

Quá trình tải xuống sẽ bị dừng nếu:

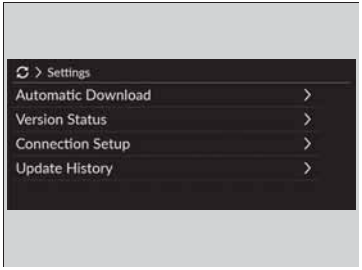
- Kết nối Wi-Fi bị ngắt.
- Hệ thống nguồn bị tắt do ắc quy 12 vôn yếu điện.

Quá trình tải xuống sẽ tiếp tục chạy sau khi kết nối Wi-Fi.

Để bảo vệ ắc quy 12 vôn, không chọn **Install While Vehicle Off** (Cài Đặt Trong Khi Tắt Máy) khi ắc quy yếu. Nếu bạn muốn cài đặt dữ liệu cập nhật, hãy sạc lại ắc quy hoặc chọn **Install Now** (Cài Đặt Ngay).

Còn nữa

■ Cài Đặt Cập Nhật Hệ Thống



Có thể thiết lập các cài đặt sau.

- **Auto Download** (Tải Xuống Tự Động)
- **Version Status** (Trạng Thái Phiên Bản)
- **Connection Setup** (Cài Đặt Kết Nối)
- **Update History** (Lịch Sử Cập Nhật)

■ Cài đặt tải xuống tự động

Thực hiện các bước sau để chuyển sang cài đặt tải xuống tự động.

1. Ấn nút HOME.
2. Chọn **System Updates**.
   ▶ Nếu **System Updates** không hiển thị trên màn hình chính, chọn **All Apps**.
3. Chọn **Settings**.
4. Chọn **Auto Download**.
5. Chọn điểm truy cập, sau đó chọn **Enable**.
   ▶ Nếu bạn không muốn cập nhật hệ thống tự động, chọn **Disable**.

■ Xem phiên bản và trạng thái cập nhật

Thực hiện các bước sau để xác nhận phiên bản và trạng thái cập nhật.

1. Ấn nút HOME.
2. Chọn **System Updates**.
   ▶ Nếu **System Updates** không hiển thị trên màn hình chính, chọn **All Apps**.
3. Chọn **Settings**.
4. Chọn **Version Status**.

■ Cài đặt kết nối

Thực hiện các bước sau để kết nối Internet qua mạng Wi-Fi.

1. Ấn nút HOME.

2. Chọn **System Updates**.

▶ Nếu **System Updates** không hiển thị trên màn hình chính, chọn **All Apps**.

3. Chọn **Settings**.

4. Chọn **Connection Setup**.

5. Chọn **OK**.

6. Chọn **Change Mode**.

7. Chọn **Network**.

▶ Nếu tắt Wi-Fi của xe, chọn **OFF**.

■ Xem lịch sử cập nhật

Thực hiện các bước sau để xác nhận lịch sử cập nhật.

1. Ấn nút HOME.

2. Chọn **System Updates**.

▶ Nếu **System Updates** không hiển thị trên màn hình chính, chọn **All Apps.**

3. Chọn **Settings**.

4. Chọn **Update History**.

Còn nữa

■ Cập Nhật bằng Mạng Không Dây

■ Thiết lập chế độ kết nối không dây

1. Ấn nút HOME.
2. Chọn **System Updates**.
   ► Nếu **System Updates** không hiển thị trên màn hình chính, chọn **All Apps**.
3. Chọn **Settings**.
4. Chọn **Connection Setup**.
5. Chọn **OK**.
6. Chọn **Change Mode**.
7. Chọn **Network**.
   ► Màn hình sẽ trở lại danh sách mạng.
8. Chọn một điểm truy cập từ danh sách mạng.
   ► Nếu hệ thống âm thanh yêu cầu mật khẩu, hãy nhập mật khẩu.
9. Chọn **Connect**.

■ Cách cập nhật

1. Ấn nút HOME
2. Chọn **System Updates**.
   ► Nếu **System Updates** không hiển thị trên màn hình chính, chọn **All Apps**.
3. Chọn **via Wireless**.
4. Chọn **Download**.
   ► Thông báo xuất hiện trên màn hình để yêu cầu người dùng xác nhận tải xuống.
5. Chọn **Install Now** hoặc **Install While Vehicle Off.**
   ► Thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình để bắt đầu cập nhật.

■ Cập Nhật bằng USB

■ Tải xuống các file cập nhật từ máy chủ

1. Ấn nút HOME.
2. Chọn **System Updates**.
▶ Nếu **System Updates** không hiển thị trên màn hình chính, chọn **All Apps**.
3. Chọn **Other Methods**.
4. Chọn **Via USB**.
▶ Thông báo xuất hiện trên màn hình.
5. Cắm USB vào cổng USB.
▶ Dữ liệu được sao chép vào USB.
Cổng USB Tr. 264
6. Rút USB ra khỏi cổng USB.
7. Cắm USB vào máy tính, sau đó tải xuống các file cập nhật.
▶ Nhấp vào liên kết để tải xuống các file cập nhật phần mềm.
Tham khảo *https://usb.honda.com* để xem thêm về các hướng dẫn.

■ Cập nhật hệ thống âm thanh

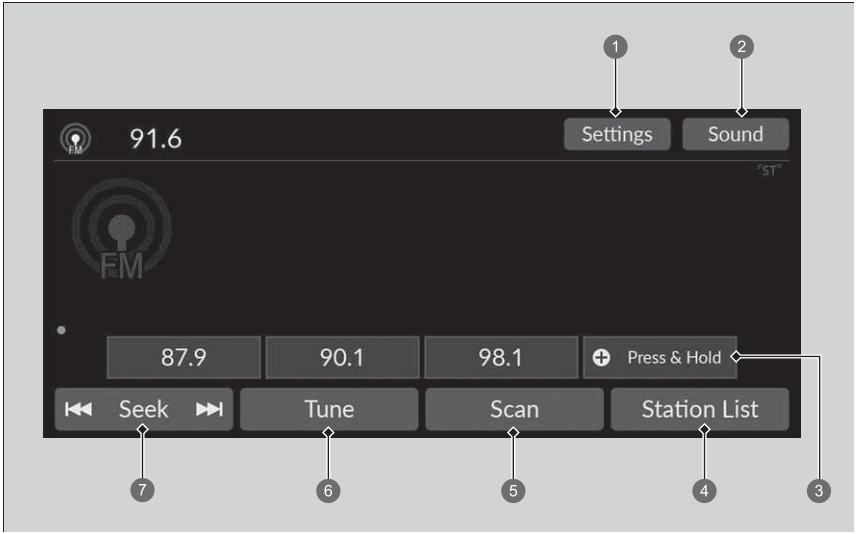
1. Ấn nút HOME.
2. Chọn **System Updates**.
3. Chọn **Other Methods**.
4. Chọn **Via USB**.
▶ Thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình.
5. Cắm USB chứa các file cập nhật vào cổng USB.
▶ Thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình.
Cổng USB Tr. 264
6. Chọn **Install Now**.
▶ Thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình nếu cập nhật thành công.

Cập Nhật bằng USB

Hãy sử dụng USB định dạng FAT32 có dung lượng từ 8 GB đến 32 GB và có ít nhất 8 GB trống.

Đảm bảo xóa tất cả các thư mục hoặc các file cập nhật trước đó ra khỏi USB trước khi bắt đầu quá trình cập nhật bằng USB.

Bật Đài FM/AM



1 Biểu Tượng Cài Đặt*
2 Biểu Tượng Âm Thanh
3 Biểu Tượng Cài Đặt Sẵn
4 Biểu Tượng Danh Sách Kênh
5 Biểu Tượng Quét
6 Biểu Tượng Dò Kênh
7 Biểu Tượng Tìm Kiếm

 * Không áp dụng cho tất cả các đời xe

■ Bộ Nhớ Cài Đặt Sẵn

Dò tần số radio cho bộ nhớ cài đặt sẵn.
Để lưu kênh:

1. Dò đến kênh đã chọn.
2. Chọn và giữ biểu tượng cài đặt sẵn để lưu kênh đó.
▶ Việc chọn **Press & Hold** để thiết lập một kênh cài đặt sẵn mới.

■ Danh Sách Kênh

Liệt kê các kênh có tần số mạnh nhất trong dải tần được chọn.

1. Chọn **Station List** để hiển thị danh sách.
2. Chọn kênh.

■ Cập nhật bằng tay

Cập nhật danh sách các kênh có sẵn vào bất cứ lúc nào.

1. Chọn **Station List** để hiển thị danh sách.
2. Chọn **Refresh**.

■ Quét

Nghe thử từng kênh có tần số mạnh nhất trong dải tần được chọn trong khoảng 10 giây. Chọn **Scan** để bắt đầu quét, và chọn **Stop** hoặc ấn nút BACK để tắt.

■ Tìm Kiếm

Chọn ⏮ hoặc ⏭ để dò lên hoặc dò xuống các dải tần đã chọn cho kênh có tín hiệu mạnh.

Bộ Nhớ Cài Đặt Sẵn

Đèn báo **ST** sáng trên màn hình hiển thị cho thấy đang phát đài FM âm thanh nổi.

Chuyển Đổi Chế Độ Âm Thanh
Cuộn lên hoặc xuống vòng lựa chọn bên trái để chọn ♫ (âm thanh) trên màn hình.

Điều Khiển Âm Thanh Từ Xa Tr. 265

Bạn có thể lưu 12 kênh AM/FM vào bộ nhớ cài đặt sẵn.

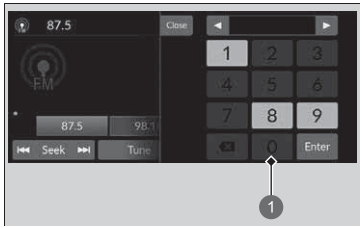
Còn nữa

■ Âm Thanh

Điều chỉnh các cài đặt âm thanh.
➲**Điều Chỉnh Âm Thanh** Tr. 279

■ Màn Hình Dò Tần Số Radio Bằng Tay

Chọn để sử dụng bàn phím trên màn hình để nhập trực tiếp tần số radio.



1. Chọn **Tune**.
2. Nhập tần số radio bạn muốn bằng bàn phím trên màn hình.
3. Chọn **Enter** để dò đến tần số đó.

❶ Bàn Phím Trên Màn Hình

Màn Hình Dò Tần Số Radio Bằng Tay

Biểu Tượng ◀/▶:
Chọn ◀ hoặc ▶ để dò tần số radio.

■ Hệ Thống Dữ Liệu Radio (RDS)*

Cung cấp thông tin dữ liệu văn bản liên quan đến kênh FM có RDS đã chọn.

■ Tìm kênh RDS từ Danh Sách Kênh

1. Chọn **Station List** để hiển thị danh sách trong khi nghe kênh FM.
2. Chọn kênh.

■ Cập nhật bằng tay

Cập nhật danh sách các kênh có sẵn bất cứ khi nào.
1. Chọn **Station List** để hiển thị danh sách trong khi nghe kênh FM.
2. Chọn **Refresh**.

■ Bản tin giao thông (TA)

Chức năng chờ TA cho phép hệ thống chờ các bản tin giao thông ở bất kỳ chế độ nào khi chức năng đang được bật. Kênh được chỉnh ở lần gần đây nhất phải là kênh chương trình giao thông có RDS.

Bật chức năng: Chọn **TA**. Khi bản tin giao thông bắt đầu phát, màn hình thông tin sẽ xuất hiện trên màn hình âm thanh/thông tin. Hệ thống sẽ trở lại chế độ được chọn ở lần gần đây nhất sau khi kết thúc bản tin giao thông.

▶ Nếu bạn muốn trở lại chế độ đã chọn ở lần gần đây nhất trong khi đang có bản tin giao thông, chọn **Stop**.

Tắt chức năng: Chọn **TA** thêm một lần nữa.

»Hệ Thống Dữ Liệu Radio (RDS)*

Khi bạn chọn kênh FM có RDS, RDS sẽ tự động bật và màn hình hiển thị tần số sẽ chuyển sang hiển thị tên kênh. Tuy nhiên, khi các tín hiệu của kênh yếu, màn hình hiển thị sẽ chuyển từ hiển thị tên kênh sang hiển thị tần số.

»Bản tin giao thông (TA)

Đèn báo **TA** sáng trên vùng tiêu đề trong khi chức năng chờ TA đang bật.

Nếu bạn chọn **Scan** trong khi chức năng chờ TA đang bật, hệ thống sẽ chỉ tìm kiếm kênh TP.

Chọn **TA** trong khi bản tin giao thông đang phát sẽ không làm tắt chức năng chờ TA.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Còn nữa

■ Cài Đặt*

Thay đổi các cài đặt RDS.

1. Chọn **Settings**.

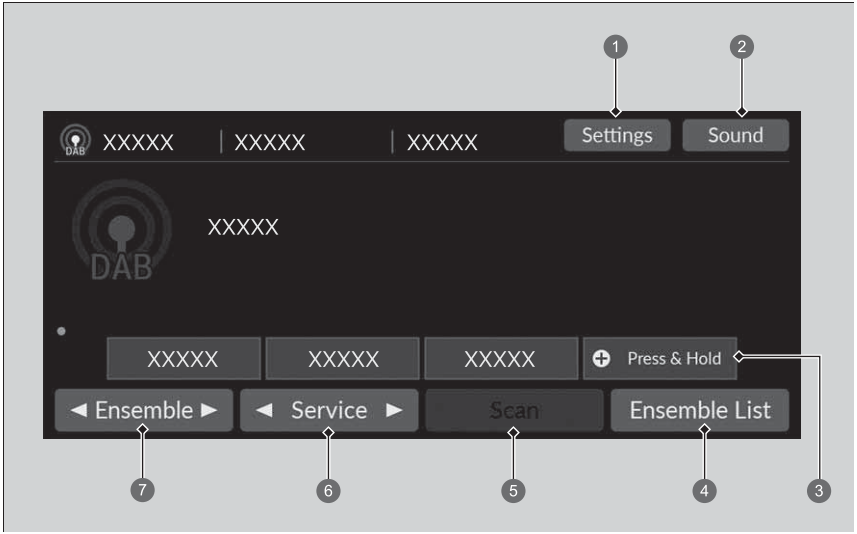
2. Chọn một tùy chọn.

- **TA-Information:** Bật và tắt thông tin giao thông. (**ON/OFF**[*1])
- **AF:** Bật và tắt để thay đổi tự động tần số của chương trình tương tự khi bạn nhập vùng khác. **(ON/OFF**[*1])
- **REG:** Bật và tắt để giữ kênh tương tự trong vùng ngay cả khi tín hiệu yếu. (**ON**[*1]**/OFF**)
- **NEWS:** Bật và tắt để dò tự động chương trình thời sự. (**ON/OFF**[*1])

* 1: Cài Đặt Mặc Định

 * Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Bật DAB (Phát Thanh Kỹ Thuật Số)*



1. **Biểu Tượng Cài Đặt**
2. **Biểu Tượng Âm Thanh**
3. **Biểu Tượng Cài Đặt Sẵn**
4. **Biểu Tượng Danh Sách Chương Trình Phát Sóng**
5. **Biểu Tượng Quét**
6. **Biểu Tượng Kênh**
7. **Biểu Tượng Chương Trình Phát Sóng**

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Còn nữa

■ Bộ Nhớ Cài Đặt Sẵn

Dò tần số cài đặt sẵn.
Để lưu kênh:
1. Dò đến kênh đã chọn.
2. Chọn và giữ biểu tượng cài đặt sẵn để lưu kênh.
► Chọn **Press & Hold** để thiết lập kênh cài đặt sẵn mới.

■ Danh Sách Chương Trình Phát Sóng

Danh sách chương trình phát sóng trên kênh đã chọn.
1. Chọn **Ensemble List** để hiển thị danh sách.
2. Chọn chương trình phát sóng.

■ Cập nhật bằng tay

Cập nhật danh sách chương trình phát sóng có sẵn vào bất cứ lúc nào.
1. Chọn **Ensemble List** để hiển thị danh sách.
2. Chọn **Refresh**.

■ Chương Trình Phát Sóng

Dò chương trình phát sóng.
1. Chọn ◀ hoặc ▶ để dò chương trình phát sóng.
2. Chọn và giữ ◀ hoặc ▶ để tìm kiếm kênh đã chọn cho đến khi tìm thấy chương trình phát sóng.

■ Kênh

Dò kênh.
Để dò, chọn ◀ hoặc ▶.

Bộ Nhớ Cài Đặt Sẵn

Chuyển Đổi Chế Độ Âm Thanh
Cuộn vòng lựa chọn bên trái lên hoặc xuống để chọn (âm thanh).

Điều Khiển Âm Thanh Từ Xa Tr. 265

Bạn có thể lưu 12 kênh DAB vào bộ nhớ cài đặt sẵn.

■ Quét

Nghe thử từng chương trình phát sóng hoặc kênh trong 10 giây.
Chọn **Scan** để bắt đầu quét và chọn **Cancel** hoặc ấn nút BACK để tắt.

■ Âm Thanh

Điều chỉnh cài đặt âm thanh.
Điều Chỉnh Âm Thanh Tr. 279

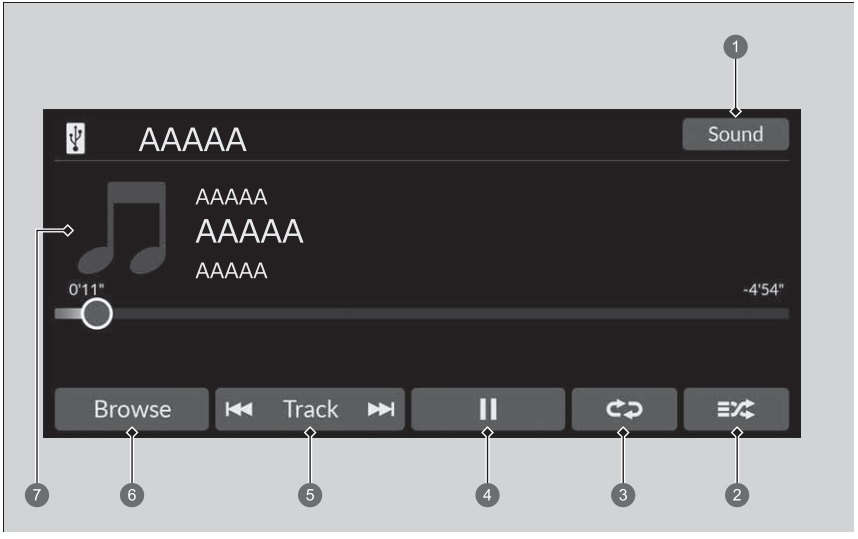
■ Cài Đặt

Thay đổi cài đặt DAB.
1. Chọn **Settings**.
2. Chọn mục bạn muốn thay đổi.

Phát Trên iPod

Kết nối iPod với cổng USB qua đầu nối USB, sau đó chọn chế độ USB.

Cổng USB Tr. 264



1 Biểu Tượng Âm Thanh
2 Biểu Tượng Trộn Bài
3 Biểu Tượng Lặp Lại
4 Biểu Tượng Phát/Tạm Dừng
5 Biểu Tượng Bài Hát
6 Biểu Tượng Tìm Kiếm
7 Bìa Album

Phát Trên iPod

Với mỗi đời xe hay phiên bản sẽ có các chức năng vận hành khác nhau. Một số chức năng của hệ thống âm thanh có thể không có ở xe này.

Nếu có sự cố, bạn có thể thấy thông báo lỗi trên màn hình âm thanh/thông tin.

iPod/USB Tr. 352

Nếu bạn chạy ứng dụng nhạc bất kỳ trên iPhone/iPod khi điện thoại đã được kết nối với hệ thống âm thanh, bạn không thể chạy được ứng dụng đó trên màn hình âm thanh/thông tin.
Hãy kết nối lại thiết bị nếu cần thiết.

Nếu điện thoại thông minh được kết nối qua ứng dụng Apple CarPlay hoặc Android Auto, nguồn iPod/USB không có sẵn và các file âm thanh trên điện thoại chỉ có thể được phát trên ứng dụng Apple CarPlay hoặc Android Auto.

■ Cách Chọn Bài Hát trong Danh Sách Tìm Kiếm Nhạc

Thực hiện các bước sau để hiển thị màn hình danh sách tìm kiếm nhạc.

1. Chọn **Browse**.

2. Chọn danh mục tìm kiếm.

3. Tiếp tục lựa chọn cho đến khi bạn tìm thấy bài hát mình muốn.

■ Cách Chọn Chế Độ Phát

Bạn có thể chọn chế độ trộn bài và lặp lại khi đang phát một bài hát.

■ Trộn Bài/Lặp Lại

Ấn đi ấn lại biểu tượng trộn bài hoặc lặp lại đến khi hiển thị chế độ bạn muốn.

Trộn Bài

(tắt trộn bài): Tắt chế độ trộn bài.

(trộn tất cả các bài hát): Phát tất cả các bài hát có sẵn trong danh sách đã chọn theo thứ tự ngẫu nhiên.

Lặp Lại

(tắt lặp lại): Tắt chế độ lặp lại.

(lặp lại một bài): Lặp lại bài đang phát.

(lặp lại tất cả): Lặp lại tất cả các bài.

■ Tạm dừng hoặc tiếp tục phát bài hát

Chọn biểu tượng phát/tạm dừng.

Còn nữa

■ Cách Chuyển Bài

Bạn có thể chọn ⏮ hoặc ⏭ để chuyển bài. Chọn và giữ để tua nhanh bài hát.

■ Âm Thanh

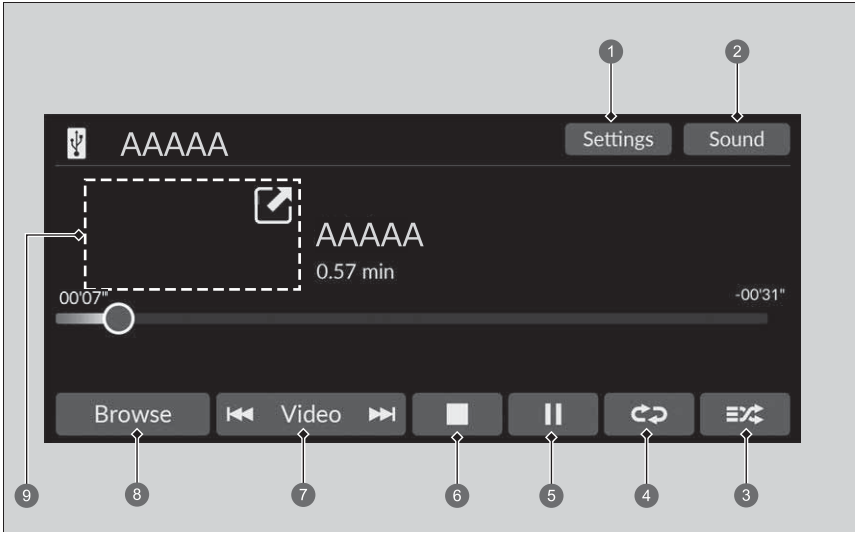
Bạn có thể điều chỉnh cài đặt âm thanh.

➔ **Điều Chỉnh Âm Thanh** Tr. 279

Phát Trên USB

Hệ thống âm thanh của xe đọc và phát các file âm thanh và video lưu trong USB. Cắm USB vào cổng USB, sau đó chọn chế độ USB.

Cổng USB Tr. 264



1. **Biểu Tượng Cài Đặt***
2. **Biểu Tượng Âm Thanh**
3. **Biểu Tượng Ngẫu Nhiên**
4. **Biểu Tượng Lặp Lại**
5. **Biểu Tượng Phát/Tạm Dừng**
6. **Biểu Tượng Dừng***
7. **Biểu Tượng Bài Hát*/Video***
8. **Biểu Tượng Tìm Kiếm**
9. **Bìa Album*** (Phát nhạc)/ **Máy Phát Nhạc Mini*** (Phát video)

Phát Trên USB

Chỉ có thể phát các file âm thanh và video lưu trong USB ở các định dạng sau:
File nhạc: MP3, WMA, AAC*1, FLAC, PCM/WAVE
File video: MP4, AVI, MKV, ASF/WMV

* 1: Chỉ các file có định dạng AAC được ghi bằng iTunes mới có thể phát trên thiết bị này.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Còn nữa

■ Cách Chọn File trong Danh Sách Tìm Kiếm Nhạc

Thực hiện các bước sau để hiển thị màn hình danh sách tìm kiếm nhạc.

1. Chọn **Browse**.

2. Chọn **Current Playlist**, **Music**, hoặc **Video**.

3. Tiếp tục lựa chọn cho đến khi bạn tìm thấy file hoặc video bạn muốn chọn.

Phát Trên USB

Sử dụng loại USB khuyên dùng.

➔ **Thông Tin Chung về Hệ Thống Âm Thanh** Tr. 353

Không thể phát các file định dạng WMA và ACC được bảo vệ bằng quản lý bản quyền nội dung số (DRM).
Hệ thống âm thanh sẽ hiển thị **Unplayable File** (File Không Phát Được), sau đó chuyển sang bài hát tiếp theo.

Nếu xảy ra sự cố, thông báo lỗi sẽ xuất hiện trên màn hình âm thanh/thông tin.

➔ **iPod/USB** Tr. 352

■ Cách Chọn Chế Độ Phát

Bạn có thể chọn chế độ phát lặp lại và ngẫu nhiên khi đang phát một file.

■ Phát Ngẫu Nhiên/Lặp Lại

Ấn đi ấn lại biểu tượng phát ngẫu nhiên hoặc lặp lại đến khi chọn được chế độ bạn muốn.

Ngẫu Nhiên

(tắt ngẫu nhiên): Tắt chế độ phát ngẫu nhiên.

(ngẫu nhiên tất cả các file): Phát tất cả các file theo thứ tự ngẫu nhiên.

(ngẫu nhiên trong thư mục): Phát tất cả các file trong thư mục đang phát theo thứ tự ngẫu nhiên.

Lặp Lại

(tắt lặp lại): Tắt chế độ lặp lại.

(lặp lại file): Lặp lại file đang phát.

(lặp lại thư mục): Lặp lại tất cả các file trong thư mục đang phát.

■ Khi phát video*

(dừng): Chọn để dừng phát một file.

/ : Chọn để thu nhỏ màn hình video. Chọn để phóng to màn hình video.

■ Tạm dừng hoặc tiếp tục phát một file

Chọn biểu tượng phát/tạm dừng.

■ Cách Chuyển File

Biểu tượng **Track*/Video*** (Nhạc*/Video*)

Bạn có thể chọn hoặc để chuyển các file. Chọn và giữ để tua nhanh một file.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Còn nữa

■ Âm Thanh

Bạn có thể điều chỉnh các cài đặt âm thanh.

➔ **Điều Chỉnh Âm Thanh** Tr. 279

■ Cài Đặt

Thay đổi các cài đặt USB khi đang phát video.

1. Chọn **Settings**.

2. Chọn một tùy chọn.

- **Image Settings:** Thay đổi độ sáng của màn hình âm thanh/thông tin. Để đặt lại, chọn **Default**. (**Brightness** (Độ Sáng)/**Contrast** (Độ Tương Phản)/**Black Level** (Độ Tối)/**Colour** (Màu Sắc)/**Tint** (Tông Màu)).
- **Aspect Ratio:** Chọn chế độ hiển thị với tỷ lệ khung hình khác nhau. (**Original** (Nguyên Bản)/**Normal**[*1] (Bình Thường[*1])/**Full** (Toàn Màn Hình)/**Zoom** (Phóng To, Thu Nhỏ))
- **Overlay Clock Location:** Thay đổi bố cục hiển thị đồng hồ. ((**Upper right**)[*1] (Phía trên bên phải[*1])/**Upper left** (Phía trên bên trái)/**Lower right** (Phía dưới bên phải)/**Lower left** (Phía dưới bên trái)/**OFF** (TẮT))

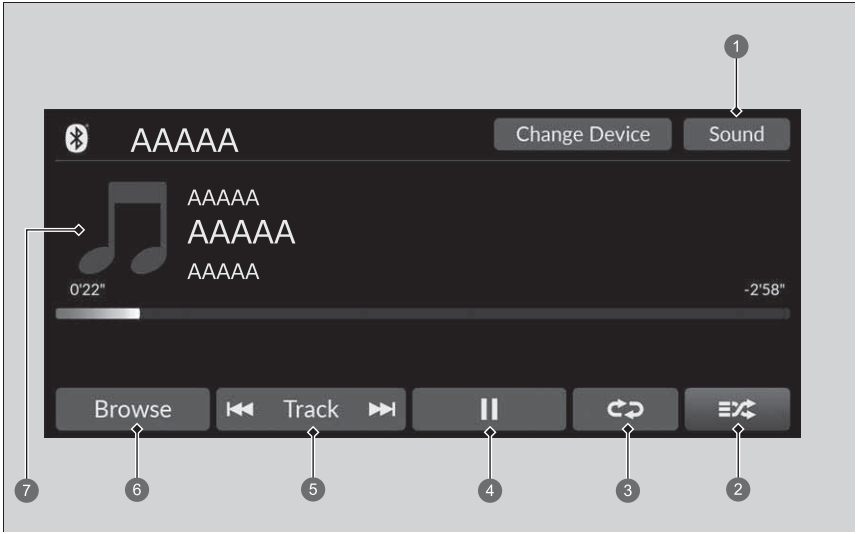
* 1: Cài Đặt Mặc Định

Phát Nhạc Trên *Bluetooth*®

Hệ thống âm thanh cho phép bạn nghe nhạc từ điện thoại tương thích *Bluetooth*.

Chức năng này hoạt động khi điện thoại được ghép đôi và được kết nối với hệ thống Điện Thoại Rảnh Tay (HFT) của xe.

Cài Đặt Điện Thoại Tr. 339



1. **Biểu Tượng Âm Thanh**
2. **Biểu Tượng Trộn Bài**
3. **Biểu Tượng Lặp Lại**
4. **Biểu Tượng Phát/Tạm Dừng**
5. **Biểu Tượng Chuyển Bài**
6. **Biểu Tượng Tìm Kiếm**
7. **Bìa Album**

Phát Nhạc Trên *Bluetooth*®

Không phải tất cả các điện thoại có âm thanh *Bluetooth* đều tương thích với hệ thống. Hãy liên hệ với đại lý để biết điện thoại của bạn có tương thích không.

Vệc thực hiện một số chức năng của thiết bị dữ liệu khi lái xe có thể là phạm luật.

Mỗi lần chỉ có thể kết nối một điện thoại với HFT. Khi có từ hai chiếc điện thoại trở lên trong xe được kết nối, thì chiếc điện thoại được ghép đôi với hệ thống ở lần gần đây nhất sẽ tự động kết nối.

Nếu có nhiều điện thoại được ghép đôi với hệ thống HFT, thời gian bắt đầu phát sẽ lâu hơn.

Trong một số trường hợp, tên tác giả, album, bài hát có thể không hiển thị đúng.

Một số chức năng có thể không có trên một số thiết bị.

Nếu điện thoại hiện tại đang được kết nối qua ứng dụng Apple CarPlay hoặc Android Auto, thì không phát được Âm Thanh *Bluetooth*® từ điện thoại đó. Tuy nhiên, nếu điện thoại khác được kết nối với hệ thống, có thể chọn chế độ âm thanh để phát Nhạc Trên *Bluetooth*®.

Cài Đặt Điện Thoại Tr. 339

Còn nữa

■ Phát Nhạc Trên *Bluetooth*®

1. Đảm bảo điện thoại của bạn đã được ghép đôi và kết nối với hệ thống.
Cài Đặt Điện Thoại Tr. 339

2. Chọn chế độ Âm Thanh *Bluetooth*®.

Nếu điện thoại không được nhận diện, có khả năng hệ thống đã kết nối với một điện thoại khác tương thích với HFT mà không tương thích với Âm Thanh *Bluetooth*®.

■ Cách Chọn Chế Độ Phát

Bạn có thể chọn chế độ trộn bài và lặp lại khi đang phát bài hát.

Trộn Bài

(tắt trộn bài): Tắt chế độ trộn bài.

(trộn tất cả các bài hát): Phát tất cả các bài hát trong danh sách đã chọn theo thứ tự ngẫu nhiên.

Lặp Lại

(tắt lặp lại): Tắt chế độ lặp lại.

(lặp lại bài hát): Lặp lại bài hát đang phát.

(lặp lại tất cả): Lặp lại tất cả các bài hát.

■ Phát hoặc tạm dừng bài hát

Chọn biểu tượng phát/tạm dừng.

■ Tìm Kiếm Nhạc

1. Chọn **Browse**.
2. Chọn một thư mục tìm kiếm.
3. Chọn một mục.
► Bắt đầu phát mục đã lựa chọn.

Phát Nhạc Trên *Bluetooth*®

Để phát nhạc, bạn cần mở điện thoại. Khi đó, hãy làm theo các hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất.

Chuyển sang chế độ khác sẽ làm dừng nhạc đang phát trên điện thoại của bạn.

Bạn có thể thay đổi điện thoại đã được kết nối bằng cách chọn **Change Device**.
Cài Đặt Điện Thoại Tr. 339

Tìm Kiếm Nhạc

Tùy vào thiết bị *Bluetooth*® bạn kết nối, một số hoặc tất cả các danh sách có thể không hiển thị.

■ Âm Thanh

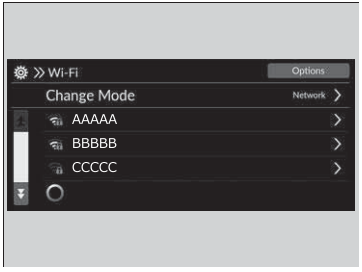
Bạn có thể điều chỉnh các cài đặt âm thanh.

➔ **Điều Chỉnh Âm Thanh** Tr. 279

Kết Nối Wi-Fi

Bạn có thể kết nối Internet với hệ thống âm thanh bằng Wi-Fi trên màn hình âm thanh/thông tin. Nếu điện thoại của bạn có khả năng phát sóng không dây, hệ thống có thể được kết nối với điện thoại. Thực hiện các bước sau để thiết lập.

Kết Nối Xe với Điểm Phát Sóng Wi-Fi



1. Ấn nút HOME.
2. Chọn **General Settings**.
3. Chọn **Connections**.
4. Chọn **Wi-Fi**.
5. Chọn **OK**.
6. Chọn **Change Mode**.
7. Chọn **Network**.
   ▶ Nếu bạn muốn tắt chế độ Wi-Fi, chọn **OFF**.
8. Chọn điểm truy cập mà bạn muốn kết nối với hệ thống.
   ▶ Để thêm một mạng mới hoặc chọn mạng đã lưu, chọn **Options**.
   ▶ Nếu chọn **Options**, **Add Network** và **Saved Networks** có thể được đăng ký.

Kết Nối Wi-Fi

Wi-Fi và Wi-Fi Direct là các nhãn hiệu đã đăng ký bản quyền của Wi-Fi Alliance®.

Kết Nối Xe với Điểm Phát Sóng Wi-Fi

Bạn không thể hoàn thành quy trình cài đặt trong khi xe chạy. Hãy đỗ xe ở nơi an toàn để cài đặt hệ thống âm thanh ở chế độ Wi-Fi.

Một số hãng viễn thông tính phí đối với việc chia sẻ và sử dụng mạng dữ liệu di động. Hãy kiểm tra gói cước đăng ký mạng dữ liệu điện thoại của bạn.

Kiểm tra hướng dẫn sử dụng điện thoại của bạn để xem điện thoại có kết nối Wi-Fi không.

Nhìn vào biểu tượng trên vùng trạng thái hệ thống để biết wifi đang bật hay tắt. Tốc độ truyền tín hiệu và các thông tin khác sẽ không hiển thị trên màn hình này.

Vùng Trạng Thái Tr. 274

Khi kết nối điện thoại với Wi-Fi, hãy đảm bảo cài đặt Wi-Fi của điện thoại ở chế độ điểm truy cập (chia sẻ kết nối).

Ứng Dụng Apple CarPlay

Nếu bạn kết nối hệ thống với điện thoại iPhone có ứng dụng Apple CarPlay tương thích qua cổng USB 2.5A hoặc mạng không dây, bạn có thể sử dụng màn hình âm thanh/thông tin thay cho màn hình điện thoại iPhone để gọi điện, nghe nhạc, xem bản đồ (hệ thống định vị) và xem tin nhắn.

Cổng USB Tr. 264



1 Ứng Dụng Apple CarPlay

Ứng Dụng Apple CarPlay

Khi sử dụng ứng dụng Apple CarPlay, bạn nên sử dụng hệ điều hành iOS mới nhất.

Đỗ xe nơi an toàn trước khi kết nối iPhone với ứng dụng Apple CarPlay và khi chạy bất kỳ ứng dụng tương thích nào.

Trong khi kết nối với Apple CarPlay, chỉ thực hiện được các cuộc gọi qua Apple CarPlay. Nếu bạn muốn gọi điện bằng hệ thống Điện Thoại Rảnh Tay (HFT), hãy tắt ứng dụng Apple CarPlay.

Cài Đặt Ứng Dụng Apple CarPlay Tr. 307

Khi iPhone được kết nối với Apple CarPlay, không thể phát nhạc trên *Bluetooth*® hoặc sử dụng hệ thống Điện Thoại Rảnh Tay (HFT). Tuy nhiên, các điện thoại khác được ghép đôi trước đó có thể phát nhạc trên *Bluetooth*® trong khi kết nối với ứng dụng Apple CarPlay.

Cài Đặt Điện Thoại Tr. 339

Để biết thêm chi tiết về các quốc gia và khu vực cho phép sử dụng ứng dụng Apple CarPlay cũng như thông tin liên quan đến chức năng, hãy tham khảo trang chủ của Apple.

Còn nữa

Danh Mục Ứng Dụng Apple CarPlay



- **Điện Thoại**
  Truy cập danh bạ, gọi điện, hoặc nghe thư thoại.
- **Âm Nhạc**
  Phát nhạc được lưu trên điện thoại iPhone của bạn.
- **Bản Đồ**
  Hiển thị bản đồ trên Apple CarPlay và sử dụng chức năng định vị trên điện thoại iPhone.
- **Tin Nhắn**
  Kiểm tra, đọc và trả lời tin nhắn.
- **Honda**
  Chọn biểu tượng Honda để quay lại màn hình chính.
- 
  Quay lại màn hình Bảng Điều Khiển Ứng Dụng Apple CarPlay.

Ứng Dụng Apple CarPlay

Điều Kiện & Giới Hạn Vận Hành Ứng Dụng Apple CarPlay

Ứng dụng Apple CarPlay yêu cầu điện thoại iPhone tương thích có kết nối mạng di động và sử dụng gói cước mạng dữ liệu. Nhà mạng sẽ thu phí gói cước này.

Những thay đổi trong vận hành hệ thống, phần cứng, phần mềm và công nghệ khác được tích hợp trong các chức năng do ứng dụng Apple CarPlay cung cấp, cũng như các quy định được sửa đổi hoặc ban hành mới của chính phủ, có thể làm giảm hiệu quả hoặc ngừng dịch vụ và chức năng của ứng dụng Apple CarPlay. Honda không thể và không đảm bảo cho các tính năng hoặc chức năng của ứng dụng Apple CarPlay.

Có thể phải sử dụng các ứng dụng của bên thứ ba nếu hệ thống không tương thích với ứng dụng Apple CarPlay. Tham khảo trên trang chủ của Apple để biết thêm chi tiết về các ứng dụng tương thích.

Cài Đặt Ứng Dụng Apple CarPlay

Sau khi kết nối điện thoại iPhone với hệ thống qua cổng USB 2.5A hoặc mạng không dây, hãy thực hiện quy trình sau để cài đặt ứng dụng Apple CarPlay. Sau khi cài đặt ứng dụng Apple CarPlay, một số thông tin về người dùng và xe (ví dụ như: vị trí của xe, tốc độ và trạng thái) sẽ được truyền tới điện thoại iPhone để nâng cao trải nghiệm của người dùng khi sử dụng ứng dụng Apple CarPlay. Bạn cần phải chấp thuận để chia sẻ thông tin này trên màn hình âm thanh/thông tin.

Kích Hoạt Ứng Dụng Apple CarPlay

■ Kết nối ứng dụng Apple CarPlay với cổng USB qua cáp USB

1. Kết nối iPhone với cổng USB qua cáp USB.

Cổng USB Tr. 264

▶ Màn hình xác nhận sẽ hiển thị.

2. Chọn **Yes**.

▶ Nếu bạn không muốn kết nối ứng dụng Apple CarPlay, chọn **No**.

Bạn có thể thay đổi các cài đặt trong danh mục cài đặt **Smartphone Connection**.

■ Kết nối ứng dụng Apple CarPlay bằng mạng không dây

1. Ghép đôi và kết nối iPhone với hệ thống Điện Thoại Rảnh Tay (HFT) của xe.

Cài Đặt Điện Thoại Tr. 339

2. Tích chọn **Apple CarPlay**.

▶ Nếu bạn chọn **Apple CarPlay**, bạn không thể chọn **Audio** và **Phone**.

3. Chọn **Connect**.

▶ Nếu iPhone của bạn yêu cầu chấp nhận kết nối ứng dụng Apple CarPlay, hãy đồng ý kết nối.

Còn nữa

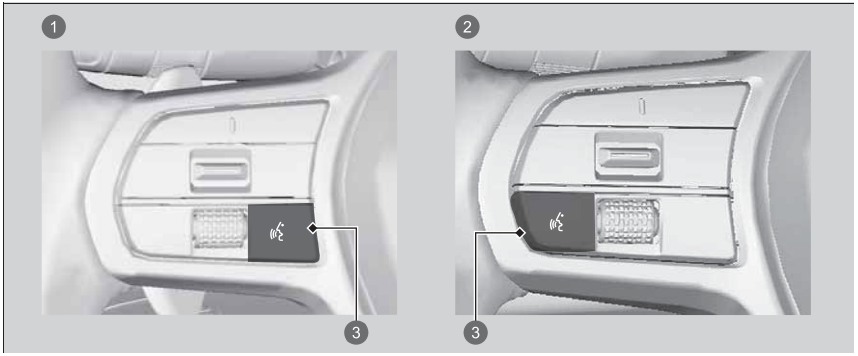
Cài Đặt Ứng Dụng Apple CarPlay

Bạn cũng có thể cài đặt ứng dụng Apple CarPlay như sau:
Chọn General Settings → Smartphone Connection → Apple CarPlay → Chọn thiết bị

Sử dụng thông tin người dùng và xe
Việc sử dụng, xử lý thông tin của người dùng và thông tin của xe được truyền tới/từ điện thoại iPhone thông qua ứng dụng Apple CarPlay được quản lý bởi các điều khoản và điều kiện của hệ điều hành iOS và Chính Sách Bảo Mật Riêng của Apple.

Vận Hành Apple CarPlay bằng Ứng Dụng Siri

Ấn và giữ nút (nói) để kích hoạt ứng dụng Siri.



1 Loại xe có đồng hồ đo loại A
2 Loại xe có đồng hồ đo loại B
3 Nút (Nói):

Ấn và giữ để kích hoạt ứng dụng Siri.
Ấn lại lần nữa để tắt ứng dụng Siri.
Ấn và nhả để kích hoạt hệ thống nhận dạng bằng giọng nói chuẩn.

Vận Hành Apple CarPlay bằng Ứng Dụng Siri

Dưới đây là ví dụ về các câu hỏi và lệnh cho ứng dụng Siri:

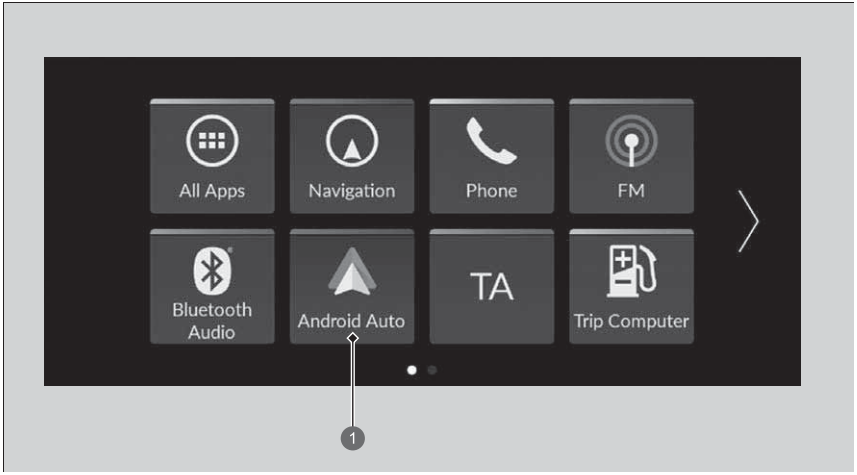
- Hôm nay có những bộ phim nào đang được phát?
- Gọi cho bố ở nơi làm việc.
- Tên bài hát này là gì?
- Thời tiết ngày mai như thế nào?
- Đọc Email mới nhất của tôi.

Để biết thêm thông tin chi tiết, hãy truy cập trang web.*www.apple.com/ios/siri*.

Ứng Dụng Android Auto™

Khi bạn kết nối điện thoại chạy hệ điều hành Android với hệ thống âm thanh qua cổng USB, ứng dụng Android Auto sẽ tự động khởi tạo. Khi kết nối điện thoại thông qua ứng dụng Android Auto, bạn có thể sử dụng màn hình âm thanh/thông tin để truy cập các chức năng Điện Thoại, Google Maps (Hệ Thống Định Vị), Google Play Music và Google Now. Khi bạn sử dụng ứng dụng Android Auto lần đầu tiên, các hướng dẫn sẽ xuất hiện trên màn hình.
Bạn hãy đỗ xe ở nơi an toàn để xem tất cả các hướng dẫn này trước khi sử dụng ứng dụng Android Auto.

Cổng USB Tr. 264
Kết Nối Ghép Đôi Tự Động Tr. 311



1 Ứng Dụng Android Auto

Ứng Dụng Android Auto™

Khi sử dụng Android Auto, bạn nên dùng phiên bản Android OS cập nhật mới nhất. Không thể sử dụng *Bluetooth* A2DP khi điện thoại của bạn đang kết nối với Android Auto.

Để sử dụng Android Auto cho điện thoại thông minh Android 9.0 (Pie) hoặc đời thấp hơn, bạn cần phải tải ứng dụng Android Auto từ Google Play về điện thoại của bạn.

Hãy đỗ xe ở nơi an toàn trước khi kết nối điện thoại Android với Android Auto và khi chạy bất kỳ ứng dụng tương thích nào.

Để sử dụng Android Auto, hãy cắm USB vào cổng USB.

Cổng USB Tr. 264

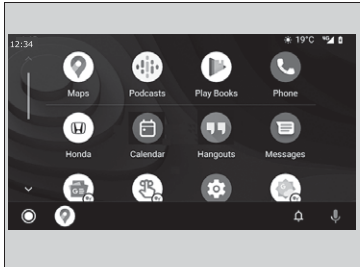
Khi điện thoại Android được kết nối với Android Auto, không thể sử dụng Âm Thanh Bluetooth®. Tuy nhiên, các điện thoại khác đã được ghép đôi trước đó có thể phát nhạc trên *Bluetooth*® khi kết nối với ứng dụng Android Auto.

Cài Đặt Điện Thoại Tr. 339

Android Auto là thương hiệu của Google LLC.

Còn nữa

Danh Mục Ứng Dụng Android Auto



- **Maps**
  Hiển thị Google Maps và sử dụng chức năng định vị nếu bạn sử dụng điện thoại chạy hệ điều hành Android. Khi xe đang chạy, bạn không thể truy cập vào ứng dụng bằng bàn phím. Đỗ xe ở nơi an toàn để thực hiện tìm kiếm hoặc nhập dữ liệu.
- **Phone**
  Gọi điện, nhận cuộc gọi và nghe thư thoại.
- **Honda**
-
  Vận hành ứng dụng Android Auto bằng giọng nói.
-
  Bạn có thể kiểm tra thông báo Android.
- (Màn Hình Chính Của Android Auto)
  Hiển thị thông tin hữu ích do Android Auto sắp xếp thành các thẻ đơn giản xuất hiện ngay khi cần.

Ứng Dụng Android Auto™

Để biết thêm thông tin chi tiết về các quốc gia và các vùng miền có ứng dụng Android Auto, cũng như thông tin liên quan đến chức năng, hãy tham khảo trang chủ của ứng dụng Android Auto.

Màn hình có thể khác nhau tùy thuộc vào phiên bản ứng dụng Android Auto bạn đang sử dụng.

Điều Kiện Vận Hành & Hạn Chế Của Ứng Dụng Android Auto
Ứng dụng Android Auto yêu cầu điện thoại Android tương thích có kết nối mạng di động và sử dụng gói cước mạng dữ liệu. Nhà mạng sẽ thu phí gói cước này.

Những thay đổi trong vận hành hệ thống, phần cứng, phần mềm và công nghệ khác được tích hợp trong các chức năng do ứng dụng Android Auto cung cấp, cũng như các quy định được sửa đổi hoặc ban hành mới của chính phủ, có thể làm giảm hiệu quả hoặc ngừng dịch vụ và chức năng của ứng dụng Android Auto. Honda không thể và không đảm bảo cho các tính năng hoặc chức năng của ứng dụng Android Auto.

Bạn có thể sử dụng các ứng dụng của bên thứ ba nếu các ứng dụng của Android tương thích với Android Auto. Tham khảo trên trang chủ của Android Auto để biết thêm chi tiết về các ứng dụng tương thích.

■ Kết Nối Ghép Đôi Tự Động

Khi bạn kết nối điện thoại chạy hệ điều hành Android với thiết bị qua cổng USB, ứng dụng Android Auto sẽ tự động khởi tạo.

■ Kích Hoạt Ứng Dụng Android Auto

Để bật ứng dụng Android Auto sau khi kết nối điện thoại Androi với hệ thống, hãy chọn **Yes** trên màn hình.

Bạn có thể thay đổi các cài đặt trong danh mục **Smartphone Settings.**

»Kích Hoạt Ứng Dụng Android Auto

Chỉ khởi tạo ứng dụng Android Auto khi xe đã được đỗ ở nơi an toàn. Bạn cần cài đặt điện thoại ở lần đầu kết nối điện thoại với ứng dụng Android Auto để tự động ghép đôi. Tham khảo tài liệu hướng dẫn đi kèm với điện thoại.

Bạn cũng có thể thay đổi các cài đặt của ứng dụng Android Auto sau khi bạn đã hoàn thành cài đặt ban đầu như sau:
Chọn General Settings →
Smartphone Connection → Android Auto →
Chọn thiết bị

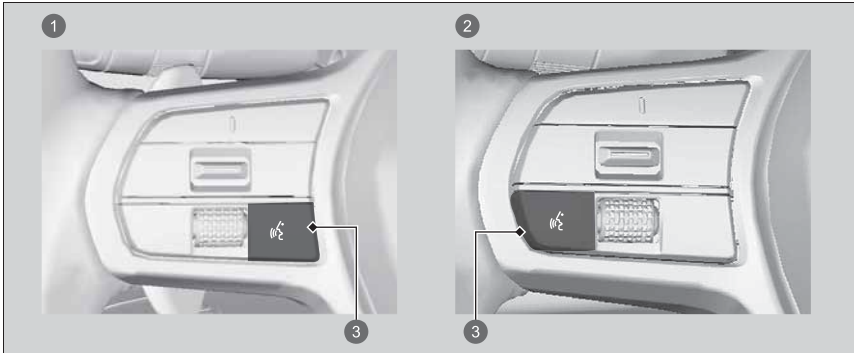
Việc sử dụng thông tin của người dùng và thông tin của xe

Việc sử dụng và xử lý thông tin của người dùng và thông tin của xe được truyền tới/từ điện thoại qua ứng dụng Android Auto là Chính Sách Bảo Mật Riêng của Google.

Còn nữa

Vận Hành Ứng Dụng Android Auto bằng Nhận Dạng Giọng Nói

Ấn và giữ nút (nói) để vận hành ứng dụng Android Auto bằng giọng nói.



❶ Loại xe có đồng hồ đo loại A
❷ Loại xe có đồng hồ đo loại B
❸ Nút (Nói):

Ấn và giữ để vận hành ứng dụng Android Auto bằng giọng nói.
Ấn và nhả để kích hoạt hệ thống nhận dạng giọng nói chuẩn.

Vận Hành Ứng Dụng Android Auto bằng Nhận Dạng Giọng Nói

Dưới dây là ví dụ về các lệnh đối với hệ thống nhận dạng giọng nói:

- Trả lời tin nhắn.
- Gọi cho vợ tôi.
- Định vị tới Honda.
- Phát nhạc của tôi.
- Gửi tin nhắn cho vợ tôi.
- Gọi cho cửa hàng bán hoa.

Để biết thêm thông tin chi tiết, hãy tham khảo trang chủ Android Auto.

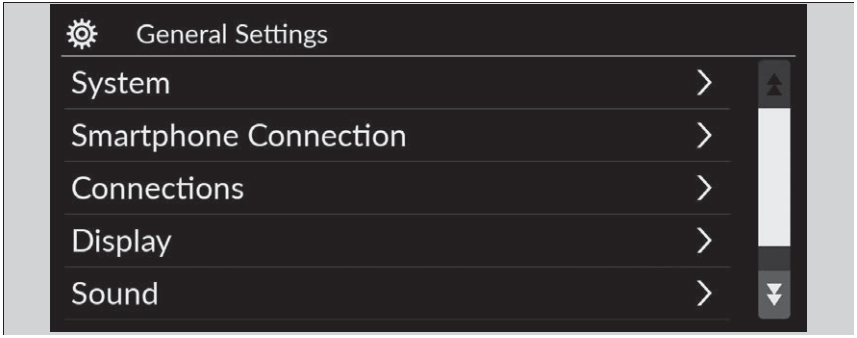
Bạn có thể kích hoạt chức năng nhận dạng bằng giọng nói bằng cách chọn biểu tượng nằm ở góc phía dưới bên trái của màn hình.

Tính Năng Tùy Chọn

Sử dụng màn hình âm thanh/thông tin để tùy chọn một số tính năng cụ thể.

Cách Tùy Chọn các Cài Đặt Chung

Khi chế độ nguồn ở **BẬT**, chọn **General Settings**, sau đó chọn mục cài đặt.



- **Hệ Thống** Tr. 314
- **Kết Nối Điện Thoại Thông Minh** Tr. 316
- **Kết Nối** Tr. 317
- **Màn Hình Hiển Thị** Tr. 318
- **Âm Thanh** Tr. 319
- **Camera** Tr. 320

Tính Năng Tùy Chọn

Khi bạn tùy chọn các cài đặt:

- Đảm bảo xe đã dừng hẳn.
- Sang số P.

Còn nữa

■ Hệ Thống

Tính Năng Tùy Chọn			Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
Date & Time	**Set Date & Time**	**Automatic Date & Time**	Chọn **ON** để GPS tự động điều chỉnh đồng hồ. Chọn **OFF** để hủy chức năng này.	**ON**[*1]/**OFF** (BẬT[*1]/TẮT)
		Set Date	Điều chỉnh ngày. ➔ **Điều Chỉnh Đồng Hồ** Tr. 276	**Day**/**Month**/**Year** (Ngày/Tháng/Năm)
		Set Time	Điều chỉnh thời gian. ➔ **Điều Chỉnh Đồng Hồ** Tr. 276	**Hour**/**Minute** (Giờ/Phút) **AM**/**PM**
	Time Zone	**Automatic Time Zone**	Cài đặt hệ thống âm thanh để tự động điều chỉnh đồng hồ khi lái xe ở các múi giờ khác nhau.	**ON**[*1]/**OFF** (BẬT[*1]/TẮ T)
		(Chọn múi Giờ)	Thay đổi múi giờ bằng tay.	—
	Auto Daylight Saving Time		Cài đặt để đồng hồ cập nhật theo giờ tiết kiệm ánh sáng ban ngày.	**ON**[*1]/**OFF** (BẬT[*1]/TẮT)
	Date Format		Chọn định dạng ngày.	**MM/DD/YYYY**/ **DD/MM/YYYY**[*1]/ **YYYY/MM/DD**
	Time Format		Chọn định dạng thời gian.	**12-H**[*1]/**24-H** (12 giờ[*1]/24 giờ)

* 1: Cài Đặt Mặc Định

Tính Năng Tùy Chọn		Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
Language		Thay đổi ngôn ngữ màn hình giao diện thông tin cho người lái và màn hình âm thanh/thông tin.	**English**[*1]/**Thai**[*1] (Tiếng Anh[*1]/Tiếng Thái[*1]) Xem các ngôn ngữ khác trên màn hình.
Touch Panel Sensitivity		Cài đặt độ nhạy của màn hình cảm ứng.	**High**/**Normal**[*1] (Cao/Trung Bình[*1])
System Volumes	**System Sounds**	Cài đặt âm lượng âm thanh của hệ thống.	—
	Text-to-Speech	Cài đặt âm lượng chuyển văn bản thành giọng nói.	—
	Navigation Guidance	Cài đặt âm lượng dẫn đường của hệ thống định vị.	—
	Phone Calls	Cài đặt âm lượng cuộc gọi.	—
	Default	Đặt lại cài đặt **System Volumes** về giá trị mặc định.	
Refuel recommend*		Bật và tắt chức năng nhắc nạp nhiên liệu.	**ON**[*1]/**OFF** (BẬT[*1]/TẮT)

* 1: Cài Đặt Mặc Định

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Tính Năng Tùy Chọn		Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
About	**Status**	Hiển thị các mục cài đặt Android.	—
	Legal Information		
	Model Number		
	Android Version		
	Kernel Version		
	Build Number		
Factory Data Reset		Cài đặt lại tất cả cài đặt về mặc định gốc. ➡ **Mặc Định Tất Cả Cài Đặt** Tr. 331	**Continue**/**Cancel** (Tiếp Tục/Hủy)
Detail Information	**App Manager**	Hiển thị thông tin bộ nhớ hệ thống Android và các ứng dụng.	—

■ Kết Nối Điện Thoại Thông Minh

Tính Năng Tùy Chọn		Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
Apple CarPlay	**+ Connect New Device**	Ghép đôi điện thoại mới với Apple CarPlay. ➡ **Cài Đặt Điện Thoại** Tr. 339	—
	(Các Thiết Bị Đã Lưu)	Kết nối, ngắt kết nối hoặc xóa điện thoại đã ghép đôi. ➡ **Cài Đặt Điện Thoại** Tr. 339	—
Android Auto	(Các Thiết Bị Đã Lưu)	Kết nối, ngắt kết nối hoặc xóa điện thoại đã ghép đôi. ➡ **Cài Đặt Điện Thoại** Tr. 339	—

■ Kết Nối

Tính Năng Tùy Chọn			Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
Wi-Fi	**Change Mode**		Thay đổi chế độ Wi-Fi.	**Network**[*1]/**Smartphone**[*2]/**OFF** (Mạng[*1]/Điện Thoại Thông Minh[*2]/TẮT)
	(Mạng Khả Dụng/Các Thiết Bị Được Kết Nối)		Hiển thị (các) mạng khả dụng hoặc (các) thiết bị đang kết nối.	—
	Options	**Add Network**	Thêm mạng mới để kết nối Wi-Fi.	—
		Saved Networks	Lưu mạng được kết nối.	—
Bluetooth	**Options**	**Bluetooth**	Bật và tắt *Bluetooth*®.	**ON**[*1]/**OFF** (BẬT[*1]/TẮT)
		Priority Device	Cài đặt làm thiết bị ưu tiên.	—
	+ Connect New Device		Ghép đôi điện thoại mới với HFT. ➔ **Cài Đặt Điện Thoại** Tr. 339	—
	(Các Thiết Bị Đã Lưu)		Kết nối, ngắt kết nối hoặc xóa điện thoại đã ghép đôi. ➔ **Cài Đặt Điện Thoại** Tr. 339	—

*1: Cài Đặt Mặc Định
*2: Chỉ xuất hiện khi Apple CarPlay được kết nối.

■ Màn Hình Hiển Thị

Loại xe có đồng hồ đo loại A

Tính Năng Tùy Chọn		Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
Day Mode	**Brightness**	Thay đổi độ sáng của màn hình âm thanh/thông tin.	—
	Contrast	Thay đổi độ tương phản của màn hình âm thanh/thông tin.	—
	Black Level	Thay đổi độ tối của màn hình âm thanh/thông tin.	—
	Default	Cài đặt lại tất cả cài đặt tùy chọn về độ sáng, độ tương phản và độ tối.	—
Night Mode	**Brightness**	Thay đổi độ sáng của màn hình âm thanh/thông tin.	—
	Contrast	Thay đổi độ tương phản của màn hình âm thanh/thông tin.	—
	Black Level	Thay đổi độ tối của màn hình âm thanh/thông tin.	—
	Default	Cài đặt lại tất cả cài đặt tùy chọn về độ sáng, độ tương phản và độ tối.	—

Loại xe có đồng hồ đo loại B

Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
Brightness	Thay đổi độ sáng của màn hình âm thanh/thông tin.	—
Contrast	Thay đổi độ tương phản của màn hình âm thanh/thông tin.	—
Black Level	Thay đổi độ tối của màn hình âm thanh/thông tin.	—
Default	Cài đặt lại tất cả cài đặt tùy chọn về độ sáng, độ tương phản và độ tối.	—

■ Âm Thanh

Tính Năng Tùy Chọn		Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
Bass / Treble	**Treble**	Điều chỉnh âm thanh của loa hệ thống âm thanh. ➡ **Điều Chỉnh Âm Thanh** Tr. 279	—
	Midrange		
	Bass		
Balance / Fader[*1] **/Audio Zones & Balance / Fader**[*2]			
Bose Centerpoint[*2]			
Speed Volume Compensation[*1] **/Bose Dynamic Speed Compensation**[*2]			

* 1: Loại xe có đồng hồ đo loại B ngoại trừ loại xe Philippin
* 2: Loại xe có đồng hồ đo loại A và loại xe Philippin

■ **Camera**

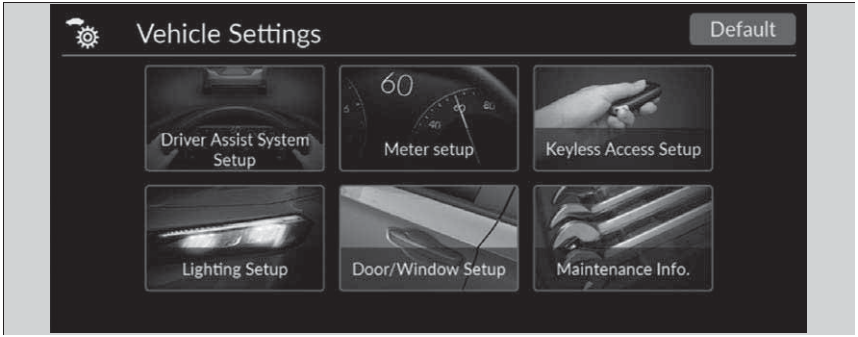
Tính Năng Tùy Chọn		Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
Rear Camera	**Fixed Guideline**	Hiển thị dẫn hướng không di chuyển theo vô lăng. ➡ **Camera Lùi Đa Hướng** Tr. 581	**ON***1/**OFF** (BẬT*1/TẮT)
	Dynamic Guideline	Hiển thị dẫn hướng di chuyển theo vô lăng. ➡ **Camera Lùi Đa Hướng** Tr. 581	**ON***1/**OFF** (BẬT*1/TẮT)
Cross Traffic Monitor*		Hiển thị các mũi tên ở camera chiếu hậu để thông báo có xe đang tiến đến từ hai phía. ➡ **Hệ Thống Cảnh Báo Vật Thể Băng Ngang Đường*** Tr. 577	**ON***1/**OFF** (BẬT*1/TẮT)

* 1: Cài Đặt Mặc Định

 * Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Cách Tùy Chọn các Cài Đặt Xe

Với chế độ nguồn ở BẬT, chọn **Vehicle Settings**, sau đó chọn mục cài đặt.



- **Driver Assist System Setup** (Cài Đặt Hệ Thống Hỗ Trợ Người Lái) ➡ Tr. 322
- **Meter setup** (Cài đặt đồng hồ đo) ➡ Tr. 324
- **Keyless Access Setup** (Cài Đặt Truy Cập Từ Xa) ➡ Tr. 326
- **Lighting Setup** (Cài Đặt Chiếu Sáng) ➡ Tr. 327
- **Door/Window Setup** (Cài Đặt Cửa/Cửa Kính) ➡ Tr. 328
- **Maintenance Info.** (Thông Tin Bảo Dưỡng) ➡ Tr. 329
- **INDIVIDUAL Settings*** (Cài Đặt chế độ CÁ NHÂN) ➡ Tr. 330

Cách Tùy Chọn các Cài Đặt Xe

Nếu **Vehicle Settings** không hiển thị trên màn hình chính, chọn **All Apps**. Bạn có thể thay đổi các biểu tượng hiển thị trên màn hình chính.

➡ **Chức Năng Truy Cập Ứng Dụng Nhanh** Tr. 269

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Còn nữa

■ Cài Đặt Hệ Thống Hỗ Trợ Người Lái

Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
Forward Collision Warning Distance/Preceding vehicle proximity warning distance	Chọn khoảng cách phát Cảnh Báo Va Chạm Phía Trước bằng âm thanh và hình ảnh. ➡ **Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS)** Tr. 460	Loại xe Hồng Kông, Ma Cao và Philippin **Long**/**Normal***1/**Short** Xa/Trung Bình*1/Gần) Ngoại trừ loại xe Hồng Kông, Ma Cao và Philippin **Far/Normal***1/**Near** (Xa/Trung Bình*1/Gần)
ACC Forward Vehicle Detect Beep/ACC vehicle ahead detected beep	Bật/Tắt âm thanh thông báo khi xe di chuyển vào/ra khỏi phạm điều khiển chế độ chạy ổn định thích ứng. ➡ **Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp*** Tr. 473	**ON**/**OFF***1 (BẬT/TẮT*1)
Lead car departure notification system*	Thay đổi cài đặt cho hệ thống cảnh báo xe phía trước khởi hành.	**Normal***1/**Early**/**OFF** Trung Bình*1/Sớm/TẮT)
Road departure mitigation setting	Chọn chế độ vận hành của hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường. ➡ **Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường** Tr. 530	Ngoại trừ loại xe Australia và New Zealand **Narrow**/**Normal***1/**Wide**/**Warning Only** (Hẹp/Trung Bình*1/Rộng/Chỉ Cảnh Báo) Loại xe Australia và New Zealand **Early**/**Normal**/**Delayed***1 (Sớm/ Trung Bình/Muộn*1)
Lane Keeping Assist Suspend Beep/Lane keep assist beep	Chọn Bật/Tắt cảnh báo LKAS khi không phát hiện ra vạch báo làn đường. ➡ **Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS)** Tr. 508	**ON**/**OFF***1 (BẬT/TẮT*1)

* 1: Cài Đặt Mặc Định

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
Blind Spot Info/Blind spot information*	Chọn Bật/Tắt cảnh báo bằng âm thanh hệ thống thông tin điểm mù. ➡ **Hệ Thống Thông Tin Điểm Mù*** Tr. 449	Loại xe Hồng Kông, Ma Cao và Philippin **Audible And Visual Alert*1/Visual Alert** (Cảnh Báo Bằng Âm Thanh Và Hình Ảnh*1/Chỉ Cảnh Báo Bằng Hình Ảnh) Ngoại trừ loại xe Hồng Kông, Ma Cao và Philippin **Audible and visual alert*1/Visual Alert Only** (Cảnh báo bằng âm thanh và hình ảnh*1/Chỉ Cảnh Báo Bằng Hình Ảnh)
Driver Attention Monitor	Chọn loại cảnh báo cho Chức Năng Theo Dõi Mức Độ Tập Trung Của Người Lái. ➡ **Theo Dõi Mức Độ Tập Trung Của Người Lái** Tr. 170	Loại xe Hồng Kông, Ma Cao và Philippin **OFF/Tactile Alert/Tactile And Audible Alert*1** (TẮT/Cảnh Báo Bằng Rung Vô Lăng/Cảnh Báo Bằng Rung Vô Lăng Và Hình Ảnh*1) Ngoại trừ loại xe Hong Kong, Ma Cao và Philippin **OFF/Tactile alert only/Tactile and audible alert*1**(TẮT/Cảnh báo bằng rung vô lăng/Cảnh báo bằng rung vô lăng và hình ảnh*1)
Traffic sign recognition system display*	Hiển thị hệ thống nhận dạng biển báo giao thông trên bảng điều khiển. ➡ **Hệ Thống Nhận Diện Biển Báo Giao Thông*** Tr. 543	**Display*1/None** (Hiển thị*1/Không hiển thị)
Traffic sign recognition system over speed warning*	Bật cảnh báo vượt quá giới hạn tốc độ khi xe vượt quá giới hạn tốc độ. ➡ **Hệ Thống Nhận Diện Biển Báo Giao Thông*** Tr. 543	**ON*1/OFF** (BẬT*1/TẮT)
Rev match system*	Chọn bật/tắt hệ thống vù ga tự động. ➡ **Hệ Thống Vù Ga Tự Động** Tr. 411	**ON*1/OFF** (BẬT*1/TẮT)

*1: Cài Đặt Mặc Định

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

■ Cài đặt đồng hồ đo

Tính Năng Tùy Chọn	Mô tả	Lựa Chọn Cài Đặt
Adjust outside temp. display	Chọn để điều chỉnh chỉ số nhiệt độ ngoài trời tăng giảm vài độ. ➔ **Nhiệt Độ Ngoài Trời** Tr. 136	**-3°C ~ ±0°C**[*1] **~ +3°C**
Gear position display[*]	Bật và tắt tính năng hiển thị số. ➔ **Đèn Báo Số**[*] Tr. 118	**ON**[*1]**/OFF** (BẬT[*1]/TẮT)
Trip A reset timing	Chọn thời điểm cài đặt lại Hành Trình A. ➔ **Phạm Vi/Nhiên Liệu/Đồng Hồ Đo Quãng Đường**[*]**/Đồng Hồ Đo Hành Trình** Tr. 142,163 ➔ **Tốc Độ/Thời Gian/Đồng Hồ Đo Quãng Đường**[*]**/Đồng Hồ Đo Hành Trình** Tr. 144,166	Loại xe Hồng Kông, Ma Cao và Philippin **When Fully Refueled/IGN OFF/ Manually Reset**[*1](Khi Nạp Đầy Nhiên Liệu/TẮT KHÓA ĐIỆN/Cài Đặt Lại Bằng Tay[*1]) Ngoại trừ loại xe Hồng Kông, Ma Cao và Philippin **When fully refueled/When ignition is turned OFF/Manual reset**[*1](Khi nạp đầy nhiên liệu/Khi xoay khóa điện đến TẮT/Cài đặt lại bằng tay[*1])
Trip B reset timing	Chọn thời điểm cài đặt lại Hành Trình B. ➔ **Phạm Vi/Nhiên Liệu/Đồng Hồ Đo Quãng Đường**[*]**/Đồng Hồ Đo Hành Trình** Tr. 142,163 ➔ **Tốc Độ/Thời Gian/Đồng Hồ Đo Quãng Đường**[*]**/Đồng Hồ Đo Hành Trình** Tr. 144,166	Loại xe Hồng Kông, Ma Cao và Philippin **When Fully Refueled/IGN OFF/ Manually Reset**[*1] (Khi Nạp Đầy Nhiên Liệu/TẮT KHÓA ĐIỆN/Cài Đặt Lại Bằng Tay[*1]) Ngoại trừ loại xe Hồng Kông, Ma Cao và Philippin **When fully refueled/When ignition is turned OFF/Manual reset**[*1](Khi nạp đầy nhiên liệu/Khi xoay khóa điện đến TẮT/Cài đặt lại bằng tay[*1])

*1: Cài Đặt Mặc Định

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Tính Năng Tùy Chọn	Mô tả	Lựa Chọn Cài Đặt
Adjust Alarm Volume/ Alarm volume control	Thay đổi mức âm lượng của tất cả các cảnh báo hệ thống, cảnh báo và đèn báo cửa mở.	Loại xe Hồng Kông, Ma Cao và Philippin **High**/**Normal***1/**Low** (Cao/Trung Bình*1/Thấp) Ngoại trừ loại xe Hồng Kông, Ma Cao và Philippin **Max**/**Mid***1/**Min** (Cao Nhất/Trung Bình*1/Thấp Nhất)
Rev. indicator*	Bật và tắt đồng hồ đo vòng quay động cơ. ➡ **Đồng Hồ Đo Vòng Quay Động Cơ*** Tr.138	**ON***1/**OFF** (BẬT*1/TẮT)
Fuel efficiency backlight	Bật/Tắt thay đổi màu sắc đèn viền đồng hồ.	**ON***1/**OFF** (BẬT*1/TẮT)
Turn By Turn Auto Display/ Turn by turn display	Bật/tắt cảnh báo trong dẫn đường chi tiết trên màn hình giao diện thông tin cho người lái. ➡ **Dẫn Đường Chi Tiết** Tr. 145	**ON***1/**OFF** (BẬT*1/TẮT)
Tachometer*	Bật/Tắt đồng hồ đo tốc độ động cơ trên màn hình đồng hồ đo.	**ON***1/**OFF** (BẬT*1/TẮT)
Rear seat reminder	BẬT hoặc TẮT thông báo có vật thể ở ghế sau. ➡ **Nhắc Ghế Sau** Tr. 231	**ON***1/**OFF** (BẬT*1/TẮT)
Shift up alarm*	Thay đổi âm thanh cảnh báo khi chỉ báo đồng hồ đo tốc động cơ ở vùng đỏ. ➡ **Đồng Hồ Đo Tốc Độ Động Cơ** Tr. 135	**ON***1/**OFF** (BẬT*1/TẮT)

* 1: Cài Đặt Mặc Định

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Còn nữa

■ Cài Đặt Truy Cập Từ Xa

Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
Keyless access beep volume	Chọn âm lượng thông báo bằng âm thanh khi mở khóa/khóa các cửa bằng cách giữ hoặc chạm vào công tắc cảm biến trên tay nắm bên ngoài cửa.	Loại xe Hồng Kông, Ma Cao và Philippin **High**[*1]/**Low** (To[*1]/Nhỏ) Ngoại trừ loại xe Hồng Kông, Ma Cao và Philippin **Max**[*1]/**Min** (To Nhất[*1]/Nhỏ Nhất)
Keyless access light flash	Bật/Tắt nháy đèn ngoài xe khi mở khóa/khóa các cửa bằng cách giữ hoặc chạm vào công tắc cảm biến trên tay nắm bên ngoài cửa.	**ON**[*1]/**OFF** (BẬT[*1]/TẮT)
Keyless access beep	Bật/Tắt thông báo bằng âm thanh khi mở khóa/khóa các cửa bằng cách giữ hoặc chạm vào công tắc cảm biến trên tay nắm bên ngoài cửa.	**ON**[*1]/**OFF** (BẬT[*1]/TẮT)

* 1: Cài Đặt Mặc Định

■ **Cài Đặt Chiếu Sáng**

Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
Auto High Beam	Bật/tắt chức năng chiếu xa tự động.	**ON**[*1]/**OFF** (BẬT[*1]/TẮT)
Interior Light Dimming Time/Interior light dimmer duration	Chọn khoảng thời gian đèn trong xe sáng sau khi bạn đóng các cửa. ➡ **Đèn Trong Xe** Tr. 236	**60sec**/**30sec**[*1]/**15sec** (60 giây/30 giây[*1]/15 giây)
Headlight auto OFF timer	Chọn khoảng thời gian đèn ngoài xe sáng sau khi bạn đóng cửa người lái. ➡ **Tính Năng Tắt Đèn Tự Động** Tr. 211	**60sec**/**30sec**/**15sec**[*1]/**0sec** (60 giây/30 giây/15 giây[*1]/0 giây)
Auto Headlight On with Wiper On/Headlight integration with wipers	Chọn Bật/Tắt chức năng đèn chiếu sáng và vận hành cần gạt nước khi đèn chiếu sáng được cài đặt ở **AUTO**. ➡ **Đèn Chiếu Sáng Tích Hợp với Cần Gạt Nước** Tr. 211	**ON**[*1]/**OFF** (BẬT[*1]/TẮT)

* 1: Cài Đặt Mặc Định

Còn nữa

■ **Cài Đặt Cửa/Cửa Kính**

Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
Walk Away Auto Lock/Walk away lock	Bật/Tắt chức năng khóa cửa tự động khi bạn ra khỏi xe.	**ON/OFF**[*1] (BẬT/TẮT[*1])
Keyless Lock Answer Back/Keyless lock notification	Bật/tắt nhấp nháy các đèn ngoài xe khi khóa/mở khóa các cửa bằng chìa khóa điều khiển từ xa. ➡ **Sử Dụng Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa** Tr. 192	**ON**[*1]**/OFF** (BẬT[*1]/TẮT)
Auto Folding Door Mirror	Chọn bật/tắt cụp gương cửa tự động.	**ON**[*1]**/OFF** (BẬT[*1]/TẮT)
Auto door lock*	Chọn thời điểm kích hoạt khóa cửa tự động.	**OFF/With vehicle speed**[*1]**/Shift from P** (TẮT/Có tốc độ động cơ[*1]/Sang số từ P)
Auto door unlock*	Chọn thời điểm mở khóa cửa tự động.	**OFF/Driver Door With Shift To P**[*1]**/All Doors With Shift To P/Driver door with IGN OFF/ All doors with IGN OFF** (TẮT/Cửa Người Lái Khi Sang Số P[*1]/Tất Cả Các Cửa Khi Sang Số P/Cửa người lái khi KHÓA ĐIỆN TẮT/Tất cả các cửa khi KHÓA ĐIỆN TẮT)
Remote Window Control	Bật/tắt điều khiển cửa kính từ xa.	**ON**[*1]**/OFF** (BẬT[*1]/TẮT)

* 1: Cài Đặt Mặc Định

 * Không áp dụng cho tất cả các đời xe

■ Thông Tin Bảo Dưỡng

Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
Maintenance Info.	Cài đặt lại thông tin bảo dưỡng. ➲ **Hệ Thống Giám Sát Dầu** Tr. 593	Loại xe Hồng Kông, Ma Cao và Philippin **Chọn Danh Mục Cài Đặt Lại** Ngoại trừ loại xe Hồng Kông, Ma Cao và Philippin **Chọn Danh Mục Cài Đặt Lại**

■ Cài Đặt Chế Độ INDIVIDUAL*

Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
Engine	Chọn khả năng phản hồi của động cơ. ➡ **Tùy chọn Cài Đặt INDIVIDUAL** Tr. 430	**COMFORT/SPORT***1**/+R**
Suspension	Chọn độ cứng của hệ thống treo. ➡ **Tùy chọn Cài Đặt INDIVIDUAL** Tr. 430	**COMFORT/SPORT***1**/+R**
Steering	Chọn mức độ của lực lái. ➡ **Tùy chọn Cài Đặt INDIVIDUAL** Tr. 430	**COMFORT/SPORT***1**/+R**
Gauge	Chọn các đồng hồ đo sẽ được hiển thị trên Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái. ➡ **Tùy chọn Cài Đặt INDIVIDUAL** Tr. 430	**COMFORT/SPORT***1**/+R**
Rev Match	Chọn khả năng phản hồi của Vù Ga Tự Động. ➡ **Tùy chọn Cài Đặt INDIVIDUAL** Tr. 430	**COMFORT/SPORT***1
Engine Sound	Chọn hiệu ứng của Âm Thanh Động Cơ. ➡ **Tùy chọn Cài Đặt INDIVIDUAL** Tr. 430	**COMFORT/SPORT***1**/+R**

* 1: Cài Đặt Mặc Định

 * Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Mặc Định Tất Cả các Cài Đặt

Khôi phục tất cả danh mục và các cài đặt tùy chọn về mặc định gốc.

Mặc Định Các Cài Đặt Chung

1. Ấn nút HOME.
2. Chọn **General Settings**.
3. Chọn **System**.
4. Chọn **Factory Data Reset**.
   ► Thông báo xác nhận xuất hiện trên màn hình.
5. Chọn **Continue** để khôi phục các cài đặt.
6. Chọn **Continue** thêm một lần nữa để khôi phục các cài đặt.
   ► Hệ thống sẽ khởi động lại.

Mặc Định Các Cài Đặt Xe

1. Ấn nút HOME.
2. Chọn **Vehicle Settings**.
3. Chọn **Default**.
4. Chọn **Yes**.

Mặc Định Tất Cả Các Cài Đặt

Khi bạn chuyển nhượng xe cho bên thứ ba, hãy khôi phục tất cả cài đặt về mặc định và xóa toàn bộ dữ liệu cá nhân.

Nếu bạn thực hiện **Factory Data Reset** (Khôi Phục Dữ Liệu Gốc), các ứng dụng cài đặt trước đó sẽ quay về mặc định gốc.

Hệ Thống Điện Thoại Rảnh Tay

Hệ Thống Điện Thoại Rảnh Tay (HFT) cho phép bạn gọi và nhận cuộc gọi bằng cách sử dụng hệ thống âm thanh của xe, mà không cần cầm điện thoại.

Nút HFT



❶ Loại xe có đồng hồ đo loại A
❷ Loại xe có đồng hồ đo loại B
❸ Nút **VOL** ＋/**VOL** − (Âm Lượng)
❹ Vòng Lựa Chọn Bên Trái
❺ Nút (Nói)
❻ Nút (Màn Hình Chính)

Hệ Thống Điện Thoại Rảnh Tay

Để điện thoại của bạn ở nơi có thể thu sóng tốt.

Để sử dụng HFT, bạn cần có điện thoại tương thích *Bluetooth*. Để biết danh sách điện thoại tương thích, quy trình ghép đôi, và các tính năng đặc biệt, hãy liên hệ với một đại lý hoặc đại lý Honda ở địa phương bạn.

Để sử dụng hệ thống, phải cài đặt **Bluetooth** ở **ON** (BẬT).

Cài Đặt Điện Thoại Tr. 339

Các lưu ý khi điều khiển bằng giọng nói

- Không hướng cửa thông gió lên phía trần xe và phải đóng cửa kính lại, vì tiếng ồn từ các cửa thông gió này có thể làm nhiễu micro.
- Ấn nút khi bạn muốn gọi điện thoại bằng khẩu lệnh đã lưu. Nói rõ ràng và tự nhiên sau tiếng bíp.
- Nếu micro nhận được giọng nói của người khác, lệnh thoại có thể bị hiểu sai.
- Thay đổi âm lượng bằng cách thay đổi âm lượng của hệ thống âm thanh.

Nếu không có số Liên hệ yêu thích nào trong hệ thống, một thông báo pop up sẽ xuất hiện trên màn hình.

Liên Hệ Yêu Thích Tr. 344

Nút (Nói): Ấn để gọi điện bằng khẩu lệnh đã lưu.
Nút (Màn Hình Chính)*: Ấn để trở về màn hình chính của màn hình giao diện thông tin cho người lái.

Loại xe có đồng hồ đo loại A

Vòng Lựa Chọn Bên Trái: Ấn nút (màn hình chính), sau đó cuộn lên hoặc xuống để chọn (điện thoại) trên màn hình giao diện thông tin cho người lái, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.

Loại xe có đồng hồ đo loại B

Vòng Lựa Chọn Bên Trái: Cuộn lên hoặc xuống để chọn **Phone** trên màn hình giao diện thông tin cho người lái, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.

Khi có cuộc gọi đến, màn hình cuộc gọi đến hiển thị trên màn hình giao diện thông tin cho người lái. Bạn có thể sử dụng vòng lựa chọn bên trái để nhận cuộc gọi.

Nhận Cuộc Gọi Tr. 350

Hệ Thống Điện Thoại Rảnh Tay

Công Nghệ *Bluetooth*® Không Dây
Nhãn *Bluetooth*® và các logo được đăng ký thương hiệu do tập đoàn *Bluetooth* SIG sở hữu và việc sử dụng các nhãn này của công ty Honda Motor đều được cấp phép. Các thương hiệu và tên thương mại khác được đăng ký theo công ty sở hữu tương ứng.

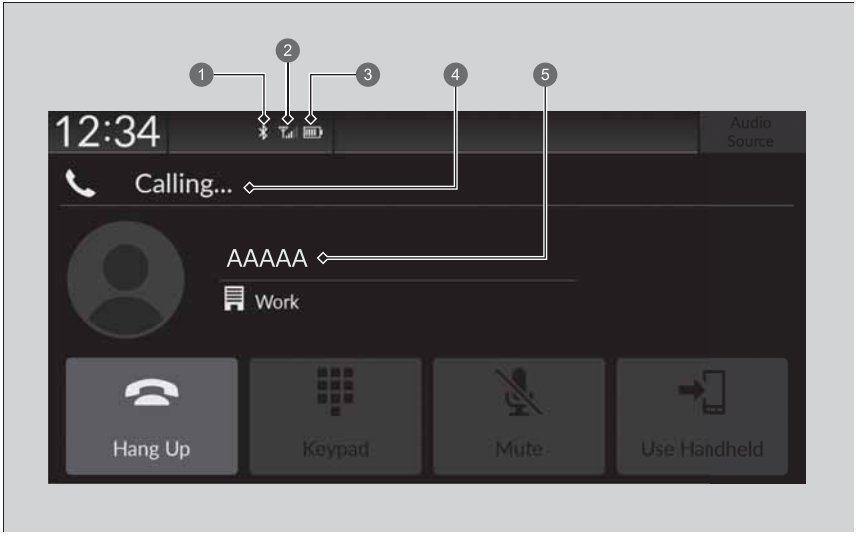
Hạn Chế của HFT
Cuộc gọi đến trên HFT sẽ làm gián đoạn hoạt động của hệ thống âm thanh khi đang phát. Hệ thống sẽ tiếp tục hoạt động khi cuộc gọi kết thúc.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Còn nữa

Màn Hình Trạng Thái HFT

Màn hình âm thanh/thông tin sẽ thông báo cho bạn khi có cuộc gọi đến.



❶ Đèn báo *Bluetooth*®
Sáng khi điện thoại được kết nối với HFT.
❷ Cường Độ Tín Hiệu
❸ Mức Pin
❹ Chế Độ HFT
❺ Tên Người Gọi (Nếu được lưu)/Số Điện Thoại Của Người Gọi (Nếu không được lưu)

Màn Hình Trạng Thái HFT

Thông tin xuất hiện trên màn hình âm thanh/thông tin sẽ khác nhau tùy thuộc vào loại điện thoại.

Hạn Chế khi Vận Hành Bằng Tay

Một số chức năng vận hành bằng tay bị vô hiệu hoá hoặc không hiển thị được trong khi xe đang chạy. Bạn không thể chọn mục mờ màu xám cho đến khi xe dừng.

Chỉ có thể gọi theo tên hoặc các số điện thoại đã lưu trước đó trong danh bạ bằng khẩu lệnh khi xe đang chạy.

Liên Hệ Yêu Thích Tr. 344

Còn nữa

Danh Mục HFT

Để sử dụng hệ thống, phải đặt chế độ nguồn ở PHỤ KIỆN hoặc BẬT. Chọn **Phone** để hiển thị màn hình điện thoại.



❶ Cài đặt
❷ Cuộc gọi gần đây
❸ Liên hệ yêu thích
❹ Danh bạ
❺ Bàn phím

Danh Mục HFT

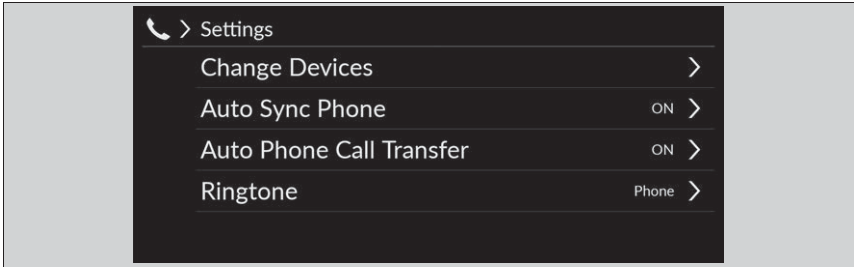
Một số chức năng sẽ bị hạn chế khi đang lái xe.

Recent calls: Hiển thị các cuộc gọi đi, cuộc gọi đến và cuộc gọi nhỡ.
➔ **Tạo cuộc gọi bằng các cuộc gọi gần đây** Tr. 348
Favourite contacts: Quay số đã chọn trong mục Liên hệ yêu thích.
➔ **Tạo cuộc gọi bằng Liên hệ yêu thích** Tr. 348
Settings: Thay đổi cài đặt điện thoại.
➔ **Màn Hình Cài Đặt Điện Thoại** Tr. 338
Contacts: Hiển thị danh bạ của điện thoại đã ghép đôi.
➔ **Tạo cuộc gọi từ danh bạ đã lưu** Tr. 349
Keypad: Nhập số điện thoại để gọi.
➔ **Tạo cuộc gọi bằng số điện thoại** Tr. 349

Còn nữa

Màn Hình Cài Đặt Điện Thoại

Để hiển thị màn hình cài đặt điện thoại, chọn **Settings** trên màn hình điện thoại.



Change Devices: Ghép đôi điện thoại mới với hệ thống và kết nối, ngắt kết nối hoặc xóa thiết bị đã được ghép đôi.

Cài Đặt Điện Thoại Tr. 339

Auto Sync Phone: Cài đặt tự động lưu danh bạ và các cuộc gọi gần đây sau khi ghép đôi điện thoại với HFT.

Tự Động Lưu Danh Bạ Điện Thoại và Cuộc Gọi Gần Đây Tr. 342

Auto Phone Call Transfer: Cài đặt cuộc gọi tự động chuyển từ điện thoại của bạn sang HFT khi bạn vào xe.

Chuyển Tự Động Tr. 343

Ringtone: Chọn nhạc chuông.

Nhạc Chuông Tr. 343

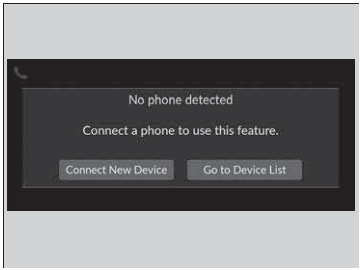
■ Cài Đặt Điện Thoại

■ Cài đặt *Bluetooth*®

Bạn có thể bật và tắt chức năng *Bluetooth*®.

1. Ấn nút HOME.
2. Chọn **General Settings**.
3. Chọn **Connections**.
4. Chọn **Bluetooth**.
5. Chọn **Options**.
6. Chọn **Bluetooth**, sau đó chọn **ON**.

Còn nữa



■ **Ghép đôi điện thoại di động (khi chưa ghép đôi điện thoại nào với hệ thống)**

1. Chọn **Phone**.
2. Chọn **Connect New Device**.
3. Đảm bảo điện thoại ở chế độ tìm kiếm hoặc có thể tìm thấy.
4. Chọn **Honda HFT** từ điện thoại của bạn.
   ► Nếu bạn muốn ghép đôi điện thoại từ hệ thống âm thanh này, chọn **Search for Devices**, sau đó chọn điện thoại của bạn khi nó xuất hiện trên danh sách.
5. Hệ thống gửi cho bạn một mã ghép đôi trên màn hình âm thanh/thông tin.
   ► Xác nhận nếu mã ghép đôi trên màn hình và mã trên điện thoại khớp nhau. Điều này có thể thay đổi tùy từng loại điện thoại.
6. Chọn các chức năng bạn muốn, sau đó chọn **Connect**.
7. Thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình nếu ghép đôi thành công.
8. Chọn **OK**.

Cài Đặt Điện Thoại

Ghép đôi điện thoại tương thích *Bluetooth* với HFT trước khi gọi hoặc nhận các cuộc gọi rảnh tay.

Các Lưu Ý Khi Ghép Đôi Điện Thoại:
- Không thể ghép đôi điện thoại khi xe đang chạy.
- Có thể ghép đôi sáu điện thoại.
- Pin điện thoại sẽ hết nhanh hơn khi ghép đôi với hệ thống.

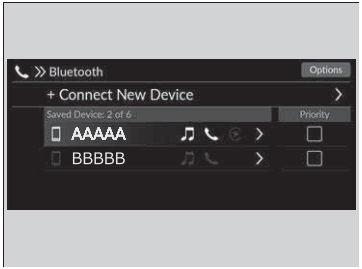
Sau khi ghép đôi điện thoại, các biểu tượng sau sẽ xuất hiện trên màn hình.

: Điện thoại tương thích với Âm Thanh *Bluetooth*®.

: Có thể sử dụng điện thoại ở chế độ HFT.

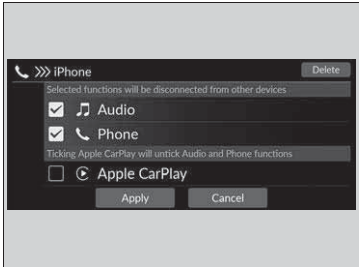
: Điện thoại tương thích với Apple CarPlay.

Nếu hệ thống kết nối với ứng dụng Apple CarPlay, thì không thể ghép đôi với các thiết bị tương thích *Bluetooth*® .



■ Thay đổi điện thoại đang ghép đôi

1. Chọn **Phone**.
2. Chọn **Settings**.
3. Chọn **Change Devices**.
4. Chọn điện thoại để kết nối.
   ►HFT ngắt điện thoại đã kết nối và bắt đầu tìm kiếm một điện thoại đã được ghép đôi khác.
   ►Bạn có thể cài đặt ưu tiên cho điện thoại được kết nối. Tích vào điện thoại bạn muốn ưu tiên.
5. Chọn (âm thanh), (điện thoại), hoặc (Ứng Dụng Apple CarPlay).
   ► Có thể chọn đồng thời và , tuy nhiên, khi đã chọn thì không thể chọn và .
6. Chọn **Apply**.



■ Xóa điện thoại đã ghép đôi

1. Chọn **Phone**.
2. Chọn **Settings**.
3. Chọn **Change Devices**.
4. Chọn điện thoại bạn muốn xóa.
5. Chọn **Delete**.
6. Thông báo xác nhận xuất hiện trên màn hình. Chọn **Delete**.

Thay đổi điện thoại đang ghép đôi

Nếu không tìm thấy hoặc không ghép đôi được với điện thoại nào khi tìm kiếm điện thoại khác, HFT sẽ thông báo cho bạn rằng điện thoại ban đầu đã được kết nối trở lại.

Để ghép đôi các điện thoại khác, chọn **+ Connect New Device** từ màn hình **Bluetooth**.

Còn nữa

■ Tự Động Lưu Danh Bạ Điện Thoại và Cuộc Gọi Gần Đây

Sau khi ghép đôi điện thoại, tất cả các số liên lạc và các cuộc gọi gần đây sẽ tự động lưu vào hệ thống.

1. Chọn **Phone**.
2. Chọn **Settings**.
3. Chọn **Auto Sync Phone**.
4. Chọn **ON** hoặc **OFF**.
► Cài đặt mặc định ở **ON**.

Tự Động Lưu Danh Bạ Điện Thoại và Cuộc Gọi Gần Đây

Trên một số điện thoại, cần cài đặt tính năng này để lưu danh bạ điện thoại.

Khi bạn chọn một liên hệ trong danh bạ điện thoại, các biểu tượng sẽ xuất hiện. Các biểu tượng này biểu thị kiểu lưu cho số điện đó.

★	Yêu Thích		Fax
	Nhà Riêng		Xe Hơi
	Di Động		Tin Nhắn Thoại
	Công Việc		Khác
	Máy Nhắn Tin		

Ở một số điện thoại, có thể không lưu được các biểu tượng vào hệ thống.

Danh bạ được cập nhật sau mỗi lần kết nối.
Các cuộc gọi gần đây sẽ được cập nhật sau mỗi lần kết nối hoặc gọi.

■ Tự Động Chuyển Cuộc Gọi

Nếu bạn vào xe khi đang nghe điện thoại, cuộc gọi đó sẽ tự động chuyển sang HFT.

1. Chọn **Phone**.
2. Chọn **Settings**.
3. Chọn **Auto Phone Call Transfer**.
4. Chọn **ON** hoặc **OFF**.
▶ Cài đặt mặc định ở **ON**.

■ Nhạc Chuông

Bạn có thể thay đổi cài đặt nhạc chuông.

1. Chọn **Phone**.
2. Chọn **Settings**.
3. Chọn **Ringtone**.
4. Chọn **Vehicle** hoặc **Phone**.
▶ Cài đặt mặc định ở **Phone**.

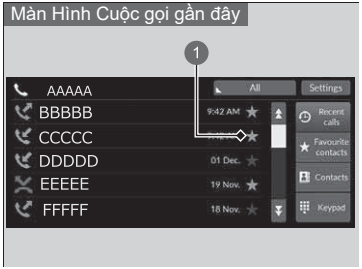
Nhạc Chuông

Vehicle: Nhạc chuông được cài sẵn phát ra từ loa.
Phone: Tùy thuộc vào hãng sản xuất và loại điện thoại di động, nhạc chuông được lưu trong điện thoại sẽ phát ra nếu điện thoại được kết nối.

Còn nữa

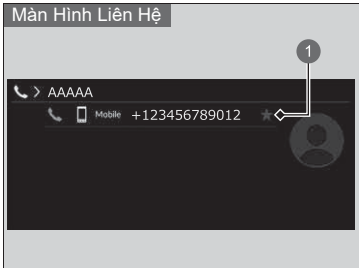
■ Liên Hệ Yêu Thích

Màn Hình Cuộc gọi gần đây



❶ Biểu Tượng Ngôi Sao

Màn Hình Liên Hệ



❶ Biểu Tượng Ngôi Sao

■ Thêm Liên hệ yêu thích

1. Chọn **Phone**.
2. Chọn **Recent calls**, **Contacts**, hoặc **Keypad**.

Từ màn hình Cuộc gọi gần đây hoặc Liên hệ

3. Chọn biểu tượng ngôi sao.

Từ màn hình Bàn phím

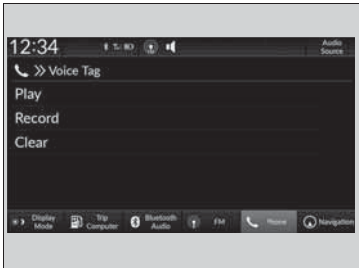
3. Chọn **Add to Favourite Contacts.**
   - ►Thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình nếu Liên hệ yêu thích được lưu thành công.
   - ►Để xóa Liên hệ yêu thích, chọn biểu tượng ngôi sao một lần nữa.

Màn Hình Bàn Phím



❶ Thêm vào Liên Hệ Yêu Thích

Còn nữa



■ Thêm khẩu lệnh vào mục Liên hệ yêu thích đã lưu

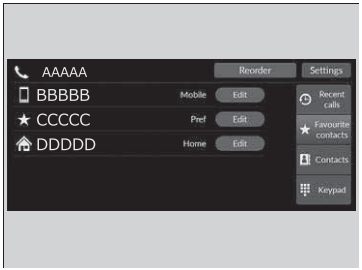
1. Chọn **Phone**.
2. Chọn **Favourite contacts**.
3. Chọn **Edit** ở mục Liên hệ yêu thích mà bạn muốn chỉnh sửa.
4. Chọn **Voice Tag**.
5. Chọn **Record**.
6. Chọn **Record**, hoặc sử dụng nút và làm theo hướng dẫn để hoàn thành khẩu lệnh.

■ Xóa khẩu lệnh

1. Chọn **Phone**.
2. Chọn **Favourite contacts**.
3. Chọn **Edit** ở mục Liên hệ yêu thích mà bạn muốn chỉnh sửa.
4. Chọn **Voice Tag**.
5. Chọn **Clear**.
6. Thông báo xác nhận xuất hiện trên màn hình. Chọn **Yes**.

»Thêm khẩu lệnh vào mục Liên hệ yêu thích đã lưu

Tránh lặp lại khẩu lệnh.
Tránh dùng “h*ome” l*àm khẩu lệnh.
Hệ thống sẽ dễ dàng nhận ra tên đầy đủ hơn. Ví dụ, dùng “*John Smith*” thay vì dùng "*John*."



■ Chỉnh sửa Liên hệ yêu thích

1. Chọn **Phone**.
2. Chọn **Favourite contacts.**
3. Chọn **Edit** ở mục Liên hệ yêu thích mà bạn muốn chỉnh sửa.
4. Chọn cài đặt bạn muốn.
5. Chọn **Done**.

■ Xóa Liên hệ yêu thích

1. Chọn **Phone**.
2. Chọn **Favourite contacts**.
3. Chọn **Edit** ở mục Liên hệ yêu thích mà bạn muốn xóa.
4. Chọn **Remove**.
5. Thông báo xác nhận xuất hiện trên màn hình. Chọn **Yes**.

Còn nữa

■ Tạo Cuộc Gọi



Tạo cuộc gọi bằng cách nhập số điện thoại bất kỳ hoặc chọn số điện thoại từ **Recent calls** (Cuộc gọi gần đây), **Favourite contacts** (Liên hệ yêu thích), và **Contacts** (Danh bạ) đã lưu.

■ Tạo cuộc gọi bằng các cuộc gọi gần đây

Các cuộc gọi gần đây được lưu thành **All** (Tất Cả), **Dialled** (Cuộc Gọi Đi), **Missed** (Cuộc Gọi Nhỡ) và **Received** (Cuộc Gọi Đến).

1. Chọn **Phone**.
2. Chọn **Recent calls**.
   ► Bạn có thể sắp xếp theo **All**, **Dialled**, **Missed**, hoặc **Received**. Chọn biểu tượng ở phía trên bên phải màn hình.
3. Chọn số liên hệ.
   ► Quay số tự động bắt đầu.

■ Tạo cuộc gọi bằng số Liên hệ yêu thích

1. Chọn **Phone**.
2. Chọn **Favourite contacts**.
   ► Bạn có thể thay đổi thứ tự các số Liên hệ yêu thích bằng cách chọn **Reorder**.
3. Chọn một số liên hệ.
   ► Quay số tự động bắt đầu.

»Tạo Cuộc Gọi

Khi cuộc gọi được kết nối, bạn sẽ nghe thấy giọng của người mà bạn đang gọi qua loa âm thanh.

Khi đang kết nối với Apple CarPlay, không thể gọi điện bằng hệ thống Điện Thoại Rảnh Tay (HFT) và chỉ được gọi từ Apple CarPlay.

»Tạo cuộc gọi bằng các cuộc gọi gần đây

Các cuộc gọi gần đây chỉ hiển thị khi điện thoại được kết nối với hệ thống.

All: Hiển thị các cuộc gọi đi, cuộc gọi đến và cuộc gọi nhỡ gần đây nhất.
Dialled: Hiển thị các cuộc gọi đi gần đây nhất.
Missed: Hiển thị các cuộc gọi nhỡ gần đây nhất.
Received: Hiển thị các cuộc gọi đến gần đây nhất.

■ **Tạo cuộc gọi bằng danh bạ đã lưu**

1. Chọn **Phone**.
2. Chọn **Contacts**.
3. Chọn tên liên hệ.
▶ Bạn có thể sắp xếp theo **First Name** (Tên Gọi) hoặc **Surname**[*1]/ **Last Name**[*2] (Họ). Chọn biểu tượng ở phía trên bên phải màn hình.
4. Chọn số liên hệ.
▶ Quay số tự động bắt đầu.

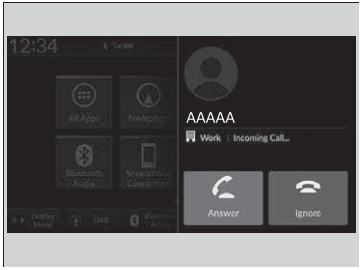
■ **Tạo cuộc gọi bằng số điện thoại**

1. Chọn **Phone**.
2. Chọn **Keypad**.
3. Nhập số điện thoại.
▶ Sử dụng bàn phím trên màn hình cảm ứng để nhập số.
4. Chọn **Call**.
▶ Quay số tự động bắt đầu.

* 1: Loại xe Hồng Kông, Ma Cao và Philippin
* 2: Ngoại trừ loại xe Hồng Kông, Ma Cao và Philippin

Còn nữa

Nhận Cuộc Gọi



Khi có cuộc gọi đến, nhạc chuông vang lên (nếu được kích hoạt) và màn hình cuộc gọi đến **Incoming Call...** xuất hiện.

Bạn có thể sử dụng vòng lựa chọn bên trái để trả lời cuộc gọi.
Để nhận cuộc gọi, cuộn lên hoặc xuống để chọn (trả lời) trên màn hình giao diện thông tin cho người lái, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.

► Nếu bạn muốn từ chối hoặc kết thúc cuộc gọi, sử dụng vòng lựa chọn bên trái để chọn (từ chối) trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

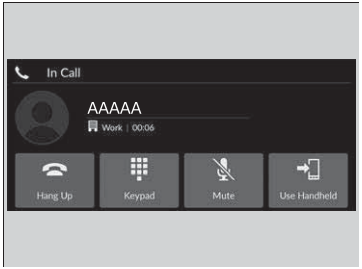
Nhận Cuộc Gọi

Cuộc Gọi Chờ
Chọn (trả lời) để giữ cuộc gọi hiện tại và trả lời cuộc gọi đến.
Chọn bằng vòng lựa chọn bên trái để trở lại cuộc gọi hiện tại.

Chọn (từ chối) để bỏ qua cuộc gọi đến nếu bạn không muốn trả lời cuộc gọi đó.
Chọn nếu bạn muốn kết thúc cuộc gọi hiện tại.

Bạn có thể chọn các biểu tượng trên màn hình âm thanh/thông tin thay vì và trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

Tùy Chọn Khi Đang Gọi



Có các tùy chọn sau khi đang gọi.
Keypad: Gửi số điện thoại trong khi gọi. Tính năng này rất hữu ích khi bạn gọi điện thoại dưới dạng danh mục.
Mute: Tắt tiếng.
Use Handheld: Chuyển cuộc gọi từ hệ thống sang điện thoại của bạn.

Các tùy chọn nằm ở nửa dưới của màn hình.

Chọn tùy chọn.

▶ Khi chọn **Mute**, biểu tượng tắt tiếng sẽ xuất hiện đồng thời màn hình nguồn khác không phải màn hình điện thoại cũng sẽ xuất hiện. Chọn **Mute** thêm 1 lần nữa để bật tiếng.

Tuỳ Chọn Khi Đang Gọi

Bạn có thể chọn các biểu tượng trên màn hình âm thanh/thông tin.

iPod/USB

Nếu xảy ra lỗi khi đang bật iPod hoặc USB, một số thông báo lỗi sau sẽ xuất hiện trên màn hình. Nếu bạn không xóa được các thông báo lỗi, hãy liên hệ với đại lý.

Thông Báo Lỗi	Giải Pháp
No response from device[*1] **Device No Response**[*2]	Xuất hiện khi hệ thống và thiết bị không liên lạc được với nhau. Nếu thông báo xuất hiện sau khi thiết bị được kết nối, hãy liên hệ với nơi bạn mua thiết bị.
Connect Retry	Xuất hiện khi hệ thống không nhận iPod. Hãy kết nối lại iPod.
Unplayable File	Xuất hiện khi các file trong USB được bảo vệ bản quyền hoặc định dạng không được hỗ trợ. Thông báo lỗi này xuất hiện trong khoảng năm giây, sau đó sẽ phát bài tiếp theo.
No Data	iPod Xuất hiện khi iPod trống. USB Xuất hiện khi USB trống hoặc không có file định dạng MP3, WMA, AAC, FLAC, PCM/WAVE, MP4, AVI, MKV, hoặc ASF/WMV trong USB. iPod và USB Kiểm tra xem thiết bị có lưu trữ các file tương thích không.
Unsupported	Xuất hiện khi kết nối với thiết bị không được hỗ trợ. Nếu thông báo này xuất hiện khi kết nối với thiết bị được hỗ trợ, hãy kết nối lại thiết bị.
USB hub not supported	Chỉ xuất hiện khi chỉ có HUB được kết nối. Nếu thông báo này xuất hiện, hãy kết nối USB với HUB.
A charging error has occurred with the connected USB device. When safe please check the compatibility of the device and USB cable and try again.	Xuất hiện khi kết nối với thiết bị không tương thích. Ngắt kết nối thiết bị. Sau đó tắt hệ thống âm thanh và bật lại. Không kết nối lại với thiết bị đã gây ra lỗi.

* 1: Loại xe Hồng Kông, Ma Cao và Philippin
* 2: Ngoại trừ loại xe Hồng Kông, Ma Cao và Philippin

iPod, iPhone và USB Tương Thích

Loại iPod và iPhone Tương Thích

Loại
Sản xuất cho iPod (thế hệ thứ 5 và thế hệ thứ 6) phát hành từ năm 2012 đến năm 2015
Sản xuất cho iPhone4S/iPhone 5/iPhone 5s/iPhone 5c/iPhone 6/iPhone 6 Plus/ iPhone 6S/iPhone 6S Plus/iPhone SE/iPhone 7/iPhone 7 Plus/iPhone 8/ iPhone 8 Plus/ iPhone X/iPhone XS/iPhone XS Max/iPhone XR/iPhone 11/ iPhone 11 Pro/iPhone 11 Pro Max

USB

- Nên sử dụng USB có dung lượng từ 256 MB trở lên.
- Một số đầu phát âm thanh kỹ thuật số có thể không tương thích.
- Một số USB (ví dụ: thiết bị có khóa bảo vệ) có thể không hoạt động.
- Một số file phần mềm có thể không cho phép phát âm thanh hoặc hiển thị văn bản dữ liệu.
- Mỗi hệ thống âm thanh tương thích với các phiên bản định dạng như MP3, WMA, AAC, FLAC, PCM/WAVE, MP4, AVI, MKV, ASF/WMV. Một số phiên bản định dạng có thể không được hỗ trợ.

Loại iPod và iPhone Tương Thích

Hệ thống này có thể không hoạt động được với tất cả các phiên bản phần mềm của các thiết bị này.

USB

Các file trong USB được phát theo thứ tự được lưu. Thứ tự này có thể khác so với thứ tự hiển thị trên máy tính hoặc thiết bị khác.

Còn nữa

■ Các Thiết Bị Khuyên Dùng

■ File MP4

Thiết Bị	USB	
Profile (phiên bản MP4)	Profile Cơ Sở/Mức 3, MailProfile/Mức 3.1 (MPEG4-AVC)	Profile Đơn/Mức 5 (MPEG4)
Đuôi file (phiên bản MP4)	.mp4/.m4v	
Codec âm thanh tương thích	AAC, MP3	
Codec video tương thích	MPEG4-AVC (H.264)	MPEG4 (ISO/IEC 14496 Part.2)
Tốc độ truyền dữ liệu bit	10 Mbps, 14 Mbps (MPEG4-AVC)	8 Mbps (MPEG4)
Dung lượng ảnh tối đa	1.280 × 720 pixels (MPEG4-AVC)	720 × 576 pixels (MPEG4)

■ File AVI

Thiết Bị	USB		
Profile (phiên bản AVI)	Profile Cơ Sở/Mức 3, MailProfile/Mức 3.1 (MPEG4-AVC)	Profile Đơn/Mức 5 (MPEG4)	Profile Cao Cấp/Mức 2, Profile Chính/Mức Trung Bình, Profile Đơn/Mức Trung Bình (VC-1)
Đuôi file (phiên bản AVI)	.avi		
Codec âm thanh tương thích	AAC, MP3, WMA		
Codec video tương thích	MPEG4-AVC (H.264)	MPEG4 (ISO/IEC 14496 Part.2)	VC-1
Tốc độ truyền dữ liệu bit	10 Mbps, 14 Mbps (MPEG4-AVC)	8 Mbps (MPEG4)	20 Mbps, 10 Mbps, 384 kbps (VC-1)
Dung lượng ảnh tối đa	1.280 × 720 pixels (MPEG4-AVC)	720 × 576 pixels (MPEG4)	1.280 × 720 pixels, 720 x 480 pixels, 352 x 288 pixels (VC-1)

■ **File MKV**

Thiết Bị	USB		
Profile (phiên bản MKV)	Profile Cơ Sở/Mức 3, MailProfile/Mức 3.1 (MPEG4-AVC)	Profile Cơ Sở/Mức 5 (MPEG4)	Profile Cao Cấp/Mức 2, Profile Chính/Mức Trung Bình, Profile Đơn/Mức Trung Bình (VC-1)
Đuôi file (phiên bản MKV)	.mkv		
Codec âm thanh tương thích	AAC, MP3		
Codec video tương thích	MPEG4-AVC (H.264)	MPEG4 (ISO/IEC 14496 Part.2)	VC-1
Tốc độ truyền dữ liệu bit	10 Mbps, 14 Mbps (MPEG4-AVC)	8 Mbps (MPEG4)	20 Mbps, 10 Mbps, 384 kbps (VC-1)
Dung lượng ảnh tối đa	1.280 × 720 pixels (MPEG4-AVC)	720 × 576 pixels (MPEG4)	1.280 × 720 pixels, 720 x 480 pixels, 352 x 288 pixels (VC-1)

■ **File ASF/WMV**

Thiết Bị	USB	
Profile (phiên bản ASF/WMV)	Profile Cơ Sở/Mức 3, MailProfile/Mức 3.1 (MPEG4-AVC)	Profile Cao Cấp/Mức 2, Profile Chính/Mức Trung Bình, Profile Đơn/Mức Trung Bình (VC-1)
Đuôi file (phiên bản ASF/WMV)	.asf/.wmv	
Codec âm thanh tương thích	WMA	
Codec video tương thích	MPEG4-AVC (H.264)	VC-1
Tốc độ truyền dữ liệu bit	10 Mbps, 14 Mbps (MPEG4- AVC)	20 Mbps, 10 Mbps, 384 kbps (VC-1)
Dung lượng ảnh tối đa	1.280 × 720 pixels (MPEG4-AVC)	1.280 × 720 pixels, 720 x 480 pixels, 352 x 288 pixels (VC-1)

Giấy Phép Mã Nguồn Mở

Để xem thông tin giấy phép mã nguồn mở, hãy thực hiện theo các bước sau.

1. Chọn **General Settings**.
2. Chọn **System**.
3. Chọn **Detail Information**.

Thông Tin Giấy Phép

Bluetooth

Nhãn *Bluetooth*® và các logo được đăng ký thương hiệu do tập đoàn Bluetooth SIG sở hữu và việc sử dụng các nhãn này của công ty Panasonic Automotive Systems đều được cấp phép.
Các thương hiệu và tên thương mại khác được đăng ký theo công ty sở hữu tương ứng.

Nhãn *Bluetooth*® và các logo được đăng ký thương hiệu do tập đoàn Bluetooth SIG sở hữu và việc sử dụng các nhãn này của công ty MITSUBISHI ELECTRIC đều được cấp phép. Các thương hiệu và tên thương mại khác được đăng ký theo công ty sở hữu tương ứng.

https://www.bluetooth.com/develop-with-bluetooth/marketing-branding/

Windows Media

Sản phẩm này được bảo hộ bởi một số quyền sở hữu trí tuệ của Microsoft. Không được phép sử dụng hoặc phân phối sản phẩm này ra bên ngoài nếu không có giấy phép từ Microsoft.

Còn nữa

■ Apple

"Made for iPod" (Dành cho iPod), và "Made for iPhone" (Dành cho iPhone), nghĩa là phụ kiện điện tử đó được thiết kế để kết nối riêng với iPod hoặc iPhone và đã được nhà phát triển chứng nhận đáp ứng các tiêu chuẩn về hiệu suất của Apple. Apple không chịu trách nhiệm về việc hoạt động của thiết bị này hay việc tuân thủ các tiêu chuẩn an toàn và quy định. Xin lưu ý rằng việc sử dụng phụ kiện này với iPod hoặc iPhone, có thể ảnh hưởng đến hiệu suất hoạt động của mạng không dây.
Apple, Logo của Apple, iPhone, iPod touch là các nhãn hiệu của Apple Inc., được đăng ký tại Hoa Kỳ và các quốc gia khác. Apple CarPlay, iPod, iPhone, iTunes, Siri và Lightning là các nhãn hiệu của Apple Inc. App Store là một nhãn hiệu dịch vụ của Apple Inc.

Made for
iPhone | iPod

MPEG

Mpeg4 Visual
SẢN PHẨM NÀY ĐƯỢC CẤP PHÉP THEO MPEG-4 VISUAL PATENT PORTFOLIO CHO CÁ NHÂN VÀ HOẠT ĐỘNG PHI THƯƠNG MẠI SỬ DỤNG ĐỂ (i) MÃ HÓA VIDEO THEO TIÊU CHUẨN MPEG-4 VISUALA ("VIDEO MPEG-4") VÀ/HOẶC (ii) GIẢI MÃ VIDEO MPEG-4 ĐÃ ĐƯỢC MÃ HÓA BỞI NGƯỜI TIÊU DÙNG TRONG HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN HOẶC PHI THƯƠNG MẠI VÀ/HOẶC ĐƯỢC TẠO RA TỪ MỘT NHÀ CUNG CẤP VIDEO ĐÃ ĐƯỢC MPEG LA CẤP PHÉP ĐỂ CUNG CẤP VIDEO MPEG-4. KHÔNG ĐƯỢC CẤP PHÉP HOẶC NGỤ Ý CẤP PHÉP CHO BẤT CỨ MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG NÀO KHÁC. CÓ THỂ XEM THÔNG TIN BỔ SUNG BAO GỒM THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN MỤC ĐÍCH QUẢNG CÁO, NỘI BỘ, THƯƠNG MẠI VÀ CẤP PHÉP TỪ MPEG LA, LLC.
XEM TẠI HTTP://WWW.MPEGLA.COM.

VC-1
SẢN PHẨM NÀY ĐƯỢC CẤP PHÉP THEO VC-1 PATENT PORTFOLIO CHO CÁ NHÂN VÀ HOẠT ĐỘNG PHI THƯƠNG MẠI SỬ DỤNG ĐỂ (i) MÃ HÓA VIDEO THEO TIÊU CHUẨN VC-1 (“VC-1 VIDEO”) VÀ/HOẶC (ii) GIẢI MÃ VIDEO VC-1 ĐÃ ĐƯỢC MÃ HÓA BỞI NGƯỜI TIÊU DÙNG TRONG HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN HOẶC PHI THƯƠNG MẠI VÀ/HOẶC ĐƯỢC TẠO RA TỪ MỘT NHÀ CUNG CẤP VIDEO ĐÃ ĐƯỢC CẤP PHÉP ĐỂ CUNG CẤP VIDEO VC-1. KHÔNG ĐƯỢC CẤP PHÉP HOẶC NGỤ Ý CẤP PHÉP CHO BẤT CỨ MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG NÀO KHÁC.
CÓ THỂ XEM THÔNG TIN BỔ SUNG TỪ MPEG LA, L.L.C.
XEM TẠI TTP://WWW.MPEGLA.COM.

Còn nữa

AVC/H.264
SẢN PHẨM NÀY ĐƯỢC CẤP PHÉP THEO AVC PATENT PORTFOLIO CHO CÁ NHÂN VÀ HOẠT ĐỘNG PHI THƯƠNG MẠI SỬ DỤNG ĐỂ (i) MÃ HÓA VIDEO THEO TIÊU CHUẨN AVC (“AVC VIDEO”) VÀ/HOẶC (ii) GIẢI MÃ VIDEO AVC ĐÃ ĐƯỢC MÃ HÓA BỞI NGƯỜI TIÊU DÙNG TRONG HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN HOẶC PHI THƯƠNG MẠI VÀ/HOẶC ĐƯỢC TẠO RA TỪ MỘT NHÀ CUNG CẤP VIDEO ĐÃ ĐƯỢC CẤP PHÉP ĐỂ CUNG CẤP VIDEO AVC. KHÔNG ĐƯỢC CẤP PHÉP HOẶC NGỤ Ý CẤP PHÉP CHO BẤT CỨ MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG NÀO KHÁC.
CÓ THỂ XEM THÔNG TIN BỔ SUNG TỪ MPEG LA, L.L.C.
XEM TẠI *HTTP://WWW.MPEGLA.COM.*

Thông Tin Pháp Lý về Ứng Dụng Apple CarPlay/Android Auto

■ BẢN QUYỀN TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG/TUYÊN BỐ TRÁCH NHIỆM

VIỆC SỬ DỤNG ỨNG DỤNG APPLE CARPLAY TUÂN THEO THOẢ THUẬN GIỮA BẠN VÀ CÁC ĐIỀU KHOẢN SỬ DỤNG ỨNG DỤNG CARPLAY, BAO GỒM CÁC ĐIỀU KHOẢN SỬ DỤNG HỆ ĐIỀU HÀNH iOS CỦA APPLE. TÓM LẠI, CÁC ĐIỀU KHOẢN SỬ DỤNG ỨNG DỤNG CARPLAY QUY ĐỊNH APPLE VÀ CÁC NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ CỦA APPLE KHÔNG PHẢI CHỊU TRÁCH NHIỆM NẾU CÁC DỊCH VỤ KHÔNG HOẠT ĐỘNG HIỆU QUẢ HOẶC BỊ NGƯNG SỬ DỤNG, HẠN CHẾ TỐI ĐA CÁC TRÁCH NHIỆM KHÁC CỦA APPLE VÀ CÁC NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ CỦA APPLE, ĐỒNG THỜI CÁC ĐIỀU KHOẢN CÒN MIÊU TẢ CÁC THÔNG TIN CỦA NGƯỜI SỬ DỤNG ĐƯỢC APPLE VÀ CÁC NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ CỦA APPLE THU THẬP VÀ LƯU TRỮ (BAO GỒM: VỊ TRÍ CỦA XE, TỐC ĐỘ XE VÀ TRẠNG THÁI CỦA XE). CÁC ĐIỀU KHOẢN SỬ DỤNG CŨNG CÔNG KHAI CÁC RỦI RO CÓ THỂ XẢY RA LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG ỨNG DỤNG CARPLAY, BAO GỒM: KHẢ NĂNG MẤT TẬP TRUNG CỦA NGƯỜI LÁI. HÃY XEM CHÍNH SÁCH BẢO MẬT RIÊNG CỦA APPLE ĐỂ BIẾT THÊM CHI TIẾT LIÊN QUAN ĐẾN CÁCH SỬ DỤNG VÀ XỬ LÝ DỮ LIỆU CỦA APPLE ĐƯỢC TẢI LÊN BỞI ỨNG DỤNG CARPLAY.

VIỆC SỬ DỤNG ANDROID AUTO TUÂN THEO THOẢ THUẬN CỦA BẠN VỀ CÁC ĐIỀU KHOẢN SỬ DỤNG ỨNG DỤNG ANDROID AUTO VÀ PHẢI ĐƯỢC CHẤP THUẬN KHI ỨNG DỤNG ANDROID AUTO ĐƯỢC TẢI VỀ ĐIỆN THOẠI CHẠY HỆ ĐIỀU HÀNH ANDROID CỦA BẠN. TÓM LẠI, CÁC ĐIỀU KHOẢN SỬ DỤNG ỨNG DỤNG ANDROID AUTO QUY ĐỊNH GOOGLE VÀ CÁC NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ CỦA GOOGLE KHÔNG PHẢI CHỊU TRÁCH NHIỆM NẾU CÁC DỊCH VỤ KHÔNG HOẠT ĐỘNG HIỆU QUẢ HOẶC BỊ NGƯNG SỬ DỤNG, HẠN CHẾ TỐI ĐA CÁC TRÁCH NHIỆM KHÁC CỦA GOOGLE VÀ CÁC NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ CỦA GOOGLE, ĐỒNG THỜI CÁC ĐIỀU KHOẢN CÒN MIÊU TẢ CÁC THÔNG TIN CỦA NGƯỜI SỬ DỤNG ĐƯỢC GOOGLE VÀ CÁC NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ CỦA GOOGLE THU THẬP VÀ LƯU TRỮ (BAO GỒM: VỊ TRÍ CỦA XE, TỐC ĐỘ XE, VÀ TRẠNG THÁI CỦA XE). CÁC ĐIỀU KHOẢN SỬ DỤNG CŨNG CÔNG KHAI CÁC RỦI RO CÓ THỂ XẢY RA LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG ỨNG DỤNG ANDROID AUTO, BAO GỒM: KHẢ NĂNG MẤT TẬP TRUNG CỦA NGƯỜI LÁI. HÃY XEM CHÍNH SÁCH BẢO MẬT RIÊNG CỦA GOOGLE ĐỂ BIẾT THÊM CHI TIẾT LIÊN QUAN ĐẾN CÁCH SỬ DỤNG VÀ VIỆC XỬ LÝ DỮ LIỆU CỦA GOOGLE ĐƯỢC TẢI LÊN BỞI ỨNG DỤNG ANDROID AUTO.

THÔNG BÁO MIỄN TRỪ BẢO HÀNH; GIỚI HẠN TRÁCH NHIỆM

BẠN HOÀN TOÀN HIỂU VÀ ĐỒNG Ý RẰNG VIỆC SỬ DỤNG ỨNG DỤNG APPLE CARPLAY HOẶC ANDROID AUTO ("CÁC ỨNG DỤNG") LÀ CÓ RỦI RO, RẰNG BẠN SẼ CHỊU TOÀN BỘ RỦI RO Ở MỨC CAO NHẤT LIÊN QUAN ĐẾN CHẤT LƯỢNG, HIỆU SUẤT, ĐỘ CHÍNH XÁC VÀ ỨNG SUẤT CỦA CÁC ỨNG DỤNG THEO LUẬT HIỆN HÀNH CHO PHÉP. ĐỒNG THỜI BẠN CŨNG CHẤP NHẬN RẰNG CÁC ỨNG DỤNG VÀ THÔNG TIN TRÊN CÁC ỨNG DỤNG ĐƯỢC CUNG CẤP VỚI ĐIỀU KHOẢN "NGƯỜI SỬ DỤNG CHỊU HOÀN TOÀN CÁC LỖI GÂY RA MÀ KHÔNG PHẢI DO PHẦN MỀM", CHO TẤT CẢ CÁC LỖI VÀ NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ KHÔNG PHẢI BẢO HÀNH BẤT KỲ LỖI NÀO. HONDA KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM VỚI MỌI HÌNH THỨC BẢO HÀNH VÀ ĐIỀU KIỆN NÀO LIÊN QUAN ĐẾN CÁC ỨNG DỤNG VÀ THÔNG TIN TRÊN ỨNG DỤNG. CÁC THÔNG TIN ĐÓ CÓ THỂ ĐƯỢC NÊU RA RÕ RÀNG, ĐƯỢC NGẦM ĐỊNH HAY THEO LUẬT ĐỊNH BAO GỒM, NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN, CÁC BẢO ĐẢM VÀ/HOẶC CÁC ĐIỀU KIỆN NGẦM ĐỊNH VỀ TÍNH THƯƠNG MẠI CỦA SẢN PHẨM, SỰ HÀI LÒNG VỀ CHẤT LƯỢNG, SỰ PHÙ HỢP VỚI MỖI MỤC ĐÍCH CỤ THỂ, ĐỘ CHÍNH XÁC, VẬN HÀNH ỔN ĐỊNH, VÀ KHÔNG VI PHẠM BẢN QUYỀN CỦA BÊN THỨ BA. HONDA KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM BẢO HÀNH CHO CÁC THÔNG TIN TRUYỀN MIỆNG HOẶC BẰNG VĂN BẢN HAY LỜI KHUYÊN ĐƯỢC HONDA HOẶC ĐẠI DIỆN UỶ QUYỀN CỦA HONDA ĐƯA RA. VÍ DỤ, VÀ KHÔNG HẠN CHẾ, HONDA KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM BẢO HÀNH CHO CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC CUNG CẤP DỮ LIỆU BỞI CÁC ỨNG DỤNG NHƯ: ĐỘ CHÍNH XÁC CỦA CÁC HƯỚNG DẪN, THỜI GIAN HÀNH TRÌNH ƯỚC TÍNH, CÁC GIỚI HẠN TỐC ĐỘ, CÁC ĐIỀU KIỆN ĐƯỜNG XÁ, BẢN TIN, THỜI TIẾT, GIAO THÔNG, VÀ NỘI DUNG KHÁC ĐƯỢC CUNG CẤP BỞI APPLE, GOOGLE, CÁC CÔNG TY CHI NHÁNH CỦA HỌ, HOẶC BÊN CUNG CẤP THỨ BA; HONDA KHÔNG ĐẢM BẢO GIÚP BẠN TRÁNH ĐƯỢC VIỆC BỊ MẤT DỮ LIỆU ỨNG DỤNG VÌ CÁC DỮ LIỆU ỨNG DỤNG CÓ THỂ BỊ MẤT BẤT CỨ KHI NÀO; HONDA KHÔNG ĐẢM BẢO RẰNG CÁC ỨNG DỤNG HOẶC BẤT KỲ DỊCH VỤ NÀO ĐƯỢC CUNG CẤP THÔNG QUA GOOGLE VÀ APPLE,V.V. SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP Ở BẤT CỨ THỜI GIAN NÀO, VÀ KHÔNG ĐẢM BẢO RẰNG ỨNG DỤNG BẤT KỲ HOẶC TẤT CẢ CÁC DỊCH VỤ SẼ CÓ SẴN TRONG MỘT THỜI GIAN HOẶC VỊ TRÍ CỤ THỂ. VÍ DỤ: CÁC DỊCH VỤ CÓ THỂ BỊ NGƯNG HOẶC GIÁN ĐOẠN MÀ KHÔNG CÓ THÔNG BÁO VỀ SỬA CHỮA, BẢO DƯỠNG, SỬA LỖI BẢO MẬT, CẬP NHẬT, V.V. CÁC DỊCH VỤ CÓ THỂ KHÔNG CÓ SẴN TRONG KHU VỰC HOẶC VỊ TRÍ CỦA BẠN, V.V. NGOÀI RA, BẠN PHẢI HIỂU RẰNG CÁC THAY ĐỔI VỀ CÔNG NGHỆ CỦA BÊN THỨ BA HOẶC QUY ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ CÓ THỂ GIỚI HẠN CÁC DỊCH VỤ VÀ/HOẶC CÁC ỨNG DỤNG ĐÃ LỖI THỜI VÀ/HOẶC KHÔNG THỂ SỬ DỤNG ĐƯỢC.

TRONG PHẠM VI LUẬT CHO PHÉP, HONDA VÀ CÁC CÔNG TY CHI NHÁNH CỦA HONDA KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CÁC THƯƠNG TÍCH, HOẶC BẤT KỲ THIỆT HẠI NGẪU NHIÊN, ĐẶC BIỆT, GIÁN TIẾP HOẶC CÁC THIỆT HẠI MANG TÍNH HẬU QUẢ NÀO BAO GỒM, NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN, NHỮNG THIỆT HẠI GÂY THUA LỖ, LÀM HỎNG HOẶC MẤT DỮ LIỆU, KHÔNG TRUYỀN HOẶC NHẬN ĐƯỢC DỮ LIỆU, GIÁN ĐOẠN CÁC GIAO DỊCH KINH DOANH HOẶC BẤT KỲ THIỆT HẠI HOẶC THUA LỖ TRONG KINH DOANH PHÁT SINH THÊM HAY LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ KHÔNG THỂ SỬ DỤNG ĐƯỢC CÁC ỨNG DỤNG HAY THÔNG TIN VỀ CÁC ỨNG DỤNG, VÌ BẤT KỲ LÝ DO GÌ, KHÔNG PHẢI DO VẤN ĐỀ VỀ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ (HỢP ĐỒNG, SAI SÓT HOẶC CÁC VẤN ĐỀ KHÁC) VÀ NGAY CẢ NẾU HONDA ĐÃ ĐƯỢC KHUYẾN NGHỊ VỀ KHẢ NĂNG XẢY RA NHỮNG TỔN HẠI NHƯ VẬY. MỘT SỐ KHU VỰC, QUỐC GIA CÓ THỂ KHÔNG CHẤP NHẬN VIỆC LOẠI TRỪ VÀ HẠN CHẾ VỀ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ ĐỐI VỚI THIỆT HẠI ĐÃ XẢY RA, VÌ THẾ NHỮNG GIỚI HẠN VÀ LOẠI TRỪ NÀY CÓ THỂ SẼ KHÔNG ĐƯỢC ÁP DỤNG CHO BẠN. CÁC GIỚI HẠN TRÊN SẼ ĐƯỢC ÁP DỤNG NGAY CẢ KHI CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC NÊU TRÊN KHÔNG ĐẠT ĐƯỢC MỤC ĐÍCH CƠ BẢN CỦA NÓ.

Giới Thiệu Về Honda LogR

Honda LogR có chức năng giám sát các điều kiện lái và cho phép bạn ghi lại các điều kiện đó. Việc kiểm tra dữ liệu đã ghi trên màn hình âm thanh/thông tin hoặc tải dữ liệu đó lên máy chủ*1 sẽ giúp bạn so sánh dữ liệu đó với dữ liệu của những người dùng khác.

Honda LogR có hai chế độ:

- Chế Độ Chấm Điểm Tự Động:
  Đánh giá hiệu suất lái trong các tình huống hàng ngày.
  Chế Độ Chấm Điểm Tự Động Tr. 367
- Chế Độ Ghi Dữ Liệu
  Cho phép bạn ghi lại và phân tích dữ liệu lái của bạn.
  Chế Độ Ghi Dữ Liệu Tr. 373

Tham khảo phần nội dung ở danh mục tùy chọn để biết thêm chi tiết về từng chế độ.

Cài Đặt Tr. 385



1 Honda LogR

*1: Ngoại trừ loại xe Hồng Kông và Ma Cao

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Honda LogR*

Khi bán hoặc chuyển nhượng quyền sở hữu xe, khách hàng phải khởi tạo hệ thống. Nếu không được người dùng đồng ý, không được sử dụng ứng dụng.

Cài Đặt Tr. 385

Khi không có bộ điều khiển viễn thông (TCU), hãy sử dụng Honda LogR thông qua Wi-Fi.

Không thể sử dụng được một số tính năng trong khi lái xe.

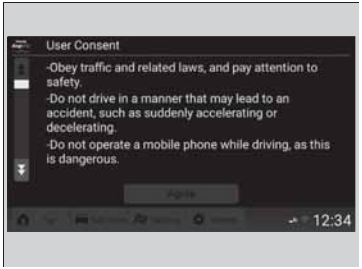
Một số tính năng không thể tương tác với chức năng bản đồ.

Sau khi khởi động động cơ, có thể không ghi được dữ liệu trong một khoảng thời gian nhất định.

Tùy thuộc vào điều kiện lái xe hoặc trạng thái kết nối, một số tính năng có thể không khả dụng.

Khởi Tạo Cài Đặt

Lần đầu tiên sử dụng Honda LogR, bạn phải đọc và đồng ý với thỏa thuận người dùng trước khi sử dụng ứng dụng này.



1. Chọn **Honda LogR** trên màn hình chính.
2. Sau khi xác nhận thỏa thuận người dùng, chọn **Agree**.
3. Kiểm tra màn hình hướng dẫn, sau đó chọn **Start**.
   ▶ Nếu bạn chọn **Previous**, hệ thống sẽ trở lại màn hình thỏa thuận người dùng.

Giám Sát Hiệu Suất

Bạn có thể kiểm tra tình trạng xe của mình và xem điểm số cá nhân cho các vùng hiệu suất khác nhau.
Có năm màn hình và bạn có thể chuyển giữa các màn hình nếu cần.

Hình Ảnh	Tên Hình Ảnh	Mô Tả
	Màn Hình Mặc Định	Hiển thị hành vi của xe ở giữa màn hình và thông tin về xe được hiển thị theo thời gian thực ở bên trái và bên phải màn hình. Có thể thay đổi màn hình xe 3D ở giữa thành máy đo trọng lực G, hiển thị cường độ và hướng của các lực tác động lên xe. Bạn có thể cài đặt giá trị giới hạn cho một số thông tin về xe. Nếu vượt qua giới hạn, màn hình số tương ứng sẽ đổi màu. Bạn có thể thay đổi các giá trị giới hạn và điều chỉnh mục nào được hiển thị trên màn hình trong danh mục tùy chọn. ➲ **Cài Đặt** Tr. 385
	Chấm Điểm Tự Động Trực Tiếp	Kiểm tra hiệu suất ở các khu vực khác nhau như tăng tốc và giảm tốc trong các tình huống lái xe hàng ngày và áp dụng điểm số cho từng tình huống đó trong thời gian thực. Tham khảo phần nội dung ở danh mục tùy chọn để biết thêm chi tiết về từng mục được hiển thị tại đây. ➲ **Cài Đặt** Tr. 385

Còn nữa

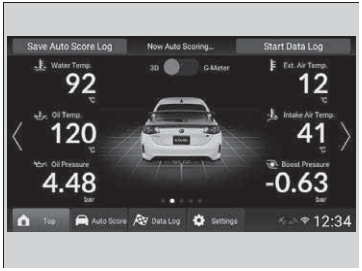
Hình Ảnh	Tên Hình Ảnh	Mô Tả
	Hiển Thị Vòng Tròn Ma Sát Lốp Xe	Hiển thị hành vi của xe ở giữa màn hình và các lực tác dụng lên từng lốp xe bằng các vòng tròn ma sát của lốp xe. Có thể thay đổi màn hình xe 3D ở giữa thành máy đo trọng lực G, hiển thị hướng và độ lớn của các lực tác động lên xe. Tham khảo phần nội dung ở danh mục tùy chọn để biết thêm chi tiết. ➔ **Cài Đặt** Tr. 385
	Hiển Thị Bảng Điều Khiển	Hiển thị thông tin xe theo thời gian thực. Bạn có thể cài đặt giá trị giới hạn cho một số thông tin về xe. Nếu vượt qua giới hạn, màn hình số tương ứng sẽ đổi màu. Bạn có thể thay đổi các giá trị giới hạn và điều chỉnh mục nào được hiển thị trên màn hình trong danh mục tùy chọn. ➔ **Cài Đặt** Tr. 385
	Ghi Dữ Liệu Đo Được	Chế độ này giúp theo dõi việc lái xe, hiển thị thời gian trôi qua và thông tin về xe trong thời gian thực.

Chế Độ Chấm Điểm Tự Động

Chế độ này dùng cho các tình huống lái xe hàng ngày.
Khi bạn bật Honda LogR, chế độ Chấm Điểm Tự Động sẽ tự động được chọn.
Tham khảo phần nội dung trong danh mục tùy chọn để biết thêm chi tiết.

Cài Đặt Tr. 385

■ Lưu Lịch Sử Chấm Điểm Tự Động



Chọn **Save Auto Score Log** ở phía trên cùng của màn hình giám sát hiệu suất.

▶ Quá trình lưu sẽ bị hủy nếu bạn chuyển từ màn hình giám sát hiệu suất sang một màn hình khác trước khi quá trình lưu hoàn tất.

Chế Độ Chấm Điểm Tự Động

Khi bạn muốn TẮT chế độ Chấm Điểm Tự Động, bạn có thể tùy chọn trên màn hình **Cài Đặt**.

Cài Đặt Tr. 385

Bạn có thể ghi dữ liệu liên tục lên đến 99:59,99. Sau 99:59,99, dữ liệu sẽ bắt đầu ghi lại từ đầu.

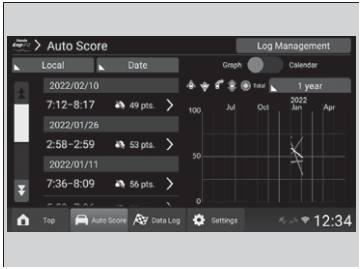
Lưu Lịch Sử Chấm Điểm Tự Động

Lịch sử Chấm Điểm Tự Động vẫn được lưu ngay cả khi chế độ nguồn ở TẮT MÁY.

Còn nữa

Kiểm Tra Lịch Sử Chấm Điểm Tự Động

Chọn **Auto Score** ở cuối màn hình giám sát hiệu suất để kiểm tra dữ liệu Chấm Điểm Tự Động đã ghi trước đó. Trên màn hình lịch sử Chấm Điểm Tự Động sẽ xuất hiện biểu đồ hiển thị quá trình chuyển tiếp việc đánh giá cho từng tình huống, chẳng hạn như tăng tốc và giảm tốc. Ngoài ra, bạn có thể tìm kiếm điểm theo ngày và dữ liệu có thể được sắp xếp theo ngày và điểm.



Chọn **Auto Score** ở cuối màn hình giám sát hiệu suất.

Bạn có thể tìm kiếm theo ngày.

1. Chọn **Calendar** ở trên cùng màn hình.
2. Chọn ngày.

Bạn có thể sắp xếp lịch sử của bạn.

1. Chọn **Date**.
2. Chọn một danh mục để sắp xếp dữ liệu theo danh mục.

Ngoại trừ loại xe Hồng Kông và Ma Cao

Bạn có thể thay đổi vị trí lưu dữ liệu sang **Local**/ **My Server**.

1. Chọn **Local**.
2. Chọn một vị trí lưu dữ liệu ở **Local**/ **My Sever**.

Kiểm Tra Lịch Sử Chấm Điểm Tự Động

Ngày và kiểu hiển thị 12/24 giờ phù hợp với cài đặt màn hình giải trí chính.

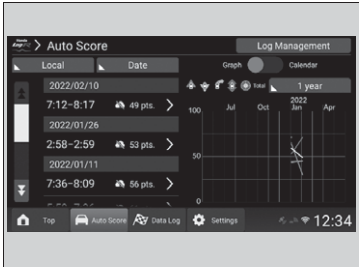
➔ **Cài Đặt** Tr. 385

Tham khảo phần nội dung ở danh mục tùy chọn để biết thêm chi tiết về cách chấm điểm.

➔ **Cài Đặt** Tr. 385

Nếu ngày thay đổi trong khi lái xe, dữ liệu tương ứng sẽ được hiển thị bên dưới ngày trước đó.

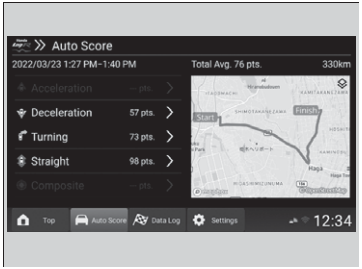
Kiểm Tra Lịch Sử Chấm Điểm Tự Động Chi Tiết

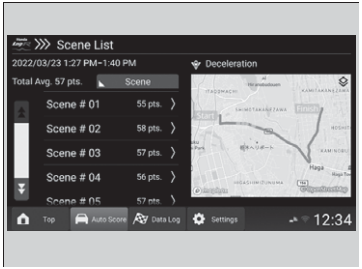


Chọn một mục lịch sử để xem thông tin chi tiết.

Bạn có thể xem từng bản ghi riêng biệt cho từng mục hiệu suất đã được ghi. Chọn ngày giờ bạn muốn xem.

- ▶ Điểm số và lộ trình riêng biệt được hiển thị tương ứng với hiệu suất lái như tăng tốc và giảm tốc.
- ▶ Chọn vùng hiệu suất để xem thông tin chi tiết.





Bạn có thể sắp xếp lịch sử của bạn.

1. Chọn **Scene**.
2. Chọn một danh mục để sắp xếp dữ liệu theo danh mục.

Kiểm Tra Lịch Sử Chấm Điểm Tự Động Chi Tiết

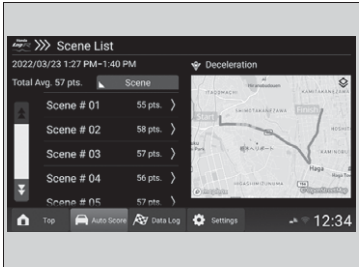
Tham khảo phần nội dung ở danh mục tùy chọn để biết thêm chi tiết về cách chấm điểm.

Cài Đặt Tr. 385

Chọn biểu tượng trên bản đồ để chuyển giữa chế độ xem bản đồ và chế độ xem trên không.

Còn nữa

Kiểm Tra Nhật Ký Chấm Điểm Chi Tiết cho Lịch Sử Chấm Điểm Tự Động



Bạn có thể chọn một vị trí trong vùng hiệu suất để xem thông tin chi tiết.

Chọn biểu tượng phát để xem quá trình di chuyển của dữ liệu.





Chọn để phóng to biểu đồ. Sau khi phóng to, bạn có thể điều chỉnh tỷ lệ. Chụm ngón tay vào hoặc ra để điều chỉnh trục dọc và chọn biểu tượng để điều chỉnh trục ngang.

Kiểm Tra Nhật Ký Chấm Điểm Chi Tiết cho Lịch Sử Chấm Điểm Tự Động

Tham khảo phần nội dung ở danh mục tùy chọn để biết thông tin chi tiết về cách chấm điểm.

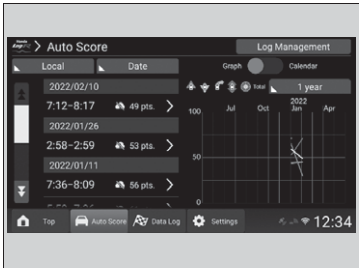
Cài Đặt Tr. 385

Chọn biểu tượng trên bản đồ để chuyển giữa chế độ xem bản đồ và chế độ xem trên không.

Bạn có thể chọn để phóng to vòng tròn ma sát của lốp xe.

Khi phóng to màn hình vòng tròn ma sát của lốp xe, có thể thay đổi hình ảnh xe ở giữa màn hình thành máy đo trọng lực G để hiển thị hướng của lực tác dụng lên xe.

Xóa Lịch Sử Chấm Điểm Tự Động



1. Chọn **Auto Score** ở cuối màn hình giám sát hiệu suất.
2. Chọn **Log Management**.



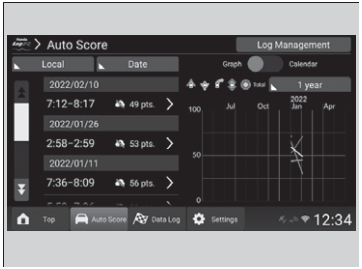
3. Chọn dữ liệu bạn muốn xóa, sau đó chọn **Delete** ở trên cùng màn hình.

Còn nữa

Ngoại trừ loại xe Hồng Kông và Ma Cao

Tải Lịch Sử Chấm Điểm Tự Động

Bạn có thể tải lịch sử Chấm Điểm Tự Động lên máy chủ.



1. Chọn **Auto Score** ở cuối màn hình giám sát hiệu suất.
2. Chọn **Log Management**.



3. Chọn dữ liệu bạn muốn tải lên, sau đó chọn ở trên cùng màn hình.

Tải Lịch Sử Chấm Điểm Tự Động

Nếu vị trí lưu dữ liệu là Local (Vùng), sẽ hiển thị.

Chế Độ Ghi Dữ Liệu

Chế độ này giúp giám sát lái. Ngoài các tính năng như ở chế độ Chấm Điểm Tự Động, bạn có thể ghi lại dữ liệu thời gian từng đoạn, v.v.

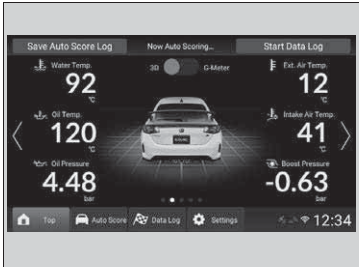
Ngoại trừ loại xe Hồng Kông và Ma Cao

Khi tải dữ liệu lên máy chủ, có thể so sánh dữ liệu đó với dữ liệu của người dùng khác.

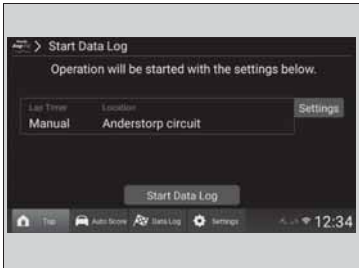
Tham khảo phần nội dung trong danh mục tùy chọn để biết thông tin chi tiết.

Cài Đặt Tr. 385

Khởi Động và Dừng Chế Độ Ghi Dữ Liệu



1. Chọn **Start Data Log** ở trên cùng màn hình giám sát hiệu suất.



2. Cấu hình các cài đặt vị trí, sau đó chọn **Start Data Log**.

Cài đặt vị trí Tr. 374
Cài đặt vị trí của tôi Tr. 375

▶ Chọn **Stop Data Log** ở trên cùng màn hình giám sát hiệu suất để dừng việc Ghi Dữ Liệu. Sau khi dừng, dữ liệu lái được lưu sẽ hiển thị.

Chế Độ Ghi Dữ Liệu

Bạn có thể Ghi dữ liệu liên tục lên đến 99:59.99. Sau 99:59.99, dữ liệu sẽ bắt đầu ghi lại từ đầu.

Khởi Động và Dừng Chế Độ Ghi Dữ Liệu

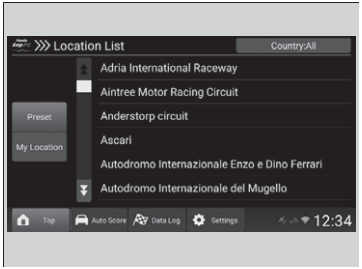
Khi bật chế độ Ghi Dữ Liệu, có thể bật Tự Động và bằng tay Cài Đặt Đo Thời Gian Từng Đoạn.
Nếu bật Cài Đặt Đo Thời Gian Từng Đoạn Tự Động, không thể lưu bằng tay thời gian từng đoạn.

Cài Đặt Tr. 385

Còn nữa

■ Cài đặt vị trí

Bạn có thể cài đặt vị trí từ danh sách vị trí đã lưu trước đó.



1. Chọn **Settings** ở cuối màn hình giám sát hiệu suất.

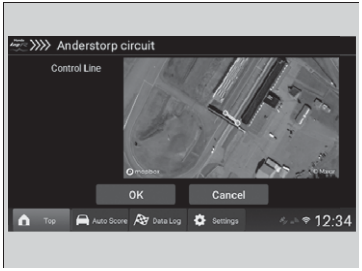
2. Chọn **Data Log Settings**.

3. Chọn **Usage location**.

▶ Có thể chọn **Preset**[*1] hoặc **My Location**.

4. Chọn vị trí để sử dụng.

▶ Nếu bạn muốn chọn vị trí ở khu vực khác, chọn **Country: All** ở góc trên cùng bên phải của màn hình **Location List** (Danh Sách Vị Trí), sau đó thay đổi vị trí.



5. Xác nhận Đoạn đường trên bản đồ, sau đó chọn **OK**.

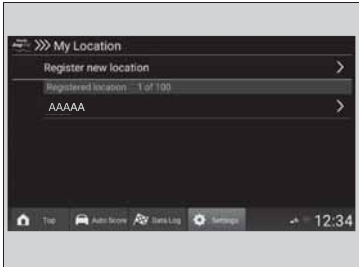
▶ Nếu bạn chọn **Cancel**, hệ thống sẽ quay lại màn hình **Danh Sách Vị Trí**.

▶ Nếu bạn đi qua theo hướng mũi tên trên Đoạn đường, Thời gian từng đoạn sẽ được đo.

* 1: Ngoại trừ loại xe Hồng Kông và Ma Cao

■ Cài đặt vị trí của tôi

Bạn có thể lưu vị trí cài đặt mới.





1. Chọn **Settings** ở cuối màn hình giám sát hiệu suất.
2. Chọn **Data Log Settings**.
3. Chọn **My Location**.
4. Chọn **Register new location**.
   ▶ Nếu bạn chọn vị trí đã đăng ký, màn hình **Location Edit** (Chỉnh Sửa Vị Trí) sẽ hiển thị, và có thể thay đổi tên vị trí. Nếu bạn chọn **Delete**, bạn có thể xóa vị trí đã lưu.
5. Chọn **Edit**.
   ▶ Nếu bạn chọn **Cancel**, hệ thống sẽ không lưu và quay lại màn hình **My Location** (Vị Trí Của Tôi).

Cài đặt vị trí của tôi

Tên vị trí có tối đa là 19 ký tự.

Có thể lưu tối đa 100 vị trí.

Chọn biểu tượng trên bản đồ để chuyển giữa chế độ xem bản đồ và chế độ xem trên không.

Đo đoạn đường tự động sử dụng điểm bắt đầu và kết thúc được cài đặt trước. Hãy sử dụng bản đồ để cài đặt điểm bắt đầu và kết thúc của riêng bạn.

Chỉ khi cài đặt vị trí lưu dữ liệu ở Local (Vùng), thì thời gian từng Đoạn tiếp theo sẽ bắt đầu được đo khi bạn đi qua đường kết thúc đã cài đặt.

Bạn có thể xóa thời gian từng Đoạn không cần thiết.

Tải/Xóa Lịch Sử Ghi Dữ Liệu Tr. 380

Còn nữa



6. Tìm điểm bạn muốn đăng ký trên bản đồ, sau đó chọn **Next**.

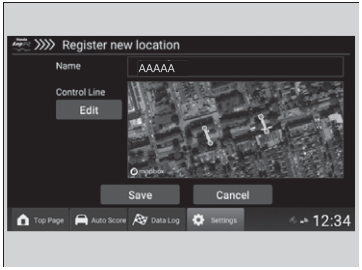
7. Cài đặt đường bắt đầu và kết thúc để Đo Tự Động LAP.

► Nếu bạn muốn chuyển cài đặt đường kết thúc sang một điểm khác từ đường bắt đầu, chọn **Next**, sau đó cài đặt điểm kết thúc.

► Nếu bạn đi qua hướng mũi tên trên Đoạn đường, thời gian từng Đoạn sẽ được đo.



8. Chọn **Done**.

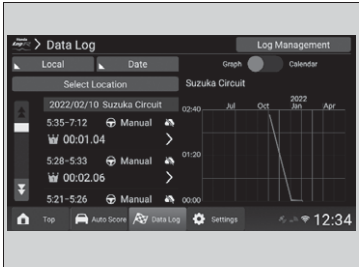


9. Chọn **Save**.

► Nếu bạn chọn **Cancel**, hệ thống sẽ không lưu và quay lại màn hình **My Location** (Vị Trí Của Tôi).

Kiểm Tra Lịch Sử Ghi Dữ Liệu

Bạn có thể chọn **Data Log** ở cuối màn hình giám sát hiệu suất để kiểm tra lịch sử dữ liệu đã lưu trước đó. Trên màn hình lịch sử Ghi Dữ Liệu sẽ xuất hiện biểu đồ minh họa thời gian chuyển tiếp của từng Đoạn. Ngoài ra, bạn có thể tìm kiếm Ghi dữ liệu theo địa điểm và ngày, và bạn có thể phân loại theo ngày và thời gian đoạn tốt nhất.



Chọn **Data Log** ở cuối màn hình giám sát hiệu suất.

Bạn có thể tìm kiếm theo địa điểm.

1. Chọn **Select Location**.

2. Chọn địa điểm bạn muốn hiển thị.

Bạn có thể tìm kiếm theo ngày.

1. Chọn **Calendar** ở trên cùng màn hình.

2. Chọn ngày.

Bạn có thể phân loại lịch sử ghi dữ liệu.

1. Chọn **Date**.

2. Chọn hạng mục để phân loại dữ liệu.

▶ Nếu bạn không chọn vị trí, bạn không thể phân loại theo thời gian đoạn tốt nhất.

Ngoại trừ loại xe Hồng Kông và Ma Cao

Thay đổi vị trí lưu dữ liệu.

1. Chọn **Local.**

2. Chọn vị trí lưu dữ liệu từ **Local**/**My Server**/**Other Server**.

Còn nữa

Kiểm Tra Lịch Sử Ghi Dữ Liệu

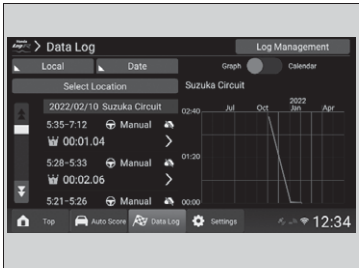
Tham khảo phần nội dung ở danh mục tùy chọn để biết thêm thông tin chi tiết về cách chấm điểm.

Cài Đặt Tr. 385

Cài đặt đo LAP (**Tự Động**/**Bằng Tay**), tên vị trí, và thời gian đoạn tốt nhất sẽ hiển thị.

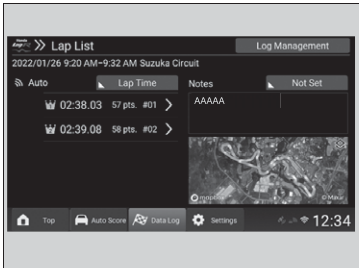
Nếu ngày thay đổi trong khi lái, dữ liệu tương ứng sẽ hiện thị theo ngày gần đây nhất.

Kiểm Tra Lịch Sử Ghi Dữ Liệu Chi Tiết



Khi bạn chọn mục lịch sử bạn muốn xem, LAP trước đó sẽ hiển thị trong danh sách.

Trong danh sách LAP, từng đoạn đều sẽ có thời gian, cài đặt **Tự Động**/**Bằng Tay**, và bản đồ nhiệt về thời gian đoạn tốt nhất sẽ hiển thị. Hơn nữa, bạn có thể viết bình luận và nhập thông tin về thời tiết cho ngày đã lựa chọn trong lịch sử ghi dữ liệu của bạn. Có thể xem các bình luận của người dùng ở lịch sử của người dùng khác.



Bạn có thể chuyển giữa phân loại danh sách theo thời gian LAP hoặc số LAP.

Phân loại danh sách.
1. Chọn **Lap Time**.
2. Chọn hạng mục để phân loại dữ liệu.

Kiểm Tra Lịch Sử Ghi Dữ Liệu Chi Tiết

Tham khảo phần nội dung danh mục tùy chọn để biết thêm thông tin chi tiết về cách ghi dữ liệu.
Cài Đặt Tr. 385

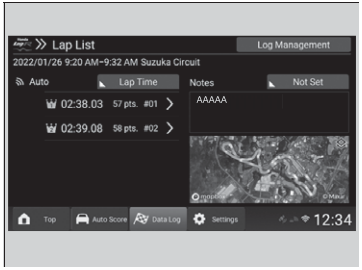
Bản đồ nhiệt hiển thị các màu sắc khác nhau, tương ứng với mức độ áp lực bàn đạp ga và phanh.

Tại các điểm khi nhấn cả bàn đạp ga và phanh cùng một lúc, thì chỉ có thông tin về phanh được hiển thị.

Chọn biểu tượng trên bản đồ để chuyển giữa chế độ xem bản đồ và chế độ xem trên không.

Bản ghi nhớ có tối đa là 45 ký tự.

Kiểm Tra Dữ Liệu Đoạn Chi Tiết trong Lịch Sử Ghi Dữ Liệu



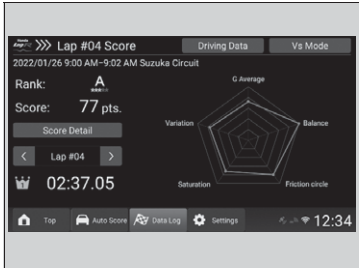
Chọn đoạn riêng lẻ để xem dữ liệu lái chi tiết về đoạn đó. Chọn biểu tượng phát để xem tiến trình thời gian của dữ liệu.

Bạn có thể chọn vòng tròn ma sát lốp xe để phóng to.



Bạn có thể chọn biểu đồ cần phóng to. Sau khi phóng to, có thể điều chỉnh tỷ lệ của trục ngang và trục dọc. Đồng thời, có thể thay đổi các mục hiển thị.
Thay đổi các mục hiển thị trên biểu đồ.

1. Chọn **Select Items**.



2. Chọn các mục bạn muốn hiển thị.
▶ Bạn có thể chọn tối đa 6 mục.

Ngoài ra, chọn **Score** để xem điểm số dữ liệu từng Đoạn và xếp loại tương ứng.

Kiểm Tra Dữ Liệu Đoạn Chi Tiết trong Lịch Sử Ghi Dữ Liệu

Tham khảo phần nội dung ở danh mục tùy chọn để biết thêm thông tin chi tiết về cách ghi dữ liệu.
Cài Đặt Tr. 385

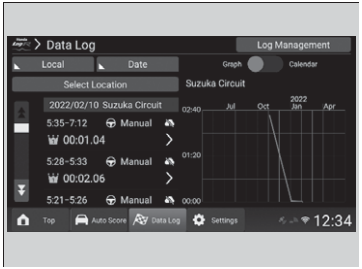
Bản đồ nhiệt hiển thị các màu sắc khác nhau, tương ứng với mức độ áp lực bàn đạp ga và phanh.

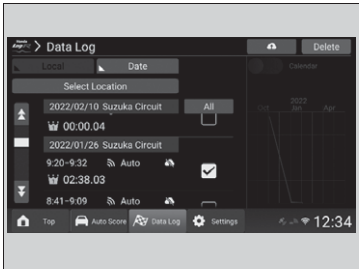
Tại các điểm khi nhấn cả bàn đạp ga và phanh cùng một lúc, chỉ có thông tin về phanh được hiển thị.

Chọn biểu tượng trên bản đồ để chuyển giữa chế độ xem bản đồ và chế độ xem trên không.

Còn nữa

■ Tải/Xóa Lịch Sử Ghi Dữ Liệu





Ngoại trừ loại xe Hồng Kông và Ma Cao

■ Tải lịch sử ghi dữ liệu lên máy chủ

1. Chọn **Log Management**.
2. Chọn dữ liệu bạn muốn tải lên máy chủ.
3. Chọn .
   ► Chọn , LAP đã chọn sẽ được tải lên đám mây. Sau khi tải xong, bạn có thể chọn để xóa dữ liệu đã chọn ở Local.

■ Xóa lịch sử ghi dữ liệu

1. Chọn **Log Management**.
2. Chọn dữ liệu bạn muốn xóa.
3. Chọn **Delete**.
   ► Nếu bạn chọn **Delete**, dữ liệu đã chọn sẽ bị xóa khỏi máy chủ*1 hoặc vị trí lưu trữ của xe, phụ thuộc vào vị trí lưu dữ liệu của bạn.

* 1: Ngoại trừ loại xe Hồng Kông và Ma Cao

Tải/Xóa Lịch Sử Ghi Dữ Liệu

Ngoại trừ loại xe Hồng Kông và Ma Cao

Nếu chọn **My Server** là vị trí lưu dữ liệu, sẽ được thay thế bằng và cho phép bạn điều chỉnh cài đặt bảo mật cho dữ liệu đã chọn.

Nếu bạn chọn , dữ liệu được chọn sẽ được công khai cho những người dùng khác.

Nếu bạn chọn , dữ liệu đã chọn sẽ không được công khai cho những người dùng khác.

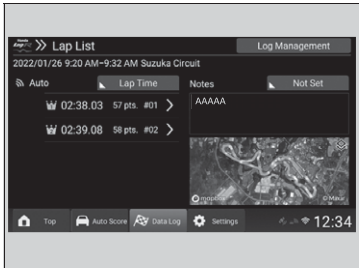
Tải lịch sử ghi dữ liệu lên máy chủ

Tải dữ liệu lên máy chủ để chia sẻ dữ liệu với những người dùng khác. (Giới hạn về đo tự động từng đoạn và các vị trí cài đặt sẵn.)

Nếu bạn chuyển sang màn hình khác (ấn nút màn hình chính, v.v.) trong quá trình tải lên, tải sẽ bị hủy. Sau đó, khi bạn quay lại màn hình hướng dẫn trên ứng dụng của xe, thông báo hoạt động bị hủy sẽ xuất hiện.

Tất cả dữ liệu lái sẽ được tải lên máy chủ trong khi đo dữ liệu từng Đoạn và trong khi chế độ Ghi Dữ Liệu hoạt động.

Xóa Dữ Liệu Từng Đoạn từ Lịch Sử Ghi Dữ Liệu





1. Chọn **Log Management**.
2. Chọn LAP bạn muốn xóa.
3. Chọn **Delete**.
   ▶ Chọn **Delete** để xóa LAP đã chọn ra khỏi Lịch sử. Đồng thời, bạn có thể chọn lưu Lịch sử dữ liệu mới, hoặc viết đè lên dữ liệu LAP đã xóa.

Xóa Dữ Liệu Từng Đoạn từ Lịch Sử Ghi Dữ Liệu

Bản đồ nhiệt hiển thị các màu sắc khác nhau, tương ứng với mức độ áp lực bàn đạp ga và phanh.

Tại các điểm khi nhấn cả bàn đạp ga và phanh cùng một lúc, chỉ có thông tin về phanh được hiển thị.

Ngoại trừ loại xe Hồng Kông và Ma Cao

Nếu dữ liệu được lưu ở **My Server** hoặc **Other Server**, **Log Management** sẽ không hiển thị.

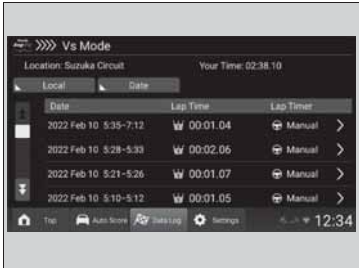
Còn nữa

Chế Độ VS

Tính năng này cho phép bạn so sánh lịch sử lái của bạn với dữ liệu từng đoạn riêng biệt hoặc dữ liệu lái của người dùng khác.



1. Chuyển sang Dữ Liệu Từng Đoạn chi tiết trên màn hình lịch sử ghi dữ liệu.
2. Chọn **Vs Mode** ở trên cùng màn hình.



3. Chọn mục lịch sử bạn muốn so sánh.

Ngoại trừ loại xe Hồng Kông và Ma Cao

▶ Chọn **Local** để chọn nơi lưu trữ dữ liệu từ **Local/My Server/Other Server.**

Tất cả các loại xe

▶ Chọn **Date** để sắp xếp lại dữ liệu.

Chế Độ VS

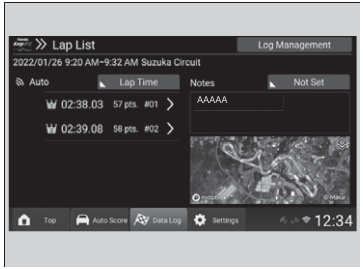
Ngoại trừ loại xe Hồng Kông và Ma Cao

Chỉ có thể sử dụng dữ liệu được ghi có vị trí cài đặt sẵn và sử dụng đo tự động từng đoạn để so sánh với dữ liệu của người dùng khác.

Ngoại trừ loại xe Hồng Kông và Ma Cao

Nếu chọn **Other Server** là nơi lưu trữ dữ liệu:

- Thay đổi các mục hiển thị sang **Date**/**Lap Time**/**User ID**/**Favourite**.
- Bạn có thể tìm kiếm người dùng được lưu ở mục danh sách yêu thích.
- Bạn có thể tìm kiếm ID Người dùng. ID Người dùng sẽ chỉ xuất hiện trên mục tìm kiếm nếu ID đó khớp hoàn toàn.

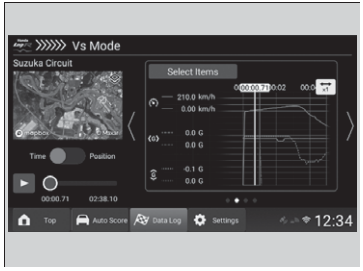


4. Chọn dữ liệu bạn muốn so sánh.

■ Màn Hình So Sánh Chế Độ VS



Vuốt hoặc chạm vào màn hình để chọn các tình huống so sánh khác nhau.
Chọn biểu tượng phát để xem tiến trình thời gian của dữ liệu.
Có thể chọn so sánh theo thời gian chạy hoặc theo số dặm.



Khi sử dụng màn hình biểu đồ, bạn có thể thay đổi các mục hiển thị.

Thay đổi các mục trên màn hình biểu đồ.

1. Chọn **Select Items**.
2. Chọn mục bạn muốn hiển thị.
▶ Bạn có thể chọn tối đa 4 hạng mục.

Màn Hình So Sánh Chế Độ VS

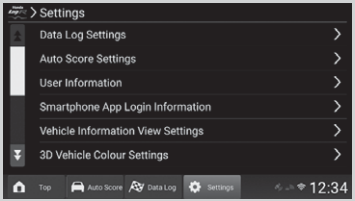
Tham khảo phần nội dung danh mục tùy chọn để biết thêm thông tin chi tiết về cách chấm điểm.
➡ **Cài Đặt** Tr. 385

Chọn biểu tượng trên bản đồ để chuyển giữa chế độ xem bản đồ và chế độ xem trên không.

Chọn nickname của người dùng để xem thông tin về họ. (Không áp dụng cho khu vực nơi mà máy chủ không truy cập được.)

Tùy Chọn

Chọn **Settings** ở cuối màn hình giám sát hiệu suất để thay đổi các cài đặt cho các tính năng khác nhau.



Cài Đặt

Mục Cài Đặt			Tổng Quan	Tùy Chọn
Data Log Settings	**Lap Timer Settings**		Bạn có thể cài đặt cách thực hiện đo từng đoạn của lịch sử dữ liệu.	**Auto**[*1]/**Manual** (Tự Động[*1]/Bằng Tay)
	Usage location		Bạn có thể chọn vị trí lưu dữ liệu. Tham khảo trang dưới đây để biết thêm thông tin chi tiết. ➔ **Vị trí cài đặt** Tr. 374	—
	My Location	**Register new location**	Bạn có thể nhập và lưu tên vị trí. Bạn có thể lưu đường bắt đầu và đường kết thúc LAP trên bản đồ. Tham khảo trang dưới đây để biết thêm thông tin chi tiết. ➔ **Cài đặt vị trí của tôi** Tr. 375	—
		Registered location		
Auto Score Settings			Bạn có thể cài đặt bật hoặc tắt Chấm Điểm Tự Động.	**ON**[*1]/**OFF** (BẬT[*1]/TẮT)
User information			Hiển thị ID Người dùng, nickname và bình luận.	—
Smartphone App Login Information			Hiển thị ID Người dùng và mã PIN để sử dụng trên ứng dụng của điện thoại.	—

* 1: Cài đặt mặc định

Mục Cài Đặt			Tổng Quan	Tùy Chọn
Vehicle Information View Settings	**Center Display indication settings**		Có thể chọn 6 mục hiển thị trên màn hình giám sát hiệu suất và bảng điều khiển. Chọn ▲ hoặc ▼ để sắp xếp lại các mục này, hoặc sử dụng chức năng Kéo và Thả.	**Water Temp.**[*1]**/Oil Temp.**[*1]**/Oil Pressure**[*1]**/Ext. Air Temp.**[*1]**/Intake Air Temp.**[*1]**/Boost Pressure**[*1]**/ Steering Angle/Accel. Ped. Pos./Brake Pressure/ Clutch Ped. Pos./Yaw Rate/Atmos. Pressure** (Nhiệt Độ Nước[*1]/Nhiệt Độ Dầu[*1]/Áp Suất Dầu[*1]/Nhiệt Độ Ngoài Trời[*1]/Nhiệt Độ Khí Nạp[*1]/Áp Suất Tăng Áp[*1]/Góc Lái/Vị Trí Bàn Đạp Ga/Áp Suất Phanh/Vị Trí Bàn Đạp Ly Hợp/Tỷ Lệ Lệch Biên/Áp Suất Không Khí)
	Meter indication item settings			**Water Temp.**[*1]**/Oil Temp.**[*1]**/Oil Pressure**[*1]**/Ext. Air Temp.**[*1]**/Intake Air Temp.**[*1]**/Boost Pressure**[*1]**/ Steering Angle/Accel. Ped. Pos./Brake Pressure/ Clutch Ped. Pos./Yaw Rate/Atmos. Pressure** (Nhiệt Độ Nước[*1]/Nhiệt Độ Dầu[*1]/Áp Suất Dầu[*1]/Nhiệt Độ Ngoài Trời[*1]/ Nhiệt Độ Khí Nạp[*1]/Áp Suất Tăng Áp[*1]/Góc Lái/Vị Trí Bàn Đạp Ga/Áp Suất Phanh/Vị Trí Bàn Đạp Ly Hợp/Tỷ Lệ Lệch Biên/Áp Suất Không Khí)
	Limit settings	**Water Temp.**	Có thể cài đặt giá trị giới hạn cho thông tin xe hiển thị trên màn hình giám sát hiệu suất và bảng điều khiển.	**OFF**[*1] (TẮT[*1]) 80 đến 120 (tăng 1°C) Nếu cài đặt đơn vị là độ F 170 đến 250 (tăng 1°F).
		Oil Temp.		**OFF**[*1] (TẮT[*1]) 90 đến 130 (tăng 1°C) Nếu cài đặt đơn vị là độ F 190 đến 270 (tăng 1°F).
	G-meter max scale settings		Có thể thay đổi độ nhạy của máy đo trọng lực và màn hình xe 3D.	**0,5G**[*1]**/1,5G**

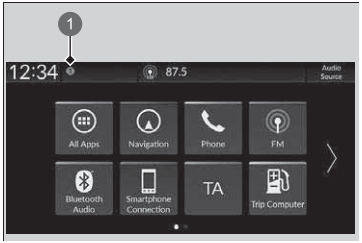
* 1: Cài đặt mặc định

Mục Cài Đặt			Tổng Quan	Tùy Chọn
3D Vehicle Colour Settings			Bạn có thể cài đặt và hiển thị thông tin về màu xe. Bạn có thể chọn màu xe và màu bạn chọn sẽ hiển thị trên màn hình xe 3D.	Màu xe
Log Management	**Import**		Bạn có thể nhập file được tạo bởi chức năng xuất file trên ứng dụng của xe. Nếu trong thư mục hình ảnh có nhiều file, ghi chú thời gian sẽ có trong tên file mới.	—
	Export		Bạn có thể xuất dữ liệu lưu trên ứng dụng của xe (lịch sử lái và thông tin cài đặt) vào thẻ nhớ memory stick của USB.	—
	Delete log		Bạn có thể xóa dữ liệu lưu trong ứng dụng của xe (lịch sử và thông tin cài đặt).	—
	Automatic log deletion settings	**Data Log**	Bạn có thể cài đặt xóa tự động lịch sử ở chế độ Ghi Dữ liệu và chế độ Chấm Điểm Tự Động.	**ON**/**OFF***1 (BẬT/TẮT*1)
		Auto Score		**ON**/**OFF***1 (BẬT/TẮT*1)

* 1: Cài đặt mặc định

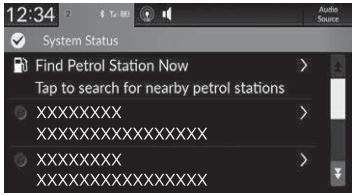
Mục Cài Đặt		Tổng Quan	Tùy Chọn
Commentary	**Friction circle**	Bạn có thể xem cách chấm điểm cho vòng tròn ma sát lốp xe.	—
	Data Log	Bạn có thể kiểm tra chế độ Ghi Dữ Liệu **Overview** và xem cách chấm điểm cho **G Average**/**Balance**/**Friction circle**/**Saturation**/**Variation**.	—
	Auto Score	Bạn có thể kiểm tra chế độ Chấm Điểm Tự Động **Overview** và xem cách chấm điểm cho **Acceleration**, **Deceleration**, **Turning**, **Straight** và **Composite**.	—
Tutorial		Bạn có thể cho hiển thị lại phần hướng dẫn ở lần đầu sử dụng Honda LogR.	—
User Consent		Hiển thị thỏa thuận người dùng của ứng dụng trên xe.	—
License information		Hiển thị giấy phép mã nguồn mở (OSS) của ứng dụng trên xe.	—
Mapbox License		Hiển thị giấy phép bản đồ Mapbox của ứng dụng trên xe.	—

Xe này được trang bị tính năng tự động tính toán thời điểm nạp nhiên liệu. Tính năng này sẽ thông báo cho bạn thời điểm nào cần nạp nhiên liệu cũng như giúp bạn tìm kiếm các trạm xăng gần nhất.



1. Khi đến thời điểm xe cần nạp nhiên liệu, thông báo sẽ xuất hiện và biểu tượng thông báo sẽ xuất hiện ở vùng tiêu đề.
2. Chọn ô chứa biểu tượng.

1 Biểu Tượng Thông Báo



3. Chọn **Find Petrol Station Now** (Tìm Trạm Xăng Ngay).



4. Chọn một trạm xăng từ màn hình tìm kiếm của hệ thống định vị.
   ▶ Để biết về cách sử dụng hệ thống định vị, hãy tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng hệ thống định vị.

Nhắc Nạp Nhiên Liệu*

Bạn có thể bật và tắt chức năng Nhắc Nạp Nhiên Liệu.

Tính Năng Tùy Chọn Tr. 313

Khi bạn tắt tính năng này, thông báo nhắc nạp nhiên liệu sẽ không xuất hiện.

Tính năng này chỉ hoạt động khi mức nhiên liệu trong bình chứa là dưới 30%.

Nếu bạn chọn **Find Petrol Station Now** hoặc nạp trên 5 lít xăng, thông báo nạp nhiên liệu sẽ biến mất. Nếu bạn không muốn thông báo xuất hiện, hãy chọn TẮT trong mục cài đặt Nhắc Nạp Nhiên Liệu.

Khi bạn lái xe trên đường gồ ghề, lên dốc hoặc xuống dốc trong một khoảng thời gian dài, thông báo có thể biến mất hoặc không xuất hiện.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe



Lái Xe

Chương này đề cập đến việc lái xe và nạp nhiên liệu.

Trước Khi Lái Xe.....392
Kéo Rơ-moóc.....396
Khi Lái Xe
Khởi Động Động Cơ.....397
Lưu Ý Khi Lái Xe.....401
Hộp Số Vô Cấp*.....404
Sang Số.....405, 410
Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời*.....414
Công Tắc Chế Độ Lái.....421, 424
Hệ Thống Giới Hạn Tốc Độ Có Thể Điều Chỉnh*.....431
Hệ Thống Giới Hạn Tốc Độ Thông Minh*.....437
Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA).....444
Hỗ Trợ Xử Lý Nhanh.....447
Vi Sai Hạn Chế Trượt (LSD).....448
Hệ Thống Thông Tin Điểm Mù*.....449
Điều Chỉnh Phân Bố Ánh Sáng Đèn.....455
Honda Sensing.....456
Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS).....460
Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp*.....473
Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC)*.....490
Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS).....508
Hỗ Trợ Lái Xe Khi Tắc Đường*.....521
Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường.....530
Hệ Thống Nhận Diện Biển Báo Giao Thông*.....543
Hệ Thống Cảnh Báo Xe Phía Trước Khởi Hành*.....549
Camera Trước.....553
Phanh.....555
Đỗ Xe.....570
Camera Sau Đa Hướng.....581
Nạp Nhiên Liệu.....583
Tiết Kiệm Nhiên Liệu và Khí Thải CO_2.....586
Xe Có Động Cơ Tăng Áp.....587

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Chuẩn Bị Lái Xe

Kiểm tra các mục sau trước khi lái xe.

■ Kiểm Tra Bên Ngoài

- Đảm bảo không có vật cản trên cửa kính, gương cửa, đèn ngoài xe hoặc các bộ phận khác của xe.
  - ▶ Gạt bỏ hết sương, tuyết, hoặc băng.
  - ▶ Gạt bỏ tuyết trên nóc xe, vì tuyết có thể rơi xuống làm cản trở tầm nhìn của bạn khi đang lái. Nếu tuyết đã đóng cứng, hãy gạt bỏ khi đã tan bớt.
  - ▶ Khi gạt băng ra khỏi bánh xe, cần đảm bảo không làm hỏng bánh xe hoặc các bộ phận của bánh xe.
- Đảm bảo đóng chặt nắp ca-pô.
  - ▶ Nếu nắp ca-pô mở khi đang lái, tầm nhìn phía trước sẽ bị che khuất.
- Đảm bảo các lốp xe còn tốt.
  - ▶ Kiểm tra áp suất lốp, kiểm tra hư hỏng và mòn quá mức.
  ➡ **Kiểm Tra và Thay Lốp** Tr. 636
- Đảm bảo không có người hoặc vật cản phía sau hoặc xung quanh xe.
  - ▶ Có các điểm mù từ bên trong xe.

Loại xe số sàn

- Kiểm tra xem các ống dẫn cản trước có bùn, lá cây và các mảnh vụn trên đường tích tụ ở đó không và có làm giảm hiệu suất làm mát không.

Kiểm Tra Bên Ngoài

CHÚ Ý

Khi các cửa bị đóng băng, hãy đổ nước ấm xung quanh các mép cửa để làm tan băng. Không cố dùng lực mở cửa để tránh làm hỏng gioăng cao su xung quanh các cửa. Sau khi làm xong, lau khô để tránh bị đóng băng trở lại.

Không đổ nước ấm vào trong ổ khóa vì nếu làm thế sẽ không thể cho chìa khóa vào được nếu nước bị đóng băng trong lỗ khóa.

Nhiệt từ động cơ và ống xả có thể làm cháy các vật liệu dễ cháy bám ở phía dưới nắp ca-pô, gây cháy nổ. Nếu bạn đỗ xe lâu ngày, hãy kiểm tra và loại bỏ rác xung quanh xe, như cỏ và lá khô bị rơi xuống hoặc do động vật làm tổ. Đồng thời, kiểm tra các vật liệu dễ cháy có thể vương lại dưới nắp ca-pô sau khi bạn hoặc ai đó vừa thực hiện bảo dưỡng xe.

Kiểm Tra Bên Trong

- Buộc hoặc để chắc chắn các đồ vật trong khoang hành lý.
  ▶ Chở quá nhiều đồ, hoặc để không đúng cách có thể ảnh hưởng đến việc lái xe, độ ổn định xe, khoảng cách dừng, lốp xe và làm giảm độ an toàn.
  Giới Hạn Tải Tr. 395
- Không để các đồ vật cao hơn ghế.
  ▶ Chúng có thể che tầm nhìn của bạn hoặc xô về phía trước khi bạn phanh gấp.
- Không để vật gì ở chỗ để chân ghế trước. Đảm bảo gắn chắc thảm lót sàn.
  ▶ Bởi đồ vật hoặc thảm lót sàn không được gắn chắc chắn sẽ ảnh hưởng đến việc nhấn bàn đạp phanh và bàn đạp ga trong khi lái.
- Nếu có động vật trên xe, không để chúng di chuyển tự do trong xe.
  ▶ Chúng có thể làm cản trở việc lái xe và gây ra va chạm.
- Đóng chặt tất cả các cửa và cửa hậu.
- Điều chỉnh vị trí ngồi thích hợp.

  Loại xe có động cơ 1.5 L

  ▶ Đồng thời điều chỉnh tựa đầu.
  Ghế Ngồi Tr. 226
  Điều Chỉnh Tựa Đầu Ghế Trước* Tr. 233
- Điều chỉnh gương và vô lăng phù hợp khi lái.
  ▶ Điều chỉnh khi đã ngồi với tư thế thoải mái.
  Gương Tr. 224
  Điều Chỉnh Vô Lăng Tr. 223

Kiểm Tra Bên Trong

Thường thì không cần điều chỉnh hướng của đèn chiếu sáng do nhà máy cài đặt. Tuy nhiên, nếu bạn thường xuyên để vật nặng trong khoang hành lý, hãy đến đại lý để kỹ thuật viên có tay nghề cao điều chỉnh lại hướng đèn.

Xe của bạn được trang bị hệ thống điều chỉnh đèn chiếu sáng tự động, hệ thống này tự động điều chỉnh góc thẳng đứng của các đèn chiếu gần.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Còn nữa

- Cần đảm bảo đồ vật để dưới sàn phía sau ghế trước không lăn dưới các ghế.
  ▶ Chúng có thể ảnh hưởng đến việc vận hành bàn đạp của người lái, hoặc ảnh hưởng đến việc điều chỉnh các ghế.
- Mọi người trong xe đều phải thắt dây đai an toàn.
  ➲ **Thắt Dây Đai An Toàn** Tr. 48
- Đảm bảo các đèn báo trên bảng điều khiển sáng khi bạn khởi động xe và tắt ngay sau đó.
  ▶ Nếu các đèn báo có sự cố, hãy đến đại lý để kiểm tra.
  ➲ **Đèn Báo** Tr. 114

Giới Hạn Tải

Khi xe bạn chở hành lý, tổng trọng lượng của xe, toàn bộ hành khách và hành lý không được vượt quá tải trọng tối đa cho phép.

Thông Số Kỹ Thuật Tr. 720

Tải trên cầu trước và cầu sau cũng không được vượt quá tải trọng tối đa cho phép.

Thông Số Kỹ Thuật Tr. 720

Giới Hạn Tải

⚠CẢNH BÁO

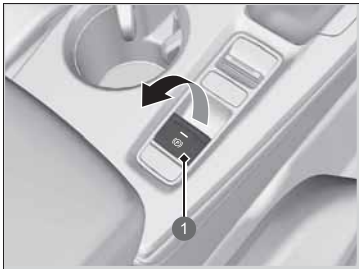
Tải quá nặng hoặc tải không đúng cách có thể ảnh hưởng đến điều khiển và cân bằng của xe và có thể gây ra va chạm khiến bạn bị trọng thương hoặc tử vong.

Làm theo tất cả các hướng dẫn về giới hạn tải và các hướng dẫn tải khác trong tài liệu hướng dẫn sử dụng này.

Kéo Rơ-moóc

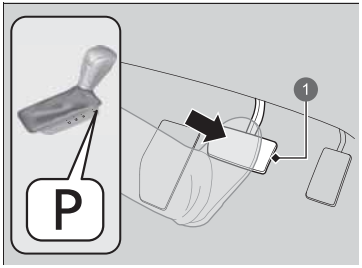
Xe của bạn không được thiết kế để kéo rơ-moóc. Nếu cố kéo có thể làm mất hiệu lực bảo hành cho xe của bạn.

Khởi Động Động Cơ



1 Công Tắc Phanh Đỗ Điện

1. Đảm bảo gài phanh đỗ.
▶ Đèn báo phanh đỗ và hệ thống phanh (đỏ) sẽ sáng trong 30 giây khi kéo công tắc phanh đỗ điện lên.



1 Bàn Đạp Phanh

Loại xe có hộp số vô cấp

2. Đảm bảo cần số ở P, sau đó nhấn bàn phanh.
▶ Mặc dù có thể khởi động xe ở N nhưng khởi động xe ở P vẫn an toàn hơn.

Khởi Động Động Cơ

Để chân chắc chắn trên bàn đạp phanh khi khởi động động cơ.

Động cơ khó khởi động hơn trong thời tiết lạnh và không khí loãng ở độ cao trên 2.400 mét.

Khi khởi động động cơ ở thời tiết lạnh, hãy tắt tất cả các phụ kiện điện như đèn, hệ thống điều khiển nhiệt độ và sấy kính sau để giảm mức tiêu hao điện ắc quy.

Nếu hệ thống xả phát ra âm thanh bất thường hoặc có mùi khí xả bên trong xe, có thể động cơ hoặc hệ thống xả có sự cố. Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

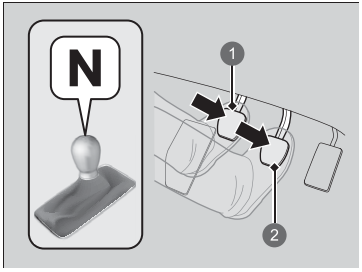
Để chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* gần nút **ENGINE START/STOP** nếu pin chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* yếu.

Nếu Pin Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa/ Khóa Thẻ Từ* Yếu Tr. 691

Động cơ có thể không khởi động nếu chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* bị nhiễu sóng vô tuyến mạnh.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

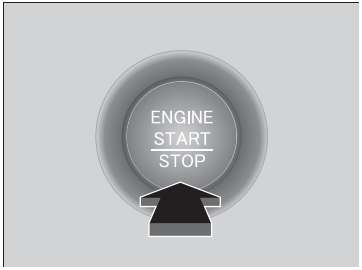
Còn nữa



1 Bàn Đạp Ly Hợp
2 Bàn Đạp Phanh

Loại xe số sàn

2. Kiểm tra xem cần số có ở N không. Sau đó, dùng chân phải nhấn bàn đạp phanh, chân trái nhấn bàn đạp ly hợp.
► Nhấn hết cỡ bàn đạp ly hợp để khởi động động cơ.



Tất cả các loại xe

3. Ấn nút **ENGINE START/STOP** mà không nhấn bàn đạp ga.

»Khởi Động Động Cơ

Không giữ nút **ENGINE START/STOP** để khởi động động cơ.
Nếu động cơ không khởi động, đợi ít nhất 30 giây trước khi khởi động lại động cơ.

Hệ thống chống nổ máy bảo vệ xe bạn khỏi trộm cắp. Nếu dùng thiết bị có mã không đúng, hệ thống nhiên liệu của động cơ sẽ không hoạt động.
Hệ Thống Chống Nổ Máy Tr. 201

■ Bắt Đầu Lái Xe

Loại xe có hộp số vô cấp

1. Giữ chân phải trên bàn đạp phanh, sang số [D]. Chọn [R] khi lùi xe.
2. Với phanh đỗ đã được gài, nhả bàn đạp phanh và nhấn nhẹ bàn đạp ga.
   ▶ Đảm bảo đèn báo phanh đỗ và hệ thống phanh (đỏ) đã tắt.
   ➡ **Phanh Đỗ** Tr. 555

■ Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc

Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc giữ phanh luôn bám đường giúp xe không bị trôi xuống dốc khi bạn rời chân từ bàn đạp phanh sang bàn đạp ga.

Loại xe có hộp số vô cấp

Sang số [D] khi lên dốc, hoặc [R] khi xuống dốc, sau đó nhả bàn đạp phanh.

Loại xe số sàn

Nhấn bàn đạp ly hợp, vào một số tiến khi lên dốc, hoặc vào số [R] khi xuống dốc, sau đó nhả bàn đạp phanh.

Bắt Đầu Lái Xe

Loại xe có hộp số vô cấp

Hãy ấn công tắc phanh đỗ điện và nhấn bàn đạp phanh để nhả phanh đỗ. Khi xuống dốc, nếu nhả phanh bằng công tắc phanh đỗ điện thì sẽ làm cho xe khởi động trơn tru hơn so với việc nhả phanh đỗ bằng cách nhấn bàn đạp ga.

Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc

Hỗ trợ khởi hành ngang dốc không thể giúp xe khỏi bị trôi xuống dốc khi dốc quá cao hoặc dựng đứng và cũng không hoạt động trên dốc thấp.

Hỗ trợ khởi hành ngang dốc không thể thay thế phanh đỗ.

Hỗ trợ khởi hành ngang dốc sẽ vẫn hoạt động ngay cả khi VSA tắt.

Còn nữa

■ Dừng Động Cơ

Bạn có thể tắt động cơ khi xe đã dừng hoàn toàn.

Loại xe có hộp số vô cấp

1. Gạt cần số đến P.
2. Ấn nút **ENGINE START/STOP**.

Loại xe số sàn

- Nếu số ở N, ấn nút **ENGINE START/STOP**.
- Nếu số không ở N, nhấn bàn đạp ly hợp, ấn nút **ENGINE START/STOP**.

Lưu Ý Khi Lái Xe

Khi có Sương Mù

Tầm nhìn sẽ bị hạn chế khi có sương mù. Khi lái xe, bạn nên bật đèn chiếu gần ngay cả vào ban ngày. Lái xe chậm lại, đi theo vạch ở giữa đường, chú ý quan sát lan can và đèn hậu của xe phía trước.

Khi có Gió Mạnh

Khi đang lái xe nếu gió thổi mạnh, hãy giữ chặt vô lăng, từ từ giảm tốc độ và lái xe ra giữa đường. Cẩn thận khi có gió mạnh, nhất là khi lái xe ra khỏi đường hầm, lái xe trên cầu hoặc bờ sông hay lái xe qua khu vực khai thác đá hoặc khi có một xe tải lớn đi qua.

Lưu Ý Khi Lái Xe

LƯU Ý: Không lái xe trên đường có vũng nước sâu. Lái xe chỗ vũng nước sâu sẽ làm hỏng động cơ, hỏng các thiết bị điện và xe sẽ bị xuống cấp.

Loại xe có hộp số vô cấp

CHÚ Ý

Không gạt cần số trong khi đang nhấn bàn đạp ga để tránh làm hỏng hộp số.

CHÚ Ý

Nếu liên tục xoay vô lăng khi xe ở tốc độ quá thấp, hoặc xoay và giữ vô lăng sang phải hoặc trái một lúc, hệ thống lái trợ lực điện (EPS) sẽ nóng lên. Hệ thống sẽ chuyển sang chế độ bảo vệ và hạn chế vận hành và sẽ càng khó khăn hơn khi vận hành vô lăng. Khi hệ thống nguội đi, hệ thống EPS sẽ tiếp tục hoạt động.
Liên tục vận hành xe trong các điều kiện này có thể làm hỏng hệ thống.

Nếu chế độ nguồn được đặt ở PHỤ KIỆN trong khi lái, động cơ sẽ tắt và toàn bộ các chức năng hỗ trợ lái và trợ lực phanh sẽ bị dừng, gây khó khăn trong việc điều khiển xe.

Không chọn N khi đang lái để tránh làm mất hiệu suất phanh động cơ (và tăng ga).

Còn nữa

Lưu Ý Khi Lái Xe

Khi lái xe ở 1.000 km đầu tiên, tránh tăng ga đột ngột hoặc vận hành bướm ga hết cỡ để không làm hỏng động cơ hoặc hệ thống truyền động.

Tránh phanh gấp trong 300 km đầu tiên sau khi mua xe mới hoặc thay má phanh hoặc rô-to để chạy roda đúng cách.

Loại xe có hộp số vô cấp

CHÚ Ý

Những hành động có thể làm hỏng cánh hướng gió bên dưới:

- Đỗ xe bằng khối chặn bánh xe
- Đỗ xe song song dọc theo lề đường
- Lái xe xuống chân dốc
- Lái xe lên hoặc xuống đường có bề mặt dốc (như khi lái vào lề đường)
- Lái xe trên đường có lằn đường hoặc mấp mô
- Lái xe trên đường có ổ gà

Loại xe số sàn

CHÚ Ý

Những hành động có thể làm hỏng cánh hướng gió bên dưới, các vỏ bên dưới, cản trước, bộ khuếch tán sau và ngưỡng cửa bên:

- Đỗ xe bằng khối chặn bánh xe
- Đỗ xe song song dọc theo lề đường
- Lái xe xuống chân dốc
- Lái xe lên hoặc xuống đường có bề mặt dốc (như khi lái vào lề đường)
- Lái xe trên đường có lằn đường hoặc mấp mô
- Lái xe trên đường có ổ gà
- Lái xe qua gờ giảm tốc

Khi Trời Mưa

Đường thường bị trơn trượt khi trời mưa. Tránh phanh gấp, tăng tốc nhanh, xoay vô lăng đột ngột và chú ý hơn khi lái xe. Xe có thể bị trượt nước khi chạy trên đường có nhiều vũng nước. Không lái xe ngập sâu trong nước và trên đường ngập nước để tránh làm hỏng động cơ, hệ thống truyền động hoặc các thiết bị điện.

Lưu Ý Khác

Nếu có vật gì đó tác động mạnh vào gầm xe, hãy dừng xe nơi an toàn. Kiểm tra hư hỏng hoặc rò rỉ dầu dưới gầm xe.

Khi Trời Mưa

Hãy cẩn thận khi xảy ra hiện tượng trượt nước. Khi bạn lái xe trên đường ngập đầy nước với tốc độ quá cao, nước dưới mặt đường sẽ bắn lên lốp xe làm bạn không thể xoay vô lăng và phanh theo ý muốn.

Từ từ giảm tốc khi bạn về số. Nếu đường trơn trượt, phanh đột ngột sẽ làm lốp bị trượt.

Hộp Số Vô Cấp*

■ Chuyển Động Từ Từ

Khi động cơ chạy không tải ở tốc độ cao thì xe sẽ tự chuyển động từ từ.
Nhấn bàn đạp phanh chắc chắn khi dừng.

■ Nhảy Về Số

Nhấn nhanh bàn đạp ga trong khi lái xe lên dốc có thể làm hộp số nhảy về số thấp hơn, làm cho xe bị tăng tốc bất ngờ. Hãy nhấn bàn đạp ga cẩn thận, đặc biệt là khi lái ở đường trơn và vòng cua.

 * Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Loại xe có hộp số vô cấp

Sang Số

Chuyển vị trí số phù hợp với nhu cầu lái xe của bạn.

■ Vị trí cần số



1 Nút Nhả

P Số Đỗ
Dùng khi đỗ xe hoặc khởi động động cơ

R Số Lùi
Dùng khi lùi xe

N Số Không
Hộp số không bị khóa

D Số Lái
Dùng:
- Cho chế độ lái thường
- Khi lái tạm thời ở chế độ sang số thường 7 cấp
- Khi lái ở chế độ sang số thường 7 cấp (khi lái ở chế độ **SPORT**)

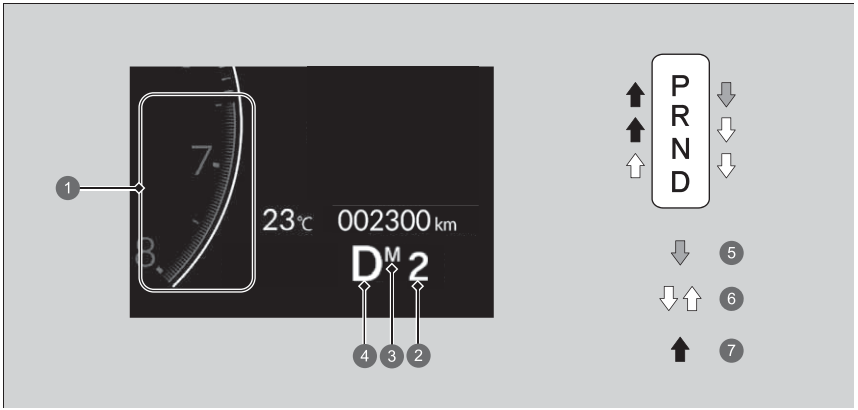
Vị trí cần số

Bạn không thể chuyển chế độ nguồn từ BẬT sang TẮT MÁY trừ khi cần số ở P.

Xe có thể di chuyển rất nhẹ với cần số ở N khi động cơ nguội.
Giữ chắc bàn đạp phanh, khi cần, hãy nhấn phanh đỗ.

Còn nữa

■ Vận Hành Cần Số



❶ Vùng Đỏ Của Đồng Hồ Đo Tốc Độ Động Cơ
❷ Đèn Báo Số
❸ Đèn Báo **M** (chế độ sang số thường 7 cấp)
❹ Đèn Báo Số/Đèn Báo Hệ Thống Số
❺ Nhấn bàn đạp phanh và ấn nút nhả cần số để sang số.
❻ Sang số mà không ấn nút nhả cần số.
❼ Ấn nút nhả cần số và sang số.

Vận Hành Cần Số

CHÚ Ý

Khi bạn chuyển số từ D sang R và ngược lại, hãy dừng hẳn xe đồng thời nhấn và giữ bàn đạp phanh. Vận hành cần số trước khi xe dừng hẳn có thể làm hỏng hộp số.

Quan sát đèn báo số và kiểm tra vị trí cần số trước khi kéo.

Nếu đèn báo hệ thống số nhấp nháy khi lái xe ở bất cứ vị trí nào chứng tỏ hộp số đang gặp sự cố. Tránh tăng tốc đột ngột và đến đại lý để kiểm tra hộp số càng sớm càng tốt.

Việc cấp nhiên liệu có thể bị ngắt nếu bạn lái xe khi tốc độ động cơ ở mức hoặc vượt quá vùng đỏ trên đồng hồ đo tốc độ động cơ (giới hạn tốc độ động cơ). Nếu điều này xảy ra, bạn có thể cảm thấy rung nhẹ.

Có thể không vận hành được cần số nếu đang nhấn bàn đạp phanh và ấn nút nhả cần số. Nhấn bàn đạp phanh trước.

Khi sang số ở nơi có nhiệt độ quá thấp (-30°C), sẽ có khoảng dừng ngắn trước khi vị trí số được hiển thị. Luôn xác nhận bạn ở vị trí số đúng trước khi lái.

■ Chế Độ Sang Số Thường 7 Cấp

Dùng lẫy sang số để thay đổi giữa cấp số 1 và cấp số 7 mà không cần bỏ tay ra khỏi vô lăng. Hộp số sẽ chuyển sang chế độ sang số thường 7 cấp nếu bạn kéo lẫy sang số khi đang lái xe. Chế độ này rất hữu ích khi cần dùng đến phanh động cơ.

■ Khi cần số ở D:

Chế độ sang số sẽ tạm thời chuyển sang chế độ sang số thường 7 cấp và số cấp sẽ hiển thị trên đèn báo số.
Chế độ sang số thường 7 cấp sẽ tự động hủy nếu bạn lái xe với tốc độ ổn định hoặc tăng tốc và số trên đèn báo số sẽ tắt.
Bạn có thể hủy chế độ này bằng cách kéo lẫy sang số + trong vài giây. Chế độ sang số thường 7 cấp đặc biệt hữu ích khi tạm thời giảm tốc độ trước khi rẽ.

■ Khi cần số ở D với chế độ SPORT:

Chế độ sang số sẽ chuyển sang chế độ sang số thường 7 cấp. Đèn báo **M** và số cấp sẽ hiển thị trên đèn báo số. Khi tốc độ xe giảm, số sẽ tự động giảm theo. Khi xe chuẩn bị dừng, hệ thống sẽ tự động giảm xuống số 1.

Nếu tốc độ xe tăng và tốc độ động cơ gần đạt đến vùng đỏ trên đồng hồ đo tốc độ động cơ, số sẽ tự động tăng.

Bạn chỉ có thể kéo cần số khi ở số 1.

»Chế Độ Sang Số Thường 7 Cấp

Ở chế độ sang số thường 7 cấp, số tăng hoặc giảm theo vận hành của lẫy sang số khi đáp ứng các điều kiện sau:
Tăng Số: Tốc độ động cơ ở ngưỡng thấp nhất của số cao hơn.
Giảm Số: Tốc độ động cơ ở ngưỡng cao nhất của số thấp hơn.

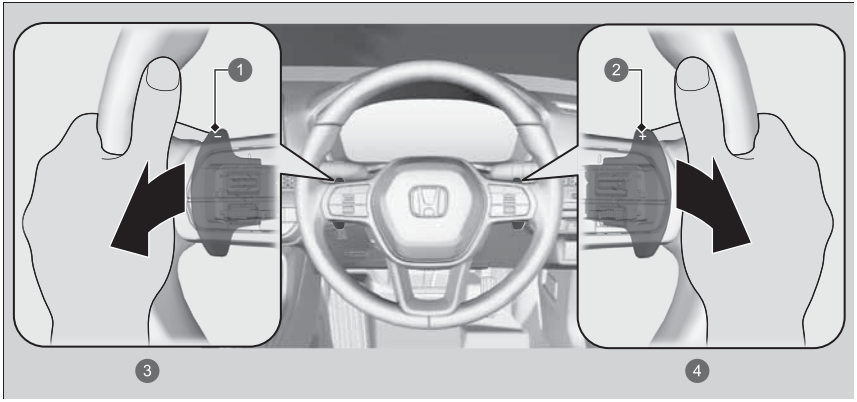
Khi tốc độ động cơ gần đạt đến vùng đỏ của đồng hồ đo tốc độ động cơ, số sẽ tự động tăng. Khi tốc độ động cơ đạt ngưỡng thấp nhất của vị trí số đã chọn, số sẽ tự động giảm.

Vận hành lẫy sang số trên bề mặt trượt có thể làm lốp xe bị khóa. Trong trường hợp này, chế độ sang số thường 7 cấp sẽ bị hủy và trở về chế độ lái thường D.

Còn nữa

Khi hủy chế độ sang số thường 7 cấp, sử dụng công t**ắc DRIVE MODE** (CHẾ ĐỘ LÁI) để chọn chế độ khác chế độ **SPORT** hoặc kéo lẫy sang số + trong vài giây. Khi chế độ sang số thường 7 cấp bị hủy, đèn báo **M** và đèn báo số sẽ tắt.

Vận Hành Chế Độ Sang Số Thường 7 Cấp



1. Lẫy Sang Số − (Giảm số)
2. Lẫy Sang Số + (Tăng số)
3. Giảm số khi kéo lẫy sang số − (Về số thấp hơn)
4. Tăng số khi kéo lẫy sang số + (Lên số cao hơn)

Vận Hành Chế Độ Sang Số Thường 7 Cấp

Mỗi lần vận hành lẫy sang số sẽ làm thay đổi một cấp tốc độ.
Để thay đổi liên tục, nhả lẫy sang số trước khi kéo lại để sang cấp tốc độ tiếp theo.

Đèn báo số sẽ nhấp nháy khi bạn không thể tăng số hoặc giảm số. Điều này có nghĩa không thể sang số với tốc độ xe đang chạy.
Tăng tốc và giảm tốc nhẹ để tăng số và giảm số khi đèn báo nhấp nháy.

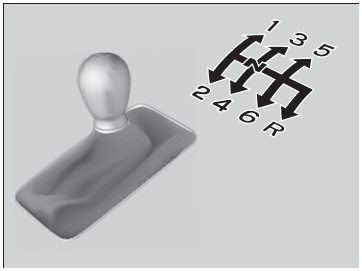
Loại xe số sàn

Sang Số

■ Vận Hành Cần Số

Nhấn hết cỡ bàn đạp ly hợp để vận hành cần số và sang số, sau đó nhả từ từ bàn đạp.

Nhấn bàn đạp ly hợp và tạm dừng vài giây trước khi sang số R, hoặc vào số tiến một lúc để bánh răng không "cọ sát" vào nhau.



Khi không sang số, không đặt chân lên bàn đạp ly hợp để tránh làm ly hợp bị mòn nhanh hơn.

Vận Hành Cần Số

CHÚ Ý

Không sang số R khi xe chưa dừng hẳn.
Sang số R khi xe chưa dừng có thể làm hỏng hộp số.

CHÚ Ý

Trước khi giảm số, cần đảm bảo động cơ sẽ không nằm trong vùng đỏ của đồng hồ đo tốc độ động cơ để tránh làm hỏng động cơ nghiêm trọng.

Trên cần số có một bộ phận bằng kim loại. Nếu đỗ xe ngoài trời nóng trong một thời gian dài, hãy cẩn thận trước khi gạt cần số vì nhiệt độ có thể làm cần số cực kỳ nóng. Nếu nhiệt độ bên ngoài thấp, thì cần số sẽ mát.

Nếu bạn vượt quá tốc độ tối đa của số hiện tại, tốc độ động cơ sẽ đi vào vùng đỏ của đồng hồ đo tốc độ động cơ và lúc này bạn có thể cảm thấy xe rung nhẹ.

■ Hệ Thống Vù Ga Tự Động

Điều chỉnh vòng quay động cơ để phù hợp với tốc độ tối ưu của số sắp vào.

➔ **Công Tắc Chế Độ Lái** Tr. 424

■ Hạn Chế

Hệ thống vù ga tự động sẽ không hoạt động trong các điều kiện sau:

- Bạn đang sang số thấp hơn, nhưng hệ thống xác định rằng động cơ sẽ vượt quá số vòng quay.
- Bạn đang sang số 1 từ số cao hơn.
- Vòng quay động cơ thấp và bạn sang số thấp hơn theo thứ tự tuần tự.
- Hệ thống xác định động cơ sẽ ở tốc độ chạy không tải sau khi bạn chuyển sang số cao hơn.
- Không nhấn hoàn toàn bàn đạp ly hợp.

Hệ thống vù ga tự động có thể ngừng hoạt động nếu nhấn hoàn toàn bàn đạp ly hợp trong một khoảng thời gian dài.

Hệ Thống Vù Ga Tự Động

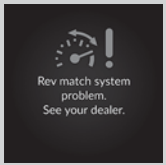
Bạn có thể tắt hệ thống vù ga tự động bằng màn hình âm thanh/thông tin.

➔ **Tính Năng Tùy Chọn** Tr. 313

Nếu bạn nhấn bàn đạp ga trong khi chuyển số, hệ thống có thể sẽ ưu tiên các đầu vào từ bàn đạp ga tùy thuộc vào mức độ nhấn bàn đạp ga.

Nếu thông báo dưới đây xuất hiện, có thể hệ thống có sự cố. Hệ thống vù ga tự động có thể không hoạt động, nhưng bạn vẫn có thể chuyển số như thông thường. Đưa xe đến đại lý để kiểm tra hệ thống.

Loại xe Philippin

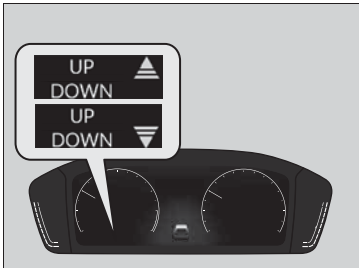


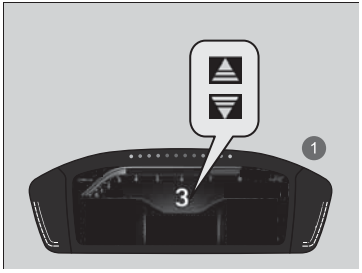
Ngoại trừ loại xe Philippin



Còn nữa

Đèn Báo Tăng/Giảm Số





Sáng để thông báo rằng bạn nên tăng số hoặc giảm số để ngăn động cơ chạy quá vòng hoặc chết máy.

Đèn báo tăng số: Sáng để báo cho bạn biết cần tăng số.

Đèn báo giảm số: Sáng để báo cho bạn biết cần giảm số.

❶ Khi sử dụng đồng hồ đo **+R**

Đèn Báo Tăng/Giảm Số

Đèn báo này sẽ không nhắc bạn giảm số để tăng phanh động cơ. Việc giảm số để tăng phanh động cơ khi lái xe xuống dốc là tùy thuộc vào bạn.

Luôn giảm số ở tốc độ xe thích hợp.

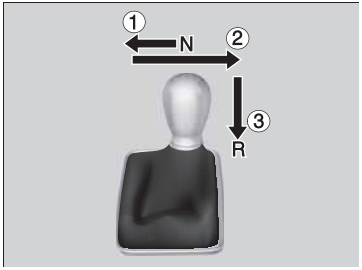
Đèn báo giảm số không sáng khi đang giảm từ số 2 sang số 1.

Điều kiện giao thông và đường xá có thể làm thời điểm nhắc sang số bị lệch so với thời điểm quy định.

Khóa Số Lùi

Hộp số thường có cơ chế khóa tránh vô tình sang số R từ số tiến trong khi xe đang chạy quá tốc độ phù hợp.

Khi bạn không sang được số R khi xe đã dừng hẳn, hãy làm như sau:



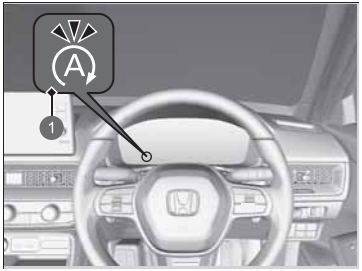
1. Nhấn bàn đạp ly hợp, gạt cần số hết cỡ sang trái và sang số R.
2. Nếu bạn vẫn không thể sang số R, hãy gài phanh đỗ và đặt chế độ nguồn ở PHỤ KIỆN hoặc TẮT MÁY.
3. Nhấn bàn đạp ly hợp và sang số R.
4. Tiếp tục nhấn bàn đạp ly hợp và khởi động động cơ.

Khóa Số Lùi

Đưa xe đến đại lý để kiểm tra xe nếu bạn phải thực hiện quy trình này nhiều lần.

Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời*

Để giúp tiết kiệm nhiên liệu tối đa, động cơ sẽ tự động dừng khi xe chuẩn bị dừng tùy thuộc vào điều kiện môi trường và điều kiện vận hành của xe. Đèn báo (xanh lục) sẽ sáng vào thời điểm này.



1 Đèn Báo Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời (Xanh Lục)

Điều kiện xe và môi trường ảnh hưởng nhiều đến hoạt động của hệ thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời.

Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời Hoạt Động Khi: Tr. 417, 418

Sau đó động cơ khởi động lại khi xe chuẩn bị chạy và đèn báo (xanh lục) sẽ tắt.

Động Cơ Tự Động Khởi Động Lại Khi: Tr. 419

Nếu cửa người lái mở trong khi đèn báo (xanh lục) sáng, tiếng bíp sẽ vang lên để thông báo cho bạn biết chức năng Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời đang hoạt động.

Thông báo về Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời*

Ắc quy 12 vôn lắp trên xe này được thiết kế đặc biệt cho loại xe có Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời. Không sử dụng loại ắc quy 12 vôn theo quy định sẽ làm giảm tuổi thọ của ắc quy 12 vôn và khiến Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời không hoạt động. Nếu bạn cần thay ắc quy 12 vôn, đảm bảo chọn đúng loại quy định. Hãy tham khảo ý kiến đại lý để biết chi tiết.

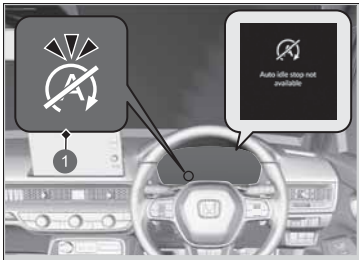
Thông Số Kỹ Thuật Tr. 720

Thời gian hoạt động của Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời:

- Tăng lên khi ở chế độ **ECON**, so với khi chế độ **ECON** tắt và đang sử dụng hệ thống điều khiển khí hậu.

Công Tắc Chế Độ Lái Tr. 421

 * Không áp dụng cho tất cả các đời xe



1 Đèn Báo Tạm Dừng Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời

Đèn báo tạm dừng Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời sẽ sáng và thông báo sẽ xuất hiện trên đồng hồ đo khi hệ thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời không hoạt động.

➔ **Đèn Báo** Tr. 114
➔ **BẬT/TẮT Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời** Tr. 416

Còn nữa

■ BẬT/TẮT Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời



❶ Đèn Báo **TẮT** Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời
❷ Nút **TẮT** Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời

Ấn nút này để tắt hệ thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời. Hệ thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời sẽ ngừng hoạt động.

► Đèn báo hệ thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời sẽ sáng và thông báo xuất hiện trên đồng hồ đo.

Hệ thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời sẽ bật mỗi khi bạn khởi động động cơ, ngay cả khi bạn đã tắt hệ thống trong lần lái xe gần đây nhất.

»BẬT/TẮT Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời

Nếu bạn tắt hệ thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời khi hệ thống đang hoạt động, động cơ sẽ khởi động lại.

Nếu bạn giữ nút **TẮT** Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời, thông báo hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời sẽ tắt.

■ Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời Hoạt Động Khi:

Xe dừng với cần số ở D và nhấn bàn đạp phanh. Khi bạn gạt nhanh cần số đến P và nhấn bàn đạp phanh, hệ thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời sẽ tiếp tục hoạt động ngay cả khi đã nhả bàn đạp phanh.

▶ Nếu bạn nhấn bàn đạp phanh, động cơ sẽ tự động khởi động lại.

■ Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời không hoạt động khi:

- Ấn nút **TẮT** Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời.
- Người lái không thắt dây đai an toàn.
- Động cơ chưa đủ ấm hoặc nhiệt độ nước làm mát cao.
- Nhiệt độ dầu hộp số thấp hoặc cao.
- Xe lại chuẩn bị dừng trước khi tốc độ xe đạt tới 5 km/h sau khi động cơ khởi động.
- Dừng xe trên dốc cao.
- Cần số không ở D.
- Khởi động động cơ khi nắp ca-pô mở.
  ▶ Tắt động cơ. Đóng nắp ca-pô trước khi khởi động lại động cơ để kích hoạt hệ thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời.
- Ắc quy yếu.
- Nhiệt độ bên trong ắc quy là từ 5°C trở xuống.
- Hệ thống điều khiển nhiệt độ đang hoạt động và nhiệt độ ngoài trời dưới -20°C hoặc trên 40°C.
- Hệ thống điều khiển nhiệt độ đang hoạt động và nhiệt độ đặt ở **Hi** hoặc **Lo**.
- FRONT bật (đèn báo sáng).
- Chế độ lái ở chế độ **SPORT**.

Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời Hoạt Động Khi:

Không mở nắp ca-pô khi chức năng Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời đang hoạt động.
Nếu nắp ca-pô mở, động cơ sẽ không tự động khởi động lại.
Trong trường hợp này, hãy khởi động lại động cơ bằng nút **ENGINE START/STOP**.

➡ **Khởi Động Động Cơ** Tr. 397

Ấn nút **ENGINE START/STOP** sẽ làm cho động cơ không tự động khởi động lại được nữa. Hãy thực hiện quy trình tiêu chuẩn để khởi động động cơ.

➡ **Khởi Động Động Cơ** Tr. 397

Khi hệ thống Điều Khiển Chê Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp đang hoạt động, xe dừng lại mà không nhấn bàn đạp phanh và hệ thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời có thể hoạt động.
Trong trường hợp này, động cơ có thể khởi động lại nếu vị trí số không ở D.

Còn nữa

■ **Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời không hoạt động khi:**

- Dừng xe bằng cách phanh đột ngột.
- Xoay vô lăng.
- Xe ở nơi có độ cao lớn.
- Tăng ga và giảm ga liên tục khi xe chạy ở tốc độ thấp.
- Tốc độ quạt cao.
- Hệ thống điều khiển nhiệt độ đang hoạt động và có sự chênh lệch đáng kể giữa nhiệt độ cài đặt và nhiệt độ thực tế bên trong xe.
- Hệ thống điều khiển nhiệt độ đang hoạt động và độ ẩm bên trong xe cao.

■ Động Cơ Tự Động Khởi Động Lại Khi:

- Nhả bàn đạp phanh (không kích hoạt hệ thống giữ phanh tự động).
- Nhấn bàn đạp ga (kích hoạt hệ thống giữ phanh tự động).
  ➲ **Giữ Phanh Tự Động** Tr. 561
- Gạt cần số đến [P] từ [D] hoặc [N] khi xe đang trên dốc.

■ Động cơ khởi động lại ngay cả khi đã nhấn bàn đạp phanh*1 khi:

- Ấn nút **TẮT** Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời.
- Xoay vô lăng.
- Gạt cần số đến [R] hoặc khi gạt cần số từ [N] đến [D].
  ▶ Nếu gạt cần số đến [P] sau khi kích hoạt Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời, Hệ Thống sẽ tiếp tục hoạt động. Trong trường hợp này, động cơ sẽ khởi động lại khi bạn nhấn bàn đạp phanh.
- Áp lực lên bàn đạp phanh giảm và xe bắt đầu di chuyển khi đang dừng trên đường dốc.
- Bàn đạp phanh liên tục được nhấn và nhả nhẹ trong khi dừng.
- Ắc quy yếu.
- Nhấn bàn đạp ga.
- Người lái không thắt dây đai an toàn.
- [FRONT] bật (đèn báo sáng).
- Hệ thống điều khiển nhiệt độ đang hoạt động và có sự chênh lệch đáng kể giữa nhiệt độ cài đặt và nhiệt độ thực tế bên trong xe.
- Hệ thống điều khiển nhiệt độ đang được sử dụng để hút ẩm bên trong xe.
- Xe phía trước xe bạn khởi động lại khi xe bạn dừng tự động bằng hệ thống Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp.
- Chọn chế độ **SPORT** bằng công tắc **DRVE MODE**.

Động Cơ Tự Động Khởi Động Lại Khi:

Nếu bạn sử dụng thiết bị điện tử trong khi xe đang ở Chế Độ Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời, thiết bị này có thể tạm thời bị tắt khi động cơ khởi động lại.

Động cơ khởi động lại ngay cả khi đã nhấn bàn đạp phanh*1 khi:

* 1: Khi hệ thống giữ phanh tự động hoạt động, bạn có thể nhả bàn đạp phanh trong khi Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời hoạt động.

Nếu hệ thống giữ phanh tự động tắt hoặc nếu hệ thống có sự cố, động cơ sẽ tự động khởi động lại khi bạn nhả bàn đạp phanh.

➲ **Giữ Phanh Tự Động** Tr. 561

Còn nữa

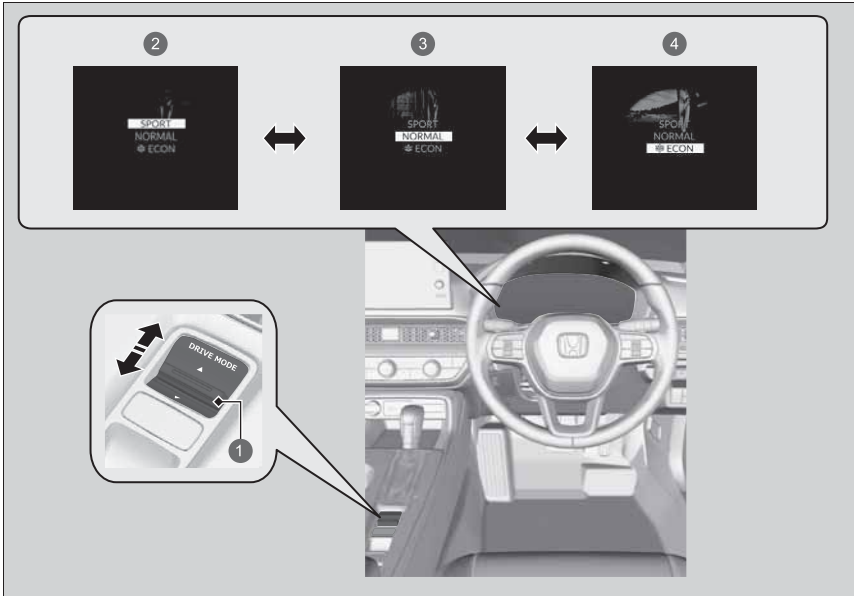
■ Chức Năng Phanh Hỗ Trợ Khởi Động

Phanh vẫn bám một lúc sau khi đã nhả bàn đạp phanh để khởi động lại động cơ. Điều này sẽ giữ cho xe của bạn không bị di chuyển bất ngờ khi đang dừng trên dốc.

Loại xe có hộp số vô cấp

Công Tắc Chế Độ Lái

Bạn có thể chọn một trong ba chế độ, chế độ **SPORT**, chế độ **NORMAL** và chế độ **ECON** bằng công tắc **DRVE MODE**.
Chế độ hiện tại hiển thị trên đồng hồ đo và mỗi chế độ sẽ hiển thị khác nhau.



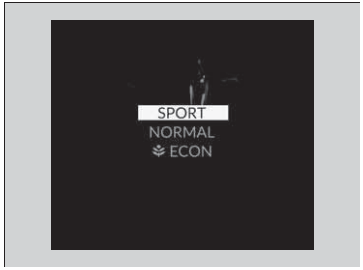
❶ Công Tắc **CHẾ ĐỘ LÁI**
❷ Chế độ **SPORT**
❸ Chế độ **NORMAL**
❹ Chế Độ **ECON**

Công Tắc Chế Độ Lái

Không thể thay đổi chế độ khi:
- Xe đang rẽ.
- Hệ thống VSA đang hoạt động.
- Động cơ, hộp số, VSA và EPS có sự cố.

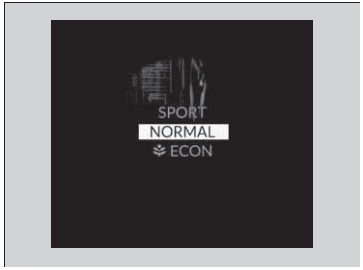
Còn nữa

■ Chế Độ SPORT



Tăng cường độ phản hồi với lực lái của người lái.

■ Chế Độ NORMAL



Chế độ này tối ưu hóa sự cân bằng giữa khả năng vận hành và sự thoải mái.

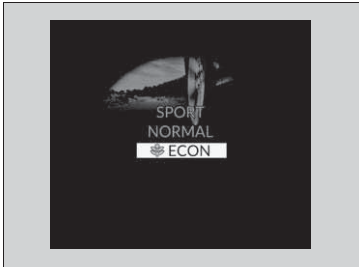
Chế Độ SPORT

Khi ở chế độ **SPORT**, Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời sẽ không hoạt động cho dù không ấn nút TẮT hệ thống.

Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời* Tr. 414

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Chế Độ ECON



Giúp lái xe tiết kiệm nhiên liệu.

Chế Độ Khởi Động Tiếp Theo

Chế độ cho lần khởi động tiếp theo được lưu theo bảng sau.

Chế Độ Lái Gần Đây Nhất	Chế Độ Lái Tiếp Theo
Chế Độ **ECON**	Chế Độ **ECON**
Chế Độ **NORMAL**	Chế Độ **NORMAL**
Chế Độ **SPORT**	Chế Độ **NORMAL**

Chế Độ ECON

Khi ở chế độ **ECON**, hệ thống điều khiển nhiệt độ sẽ kém hiệu quả hơn và xe tăng tốc chậm hơn.

Loại xe số sàn

Công Tắc Chế Độ Lái

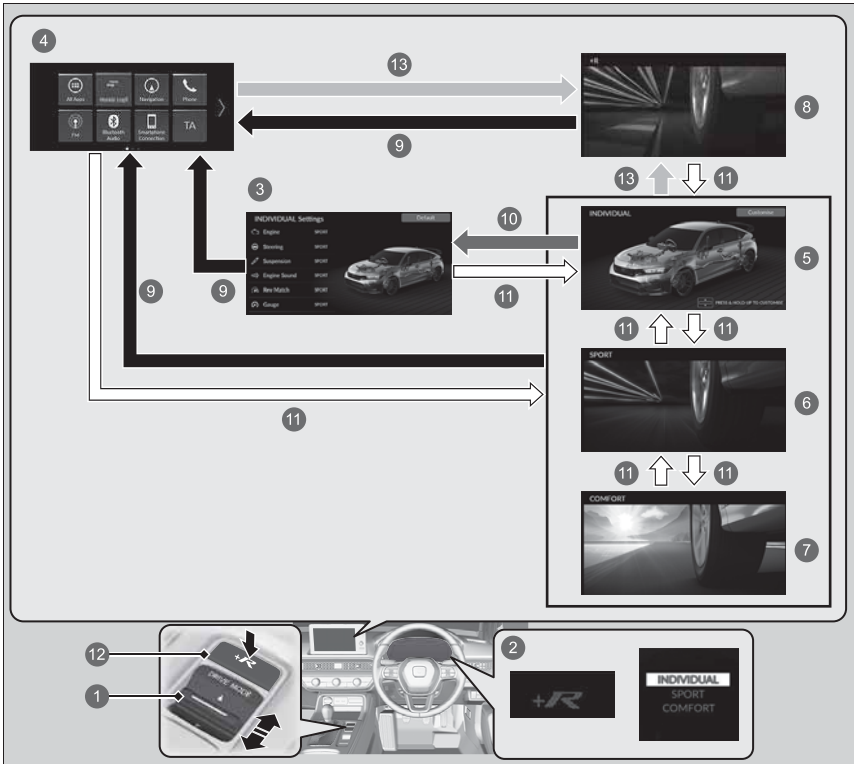
Bạn có thể chọn một trong bốn chế độ, chế độ **+R**, chế độ **SPORT**, chế độ **COMFORT** và chế độ **INDIVIDUAL** bằng công tắc **DRIVE MODE** hoặc nút **+R**. Chế độ hiện tại hiển thị trên đồng hồ đo và mỗi chế độ sẽ hiển thị khác nhau.

Công Tắc Chế Độ Lái

Không thể thay đổi chế độ khi:

- Xe đang rẽ.
- Hệ thống VSA đang hoạt động.
- Hệ thống giảm chấn thích ứng, động cơ, VSA và EPS có sự cố.

Chọn Chế Độ Lái



Còn nữa

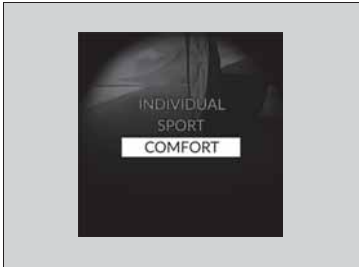
❶ Công Tắc **DRIVE MODE**
❷ Thay đổi chế độ bằng công tắc **DRIVE MODE** hoặc nút **+R** sẽ làm thay đổi màn hình trên đồng hồ đo.
❸ Màn Hình **Cài Đặt INDIVIDUAL**
❹ Màn Hình Âm Thanh/Thông Tin
❺ Chế Độ **INDIVIDUAL**
❻ Chế Độ **SPORT**
❼ Chế Độ **COMFORT**
❽ Chế Độ **+R**
❾ Ấn nút BACK hoặc HOME
Màn hình quay lại màn hình âm thanh/thông tin vài giây sau khi ấn nút **+R** hoặc công tắc **DRIVE MODE** lên hoặc xuống.
❿ Ấn công tắc **DRIVE MODE** lên và giữ hoặc chọn **Customize**[*1]/ **Customise**[*2]

➲ **Tùy Chọn Cài Đặt INDIVIDUAL** Tr. 430

⓫ Ấn công tắc **DRIVE MODE** lên hoặc xuống
⓬ Nút **+R**
⓭ Ấn nút **+R**

* 1: Loại xe Hồng Kông, Ma Cao và Philippin
* 2: Ngoại trừ loại xe Hồng Kông, Ma Cao và Philippin

Chế Độ COMFORT



Tăng cường sự thoải mái cho người lái.

Chế Độ SPORT



Tăng cường khả năng phản hồi với lực lái của người lái.

Còn nữa

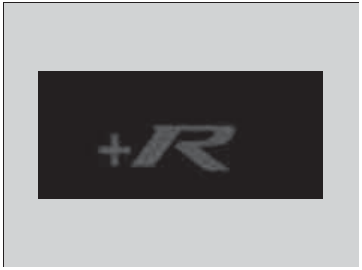
Chế Độ INDIVIDUAL



Tùy chỉnh từng hạng mục để phù hợp với sở thích của người lái.

Tùy Chọn Cài Đặt INDIVIDUAL Tr. 430

Chế Độ +R



Tối đa hóa khả năng phản hồi với lực lái của người lái.
Một số tính năng VSA có thể bị tắt hoàn toàn.

Khi ở chế độ lái +R Tr. 446

Chế Độ Khởi Động Tiếp Theo

Chế độ cho lần khởi động tiếp theo được lưu theo bảng sau.

Chế Độ Lái Gần Đây Nhất	Chế Độ Lái Tiếp Theo
COMFORT	**COMFORT**
INDIVIDUAL	**INDIVIDUAL**
SPORT	**SPORT**
+R	Nếu chế độ **+R** được sử dụng ở lần gần đây nhất trước khi bạn TẮT chế độ nguồn, chế độ được chọn trước chế độ **+R** sẽ được chọn ở lần tiếp theo khi bạn BẬT chế độ nguồn.

Còn nữa

■ Tùy Chọn Cài Đặt INDIVIDUAL





1. Chọn chế độ **INDIVIDUAL**.

2. Ấn công tắc **DRIVE MODE** lên và giữ hoặc chọn **Customize***1/**Customise***2 để mở **cài đặt INDIVIDUAL**.

▶ Bạn có thể chọn Tính Năng Tùy Chọn trên màn hình âm thanh/thông tin.

➡ **Chọn Chế Độ Lái** Tr. 425
➡ **Tính Năng Tùy Chọn** Tr. 313

3. Chọn hạng mục cài đặt.

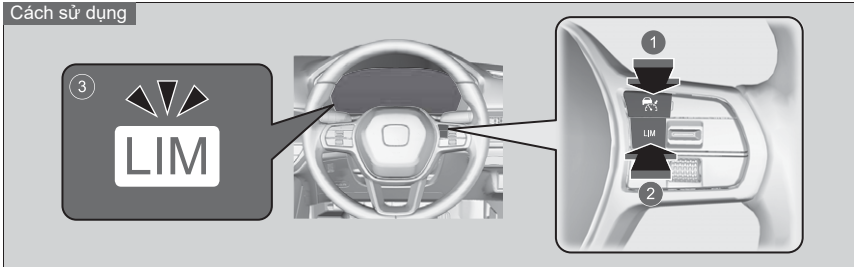
4. Chọn cài đặt mong muốn.

* 1: Loại xe Hồng Kông, Ma Cao và Philippin
* 2: Ngoại trừ loại xe Hồng Kông, Ma Cao và Philippin

Hệ Thống Giới Hạn Tốc Độ Có Thể Điều Chỉnh*

Hệ thống này cho phép bạn cài đặt một tốc độ tối đa không thể vượt quá ngay cả khi bạn nhấn bàn đạp ga.
Có thể cài đặt giới hạn tốc độ xe từ khoảng 30 km/h đến 320 km/h.

Cách sử dụng



❶ Ấn nút trên vô lăng.
❷ Nếu có đèn báo khác sáng, ấn nút **LIM** để chuyển sang giới hạn tốc độ có thể điều chỉnh.
❸ **Đèn Báo Hệ Thống Giới Hạn Tốc Độ Có Thể Điều Chỉnh (Trắng) sáng trên đồng hồ đo**
Sẵn sàng sử dụng hệ thống giới hạn tốc độ có thể điều chỉnh.

Hệ Thống Giới Hạn Tốc Độ Có Thể Điều Chỉnh*

⚠CẢNH BÁO

Hệ thống Giới Hạn Tốc Độ Có Thể Điều Chỉnh cũng có hạn chế, nên bạn phải luôn chủ động điều chỉnh tốc độ xe theo giới hạn tốc độ thực tế, và vận hành xe an toàn.

⚠CẢNH BÁO

Không nhấn bàn đạp ga quá mức cần thiết. Duy trì vị trí bàn đạp ga tuỳ thuộc vào tốc độ xe.

Hệ thống giới hạn tốc độ có thể điều chỉnh không thể giữ tốc độ giới hạn đã cài đặt khi lái xuống dốc. Nếu việc này xảy ra, giảm tốc độ bằng cách nhấn bàn đạp phanh.

Khi không sử dụng hệ thống giới hạn tốc độ có thể điều chỉnh:
Ấn nút để tắt hệ thống.

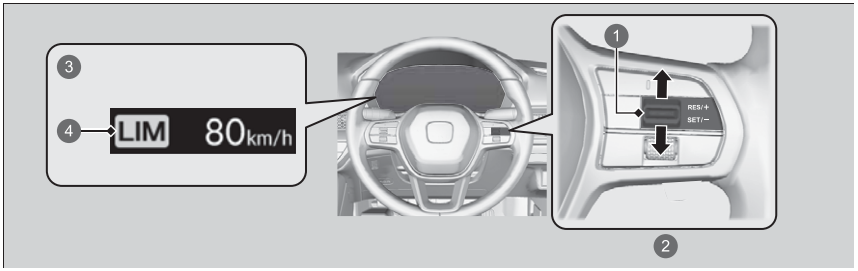
Bạn không thể sử dụng hệ thống Giới Hạn Tốc Độ Có Thể Điều Chỉnh và các hệ thống bên dưới cùng một lúc.
- Hệ thống điều khiển chế độ chạy ổn định thích ứng (ACC)
- Hệ thống giới hạn tốc độ thông minh

Khi tốc độ động cơ giảm, hãy giảm số.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Còn nữa

■ Cài Đặt Tốc Độ Giới Hạn



1. Công tắc **RES/+/SET/-**
2. Lên hoặc xuống
3. Sáng khi hệ thống giới hạn tốc độ có thể điều chỉnh được cài đặt.
4. Đèn Báo Hệ Thống Giới Hạn Tốc Độ Có Thể Điều Chỉnh (Xanh Lục)

- Thả chân ra khỏi bàn đạp ga và ấn công tắc **RES/+/SET/-** lên hoặc xuống khi đạt tốc độ mong muốn.
  Lúc bạn nhả công tắc, tốc độ giới hạn được cố định, và giới hạn tốc độ có thể điều chỉnh được cài đặt. Tốc độ giới hạn được hiển thị.
- Bạn có thể cài đặt tốc độ giới hạn cài đặt trước đó bằng cách ấn **RES/+/SET/-** lên.

Cài Đặt Tốc Độ Giới Hạn

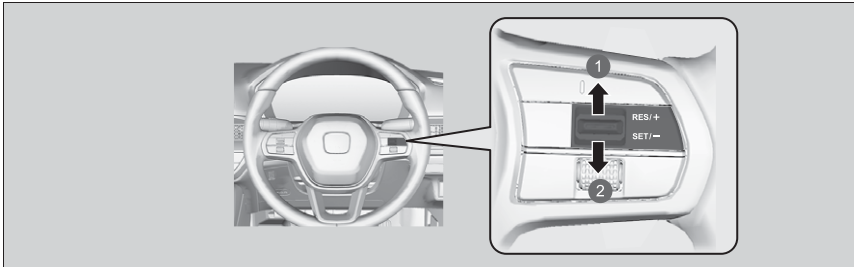
Nếu bạn cài đặt tốc độ giới hạn khi lái xe với tốc độ dưới 30 km/h, tốc độ cài đặt được cài đặt đến 30km/h.

Tiếng bíp vang lên và tốc độ giới hạn đang hiển thị sẽ nhấp nháy nếu tốc độ xe vượt quá giới hạn 3km/h trở lên trên dốc đứng.

Giới hạn tốc độ có thể điều chỉnh có thể được cài đặt đến tốc độ hiện tại nếu nó cao hơn tốc độ giới hạn cài đặt trước đó khi bạn ấn công tắc **RES/+/SET/-** lên.

Điều Chỉnh Tốc Độ Giới Hạn

Ấn công tắc **RES/+**/**SET/-** trên vô lăng để tăng hoặc giảm tốc độ giới hạn.



1 Để tăng tốc độ
2 Để giảm tốc độ

- Mỗi lần ấn công tắc **RES/+**/**SET/-** lên hoặc xuống, tốc độ giới hạn có thể tăng hoặc giảm 1 km/h.
- Nếu bạn ấn công tắc **RES/+**/**SET/-** lên hoặc xuống và giữ, tốc độ giới hạn có thể tăng hoặc giảm 10 km/h mỗi 0,5 giây đến khi đạt đến giới hạn hệ thống.
- Có thể tăng hoặc giảm tốc độ xe cho đến khi đạt tốc độ cài đặt.

Còn nữa

■ Vượt Quá Tốc Độ Giới Hạn Tạm Thời

Tốc độ giới hạn có thể bị vượt quá nếu nhấn hết cỡ bàn đạp ga.

▶ Tốc độ giới hạn hiển thị nhấp nháy.

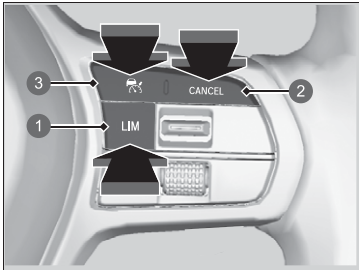
▶ Tiếng bíp vang lên khi xe chạy vượt quá tốc độ giới hạn.

Vượt Quá Tốc Độ Giới Hạn Tạm Thời

Tiếng bíp vang lên khi tốc độ xe cao hơn tốc độ giới hạn xe đã cài đặt khi nhấn hết cỡ bàn đạp ga.

Hệ thống giới hạn tốc độ có thể điều chỉnh sẽ tiếp tục hoạt động trở lại khi tốc độ xe trở lại mức thấp hơn tốc độ giới hạn đã cài đặt.

Huỷ



❶ Nút **LIM**
❷ Nút **CANCEL**
❸ Nút

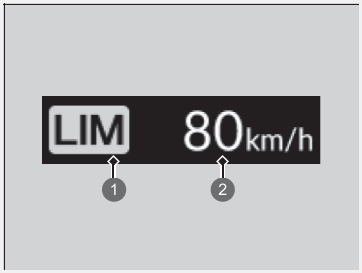
Để hủy hoạt động của hệ thống giới hạn tốc độ có thể điều chỉnh, thực hiện như sau:

- Ấn nút **CANCEL**.
- Ấn nút .
- Ấn nút **LIM**.

Huỷ

Giới hạn tốc độ có thể điều chỉnh sẽ chuyển sang điều khiển chế độ chạy ổn định thích ứng (ACC) hoặc giới hạn tốc độ thông minh nếu ấn nút **LIM**.

Khôi phục tốc độ cài đặt trước đó:
Ấn nút **CANCEL** để hiển thị tốc độ cài đặt trước đó (xám) và ấn công tắc **RES/+/SET/-** lên để khôi phục tốc độ cài đặt trước đó.
Nếu bạn đang lái xe ở tốc độ cao hơn tốc độ cài đặt trước đó (xám), giới hạn tốc độ có thể điều chỉnh được cài đặt đến tốc độ hiện tại bằng cách ấn nút **RES/+/SET/-** lên. Nếu bạn ấn công tắc **RES/+/SET/-** lên khi không hiển thị tốc độ cài đặt trước đó (xám), tốc độ sẽ được cài đặt đến tốc độ xe hiện tại.

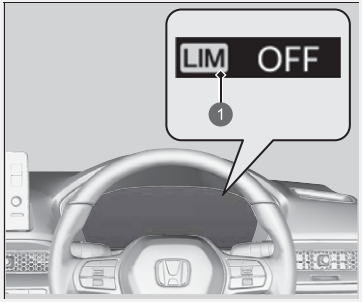


❶ Đèn Báo Hệ Thống Giới Hạn Tốc Độ Có Thể Điều Chỉnh (Trắng)
❷ Tốc Độ Cài Đặt Trước Đó (Xám)

Còn nữa

Huỷ

Nếu hệ thống có sự cố khi đang sử dụng giới hạn tốc độ có thể điều chỉnh, tiếng bíp vang lên và đèn báo **OFF** sáng. Giới hạn tốc độ có thể điều chỉnh sẽ tắt.



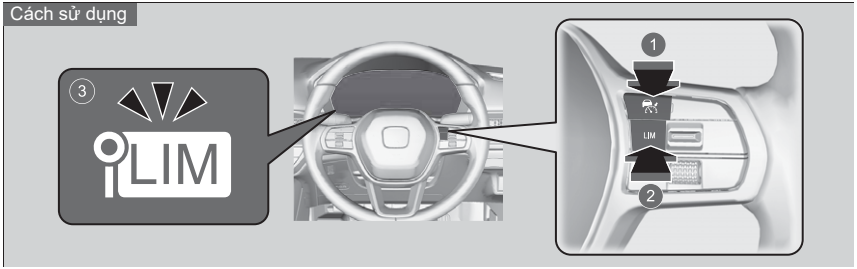
❶ Đèn Báo Hệ Thống Giới Hạn Tốc Độ Có Thể Điều Chỉnh (Màu Trắng)

Hệ Thống Giới Hạn Tốc Độ Thông Minh*

Hệ thống này có chức năng tự động cài đặt tốc độ giới hạn mà hệ thống nhận diện biển báo giao thông phát hiện để đảm bảo tốc độ giới hạn không vượt quá mức quy định ngay cả khi bạn nhấn bàn đạp ga. Nếu bạn nhấn hết cỡ bàn đạp ga, tốc độ giới hạn có thể vượt quá.

Hệ Thống Nhận Diện Biển Báo Giao Thông* Tr. 543

Cách sử dụng



1. Ấn nút trên vô lăng.
2. Nếu đèn báo khác sáng, ấn nút **LIM** để chuyển sang chế độ giới hạn tốc độ thông minh.
3. **Đèn Báo Hệ Thống Giới Hạn Tốc Độ Thông Minh (Trắng) sáng trên đồng hồ đo.**
   Sẵn sàng sử dụng hệ thống giới hạn tốc độ thông minh.

Hệ Thống Giới Hạn Tốc Độ Thông Minh*

⚠CẢNH BÁO

Hệ Thống Giới Hạn Tốc Độ Thông Minh có những hạn chế. Hệ Thống này có thể tự cài đặt cao hơn hoặc thấp hơn tốc độ giới hạn thực tế, hoặc không hoạt động, đặc biệt khi hệ thống nhận diện biển báo giao thông không hoạt động hiệu quả hoặc khi đường không có biển báo giới hạn tốc độ. Bạn luôn phải điều chỉnh tốc độ để tuân theo tốc độ giới hạn thực tế và đảm bảo vận hành xe an toàn.

Phụ thuộc vào mức độ nhấn bàn đạp ga, xe sẽ tăng tốc cho đến khi đạt tốc độ mà hệ thống nhận diện biển báo giao thông phát hiện.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Còn nữa

Hệ Thống Giới Hạn Tốc Độ Thông Minh*

Hệ thống có chức năng phát hiện các biển báo tuân theo các tiêu chuẩn của Công Ước Viên.
Không phải tất cả các biển báo đều được phát hiện, tuy nhiên bạn không nên bỏ qua bất kỳ biển báo nào được đặt bên lề đường. Hệ thống không thể nhận diện tất cả các biển báo giao thông ở các quốc gia bạn lái xe cũng như trong mọi tình huống.

Hệ Thống Nhận Diện Biển Báo Giao Thông* Tr. 543

Nếu cài đặt sai tốc độ giới hạn cho hệ thống giới hạn tốc độ thông minh, hãy thử một trong các cách sau để hủy:

- Ấn nút **CANCEL**.
- Ấn nút  .
- Ấn nút **LIM**.

Vượt quá tốc độ giới hạn tạm thời

- Nhấn hết cỡ bàn đạp ga.

Hệ thống giới hạn tốc độ thông minh không thể giữ tốc độ giới hạn đã cài đặt khi xuống dốc.
Trong tình huống này, hãy nhấn bàn đạp phanh để đi chậm lại.

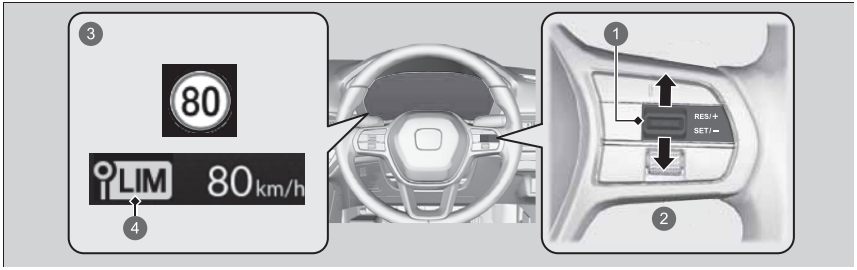
Khi không sử dụng giới hạn tốc độ thông minh, ấn nút  để tắt giới hạn tốc độ thông minh.

Bạn không thể sử dụng giới hạn tốc độ thông minh và điều khiển chế độ chạy ổn định thích ứng (ACC) hoặc giới hạn tốc độ có thể điều chỉnh cùng một lúc.

Khi tốc độ động cơ giảm, hãy giảm số.

 * Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Cài Đặt Tốc Độ Giới Hạn



1. Công tắc **RES/+/SET/-**
2. Lên hoặc xuống
3. Khi cài đặt hệ thống giới hạn tốc độ thông minh đến tốc độ giới hạn mà hệ thống nhận diện biển báo giao thông phát hiện.
4. Đèn Báo Hệ Thống Giới Hạn Tốc Độ Thông Minh (Xanh Lục)

- Tại thời điểm bạn nhả công tắc, hệ thống giới hạn tốc độ thông minh được cài đặt đến tốc độ giới hạn mà hệ thống nhận diện biển báo giao thông phát hiện. Tốc độ giới hạn sẽ hiển thị.

Hệ Thống Giới Hạn Tốc Độ Thông Minh*

Không sử dụng hệ thống giới hạn tốc độ thông minh ở các khu vực có đơn vị hiển thị khác với đơn vị hiển thị của hệ thống giới hạn tốc độ thông minh.

Cài Đặt Tốc Độ Giới Hạn

Nếu bạn cài đặt giới hạn tốc độ thông minh khi tốc độ giới hạn mà hệ thống nhận diện biển báo giao thông phát hiện là dưới 30 km/h, chức năng giới hạn tốc độ và chức năng cảnh báo có thể tạm dừng.

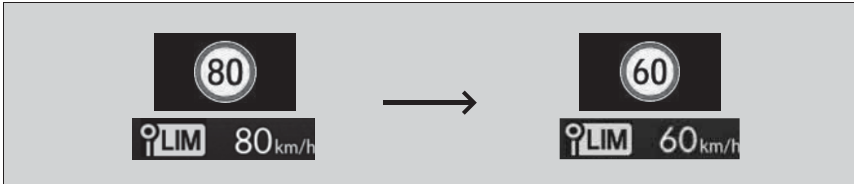
Nếu tốc độ xe bạn cao hơn tốc độ giới hạn mà hệ thống nhận diện biển báo giao thông phát hiện, xe của bạn giảm tốc từ từ đến tốc độ giới hạn hoặc thấp hơn. Nếu cần, nhấn bàn đạp phanh để đi chậm lại. Và tiếng bíp vang lên và tốc độ giới hạn được hiển thị sẽ nhấp nháy nếu xe vượt quá giới hạn từ 3 km/h trở lên.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Còn nữa

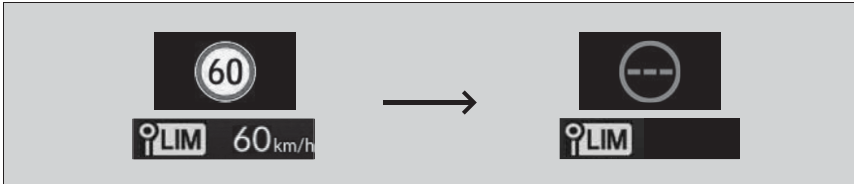
■ Khi hệ thống nhận diện biển báo giao thông phát hiện biển báo giới hạn tốc độ mới

Hệ thống giới hạn tốc độ thông minh sẽ được cài đặt đến tốc độ giới hạn mới mà hệ thống nhận diện biển báo giao thông phát hiện.



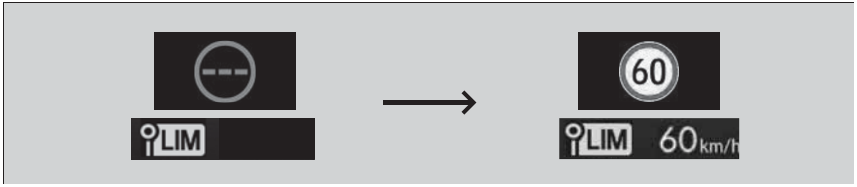
■ Chức năng giới hạn tốc độ và chức năng cảnh báo có thể tạm dừng nếu không có biển báo giới hạn tốc độ trên màn hình của hệ thống nhận diện biển báo giao thông khi:

- Phát hiện giới hạn được chỉ định khác.
- Bạn gạt cần xi nhan để chuyển hướng khi đi đến ngã ba.



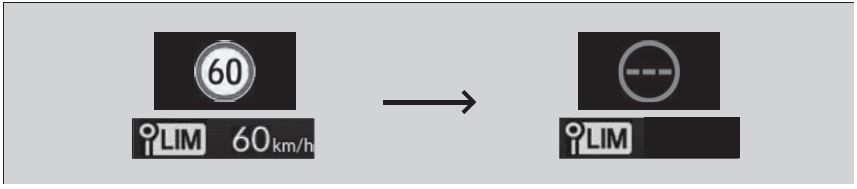
■ Khi hệ thống nhận diện biển báo giao thông phát hiện biển báo giới hạn tốc độ trong khi hệ thống giới hạn tốc độ thông minh tạm dừng

Chức năng giới hạn tốc độ và chức năng cảnh báo sẽ tự động tạm dừng.



■ Khi hệ thống nhận diện biển báo giao thông không phát hiện biển báo giới hạn tốc độ nào trong khi hệ thống giới hạn tốc độ thông minh hoạt động

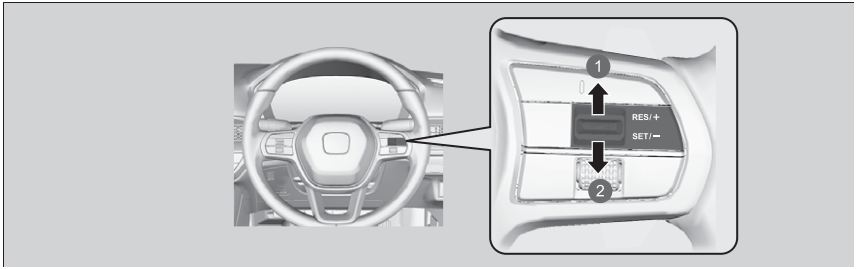
Trong khi lái, khi hệ thống nhận diện biển báo giao thông không phát hiện biển báo giới hạn tốc độ nào, hệ thống nhận diện biển báo giao thông có thể không hiển thị tốc độ giới hạn, nhưng giới hạn tốc độ thông minh vẫn tiếp tục hoạt động.



Còn nữa

■ Điều Chỉnh Tốc Độ Giới Hạn

Ấn công tắc **RES/+/SET/-** trên vô lăng để tăng hoặc giảm tốc độ giới hạn.



❶ Để tăng tốc độ
❷ Để giảm tốc độ

- Mỗi lần bạn ấn công tắc **RES/+/SET/-** lên hoặc xuống, tốc độ giới hạn sẽ tăng hoặc giảm 1 km/h.
- Bạn có thể tăng tốc độ giới hạn đến +10 km/h dựa vào tốc độ giới hạn mà hệ thống nhận diện biển báo giao thông phát hiện.
- Bạn có thể giảm tốc độ giới hạn đến -10 km/h dựa vào tốc độ giới hạn mà hệ thống nhận diện biển báo giao thông phát hiện.
- Bạn có thể tăng tốc cho đến khi đạt tốc độ cài đặt. Nếu tốc độ xe bạn cao hơn tốc độ giới hạn mà hệ thống nhận diện biển báo giao thông phát hiện, hãy giảm tốc từ từ đến tốc độ giới hạn.

Điều Chỉnh Tốc Độ Giới Hạn

Độ bù âm hoặc dương của tốc độ giới hạn sẽ tự động cài đặt lại khi hệ thống nhận diện biển báo giao thông phát hiện biển báo giới hạn tốc độ mới.

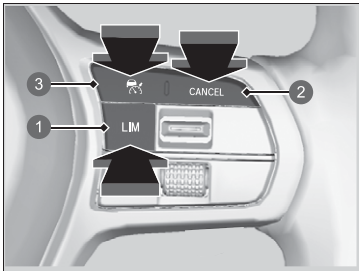
Bạn không thể giảm tốc độ giới hạn xuống dưới 30 km/h.

■ Vượt Quá Tốc Độ Giới Hạn Tạm Thời

Nhấn hết cỡ bàn đạp ga có thể làm vượt quá tốc độ giới hạn.

▶ Tốc độ giới hạn được hiển thị sẽ nhấp nháy.
Tiếng bíp vang lên khi vượt quá tốc độ giới hạn.

■ Hủy



Để hủy hoạt động của hệ thống giới hạn tốc độ thông minh, hãy làm một trong các cách sau:

- Ấn nút **CANCEL**.
- Ấn nút .
- Ấn nút **LIM**.

❶ Nút **LIM**
❷ Nút **CANCEL**
❸ Nút

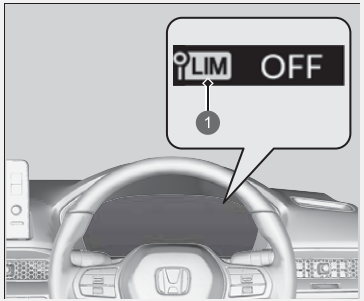
Vượt Quá Tốc Độ Giới Hạn Tạm Thời

Tiếng bíp vang lên khi tốc độ xe cao hơn tốc độ giới hạn đã cài đặt khi nhấn hết cỡ bàn đạp ga.

Hệ thống giới hạn tốc độ thông minh sẽ hoạt động trở lại khi tốc độ xe thấp hơn tốc độ giới hạn cài đặt.

Hủy

Giới hạn tốc độ thông minh chuyển sang điều khiển chế độ chạy ổn định thích ứng (ACC) hoặc giới hạn tốc độ có thể điều chỉnh nếu ấn nút **LIM**.



❶ Đèn Báo Hệ Thống Giới Hạn Tốc Độ Thông Minh (Trắng)

Nếu hệ thống hoặc hệ thống nhận diện biển báo giao thông có sự cố khi đang sử dụng hệ thống giới hạn tốc độ thông minh, tiếng bíp vang lên và **OFF** sáng. Hệ thống Giới hạn tốc độ thông minh sẽ tắt.

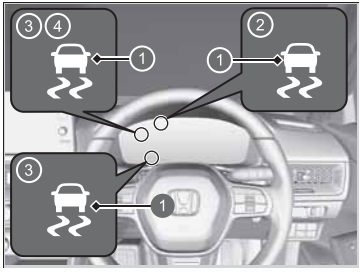
Hệ Thống Nhận Diện Biển Báo Giao Thông* Tr. 543

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA)

VSA giúp ổn định xe trong khi rẽ nếu xe rẽ nhiều hoặc ít hơn dự định. Hệ thống cũng hỗ trợ trong việc duy trì lực bám trên các bề mặt trơn trượt. Hệ thống này có thể thực hiện như vậy bằng cách điều chỉnh công suất động cơ và sử dụng phanh phù hợp.

Hoạt Động Của VSA



Khi VSA hoạt động, bạn có thể thấy động cơ không phản hồi lại bàn đạp ga. Bạn cũng có thể nghe thấy tiếng ồn từ hệ thống phanh thủy lực và nhìn thấy đèn báo nhấp nháy.

1. Đèn Báo Hệ Thống VSA
2. Loại xe có đồng hồ đo loại A
3. Loại xe có đồng hồ đo loại B
4. Khi sử dụng đồng hồ đo **+R***

Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA)

VSA không thể hoạt động hiệu quả nếu các lốp không cùng chủng loại và kích cỡ. Đảm bảo sử dụng lốp cùng kích cỡ và chủng loại và luôn giữ áp suất lốp ở mức quy định.

Khi đèn báo hệ thống VSA sáng và cứ sáng suốt trong khi lái thì có thể hệ thống có sự cố. Dù điều này không làm cản trở đến việc lái thông thường, nhưng bạn vẫn nên đưa ngay xe đến đại lý để kiểm tra.

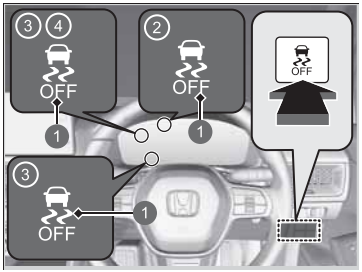
VSA không thể cải thiện tính ổn định của xe trong mọi tình huống và không điều khiển toàn bộ hệ thống phanh. Bạn vẫn cần phải lái và rẽ với tốc độ phù hợp ở mọi điều kiện và luôn giữ một khoảng cách đủ an toàn.

Chức năng chính của hệ thống VSA là Điều Khiển Ổn Định Điện Tử (ESC). Hệ thống cũng có chức năng điều khiển lực kéo.

Các đèn báo điều khiển chế độ chạy ổn định thích ứng (ACC) có hỗ trợ di chuyển tốc độ thấp*, điều khiển chế độ chạy ổn định thích ứng (ACC)*, hỗ trợ an toàn, hệ thống hỗ trợ ổn định xe (VSA), và **TẮT** hỗ trợ ổn định xe (VSA)* có thể sáng màu hổ phách đồng thời thông báo cũng xuất hiện trên đồng hồ đo khi bạn đặt chế độ nguồn ở BẬT sau khi lắp lại ắc quy.
Hãy lái xe một quãng được ngắn với tốc độ trên 20 km/h. Từng đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn báo không tắt, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Bật và Tắt VSA



1. Đèn Báo **TẮT** VSA
2. Loại xe có đồng hồ đo loại A
3. Loại xe có đồng hồ đo loại B
4. Khi sử dụng đồng hồ đo **+R***

Nút này nằm ở bảng điều khiển phía người lái. Để tắt một số chức năng/tính năng VSA, hãy ấn và giữ nút cho đến khi nghe thấy tiếng bíp.

Xe bạn sẽ có khả năng phanh và rẽ bình thường, nhưng khả năng bám đường sẽ giảm.

Để bật lại chức năng/tính năng của VSA, ấn nút (**TẮT** VSA) cho đến khi nghe thấy tiếng bíp.

VSA sẽ được bật mỗi khi bạn khởi động động cơ, cho dù bạn đã tắt tính năng này vào lần lái xe gần đây nhất.

Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA)

Ở một số điều kiện bất thường như khi xe bị kẹt trong tuyết hoặc vũng bùn nông, xe sẽ dễ thoát ra hơn khi tắt VSA tạm thời.

Khi ấn nút , khả năng bám đường sẽ giảm cho phép bánh xe quay tự do hơn ở tốc độ thấp. Bạn chỉ nên tắt VSA để đưa xe thoát khỏi tình trạng bị kẹt nếu như không thể khắc phục được tình trạng đó khi bật VSA.

Ngay sau khi xe thoát khỏi tình trạng kẹt, đảm bảo bật lại VSA. Không nên lái xe khi VSA tắt.

Bạn có thể nghe thấy âm thanh hoạt động của mô-tơ từ khoang động cơ trong khi thực hiện kiểm tra hệ thống ngay sau khi khởi động động cơ hoặc trong khi lái. Điều này là bình thường.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Còn nữa

Loại xe số sàn

■ Khi ở chế độ Lái +R



Để tắt hoàn toàn VSA, ấn và giữ nút **TẮT** VSA cho đến khi nghe thấy một tiếng bíp, sau đó là hai tiếng bíp nữa.

▶ Thông báo **Vehicle stability assist system fully OFF** (TẮT hoàn toàn hệ thống hỗ trợ ổn định xe) xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

Để bật lại toàn bộ chức năng của VSA, ấn nút **TẮT** VSA cho đến khi nghe thấy một tiếng bíp.

Nếu chọn chế độ TẮT VSA, và thay đổi chế độ lái sang một chế độ khác không phải chế độ **+R**, toàn bộ chức năng của VSA sẽ hoạt động trở lại và đèn báo **TẮT** VSA sẽ tắt.

Khi ở chế độ Lái +R

Ở chế độ TẮT, xe của bạn vẫn có khả năng phanh và rẽ như bình thường, nhưng sẽ không có chức năng cải thiện độ bám đường và ổn định xe VSA.

Khi hệ thống VSA tắt, hệ thống kiểm soát độ bám đường cũng sẽ tắt.

Bạn không nên lái xe khi hệ thống VSA và kiểm soát độ bám đường tắt.

Khi bạn tắt hoàn toàn VSA, bạn không thể sử dụng Hệ Thống Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) hoặc Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS).

Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường và Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS) không thực hiện chức năng trong khi VSA tắt hoàn toàn.

Không thể tắt hoàn toàn một số chức năng của VSA trong khi lái.

Hỗ Trợ Xử Lý Nhanh

Khi cần, hãy phanh nhẹ các bánh xe trước khi bạn xoay vô lăng để giúp hỗ trợ ổn định và vận hành xe trong khi rẽ.

Hỗ Trợ Xử Lý Nhanh

Chức năng hỗ trợ xử lý nhanh không thể cải thiện tính ổn định của xe trong mọi tình huống. Bạn vẫn cần lái và rẽ với tốc độ phù hợp trong mọi điều kiện và luôn giữ khoảng cách an toàn.

Khi đèn báo hệ thống VSA sáng và cứ sáng suốt trong khi lái, chức năng hỗ trợ xử lý nhanh sẽ không hoạt động.

Bạn có thể nghe thấy âm thanh từ khoang động cơ khi chức năng hỗ trợ xử lý nhanh hoạt động. Điều này là bình thường.

Loại xe số sàn

Vi Sai Hạn Chế Trượt (LSD)

■ Vi Sai Hạn Chế Trượt (LSD)

LSD (vi sai hạn chế trượt) là loại vi sai giúp phân bổ mô-men xoắn bổ sung đến bánh xe hoặc các bánh xe với độ bám đường tốt nhất để giảm thiểu trượt bánh xe và duy trì điều khiển xe.

Vi Sai Hạn Chế Trượt (LSD)

CHÚ Ý

Đảm bảo cả hai lốp trước của xe cùng chủng loại và kích cỡ và có độ mòn đều để LSD có thể thực hiện tốt chức năng.

Hệ Thống Thông Tin Điểm Mù*

Khi hệ thống phát hiện các phương tiện đang đến gần từ phía sau ở các làn đường bên cạnh, đèn báo tương ứng sẽ sáng nhằm hỗ trợ khi bạn chuyển làn đường.

Hệ Thống Thông Tin Điểm Mù*

Nhắc Nhở Quan Trọng Về Sự An Toàn

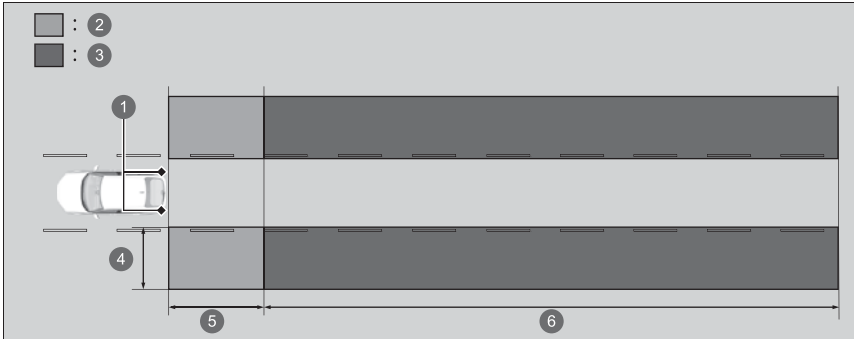
Như các hệ thống hỗ trợ khác, Hệ Thống Thông Tin Điểm Mù cũng có các hạn chế. Luôn nhìn vào gương xe, quan sát hai bên xe và phía sau để thấy được các phương tiện khác trước khi chuyển làn đường. Nếu bạn quá phụ thuộc vào Hệ Thống Thông Tin Điểm Mù có thể dẫn đến va chạm.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Còn nữa

■ Cách thức hoạt động của hệ thống

Hệ thống hoạt động khi xe bạn đang chạy về phía trước với tốc độ từ 20 km/h trở lên.



1. Cảm Biến Ra-đa: bên dưới các góc cản sau
2. Vùng Cảnh Báo 1
3. Vùng Cảnh Báo 2
   Phạm vi vùng cảnh báo
4. Xấp xỉ 0,5 đến 3 mét tính từ sườn xe.
5. Xấp xỉ 3 mét tính từ cản sau.
6. Xấp xỉ 3 đến 25 mét tính từ phía sau cản sau. (Xe tiến gần càng nhanh, thì khoảng cách phát hiện càng xa.)

Vùng cảnh báo được cài đặt ban đầu là vùng cảnh báo 1. Theo thời gian, sau khi xe được lái trên đường thẳng có các phương tiện giao thông và vật thể bên đường, hệ thống sẽ đi vào và mở rộng vùng cảnh báo (vùng cảnh báo 1 và 2).

Hệ Thống Thông Tin Điểm Mù*

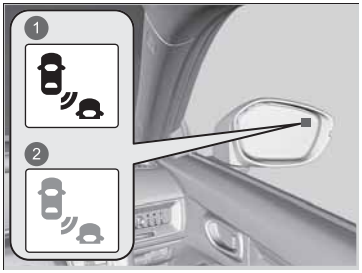
Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra trong các tình huống sau:

- Cản sau hoặc khu vực xung quanh cảm biến ra-đa bị tác động mạnh.
- Đèn báo không sáng ngay cả khi xe ở vùng cảnh báo cần được phát hiện.
- Cản sau hoặc bất kỳ bộ phận nào của hệ thống cần được sửa chữa.

Nếu cần sửa chữa cản sau hoặc bất kỳ bộ phận nào của hệ thống, hệ thống sẽ chỉ trở lại vùng cảnh báo 1 cho đến khi có thể đi vào và mở rộng sang vùng cảnh báo 1 và 2.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

■ Khi hệ thống phát hiện thấy xe khác



❶ Sáng
❷ Nhấp Nháy

Đèn cảnh báo hệ thống thông tin điểm mù: Nằm trên hai bên gương chiếu hậu ngoài xe.

Sáng khi:

- Có một xe khác đi vào vùng cảnh báo từ phía sau để vượt xe bạn với tốc độ chênh lệch so với xe của bạn không quá 50 km/h.
- Bạn vượt một xe khác với tốc độ chênh lệch so với xe đó không quá 20 km/h.

Nhấp nháy và tiếng bíp vang lên khi:

Bạn gạt cần gạt xi nhan theo hướng của xe được phát hiện trong khi đèn cảnh báo hệ thống thông tin điểm mù sáng.

▶ Tiếng bíp vang lên ba lần.

Hệ Thống Thông Tin Điểm Mù*

Để hệ thống thông tin điểm mù hoạt động tốt:

- Luôn giữ khu vực cản sau và khu vực xung quanh cảm biến ra-đa sạch sẽ.
- Không che khu vực góc cản sau bằng bất kỳ vật gì.

Hệ thống chỉ giúp bạn thuận tiện hơn. Ngay cả khi có một vật thể nằm trong vùng cảnh báo, các tình huống sau vẫn có thể xảy ra.

- Đèn cảnh báo hệ thống thông tin điểm mù không sáng và thông báo **Blind spot information not available**[*1]/**Blind spot information system not available**[*2] (Thông tin điểm mù không khả dụng) xuất hiện trên màn hình giao diện thôngtin cho người lái.
- Đèn cảnh báo hệ thống thông tin điểm mù có thể sáng ngay cả khi có thông báo.

Các đèn báo điều khiển chế độ chạy ổn định thích ứng (ACC) có hỗ trợ di chuyển tốc độ thấp*, điều khiển chế độ chạy ổn định thích ứng (ACC)*, hỗ trợ an toàn, hệ thống hỗ trợ ổn định xe (VSA), và **TẮT** hỗ trợ ổn định xe (VSA)* có thể sáng màu hổ phách đồng thời thông báo cũng xuất hiện trên đồng hồ đo khi bạn đặt chế độ nguồn ở BẬT sau khi lắp lại ắc quy.
Hãy lái xe một quãng được ngắn với tốc độ trên 20 km/h. Từng đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn báo không tắt, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

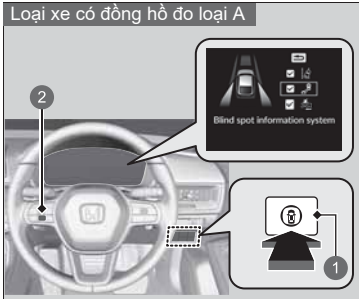
*1: Ngoại trừ loại xe Philippin
*2: Loại xe Philippin

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Còn nữa

■ Bật và Tắt Hệ Thống Thông Tin Điểm Mù

Loại xe có đồng hồ đo loại A



1 Công Tắc Hỗ Trợ An Toàn
2 Vòng Lựa Chọn Bên Trái

Khi bật và tắt hệ thống thông tin điểm mù, hãy làm như sau.

1. Ấn công tắc hỗ trợ an toàn.

Loại xe có đồng hồ đo loại A

2. Cuộn vòng lựa chọn bên trái đến biểu tượng và ấn.

Loại xe có đồng hồ đo loại B

2. Cuộn vòng lựa chọn bên phải đến biểu tượng và ấn.

- ▶ Thông báo xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái khi bật hoặc tắt hệ thống.
- ▶ Dấu tích xuất hiện trong ô và màu của biểu tượng chuyển sang màu xanh lục khi bật hệ thống. Dấu tích biến mất và màu của biểu tượng chuyển sang màu xám khi tắt hệ thống.

Hệ thống thông tin điểm mù sẽ cài đặt tiếp tục bật (có dấu tích) hoặc tắt (không có dấu tích) dựa theo lần lựa chọn trước đó mỗi khi bạn khởi động động cơ.

Hệ Thống Thông Tin Điểm Mù*

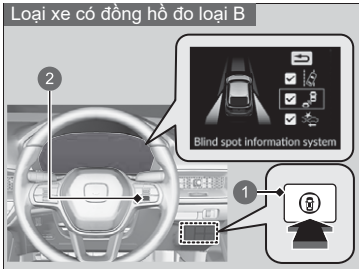
Bạn cũng có thể chọn nội dung hỗ trợ an toàn từ màn hình giao diện thông tin cho người lái.

➡ **Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái (Đồng Hồ Đo Loại A)** Tr. 140
➡ **Vùng Bên Phải Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái (Đồng Hồ Đo Loại B)** Tr. 160

Bạn có thể thay đổi cài đặt cho hệ thống thông tin điểm mù.

➡ **Tính Năng Tùy Chọn** Tr. 313

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe



❶ Công Tắc Hỗ Trợ An Toàn
❷ Vòng Lựa Chọn Bên Phải

Còn nữa

■ Điều Kiện và Hạn Chế của Hệ Thống Thông Tin Điểm Mù

Đèn cảnh báo hệ thống thông tin điểm mù có thể không sáng trong các điều kiện sau:

- Tốc độ giữa xe bạn và xe ở làn đường bên cạnh có sự chênh lệch lớn.
- Có một xe khác đang đỗ ở làn đường bên cạnh.
- Có một vật thể mà cảm biến ra-đa không phát hiện được sẽ tiến đến hoặc vượt xe bạn.
- Phương tiện chạy ở làn đường bên cạnh là xe máy hoặc các phương tiện nhỏ khác.

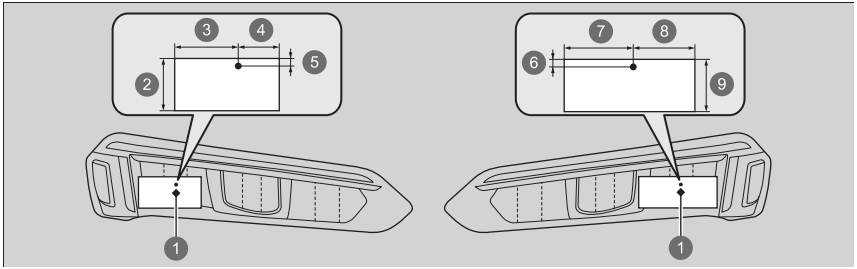
Hệ Thống Thông Tin Điểm Mù có thể hoạt động không hiệu quả trong các điều kiện sau:

- Rẽ ở giao lộ.
- Phát hiện các vật thể (lan can, cột điện, cây, v.v.)
- Có vật thể không phản xạ sóng vô tuyến tốt như xe máy, nằm trong vùng cảnh báo.
- Lái xe trên đường gồ ghề.
- Có xe khác đang di chuyển từ làn xa sang làn bên cạnh.
- Hệ thống thu nhiễu tín hiệu từ các cảm biến ra-đa của các xe khác hoặc thu sóng vô tuyến mạnh từ các tòa nhà gần đó.
- Cản sau hoặc khu vực xung quanh các cảm biến ra-đa bị bụi bẩn, bùn, tuyết, băng, v.v che phủ.
- Cản sau hoặc khu vực xung quanh cảm biến ra-đa bị hư hỏng hoặc biến dạng.
- Khi thời tiết xấu (mưa lớn, tuyết và sương mù).
- Vào cua gấp hoặc lái xe trên đường mấp mô làm xe bị nghiêng.
- Có một vật thể như giá để xe đạp được lắp vào phía sau xe.

Loại xe Australia có động cơ 2.0 L và loại xe Malaysia

Điều Chỉnh Phân Bố Ánh Sáng Đèn

Lái loại xe có vô lăng bên phải ở bên phải đường, hoặc lái loại xe có vô lăng bên trái ở bên trái đường sẽ khiến đèn chiếu sáng làm chói xe đang đến gần. Bạn cần thay đổi phân bố ánh sáng đèn chiếu xa bằng cách sử dụng băng dính bề mặt.



1. Điểm ở giữa
2. 40 mm
3. 48 mm
4. 32 mm
5. 10 mm
6. 10 mm
7. 52 mm
8. 48 mm
9. 40 mm

1. Chuẩn bị hai miếng băng dính hình chữ nhật, có chiều rộng 40 mm và chiều dài 100 mm*1 hoặc 80 mm*2.
► Sử dụng băng dính bề mặt có thể cản được ánh sáng, như loại keo dán nhựa không thấm nước.

2. Dán băng dính vào thấu kính như hình vẽ.

* 1: Cho đèn chiếu sáng phía người lái
* 2: Cho đèn chiếu sáng phía hành khách

Điều Chỉnh Phân Bố Ánh Sáng Đèn

Cẩn thận không dán băng dính sai vị trí. Nếu ánh sáng đèn chiếu xa phân bố không đúng cách, nó có thể không phù hợp với yêu cầu về pháp lý của quốc gia mà bạn đang lái xe. Liên hệ với đại lý để biết thêm chi tiết.

Honda Sensing là một hệ thống hỗ trợ người lái sử dụng camera trước được gắn ở bên trong kính chắn gió, phía sau gương chiếu hậu.

Honda Sensing có các chức năng sau.

■ Chức năng không cần vận hành công tắc để kích hoạt

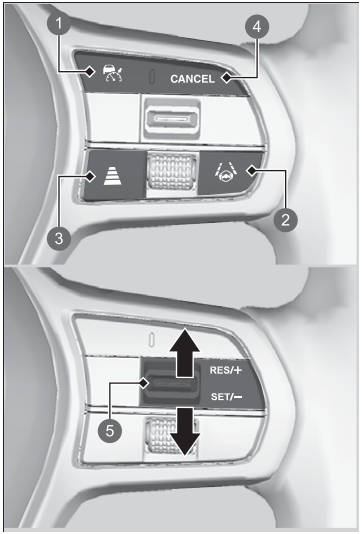
- Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS) ➡ Tr. 460
- Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường ➡ Tr. 530
- Hệ Thống Nhận Diện Biển Báo Giao Thông* ➡ Tr. 543
- Hệ Thống Cảnh Báo Xe Phía Trước Khởi Hành* ➡ Tr. 549

■ Chức năng cần vận hành công tắc để kích hoạt

- Hệ Thống Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp* ➡ Tr. 473
- Hệ Thống Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC)* ➡ Tr. 490
- Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS) ➡ Tr. 508
- Hệ Thống Hỗ Trợ Lái Xe Khi Tắc Đường* ➡ Tr. 521

 * Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Vận Hành Các Công Tắc cho Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp*/Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC)*/Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS)/Hệ Thống Hỗ Trợ Lái Xe Khi Tắc Đường*



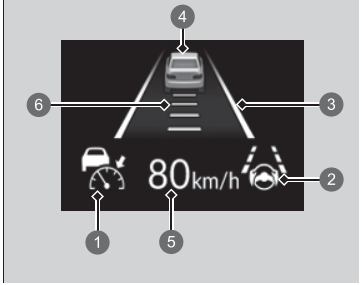
1. Nút
   Ấn để kích hoạt chế độ chờ cho ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp*/ACC*. Hoặc ấn để hủy hệ thống.
2. Nút LKAS
   Ấn để kích hoạt chế độ chờ cho LKAS và Hỗ Trợ Lái Xe Khi Tắc Đường*. Hoặc ấn để hủy các hệ thống.
3. Nút Khoảng Cách
   Ấn để thay đổi khoảng cách với xe khác của ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp*/ACC*.
4. Nút **CANCEL**
   Ấn để hủy tính năng ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp*/ACC*.
5. Công Tắc **RES/+/SET/–**
   Ấn công tắc **RES/+/SET/-** lên để cài đặt hoặc tiếp tục tính năng ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp*/ACC* hoặc tăng tốc độ xe.
   Ấn công tắc **RES/+/SET/-** xuống để cài đặt ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp*/ACC* hoặc giảm tốc độ xe.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Còn nữa

■ Nội Dung Hiển Thị Trên Đồng Hồ Đo

Loại xe có đồng hồ đo loại A



Bạn có thể thấy được trạng thái của ACC có Hỗ Trợ Di Chyển Tốc Độ Thấp*/ACC*, LKAS và Hỗ Trợ Lái Xe Khi Tắc Đường*.

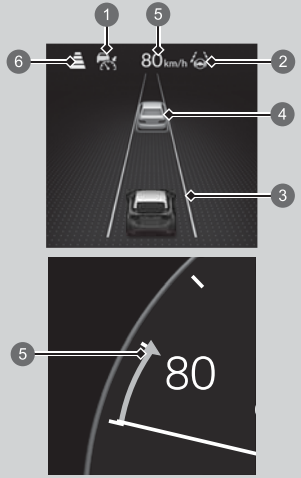
❶ Biểu thị ACC có Hỗ Trợ Di Chyển Tốc Độ Thấp*/ACC* đã sẵn sàng hoạt động.
- Xanh lục: Hệ thống bật.
- Trắng: Hệ thống ở chế độ chờ.
- Hổ phách: Hệ thống có sự cố.

❷ Biểu thị LKAS hoặc Hỗ Trợ Lái Xe Khi Tắc Đường* đã sẵn sàng hoạt động.
- Xanh lục: Hệ thống bật.
- Trắng: Hệ thống ở chế độ chờ.
- Hổ phách: Hệ thống có sự cố.

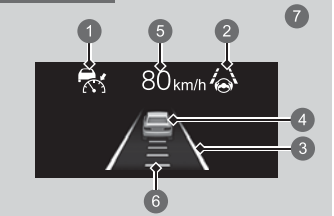
❸ Biểu thị LKAS hoặc Hỗ Trợ Lái Xe Khi Tắc Đường* hoạt động và phát hiện được các vạch báo làn đường hay không.
- Vạch Báo Xanh Lục: Hệ thống bật.
- Vạch Báo Trắng: Phát hiện vạch báo làn đường.
- Vạch Báo Hổ Phách: Phát hiện làn đường.

 * Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Loại xe có đồng hồ đo loại B



Loại xe số sàn



❹ Biểu thị có phát hiện được xe phía trước hay không.

Loại xe có đồng hồ đo loại B*1

- Điều khiển xe mục tiêu: Trắng và viền xanh lục.
- Xe mục tiêu nằm ngoài điều khiển: Xám

❺ Biểu thị ACC có Hỗ Trợ Di Chyển Tốc Độ Thấp*/ACC* hiển thị tốc độ xe đã cài đặt.

❻ Biểu thị ACC có Hỗ Trợ Di Chyển Tốc Độ Thấp*/ACC* hiển thị khoảng cách xe đã cài đặt.

❼ Khi sử dụng đồng hồ đo **+R***.

* 1: Khi không sử dụng đồng hồ đo **+R**

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS)

Hệ thống này có thể hỗ trợ bạn khi xe bạn có nguy cơ va chạm vào sau xe chạy phía trước (gồm cả xe máy), va chạm vào đầu xe đang đến gần, va chạm vào người đi bộ hoặc người đang đi xe đạp (xe đạp đang di chuyển). CMBS có chức năng cảnh báo bạn khi xác định có khả năng va chạm, đồng thời giúp giảm tốc độ xe, giảm thiểu va chạm và giảm nguy cơ thương vong do va chạm.

Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS)

Nhắc Nhở Quan Trọng Về Sự An Toàn

CMBS có chức năng làm giảm thương vong do va chạm không thể tránh khỏi. Hệ thống không thể giúp xe tránh bị va chạm hay dừng xe tự động.
Bạn cần vận hành bàn đạp phanh và vô lăng phù hợp với điều kiện lái.

CMBS không hoạt động hoặc không phát hiện xe phía trước trong các điều kiện nhất định:

Điều Kiện và Hạn Chế của CMBS Tr. 466

Bạn có thể tìm hiểu thông tin xử lý camera trang bị cho hệ thống này.

Camera Trước Tr. 553

Sau khi được kích hoạt, CMBS sẽ vẫn hoạt động kể cả khi chỉ nhấn một phần bàn đạp ga.
Tuy nhiên, chức năng này sẽ bị hủy nếu nhấn hết cỡ bàn đạp ga.

Loại xe số sàn

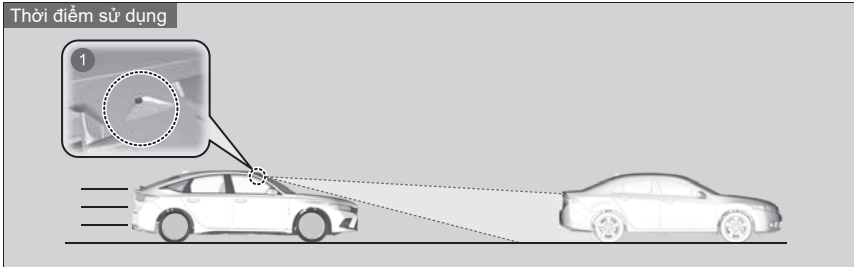
Khi CMBS hoạt động, động cơ có thể dừng tự động. Khởi động động cơ theo cách thông thường nếu động cơ dừng.

Khởi Động Động Cơ Tr. 397

Loại xe số sàn

CMBS không thực hiện chức năng trong khi VSA bị tắt hoàn toàn.

■ Cách hoạt động của hệ thống



❶ Camera trước được đặt sau gương chiếu hậu.

Hệ thống bắt đầu giám sát đoạn đường phía trước khi tốc độ xe của bạn khoảng từ 5 km/h trở lên và sẽ tìm kiếm xe khác, tìm kiếm người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển phía trước xe bạn.

CMBS hoạt động khi:

- Phát hiện chênh lệch giữa tốc độ xe bạn và xe khác, người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển phía trước khoảng từ 5 km/h trở lên và có khả năng xảy ra va chạm.
- Tốc độ xe bạn khoảng 30 km/h trở xuống và có khả năng xảy ra va chạm trực diện với xe đang đến gần được phát hiện khi bạn rẽ trái*1/phải*2 tại đoạn đường giao nhau.
- Tốc độ xe bạn khoảng 100 km/h trở xuống và hệ thống xác nhận có khả năng xảy ra va chạm với:

- Xe phía trước đang đến gần hoặc không di chuyển.
- Người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển phía trước xe bạn.

*1: Loại Vô Lăng Bên Trái
*2: Loại Vô Lăng Bên Phải

Cách hoạt động của hệ thống

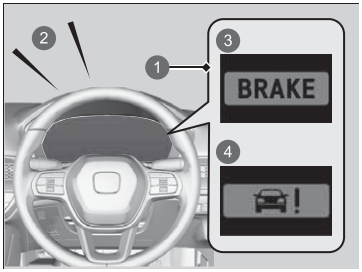
Camera ở CMBS cũng có tính năng phát hiện người đi bộ.
Tuy nhiên, tính năng phát hiện người đi bộ này không hoạt động hoặc không thể phát hiện ra người đi bộ phía trước xe bạn ở các điều kiện nhất định.
Tham khảo thông tin về hạn chế phát hiện người đi bộ.

Điều Kiện và Hạn Chế Của CMBS Tr. 466

Còn nữa

CMBS sẽ bị hủy khi xe bạn dừng hoặc hệ thống xác định không còn nguy cơ xảy ra va chạm.
CMBS cũng có thể bị hủy khi người lái vận hành vô lăng và sử dụng bàn đạp phanh hoặc bàn đạp ga để tránh xảy ra va chạm.

■ Khi hệ thống hoạt động



Hệ thống phát cảnh báo bằng âm thanh và hình ảnh giúp nhận biết khả năng xảy ra va chạm và dừng lại nếu tránh được va chạm.

▶ Thực hiện hành động phù hợp để tránh va chạm (gài phanh, chuyển làn, v.v.).

❶ Cảnh Báo Bằng Hình Ảnh
❷ Cảnh Báo Bằng Âm Thanh
❸ Loại xe Philipin
❹ Ngoại trừ loại xe Philipin

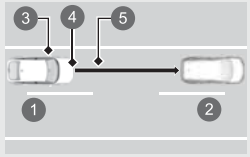
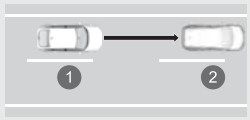
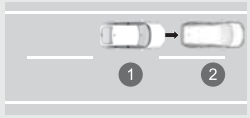
Ở giai đoạn cảnh báo va chạm sớm nhất của hệ thống, bạn có thể thay đổi khoảng cách (**Long***1/**Far***2, **Normal** or **Short***1/**Near***2) (Dài*1/Xa*2, Trung Bình hoặc Ngắn*1/Gần*2) giữa các xe.

➡ **Tính Năng Tùy Chọn** Tr. 313

* 1: Loại xe Hồng Kông, Ma Cao và Philippin
* 2: Ngoại trừ loại xe Hồng Kông, Ma Cao và Philippin

■ Giai Đoạn Cảnh Báo Va Chạm

Hệ thống có ba giai đoạn cảnh báo khả năng va chạm. Tuy nhiên, tùy theo từng trường hợp, CMBS có thể không thực hiện tất cả các giai đoạn trước khi chuyển sang giai đoạn cuối.

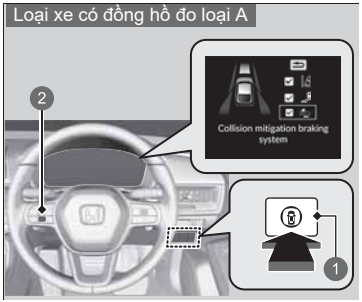
Khoảng cách giữa các xe		CMBS		
		Cảm biến phát hiện xe	CẢNH BÁO bằng Âm Thanh và Hình Ảnh	Phanh
Giai đoạn một		Có khả năng xảy ra va chạm với xe phía trước.	Khi cài đặt ở **Long**[*1]/**Far**[*2] (Dài[*1]/Xa[*2]), cảnh báo bằng âm thanh và hình ảnh sẽ xuất hiện ở khoảng cách xa hơn từ xe phía trước so với cài đặt ở **Normal** (Trung Bình) và **Short**[*1]/**Near**[*2] (Ngắn[*1]/Gần[*2]), khoảng cách sẽ gần hơn so với cài đặt ở **Normal** (Trung Bình) .	—
Giai đoạn hai		Khả năng xảy ra va chạm tăng lên, thời gian phản ứng giảm.	Các cảnh báo bằng âm thanh và hình ảnh.	Nhấn nhẹ
Giai đoạn ba		CMBS xác định không thể tránh khỏi va chạm.		Nhấn mạnh

❶ Xe Bạn
❷ Xe Phía Trước
❸ **Dài**[*1]/**Xa**[*2]
❹ **Trung Bình**
❺ **Ngắn**[*1]/**Gần**[*2]

* 1: Loại xe Hồng Kông, Ma Cao và Philippin
* 2: Ngoại trừ loại xe Hồng Kông, Ma Cao và Philippin

■ Bật và Tắt CMBS

Loại xe có đồng hồ đo loại A



❶ Công Tắc Hỗ Trợ An Toàn
❷ Vòng Lựa Chọn Bên Trái

Khi bật và tắt CMBS, hãy làm như sau.

1. Ấn công tắc hỗ trợ an toàn.

Loại xe có đồng hồ đo loại A

2. Cuộn vòng lựa chọn bên trái đến biểu tượng và ấn.

Loại xe có đồng hồ đo loại B

2. Cuộn vòng lựa chọn bên phải đến biểu tượng và ấn.

▶ Thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái khi bật hoặc tắt hệ thống.

▶ Dấu tích sẽ xuất hiện trong ô và màu của biểu tượng sẽ chuyển sang màu xanh lục khi bật hệ thống. Dấu tích sẽ biến mất và màu của biểu tượng sẽ chuyển sang màu xám khi tắt hệ thống.

CMBS sẽ bật mỗi khi bạn khởi động động cơ ngay cả khi bạn đã tắt hệ thống này ở lần lái xe gần đây nhất.

Bật và Tắt CMBS

Không tắt được CMBS khi đang lái xe.

CMBS có thể tắt tự động, đèn báo hỗ trợ an toàn (màu hổ phách) và hệ thống phanh giảm va chạm (CMBS) (màu hổ phách)* sẽ sáng và sáng suốt ở các điều kiện nhất định.

➡ **Điều Kiện và Hạn Chế của CMBS** Tr. 466

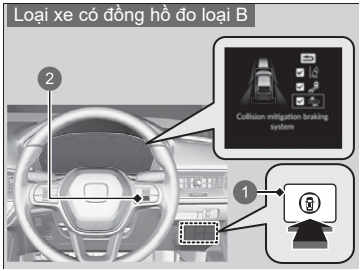
CMBS không hoạt động trong khoảng 15 giây sau khi khởi động động cơ.

Bạn có thể chọn thông tin hỗ trợ an toàn trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

➡ **Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái (Đồng hồ đo loại A)** Tr. 140
➡ **Vùng Bên Phải Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái (Đồng Hồ Đo Loại B)** Tr. 160

Các đèn báo điều khiển chế độ chạy ổn định thích ứng (ACC) có hỗ trợ di chuyển tốc độ thấp*, điều khiển chế độ chạy ổn định thích ứng (ACC)*, hỗ trợ an toàn, hệ thống hỗ trợ ổn định xe (VSA), và **TẮT** hỗ trợ ổn định xe (VSA)* có thể sáng màu hổ phách đồng thời thông báo trên đồng hồ đo khi bạn đặt chế độ nguồn ở BẬT sau khi lắp lại ắc quy.
Hãy lái xe một quãng được ngắn với tốc độ trên 20 km/h. Từng đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn báo không tắt, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe



❶ Công Tắc Hỗ Trợ An Toàn
❷ Vòng Lựa Chọn Bên Phải

Còn nữa

■ Điều Kiện và Hạn Chế của CMBS

Trong các điều kiện sau, camera có thể không phát hiện chính xác các phương tiện, người đi bộ, xe đạp đang di chuyển hoặc điều kiện đường xá, điều này có thể làm cho CMBS hoạt động không tốt.

➡**Camera Trước** Tr. 553

■ Điều kiện môi trường

- Lái xe trong thời tiết xấu (mưa, tuyết, sương mù, v.v.).
- Thay đổi đột ngột giữa sáng và tối như khi đi vào hoặc ra khỏi đường hầm hoặc bóng cây, toà nhà v.v.
- Lái xe dưới ánh sáng mặt trời yếu (ví dụ lúc bình minh hoặc tranh tối tranh sáng).
- Tia sáng mạnh phản chiếu vào xe, người đi bộ, xe đạp đang di chuyển hoặc mặt đường.
- Nước hoặc tuyết bắn ra từ xe phía trước.
- Lái xe vào ban đêm hoặc ở nơi tối như trong đường hầm (do ánh sáng yếu nên khó phát hiện ra xe khác, người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển).

■ Điều kiện đường xá

- Lái xe trên đường quanh co, gập ghềnh, mấp mô hay có dốc.
- Mặt đường bị dính nước hoặc có vũng nước.
- Lái xe trên đường hằn lún (đường có tuyết hoặc đường không lát, v.v.).
- Xe bị rung lắc mạnh khi đi trên mặt đường không bằng phẳng.

Điều Kiện và Hạn Chế của CMBS

Hãy đưa xe đến đại lý kiểm tra nếu phát hiện hệ thống có gì bất thường (như thông báo cảnh báo xuất hiện liên tục).

■ **Điều kiện xe**

- Xe bị nghiêng do chất hành lý nặng ở khoang hành lý hoặc ở hàng ghế sau.
- Lắp xích bọc lốp*.
- Lái xe vào ban đêm hoặc ở nơi tối (ví dụ: trong đường hầm) mà đèn chiếu sáng tắt.
- Phía trước camera trước bị bụi bẩn, sương mù, mưa, bùn, tuyết, keo dán, phụ kiện, miếng dán che khuất hoặc kính chắn gió bị mờ.
- Có cặn bám trên kính chắn gió khi cần gạt nước kính chắn gió hoạt động.
- Khi ánh sáng yếu do bụi bẩn bám vào thấu kính đèn chiếu sáng, hoặc xe có tầm nhìn kém khi đi vào chỗ tối do điều chỉnh đèn chiếu sáng không đúng cách.
- Tình trạng lốp xe hoặc bánh xe bất thường (sai kích cỡ, có kích cỡ và cấu tạo khác nhau, độ căng lốp không phù hợp, lốp dự phòng loại nhỏ* v.v.).
- Hệ thống treo bị sửa đổi.

Điều kiện xe

Đảm bảo tất cả các lốp có cùng kích cỡ, chủng loại và nhãn hiệu được chỉ định và mòn đều. Nếu bạn sử dụng lốp có kích cỡ, chủng loại, nhãn hiệu hoặc mức độ mòn khác nhau, hệ thống có thể không hoạt động tốt.

Không sửa đổi hệ thống treo. Việc thay đổi chiều cao của xe có thể khiến hệ thống hoạt động kém hiệu quả.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Còn nữa

■ **Ví dụ về các hạn chế phát hiện của camera do tình trạng của xe phía trước, xe đang đến gần, người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển**

- Khoảng cách giữa xe bạn và xe phía trước, xe đang đến gần, người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển phía trước quá gần.
- Xe phía trước, xe đang đến gần, người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển bất ngờ cắt ngang phía trước mặt hoặc bất ngờ lao ra.
- Xe đạp đã dừng.
- Xe đang đến gần hoặc xe phía trước chạy dàn hàng ngang.
- Khi xe phía trước xe bạn, xe đang đến gần, người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển lẫn vào nền không gian khiến hệ thống không nhận ra.
- Khi có nhóm người đi bộ hoặc xe đạp di chuyển phía trước xe bạn.
- Khi người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển cắt ngang qua đường quá nhanh.
- Người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển theo hướng ngược chiều.
- Đèn chiếu sáng của xe phía trước hoặc xe đang đến gần sáng ở một bên hoặc cả hai bên không sáng khi xe đi vào chỗ tối.
- Khi bộ phận trên cơ thể của người đi bộ (đầu, tay chân, v.v.) bị hành lý che khuất.
- Khi người đi bộ cúi xuống hay ngồi xổm, hoặc khi họ giơ tay hay chạy.
- Khi người đi bộ cao dưới 1 mét hay cao hơn 2 mét.
- Khi người đi bộ đang đẩy xe đẩy hoặc dắt xe đạp.

■ **Ví dụ về các hạn chế khác trong việc phát hiện hoặc hoạt động của hệ thống**

- Khi xe phía trước xe bạn là xe máy nhỏ, xe máy có thùng bên cạnh, xe lăn hoặc xe có hình dạng đặc biệt.
- Khi xe có cấu tạo phía sau thấp hơn phía trước, chẳng hạn như xe tải không chở hành lý, hoặc loại xe hẹp.
- Khi xe phía trước xe bạn, xe đang đến gần, người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển không ở phía chính diện xe bạn.
- Sự chênh lệch tốc độ giữa xe bạn và xe phía trước, xe đang đến gần hay người đi bộ phía trước quá lớn.
- Khi xe khác hoặc xe đạp đang di chuyển phía trước giảm tốc đột ngột.
- Khi người lái vận hành bàn đạp phanh và vô lăng để tránh va chạm.
- Khi xe bạn đến gần xe phía trước, xe đang đến gần, người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển thì xe bạn tăng tốc nhanh hoặc xoay vô lăng (trừ khi rẽ trái*1/phải*2 tại đoạn đường giao nhau, v.v.)*3.
- Khi xe đang di chuyển là xe đạp trẻ em, xe đạp gấp, xe ba bánh hoặc các loại xe đạp khác có lốp nhỏ, hoặc xe đạp dài như xe đạp đôi.
- Khi camera trước không nhận diện đúng hình dạng của xe phía trước, xe đang đến gần, người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển.
- Khi khoảng sáng gầm xe tối thiểu của xe phía trước rất cao.

* 1: Loại Vô Lăng Bên Trái
* 2: Loại Vô Lăng Bên Phải
* 3: Khi có khả năng xảy ra va chạm từ phía trước với xe đang đến gần trong khi rẽ trái*1/rẽ phải*2, CMBS sẽ hoạt động. Tuy nhiên, hệ thống sẽ không hoạt động nếu bạn xoay vô lăng đột ngột.

Còn nữa

■ Tự động tắt

CMBS có thể tự động tắt, đèn báo hỗ trợ an toàn (màu hổ phách) và đèn báo hệ thống phanh giảm va chạm (CMBS) (màu hổ phách)* sáng và sáng suốt khi:

- Bạn lái xe trên đường gồ ghề, đường núi, hoặc đường quanh co và gập ghềnh trong thời gian dài.
- Lái xe trong thời tiết xấu (mưa, tuyết, sương mù, v.v.).
- Lái xe trong khi vẫn gài phanh đỗ.
- Nhiệt độ camera quá cao.
- Phía trước camera bị bụi bẩn, sương mù, mưa, bùn, tuyết, keo dán, phụ kiện, miếng dán che khuất, hoặc kính chắn gió bị mờ.
- Phát hiện tình trạng lốp bất thường (lốp không cùng kích cỡ, lốp bị xẹp, v.v.).

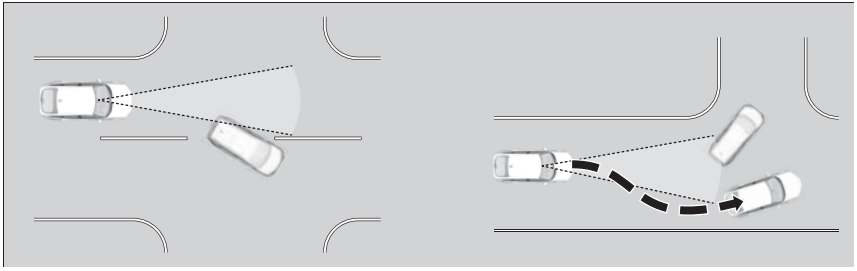
Khi các điều kiện làm CMBS bị tắt được cải thiện hoặc được xử lý (ví dụ làm sạch), hệ thống sẽ hoạt động trở lại.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

■ Trường Hợp Ít Xảy Ra Va Chạm

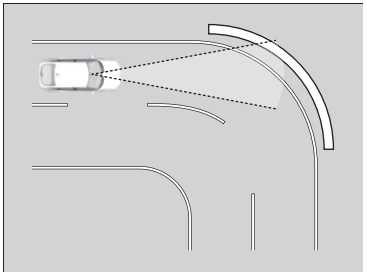
Ngay cả khi ít khả năng xảy ra va chạm, CMBS có thể hoạt động trong các điều kiện sau:
Đồng thời, hệ thống có thể hoạt động nếu phát hiện có khả năng xảy ra va chạm với người đi bộ, xe đạp đang di chuyển, hoặc xe khác.

- Xe của bạn tiến gần hoặc vượt xe khác khi xe đó đang rẽ trái hoặc phải.
- Xe của bạn tiến gần đến xe phía trước và bạn chuyển làn đường để vượt.

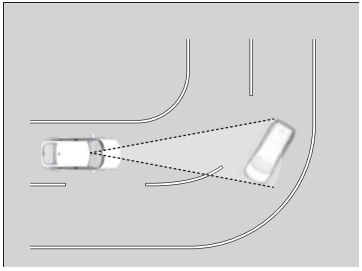


Còn nữa

- Khi xe bạn tiến gần đến xe khác, người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển.
- Khi xe khác, người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển vượt qua phía trước xe bạn.
- Khi bạn lái qua công trình thấp hoặc qua cổng hẹp với tốc độ cao.
- Khi có các biển báo giao thông hoặc các công trình như lan can ở đoạn đường dọc theo khúc cua.



- Khi lái xe qua khúc cua, xe bạn đến điểm mà xe đang tới ở ngay phía trước mặt bạn.



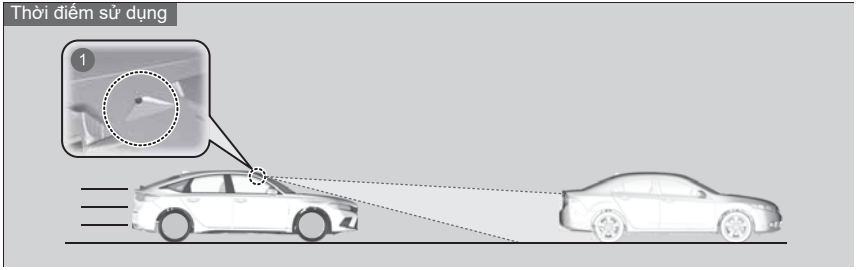
- Khi xe bạn đến gần xe khác đứng yên hoặc đến gần bức tường, chẳng hạn như khi đỗ xe.

Hệ Thống Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp*

Giúp duy trì tốc độ xe ổn định và thiết lập khoảng cách an toàn giữa xe bạn với xe phía trước và nếu phát hiện xe phía trước chuẩn bị dừng lại, hệ thống sẽ giảm tốc độ xe và dừng xe mà bạn không cần giữ chân lên bàn đạp phanh hay bàn đạp ga.

Khi ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp giảm tốc độ xe bằng cách phanh xe, đèn phanh của xe sẽ sáng lên.

Thời điểm sử dụng



❶ Camera trước được lắp phía sau gương chiếu hậu.

- Tốc độ xe cho ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp: **Phát hiện xe phía trước trong phạm vi ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp** – ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp hoạt động ở tốc độ lên tới 180 km/h.
  Không phát hiện xe nào trong phạm vi ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp – ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp hoạt động ở tốc độ từ 30 km/h trở lên.
- Vị trí số cho ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp: Ở D.

Hệ Thống Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp*

⚠CẢNH BÁO

Sử dụng ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp không đúng cách có thể dẫn đến va chạm.

Chỉ sử dụng ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp khi lái xe trên đường cao tốc trong điều kiện thời tiết tốt.

⚠CẢNH BÁO

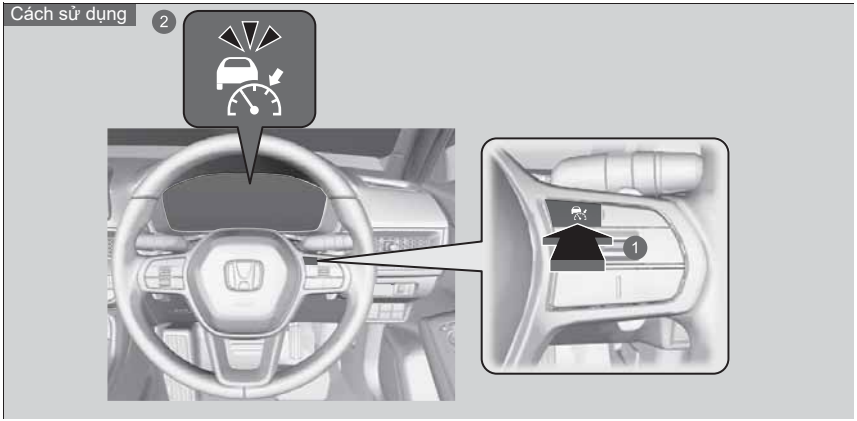
ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp có khả năng phanh hạn chế và không thể làm cho xe bạn dừng lại đúng lúc để tránh xảy ra va chạm với xe đột ngột dừng ngay trước xe bạn.

Luôn sẵn sàng nhấn bàn đạp phanh trong tình huống cần thiết.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Còn nữa

■ Cách kích hoạt hệ thống



❶ Nút
Ấn nút trên vô lăng.

❷ **(Trắng) sáng trên đồng hồ đo.**
ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp sẵn sàng để sử dụng.

Hệ Thống Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp*

⚠CẢNH BÁO

Khi xe đã dừng và bạn ra khỏi xe trong khi ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp vẫn đang hoạt động có thể làm xe di chuyển mà không kiểm soát được.
Xe di chuyển không có kiểm soát có thể dẫn đến va chạm, gây trọng thương hoặc tử vong.
Không được ra khỏi xe khi xe dừng bằng ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp.

Nhắc Nhở Quan Trọng
Giống như bất kỳ hệ thống nào, ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp cũng có các hạn chế. Hãy sử dụng bàn đạp phanh bất cứ khi nào cần, và luôn giữ khoảng cách an toàn giữa xe bạn với các xe khác.

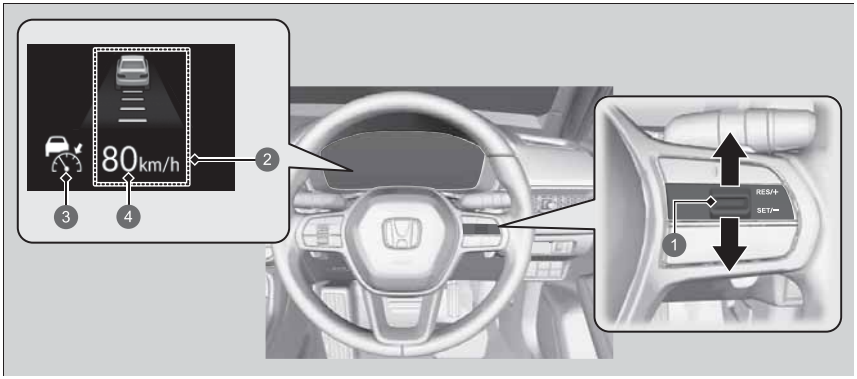
Bạn có thể tìm hiểu thông tin xử lý camera được trang bị cho hệ thống này.
Camera Trước Tr. 553

ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp có thể không hoạt động tốt trong các điều kiện nhất định.
Điều Kiện và Hạn Chế của ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp Tr. 480

Khi không sử dụng ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp: Ấn nút để tắt điều khiển chế độ chạy ổn định thích ứng.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Thiết Lập Tốc Độ Xe



1. Công Tắc **RES/+/SET/−** Lên hoặc xuống
2. Sáng khi ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp bắt đầu hoạt động
3. (Xanh Lục)
4. Thiết Lập Tốc Độ Xe (Trắng)

Hệ Thống Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp*

Không sử dụng ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp trong những điều kiện sau:

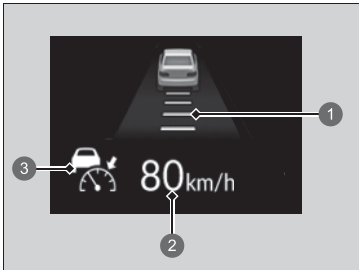
- Trên đường có phương tiện chuyển làn thường xuyên hoặc dừng và đi liên tục, ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp không thể giữ khoảng cách thích hợp giữa xe bạn và xe phía trước.
- Trên đường có khúc cua gấp.
- Trên đường có các thiết bị soát vé hoặc các vật thể khác chắn giữa làn đường hoặc ở khu vực đỗ xe hoặc các thiết bị truy cập khi lái.
- Lái xe trong thời tiết xấu (có mưa, sương mù, tuyết, v.v.) khiến ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp không thể phát hiện đúng khoảng cách giữa xe của bạn và xe phía trước.
- Đường trơn trượt hoặc bị đóng băng. Các bánh xe có thể bị trượt và làm xe bị mất lái.
- Khi lái xe lên dốc hoặc xuống dốc cao.
- Đường nhiều dốc.

Các đèn báo điều khiển chế độ chạy ổn định thích ứng (ACC) có hỗ trợ di chuyển tốc độ thấp, hỗ trợ an toàn, hệ thống hỗ trợ ổn định xe (VSA), và **TẮT** hỗ trợ ổn định xe (VSA) có thể sáng màu hổ phách đồng thời thông báo cũng xuất hiện trên trên đồng hồ đo khi bạn đặt chế độ nguồn ở BẬT sau khi lắp lại ắc quy.
Hãy lái xe một quãng được ngắn với tốc độ trên 20 km/h. Từng đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn báo không tắt, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Còn nữa

Khi lái xe ở tốc độ từ 30 km/h trở lên: Nhấc chân ra khỏi bàn đạp và ấn công tắc **RES/+/SET/-** lên hoặc xuống khi bạn đạt đến tốc độ mong muốn. Vào thời điểm bạn nhả công tắc, tốc độ đã thiết lập sẽ được cố định, và ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp sẽ bắt đầu hoạt động.
Khi sử dụng ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp, Hỗ Trợ Lái Thẳng (một tính năng của hệ thống Lái Trợ Lực Điện) sẽ được kích hoạt.
Bằng cách kích hoạt hệ thống lái để tự động cân bằng lực lái tự nhiên, Hỗ Trợ Lái Thẳng giúp bạn lái xe theo một đường thẳng dễ dàng hơn.
Khi lái xe ở tốc độ dưới 30 km/h: Nếu xe đang chạy và không nhấn bàn đạp phanh thì việc bạn ấn công tắc sẽ thiết lập tốc độ là khoảng 30 km/h cho dù tốc độ hiện tại là bao nhiêu.
Nếu xe đang đứng yên, bạn có thể thiết lập tốc độ xe ngay cả khi nhấn bàn đạp phanh.



Khi ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp bắt đầu hoạt động, biểu tượng xe, các thanh biểu thị khoảng cách và tốc độ đã được thiết lập sẽ xuất hiện trên đồng hồ đo.

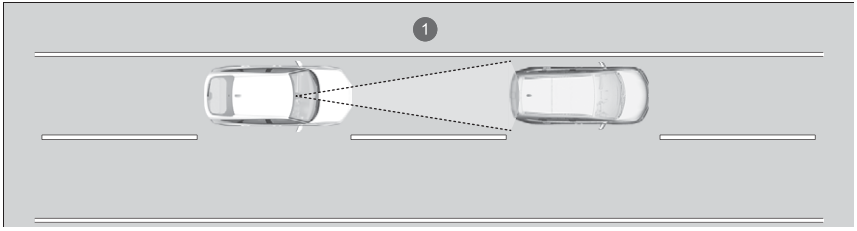
1. Khoảng Cách Xe Được Thiết Lập
2. Tốc Độ Xe Được Thiết Lập
3. (Xanh Lục)

Khi Hoạt Động

Có xe phía trước

ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp sẽ giám sát nếu xe phía trước xe bạn đi vào phạm vi ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp. Trong trường hợp này, hệ thống ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp sẽ duy trì hoặc giảm tốc độ xe đã được thiết lập để giữ khoảng cách đã thiết lập với xe phía trước.

Thiết Lập hoặc Thay Đổi Khoảng Cách Giữa Các Xe Tr. 485



1 Phạm Vi Của ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp: 120 m

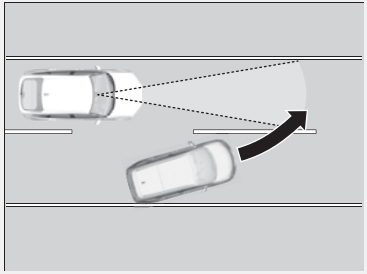


Biểu tượng xe xuất hiện trên đồng hồ đo.

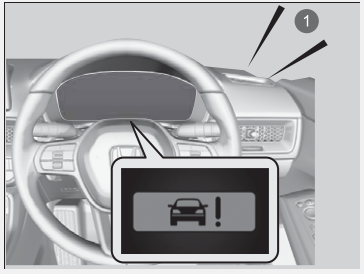
Khi có một xe khác phía trước chạy với tốc độ thấp hơn tốc độ xe bạn đã cài đặt hoặc cắt ngang qua đầu xe bạn và camera phát hiện ra, xe của bạn sẽ bắt đầu giảm tốc.

Khi Hoạt Động

Nếu xe phía trước giảm tốc độ bất ngờ, hoặc có xe khác cắt ngang phía trước, tiếng bíp sẽ vang lên và thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.



Nhấn bàn đạp phanh và giữ khoảng cách phù hợp với xe phía trước.



1 Cảnh Báo Bằng Âm Thanh

Còn nữa

■ Không có xe phía trước



Biểu tượng xe dưới dạng nét đứt xuất hiện trên đồng hồ đo.

Xe của bạn duy trì tốc độ đã được thiết lập mà không phải giữ chân trên bàn đạp phanh hay bàn đạp ga.
Nếu trước đó phát hiện ra xe phía trước khiến xe bạn không thể giữ tốc độ đã được thiết lập, ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp sẽ tăng tốc đến tốc độ đã thiết lập và duy trì tốc độ đó.

Khi xuống dốc cao trong khi ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp hoạt động, hệ thống sẽ phanh để tránh tăng ga quá mức nhằm duy trì tốc độ đã thiết lập. Tuy nhiên, tốc độ xe có thể trở nên nhanh hơn tốc độ đã thiết lập.

■ Khi bạn nhấn bàn đạp ga

Bạn có thể tạm thời tăng tốc độ xe. Trong trường hợp này, sẽ không có âm thanh hay hình ảnh gì thông báo cho bạn nếu có xe ở trong phạm vi của ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp.
ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp tiếp tục hoạt động trừ khi bạn hủy. Khi bạn nhả bàn đạp ga, hệ thống sẽ trở lại tốc độ đã thiết lập.
Có những lúc tốc độ xe sẽ giảm khi nhấn nhẹ bàn đạp ga.

Khi Hoạt Động

Ngay cả khi phát hiện khoảng cách giữa xe bạn và xe phía trước gần, ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp có thể bắt đầu tăng tốc xe trong các trường hợp sau:

- Xe phía trước chạy với tốc độ gần bằng xe bạn hoặc nhanh hơn.
- Xe cắt ngang phía trước xe bạn chạy nhanh hơn xe bạn, dần dần bỏ xa xe bạn.

Bạn cũng có thể cài đặt để hệ thống phát ra tiếng bíp khi phát hiện xe phía trước đi vào hoặc ra khỏi phạm vi phát hiện của ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp. Chọn bật và tắt tiếng bíp phát hiện xe.

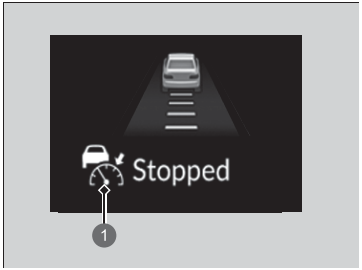
Tính Năng Tùy Chọn Tr. 313

Hạn chế

Bạn có thể cần đến phanh để duy trì khoảng cách an toàn khi sử dụng ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp. Bên cạnh đó, ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp có thể không hoạt động hiệu quả trong một số điều kiện nhất định.

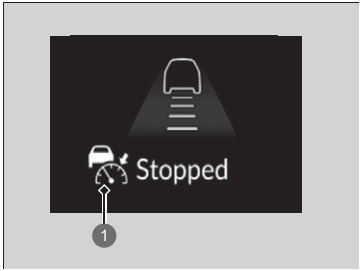
Điều Kiện và Hạn Chế của ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp Tr. 480

■ Giảm tốc độ và dừng xe khi phát hiện xe phía trước ở trong phạm vi ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp



Xe của bạn cũng tự động dừng. Thông báo **Stopped** (Dừng) xuất hiện trên đồng hồ đo. Khi xe phía trước tiếp tục chạy, nếu bạn ấn công tắc **RES/+/SET/-** lên hoặc xuống, hoặc nhấn bàn đạp ga, ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp sẽ tiếp tục hoạt động trong phạm vi tốc độ đã cài đặt trước đó.

❶ (Xanh Lục)

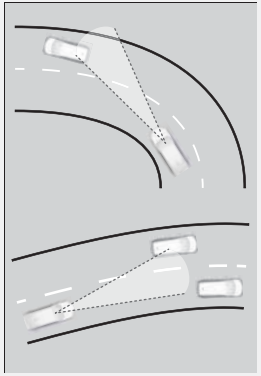


Nếu không có xe nào phía trước xe bạn trước khi bạn tiếp tục lái xe, hãy nhấn bàn đạp ga và ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp sẽ tiếp tục hoạt động trong phạm vi tốc độ đã cài đặt trước đó.

❶ (Xanh Lục)

Khi Hoạt Động

- ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp có thể tạm thời kiểm soát khoảng cách giữa xe bạn và xe trong làn đường liền kề hoặc vùng xung quanh tùy thuộc vào điều kiện đường xá (ví dụ: chỗ khúc cua) hoặc điều kiện xe (ví dụ: xoay vô lăng hoặc thay đổi vị trí xe trong làn đường).



- Khi xe phía trước di chuyển ra xa, chẳng hạn như khi đi vào nút giao thông hoặc trạm dừng chân, ACC vó Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp có thể tiếp tục duy trì khoảng cách giữa các xe đã thiết lập trong thời gian ngắn.

Còn nữa

■ Điều Kiện và Hạn Chế của ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp

Hệ thống có thể tự động tắt trong những điều kiện nhất định. Dưới đây là một số ví dụ về các điều kiện đó. Các điều kiện khác có thể làm giảm một số chức năng của ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp.

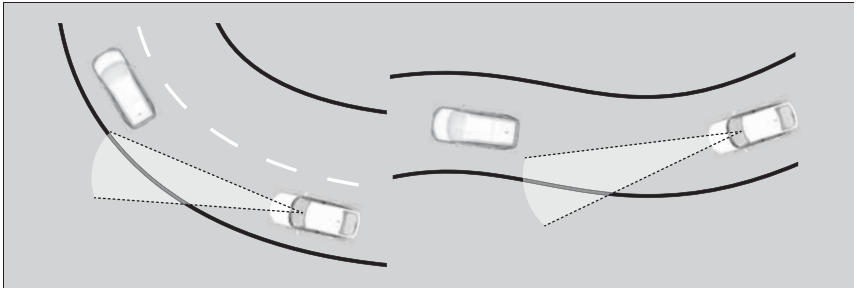
Camera Trước Tr. 553

■ Điều kiện môi trường

- Lái xe trong thời tiết xấu (mưa, tuyết, sương mù, v.v.).
- Thay đổi đột ngột giữa sáng và tối như khi đi vào hoặc ra khỏi đường hầm hoặc bóng cây, toà nhà v.v.
- Tia sáng mạnh phản chiếu vào xe hoặc mặt đường.
- Nước hoặc tuyết bắn ra từ xe phía trước.
- Lái xe vào ban đêm hoặc ở nơi tối như trong đường hầm (do ánh sáng yếu nên khó phát hiện ra xe khác).
- Lái xe dưới ánh sáng mặt trời yếu (ví dụ lúc bình minh hoặc tranh tối tranh sáng).

■ Điều kiện đường xá

- Lái xe trên đường quanh co, gập ghềnh, mấp mô hoặc có dốc.



- Lái xe trên đường hằn lún (đường có tuyết hoặc đường không lát, v.v.).
- Mặt đường bị dính nước hoặc có vũng nước.
- Xe bị rung lắc mạnh khi đi trên mặt đường không bằng phẳng.

■ Điều kiện xe

- Xe bị nghiêng do chất hành lý nặng ở khoang hành lý hoặc ở hàng ghế sau.
- Khi lắp xích bọc lốp.
- Phía trước camera trước bị bụi bẩn, sương mù, mưa, bùn, tuyết, keo dán, phụ kiện, miếng dán che khuất, hoặc kính chắn gió bị mờ.
- Lái xe vào ban đêm hoặc nơi tối (ví dụ: hầm) và đèn chiếu sáng tắt.
- Có cặn bám trên kính chắn gió khi cần gạt nước kính chắn gió hoạt động.
- Khi ánh sáng yếu do bụi bẩn bám vào thấu kính đèn chiếu sáng, hoặc xe có tầm nhìn kém khi đi vào chỗ tối do điều chỉnh đèn chiếu sáng không đúng cách.
- Tình trạng lốp xe hoặc bánh xe bất thường (không cùng kích cỡ, kích cỡ và cấu tạo khác nhau, độ căng lốp không phù hợp, v.v.).
- Hệ thống treo đã bị sửa đổi.

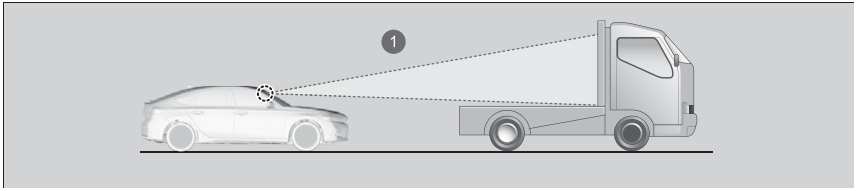
Còn nữa

■ **Ví dụ về các điều kiện mà camera không phát hiện ra xe phía trước**

- Khi xe khác bất ngờ cắt ngang phía trước xe bạn.
- Khoảng cách giữa xe bạn và xe phía trước quá gần.
- Khi xe phía trước hòa lẫn vào nền không gian khiến hệ thống không thể nhận diện được.
- Đèn chiếu sáng của xe phía trước sáng một bên hoặc cả hai bên đều không sáng khi xe đi vào chỗ tối.

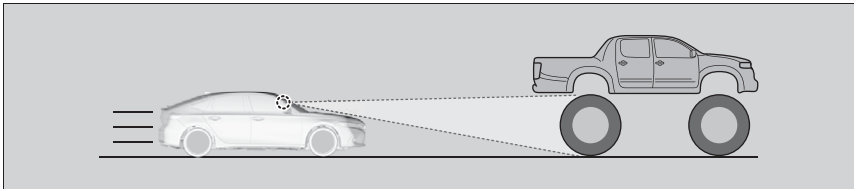
■ **Ví dụ về các điều kiện khiến hệ thống có thể không hoạt động hiệu quả**

- Xe phía trước dừng và chênh lệch tốc độ giữa xe của bạn và xe phía trước quá lớn.
- Khi xe phía trước giảm tốc độ đột ngột.
- Khi xe phía trước có hình dáng đặc biệt.
- Khi xe phía trước có cấu tạo phía sau thấp hơn phía trước, chẳng hạn như xe tải không chở hành lý, hoặc loại xe hẹp.



1 Camera phát hiện xe tải phía trước có thùng xe rỗng.

- Khi xe bạn hoặc xe phía trước đang lái ở rìa làn đường.
- Khi xe phía trước là xe kích cỡ nhỏ, chẳng hạn như xe gắn máy.
- Khi khoảng sáng tối thiểu gầm xe của xe phía trước là quá cao.

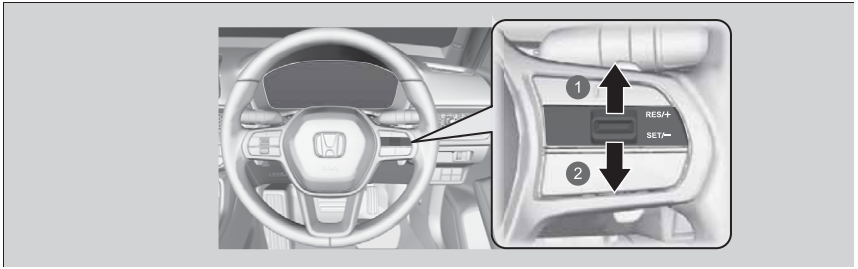


- Khi camera trước không xác định được chính xác hình dạng của xe phía trước.

Còn nữa

■ Điều Chỉnh Tốc Độ Xe

Ấn công tắc **RES/+/SET/-** trên vô lăng để tăng hoặc giảm tốc độ xe.



1. Để tăng tốc độ
2. Để giảm tốc độ

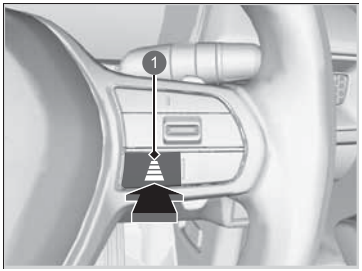
- Mỗi lần bạn ấn công tắc **RES/+/SET/-** lên hoặc xuống, tốc độ xe sẽ tăng hoặc giảm tương ứng khoảng 1 km/h.
- Nếu bạn ấn và giữ công tắc **RES/+/SET/-** lên hoặc xuống, tốc độ xe sẽ tăng hoặc giảm tương ứng khoảng 10 km/h.

Điều Chỉnh Tốc Độ Xe

Nếu phát hiện xe phía trước đang chạy ở tốc độ thấp hơn tốc độ đã thiết lập để tăng tốc, ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp không thể tăng tốc độ xe của bạn. Điều này giúp duy trì khoảng cách đã cài đặt giữa xe bạn và xe phía trước.

Khi bạn nhấn bàn đạp ga, sau đó ấn và nhả công tắc **RES/+/SET/-**, tốc độ xe khi đó sẽ được thiết lập.

Cài Đặt hoặc Thay Đổi Khoảng Cách với Xe Khác



1 Nút Khoảng Cách

Ấn nút khoảng cách để thay đổi khoảng cách với xe khác của ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp. Mỗi khi ấn nút, chu kỳ thiết lập khoảng cách với xe khác (khoảng cách giữa xe bạn và xe phía trước được phát hiện) chuyển giữa rất xa, xa, trung bình và gần.

Xác định khoảng cách với xe khác phù hợp nhất tùy theo điều kiện lái cụ thể. Đảm bảo tuân theo quy định của địa phương về khoảng cách lái.

Còn nữa

Tốc độ xe bạn càng cao, khoảng cách giữa hai xe ở các mức gần, trung bình, xa và rất xa càng trở lên lớn hơn. Xem các ví dụ sau để tham khảo.

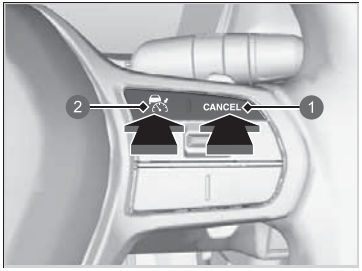
Khoảng cách xe		Khi Tốc Độ Xe Được Thiết Lập là:	
		80 km/h	104 km/h
Gần		26,6 mét 1,2 giây	33,7 mét 1,2 giây
Trung Bình		34,6 mét 1,6 giây	44,9 mét 1,6 giây
Xa		44,0 mét 2.0 giây	57,1 mét 2,0 giây
Rất Xa		53,6 mét 2,4 giây	70,0 mét 2,4 giây

Khi xe bạn dừng tự động do phát hiện xe phía trước dừng, khoảng cách giữa hai xe sẽ thay đổi dựa vào cài đặt khoảng cách ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp.

Cài Đặt hoặc Thay Đổi Khoảng Cách với Xe Khác

Người lái phải duy trì khoảng cách phanh vừa đủ với xe phía trước trong mọi trường hợp và phải biết rằng khoảng cách tối thiểu và thời gian giãn cách tối thiểu có thể được quy định trong Luật Giao Thông ở địa phương và trách nhiệm của người lái là phải tuân thủ luật.

Hủy Chế Độ



❶ Nút **HỦY**
❷ Nút

Để hủy ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp, hãy làm như sau:

- Ấn nút **CANCEL**.
  ▶ Đèn báo (xanh lục) trên đồng hồ đo chuyển sang đèn báo (trắng).
- Ấn nút .
  ▶ Đèn báo (xanh lục) tắt.
- Nhấn bàn đạp phanh khi xe di chuyển về phía trước.
  ▶ Đèn báo (xanh lục) trên đồng hồ đo chuyển sang đèn báo (trắng).

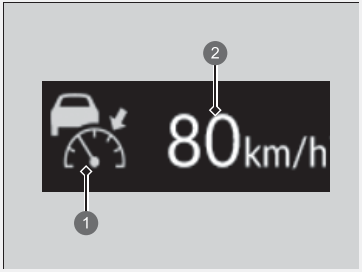
Hủy Chế Độ

Khôi phục tốc độ cài đặt trước đó: Sau khi bạn đã hủy ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp, bạn có thể kích hoạt ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp với tốc độ đã cài đặt trước đó được hiển thị trên đồng hồ đo (màu xám) bằng cách ấn công tắc **RES/+/SET/-** lên ngay cả khi xe đã dừng.

Khi bạn tắt ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp bằng cách ấn nút **CANCEL** hoặc nhấn bàn đạp phanh, tốc độ cài đặt trước đó sẽ hiển thị trên đồng hồ đo màu xám.

Khi bạn ấn công tắc **RES/+/SET/-** lên, ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp sẽ hoạt động theo tốc độ đã hiển thị.

Nếu đèn báo (trắng) xuất hiện và bạn ấn công tắc **RES/+/SET/-** lên, nhưng tốc độ cài đặt trước đó (màu xám) không hiển thị, tốc độ xe đang chạy sẽ được thiết lập.



❶ (Trắng)
❷ Tốc Độ Cài Đặt Trước Đó (Xám)

Còn nữa

■ Hủy tự động

Tiếng bíp vang lên và thông báo sẽ xuất hiện trên đồng hồ đo khi ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp bị hủy tự động. ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp sẽ tự động bị hủy ở bất kỳ điều kiện nào sau đây:

- Thời tiết xấu (mưa, sương mù, tuyết, v.v)
- Không thể phát hiện ra xe phía trước.
- Phát hiện tình trạng lốp bất thường hoặc lốp bị trượt.
- Lái trên đường đồi núi, lái ở đường hiểm trở trong thời gian dài.
- Bẻ lái đột ngột.
- Khi kích hoạt ABS, VSA hoặc CMBS.
- Khi đèn báo hệ thống VSA sáng.
- Khi xe đang dừng trên dốc cao.
- Khi gài phanh đỗ bằng tay.
- Nước hoặc tuyết bắn ra từ xe phía trước.
- Lái xe khi ánh sáng mặt trời yếu (ví dụ: vào lúc bình minh hoặc tranh tối tranh sáng).
- Khi phát hiện xe khác trong phạm vi ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp ở quá gần với xe bạn.
- Khi tăng tốc nhanh.
- Phía trước camera trước bị bụi bẩn, sương mù, mưa, bùn, tuyết, keo dán, phụ kiện, miếng dán che khuất, hoặc kính chắn gió bị mờ.
- Xe chất hành lý nặng ở khoang hành lý hoặc ở hàng ghế sau.
- Khi đi qua khu vực tối ví dụ như trong đường hầm.
- Khi đèn báo phanh đỗ và hệ thống phanh (màu hổ phách) sáng.
- Nhấn phanh nhiều lần để duy trì tốc độ đã thiết lập (ví dụ như khi đang xuống dốc dài).
- Khi hệ thống không phát hiện bất kỳ thao tác lái xe nào của người lái trong một khoảng thời gian nhất định đồng thời LKAS cũng được kích hoạt.

Hủy Chế Độ

Không thể thiết lập hoặc khôi phục tốc độ đã thiết lập khi tắt ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp bằng nút . Ấn nút để kích hoạt hệ thống, sau đó cài đặt tốc độ mong muốn.

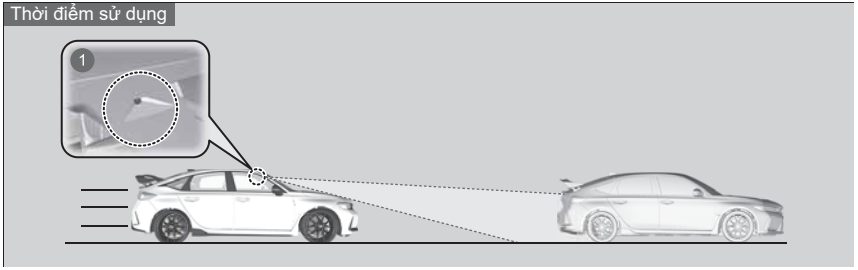
ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp có thể bị hủy tự động do các nguyên nhân dưới đây. Trong những trường hợp này, phanh đỗ sẽ tự động được gài.

- Người lái không thắt dây đai an toàn khi xe đứng yên.
- Xe dừng trong hơn 10 phút.
- Động cơ tắt.

Hệ Thống Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC)*

Giúp duy trì tốc độ ổn định cho xe và thiết lập khoảng cách an toàn giữa xe bạn với xe phía trước mà bạn không cần giữ chân lên bàn đạp phanh hay bàn đạp ga.
Khi ACC giảm tốc độ xe bằng cách phanh xe, đèn phanh của xe sẽ sáng lên.

Thời điểm sử dụng



1 Camera trước được lắp phía sau gương chiếu hậu.

- Tốc độ xe cho ACC: Tốc độ mong muốn trong khoảng trên 30 km/h.
- Vị trí số cho ACC: ở vị trí số 2 trở lên.

Hệ Thống Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC)*

⚠CẢNH BÁO

Sử dụng ACC không đúng cách có thể dẫn đến va chạm. Chỉ sử dụng khi lái xe trên đường cao tốc trong điều kiện thời tiết tốt.

⚠CẢNH BÁO

ACC có chức năng giới hạn khả năng phanh. Khi tốc độ xe dưới 25 km/h, ACC sẽ tự động hủy và bạn không thể sử dụng phanh. Luôn sẵn sàng nhấn bàn đạp phanh trong tình huống cần thiết.

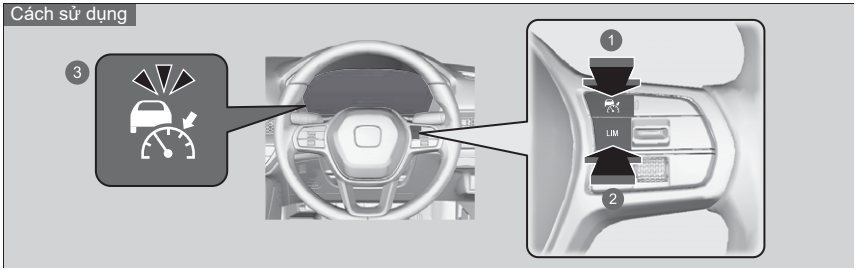
Nhắc Nhở Quan Trọng
Giống như bất kỳ hệ thống nào, ACC cũng có các hạn chế. Hãy sử dụng bàn đạp phanh bất cứ khi nào cần, và luôn giữ khoảng cách an toàn giữa xe bạn với các xe khác.

Loại xe Thái Lan

LƯU Ý: Khi vận hành thiết bị này, phải để thiết bị cách xa két nước hoặc cách xa thân người ít nhất 20 cm trở lên (không bao gồm tứ chi: tay, cổ tay, bàn chân và mắt cá chân).
Thiết bị viễn thông này phù hợp với yêu cầu kỹ thuật của NTC.
Thiết bị viễn thông này có tần số EMF phù hợp với tiêu chuẩn phơi nhiễm EMF của NTC.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

■ Cách kích hoạt hệ thống



❶ Nút
Ấn nút trên vô lăng.

❷ Nút **LIM***
Nếu đèn báo khác sáng, ấn nút **LIM** để chuyển sang ACC.

❸ **(trắng) sáng trên đồng hồ đo.**
ACC sẵn sàng để sử dụng.

Hệ Thống Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC)*

Bạn có thể tìm hiểu thông tin xử lý camera trang bị cho hệ thống này.
Camera Trước Tr. 553

ACC có thể không hoạt động tốt trong các điều kiện nhất định.
Điều Kiện và Hạn Chế của ACC Tr. 498

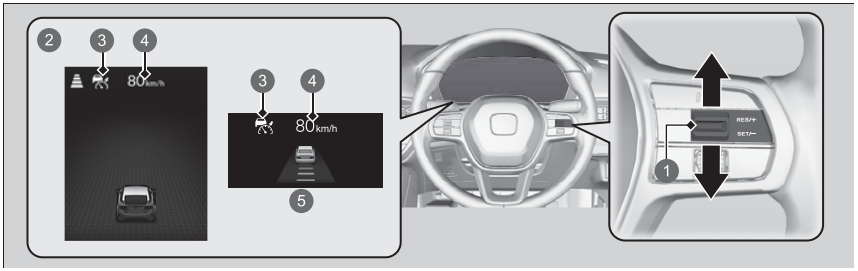
Khi không sử dụng ACC: Ấn nút để tắt chế độ chạy ổn định thích ứng.

Không sử dụng ACC trong những điều kiện sau:
- Trên đường có phương tiện chuyển làn thường xuyên hoặc dừng và đi liên tục. ACC không thể giữ khoảng cách thích hợp giữa xe bạn và xe phía trước.
- Trên đường có khúc cua gấp.
- Trên đường có các thiết bị soát vé hoặc các vật thể khác chắn giữa làn đường hoặc ở khu vực đỗ xe hoặc các thiết bị truy cập khi lái.
- Lái xe trong thời tiết xấu (có mưa, sương mù, tuyết, v.v.) khiến hệ thống không thể phát hiện đúng khoảng cách giữa xe của bạn và xe phía trước.
- Đường trơn trượt hoặc bị đóng băng. Các bánh xe có thể bị trượt và làm xe có thể bị mất lái.
- Khi lái xe lên dốc hoặc xuống dốc cao.
- Đường nhiều dốc.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Còn nữa

■ Thiết Lập Tốc Độ Xe



❶ Công tắc **RES/+/SET/–**
Lên hoặc xuống
❷ Khi ACC bắt đầu hoạt động
❸ (Xanh Lục)
❹ Tốc Độ Xe Đã Thiết Lập (Trắng)
❺ Khi sử dụng đồng hồ đo **+R**

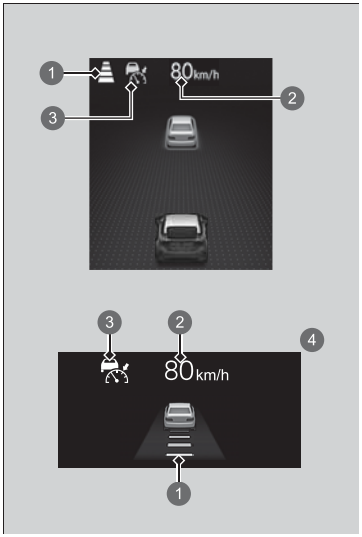
Thả chân ra khỏi bàn đạp và ấn công tắc **RES/+/SET/-** lên hoặc xuống khi bạn đã đạt đến tốc độ mong muốn. Vào thời điểm bạn ấn nút, tốc độ đã thiết lập sẽ được cố định, và ACC sẽ bắt đầu hoạt động.

Khi sử dụng ACC, Hỗ Trợ Lái Thẳng (một tính năng của hệ thống Lái Trợ Lực Điện) sẽ được kích hoạt.
Bằng cách kích hoạt hệ thống lái để tự động cân bằng lực lái tự nhiên, Hỗ Trợ Lái Thẳng giúp bạn lái xe theo một đường thẳng dễ dàng hơn.

»Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC)*

Các đèn báo hệ thống điều khiển chế độ chạy ổn định thích ứng (ACC), hỗ trợ an toàn và hỗ trợ ổn định xe (VSA) có thể sáng màu hổ phách đồng thời thông báo cũng xuất hiện trên đồng hồ đo khi bạn đặt chế độ nguồn ở BẬT sau khi lắp lại ắc quy. Hãy lái xe một quãng được ngắn với tốc độ trên 20 km/h. Từng đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn báo không tắt, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra. Khi tắt hoàn toàn VSA, bạn không thể sử dụng ACC.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe



Khi ACC bắt đầu hoạt động, biểu tượng xe, các thanh biểu thị khoảng cách và tốc độ đã được thiết lập sẽ xuất hiện trên đồng hồ đo.

1. Khoảng Cách Xe Được Thiết Lập
2. Tốc Độ Xe Được Thiết Lập
3. (Xanh Lục)
4. Khi sử dụng đồng hồ đo **+R**

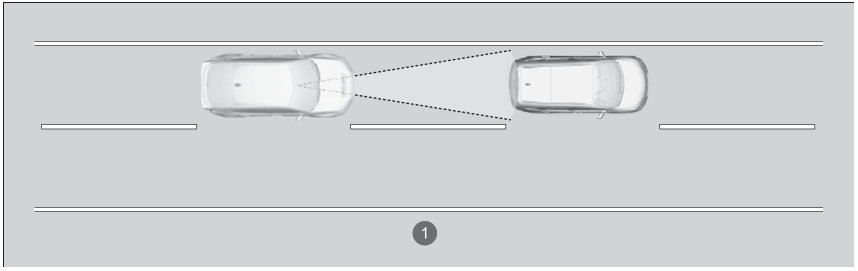
Còn nữa

■ Khi Hoạt Động

■ Có xe phía trước

ACC sẽ giám sát nếu xe phía trước bạn đi vào phạm vi ACC. Trong trường hợp này, hệ thống ACC sẽ duy trì hoặc giảm tốc độ xe đã được thiết lập để giữ khoảng cách đã thiết lập với xe phía trước.

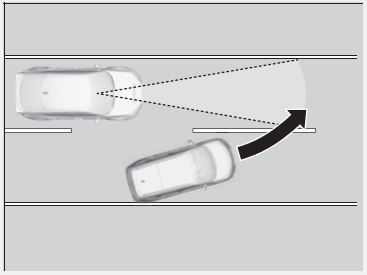
Thiết Lập hoặc Thay Đổi Khoảng Cách Giữa Các Xe Tr. 503



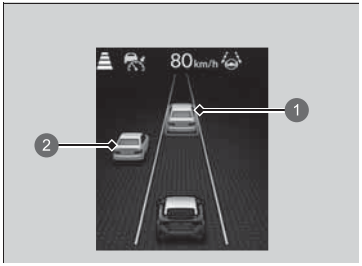
1 Phạm Vi Của ACC: 120 m

Khi Hoạt Động

Nếu xe phía trước giảm tốc độ bất ngờ, hoặc có xe khác cắt ngang phía trước, tiếng bíp sẽ vang lên và thông báo sẽ hiển thị trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.



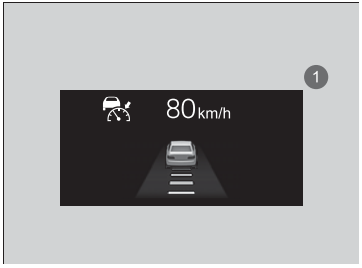
Nhấn bàn đạp phanh và giữ khoảng cách phù hợp với xe phía trước.



❶ Xe nằm trong phạm vi phát hiện
❷ Xe nằm ngoài phạm vi phát hiện

Biểu tượng xe xuất hiện trên đồng hồ đo.

Xe nằm trong phạm vi phát hiện: Trắng và viền xanh lục
Xe nằm ngoài phạm vi phát hiện: Xám

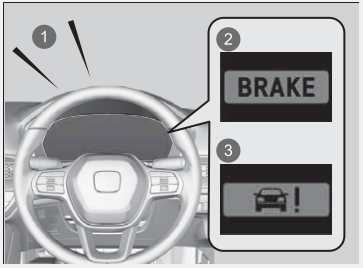


❶ Khi sử dụng đồng hồ đo **+R**

Biểu tượng xe xuất hiện trên đồng hồ đo.

Khi có một xe khác chạy đến với tốc độ thấp hơn tốc độ xe bạn đã cài đặt và cắt ngang qua đầu xe bạn và được camera phát hiện, xe của bạn sẽ bắt đầu giảm tốc.

Khi Hoạt Động



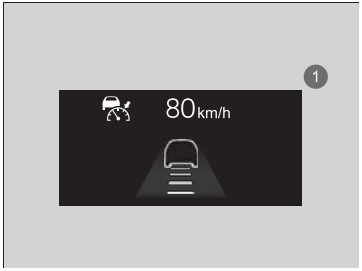
❶ Cảnh Báo Bằng Âm Thanh
❷ Loại xe Philippin
❸ Ngoại trừ loại xe Philippin

Còn nữa

■ Không có xe phía trước



Xe của bạn duy trì tốc độ đã được thiết lập mà không cần giữ chân trên bàn đạp phanh hoặc bàn đạp ga.
Nếu trước đó phát hiện ra xe phía trước khiến xe bạn không thể giữ tốc độ đã được thiết lập, ACC sẽ tăng tốc đến tốc độ đã thiết lập và duy trì tốc độ đó.



Khi xuống dốc cao trong khi ACC hoạt động, ACC sẽ phanh để tránh tăng ga quá mức nhằm duy trì tốc độ đã thiết lập. Tuy nhiên, tốc độ xe có thể trở nên nhanh hơn tốc độ đã thiết lập.

1 Khi sử dụng đồng hồ đo **+R**
Biểu tượng xe dưới dạng nét đứt xuất hiện trên đồng hồ đo.

Khi Hoạt Động

Ngay cả khi phát hiện khoảng cách giữa xe bạn và xe phía trước ngắn, ACC có thể bắt đầu tăng tốc xe trong các trường hợp sau:

- Xe phía trước chạy với tốc độ gần bằng hoặc nhanh hơn xe bạn.
- Xe cắt ngang phía trước xe bạn chạy nhanh hơn xe bạn, dần dần bỏ xa xe bạn.

Bạn cũng có thể cài đặt để hệ thống phát ra tiếng bíp khi phát hiện xe phía trước đi vào hoặc ra khỏi phạm vi phát hiện của ACC.
Chọn bật và tắt tiếng bíp phát hiện xe.
Tính Năng Tùy Chọn Tr. 313

Hạn Chế
Bạn có thể cần đến phanh để duy trì khoảng cách an toàn khi sử dụng ACC. Bên cạnh đó, ACC có thể hoạt động không tốt trong một số điều kiện nhất định.
Điều Kiện và Hạn Chế Của ACC Tr. 498

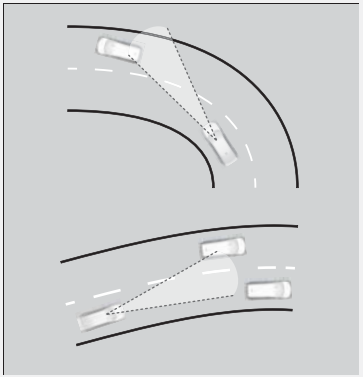
■ Khi bạn nhấn bàn đạp ga

Bạn có thể tạm thời tăng tốc độ xe. Trong trường hợp này, sẽ không có âm thanh hay hình ảnh gì thông báo cho bạn nếu xe ở trong phạm vi của ACC. ACC tiếp tục hoạt động trừ khi bạn hủy nó. Khi bạn nhả bàn đạp ga, hệ thống sẽ trở lại tốc độ đã thiết lập.

Có những lúc tốc độ xe sẽ giảm khi nhấn nhẹ bàn đạp ga.

Khi Hoạt Động

- ACC có thể tạm thời kiểm soát khoảng cách giữa xe bạn và xe trong làn đường liền kề hoặc vùng xung quanh tùy thuộc vào điều kiện đường xá (ví dụ: chỗ khúc cua) hoặc tình trạng xe (ví dụ: xoay vô lăng hoặc vị trí xe trong làn đường).



- Khi xe phía trước di chuyển ra xa, chẳng hạn như khi đi vào nút giao thông hoặc trạm dừng chân, ACC có thể tiếp tục duy trì khoảng cách giữa các xe đã thiết lập trong thời gian ngắn.

Còn nữa

■ Điều Kiện và Hạn Chế của ACC

Hệ thống có thể tự động tắt ở những điều kiện nhất định. Dưới đây là một số ví dụ về các điều kiện đó. Các điều kiện khác có thể làm giảm một số chức năng của ACC.

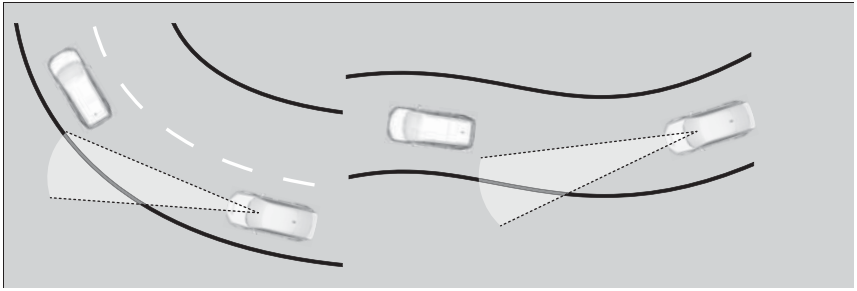
➲ **Camera Trước** Tr. 553

■ Điều kiện môi trường

- Lái xe trong thời tiết xấu (mưa, tuyết, sương mù, v.v.).
- Thay đổi đột ngột giữa sáng và tối như khi đi vào hoặc ra khỏi đường hầm hoặc bóng cây, toà nhà v.v.
- Tia sáng mạnh phản chiếu vào xe hoặc mặt đường.
- Nước hoặc tuyết bắn ra từ xe phía trước.
- Lái xe vào ban đêm hoặc trong điều kiện tối như trong đường hầm (do ánh sáng yếu nên khó phát hiện ra xe khác).
- Lái xe dưới ánh sáng mặt trời yếu (ví dụ lúc bình minh hoặc tranh tối tranh sáng).

■ Điều kiện đường xá

- Lái xe trên đường quanh co, gập ghềnh, mấp mô hoặc có dốc.



- Lái xe trên đường hằn lún (đường có tuyết hoặc đường không lát, v.v.).
- Mặt đường bị dính nước hoặc có vũng nước.
- Xe bị rung lắc mạnh khi đi trên mặt đường không bằng phẳng.

■ Điều kiện xe

- Xe bị nghiêng do chất hành lý nặng ở khoang hành lý hoặc hàng ghế sau.
- Phía trước camera bị bụi bẩn, sương mù, mưa, bùn, tuyết, keo dán, phụ kiện, miếng dán che khuất, hoặc kính chắn gió bị mờ.
- Lái xe vào ban đêm hoặc nơi tối (ví dụ: hầm) với đèn chiếu sáng bị tắt.
- Có cặn bám trên kính chắn gió khi cần gạt nước kính chắn gió hoạt động.
- Khi ánh sáng yếu do bụi bẩn bám vào thấu kính đèn chiếu sáng, hoặc có tầm nhìn kém khi xe đi vào chỗ tối do đèn chiếu sáng được điều chỉnh không đúng cách.
- Tình trạng lốp xe hoặc bánh xe bất thường (sai kích cỡ, có kích cỡ và cấu tạo khác nhau, lốp bơm không đúng, dùng lốp dự phòng loại nhỏ*, v.v.).
- Hệ thống treo bị sửa đổi.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

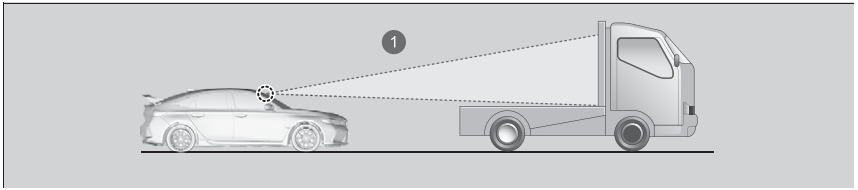
Còn nữa

■ Ví dụ về các điều kiện mà camera có thể không phát hiện ra xe phía trước

- Khi xe khác bất ngờ cắt ngang qua trước mặt xe bạn.
- Khoảng cách giữa xe bạn và xe phía trước quá gần.
- Khi xe phía trước hòa lẫn vào nền không gian khiến hệ thống không thể nhận diện được.
- Đèn chiếu sáng của xe phía trước sáng một bên hoặc cả hai bên đều không sáng khi xe đi vào chỗ tối.

■ Ví dụ về các điều kiện khiến hệ thống có thể không hoạt động tốt

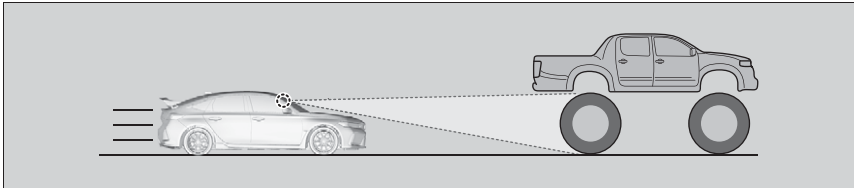
- Xe phía trước dừng và chênh lệch tốc độ giữa xe của bạn và xe phía trước quá lớn.
- Khi xe phía trước giảm tốc độ đột ngột.
- Khi xe phía trước xe bạn là xe ba bánh hoặc xe có hình dạng đặc biệt.
- Khi xe bạn có cấu tạo phía sau thấp hơn phía trước, chẳng hạn như xe tải không chở hành lý, hoặc loại xe hẹp.



1 Camera phát hiện xe tải phía trước có thùng xe rỗng.

- Khi xe của bạn hoặc xe phía trước đang chạy ở rìa làn đường.
- Khi xe phía trước là xe kích cỡ nhỏ, chẳng hạn như xe máy.

- Khi khoảng sáng tối thiểu gầm xe của xe phía trước là quá cao.

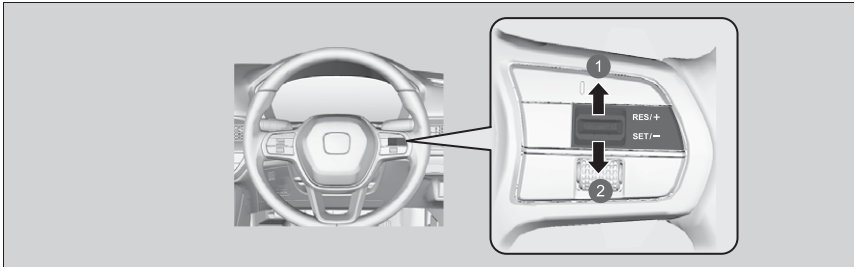


- Khi camera không thể nhận diện chính xác hình dạng của xe phía trước.

Còn nữa

■ Điều Chỉnh Tốc Độ Xe

Ấn công tắc **RES/+/SET/-** trên vô lăng để tăng hoặc giảm tốc độ xe.



❶ Để tăng tốc độ
❷ Để giảm tốc độ

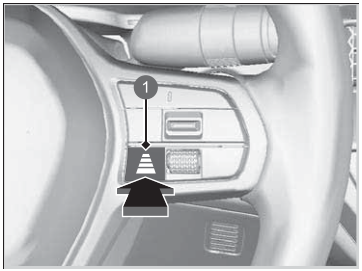
- Mỗi lần bạn ấn công tắc **RES/+/SET/-** lên hoặc xuống, tốc độ xe sẽ tăng hoặc giảm tương ứng khoảng 1 km/h.
- Nếu bạn ấn và giữ công tắc **RES/+/SET/-** lên hoặc xuống, tốc độ xe sẽ tăng hoặc giảm tương ứng khoảng 10 km/h.

Điều Chỉnh Tốc Độ Xe

Nếu phát hiện xe phía trước đang chạy ở tốc độ thấp hơn tốc độ đã thiết lập để tăng tốc, ACC không thể tăng tốc độ xe của bạn. Điều này giúp duy trì khoảng cách đã thiết lập giữa xe bạn và xe phía trước.

Khi bạn nhấn bàn đạp ga, sau đó ấn và nhả công tắc **RES/+/SET/-**, tốc độ xe khi đó sẽ được cài đặt.

Thiết Lập hoặc Thay Đổi Khoảng Cách với Xe Khác



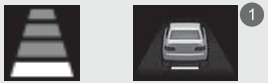
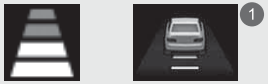
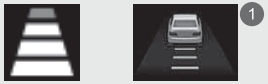
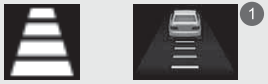
1 Nút Khoảng Cách

Ấn nút khoảng cách để thay đổi khoảng cách với xe khác có ACC.
Mỗi khi bạn ấn nút, chu kỳ thiết lập khoảng cách với xe khác (khoảng cách giữa xe bạn và xe phía trước được phát hiện) chuyển từ rất xa, xa, trung bình và gần.

Xác định khoảng cách với xe khác phù hợp nhất tùy theo điều kiện lái cụ thể. Đảm bảo tuân theo quy định của địa phương về khoảng cách lái.

Còn nữa

Tốc độ xe bạn càng cao, khoảng cách giữa hai xe ở các mức gần, trung bình, xa và rất xa càng trở lên lớn hơn. Xem các ví dụ sau để tham khảo.

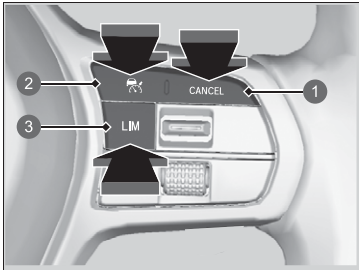
Khoảng Cách Xe		Khi Tốc Độ Xe Được Thiết Lập là:	
		80 km/h	104 km/h
Gần		26,6 mét 1,2 giây	33,7 mét 1,2 giây
Trung Bình		34,6 mét 1,6 giây	44,9 mét 1,6 giây
Xa		44,0 mét 2,0 giây	57,1 mét 2,0 giây
Rất Xa		53,6 mét 2,4 giây	70,0 mét 2,4 giây

❶ Khi sử dụng đồng hồ đo **+R**

Thiết Lập hoặc Thay Đổi Khoảng Cách với Xe Khác

Người lái phải duy trì khoảng cách phanh vừa đủ với xe phía trước trong mọi trường hợp và phải biết rằng khoảng cách tối thiểu và thời gian giãn cách tối thiểu có thể được quy định trong Luật Giao Thông ở địa phương và trách nhiệm của người lái là phải tuân thủ luật.

Hủy Chế Độ



1. Nút **CANCEL**
2. Nút
3. Nút **LIM***

Để hủy ACC, hãy làm như sau:

- Ấn nút **CANCEL**.
  ▶ Đèn báo (xanh lục) trên đồng hồ đo chuyển sang đèn báo (trắng).
- Ấn nút .
  ▶ Đèn báo (xanh lục) tắt.
- Ấn nút **LIM***.
- Nhấn bàn đạp phanh khi xe tiến.
  ▶ Đèn báo (xanh lục) trên đồng hồ đo chuyển sang đèn báo (trắng).
- Nhấn bàn đạp ly hợp từ năm giây trở lên.
  ▶ Đèn báo (xanh lục) trên đồng hồ đo chuyển sang đèn báo (trắng).

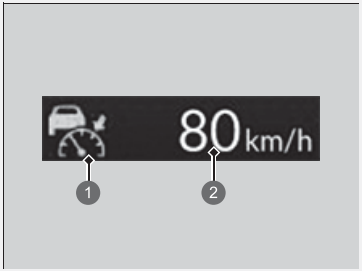
Hủy Chế Độ

Khôi phục tốc độ cài đặt trước đó: Sau khi bạn hủy ACC, bạn có thể kích hoạt ACC theo tốc độ thiết lập trước đó được hiển thị trên đồng hồ đo (màu xám) bằng cách ấn công tắc **RES/+/SET/-** lên.

Khi bạn tắt ACC bằng cách ấn nút **CANCEL** hoặc nhấn bàn đạp phanh, tốc độ thiết lập trước đó sẽ được hiển thị trên đồng hồ đo (màu xám).

Khi ấn công tắc **RES/+/SET/-** lên, ACC sẽ được kích hoạt theo tốc độ đã hiển thị.

Nếu đèn báo (trắng) hiển thị và bạn ấn công tắc **RES/+/SET/-** lên, nhưng tốc độ thiết lập trước đó (màu xám) không hiển thị, tốc độ hiện tại của xe sẽ được thiết lập.



1. (Trắng)
2. Tốc Độ Thiết Lập Trước Đó (Màu Xám)

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Còn nữa

■ Hủy tự động

Tiếng bíp vang lên và thông báo xuất hiện trên đồng hồ đo khi ACC bị hủy tự động. Bất kỳ trường hợp nào sau đây có thể làm ACC bị hủy tự động:

- Thời tiết xấu (mưa, sương mù, tuyết, v.v).
- Không thể phát hiện ra xe phía trước.
- Phát hiện ra tình trạng lốp xe bất thường hoặc lốp xe bị trượt.
- Lái trên đường đồi núi hoặc lái ở đường hiểm trở trong thời gian dài.
- Xoay vô lăng đột ngột.
- Khi kích hoạt ABS, VSA hoặc CMBS.
- Khi đèn báo hệ thống VSA sáng.
- Khi gài phanh đỗ bằng tay.
- Khi tốc độ xe dưới 25 km/h.
- Nước hoặc tuyết bắn ra từ xe phía trước.
- Lái xe khi ánh sáng mặt trời yếu (ví dụ: vào lúc bình minh hoặc tranh tối tranh sáng).
- Khi phát hiện xe khác trong phạm vi ACC ở quá gần với xe bạn.
- Khi tăng tốc nhanh.
- Phía trước camera bị bụi bẩn, sương mù, mưa, bùn, tuyết, keo dán, phụ kiện, miếng dán che khuất, hoặc kính chắn gió bị mờ.
- Động cơ tắt.
- Xe chất hành lý nặng ở khoang hành lý hoặc hàng ghế sau.
- Khi đi qua khu vực tối ví dụ như đường hầm.
- Khi đèn báo phanh đỗ và hệ thống phanh (màu hổ phách) sáng.
- Nhấn phanh nhiều lần để duy trì tốc độ đã thiết lập (ví dụ như khi đang xuống dốc dài).
- Khi hệ thống không phát hiện bất kỳ thao tác lái xe nào của người lái trong một khoảng thời gian nhất định đồng thời LKAS cũng được kích hoạt.

Hủy Chế Độ

Không thể thiết lập hoặc khôi phục tốc độ đã thiết lập khi tắt ACC bằng nút  . Ấn nút để kích hoạt hệ thống, sau đó cài đặt tốc độ mong muốn. Nếu tốc độ xe là dưới 30 km/h, bạn không thể khôi phục tốc độ.

- Bỏ qua đèn báo giảm số hiển thị trên đồng hồ đo sẽ làm hủy ACC sau khoảng 10 giây.
- Tốc độ động cơ đi vào vùng đỏ của đồng hồ đo tốc độ động cơ.
- Tốc độ động cơ giảm xuống 1.000 rpm.
- Tạm thời sang số trung gian khi sang số cao hơn hoặc thấp hơn.
- Khi gạt cần số đến N mà không nhấn bàn đạp ly hợp.

Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS)

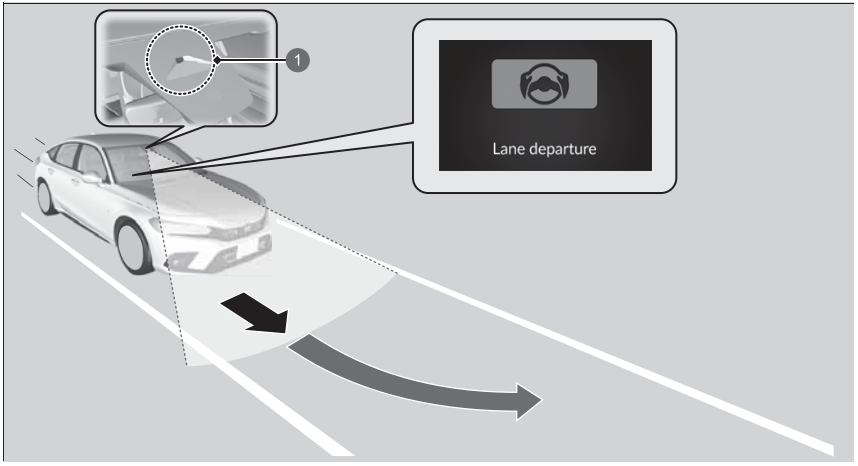
Hệ thống giúp điều khiển hệ thống lái để giữ xe đi giữa làn đường đã phát hiện và cảnh báo bằng cách rung vô lăng, bằng âm thanh và hình ảnh nếu xe đi chệch ra khỏi làn đường.

■ Hỗ trợ hệ thống lái

Hệ thống tác động mô-men lực lên hệ thống lái nhằm giữ xe ở giữa vạch phân cách làn đường bên trái và bên phải. Mô-men lực sẽ lớn dần khi xe đến gần một trong hai vạch phân cách làn đường.

■ Cảnh báo bằng cách rung vô lăng, bằng âm thanh và hình ảnh

Vô lăng rung liên tục và cảnh báo bằng âm thanh và hình ảnh sẽ xuất hiện để báo cho bạn biết xe bạn đang đi ra ngoài làn đường đã được phát hiện.



1 Camera trước: Giám sát vạch phân cách làn đường

Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS)

Nhắc Nhở Quan Trọng Về Sự An Toàn

Nhắc Nhở Quan Trọng Về Sự An Toàn LKAS chỉ giúp bạn lái xe thuận tiện chứ không thể thay thế cho việc điều khiển xe của bạn. Hệ thống sẽ không hoạt động nếu bạn bỏ tay ra khỏi vô lăng hoặc không lái.

LKAS rất tiện lợi khi sử dụng trên đường cao tốc hoặc đường có hai làn xe.

Không để bất cứ vật gì lên bảng điều khiển vì các vật đó có thể phản chiếu lên kính chắn gió và khiến hệ thống không phát hiện ra vạch phân cách làn đường.

LKAS chỉ cảnh báo cho bạn khi phát hiện xe bạn đang đi chệch làn đường mà không dùng xi nhan. Hệ thống LKAS không thể phát hiện ra tất cả vạch phân cách làn đường hoặc làn đường; độ chính xác sẽ thay đổi do điều kiện thời tiết, tốc độ xe và vạch báo làn đường.
Bạn cần vận hành xe an toàn và tránh va chạm.

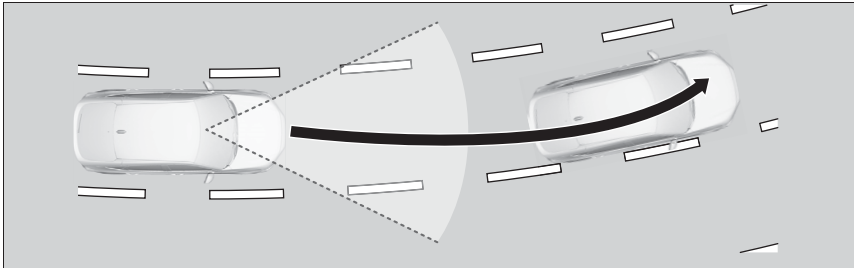
Bạn có thể tìm hiểu thông tin xử lý camera được trang bị cho hệ thống này.
Camera Trước Tr. 553

LKAS không thể hoạt động hiệu quả trong một số điều kiện nhất định:
Điều Kiện và Hạn Chế của LKAS Tr. 517

Khi bạn bật xi nhan để thay đổi làn đường, hệ thống sẽ tạm dừng và tiếp tục hoạt động sau khi tắt xi nhan.
Nếu bạn chuyển làn đường mà không bật xi nhan, cảnh báo LKAS sẽ kích hoạt và lực mô-men sẽ tác động vào hệ thống lái.

■ Chức Năng Hỗ Trợ Giữ Làn Đường

Hỗ trợ xe đi giữa làn đường. Khi xe đi gần vạch trắng hoặc vàng, lực lái của hệ thống lái trợ lực điện sẽ tăng lên.



Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS)

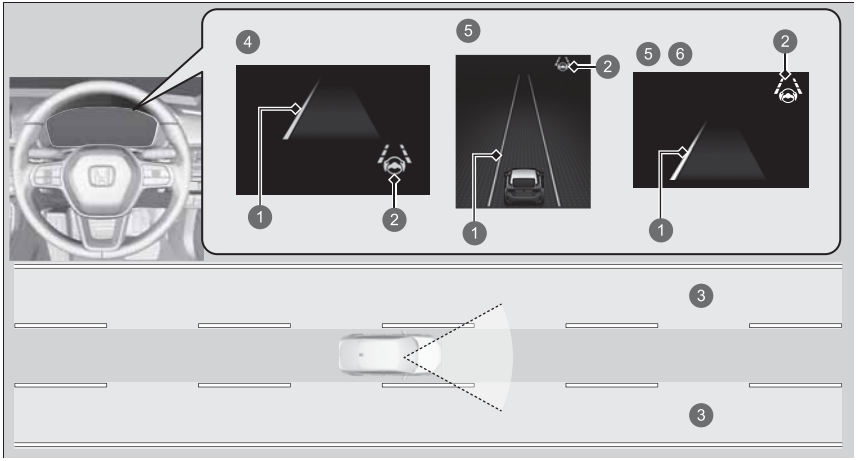
Nếu LKAS không phát hiện ra làn đường, hệ thống sẽ tạm thời bị hủy. Khi phát hiện ra làn đường, hệ thống sẽ tự động hoạt động trở lại.

LKAS không thể hoạt động hiệu quả khi lái xe trong điều kiện giao thông đông đúc hoặc trên đường ngoằn ngoèo.

Còn nữa

■ Chức Năng Cảnh Báo Chệch Làn Đường

Khi xe đi vào khu vực cảnh báo, LKAS sẽ cảnh báo cho bạn biết bằng cách rung nhẹ vô lăng đồng thời xuất hiện cảnh báo bằng âm thanh và hình ảnh.



1. Vạch Báo Làn Đường (Hổ Màu Phách)
2. Đèn Báo LKAS (Xanh Lục)
3. Khu Vực Cảnh Báo
4. L oại xe có đồng hồ đo loại A
5. L oại xe có đồng hồ đo loại B
6. Khi sử dụng đồng hồ đo **+R***

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

■Hệ thống có thể được sử dụng khi

Hệ thống có thể sử dụng khi đáp ứng điều kiện sau:

- Làn đường đang lái có các vạch báo làn đường dễ phát hiện ở cả hai bên đường, và xe bạn đang đi giữa làn đường.
- Tốc độ xe khoảng từ 72 đến 180 km/h.
- Lái trên đường thẳng hoặc đường có độ cua nhẹ.
- Tắt xi nhan.
- Không nhấn bàn đạp phanh.

≫Hệ thống có thể được sử dụng khi

Nếu xe tạt sang làn đường bên trái hoặc phải do mô-men xoắn tác động lên hệ thống, hãy tắt LKAS và đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

Đảm bảo thực hiện theo các chỉ dẫn sau đây để hệ thống hoạt động hiệu quả:

- Đảm bảo kính chắn gió xung quanh camera luôn sạch sẽ.
- Khi vệ sinh kính chắn gió, lưu ý không để nước rửa kính chắn gió dính vào thấu kính camera.
- Không chạm vào thấu kính camera.
- Không dán nhãn vào khu vực xung quanh camera.

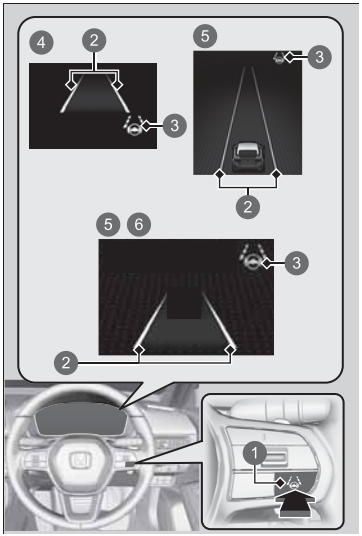
Nếu ấn nút LKAS khi hệ thống có thể được sử dụng, LKAS sẽ bật mà không cần ở chế độ chờ.

Loại xe số sàn

Nếu bạn tắt hoàn toàn VSA, bạn không thể sử dụng LKAS.

Còn nữa

■ Cách kích hoạt hệ thống



1. Nút LKAS
2. Vạch Báo Làn Đường (Trắng)
3. Đèn Báo Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS) (Trắng)
4. Loại xe có đồng hồ đo loại A
5. Loại xe có đồng hồ đo loại B
6. Khi sử dụng đồng hồ đo **+R***

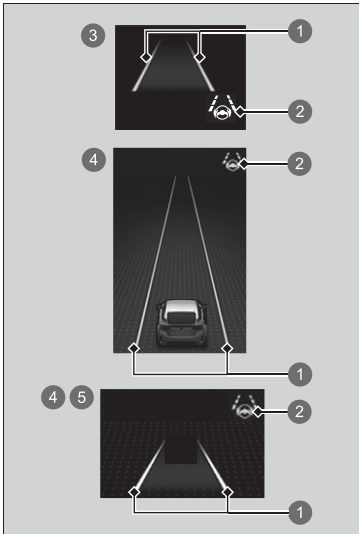
1. Ấn nút LKAS.

▶ Đèn báo LKAS (trắng) sẽ sáng trên đồng hồ đo.

Hệ thống đang ở chế độ chờ.

▶ Nếu phát hiện vạch phân cách làn đường, vạch trắng sẽ xuất hiện trên đồng hồ đo.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe



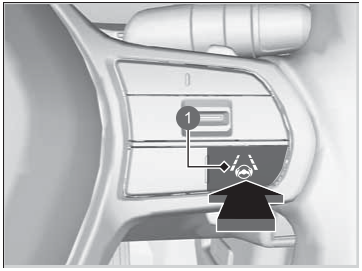
❶ Vạch Báo Làn Đường (Xanh Lục)
❷ Đèn Báo Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS) (Xanh Lục)
❸ Loại xe có đồng hồ đo loại A
❹ Loại xe có đồng hồ đo loại B
❺ Khi sử dụng đồng hồ đo **+R***

2. Giữ xe ở gần giữa làn đường khi lái xe.
▶ Đèn báo LKAS chuyển từ màu trắng sang xanh lục và vạch trắng chuyển sang xanh lục khi hệ thống bắt đầu hoạt động sau khi phát hiện vạch báo làn đường bên trái và bên phải.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Còn nữa

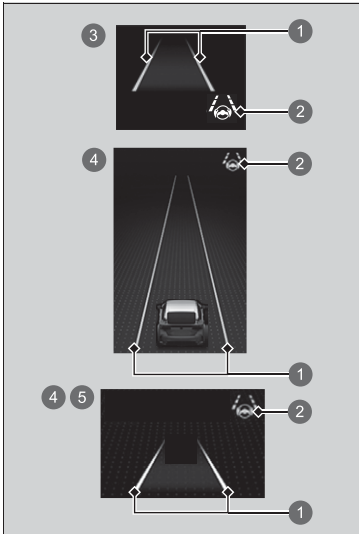
■ Hủy Chế Độ



Ấn nút LKAS.

LKAS sẽ tắt mỗi khi bạn tắt động cơ, ngay cả khi bạn đã bật hệ thống vào lần lái xe gần đây nhất.

1 Nút LKAS



❶ Vạch Báo Làn Đường (Trắng)
❷ Đèn Báo Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS) (Trắng)
❸ Loại xe có đồng hồ đo loại A
❹ Loại xe có đồng hồ đo loại B
❺ Khi sử dụng đồng hồ đo **+R***

■ Hệ thống sẽ tạm dừng nếu bạn:

- Giảm tốc độ xe xuống khoảng 64 km/h trở xuống.
  ▶ Tăng tốc độ xe lên khoảng 72 km/h trở lên, LKAS sẽ hoạt động trở lại.
- Nhấn bàn đạp phanh.
  ▶ LKAS tiếp tục hoạt động và bắt đầu phát hiện vạch phân cách làn đường khi nhả bàn đạp phanh.
- Bạn đang lái xe sang phải hoặc sang trái làn đường.

Khi LKAS tạm dừng, các vạch phân cách làn đường màu xanh lục trên đồng hồ đo chuyển sang màu trắng hoặc biến mất và tiếng bíp vang lên (nếu được kích hoạt).

Hệ thống sẽ tạm dừng nếu bạn:

Bạn có thể thay đổi cài đặt cho LKAS.
Có thể chọn bật và tắt tiếng bíp tạm dừng LKAS.
Tính Năng Tùy Chọn Tr. 313

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Còn nữa

■ LKAS có thể tự động tạm dừng khi:

- Hệ thống không phát hiện ra vạch phân cách làn đường.
- Xoay vô lăng nhanh.
- Xe bị mất lái.
- Lái xe trên đường có góc cua hẹp.
- Lái ở tốc độ vượt quá khoảng 185 km/h.

LKAS sẽ tự động hoạt động trở lại khi những điều kiện trên không còn nữa.

■ LKAS có thể tự động hủy khi:

Trong những trường hợp sau, vạch phân cách làn đường có thể biến mất trên đồng hồ đo, tiếng bíp có thể vang lên và LKAS có thể tự động bị hủy:

- Nhiệt độ camera quá cao.
- Camera ở phía sau gương chiếu hậu, hoặc khu vực quanh camera và kính chắn gió bị bẩn.
- Hệ thống ABS hoặc VSA được kích hoạt.

Điều Kiện và Hạn Chế Của LKAS

Hệ thống không thể phát hiện ra vạch phân cách làn đường và vì thế không thể giữ xe ở giữa làn đường trong các trường hợp sau:

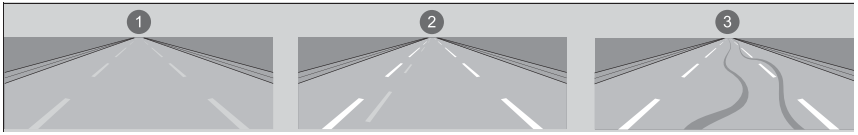
Điều kiện môi trường

- Sự khác biệt giữa vạch phân cách làn đường và bề mặt đường là không rõ ràng.
- Lái xe trong thời tiết xấu (mưa, sương mù, tuyết v.v).
- Lái xe trên đường có tuyết hoặc ướt.
- Lái xe dưới ánh sáng mặt trời yếu (ví dụ lúc bình minh hoặc tranh tối tranh sáng).
- Bóng của vật thể gần đấy (cây cối, tòa nhà, lan can, xe cộ, v.v.) song song với vạch báo làn đường màu trắng (hoặc vàng).
- Thay đổi đột ngột giữa sáng và tối như khi vào hoặc đi ra khỏi đường hầm hoặc bóng cây, tòa nhà, v.v.
- Lái xe vào ban đêm hoặc ở chỗ tối như khi đi qua hầm (do ánh sáng yếu, làn đường hoặc mặt đường có thể không được chiếu sáng).
- Khoảng cách giữa xe bạn và xe phía trước quá gần, không nhìn thấy vạch báo làn đường hoặc mặt đường.
- Tia sáng mạnh phản chiếu lên mặt đường.

Còn nữa

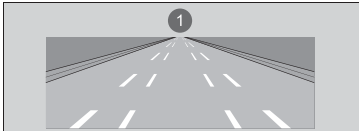
■ Điều kiện đường xá

- Lái xe trên đường có vạch phân cách làn đường tạm thời.
- Có thể nhìn thấy nhiều vạch phân cách làn đường khác nhau đã mờ ở lòng đường do sửa đường hoặc vạch phân cách làn đường đã cũ.



1 Vạch phân cách làn đường mờ
2 Vạch phân cách làn đường trùng lặp
3 Vết lốp xe

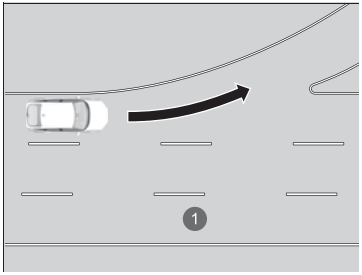
- Đường có vạch đánh dấu phân cách, giao nhau hay cắt nhau, ví dụ ở đoạn đường giao nhau hay đường dành cho người đi bộ.
- Vạch phân cách làn đường quá hẹp, rộng, hoặc thay đổi liên tục.



1 Làn đường xe chạy quá rộng hoặc quá hẹp

- Một phần của vạch báo làn đường bị vật gì đó che, ví dụ như một chiếc xe khác.
- Lái xe ở đoạn đường đồi hoặc lái gần đến đỉnh đồi.
- Xe bị rung lắc mạnh khi đi trên mặt đường không bằng phẳng.
- Khi các vật thể trên đường (như rìa đường, lan can, cột điện, v.v) nhìn giống như các vạch phân cách làn đường màu trắng (hoặc màu vàng).
- Lái trên đường gồ ghề hoặc không lát đá, mặt đường mấp mô.

- Lái trên đường có vạch phân cách làn đường kép.
- Lái trên đường có tuyết hoặc trơn trượt.
- Chỉ có thể nhìn thấy một phần mặt đường do có tuyết hoặc vũng nước trên đường.
- Mặt đường dính nước hoặc có vũng nước.
- Không nhận diện được chính xác các vạch trắng (hoặc màu vàng) do các điều kiện đường như đường cong, có khúc quanh hoặc có dốc.
- Lái xe trên đường không lát đá hoặc đường bị hằn lún.
- Đi qua ngã tư.



1 Vạch phân cách làn đường biến mất khi ở ngã tư

Còn nữa

■ **Điều kiện xe**

- Khi ánh sáng yếu do bụi bẩn bám vào thấu kính đèn chiếu sáng, hoặc xe có tầm nhìn kém khi đi vào chỗ tối do điều chỉnh đèn chiếu sáng không đúng cách.
- Phía trước camera bị bụi bẩn, sương mù, mưa, bùn, tuyết, keo dán, phụ kiện, miếng dán che khuất hoặc kính chắn gió bị mờ.
- Lái xe vào ban đêm hoặc ở nơi tối (ví dụ: trong đường hầm) mà đèn chiếu sáng tắt.
- Có cặn bám trên kính chắn gió khi cần gạt nước kính chắn gió hoạt động.
- Tình trạng lốp xe hoặc bánh xe bất thường (không cùng kích cỡ, kích cỡ và cấu tạo khác nhau, độ căng lốp không phù hợp, lốp dự phòng loại nhỏ* v.v.).
- Xe bị nghiêng do chất hành lý nặng ở khoang hành lý hoặc ở hàng ghế sau.
- Hệ thống treo bị sửa đổi.
- Lắp xích bọc lốp*.

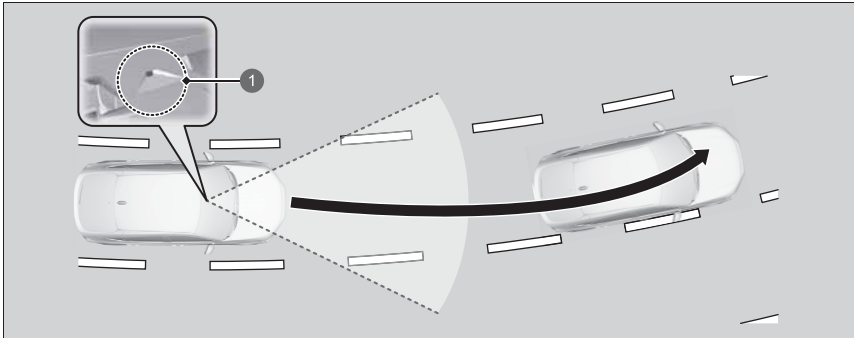
* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Hệ Thống Hỗ Trợ Lái Xe Khi Tắc Đường*

Hệ thống Hỗ Trợ Lái Xe Khi Tắc Đường sử dụng camera trước gắn ở phía trên kính chắn gió để phát hiện và giám sát các vạch phân cách làn đường màu trắng (hoặc vàng) bên trái và bên phải.
Dựa vào tín hiệu từ camera, hệ thống tác động mô-men lực lên hệ thống lái để giữ xe đi giữa làn đường được phát hiện.

■ Cách hoạt động của hệ thống Hỗ Trợ Lái Xe Khi Tắc Đường

Khi bạn gặp tắc đường và Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS) đang hoạt động, hệ thống Hỗ Trợ Lái Xe Khi Tắc Đường phát hiện các vạch phân cách làn đường và tác động mô-men lực lên hệ thống lái để giữ xe đi giữa làn đường.



1 Camera Trước: Phát hiện các vạch phân cách làn đường bên trái và bên phải trắng (hoặc vàng)

Khi bạn bật xi nhan để báo hiệu chuyển làn đường, hệ thống Hỗ Trợ Lái Xe Khi Tắc Đường tạm thời bị tắt. Hệ thống sẽ bật lại khi xe chạy ở giữa làn đường và hệ thống phát hiện ra các vạch phân cách làn đường.
Khi người lái điều khiển hoàn toàn hệ thống lái, chức năng hỗ trợ lái tạm thời bị hủy.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Còn nữa

Hệ Thống Hỗ Trợ Lái Xe Khi Tắc Đường*

Nhắc Nhở Quan Trọng Về Sự An Toàn

Hệ thống Hỗ Trợ Lái Xe Khi Tắc Đường chỉ giúp bạn lái xe thuận tiện chứ không thể thay thế cho việc điều khiển xe của bạn. Hệ thống sẽ không hoạt động nếu bạn bỏ tay ra khỏi vô lăng hoặc không lái.

Hệ thống Hỗ Trợ Lái Xe Khi Tắc Đường rất tiện lợi khi sử dụng trên đường cao tốc hoặc đường có hai làn xe.

Bạn có thể tìm hiểu thông tin xử lý camera được trang bị cho hệ thống này.

➡ **Camera Trước** Tr. 553

Hệ thống Hỗ Trợ Lái Xe Khi Tắc Đường chỉ cảnh báo cho bạn khi phát hiện xe bạn đang đi chệch làn đường mà không dùng xi nhan. Hệ thống Hỗ Trợ Lái Xe Khi Tắc Đường không thể phát hiện ra tất cả vạch phân cách làn đường hoặc làn đường; độ chính xác sẽ thay đổi do điều kiện thời tiết, tốc độ xe và vạch báo làn đường.
Bạn cần vận hành xe an toàn và tránh va chạm.

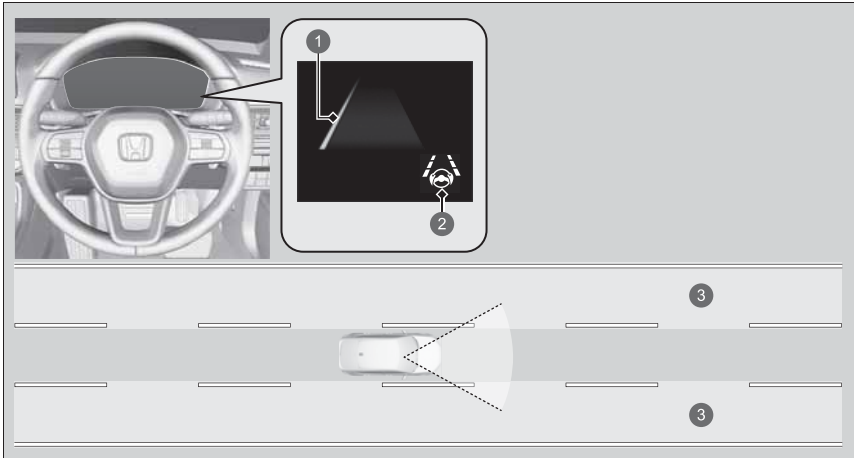
Hệ thống Hỗ Trợ Lái Xe Khi Tắc Đường không thể hoạt động hiệu quả trong một số điều kiện nhất định:

➡ **Điều Kiện và Hạn Chế của Hệ Thống Hỗ Trợ Lái Xe Khi Tắc Đường** Tr. 526

Có thể không nhận thấy mô-men lực tác động vào hệ thống lái khi người lái điều khiển hoàn toàn vô lăng hoặc khi mặt đường gồ ghề hoặc không bằng phẳng.

■ Chức Năng Cảnh Báo Chệch Làn Đường

Khi xe đi vào khu vực cảnh báo, hệ thống Hỗ Trợ Lái Xe Khi Tắc Đường sẽ cảnh báo cho bạn bằng âm thanh và hình ảnh.



1. Vạch Báo Làn Đường (Hổ Màu Phách)
2. Đèn Báo Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS) (Xanh Lục)
3. Khu Vực Cảnh Báo

Hoạt Động Của Hệ Thống Hỗ Trợ Lái Xe Khi Tắc Đường

Hệ thống Hỗ Trợ Lái Xe Khi Tắc Đường sẽ hoạt động khi đáp ứng các điều kiện sau:

- LKAS đang hoạt động.
- Làn đường đang lái có các vạch báo làn đường dễ phát hiện ở cả hai bên đường và xe bạn đang đi giữa làn đường.
- Tốc độ xe khoảng từ 0 đến 72 km/h.
- Lái trên đường thẳng hoặc đường có độ cua nhẹ.
- Người lái đang nắm chặt vô lăng.
- Vị trí số ở D.

Không sử dụng hệ thống Hỗ Trợ Lái Xe Khi Tắc Đường trong các trường hợp sau:

- Lái trên đường có khúc cua gấp.
  ▶ Hệ thống có thể không cho phép bạn điều khiển theo cách phù hợp nhất với điều kiện đường xá.
- Lái xe vào trạm thu phí, nút giao thông, trạm dừng chân hoặc bãi đỗ xe.
- Lái xe trong điều kiện thời tiết xấu (mưa, sương mù, tuyết, v.v.).
- Mặt đường trơn trượt; ví dụ, có băng hoặc tuyết bao phủ.
  ▶ Lốp xe có thể bị trượt khiến bạn mất kiểm soát xe.

Hoạt Động Của Hệ Thống Hỗ Trợ Lái Xe Khi Tắc Đường

Tham khảo trang sau để xử lý LKAS đúng cách:

➡ **Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS)** Tr. 508

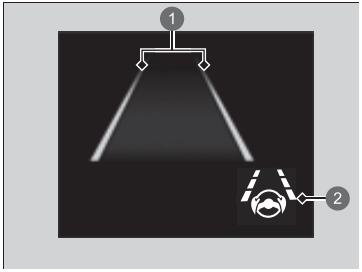
Tham khảo trang sau về các nút trên vô lăng và màn hình hiển thị:

➡ **Vận Hành Các Công Tắc Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp*/Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC)*/Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS)/Hệ Thống Hỗ Trợ Lái Xe Khi Tắc Đường*** Tr. 457

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Còn nữa

■ Cách Hệ Thống Hỗ Trợ Lái Xe Khi Tắc Đường Hoạt Động



❶ Vạch Báo Làn Đường (Xanh Lục)
❷ Đèn Báo LKAS (Xanh Lục)

Giữ xe ở gần giữa làn đường khi lái xe.

▶ Đèn báo LKAS chuyển từ màu trắng sang xanh lục và vạch trắng chuyển sang xanh lục khi hệ thống bắt đầu hoạt động sau khi phát hiện vạch báo làn đường bên trái và bên phải.

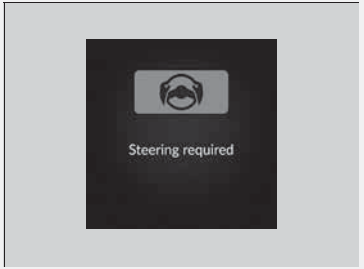
Cách Hỗ Trợ Lái Xe Khi Tắc Đường Hoạt Động

Nếu xe bạn rẽ quá xa sang phải hoặc sang trái vạch phân cách làn đường màu trắng (hoặc màu vàng) trong khi hệ thống Hỗ Trợ Lái Xe Khi Tắc Đường đang hoạt động, hãy tắt hệ thống Hỗ Trợ Lái Xe Khi Tắc Đường và đưa xe đến đại lý ủy quyền của Honda để kiểm tra.

Trong một số trường hợp, hệ thống không thể phát hiện chính xác các vạch phân cách làn đường, do đó sẽ không thực hiện chức năng hỗ trợ lái.

Điều Kiện và Hạn Chế Của Hệ Thống Hỗ Trợ Lái Xe Khi Tắc Đường Tr. 526

Nếu người lái bỏ tay khỏi vô lăng hoặc không lái, cảnh báo dưới đây sẽ xuất hiện.



Nếu người lái xe không nắm chặt vô lăng sau khi cảnh báo trên xuất hiện nhiều lần, tiếng bíp cảnh báo sẽ vang lên và hệ thống Hỗ Trợ Lái Xe Khi Tắc Đường sẽ bị hủy.

■ Hủy Hệ Thống Hỗ Trợ Lái Xe Khi Tắc Đường

Ấn nút Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS) để hủy Hỗ Trợ Lái Khi Tắc Đường.

■ Hệ thống Hỗ Trợ Lái Xe Khi Tắc Đường sẽ tự động tạm dừng khi:

Hệ thống tự động hủy tạm thời trong các trường hợp sau:

- Hệ thống không phát hiện ra vạch phân cách làn đường.
- Xoay vô lăng đột ngột.
- Bạn bị mất lái.
- Lái xe qua khúc cua gấp.
- Nhấn bàn đạp phanh.

Hệ thống Hỗ Trợ Lái Xe Khi Tắc Đường sẽ tự động hoạt động trở lại khi những điều kiện trên không còn nữa.

■ Hệ Thống Hỗ Trợ Lái Xe Khi Tắc Đường sẽ tự động hủy khi:

Các vạch phân cách làn đường sẽ biến mất trên màn hình, tiếng bíp có thể vang lên và hệ thống Hỗ Trợ Lái Xe Khi Tắc Đường sẽ bị hủy trong các trường hợp sau:

- Nhiệt độ camera quá cao.
- Camera phía sau gương chiếu hậu, hoặc khu vực xung quanh camera, kính chắn gió bị bẩn.

Hệ thống Hỗ Trợ Lái Xe Khi Tắc Đường sẽ tự động tạm dừng khi:

Bạn lái xe với tốc độ trên 72 km/h.

▶Khi tốc độ xe đạt 72 km/h, hệ thống Hỗ Trợ Lái Xe Khi Tắc Đường sẽ tắt và LKAS sẽ hoạt động. Khi tốc độ xe giảm xuống dưới 64 km/h, hệ thống Hỗ Trợ Lái Xe Khi Tắc Đường sẽ hoạt động trở lại.

Còn nữa

■ Điều Kiện và Hạn Chế Của Hệ Thống Hỗ Trợ Lái Xe Khi Tắc Đường

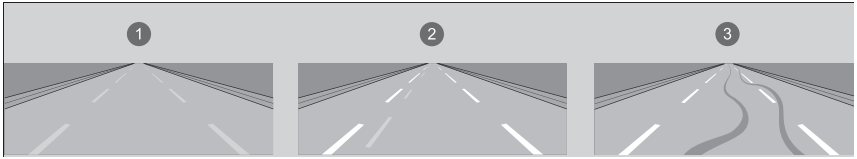
Hệ thống không thể phát hiện ra vạch phân cách làn đường và vì thế không thể giữ xe ở giữa làn đường trong các trường hợp sau:

■ Điều kiện môi trường

- Sự khác biệt giữa vạch phân cách làn đường và bề mặt đường là không rõ ràng.
- Lái xe trong thời tiết xấu (mưa, sương mù, tuyết v.v).
- Lái xe trên đường có tuyết hoặc ướt.
- Lái xe dưới ánh sáng mặt trời yếu (ví dụ lúc bình minh hoặc tranh tối tranh sáng).
- Bóng của vật thể gần đấy (cây cối, tòa nhà, hộ lan, xe cộ, v.v.) song song với vạch báo làn đường màu trắng (hoặc vàng).
- Thay đổi đột ngột giữa sáng và tối như khi vào hoặc đi ra khỏi đường hầm hoặc bóng cây, tòa nhà, v.v.
- Lái xe vào ban đêm hoặc ở chỗ tối như khi đi qua hầm (do ánh sáng yếu, làn đường hoặc mặt đường có thể không được chiếu sáng).
- Khoảng cách giữa xe bạn và xe phía trước quá gần, không nhìn thấy vạch báo làn đường hoặc mặt đường.
- Tia sáng mạnh phản chiếu lên mặt đường.

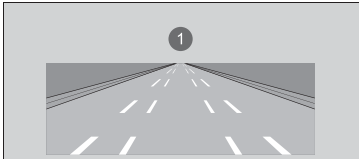
■ **Điều kiện đường xá**

- Lái xe trên đường có vạch phân cách làn đường tạm thời.
- Có thể nhìn thấy nhiều vạch phân cách làn đường khác nhau đã mờ ở lòng đường do sửa đường hoặc vạch phân cách làn đường đã cũ.



❶ Vạch phân cách làn đường mờ
❷ Vạch phân cách làn đường trùng lặp
❸ Vết lốp xe

- Đường có vạch đánh dấu phân cách, giao nhau hay cắt nhau, ví dụ ở đoạn đường giao nhau hay đường dành cho người đi bộ.
- Vạch phân cách làn đường quá hẹp, rộng, hoặc thay đổi liên tục.

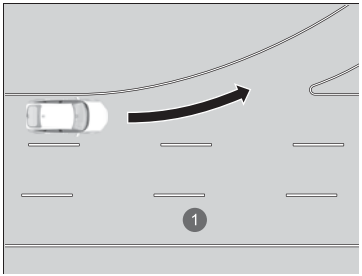


❶ Làn đường xe chạy quá rộng hoặc quá hẹp

- Một phần của vạch báo làn đường bị vật gì đó che, ví dụ như một chiếc xe khác.
- Lái xe ở đoạn đường đồi hoặc lái gần đến đỉnh đồi.
- Xe bị rung lắc mạnh khi đi trên mặt đường không bằng phẳng.
- Khi các vật thể trên đường (như rìa đường, lan can, cột điện, v.v) nhìn giống như các vạch phân cách làn đường màu trắng (hoặc màu vàng).

Còn nữa

- Lái trên đường gồ ghề hoặc không lát đá, mặt đường mấp mô.
- Lái trên đường có vạch phân cách làn đường kép.
- Lái trên đường có tuyết hoặc trơn trượt.
- Chỉ có thể nhìn thấy một phần mặt đường do có tuyết hoặc vũng nước trên đường.
- Mặt đường dính nước hoặc có vũng nước.
- Không nhận diện được chính xác các vạch trắng (hoặc màu vàng) do các điều kiện đường như đường cong, có khúc quanh hoặc có dốc.
- Lái xe trên đường không lát đá hoặc đường bị hằn lún.
- Đi qua ngã tư.



1 Vạch phân cách làn đường biến mất khi ở ngã tư

■ **Điều kiện xe**

- Khi ánh sáng yếu do bụi bẩn bám vào thấu kính đèn chiếu sáng, hoặc xe có tầm nhìn kém khi đi vào chỗ tối do điều chỉnh đèn chiếu sáng không đúng cách.
- Phía trước camera trước bị bụi bẩn, sương mù, mưa, bùn, tuyết, keo dán, phụ kiện, miếng dán che khuất hoặc kính chắn gió bị mờ.
- Lái xe vào ban đêm hoặc ở nơi tối (ví dụ: trong đường hầm) mà đèn chiếu sáng tắt.
- Có cặn bám trên kính chắn gió khi cần gạt nước kính chắn gió hoạt động.
- Tình trạng lốp xe hoặc bánh xe bất thường (không cùng kích cỡ, kích cỡ và cấu tạo khác nhau, độ căng lốp không phù hợp, v.v.).
- Xe bị nghiêng do để hành lý nặng ở khoang hành lý hoặc ở hàng ghế sau.
- Hệ thống treo đã bị sửa đổi.
- Lắp xích bọc lốp.

Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường

Loại xe Australia và New Zealand

Cảnh báo và hỗ trợ bạn khi hệ thống xác định xe bạn có nguy cơ chệch ra khỏi vạch phân cách làn đường được phát hiện, hoặc phát hiện xe bạn sắp đi ra ngoài lề đường (vào vệ cỏ hoặc sỏi) hoặc phát hiện có xe đang đến gần.

Ngoại trừ loại xe Australia và New Zealand

Cảnh báo và hỗ trợ bạn khi hệ thống xác định khả năng xe bạn vô tình cắt ngang qua vạch phân cách làn đường và/hoặc ra khỏi làn đường xe chạy.

Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường

Nhắc Nhở Quan Trọng Về Sự An Toàn

Giống như tất cả các hệ thống hỗ trợ khác, hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường cũng có hạn chế. Quá phụ thuộc vào hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường có thể dẫn đến va chạm. Bạn cần giữ xe đi đúng làn đường.

Loại xe Australia và New Zealand

Hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường cảnh báo cho bạn khi phát hiện xe bạn sắp đi ra ngoài lề đường (vào vệ cỏ hoặc sỏi), phát hiện có xe đang đến gần hoặc phát hiện xe bạn lấn sang làn đường khác mà không bật xi nhan.

Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường không thể phát hiện tất cả vạch phân cách làn đường hoặc việc lấn làn.

Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường không thể phát hiện xe bạn sắp đi ra ngoài lề đường (vào vệ cỏ hoặc sỏi) hoặc phát hiện có xe khác đang đến gần.

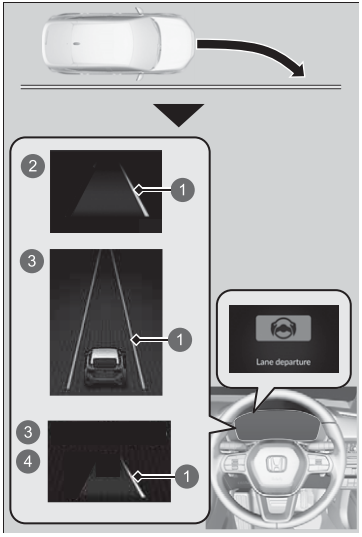
Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường không thể hỗ trợ bạn do các điều kiện về thời tiết, tốc độ và điều kiện đường xá.

Ngoại trừ loại xe Australia và New Zealand

Hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường chỉ cảnh báo cho bạn khi phát hiện chệch làn đường mà không dùng xi nhan. Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường không thể phát hiện ra tất cả vạch phân cách làn đường, làn đường hay vạch xuất phát đường bộ; độ chính xác sẽ thay đổi do điều kiện thời tiết, tốc độ xe và vạch báo làn đường. Bạn cần vận hành xe an toàn và tránh va chạm.

Cách Hoạt Động Của Hệ Thống

Loại xe Australia và New Zealand



❶ Vạch Báo Làn Đường (Màu Hổ Phách)
❷ Loại xe có đồng hồ loại A
❸ L oại xe có đồng hồ loại B
❹ Khi sử dụng đồng hồ đo **+R***

Camera trước gắn phía sau gương chiếu hậu sẽ giám sát vạch phân cách làn đường bên trái và bên phải màu trắng hoặc màu vàng, giám sát ngoài lề đường (vệ cỏ hoặc sỏi) hoặc giám sát xe đang đến gần.
Nếu xe của bạn chạy quá gần với vạch phân cách làn đường, chạy ra ngoài lề đường (vào vệ cỏ hoặc sỏi) hoặc với xe đang đến gần mà bạn không bật xi nhan thì hệ thống sẽ hoạt động.

▶ Nếu hệ thống không phát hiện vạch phân cách làn đường (màu trắng hoặc màu vàng) thì hệ thống không thể hỗ trợ việc tránh va chạm với xe đang đến gần. Ngoài việc cảnh báo bằng hình ảnh, hệ thống sẽ tác động lực vào hệ thống lái và thông báo cho bạn biết bằng cách rung nhanh vô lăng để giúp bạn đi đúng làn đường được phát hiện.
➡ **Tính Năng Tùy Chọn** Tr. 313

Để cảnh báo bằng hình ảnh, thông báo **Lane departure** (Chệch làn đường) sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường

Không kích hoạt hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường trong khoảng 15 giây sau khi khởi động động cơ.

Bạn có thể tìm hiểu thông tin xử lý camera được trang bị cho hệ thống này.
➡ **Camera Trước** Tr. 553

Hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường không thể hoạt động tốt ở một số điều kiện nhất định:
➡ **Điều Kiện và Hạn Chế của hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường** Tr. 539

Loại xe số sàn

Hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường không thực hiện chức năng trong khi VSA tắt hoàn toàn.

Đôi khi bạn không nhận thấy được các chức năng của hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường do hoạt động của xe hoặc tình trạng mặt đường.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Còn nữa

Hệ thống sẽ hủy hỗ trợ khi bạn xoay vô lăng để tránh đi chệch ra khỏi vạch phân cách làn đường được phát hiện, hoặc tránh đi ra ngoài lề đường (vào vệ cỏ hoặc sỏi) hoặc tránh va chạm với xe đang đến gần.

»Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường

Loại xe Australia và New Zealand

Bạn có thể thay đổi cài đặt cho hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường.
Nếu LKAS tắt, thông báo bên dưới có thể xuất hiện nếu hệ thống xác định xe bạn có khả năng đi qua các vạch phân cách làn đường đã phát hiện, đi ra ngoài lề đường (vào vệ cỏ hoặc sỏi) hoặc tiến sát vào xe đang đến gần.

Tính Năng Tùy Chọn Tr. 313

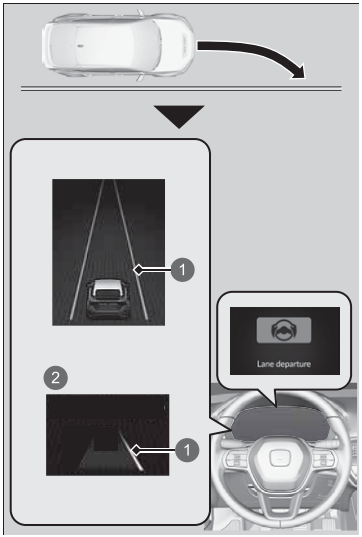
Ngoại trừ loại xe Australia và New Zealand

Bạn có thể thay đổi cài đặt cho hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường.
Nếu LKAS tắt, thông báo bên dưới có thể xuất hiện nếu hệ thống xác định xe bạn có khả năng đi qua các vạch phân cách làn đường đã phát hiện.

Tính Năng Tùy Chọn Tr. 313



Ngoại trừ loại xe Australia và New Zealand



❶ Vạch Báo Làn Đường (Màu Hổ Phách)
❷ Khi sử dụng đồng hồ đo **+R**

Camera trước gắn ở sau gương chiếu hậu sẽ giám sát vạch phân cách làn đường bên trái và phải (màu trắng hoặc màu vàng). Nếu xe của bạn chạy quá gần với vạch phân cách làn đường được phát hiện mà không bật xi nhan, ngoài việc xuất hiện cảnh báo bằng hình ảnh, hệ thống sẽ tác động lực vào hệ thống lái và thông báo cho bạn biết bằng cách rung nhanh vô lăng để giúp bạn đi đúng làn đường được phát hiện.

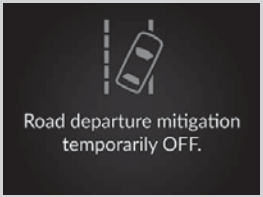
➔ **Tính Năng Tùy Chọn** Tr. 313

Để cảnh báo bằng hình ảnh, thông báo **Lane Departure** sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

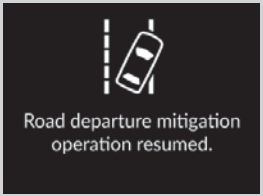
Hệ thống hủy hỗ trợ khi bạn xoay vô lăng để tránh cắt ngang qua vạch phân cách làn đường được phát hiện.

Còn nữa

Loại xe có đồng hồ loại A

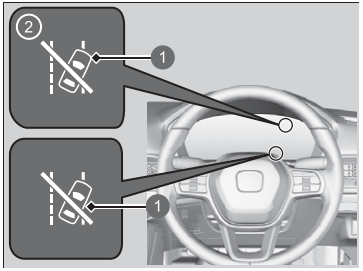


Nếu hệ thống vận hành vài lần mà không thấy phản ứng của người lái, hệ thống sẽ phát ra tiếng bíp để thông báo cho bạn. Sau đó, tính năng hỗ trợ lái hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường tạm thời dừng và chỉ có âm thanh cảnh báo.



Sau một vài phút, thông báo bên trái được hiển thị và hệ thống hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường sẽ được khôi phục hoàn toàn.

Loại xe có đồng hồ loại B



1 Đèn Báo TẮT Tự Động Tính Năng HỗTrợ Lái của Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường

2 Khi sử dụng đồng hồ đo **+R**

Nếu hệ thống vận hành vài lần mà không thấy phản ứng của người lái, hệ thống sẽ phát ra tiếng bíp để thông báo cho bạn. Sau đó, đèn báo TẮT Tự Động Tính Năng Hỗ Trợ Lái của Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường sáng, tính năng hỗ trợ lái của hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường sẽ tạm thời dừng hoạt động và hệ thống sẽ chỉ cảnh báo cho bạn bằng âm thanh cảnh báo.

Sau vài phút, đèn báo TẮT Tự Động Tính Năng Hỗ Trợ Lái của Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường sẽ tắt và hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường được khôi phục hoàn toàn.

Còn nữa

■ Cách Hoạt Động Của Hệ Thống

Hệ thống sẽ hoạt động khi đáp ứng các điều kiện sau:

- Các vạch phân cách làn đường là màu trắng (vàng).
  Tốc độ xe từ khoảng 72 đến 180 km/h.

Loại xe Australia và New Zealand

▶ Khi xe đang đến gần đang chạy.
  Tốc độ xe từ khoảng 30 đến 180 km/h.

Loại xe Australia và New Zealand

- Xe đi ra ngoài lề đường (vào vệ cỏ hoặc sỏi)
  Tốc độ xe từ khoảng 30 đến 180 km/h.

Tất cả các loại xe

- Xe đang chạy trên đường thẳng hoặc đường có độ cua nhẹ.
- Tắt xi nhan.
- Hệ thống xác định người lái không chủ động tăng tốc, phanh hoặc xoay vô lăng.

Cách Hoạt Động Của Hệ Thống

Hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường có thể tự động tắt và đèn báo hỗ trợ an toàn (màu hổ phách) và đèn cảnh báo chệch làn đường (màu hổ phách)* sáng và sáng suốt.

Đèn Báo Tr. 114

Chức năng hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường có thể bị ảnh hưởng khi xe:

- Lái ở phía trong của đường vòng hoặc ngoài làn đường.
- Lái ở làn đường hẹp.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Bật và Tắt hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường

Loại xe có đồng hồ đo loại A



1 Công Tắc Hỗ Trợ An Toàn
2 Vòng Lựa Chọn Bên Trái

Để bật và tắt hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường, hãy làm như sau.

1. Ấn công tắc hỗ trợ an toàn.

Loại xe có đồng hồ đo loại A

2. Cuộn vòng lựa chọn bên trái đến biểu tượng và ấn.

Loại xe có đồng hồ đo loại B

2. Cuộn vòng lựa chọn bên phải đến biểu tượng và ấn.

- ▶ Thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái khi bật hoặc tắt hệ thống.
- ▶ Dấu tích xuất hiện trong ô và màu của biểu tượng sẽ chuyển sang màu xanh lục khi bật hệ thống. Dấu tích sẽ biến mất và màu của biểu tượng chuyển sang màu xám khi tắt hệ thống.

Ngoại trừ loại xe Australia, New Zealand

Hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường sẽ bật (tích) hoặc tắt (không tích) tương ứng với lựa chọn trước đó mỗi khi bạn khởi động động cơ.

Bật và Tắt hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường

Bạn có thể chọn các thông tin hỗ trợ an toàn trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

➡ **Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái (Loại xe có đồng hồ đo loại A)** Tr. 140
➡ **Vùng Bên Phải Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái (Loại xe có đồng hồ đo loại B)** Tr. 160

Ngoại trừ loại xe Australia, New Zealand

Khi bạn chọn **Warning Only**[*1]/**Warning only**[*2] (Chỉ Cảnh Báo[*1]) từ các tính năng tùy chọn trên màn hình âm thanh/thông tin, hệ thống sẽ không vận hành vô lăng.

➡ **Tính Năng Tùy Chọn** Tr. 313

Các đèn báo điều khiển chế độ chạy ổn định thích ứng (ACC) có hỗ trợ di chuyển tốc độ thấp*, điều khiển chế độ chạy ổn định thích ứng (ACC)*, hỗ trợ an toàn, hệ thống hỗ trợ ổn định xe (VSA) và **TẮT** hỗ trợ ổn định xe* có thể sáng màu hổ phách đồng thời thông báo cũng xuất hiện trên đồng hồ đo khi bạn đặt chế độ nguồn ở BẬT sau khi lắp lại ắc quy.

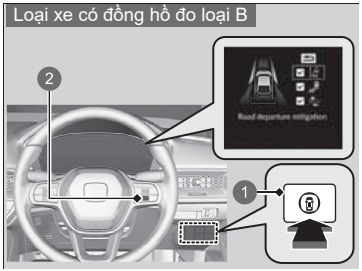
Hãy lái xe một quãng được ngắn với tốc độ trên 20 km/h. Từng đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn báo không tắt, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

*1: Loại xe Hồng Kông, Ma Cao và Philippin
*2: Ngoại trừ loại xe Hồng Kông, Ma Cao và Philippin

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Còn nữa

Loại xe có đồng hồ đo loại B



1 Công Tắc Hỗ Trợ An Toàn
2 Vòng Lựa Chọn Bên Phải

Loại xe Australia, New Zealand

Hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường bật mỗi khi bạn khởi động động cơ, ngay cả khi bạn đã tắt vào lần vào lần khởi động động cơ gần đây nhất.

■ Điều Kiện và Hạn Chế của hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường

Loại xe Australia, New Zealand

Hệ thống không thể phát hiện đúng vạch phân cách làn đường (màu trắng hoặc vàng), xe ra ngoài lề đường (vào vệ cỏ hoặc sỏi) hoặc xe đang đến gần trong các điều kiện nhất định. Dưới đây là một số ví dụ về các điều kiện đó.

Ngoại trừ loại xe Australia, New Zealand

Hệ thống không thể phát hiện đúng vạch phân cách làn đường và vị trí của xe trong các điều kiện nhất định. Dưới đây là một số ví dụ về các điều kiện đó.

■ Điều kiện môi trường

- Sự khác biệt giữa vạch phân cách làn đường và bề mặt đường không rõ ràng.
- Lái xe trong thời tiết xấu (mưa, tuyết, sương mù, v.v.).
- Lái xe trên đường có tuyết hoặc ướt.
- Lái xe dưới ánh sáng mặt trời yếu (ví dụ lúc bình minh hoặc tranh tối tranh sáng).
- Bóng của vật thể gần đấy (cây cối, tòa nhà, lan can, xe cộ, v.v.) song song với vạch báo làn đường màu trắng (hoặc màu vàng).
- Thay đổi đột ngột giữa sáng và tối như khi đi vào hay đi ra khỏi đường hầm hoặc bóng cây, tòa nhà, v.v.
- Tia sáng mạnh phản chiếu lên mặt đường.
- Lái xe vào ban đêm hoặc ở chỗ tối như khi đi qua đường hầm (do ánh sáng yếu nên không chiếu rõ làn đường, mặt đường hoặc xe đang đến gần).
- Khoảng cách giữa xe bạn và xe phía trước quá gần và không nhìn rõ vạch phân cách làn đường và bề mặt đường.

Loại xe Australia, New Zealand

- Ngoài lề đường có các đồ vật, vật liệu, v.v ... không phải là cỏ hoặc sỏi.

Còn nữa

■ Điều kiện đường xá

- Lái xe trên đường có vạch phân cách làn đường tạm thời.
- Có thể nhìn thấy nhiều vạch phân cách khác nhau đã mờ ở lòng đường do sửa đường hoặc vạch phân cách làn đường cũ.
- Đường có vạch đánh dấu phân cách, giao nhau hoặc cắt nhau ví dụ ở đoạn đường giao nhau hoặc đường dành cho người đi bộ.
- Vạch phân cách làn đường quá hẹp, rộng, hoặc thay đổi liên tục.
- Một phần của vạch báo làn đường bị vật gì đó che, ví dụ như một chiếc xe khác.
- Lái xe ở đoạn đường đồi hoặc gần đến đỉnh đồi.
- Xe bị rung lắc mạnh khi đi trên mặt đường không bằng phẳng.
- Khi các vật thể trên đường (như rìa đường, lan can, cột điện v.v) nhìn giống như các vạch phân cách làn đường màu trắng (hoặc màu vàng).
- Lái xe trên đường gồ ghề hoặc không lát đá, mặt đường mấp mô.
- Lái xe trên đường có vạch phân cách làn đường kép.
- Lái xe trên đường có tuyết hoặc trơn.
- Đi qua ngã tư.
- Chỉ có thể nhìn thấy một phần mặt đường do có tuyết hoặc vũng nước trên đường.
- Lái xe trên đường không lát đá hoặc đường bị hằn lún.
- Các vạch phân cách làn đường màu trắng (hoặc màu vàng) không được nhận dạng chính xác do các điều kiện đường như đường cong, có khúc quanh hoặc có dốc.

■ **Điều kiện xe**

- Khi ánh sáng yếu do thấu kính đèn chiếu sáng bị bụi bẩn, hoặc xe có tầm nhìn kém khi đi ở nơi tối do điều chỉnh đèn chiếu sáng không đúng cách.
- Phía trước của camera trước bị bụi bẩn, sương mù, mưa, bùn, tuyết, keo dán, phụ kiện, miếng dán che khuất, hoặc kính chắn gió bị mờ.
- Lái xe vào ban đêm hoặc ở nơi tối (ví dụ: trong đường hầm) mà đèn chiếu sáng tắt.
- Khi người lái vận hành bàn đạp phanh và vô lăng.
- Có cặn bám trên kính chắn gió khi cần gạt nước kính chắn gió hoạt động.
- Tình trạng lốp xe hoặc bánh xe bất thường (không cùng kích cỡ, kích cỡ hoặc cấu tạo khác nhau, độ căng lốp không phù hợp, lốp dự phòng loại nhỏ* v.v.).
- Xe bị nghiêng do chất hành lý nặng ở khoang hành lý hoặc ở hàng ghế sau.
- Lắp xích bọc lốp*.
- Hệ thống treo bị sửa đổi.

Loại xe Australia, New Zealand

■ **Ví dụ về các hạn chế của hệ thống trong việc phát hiện do điều kiện của xe đang đến gần**

- Xe đang đến gần hoặc xe phía trước chạy dàn hàng ngang.
- Xe đang đến gần đột ngột xuất hiện phía trước xe bạn.
- Khi xe đang đến gần lẫn vào nền không gian khiến hệ thống không nhận diện được.
- Đèn chiếu sáng của xe đang đến gần sáng ở một bên hoặc không sáng cả hai bên khi xe đi vào chỗ tối.
- Khoảng cách giữa xe bạn và xe đang đến gần quá gần.
- Một phần của xe đang đến gần bị xe phía trước xe bạn che khuất.
- Phía trước có nhiều làn đường hoặc nhiều ngã rẽ.
- Xe ở làn bên cạnh đang đỗ hoặc di chuyển với tốc độ rất chậm.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Còn nữa

Loại xe Australia, New Zealand

■ Ví dụ về các hạn chế khác trong việc phát hiện hoặc hoạt động của hệ thống

- Khi xe đang đến gần có hình dạng đặc biệt.
- Khi camera trước không xác định được chính xác hình dạng của xe đang đến gần.

Loại xe Australia, New Zealand

■ Trường Hợp Ít Xảy Ra Va Chạm

Hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường có thể hoạt động trong các điều kiện dưới đây.

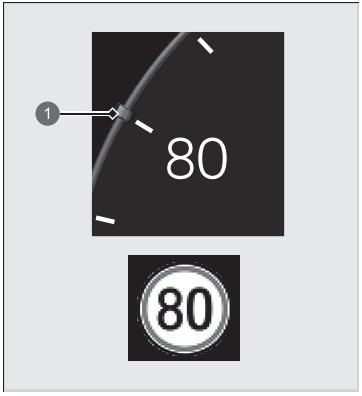
- Khi lái xe qua các khúc cua, xe của bạn đang đi đến một điểm nơi có xe đang đến gần ở ngay phía trước xe bạn.

Hệ Thống Nhận Diện Biển Báo Giao Thông*

Nhắc nhở bạn về thông tin biển báo đường bộ, chẳng hạn như xe của bạn đang vượt quá biển báo giới hạn tốc độ và cho hiển thị thông tin đó trên đồng hồ đo.

Cách Hoạt Động Của Hệ Thống

Khi camera trước lắp phía sau gương chiếu hậu ghi lại các biển báo giao thông trong khi lái xe, hệ thống sẽ hiển thị các biển báo mà xe bạn có thể nhận diện. Biểu tượng biển báo sẽ hiển thị cho đến khi xe đạt được thời gian và quãng đường định trước.



1 Biển Báo Giới Hạn Tốc Độ

Biểu tượng biển báo cũng có thể chuyển sang biểu tượng khác hoặc biến mất khi:

- Phát hiện giới hạn tốc độ khác.
- Bạn bật xi nhan và rẽ ở giao lộ.

Hệ Thống Nhận Diện Biển Báo Giao Thông*

Không phải tất cả các biển báo đều hiển thị, tuy nhiên bạn không nên bỏ qua bất kỳ biển báo nào được đặt ở lề đường. Hệ thống không thể nhận diện tất cả các biển báo giao thông ở các quốc gia bạn lái xe cũng như trong mọi tình huống. Không phụ thuộc quá nhiều vào hệ thống. Luôn lái xe ở tốc độ phù hợp với điều kiện đường xá.

Không được dán hoặc gắn bất cứ vật gì lên kính chắn gió để tránh làm cản tầm nhìn của camera trước và làm cho hệ thống hoạt động bất thường. Vết xước, nứt và các hư hỏng khác trên kính chắn gió trong tầm nhìn của camera trước có thể khiến hệ thống hoạt động bất thường. Nếu điều này xảy ra, bạn hãy thay kính chắn gió chính hiệu Honda. Chỉ sửa chữa nhỏ trong tầm nhìn của camera trước hoặc lắp loại kính chắn gió không chính hiệu có thể khiến cho hệ thống hoạt động bất thường. Sau khi thay kính chắn gió, hãy đưa xe đến đại lý để hiệu chỉnh lại camera trước. Cần hiệu chỉnh camera trước đúng cách để hệ thống hoạt động hiệu quả.

Hệ Thống Nhận Diện Biển Báo Giao Thông không hoạt động trong khoảng 15 giây sau khi bật nguồn.

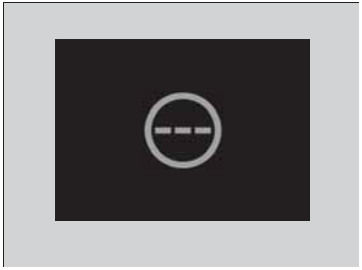
Bạn có thể bật hoặc tắt hệ thống nhận diện biển giao thông.

Tính Năng Tùy Chọn Tr. 313

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Còn nữa

Nếu hệ thống không phát hiện được bất kỳ biển báo giao thông nào khi bạn đang lái xe, biểu tượng [⊖] (trắng) có thể xuất hiện.



Hệ Thống Nhận Diện Biển Báo Giao Thông*

Để tránh tình trạng nhiệt độ cao trong xe làm hệ thống cảm biến camera trước tắt khi đỗ xe, hãy tìm nơi có bóng râm để đỗ xe hoặc che phía trước xe để ánh sáng mặt trời không chiếu vào.
Nếu bạn dùng tấm che nắng, không được để nó che phần vỏ camera.
Việc sử dụng tấm che để che camera trước có thể tập trung nhiệt vào camera.

Bạn có thể tìm hiểu thông tin về cách xử lý camera trước được trang bị cho hệ thống này.
➡ **Camera Trước** Tr. 553

Nếu xe bạn vượt quá giới hạn tốc độ, biểu tượng biểu thị biển báo giới hạn tốc độ cho khu vực hiện tại sẽ nhấp nháy trên màn hình.
➡ **Tính Năng Tùy Chọn** Tr. 313

Thông báo về giới hạn tốc độ của hệ thống có chính xác hay không phụ thuộc vào một số điều kiện nhất định như các đơn vị hiển thị trên biển báo giao thông cũng như tốc độ và hướng di chuyển của xe. Trong một số trường hợp, hệ thống có thể hiển thị cảnh báo sai hoặc thông tin không chính xác khác.
➡ **Điều Kiện và Hạn Chế của Hệ Thống Nhận Diện Biển Báo Giao Thông** Tr. 545

 * Không áp dụng cho tất cả các đời xe

■ Điều Kiện và Hạn Chế của Hệ Thống Nhận Diện Biển Báo Giao Thông

Hệ Thống Nhận Diện Biển Báo Giao Thông có thể không nhận diện chính xác, nhận diện chậm, hoặc không nhận diện được biển báo giao thông trong các trường hợp sau.

■ Điều kiện môi trường

- Lái xe dưới ánh sáng mặt trời yếu (ví dụ lúc bình minh hoặc tranh tối tranh sáng).
- Tia sáng mạnh phản chiếu lên mặt đường.
- Lái xe vào ban đêm, hoặc ở nơi tối như đường hầm dài.
- Lái xe trong thời tiết xấu (mưa, sương mù, tuyết v.v).
- Thay đổi đột ngột giữa sáng và tối như khi vào hay đi ra khỏi đường hầm hoặc bóng cây, tòa nhà, v.v.
- Nước hoặc tuyết bắn ra từ xe phía trước.

■ Điều kiện đường xá

- Xe bị rung lắc mạnh khi đi trên mặt đường không bằng phẳng.

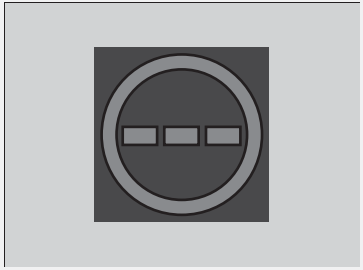
■ Điều kiện xe

- Khi ánh sáng yếu do bụi bẩn bám vào thấu kính đèn chiếu sáng, hoặc xe có tầm nhìn kém khi xe đi vào chỗ tối do điều chỉnh đèn chiếu sáng không đúng cách.
- Phía trước camera trước bị bụi bẩn, sương mù, mưa, bùn, tuyết, keo dán, phụ kiện, miếng dán che khuất, hoặc kính chắn gió bị mờ.
- Có cặn bám trên kính chắn gió khi cần gạt nước kính chắn gió hoạt động.
- Tình trạng lốp xe hoặc bánh xe bất thường (không cùng kích cỡ, kích cỡ và cấu tạo khác nhau, độ căng lốp không phù hợp, v.v.).
- Xe bị nghiêng do chất hành lý nặng ở khoang hành lý hoặc ở hàng ghế sau.
- Hệ thống treo bị sửa đổi.
- Lái xe vào ban đêm hoặc ở nơi tối (ví dụ: trong đường hầm) mà tắt đèn chiếu sáng.

Còn nữa

Điều Kiện và Hạn Chế của Hệ Thống Nhận Diện Biển Báo Giao Thông

Khi Hệ Thống Nhận Diện Biển Báo Giao Thông có sự cố, (hổ phách) sẽ xuất hiện trên đồng hồ đo. Nếu thông báo này không biến mất, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.



■ Vị trí hoặc tình trạng của biển báo giao thông

- Biển báo nằm ở vị trí khó nhìn thấy.
- Biển báo được đặt cách xa xe của bạn.
- Biển báo được đặt ở nơi đèn chiếu xa không chiếu tới.
- Biển báo nằm ở góc đường hoặc ở khúc cua.
- Biển báo bị mờ hoặc bị cong.
- Biển báo bị xoay hoặc biển báo bị hư hỏng.
- Biển báo bị bao phủ bởi bùn, tuyết hoặc sương giá.
- Một phần của biển báo bị cây cối che khuất hoặc ở trong bóng của một chiếc xe hoặc vật thể khác.
- Đèn (chẳng hạn như đèn đường) phản chiếu lên bề mặt của biển báo hoặc biển báo bị khuất trong bóng tối.
- Biển báo quá sáng hoặc quá tối (biển báo điện).
- Các biển báo nhỏ (biển báo phụ, v.v.).

■ Các điều kiện khác

- Khi bạn lái xe với tốc độ cao.

Hệ Thống Nhận Diện Biển Báo Giao Thông có thể hoạt động không hiệu quả, chẳng hạn như hiển thị các biển báo không phù hợp với các quy định thực tế về đường bộ hoặc hiển thị các biển báo hoàn toàn không giống như thực tế trong các trường hợp sau:

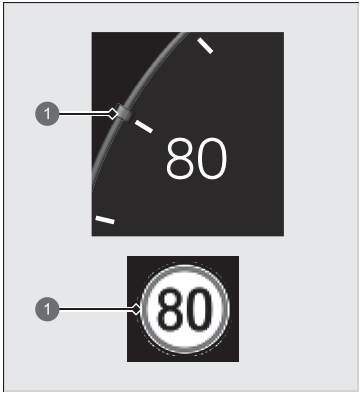
▶ Biển báo giới hạn tốc độ có thể hiển thị ở tốc độ cao hơn hoặc thấp hơn tốc độ giới hạn thực tế.

- Có một biển báo phụ ghi thêm thông tin như thời tiết, thời gian, loại xe, v.v.
- Các số liệu trên biển báo khó đọc (biển báo điện, chữ số trên biển báo bị mờ, v.v.).
- Biển báo ở gần làn đường bạn đang lái xe, mặc dù biển báo đó không dành cho làn đường đó, chẳng hạn như biển báo giới hạn tốc độ nằm ở chỗ giao nhau giữa đường phụ và đường chính.
- Có những vật thể có màu sắc hoặc hình dạng tương tự với vật thể mà hệ thống nhận dạng được (biển báo nhìn giống nhau, biển báo điện, bảng quảng cáo, công trình kiến trúc, v.v.).

Còn nữa

■ Biển Báo Hiển Thị trên Đồng Hồ Đo

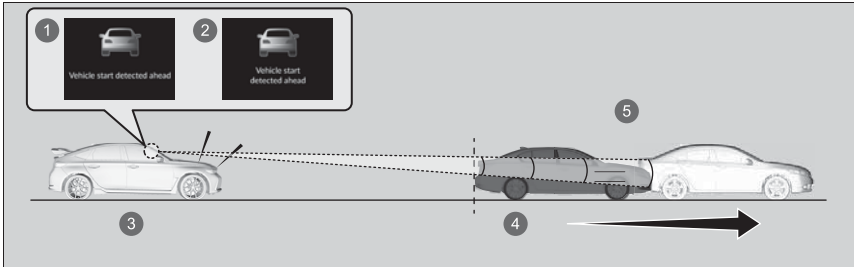
Biểu tượng biển báo giới hạn tốc độ hiển thị trên đồng hồ đo.



1 Biển Báo Giới Hạn Tốc Độ

Hệ Thống Cảnh Báo Xe Phía Trước Khởi Hành *

Thông báo cho bạn bằng hình ảnh và âm thanh khi xe bạn dừng lại mặc dù xe phía trước bạn đã bắt đầu di chuyển.



1. Loại xe Philippin
2. Ngoại trừ loại xe Philippin
3. Khi xe đã dừng
4. Xe phía trước dừng
5. Xe phía trước bắt đầu di chuyển

Cách Hoạt Động Của Hệ Thống

Hệ thống sẽ phát hiện ra xe khác dừng phía trước xe bạn khi hai xe cách nhau trong vòng 10 m và cả hai xe đều đã dừng lại được một thời gian. Khi phát hiện xe kia di chuyển nhưng xe bạn không di chuyển, hệ thống sẽ hoạt động.

Khi cần số không ở R

Hệ thống sẽ hoạt động khi nhấn bàn đạp phanh, phanh đỗ đang hoạt động, chức năng giữ phanh của hệ thống giữ phanh tự động đang hoạt động

Hệ Thống Cảnh Báo Xe Phía Trước Khởi Hành *

⚠CẢNH BÁO

Hệ Thống Cảnh Báo Xe Phía Trước Khởi Hành là một hệ thống hỗ trợ lái. Hệ thống không thể thông báo cho bạn biết khi nào an toàn để bắt đầu lái.

Sử dụng hệ thống này không đúng cách có thể dẫn đến va chạm.

Phải quan sát kỹ xung quanh để đảm bảo an toàn trước khi lái xe và duy trì khoảng cách an toàn giữa các xe.

Bạn có thể tìm hiểu thông tin xử lý camera được đặt phía sau gương chiếu hậu.
➡ **Camera Trước** Tr. 553

Giống như các hệ thống hỗ trợ khác, hệ thống này có thể không hoạt động hiệu quả do thời tiết, điều kiện môi trường, v.v.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

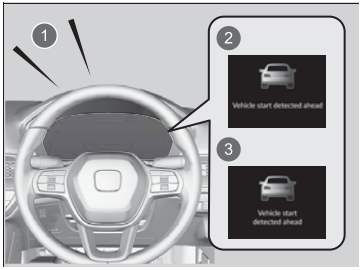
Còn nữa

Bạn có thể chọn một trong hai chế độ hoạt động hệ thống, **Normal** (Trung Bình) và **Early** (Sớm).

Tính Năng Tùy Chọn Tr. 313

Ở chế độ **Normal**, hệ thống sẽ hoạt động khi xe phía trước đã di chuyển cách nơi dừng khoảng 3m.
Ở chế độ **Early**, hệ thống sẽ hoạt động ngay khi phát hiện xe phía trước di chuyển.

Khi Hệ Thống Hoạt Động



Tiếng bíp vang lên và thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái khi hệ thống hoạt động.

1. Cảnh Báo Bằng Âm Thanh
2. Loại xe Philippin
3. Ngoại trừ loại xe Philippin

Hệ Thống Cảnh Báo Xe Phía Trước Khởi Hành*

Bạn có thể tắt Hệ Thống Cảnh Báo Xe Phía Trước Khởi Hành.

Tính Năng Tùy Chọn Tr. 313

Hệ Thống Cảnh Báo Xe Phía Trước Khởi Hành sẽ không hoạt động trong khi Đèn Báo Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) (màu hổ phách) sáng.

Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng ACC)* Tr. 490

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

■ Điều Kiện và Hạn Chế của Hệ Thống Cảnh Báo Xe Phía Trước Khởi Hành

Ở các điều kiện sau, hệ thống có thể hoạt động hoặc không hoạt động bất kể xe phía trước có di chuyển hay không.

■ Điều kiện môi trường

- Lái xe trong thời tiết xấu (mưa, tuyết, sương mù, v.v.).
- Nước hoặc tuyết bắn ra từ xe phía trước.
- Thay đổi đột ngột giữa sáng và tối như khi đi vào hoặc ra khỏi đường hầm hoặc bóng cây, toà nhà v.v.
- Tia sáng mạnh phản chiếu vào xe hoặc mặt đường.
- Lái xe vào ban đêm hoặc ở chỗ tối như trong đường hầm nơi có ánh sáng yếu không chiếu rõ toàn bộ xe.
- Lái xe dưới ánh sáng mặt trời yếu ví dụ lúc bình minh hoặc tranh tối tranh sáng.

■ Điều kiện đường xá

- Lái xe trên đường quanh co, gập ghềnh, mấp mô hoặc có dốc hoặc rẽ trái hoặc phải đột ngột.

■ Điều kiện xe

- Xe bị nghiêng do chất hành lý nặng ở khoang hành lý hoặc ở hàng ghế sau.
- Xe chỉ dừng trong thời gian ngắn.
- Phía trước camera bị bụi bẩn, sương mù, mưa, bùn, tuyết, keo dán, phụ kiện, miếng dán che khuất, hoặc kính chắn gió bị mờ.
- Lái xe vào ban đêm hoặc ở nơi tối (ví dụ: trong đường hầm) mà đèn chiếu sáng tắt.
- Có cặn bám trên kính chắn gió khi cần gạt nước kính chắn gió hoạt động.
- Khi ánh sáng yếu do bụi bẩn bám vào thấu kính đèn chiếu sáng, hoặc xe có tầm nhìn kém khi đi vào chỗ tối do điều chỉnh đèn chiếu sáng không đúng cách.

Còn nữa

- Tình trạng lốp xe hoặc bánh xe bất thường (sai kích cỡ, có kích cỡ và cấu tạo khác nhau, độ căng lốp không phù hợp, lốp dự phòng loại nhỏ*, v.v).
- Hệ thống treo bị sửa đổi.

■ Ví dụ về các điều kiện mà camera có thể không phát hiện ra xe phía trước

- Xe phía trước chỉ dừng lại một lúc.
- Khoảng cách giữa xe bạn và xe phía trước quá gần.
- Xe phía trước di chuyển quá chậm.
- Xe phía trước đột ngột quay đầu hoặc rẽ trái hoặc phải.
- Xe phía trước lẫn vào không gian và không thể phát hiện ra.
- Xe phía trước chỉ bật một đèn hậu hoặc cả hai đèn hậu đều không sáng.

■ Ví dụ về các hạn chế phát hiện khác

- Có người đi bộ, xe đạp, xe máy hoặc các xe có hình dạng đặc biệt khác phía trước.
- Có xe khác, người đi bộ hoặc xe đạp đi giữa xe bạn và xe phía trước.
- Xe phía trước không ở ngay phía trước xe bạn.

■ Ví dụ về các hạn chế khác về hoạt động của hệ thống

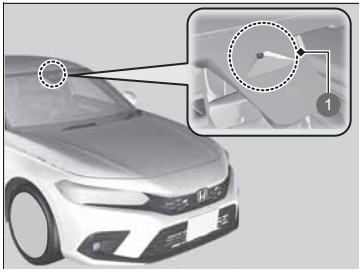
- Camera không thể phát hiện chính xác hình dạng của xe phía trước.
- Xe phía trước có khoảng sáng gầm rất cao.
- Xe phía trước, ví dụ như xe tải không có rơ-moóc, có phía sau nhỏ hơn phía trước.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Camera Trước

Camera trước được sử dụng ở các hệ thống như Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS), Hệ Thống Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp*, Hệ Thống Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC)*, Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS), Hệ Thống Hỗ Trợ Lái Xe Khi Tắc Đường*, Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường, Hệ Thống Nhận Diện Biển Báo Giao Thông* và Hệ Thống Cảnh Báo Xe Phía Trước Khởi Hành* để giúp phát hiện vật thể làm cản trở hoạt động của các hệ thống này.

Lưu Ý Về Vị Trí và Việc Sử Dụng Camera



1 Camera Trước

Camera trước này được gắn phía sau gương chiếu hậu.

Để tránh tình trạng nhiệt độ cao trong xe làm hệ thống cảm biến camera tắt khi đỗ xe, hãy tìm nơi có bóng râm để đỗ xe hoặc che phía trước xe để ánh nắng mặt trời không chiếu vào. Nếu bạn dùng tấm che nắng, không được để nó che phần vỏ camera để tránh tình trạng làm tập trung nhiệt vào camera.

Camera Trước

Không được dán hoặc gắn bất cứ vật gì lên kính chắn gió, nắp ca-pô hoặc lưới tản nhiệt trước để tránh làm cản tầm nhìn của camera và làm cho hệ thống hoạt động bất thường.
Vết xước, nứt và các hư hỏng khác trên kính chắn gió trong tầm nhìn của camera trước có thể khiến hệ thống hoạt động bất thường. Nếu điều này xảy ra, bạn hãy thay kính chắn gió chính hiệu Honda.
Chỉ sửa chữa nhỏ trong tầm nhìn của camera hoặc lắp loại kính chắn gió không chính hiệu có thể khiến cho hệ thống hoạt động bất thường.
Sau khi thay kính chắn gió, hãy đưa xe đến đại lý để hiệu chỉnh lại camera. Cần hiệu chỉnh camera đúng cách để hệ thống hoạt động hiệu quả.

Không để vật gì lên bảng điều khiển để tránh làm phản chiếu lên kính chắn gió và làm hệ thống không thể phát hiện chính xác vạch phân cách làn đường.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Còn nữa

Camera Trước

Nếu thông báo **Some driver assist systems cannot operate: Camera temperature too high** (Một số hệ thống hỗ trợ người lái không hoạt động: Nhiệt độ camera quá cao) xuất hiện:

- Sử dụng hệ thống điều khiển nhiệt độ để làm mát bên trong xe, nếu cần, sử dụng cả chế độ sấy với hướng gió hướng thẳng vào camera.
- Bắt đầu lái xe để làm giảm nhiệt độ kính chắn gió, đồng thời sẽ làm giảm nhiệt độ xung quanh camera trước.

Nếu thông báo **Some driver assist systems cannot operate: Clean front windshield or poor viewing condition.**[*1]/ **Some driver assist system cannot operate: Clean front windscreen or poor viewing condition.**[*2] (Một số hệ thống hỗ trợ người lái không hoạt động:
Lau sạch kính chắn gió trước hoặc điều kiện quan sát kém) xuất hiện:

- Đỗ xe ở nơi an toàn và lau sạch kính chắn gió. Lau sạch kính chắn gió nếu bị bẩn. Nếu thông báo không biến mất sau khi bạn lái xe đi một đoạn, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

* 1: Loại xe Philippin
* 2: Ngoại trừ loại xe Philippin

Hệ Thống Phanh

■ Phanh Đỗ

Sử dụng phanh đỗ để giữ xe không chuyển động khi đỗ. Bạn có thể gài và nhả bằng tay, hoặc nhả tự động.



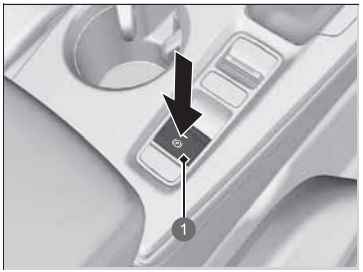
❶ Công Tắc Phanh Đỗ Điện

■ Gài phanh

Bạn có thể gài phanh đỗ điện bất cứ khi nào xe có ắc quy ở bất kỳ chế độ nguồn nào.

Kéo công tắc phanh đỗ điện lên nhẹ nhàng và chắc chắn.

- ▶ Đèn báo ở công tắc sáng.
- ▶ Đèn báo phanh đỗ và hệ thống phanh (đỏ) sáng.



❶ Công Tắc Phanh Đỗ Điện

■ Nhả phanh

Chế độ nguồn phải ở BẬT mới nhả được phanh đỗ điện.

1. Nhấn bàn đạp phanh.
2. Ấn công tắc phanh đỗ điện.
   - ▶ Đèn báo ở công tắc tắt.
   - ▶ Đèn báo phanh đỗ và hệ thống phanh (đỏ) tắt.

Sử dụng công tắc để nhả phanh đỗ sẽ giúp xe khởi động chậm và êm ái khi đỗ đèo trên đồi dốc.

Phanh Đỗ

Bạn có thể nghe thấy âm thanh hoạt động của mô-tơ hệ thống phanh đỗ điện từ khu vực bánh xe sau khi bạn gài hoặc nhả phanh đỗ. Điều này là bình thường.

Khi bạn gài hoặc nhả phanh đỗ, bàn đạp phanh sẽ di chuyển nhẹ do hệ thống phanh đỗ điện đang hoạt động. Điều này là bình thường.

Bạn không thể gài hoặc nhả phanh đỗ nếu ắc quy hết điện.

Nếu Ắc Quy Chết Tr. 695

Nếu bạn kéo lên và giữ công tắc phanh đỗ điện trong khi lái, bốn bánh xe sẽ được phanh bằng hệ thống VSA cho đến khi xe dừng. Sau đó gài phanh đỗ điện và nhả công tắc.

Trong các tình huống sau, phanh đỗ sẽ tự động hoạt động.

- Khi xe dừng bằng hệ thống giữ phanh tự động được kích hoạt trong hơn 10 phút.
- Khi người lái không thắt dây đai an toàn trong khi xe dừng và gài giữ phanh.
- Khi đang gài giữ phanh mà Hệ Thống Giữ Phanh có sự cố.

Còn nữa

Loại xe có hộp số vô cấp

■ Vận hành tính năng phanh đỗ tự động

Nếu tính năng phanh đỗ tự động đã được kích hoạt:

- Phanh đỗ sẽ được gài tự động khi đặt chế độ nguồn ở TẮT.
- Để xác nhận phanh đỗ được gài, hãy kiểm tra xem đèn báo phanh đỗ và hệ thống phanh (đỏ) có sáng không.

Bật và tắt tính năng phanh đỗ tự động Tr. 559

Phanh Đỗ

Loại xe có hộp số vô cấp

- Khi xe dừng hơn 10 phút trong khi ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp được kích hoạt.
- Khi người lái không thắt dây đai an toàn trong khi xe dừng tự động bằng ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp.
- Khi động cơ tắt, ngoại trừ bằng hệ thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời trong khi ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp được kích hoạt.
- Khi động cơ tắt, ngoại trừ bằng hệ thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời, trong khi hệ thống giữ phanh được gài.

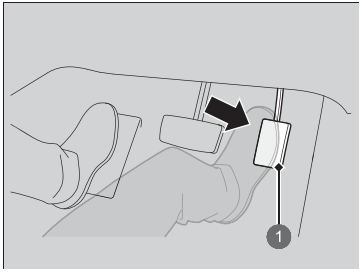
Loại xe không có hộp số vô cấp

- Khi động cơ tắt trong khi giữ phanh được gài.

■ Nhả tự động

Loại xe có hộp số vô cấp

Nhấn bàn đạp ga sẽ làm nhả phanh đỗ.
Sử dụng bàn đạp ga để nhả phanh đỗ khi bạn bắt đầu lên dốc hoặc khi bị tắc đường.



Nhấn nhẹ bàn đạp ga. Khi ở trên dốc, cần nhấn ga mạnh hơn để nhả phanh.

▶ Đèn báo phanh đỗ và hệ thống phanh (đỏ) tắt.

1 Bàn Đạp Ga

Bạn có thể nhả phanh đỗ tự động khi:
- Người lái đã thắt dây đai an toàn.
- Động cơ đang chạy.
- Không ở số P hoặc N.

Loại xe số sàn

Nhấn bàn đạp ga trong khi nhả bàn đạp ly hợp để nhả phanh đỗ.
Sử dụng bàn đạp ga để nhả phanh đỗ khi bạn bắt đầu lên dốc hoặc khi bị tắc đường.

Nhả tự động

Nếu không thể nhả phanh đỗ tự động, hãy nhả bằng tay.

Khi xe lên dốc, cần nhấn bàn đạp ga sâu hơn để nhả phanh đỗ điện tự động.

Phanh đỗ không thể nhả tự động khi các đèn báo sau sáng:
- Đèn báo sự cố
- Đèn báo hệ thống hộp số*

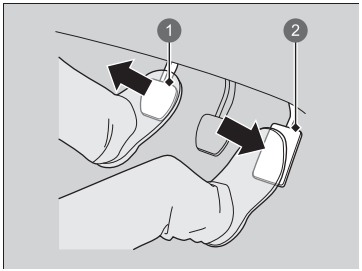
Phanh đỗ có thể không nhả tự động khi các đèn báo sau sáng:
- Đèn báo phanh đỗ và hệ thống phanh (màu hổ phách)
- Đèn báo hệ thống VSA
- Đèn báo **ABS**
- Đèn báo hệ thống bảo vệ phụ trợ

Loại xe số sàn

Nhấn hết cỡ bàn đạp ly hợp trước khi nhấn nhẹ bàn đạp ga và nhả bàn đạp ly hợp.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Còn nữa



1 Bàn Đạp Ly Hợp
2 Bàn Đạp Ga

Nhấn nhẹ bàn đạp ga và nhả bàn đạp ly hợp.

► Đèn báo phanh đỗ tắt.

Phanh đỗ sẽ tự động nhả khi bạn nhấn bàn đạp ga khi:

- Người lái đã thắt dây đai an toàn.
- Động cơ đang chạy.
- Không ở số N.

Loại xe có hộp số vô cấp

■ Bật và tắt tính năng phanh đỗ tự động

Khi chế độ nguồn ở BẬT, thực hiện các bước sau để bật hoặc tắt tính năng phanh đỗ tự động.

1. Gạt cần số đến P.

2. Không nhấn bàn đạp phanh, kéo công tắc phanh đỗ điện.
▶ Kiểm tra xem đèn báo phanh đỗ và hệ thống phanh (đỏ) có sáng không.

3. Kéo và giữ công tắc phanh đỗ. Khi bạn nghe thấy tiếng bíp, hãy nhả công tắc và trong vòng 3 giây, kéo lại công tắc và giữ công tắc tại vị trí đó.

4. Khi bạn nghe thấy âm thanh báo quy trình đã hoàn thành, hãy nhả công tắc.
▶ Hai tiếng bíp vang lên biểu thị tính năng đã được bật.
▶ Một tiếng bíp vang lên biểu thị tính năng đã được tắt.
▶ Sau khi bật tính năng này, phanh đỗ vẫn được gài sau khi bạn tắt động cơ.
▶ Để xác nhận phanh đỗ được gài, hãy kiểm tra xem đèn báo phanh đỗ và hệ thống phanh (đỏ) có sáng không.

Nếu bạn cần tắt tạm thời tính năng này khi kéo xe, bạn có thể làm theo quy trình dưới đây.

1. Nhấn bàn đạp phanh và dừng xe.

2. Đặt chế độ nguồn đến TẮT MÁY, sau đó trong vòng 2 giây hãy ấn công tắc phanh đỗ điện.
▶ Việc cài đặt bật và tắt cho tính năng này sẽ không bị ảnh hưởng.
▶ Trước khi tạm thời tắt tính năng này, trước tiên cần đảm bảo tắt hệ thống Điều Khiển Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp và giữ phanh tự động.
▶ Để xác nhận phanh đỗ đã được gài, kiểm tra xem đèn báo phanh đỗ và hệ thống phanh (đỏ) có sáng không.

≫Bật và tắt tính năng phanh đỗ tự động

Nếu gài phanh đỗ khi trời lạnh, phanh đỗ có thể bị đóng băng tại chỗ.

Khi đỗ xe, hãy chèn các bánh xe và đảm bảo đã tắt tính năng phanh đỗ tự động.

Ngoài ra, khi đưa xe đến trạm rửa xe kiểu băng chuyền hoặc khi kéo xe, hãy tắt tính năng phanh đỗ tự động và nhả phanh đỗ.

Còn nữa

■ Phanh Chân

Xe của bạn được trang bị phanh đĩa ở cả bốn bánh xe. Trợ lực chân không giúp giảm lực tác dụng cần thiết lên bàn đạp phanh. Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp sẽ làm tăng lực phanh khi bạn nhấn mạnh bàn đạp phanh trong trường hợp khẩn cấp. Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS) giúp bạn giữ kiểm soát lái khi phanh gấp.

➲ **Hệ Thống Hỗ Trợ Phanh Khẩn Cấp** Tr. 568
➲ **Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh (ABS)** Tr. 567

Loại xe số sàn

■ Tiếng rít của phanh

Nhằm đạt hiệu suất trong các điều kiện lái khác nhau, xe bạn được trang bị hệ thống phanh hiệu suất cao. Bạn có thể nghe thấy tiếng rít của phanh trong một số điều kiện nhất định, như tốc độ xe, giảm tốc, độ ẩm, v.v. Đây không phải là sự cố.

Phanh Chân

Kiểm tra các phanh sau khi lái qua vùng nước sâu, hoặc đường có nhiều nước. Nếu cần, hãy làm khô các phanh bằng cách nhấn nhẹ bàn đạp phanh vài lần.

Nếu bạn nghe thấy tiếng rít phát ra do kim loại cọ sát khi nhấn phanh, cần thay các má phanh. Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

Giữ phanh liên tục trong khi xuống dốc dài sẽ làm phanh nóng lên, làm giảm hiệu quả của phanh. Hãy dùng phanh động cơ bằng cách nhấc chân ra khỏi bàn đạp ga và về số thấp hơn. Với loại xe có hộp số thường, hãy dùng số thấp hơn để phanh hiệu quả hơn.

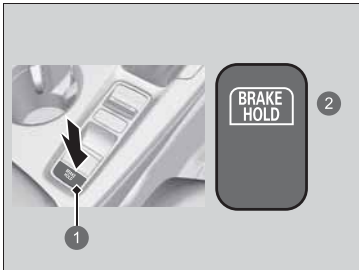
Không đặt chân lên bàn đạp phanh khi đang lái, vì nó sẽ tác dụng nhẹ lên phanh và làm giảm hiệu quả phanh và giảm tuổi thọ má phanh. Nó cũng sẽ làm người lái xe phía sau xe bạn lúng túng.

■ Giữ Phanh Tự Động

Loại xe có hộp số vô cấp

Giữ phanh sau khi nhả bàn đạp phanh cho đến khi nhấn bàn đạp ga. Bạn có thể sử dụng hệ thống này trong khi dừng xe tạm thời, như khi bạn dừng xe tại trạm đèn giao thông hoặc khi tắc đường.

■ Bật hệ thống



Thắt dây đai an toàn đúng cách, sau đó khởi động động cơ. Ấn nút giữ phanh tự động.

▶ Đèn báo hệ thống giữ phanh tự động sẽ sáng. Hệ thống được bật.

❶ Nút Giữ Phanh Tự Động
❷ Sáng

Giữ Phanh Tự Động

⚠CẢNH BÁO

Kích hoạt hệ thống giữ phanh tự động trên dốc đứng hoặc trên đường trơn trượt vẫn cho phép xe di chuyển nếu bạn bỏ chân ra khỏi bàn đạp phanh.

Nếu xe di chuyển bất ngờ có thể dẫn đến va chạm gây trọng thương hoặc tử vong.

Không được kích hoạt hệ thống giữ phanh tự động hoặc sử dụng hệ thống để giữ xe không di chuyển khi dừng xe trên dốc đứng hoặc trên đường trơn trượt.

Loại xe có hộp số vô cấp

⚠CẢNH BÁO

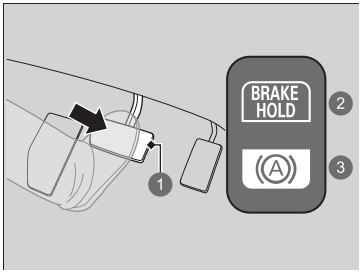
Sử dụng hệ thống giữ phanh tự động để đỗ xe có thể làm cho xe di chuyển bất ngờ.

Nếu xe di chuyển bất ngờ có thể dẫn đến va chạm gây trọng thương hoặc tử vong.

Không được ra khỏi xe khi đang phanh xe tạm thời bằng giữ phanh tự động và luôn đỗ xe bằng cách gạt cần số đến P và gài phanh đỗ.

Còn nữa

■ Kích hoạt hệ thống

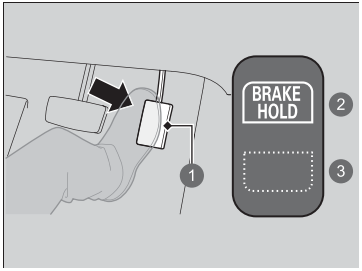


Nhấn bàn đạp phanh để dừng hoàn toàn. Cần số không được ở P hoặc R.

- Đèn báo giữ phanh tự động sẽ sáng. Phanh được giữ trong 10 phút.
- Nhả bàn đạp phanh sau khi đèn báo giữ phanh tự động sáng.

1 Bàn Đạp Phanh
2 Bật
3 Sáng

■ Hủy hệ thống



Nhấn bàn đạp ga trong khi cần số không ở P hoặc N. Hệ thống sẽ bị hủy và xe bắt đầu di chuyển.

- Đèn báo giữ phanh tự động tắt. Hệ thống tiếp tục hoạt động.

1 Bàn Đạp Ga
2 Bật
3 Tắt

Giữ Phanh Tự Động

⚠CẢNH BÁO

Khi sử dụng giữ phanh tự động, để chân lên bàn đạp phanh cho đến khi đèn báo giữ phanh tự động sáng.

Nếu xe di chuyển bất ngờ có thể dẫn đến va chạm gây trọng thương hoặc tử vong.

Bỏ chân ra khỏi bàn đạp phanh sau khi đèn báo giữ phanh tự động sáng.

Khi hệ thống được kích hoạt, bạn có thể tắt động cơ hoặc đỗ xe theo quy trình như bạn vẫn làm thông thường.

Khi Xe Đã Dừng Tr. 570

Cho dù hệ thống bật, hoặc hoạt động hay không, giữ phanh tự động sẽ tắt khi động cơ tắt.

Loại xe số sàn

Hệ thống sẽ tắt nếu động cơ chết máy trong khi hệ thống giữ phanh tự động được kích hoạt hoặc bật.

Bạn có thể nghe thấy âm thanh vận hành nếu xe di chuyển trong khi hệ thống giữ phanh tự động đang hoạt động.

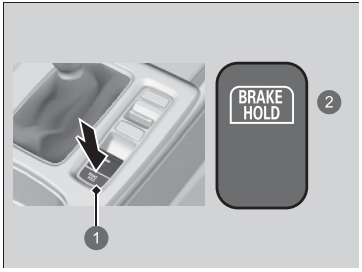
Loại xe số sàn

Giữ phanh sau khi nhả bàn đạp phanh cho đến khi bạn sang một số trừ số N và:

- Nhả bàn đạp ly hợp trên đường bằng phẳng hoặc khi xuống dốc.
- Nhả bàn đạp ly hợp và nhấn bàn đạp ga khi lên dốc.

Bạn có thể sử dụng hệ thống này trong khi dừng xe tạm thời, như khi bạn dừng xe tại trạm đèn giao thông hoặc khi tắc đường.

■ Bật hệ thống



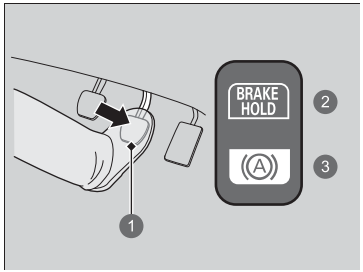
Thắt dây đai an toàn đúng cách, sau đó khởi động động cơ. Ấn nút giữ phanh tự động.

▶ Đèn báo hệ thống giữ phanh tự động sẽ sáng. Hệ thống được bật.

1 Nút Giữ Phanh Tự Động
2 Sáng

Còn nữa

■ Kích hoạt hệ thống

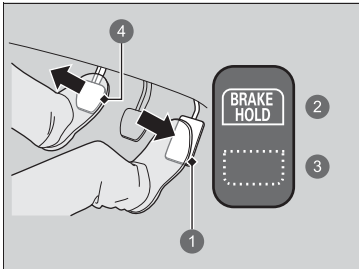


❶ Bàn Đạp Phanh
❷ Sáng
❸ Sáng

Nhấn bàn đạp phanh để dừng hoàn toàn.

▶ Đèn báo giữ phanh tự động sẽ sáng. Phanh được giữ trong 10 phút.
▶ Nhả bàn đạp phanh sau khi đèn báo giữ phanh tự động sáng.

■ Hủy hệ thống



Sang một số trừ số N và:

- ▶ Nhả bàn đạp ly hợp trên đường bằng phẳng hoặc khi xuống dốc.
- ▶ Nhả bàn đạp ly hợp và nhấn bàn đạp ga khi lên dốc. Hệ thống sẽ bị hủy và xe bắt đầu di chuyển.
- ▶ Đèn báo giữ phanh tự động tắt. Hệ thống tiếp tục hoạt động.

1. Bàn Đạp Ga
2. Sáng
3. Tắt
4. Bàn Đạp Ly Hợp

■ Hệ thống tự động hủy khi:

- Bạn gài phanh đỗ.

Loại xe có hộp số vô cấp

- Bạn nhấn bàn đạp phanh và gạt cần số đến P hoặc R.

■ Hệ thống tự động hủy và phanh đỗ được gài khi:

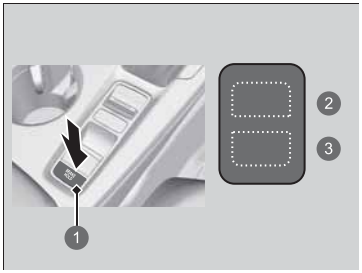
- Giữ phanh trong hơn 10 phút.
- Người lái không thắt dây đai an toàn.
- Động cơ tắt.
- Hệ thống giữ phanh tự động có sự cố.

Loại xe số sàn

- Động cơ chết máy.

Còn nữa

■ Tắt hệ thống giữ phanh tự động



❶ Nút Giữ Phanh Tự Động
❷ Tắt
❸ Tắt

Chỉ đèn báo hệ thống giữ phanh tự động sáng:

- Ấn nút giữ phanh tự động.
  ▶ Đèn báo hệ thống giữ phanh tự động tắt.

Khi đèn báo giữ phanh tự động sáng cùng lúc:

- Ấn nút giữ phanh tự động và nhấn bàn đạp phanh.
  ▶ Đèn báo hệ thống giữ phanh tự động và đèn báo giữ phanh tự động tắt.

Tắt hệ thống giữ phanh tự động

Đảm bảo tắt hệ thống giữ phanh tự động trước khi rửa xe bằng máy rửa xe tự động.

Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh (ABS)

■ ABS

Giúp các bánh xe không bị bó cứng và giúp bạn kiểm soát lái nhờ việc nhấp nhả phanh nhanh, nhanh hơn rất nhiều thao tác chân của bạn.

Hệ thống phân phối lực phanh điện tử (EBD) thuộc hệ thống ABS, giúp phân phối lực phanh giữa các bánh trước và bánh sau theo tải trọng xe.

Bạn không nên nhấp nhả bàn đạp phanh. Hãy để ABS hoạt động thay bạn bằng cách luôn giữ một lực chắc chắn, ổn định lên bàn đạp phanh. Điều này đôi khi được gọi là “nhấn và lái.”

■ Hoạt động của ABS

Bàn đạp phanh có thể rung nhẹ khi ABS đang hoạt động. Hãy nhấn và giữ chắc chắn bàn đạp phanh. Khi lái xe trên đường khô ráo, bạn cần nhấn bàn đạp phanh thật mạnh trước khi ABS hoạt động. Tuy nhiên, bạn có thể cảm thấy ABS hoạt động ngay nếu bạn cố dừng xe trên đường có băng hoặc tuyết.

ABS có thể kích hoạt khi bạn nhấn bàn đạp phanh khi lái xe trên:
- Đường ướt hoặc tuyết phủ.
- Đường được lát bằng đá.
- Đường có bề mặt không bằng phẳng, chẳng hạn như đường có ổ gà, vết nứt, hố ga, v.v.

Khi tốc độ xe dưới 10 km/h, ABS sẽ ngừng hoạt động.

Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh (ABS)

CHÚ Ý

ABS có thể không hoạt động hiệu quả nếu bạn dùng lốp xe không đúng chủng loại và kích cỡ.

Nếu đèn báo **ABS** sáng trong khi lái, có thể hệ thống có sự cố.
ABS có thể không hoạt động ngay cả khi phanh thông thường vẫn hoạt động bình thường. Hãy đưa ngay xe đến đại lý để kiểm tra.

ABS không có chức năng làm giảm thời gian và khoảng cách dừng xe vì hệ thống được thiết kế để hạn chế bó cứng phanh, tránh tình trạng xe bị trượt và mất kiểm soát lái.

Trong các trường hợp sau, xe cần có khoảng cách xa hơn để dừng so với xe không có ABS:
- Lái xe trên đường gồ ghề hoặc không bằng phẳng như đường rải đá hoặc có tuyết.
- Lắp xích bọc lốp*.

Có thể xuất hiện các hiện tượng sau khi có hệ thống ABS:
- Tiếng ồn của mô-tơ phát ra từ khoang động cơ khi nhấn phanh hoặc khi thực hiện kiểm tra hệ thống sau khi khởi động động cơ và trong khi xe đang tăng tốc.
- Bàn đạp phanh và/hoặc thân xe rung lên khi ABS hoạt động.

Những tiếng rung và âm thanh này là bình thường đối với hệ thống ABS và không cần lo ngại.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Hệ Thống Hỗ Trợ Phanh Khẩn Cấp

Có chức năng hỗ trợ người lái bằng cách tạo ra lực phanh lớn hơn khi bạn nhấn bàn đạp phanh trong khi phanh khẩn cấp.

■ Vận hành hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp

Nhấn chắc chắn bàn đạp phanh để tăng lực phanh.

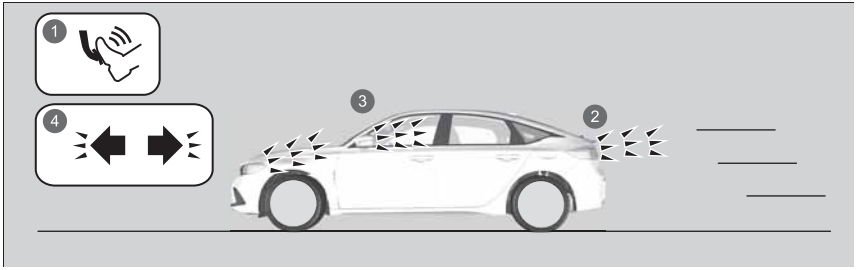
Khi hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp hoạt động, bàn đạp phanh có thể lắc nhẹ và có tiếng ồn phát ra. Điều này là bình thường. Hãy nhấn chắc chắn bàn đạp phanh.

Loại xe có hộp số vô cấp

Tín Hiệu Dừng Khẩn Cấp

Hoạt động khi bạn phanh gấp trong lúc đang lái ở tốc độ 60 km/h trở lên nhằm cảnh báo cho người lái phía sau xe bạn về việc phanh khẩn cấp bằng cách nháy liên tục các đèn cảnh báo nguy hiểm. Việc này có thể giúp cảnh báo người lái phía sau xe bạn tránh được va chạm có thể xảy ra với xe của bạn.

■ Khi hệ thống hoạt động:



❶ Phanh Gấp
❷ Các Đèn Phanh Sáng
❸ Các Đèn Cảnh Báo Nguy Hiểm Nháy
❹ Các Đèn Cảnh Báo Nguy Hiểm Nhấp Nháy

Đèn cảnh báo nguy hiểm ngừng nháy khi:
- Bạn nhả bàn đạp phanh.
- ABS bị vô hiệu hoá.
- Tốc độ giảm tốc xe của bạn trở nên vừa phải.
- Bạn ấn nút cảnh báo nguy hiểm.

Tín Hiệu Dừng Khẩn Cấp

Tín hiệu dừng khẩn cấp không phải là hệ thống có thể ngăn được các va chạm phía sau có khả năng xảy ra do phanh gấp. Các đèn cảnh báo nguy hiểm sẽ nháy khi bạn phanh gấp. Bạn nên tránh phanh gấp trừ trường hợp thực sự cần thiết.

Tín hiệu dừng khẩn cấp không hoạt động khi ấn nút cảnh báo nguy hiểm.

Nếu ABS dừng hoạt động trong một khoảng thời gian nhất định khi phanh, tín hiệu dừng khẩn cấp có thể không hoạt động.

Khi Xe Đã Dừng

1. Nhấn chắc chắn bàn đạp phanh.
2. Khi nhấn bàn đạp phanh, kéo từ từ công tắc phanh đỗ điện nhưng không hết cỡ.

Loại xe có hộp số vô cấp

3. Gạt cần số đến P.
4. Tắt động cơ.
► Đèn báo phanh đỗ và hệ thống phanh (đỏ) tắt trong khoảng 30 giây.

Loại xe số sàn

3. Gạt cần số đến N.
4. Tắt động cơ và gạt cần số đến R hoặc 1.
► Đèn báo phanh đỗ và hệ thống phanh (đỏ) tắt trong khoảng 30 giây.

Luôn gài phanh đỗ, đặc biệt nếu bạn đỗ xe trên dốc.

Đỗ Xe

Loại xe có hộp số vô cấp

⚠CẢNH BÁO

Xe có thể bị trượt nếu không đảm bảo đã gài phanh Đỗ.

Xe bị trượt có thể gây ra va chạm dẫn đến trọng thương hoặc tử vong.

Luôn giữ chân trên bàn đạp phanh cho đến khi bạn xác nhận P hiển thị trên đèn báo số.

Không đỗ xe gần những vật dễ bắt lửa, như cỏ khô, dầu, hoặc gỗ.
Nhiệt từ hệ thống xả cũng có thể gây cháy.

Khi Xe Đã Dừng

Loại xe có hộp số vô cấp

CHÚ Ý

Những hành động sau có thể làm hỏng hộp số:

- Nhấn đồng thời cả bàn đạp ga và bàn đạp phanh.
- Giữ xe đứng yên trên dốc bằng cách nhấn bàn đạp ga.
- Gạt cần số đến P trước khi xe dừng hẳn.

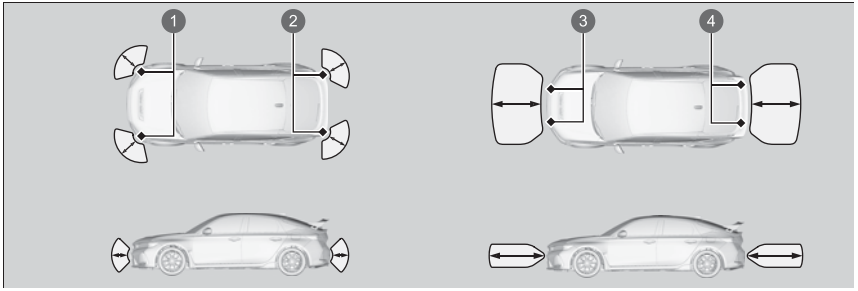
Khi Xe Đã Dừng

Ở điều kiện thời tiết quá lạnh, phanh đỗ có thể bị đóng băng khi đã gài. Nếu gặp phải tình trạng thời tiết như vậy, không gài phanh đỗ, nhưng nếu đỗ xe trên dốc, bạn cần đánh lái sao cho các bánh trước quay vào sát gờ lề đường nếu xe có nguy cơ lăn xuống, hoặc chèn các bánh xe để cho xe không di chuyển. Nếu không làm như vậy, xe có thể bị lăn bất ngờ, gây va chạm.

Hệ Thống Cảm Biến Đỗ*

Các cảm biến góc và cảm biến giữa theo dõi các vật cản gần xe bạn, tiếng bíp, màn hình giao diện thông tin cho người lái và màn hình âm thanh/ thông tin giúp bạn biết khoảng cách thích hợp giữa xe và vật cản.

■ Vị trí và phạm vi của cảm biến



❶ Cảm Biến Góc Trước
❷ Cảm Biến Góc Sau
❸ Cảm Biến Giữa Trước
❹ Cảm Biến Giữa Sau

Hệ Thống Cảm Biến Đỗ*

Ngay cả khi hệ thống bật, trước khi đỗ xe cần xác nhận xem có vật cản nào gần xe bạn không.

Hệ thống có thể không hoạt động tốt khi:

- Các cảm biến bị tuyết, băng, bùn hoặc bụi che phủ.
- Xe để bên ngoài trời nóng hoặc lạnh.
- Có đồ vật gần đó phát ra sóng siêu âm hoặc âm thanh tần số cao.
- Lái xe trong thời tiết xấu (mưa, sương mù, tuyết, v.v.).
- Có phụ kiện bất kỳ đặt lên trên hoặc xung quanh cảm biến.

Hệ thống không thể phát hiện các vật cản sau:

- Các vật thể mỏng hoặc thấp.
- Các vật liệu hấp thụ sóng âm, như tuyết, bông, hoặc vật xốp.
- Các vật bám bên dưới cản xe.

Hệ thống có thể phát hiện sai vật cản trong các trường hợp sau:

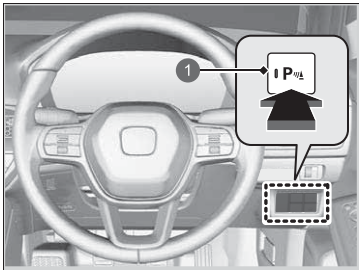
- Xe chạy ở nơi không bằng phẳng, như có cỏ, đường gồ ghề, hoặc đường đồi.
- Khi ở gần xe khác có cảm biến siêu âm hoặc các vật thể khác hấp thụ sóng siêu âm.
- Nước bắn gần các cảm biến do mưa to, v.v.

Không đặt bất kỳ phụ kiện nào lên trên hoặc xung quanh cảm biến.

▶ Nếu bạn đặt phụ kiện (như giá để xe đạp) lên trên hoặc gần cảm biến sau, hệ thống có thể kích hoạt nếu phát hiện các phụ kiện này là vật cản. Trong trường hợp này, hãy tắt cảm biến sau.
Tắt Tất Cả Các Cảm Biến Sau Tr. 576

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

■ Bật và tắt hệ thống cảm biến đỗ



❶ Nút Hệ Thống Cảm Biến Đỗ

Khi chế độ nguồn ở BẬT, hãy ấn nút hệ thống cảm biến đỗ để bật hoặc tắt hệ thống. Đèn báo trên nút sẽ sáng khi bật hệ thống.

Cảm biến góc trước, cảm biến góc sau và cảm biến giữa sau bắt đầu phát hiện vật cản khi cần số ở R và tốc độ xe dưới 8 km/h.

Cảm biến góc trước và cảm biến giữa trước bắt đầu phát hiện vật cản khi cần số không ở vị trí R và tốc độ xe dưới 8 km/h. Bạn cần nhả phanh đỗ.

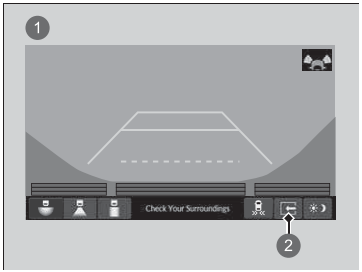
Hệ Thống Cảm Biến Đỗ*

Khi bạn đặt chế độ nguồn ở BẬT, hệ thống sẽ ở trạng thái đã chọn trước đó.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

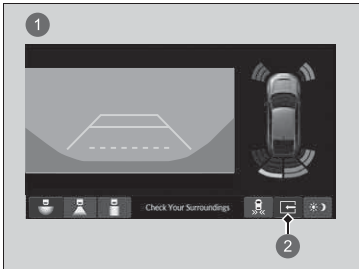
Còn nữa

■ Vận Hành Màn Hình



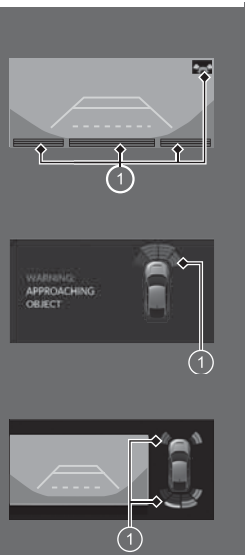
Bạn có thể chuyển màn hình hiển thị sang tắt song song hai màn hình và bật song song hai màn hình bằng cách chạm vào thanh công cụ trên màn hình.

1. Tắt Song Song Hai Màn Hình
2. Thanh Công Cụ Chia Đôi Màn Hình



1. Bật Song Song Hai Màn Hình
2. Thanh Công Cụ Chia Đôi Màn Hình

■ **Khi khoảng cách giữa xe và chướng ngại vật ngắn hơn**

Độ dài tiếng bíp gián đoạn	Khoảng cách giữa Tấm Cản và Vật Cản			Màn hình giao diện thông tin cho người lái	Màn Hình Âm Thanh/Thông Tin
	Cảm Biến Góc	Cảm Biến Giữa			
Trung bình	—	Khoảng 110-60 cm	Sáng*1/Nhấp Nháy*2 Vàng*3		
Ngắn	Khoảng 60-45 cm	Khoảng 60-45 cm	Sáng*1/Nhấp Nháy*2 Hổ Phách		
Rất ngắn	Khoảng 45-35 cm	Khoảng 45-35 cm			
Liên tục	Khoảng 35 cm trở xuống	Khoảng 35 cm trở xuống	Sáng*1/ Nhấp Nháy*2 Đỏ		

❶ Đèn báo sáng ở nơi cảm biến phát hiện vật cản.
* 1: Trên màn hình giao diện thông tin cho người lái
* 2: Trên màn hình âm thanh/thông tin
* 3: Ở giai đoạn này, chỉ các cảm biến giữa phát hiện các vật cản.

■ Tắt Tất Cả Các Cảm Biến Sau

Hãy thực hiện các bước dưới đây để tắt các cảm biến sau:

1. Đảm bảo hệ thống cảm biến đỗ không hoạt động.
► Đèn báo trên nút tắt.

2. Đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY.

3. Ấn và giữ nút hệ thống cảm biến đỗ, và đặt chế độ nguồn ở BẬT.

4. Ấn và giữ nút trong 10 giây. Nhả nút khi đèn báo trên nút nhấp nháy.
► Tiếng bíp vang lên một lần.

5. Trong khi đèn báo đang nhấp nháy, ấn nút lần nữa. Đèn báo trên nút sẽ tắt.
► Tiếng bíp vang lên hai lần, các cảm biến sau sẽ tắt. Các cảm biến sẽ tiếp tục tắt cho đến khi bật lại bằng tay. Để bật lại cảm biến sau, làm theo quy trình trên. Tiếng bíp vang lên ba lần khi bật lại các cảm biến sau.

Tắt Tất Cả Các Cảm Biến Sau

Khi bạn sang số R, đèn báo trên nút hệ thống cảm biến đỗ sẽ nhấp nháy để nhắc nhở cảm biến sau đã tắt.

Hệ Thống Cảnh Báo Vật Thể Băng Ngang Đường*

Cảm biến ra-đa giúp bạn quan sát khu vực góc phía sau khi lùi xe và cảnh báo cho bạn nếu phát hiện có xe đang đi đến từ góc phía sau.

Hệ thống này rất thuận tiện, đặc biệt là khi bạn lùi ra khỏi chỗ đỗ xe.

Hệ Thống Cảnh Báo Vật Thể Băng Ngang Đường*

⚠CẢNH BÁO

Hệ thống cảnh báo vật thể băng ngang đường không thể phát hiện được tất cả các xe đang đến gần và có thể không phát hiện được xe đang đến gần nào.

Cần quan sát để đảm bảo an toàn trước khi lùi xe để tránh xảy ra va chạm.

Không phụ thuộc hoàn toàn vào hệ thống khi lùi xe; luôn sử dụng gương, quan sát phía sau và hai bên xe trước khi lùi xe.

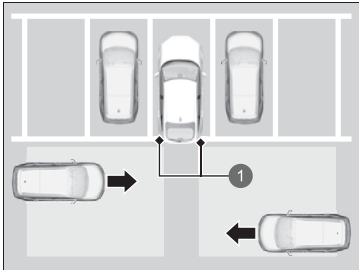
Loại xe có hệ thống cảm biến đỗ

Tiếng bíp cảnh báo của hệ thống cảm biến đỗ vang lên cùng với tiếng bíp cảnh báo của hệ thống Cảnh Báo Vật Thể Băng Ngang Đường khi các cảm biến đang phát hiện chướng ngại vật ở phạm vi gần nhất.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Còn nữa

■ Cách Hoạt Động Của Hệ Thống



❶ Cảm biến ra-đa:
Bên dưới các góc của cản sau.

Hệ thống hoạt động khi:

- Chế độ nguồn ở BẬT.
- Hệ thống Cảnh Báo Vật Thể Băng Ngang Đường bật.
  ➡ **Bật và Tắt Hệ Thống Cảnh Báo Vật Thể Băng Ngang Đường** Tr. 580
  ➡ **Tính Năng Tùy Chọn** Tr. 313
- Cần số ở R.
- Xe di chuyển với tốc độ từ 5km/h trở xuống.

Khi phát hiện xe đang đến gần từ góc phía sau, hệ thống Cảnh Báo Vật Thể Băng Ngang Đường sẽ cảnh báo cho bạn bằng tiếng bíp và hiển thị cảnh báo trên màn hình.

Hệ thống sẽ không phát hiện xe đang đến gần sát ngay phía sau xe của bạn, và cũng sẽ không đưa ra cảnh báo về chiếc xe được phát hiện khi nó di chuyển sát phía sau xe của bạn.

Hệ thống sẽ không cảnh báo đối với xe không chạy gần xe bạn và hệ thống có thể cảnh báo khi có người đi bộ, xe đạp hoặc vật thể đứng yên.

Hệ Thống Cảnh Báo Vật Thể Băng Ngang Đường*

Hệ thống Cảnh Báo Vật Thể Băng Ngang Đường có thể không phát hiện xe đang đến gần hoặc đưa ra cảnh báo muộn, hoặc có thể cảnh báo khi không có chiếc xe nào đến gần trong các điều kiện sau:

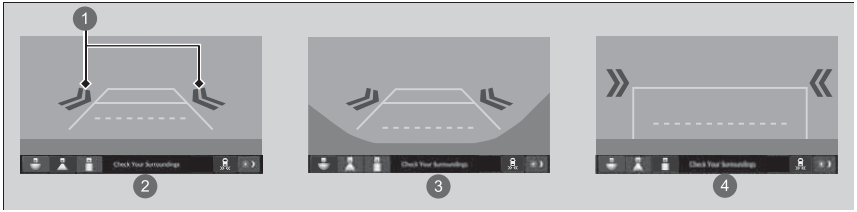
- Khi có vật cản, chẳng hạn như một chiếc xe khác hoặc một bức tường, gần cản sau của xe bạn và làm chắn tầm nhìn của cảm biến ra-đa.
- Xe di chuyển với tốc độ từ 5 km/h trở lên.
- Xe đang đến gần di chuyển với tốc độ từ 10km/h đến 25km/h.
- Hệ thống bị cản trở bởi các yếu tố bên ngoài ví dụ như cảm biến ra-đa từ xe khác hoặc sóng radio mạnh được truyền từ một địa điểm gần đó.
- Một góc của cản sau bị tuyết, băng, bùn đất hay bụi bẩn bao phủ.
- Khi thời tiết xấu.
- Xe đang đi xuống dốc.
- Xe bị nghiêng do tải nặng phía sau.
- Xe đang lùi về phía bức tường, cột điện, một chiếc xe khác, v.v.

Cản sau hoặc cảm biến không được sửa chữa đúng cách hoặc cản sau bị biến dạng. Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

Để vận hành đúng cách, luôn giữ khu vực tấm cản sau sạch sẽ.
Không che phủ khu vực góc tấm cản sau bằng bất kỳ loại nhãn hoặc giấy dán nào.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Khi Hệ Thống Phát Hiện Một Xe Khác



1. Biểu Tượng Mũi Tên
2. Quan Sát Bình Thường
3. Quan Sát Rộng
4. Quan Sát Từ Trên Xuống

Biểu tượng mũi tên bên phía xe đang đến gần sẽ xuất hiện trên màn hình âm thanh/thông tin.

Khi Hệ Thống Phát Hiện Một Xe Khác

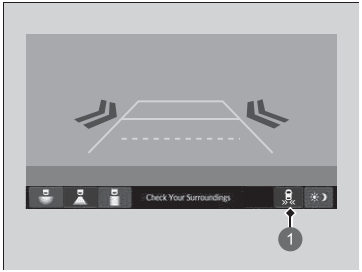
Nếu biểu tượng ở góc phải phía bên dưới màn hình chuyển sang màu hổ phách khi cần số ở R chứng tỏ có bùn, tuyết, băng và mảnh vụn tích tụ gần khu vực cảm biến. Hệ thống tạm thời bị hủy. Kiểm tra các góc tấm cản xem có vật cản nào không và làm sạch toàn bộ khu vực nếu cần.

Nếu biểu tượng sáng khi cần số ở R, hệ thống Cảnh Báo Vật Thể Băng Ngang Đường có sự cố. Không sử dụng hệ thống và đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

Nếu màn hình hiển thị vẫn duy trì như vậy khi cần số ở R, hệ thống camera sau và hệ thống Cảnh Báo Vật Thể Băng Ngang Đường có sự cố. Không sử dụng hệ thống và đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

Còn nữa

■ Bật và Tắt Hệ Thống Cảnh Báo Vật Thể Băng Ngang Đường



❶ Biểu Tượng Cảnh Báo Vật Thể Băng Ngang Đường

Bạn cũng có thể bật và tắt hệ thống bằng cách ấn vào biểu tượng Cảnh Báo Vật Thể Băng Ngang Đường trên màn hình âm thanh/thông tin.

Bật và Tắt Hệ Thống Cảnh Báo Vật Thể Băng Ngang Đường

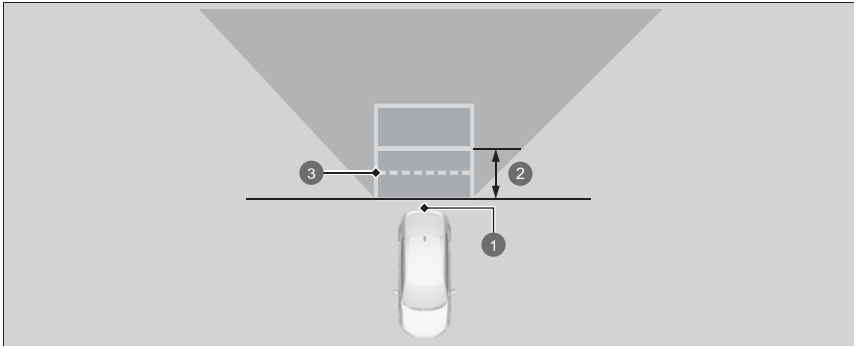
Bạn cũng có thể bật và tắt hệ thống bằng tính năng tùy chọn trên trên màn hình âm thanh/thông tin.

Tính Năng Tùy Chọn Tr. 313

Camera Lùi Đa Hướng Ở Xe Bạn

Màn hình âm thanh/thông tin có thể hiển thị tầm nhìn sau xe bạn. Màn hình sẽ tự động chuyển sang tầm nhìn sau khi gạt cần số đến R.

Vùng Hiển Thị Camera Lùi Đa Hướng



1. Camera
2. Xấp xỉ 1 m
3. Xấp xỉ 50 cm

Camera Lùi Đa Hướng Ở Xe Bạn

Tầm nhìn camera quan sát sau bị hạn chế làm bạn không thể nhìn thấy các đuôi góc của tấm cản hoặc vật nằm dưới tấm cản. Thấu kính của camera làm cho vật thể trông gần hơn hoặc xa hơn so với thực tế.

Hãy xác nhận bằng mắt về độ an toàn trước khi lùi xe. Các điều kiện cụ thể (như thời tiết, ánh sáng, và nhiệt độ cao) cũng có thể làm hạn chế tầm nhìn sau. Không nên phụ thuộc vào màn hình hiển thị tầm nhìn sau vì nó không thể cung cấp cho bạn tất cả thông tin về tình hình phía sau xe bạn.

Hình ảnh camera sau được hiển thị ưu tiên trên màn hình âm thanh/thông tin.

Nếu thấu kính camera bị bụi bẩn hoặc ẩm, hãy dùng vải mềm, ẩm để làm sạch.

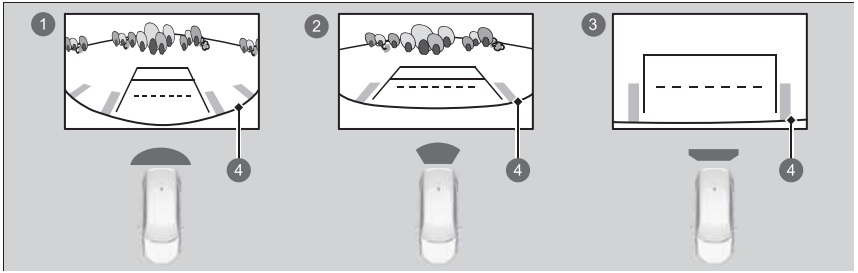
Bạn có thể thay đổi cài đặt **Fixed Guideline** và **Dynamic Guideline**.

➔ **Tính Năng Tùy Chọn** Tr. 313

Fixed Guideline (Dẫn Hướng Cố Định)
ON: Dẫn hướng xuất hiện khi bạn sang số R.
OFF: Dẫn hướng không xuất hiện
Dynamic Guideline (Dẫn Hướng Động)
ON: Dẫn hướng di chuyển theo hướng xoay của vô lăng.
OFF: Dẫn hướng không di chuyển.

Còn nữa

Bạn có thể quan sát theo ba chế độ camera khác nhau trên màn hình âm thanh/thông tin.
Chạm vào các biểu tượng thích hợp để chuyển chế độ quan sát.



1 Chế Độ Quan Sát Rộng
2 Chế Độ Quan Sát Thường
3 Chế Độ Quan Sát Từ Trên Xuống
4 Tấm Cản

- Nếu chế độ quan sát sử dụng lần gần đây nhất là Rộng hoặc Thường, thì chế độ đó sẽ được chọn ở lần tiếp theo khi sang số R.
- Trước khi bạn tắt động cơ, nếu chế độ quan sát đang được sử dụng là quan sát từ Trên xuống, thì chế độ quan sát Rộng sẽ được chọn vào lần tiếp theo khi bạn đặt chế độ nguồn ở BẬT và sang số R.
- Nếu bạn đang sử dụng chế độ quan sát từ Trên xuống và trong hơn 10 giây sau khi bạn ra khỏi số R, thì chế độ quan sát Rộng sẽ được chọn vào lần tiếp theo khi bạn sang số R.
- Nếu bạn đang sử dụng chế độ quan sát từ Trên xuống và sang số R trong vòng 10 giây sau khi bạn sang số khỏi R, chế độ quan sát từ Trên xuống sẽ được chọn.

Camera Lùi Đa Hướng Ở Xe Bạn

Nếu hình ảnh phía sau xe không hiển thị trên màn hình âm thanh/thông tin trong khi cần số ở R, hệ thống có sự cố. Hãy đưa ngay xe đến đại lý để kiểm tra.

Thông Tin Nhiên Liệu

■ **Nhiên liệu khuyên dùng**

Loại xe có hộp số vô cấp

Xăng không chì, chỉ số Octan 91 trở lên

Sử dụng xăng có chỉ số Octan thấp hơn có thể gây ra tiếng gõ kim loại lớn làm hỏng động cơ.

Loại xe số sàn

Loại xe Australia, New Zealand, Malaysia, Philippin, Việt Nam, Indonesia

Xăng không chì cao cấp, chỉ số Octan 95 trở lên

Sử dụng xăng có chỉ số Octan thấp hơn thỉnh thoảng sẽ gây ra tiếng gõ kim loại trong động cơ dẫn đến làm giảm hiệu suất động cơ.
Sử dụng xăng có chỉ số Octan thấp hơn 91 có thể làm hỏng động cơ.

Loại xe Hồng Kông và Ma Cao

Xăng không chì cao cấp, chỉ số Octan 95 trở lên

Sử dụng xăng có chỉ số Octan thấp hơn thỉnh thoảng sẽ gây ra tiếng gõ kim loại trong động cơ dẫn đến làm giảm hiệu suất động cơ.
Bạn nên sử dụng xăng có chỉ số Octan 98 trở lên để tối đa hóa hiệu suất của động cơ.
Sử dụng xăng có chỉ số Octan thấp hơn 91 có thể làm hỏng động cơ.

Loại xe Thái Lan

Xăng không chì cao cấp/pha cồn lên đến E10 (90% xăng và 10% ethanol), chỉ số Octan 95 trở lên

Sử dụng xăng có chỉ số Octan thấp hơn có thể gây ra tiếng gõ kim loại và làm giảm hiệu suất động cơ.
Sử dụng xăng có chỉ số Octan thấp hơn 90 có thể làm hỏng động cơ.

■ **Dung tích bình nhiên liệu: 47 L**

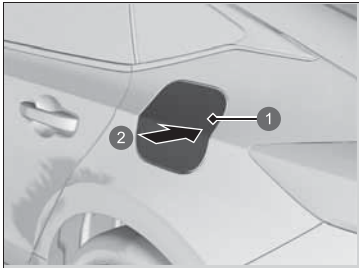
Thông Tin Nhiên Liệu

CHÚ Ý

Sử dụng xăng có chì có thể dẫn đến những nguy hại sau:

- Làm hỏng hệ thống xả bao gồm bộ trung hòa khí xả
- Làm hỏng động cơ và hệ thống nhiên liệu
- Ảnh hưởng đến động cơ và các hệ thống khác

Cách Nạp Nhiên Liệu



1 Cửa nạp nhiên liệu
2 Ấn



1 Nắp

1. Dừng xe ở trạm xăng sao cho máy bơm xăng ở phía sau, bên trái của xe.
2. Tắt động cơ.
3. Mở khóa cửa người lái.
► Cửa nạp nhiên liệu ở bên ngoài xe sẽ mở khóa.
4. Ấn và thả theo hình mũi tên để nhả cửa nạp nhiên liệu. Bạn sẽ nghe thấy tiếng tách và nắp sẽ mở nhẹ.
5. Kéo cửa nạp nhiên liệu đến vị trí mở hết cỡ.
6. Từ từ xoay nắp bình nhiên liệu. Nếu nghe thấy tiếng hơi xì ra, đợi đến khi không còn tiếng xì, xoay núm từ từ để mở nắp bình nhiên liệu.

Cách Nạp Nhiên Liệu

⚠CẢNH BÁO

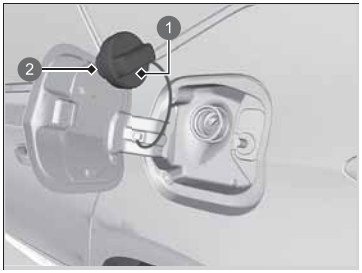
Xăng có khả năng cháy và nổ rất cao. Bạn có thể bị bỏng hoặc bị trọng thương khi xử lý nhiên liệu.

- Dừng động cơ và để xe tránh xa nhiệt, các tia lửa, và ngọn lửa.
- Chỉ xử lý nhiên liệu ở ngoài trời.
- Lau sạch ngay vết xăng tràn ra.

Dùng vấu khóa hoặc công tắc khóa cửa chính để mở khóa cửa nạp nhiên liệu.
Các cửa xe và cửa nạp nhiên liệu sẽ tự động khóa lại nếu sử dụng chức năng mở khóa từ xa. Có thể tắt chức năng này bằng cách mở và đóng nhanh cửa người lái.

Vòi bơm nhiên liệu tự động ngắt để lại khoảng trống trong bình nhiên liệu đề phòng trường hợp nhiên liệu nở ra do thay đổi nhiệt độ.

Không nạp thêm nhiên liệu sau khi vòi bơm đã tự động dừng. Nhiên liệu nạp thêm có thể vượt quá dung tích bình nhiên liệu.



❶ Nắp
❷ Giá Đỡ

7. Đặt nắp bình nhiên liệu vào giá đỡ.
8. Đưa vòi bơm nhiên liệu vào.
► Khi bình nhiên liệu đầy, vòi phun sẽ tự động ngắt để để lại khoảng trống trong bình phòng khi nhiên liệu nở ra do thay đổi nhiệt độ.
9. Sau khi đổ đầy, đạy nắp bình nhiên liệu, siết chặt nắp đến khi nghe thấy ít nhất một tiếng tách.
► Dùng tay đóng cửa nạp nhiên liệu.

Cải Thiện Tiết Kiệm Nhiên Liệu và Giảm Khí Thải CO_2

Việc tiết kiệm nhiên liệu và giảm khí thải CO_2 phụ thuộc vào một số điều kiện như điều kiện lái xe, tải trọng, thời gian chạy không tải, thói quen lái xe và tình trạng xe. Tùy theo các điều kiện này và một số điều kiện khác, có thể bạn không thể đạt được tiết kiệm nhiên liệu định mức cho xe.

Bảo Dưỡng và Tiết Kiệm Nhiên Liệu

Bạn có thể tối ưu hóa tiết kiệm nhiên liệu nếu bảo dưỡng xe đúng cách.
Làm theo lịch bảo dưỡng* trong sổ bảo hành kèm theo xe.

Lịch Bảo Dưỡng Tr. 602

- Sử dụng dầu động cơ có độ nhớt phù hợp.
  Dầu Động Cơ Khuyên Dùng Tr. 610, 611
- Duy trì áp suất lốp theo quy định.
- Không được tải quá trọng lượng cho phép.
- Vệ sinh xe sạch sẽ. Tuyết hoặc bùn tích tụ dưới gầm xe sẽ làm tăng trọng lượng và sức cản gió cho xe.

Tiết Kiệm Nhiên Liệu và Giảm Khí Thải CO_2

Tính toán trực tiếp là cách tính được khuyến nghị để xác định lượng nhiên liệu tiêu thụ thực tế khi lái xe.

100	×	Lít nhiên liệu	÷	Kilomet đi được	=	Lít trên 100 km
Kilomet đi được	÷	Lít nhiên liệu	=	Kilomet trên Lít		

MỨC TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM CHỨNG NHẬN

Nhãn hiệu: HONDA

Nhà sản xuất/Nhập khẩu: CÔNG TY HONDA VIỆT NAM

Loại nhiên liệu: XĂNG

Chu trình thử: QCVN 109:2021/BGTVT và sửa đổi 01:2023 QCVN 109:2021/BGTVT

Số loại	Chu trình tổ hợp	Chu trình đô thị cơ bản	Chu trình đô thị phụ
CIVIC TYPE-R (FL574SE)	**9,2**	**12,57**	**7,24**
Đơn vị: Lít/100km			
Ghi chú: Mức tiêu thụ nhiên liệu thực tế có thể thay đổi do điều kiện sử dụng, kỹ năng lái xe và tình trạng bảo dưỡng kỹ thuật của xe.			

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Lưu Ý Khi Xử Lý

Tu-bô tăng áp là thiết bị có độ chính xác cao. Thiết bị sử dụng tua-bin được điều khiển bởi áp suất khí xả của động cơ để cung cấp một lượng lớn khí nén vào động cơ nhằm đạt được công suất lớn hơn.

- Khi động cơ nguội ngay sau khi khởi động, tránh tăng tốc động cơ hoặc tăng ga đột ngột.

- Luôn thay dầu động cơ và lọc dầu động cơ theo lịch bảo dưỡng Giám Sát Dầu. Tua-bin quay ở tốc độ rất cao, trên 100.000 vòng/phút và nhiệt độ tua-bin trên 700°C. Tua-bin được bôi trơn và làm mát bằng dầu động cơ. Nếu bạn không thay dầu động cơ và lọc dầu theo quãng đường hoặc thời gian trên lịch bảo dưỡng, dầu động cơ đã bị nhiễm bẩn có thể gây ra sự cố như làm kẹt hoặc có tiếng ồn bất thường ở vòng bi tua-bin.

Xe Có Động Cơ Tăng Áp

Lịch bảo dưỡng để thay dầu động cơ và lọc dầu hiển thị trên màn hình giao diện thông tin cho người lái. Hãy tuân theo lịch bảo dưỡng này.

➡ **Hệ Thống Giám Sát Dầu** Tr. 593
➡ **Dầu Động Cơ Khuyên Dùng** Tr. 610, 611

Loại xe có đồng hồ đo loại A

Thông báo **Engine temperature too hot. Do not drive. Allow engine to cool.** (Nhiệt độ động cơ quá nóng. Không nên lái xe. Để động cơ nguội.) hoặc **Engine temperature near limit. Avoid strong acceleration and high speed.** (Nhiệt độ động cơ gần mức giới hạn. Tránh tăng tốc mạnh và tốc độ cao.) có thể xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái khi bạn khởi động lại động cơ sau khi lái xe ở điều kiện tải cao như đi với tốc độ cao hoặc ở địa hình đồi núi. Điều này là bình thường. Thông báo sẽ tắt sau khi bạn cho xe chạy không tải hoặc lái xe trong khoảng một phút.

Loại xe có đồng hồ đo loại B

Vạch báo trên đồng hồ đo nhiệt độ sẽ ở mức cao hơn khi bạn khởi động lại động cơ sau khi lái xe ở điều kiện tải cao như tốc độ cao hoặc ở địa hình đồi núi. Điều này là bình thường. Vạch báo trên đồng hồ đo sẽ ở mức thấp hơn sau khi bạn cho xe chạy không tải hoặc lái xe trong khoảng một phút.

Bảo Dưỡng

Chương này đề cập đến quy trình bảo dưỡng cơ bản.



Trước Khi Thực Hiện Bảo Dưỡng
Kiểm Tra và Bảo Dưỡng 590
An Toàn Khi Thực Hiện Bảo Dưỡng 591
Phụ Tùng và Dung Dịch Dùng trong Bảo Dưỡng 592
Hệ Thống Giám Sát Dầu 593
Lịch Bảo Dưỡng 602
Bảo Dưỡng Dưới Nắp Ca-pô
Mục Bảo Dưỡng Dưới Nắp Ca-pô 606
Mở Nắp Ca-pô 608
Dầu Động Cơ Khuyên Dùng 611
Kiểm Tra Dầu 613
Bổ Sung Dầu Động Cơ 615
Nước Làm Mát Động Cơ 616
Dầu Hộp Số 620
Dầu Phanh/Ly Hợp* 621
Bổ Sung Nước Rửa Kính 623
Lọc Dầu 624
Thay Bóng Đèn 625
Kiểm Tra và Thay Lưỡi Gạt Nước 633
Kiểm Tra và Thay Lốp
Kiểm Tra Lốp 636
Vạch Báo Độ Mòn Lốp 637
Tuổi Thọ Lốp 638
Thay Lốp và Bánh Xe 638
Đảo Lốp 639
Thiết Bị Bám Đường Tuyết 640
Ắc Quy
Kiểm Tra Ắc Quy 642
Nạp Ắc Quy 643
Bảo Dưỡng Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa
Thay Pin Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa 645
Bảo Dưỡng Hệ Thống Điều Khiển Nhiệt Độ
Lọc Gió Điều Hòa 649
Vệ Sinh
Vệ Sinh Nội Thất 651
Vệ Sinh Ngoại Thất 654
Phụ Kiện và Điều Chỉnh 658

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Kiểm Tra và Bảo Dưỡng

Để đảm bảo an toàn, hãy thực hiện tất cả các quy trình kiểm tra và bảo dưỡng đã được liệt kê để xe luôn trong tình trạng tốt. Nếu phát hiện ra bất kỳ sự cố nào (có tiếng ồn, có mùi, thiếu dầu phanh, có cặn dầu trên đất, v.v.), hãy đưa xe đến đến đại lý để kiểm tra. Tham khảo Sổ Bảo Dưỡng* kèm theo xe/lịch bảo dưỡng trong tài liệu hướng dẫn sử dụng này để biết thêm thông tin chi tiết về quy trình kiểm tra và bảo dưỡng.

➔ **Lịch Bảo Dưỡng** Tr. 602

■ Phân Loại Kiểm Tra và Bảo Dưỡng

■ Kiểm tra hàng ngày

Thực hiện kiểm tra trước các chuyến đi xa, khi rửa xe, hoặc khi nạp nhiên liệu.

■ Kiểm tra định kỳ

- Kiểm tra mức dầu phanh/dầu ly hợp* hàng tháng.
  ➔ **Dầu Phanh/Ly Hợp*** Tr. 621
- Kiểm tra áp suất lốp hàng tháng. Kiểm tra xem gân lốp có bị mòn và dính bất kỳ vật gì không.
  ➔ **Kiểm Tra và Thay Lốp** Tr. 636
- Kiểm tra các đèn ngoài xe hàng tháng.
  ➔ **Thay Bóng Đèn** Tr. 625
- Kiểm tra tình trạng của các lưỡi gạt nước ít nhất sáu tháng một lần.
  ➔ **Kiểm Tra và Thay Lưỡi Gạt Nước** Tr. 633

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

An Toàn Khi Thực Hiện Bảo Dưỡng

Phần này đề cập đến một số biện pháp an toàn quan trọng nhất khi bảo dưỡng. Tuy nhiên, chúng tôi không thể cảnh báo cho bạn tất cả các nguy hiểm có thể xảy ra trong quá trình bảo dưỡng. Chỉ bạn mới có thể quyết định có nên thực hiện các công việc bảo dưỡng cụ thể hay không.

An Toàn Khi Bảo Dưỡng

- Để giảm khả năng cháy nổ, hãy để ắc quy và tất cả các bộ phận liên quan đến nhiên liệu tránh xa thuốc lá, các tia lửa và ngọn lửa.
- Không để vải vụn, giẻ lau, hoặc các vật dễ cháy dưới nắp ca-pô.
  ▶ Nhiệt nóng từ động cơ và khí xả có thể bắt lửa gây cháy.
- Để làm sạch các phụ tùng, hãy dùng bình xịt hoặc dung dịch vệ sinh phụ tùng, không dùng xăng.
- Đeo kính và mặc quần áo bảo hộ khi làm việc với ắc quy hoặc khí nén.
- Khí xả động cơ có chứa CO2 rất độc hại và có thể gây chết người.
  ▶ Chỉ vận hành động cơ ở khu vực có thông gió tốt.

An Toàn Cho Xe

- Phải dừng xe.
  ▶ Đảm bảo đỗ xe nơi bằng phẳng, gài phanh đỗ và tắt động cơ.
- Hãy cẩn thận với các bộ phận còn nóng có thể gây bỏng.
  ▶ Đảm bảo để động cơ và hệ thống xả nguội hoàn toàn trước khi chạm vào các bộ phận trên xe.
- Lưu ý rằng các bộ phận di chuyển trên xe có thể khiến bạn bị thương.
  ▶ Không khởi động động cơ trừ khi được chỉ dẫn và không chạm tay vào các bộ phận đang di chuyển.
  ▶ Không mở nắp ca-pô trong khi chức năng Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời* hoạt động.

An Toàn Khi Thực Hiện Bảo Dưỡng

⚠CẢNH BÁO

Bảo dưỡng xe không đúng cách hoặc không xử lý sự cố xe trước khi lái có thể gây ra va chạm khiến bạn bị trọng thương hoặc tử vong.

Luôn làm theo các khuyến nghị và lịch kiểm tra, bảo dưỡng trong cuốn tài liệu hướng dẫn sử dụng/Sổ Bảo Dưỡng* này.

⚠CẢNH BÁO

Không thực hiện đúng theo các chỉ dẫn và lưu ý bảo dưỡng có thể làm bạn bị trọng thương hoặc tử vong.

Luôn làm theo các quy trình và lưu ý trong cuốn tài liệu hướng dẫn sử dụng này.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Phụ Tùng và Các Dung Dịch Dùng trong Bảo Dưỡng

Hãy sử dụng các phụ tùng và các loại dung dịch chính hiệu Honda khi bảo dưỡng và bảo trì xe. Các phụ tùng chính hiệu Honda được sản xuất theo các tiêu chuẩn chung chất lượng cao và được sử dụng riêng cho xe của Honda.

Phụ Tùng và Dung Dịch Dùng trong Bảo Dưỡng

Loại động cơ 2.0 L

Không ấn mạnh nắp động cơ để tránh làm hỏng nắp động cơ và các bộ phận thành phần.

Hệ Thống Giám Sát Dầu

Thông tin cảnh báo sẽ xuất hiện để nhắc bạn khi cần thay dầu động cơ, hoặc khi cần đưa xe đến đại lý để bảo dưỡng theo lịch.

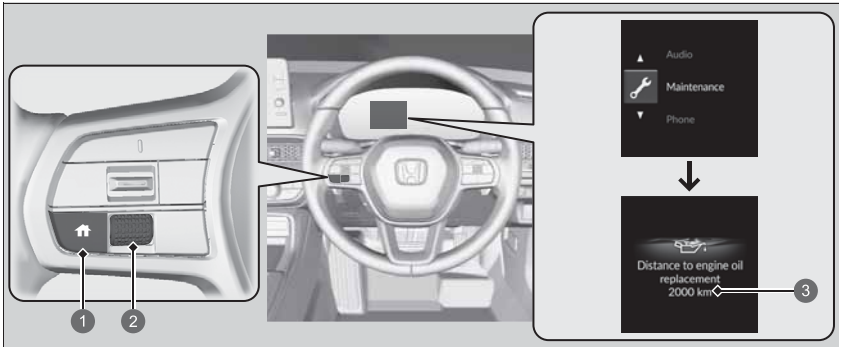
Loại xe có đồng hồ đo loại A

Hiển Thị Thông Tin Hệ Thống Giám Sát Dầu

Các mục bảo dưỡng sắp đến hạn cùng với tuổi thọ dầu còn lại được ước tính sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.
Bạn có thể nhìn thấy các thông tin này trên màn hình thông tin hệ thống giám sát dầu bất cứ lúc nào.

1. Đặt chế độ nguồn ở BẬT.
2. Ấn nút (màn hình chính).
3. Cuộn vòng lựa chọn bên trái cho đến khi xuất hiện.
4. Ấn vòng lựa chọn bên trái để chuyển đến màn hình thông tin hệ thống giám sát dầu. Tuổi thọ dầu động cơ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

Đèn báo thông báo hệ thống (ⓘ) sáng suốt trên bảng điều khiển khi xe đến thời hạn bảo dưỡng. Hãy đưa ngay xe đến đại lý để thực hiện bảo dưỡng.



❶ Nút (màn hình chính)
❷ Vòng Lựa Chọn Bên Trái
❸ Khoảng cách còn đi được cho đến lần bảo dưỡng dầu động cơ tiếp theo

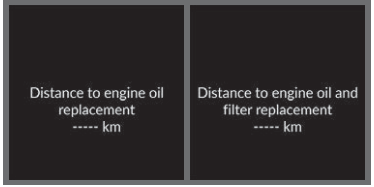
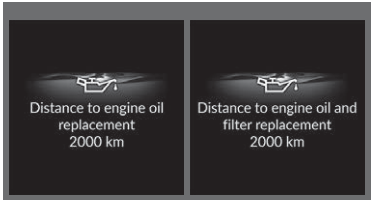
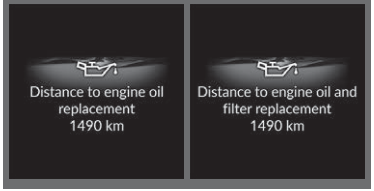
Hiển Thị Thông Tin Hệ Thống Giám Sát Dầu

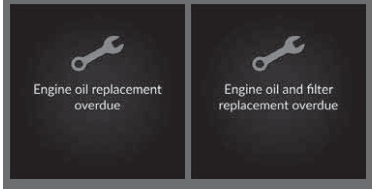
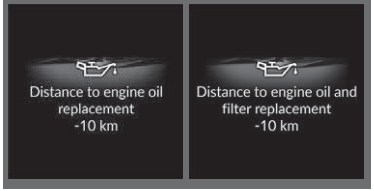
Dựa vào điều kiện hoạt động của động cơ và dầu động cơ, quãng đường xe còn đi được cho đến lần bảo dưỡng tiếp theo sẽ được tính toán và hiển thị.

Tùy theo điều kiện lái, quãng đường thực tế có thể ngắn hơn quãng đường được hiển thị.

Không nên phụ thuộc vào thông tin hệ thống giám sát dầu, hãy thực hiện bảo dưỡng sau 1 năm kể từ lần thay dầu gần đây nhất.

Thông Tin Hệ Thống Giám Sát Dầu trên Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái

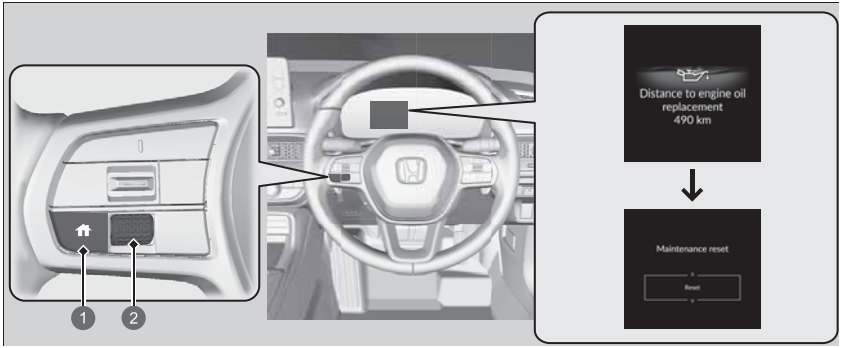
Thông Tin Cảnh Báo	Màn Hình Tuổi Thọ Dầu	Thông Tin
Bình Thường		Khi bạn thiết lập lại quãng đường còn đi được sau khi thay dầu, một dãy dấu chấm sẽ xuất hiện trên màn hình tuổi thọ dầu. Những dấu chấm này sẽ vẫn hiển thị cho đến khi hệ thống xác định được quãng đường xe còn đi được cho đến lần thay dầu tiếp theo, hoặc lần thay dầu và lọc dầu tiếp theo dựa vào các điều kiện lái.
—		Khi bạn chọn màn hình thông tin hệ thống giám sát dầu, trên màn hình sẽ hiển thị tuổi thọ dầu động cơ còn lại hoặc tuổi thọ dầu động cơ và lọc dầu còn lại.
Sắp Đến Hạn Bảo Dưỡng 		Dầu động cơ hoặc lọc dầu và dầu động cơ sắp đến hạn.

Thông Tin Cảnh Báo	Màn Hình Tuổi Thọ Dầu	Thông Tin
Đến Hạn Bảo Dưỡng 		Dầu động cơ hoặc dầu động cơ và lọc dầu đã đến hạn bảo dưỡng. Phải kiểm tra và bảo dưỡng càng sớm càng tốt.
Quá Hạn Bảo Dưỡng 		Dầu động cơ hoặc lọc dầu động cơ và dầu động cơ đã quá hạn bảo dưỡng. Phải kiểm tra và bảo dưỡng ngay lập tức.

Thiết Lập Lại Màn Hình

Thiết lập lại thông tin hệ thống giám sát dầu sau khi bạn thực hiện bảo dưỡng.

1. Đặt chế độ nguồn ở BẬT.
2. Ấn nút (màn hình chính).
3. Cuộn vòng lựa chọn bên trái đến khi xuất hiện.
4. Ấn vòng lựa chọn bên trái để chuyển sang màn hình thông tin hệ thống giám sát dầu.
5. Ấn và giữ vòng lựa chọn bên trái khoảng 10 giây để vào chế độ thiết lập lại.
6. Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chọn **Reset** (Bạn cũng có thể chọn **Cancel** để kết thúc quy trình).
7. Ấn vòng lựa chọn bên trái để thiết lập lại mục đã chọn.
   ▶ Khi màn hình thông tin hệ thống giám sát dầu được thiết lập lại, tuổi thọ dầu động cơ được cài đặt lại là ----- km.



❶ Nút (màn hình chính)
❷ Vòng Lựa Chọn Bên Trái

Thiết Lập Lại Màn Hình

CHÚ Ý

Không thiết lập lại tuổi thọ dầu động cơ sau khi bảo dưỡng sẽ làm hệ thống hiển thị sai thời gian bảo dưỡng và có thể dẫn đến sự cố cơ học nghiêm trọng.

Bạn cũng có thể cài đặt lại màn hình thông tin hệ thống giám sát dầu bằng màn hình âm thanh/ thông tin.

Tính Năng Tùy Chọn Tr. 313

Đại lý sẽ thiết lập lại màn hình tuổi thọ dầu động cơ sau khi hoàn thành bảo dưỡng. Nếu đại lý không thực hiện bảo dưỡng, bạn hãy tự thiết lập lại màn hình tuổi thọ dầu động cơ.

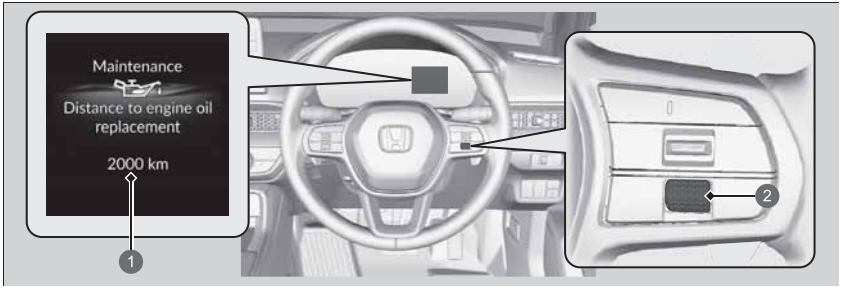
Loại xe có đồng hồ đo loại B

Hiển Thị Thông Tin Hệ Thống Giám Sát Dầu

Các mục bảo dưỡng sắp đến hạn cùng với tuổi thọ dầu còn lại được ước tính sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.
Bạn có thể nhìn thấy các thông tin này trên màn hình thông tin hệ thống giám sát dầu bất cứ lúc nào.

1. Đặt chế độ nguồn ở BẬT.
2. Cuộn vòng lựa chọn bên phải cho tới khi màn hình thông tin hệ thống giám sát dầu xuất hiện. Tuổi thọ dầu động cơ hiển thị trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

Đèn báo thông báo hệ thống ((i)) sáng suốt trên bảng điều khiển khi xe đến thời hạn bảo dưỡng. Hãy đưa ngay xe đến đại lý để thực hiện bảo dưỡng.



❶ Khoảng cách còn đi được cho đến lần thay dầu động cơ tiếp theo
❷ Vòng Lựa Chọn Bên Phải

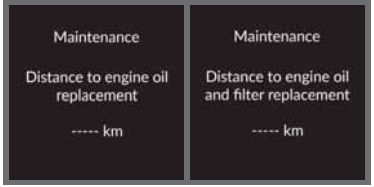
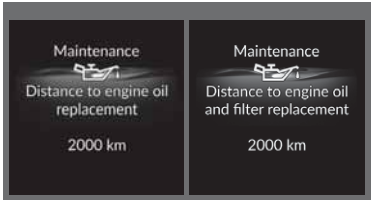
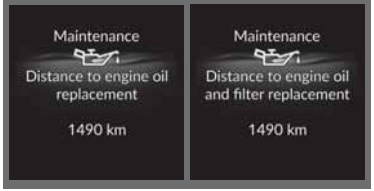
Hiển Thị Thông Tin Hệ Thống Giám Sát Dầu

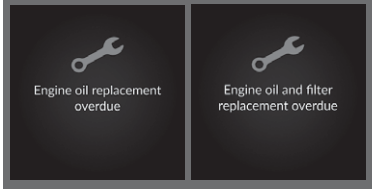
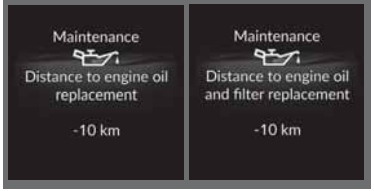
Dựa vào điều kiện vận hành của động cơ và dầu động cơ, khoảng cách còn đi được cho tới lần bảo dưỡng tiếp theo sẽ được tính toán và hiển thị.

Tùy theo điều kiện lái, quãng đường di chuyển thực tế có thể ngắn hơn quãng đường được hiển thị.

Không nên phụ thuộc vào thông tin hệ thống giám sát dầu, hãy thực hiện bảo dưỡng sau 1 năm kể từ lần thay dầu gần đây nhất.

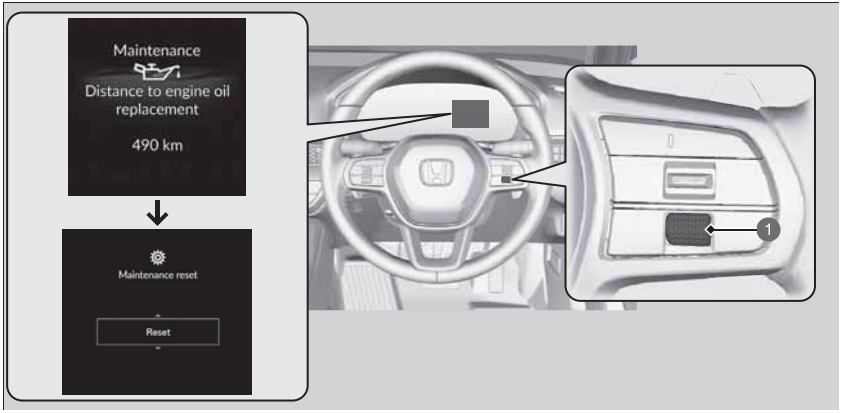
Thông Tin Hệ Thống Giám Sát Dầu trên Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái

Thông Tin Cảnh Báo	Màn Hình Tuổi Thọ Dầu	Thông Tin
Bình Thường		Khi bạn thiết lập lại quãng đường còn đi được sau khi thay dầu, một dãy dấu chấm sẽ xuất hiện trên màn hình tuổi thọ dầu. Những dấu chấm này sẽ vẫn hiển thị cho đến khi hệ thống xác định được quãng đường xe còn đi được cho đến lần thay dầu tiếp theo, hoặc lần thay dầu và lọc dầu tiếp theo dựa vào các điều kiện lái.
—		Khi bạn chọn màn hình thông tin hệ thống giám sát dầu, trên màn hình sẽ hiển thị tuổi thọ dầu động cơ còn lại hoặc tuổi thọ dầu động cơ và lọc dầu còn lại.
Sắp Đến Hạn Bảo Dưỡng 		Dầu động cơ hoặc dầu động cơ và lọc dầu đã đến hạn bảo dưỡng.

Thông Tin Cảnh Báo	Màn Hình Tuổi Thọ Dầu	Thông Tin
Đến Hạn Bảo Dưỡng 		Dầu động cơ hoặc dầu động cơ và lọc dầu đã đến hạn bảo dưỡng. Phải kiểm tra và bảo dưỡng càng sớm càng tốt.
Quá Hạn Bảo Dưỡng 		Dầu động cơ hoặc lọc dầu động cơ và dầu động cơ đã quá hạn bảo dưỡng. Phải kiểm tra và bảo dưỡng ngay lập tức.

Thiết Lập Lại Màn Hình

1. Đặt chế độ nguồn ở BẬT.
2. Cuộn vòng lựa chọn bên phải cho tới khi màn hình thông tin hệ thống giám sát dầu xuất hiện.
3. Ấn và giữ vòng lựa chọn bên phải khoảng 10 giây để vào chế độ thiết lập lại.
4. Cuộn vòng lựa chọn bên phải để chọn Reset (Bạn cũng có thể chọn Cancel để kết thúc quy trình).
5. Ấn vòng lựa chọn bên phải để thiết lập lại mục đã chọn.
   ▶ Khi màn hình thông tin hệ thống giám sát dầu được thiết lập lại, tuổi thọ dầu động cơ được cài đặt lại là ----- km.



❶ Vòng Lựa Chọn Bên Phải

Thiết Lập Lại Màn Hình

CHÚ Ý

Không thiết lập lại tuổi thọ dầu động cơ sau khi bảo dưỡng sẽ làm hệ thống hiển thị sai thời gian bảo dưỡng và có thể dẫn đến sự cố cơ học nghiêm trọng.

Bạn cũng có thể cài đặt lại màn hình thông tin hệ thống giám sát dầu bằng màn hình âm thanh/ thông tin.

Tính Năng Tùy Chọn Tr. 313

Đại lý sẽ thiết lập lại màn hình tuổi thọ dầu động cơ sau khi hoàn thành bảo dưỡng. Nếu đại lý không thực hiện bảo dưỡng, bạn hãy tự thiết lập lại màn hình tuổi thọ dầu động cơ.

Lịch Bảo Dưỡng

Nếu xe bạn có sổ bảo dưỡng, thì lịch bảo dưỡng cho xe đã có sẵn trong sổ. Đối với xe không có sổ bảo dưỡng, hãy tham khảo lịch bảo dưỡng dưới đây.

Lịch bảo dưỡng tóm tắt quy trình bảo dưỡng cần thiết tối thiểu cần thực hiện để đảm bảo xe không gặp sự cố khi hoạt động. Do sự khác nhau về khí hậu và vùng miền, cần bổ sung vài quy trình bảo dưỡng. Hãy tham khảo sổ bảo hành để biết thêm thông tin chi tiết.

Công việc bảo dưỡng phải được thực hiện bởi kỹ thuật viên có tay nghề và có đầy đủ thiết bị. Đại lý ủy quyền của bạn sẽ đáp ứng tất cả các yêu cầu này.

Ngoại trừ loại xe Australia và New Zealand

Bảo dưỡng theo quãng đường hoặc thời gian - tùy theo điều kiện nào đến trước.	km X 1.000	20	40	60	80	100	120	140	160	180	200
	tháng	12	24	36	48	60	72	84	96	108	120
Thay dầu động cơ		Khi cảnh báo xuất hiện hoặc 1 năm									
Thay lọc dầu động cơ		Khi cảnh báo xuất hiện hoặc 2 năm									
Thay màng lọc gió		Sau mỗi 30.000 km									
Kiểm tra khe hở xu-páp*1		Sau mỗi 120.000 km									
Thay bu-gi		Sau mỗi 100.000 km									
Kiểm tra dây đai truyền động			•		•		•		•		•
Thay nước làm mát		Ở 200.000 km hoặc 10 năm, sau đó sau mỗi 100.000 km hoặc 5 năm									
Bổ sung dung dịch vệ sinh kim phun chính hiệu*2		Sau mỗi 10.000 km hoặc 1 năm									

* 1: Phương Pháp Cảm Nhận
Điều chỉnh xu-páp trong khi bảo dưỡng ở 120.000 km nếu phát ra tiếng ồn.

* 2: Sử dụng dung dịch vệ sinh kim phun thông thường cho các loại xe của các quốc gia sau tùy vào chất lượng nhiên liệu sử dụng. Hãy tham khảo đại lý để biết thêm thông tin chi tiết: Philippin, Việt Nam và Indonesia.

Bảo dưỡng theo quãng đường hoặc thời gian - tùy theo điều kiện nào đến trước.											
	km X 1.000	20	40	60	80	100	120	140	160	180	200
	tháng	12	24	36	48	60	72	84	96	108	120
Thay dầu hộp số	Bình Thường						•				
	Khắc Nghiệt			•			•			•	
Thay lọc gió điều hoà		•	•	•	•	•	•	•	•	•	•
Kiểm tra phanh trước và sau		Sau mỗi 10.000 km hoặc 1 năm									
Thay dầu phanh		Sau mỗi 3 năm									
Thay lọc nhiên liệu trong bình chứa[*1]	Bình Thường	Sau mỗi 140.000 km									
	Khắc Nghiệt	Sau mỗi 90.000 km[*3]									
Thay lọc nhiên liệu trong bình chứa[*2]	Bình Thường	Sau mỗi 120.000 km									
	Khắc Nghiệt	Sau mỗi 60.000 km[*3]									
Kiểm tra ngày hết hạn của lọ keo vá lốp (Nếu được trang bị)		Sau mỗi 1 năm									
Đảo lốp (Kiểm tra xẹp lốp và tình trạng lốp ít nhất mỗi tháng một lần)		Sau mỗi 10.000 km									
Kiểm tra bằng mắt các mục sau:											
Chắn bụi trục truyền động Đầu thanh nối, hộp bánh răng hệ thống lái và chắn bụi Thành phần hệ thống treo		Sau mỗi 10.000 km hoặc 1 năm									
Các ống mềm phanh và dây phanh (bao gồm ABS/VSA) Hệ thống xả Đường ống và những chỗ nối ống nhiên liệu Tất cả các mức dầu và tình trạng dầu		•	•	•	•	•	•	•	•	•	•

* 1: Ngoại trừ loại xe Indonesia
* 2: Loại xe Indonesia
* 3: Nên thay lọc nhiên liệu nếu nghi ngờ nhiên liệu đang sử dụng bị nhiễm bụi bẩn, v.v. để tránh lọc nhiên liệu nhanh bị tắc.

Điều Kiện Lái Khắc Nghiệt

Thực hiện theo Lịch bảo Dưỡng cho Điều Kiện Lái Khắc Nghiệt nếu bạn THƯỜNG XUYÊN lái xe ở một hoặc nhiều các điều kiện dưới đây:

- Lái dưới 8 km trong mỗi chuyến đi, hoặc ở nhiệt độ đóng băng, lái dưới 16 km trong mỗi chuyến đi.
- Lái khi nhiệt độ quá nóng, trên 35°C.
- Chạy không tải trong thời gian dài hoặc xe phải đi trong tình trạng dừng và đi trong thời gian dài.
- Tải nặng trên nóc xe hoặc hoặc lái xe ở vùng đồi núi.
- Lái trên đường bùn đất, bụi, hoặc băng tan.

CHÚ Ý: Nếu bạn chỉ THỈNH THOẢNG lái xe trong điều kiện “khắc nghiệt”, bạn nên thực hiện theo Lịch Bảo Dưỡng cho Điều Kiện Thường.

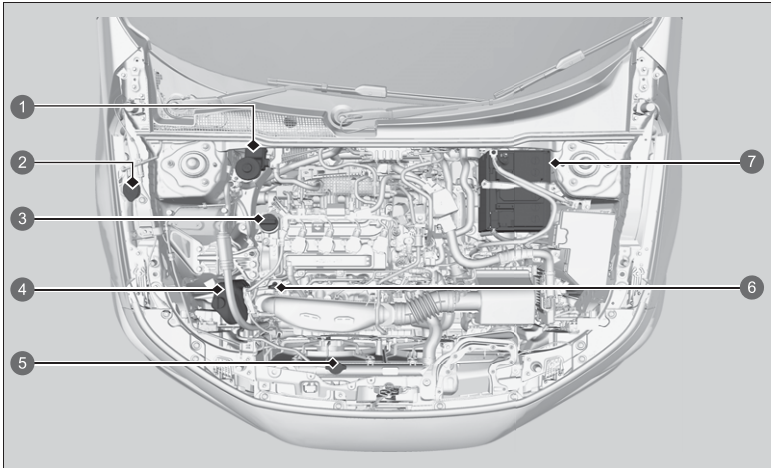
Hồ Sơ Bảo Dưỡng (Với Xe không có Sổ Bảo Dưỡng)

Yêu cầu đại lý bảo dưỡng ghi lại tất cả các dữ liệu bảo dưỡng cần thiết dưới đây. Hãy giữ lại tất cả các hóa đơn bảo dưỡng xe.

	Km hoặc Tháng	Ngày	Chữ Ký hoặc Đóng Dấu
20.000 km (hoặc 12 tháng)			
40.000 km (hoặc 24 tháng)			
60.000 km (hoặc 36 tháng)			
80.000 km (hoặc 48 tháng)			
100.000 km (hoặc 60 tháng)			
120.000 km (hoặc 72 tháng)			
140.000 km (hoặc 84 tháng)			
160.000 km (hoặc 96 tháng)			
180.000 km (hoặc 108 tháng)			
200.000 km (hoặc 120 tháng)			

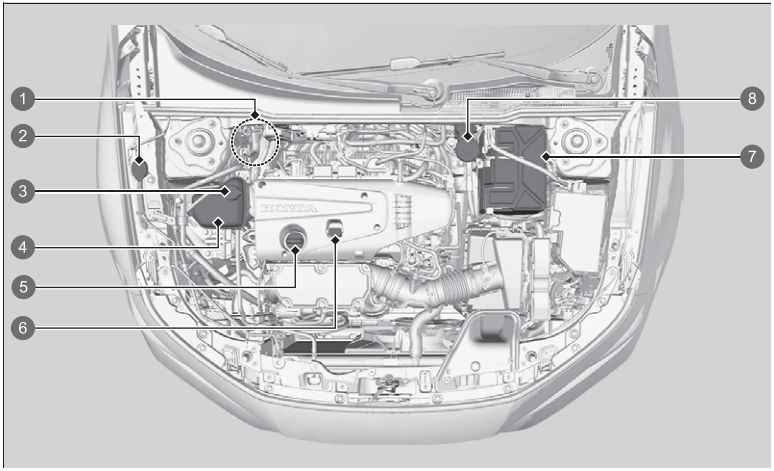
Mục Bảo Dưỡng Dưới Nắp Ca-pô

Loại động cơ 1.5 L



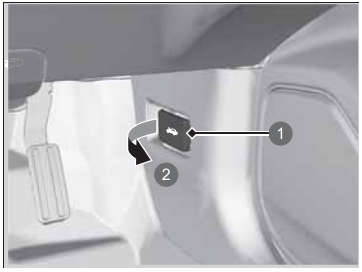
1. Dầu Phanh (Nắp Màu Đen)
2. Nước Rửa Kính (Nắp Màu Xanh Lam)
3. Nắp Đổ Dầu Động Cơ
4. Bình Chứa Nước Làm Mát Động Cơ
5. Nắp Két Nước
6. Que Thăm Dầu Động Cơ (Màu Cam)
7. Ắc Quy

Loại động cơ 2.0 L



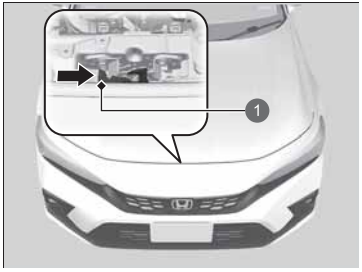
1. Dầu Phanh/Dầu Ly Hợp (Nắp Màu Đen) (Loại Vô Lăng Bên Phải)
2. Nước Rửa Kính (Nắp Màu Xanh Lam)
3. Nắp Bình Chứa Nước Làm Mát Động Cơ
4. Bình Chứa Nước Làm Mát Động Cơ
5. Nắp Đổ Dầu Động Cơ
6. Que Thăm Dầu Động Cơ (Màu Đen)
7. Ắc Quy
8. Dầu Phanh/Dầu Ly Hợp (Nắp Màu Đen) (Loại Vô Lăng Bên Trái)

Mở Nắp Ca-pô



1. Đỗ xe nơi bằng phẳng và gài phanh đỗ.
2. Kéo lẫy nhả nắp ca-pô ở bên dưới góc ngoài phía dưới bảng táp-lô phía người lái.
   ▶ Nắp ca-pô sẽ nẩy nhẹ lên.

1 Lẫy Nhả Nắp Ca-pô
2 Kéo



3. Kéo cần chốt nắp ca-pô (dưới mép trước của góc ca-pô ra giữa) sang bên và nâng nắp ca-pô. Sau khi bạn nâng nhẹ nắp ca-pô, bạn có thể thả cần ra.

1 Cần

Mở Nắp Ca-pô

⚠CẢNH BÁO

Thanh chống nắp ca-pô có thể rất nóng do nhiệt thoát ra từ động cơ.

Để không bị bỏng, không nắm vào phần kim loại của thanh chống: Hãy nắm vào tay cầm xốp.

CHÚ Ý

Không mở nắp ca-pô khi các cần gạt nước đang được nâng lên. Nắp ca-pô sẽ chạm vào cần gạt nước làm hỏng nắp ca-pô và/hoặc cần gạt nước.

Loại động cơ 2.0 L

CHÚ Ý

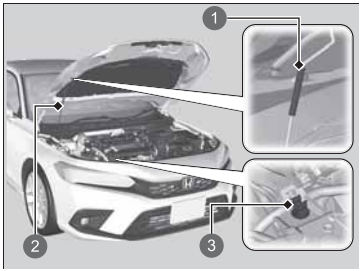
Không ấn mạnh vào vỏ động cơ để tránh làm hỏng vỏ động cơ và các bộ phận.

Khi đóng nắp ca-pô, kiểm tra xem nắp ca-pô đã được chốt chặt chưa.

Nếu cần chốt nắp ca-pô khó di chuyển, hoặc nếu có thể mở nắp ca-pô mà không cần nâng cần lên, hãy làm sạch và bôi trơn chốt.

Không mở nắp ca-pô trong khi chức năng Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời* đang hoạt động.

 * Không áp dụng cho tất cả các đời xe



❶ Tay Cầm
❷ Thanh Chống
❸ Kẹp

4. Dùng tay cầm để gạt thanh chống nắp ca-pô ra khỏi kẹp. Đặt thanh chống nắp ca-pô vào phía trong nắp ca-pô.

Khi đóng, bỏ thanh chống ra và xếp gọn vào kẹp, sau đó hạ nhẹ nắp ca-pô. Hạ nắp xuống thấp khoảng 30 cm, rồi thả tay ra để đóng nắp ca-pô.

Mở Nắp Ca-pô

Loại xe có nhãn tượng hình



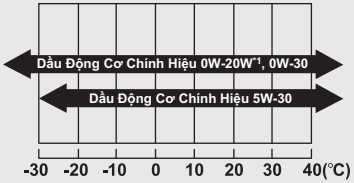
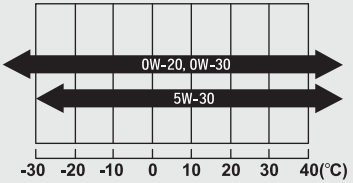
- Cầm vào tay nắm xốp.
- Thanh chống rất nóng.
- Tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng.

Loại động cơ 1.5 L

Dầu Động Cơ Khuyên Dùng

Sử dụng dầu động cơ chính hiệu hoặc các loại dầu động cơ khác có trên thị trường có độ nhớt (phù hợp đối với nhiệt độ môi trường) như hình vẽ dưới đây.

Dầu đóng vai trò quan trọng đối với hiệu suất vận hành và tuổi thọ của động cơ. Nếu lái xe với lượng dầu không đủ hoặc xuống cấp, động cơ có thể bị lỗi hoặc hỏng.

Dầu Động Cơ Chính Hiệu	Dầu Động Cơ Trên Thị Trường
• Dầu Chính Hiệu Honda Motor	• Dầu đạt API cấp SM hoặc hiệu suất nhiên liệu cấp cao hơn • ACEA A5/B5
 Nhiệt Độ Môi Trường	 Nhiệt Độ Môi Trường

* 1: Giúp cải thiện tiết kiệm nhiên liệu.

Dầu Động Cơ Khuyên Dùng

Chất Phụ Gia Dầu Động Cơ
Xe của bạn không cần dùng chất phụ gia cho dầu động cơ. Trên thực tế, chất này có thể ảnh hưởng đến hiệu suất vận hành và độ bền của động cơ.

Loại động cơ 2.0 L

Dầu Động Cơ Khuyên Dùng

Sử dụng dầu động cơ chính hiệu hoặc các loại dầu động cơ khác có trên thị trường có độ nhớt (phù hợp đối với nhiệt độ môi trường) như hình vẽ dưới đây.

Dầu đóng vai trò quan trọng đối với hiệu suất vận hành và tuổi thọ của động cơ. Nếu lái xe với lượng dầu không đủ hoặc xuống cấp, động cơ có thể bị lỗi hoặc hỏng.

Xem các vạch chỉ báo trên nắp đổ dầu động cơ trong hình minh hoạ và trên nắp đổ dầu thực tế để kiểm tra xem xe có được trang bị lọc xăng không*.

Bổ Sung Dầu Động Cơ Tr. 615

Dầu Động Cơ Khuyên Dùng

Chất Phụ Gia Dầu Động Cơ

Loại xe có lọc xăng

Bạn không thể sử dụng Chất Phụ Gia Dầu Động Cơ

Loại xe không có lọc xăng

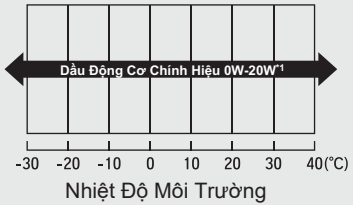
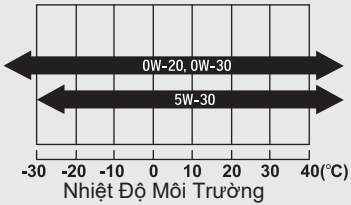
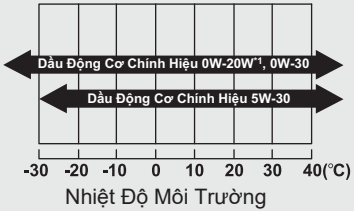
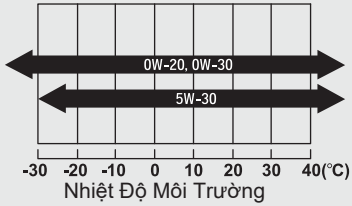
Xe của bạn không cần thêm chất phụ gia cho dầu động cơ. Thực chất, chất phụ gia có thể ảnh hưởng đến hiệu suất vận hành và độ bền của động cơ.

Con dấu dưới đây cho thấy dầu là loại tiết kiệm năng lượng và đáp ứng các yêu cầu mới nhất của Viện Dầu Mỏ Hoa Kỳ.



* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Còn nữa

Loại	Nhãn Nắp Dầu Động Cơ	Dầu Động Cơ Chính Hiệu	Dầu Động Cơ Trên Thị Trường
Có Lọc Xăng		• Dầu Chính Hiệu Honda Motor*1 	• ACEA C2/C3/C5 
Không Có Lọc Xăng		• Dầu Chính Hiệu Honda Motor*1 	• Dầu đạt API cấp SN hoặc hiệu suất nhiên liệu cấp cao hơn • Nhãn Chứng Nhận API “Starburst” • ACEA A5/B5 

* 1: Giúp cải thiện tiết kiệm nhiên liệu.

Kiểm Tra Dầu

Bạn nên kiểm tra mức dầu động cơ bất cứ khi nào nạp nhiên liệu. Đỗ xe nơi bằng phẳng.
Trước khi kiểm tra dầu, hãy đợi khoảng ba phút sau khi tắt động cơ.

Loại động cơ 1.5 L



Loại động cơ 2.0 L



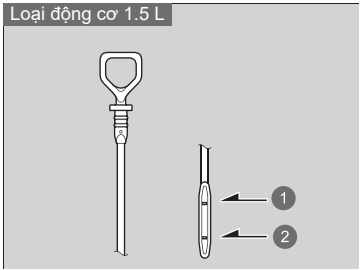
1. Rút que thăm dầu ra (màu cam hoặc màu đen).
2. Lau sạch que thăm dầu bằng khăn sạch hoặc khăn giấy.
3. Cắm que thăm dầu trở lại vị trí ban đầu, cắm hết cỡ vào đúng vị trí.
4. Rút que thăm dầu ra lần nữa và kiểm tra mức dầu. Mức dầu phải nằm giữa vạch trên và vạch dưới. Đổ thêm dầu nếu cần.

Kiểm Tra Dầu

Nếu mức dầu ở gần hoặc ở dưới vạch dưới, đổ dầu vào từ từ, cẩn thận không để tràn ra ngoài.

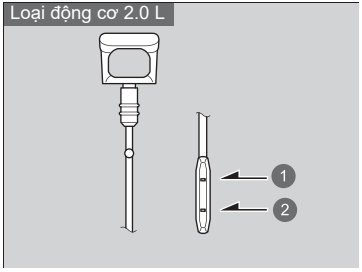
Còn nữa

Loại động cơ 1.5 L



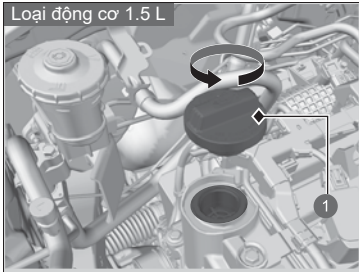
❶ Vạch Trên
❷ Vạch Dưới

Loại động cơ 2.0 L

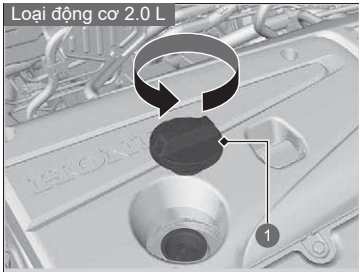


❶ Vạch Trên
❷ Vạch Dưới

Bổ Sung Dầu Động Cơ



❶ Nắp Đổ Dầu Động Cơ



❶ Nắp Đổ Dầu Động Cơ

1. Xoay và tháo nắp đổ dầu động cơ.
2. Đổ từ từ dầu vào bình.
3. Lắp lại nắp đổ dầu động cơ và siết thật chặt.
4. Đợi khoảng ba phút và kiểm tra lại que thăm dầu động cơ.

Bổ Sung Dầu Động Cơ

CHÚ Ý

Không đổ dầu động cơ quá vạch giới hạn phía trên. Dầu động cơ tràn ra có thể gây rò rỉ và hư hỏng động cơ.

Nếu bị tràn dầu, hãy lau sạch ngay lập tức. Dầu tràn ra có thể làm hỏng các bộ phận ở khoang động cơ.

Loại động cơ 1.5 L

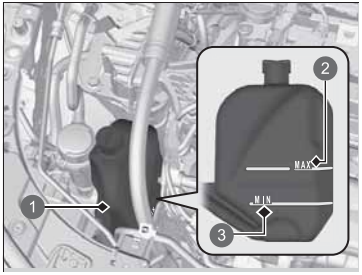
Nước Làm Mát Động Cơ

Nước làm mát quy định: Chất Chống Đông 4 Mùa/Nước Làm Mát Loại 2 của Honda

Nước làm mát là hỗn hợp của 50% chất chống đông và 50% nước. Không đổ thêm chất chống đông và nước làm mát chưa qua pha chế.

Bạn nên kiểm tra mức nước làm mát động cơ mỗi khi nạp nhiên liệu. Kiểm tra bình chứa trước. Nếu bình chứa cạn, kiểm tra cả mức nước làm mát trong két nước. Bổ sung nước làm mát động cơ sao cho phù hợp.

■ Bình Chứa



❶ Bình Chứa
❷ **TỐI ĐA**
❸ **TỐI THIỂU**

1. **Đảm bảo động cơ và két nước đều nguội.**
2. Kiểm tra lượng nước làm mát có trong bình chứa.
   ▶ Nếu mức nước làm mát dưới vạch **MIN**, hãy bổ sung nước làm mát được quy định cho đến khi đầy đến vạch **MAX**.

Nước Làm Mát Động Cơ

⚠CẢNH BÁO

Tháo nắp két nước khi động cơ còn nóng có thể làm bắn nước làm mát ra ngoài, gây bỏng nghiêm trọng.

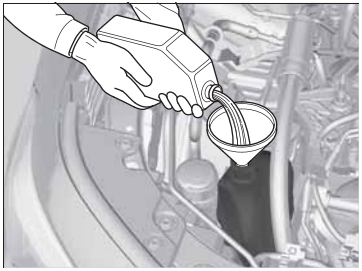
Luôn để động cơ nguội trước khi tháo nắp két nước.

CHÚ Ý

Nếu nhiệt độ thường xuyên dưới 30°C, thì nên thay đổi hỗn hợp làm mát có nồng độ đặc hơn. Liên hệ với đại lý Honda để biết chi tiết về hỗn hợp nước làm mát phù hợp.

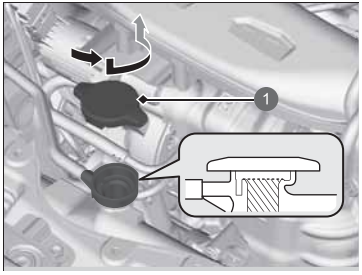
Nếu không có chất chống đông/nước làm mát của Honda, bạn có thể sử dụng nước làm mát không có silicat để thay thế tạm thời. Kiểm tra xem đó có phải là nước làm mát chất lượng cao khuyên dùng cho động cơ nhôm không. Sử dụng nước làm mát không chính hiệu Honda trong thời gian dài có thể gây ăn mòn, khiến hệ thống làm mát gặp sự cố hoặc bị lỗi. Xúc rửa hệ thống làm mát và đổ đầy chất chống đông/nước làm mát chính hiệu Honda vào hệ thống càng sớm càng tốt.

Không thêm chất chống gỉ hoặc các chất phụ gia khác vào hệ thống làm mát. Các chất này có thể không tương thích với nước làm mát hoặc với các các bộ phận của động cơ.



3. Kiểm tra xem hệ thống nước làm mát có bị rò rỉ không.

Két Nước



❶ Nắp Két Nước

1. **Đảm bảo động cơ và két nước đều nguội.**
2. Xoay nắp két nước 1/8 vòng ngược chiều kim đồng hồ và xả hết áp suất trong hệ thống làm mát.
3. Ấn nắp xuống và xoay ngược chiều kim đồng hồ để tháo nắp ra.
4. Đổ đầy nước làm mát đến chân cổ bình chứa. Nếu ở dưới mức đó, bổ sung nước làm mát.
5. Đạy nắp két nước và vặn nắp thật chặt.

Két Nước

CHÚ Ý

Từ từ đổ nước làm mát vào và cẩn thận không làm nước làm mát tràn ra. Lau sạch ngay nước làm mát tràn ra để tránh làm hỏng các bộ phận trong khoang động cơ.

Loại động cơ 2.0 L

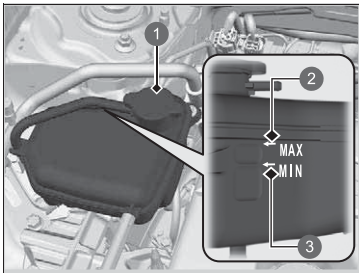
Nước Làm Mát Động Cơ

Nước làm mát quy định: Chất Chống Đông 4 Mùa/Nước Làm Mát Loại 2 của Honda

Nước làm mát là hỗn hợp của 50% chất chống đông và 50% nước. Không bổ sung chất chống đông và nước làm mát chưa qua pha chế.

Bạn nên kiểm tra mức nước làm mát động cơ mỗi khi nạp nhiên liệu. Kiểm tra bình chứa. Bổ sung nước làm mát động cơ sao cho phù hợp.

■ Kiểm Tra Nước Làm Mát



1. **Đảm bảo động cơ và két nước nguội.**
2. Kiểm tra lượng nước làm mát trong bình chứa.
   ► Nếu mức nước làm mát dưới vạch **MIN**, hãy đổ thêm nước làm mát đến vạch **MAX**.
3. Kiểm tra rò rỉ hệ thống làm mát.

❶ Bình Chứa
❷ **TỐI ĐA**
❸ **TỐI THIỂU**

Nước Làm Mát Động Cơ

⚠CẢNH BÁO

Tháo nắp két nước khi động cơ còn nóng có thể làm bắn nước làm mát ra ngoài, gây bỏng nghiêm trọng.

Luôn để động cơ và két nước nguội trước khi tháo nắp bình chứa.

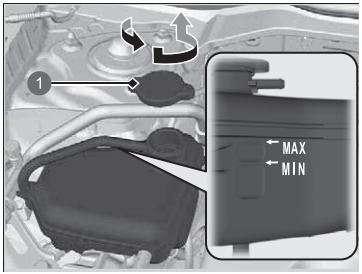
CHÚ Ý

Nếu nhiệt độ thường xuyên dưới -30°C, thì nên thay đổi hỗn hợp làm mát có nồng độ đặc hơn. Liên hệ với đại lý Honda để biết chi tiết về hỗn hợp nước làm mát phù hợp.

Nếu không có chất chống đông/nước làm mát của Honda, bạn có thể sử dụng nước làm mát không có silicat để thay thế tạm thời. Kiểm tra xem đó có phải là nước làm mát chất lượng cao khuyên dùng cho động cơ nhôm không. Sử dụng nước làm mát không chính hiệu Honda trong thời gian dài có thể gây ăn mòn, khiến hệ thống làm mát gặp sự cố hoặc bị lỗi. Xúc rửa hệ thống làm mát và đổ đầy chất chống đông/nước làm mát chính hiệu Honda vào hệ thống càng sớm càng tốt.

Không thêm chất chống gỉ hoặc các chất phụ gia khác vào hệ thống làm mát. Các chất này có thể không tương thích với nước làm mát hoặc với các các bộ phận của động cơ.

Bổ Sung Nước Làm Mát



1 Nắp Bình Chứa

1. **Đảm bảo động cơ và két nước đều nguội.**
2. Xoay nắp bình chứa 1/8 vòng ngược chiều kim đồng hồ và xả hết áp suất trong hệ thống làm mát.
3. Ấn nắp bình chứa xuống và xoay ngược chiều kim đồng hồ để tháo nắp.
4. Đổ nước làm mát vào trong bình chứa cho đến khi đầy đến vạch **MAX**.
5. Đạy nắp bình chứa và vặn nắp thật chặt.

Nắp Bình Chứa Nước Làm Mát Động Cơ



- Không mở bình chứa khi còn nóng.
- Nước làm mát nóng sẽ làm bạn bị bỏng.
- Van giảm áp bắt đầu mở ở 127 kPa.

Bổ Sung Nước Làm Mát

CHÚ Ý

Từ từ đổ nước làm mát vào và cẩn thận không làm tràn ra. Lau sạch ngay nước làm mát tràn ra để tránh làm hỏng các bộ phận trong khoang động cơ.

Dầu Hộp Số

Loại xe có hộp số vô cấp

■ Dầu Hộp Số Vô Cấp (CVT)

Dầu quy định: Honda HCF-2

Đưa xe đến đại lý để kiểm tra mức dầu và thay nếu cần thiết.
Tuân theo đúng thời gian bảo dưỡng xe khi thay dầu hộp số vô cấp.

Không tự kiểm tra hoặc thay dầu hộp số vô cấp.
➔**Lịch Bảo Dưỡng** Tr. 602

Loại xe số sàn

■ Dầu Hộp Số Thường

Dầu quy định: Honda MTF

Đưa xe đến đại lý để kiểm tra mức dầu và thay nếu cần thiết. Tuân theo đúng thời gian bảo dưỡng xe khi thay dầu hộp số thường.
➔**Lịch Bảo Dưỡng** Tr. 602

Không tự kiểm tra hoặc thay dầu hộp số thường.

Dầu Hộp Số Vô Cấp (CVT)

CHÚ Ý

Không pha dầu hộp số Honda HCF-2 với các loại dầu hộp số khác.
Sử dụng dầu hộp số không phải loại Honda HCF-2 có thể làm ảnh hưởng đến vận hành và độ bền hộp số của xe và gây hỏng hộp số.
Bất kỳ hư hỏng nào do không sử dụng loại dầu hộp số tương đương với dầu hộp số Honda HCF-2 sẽ không được hưởng chế độ bảo hành dành cho xe mới của Honda.

Dầu Hộp Số Thường

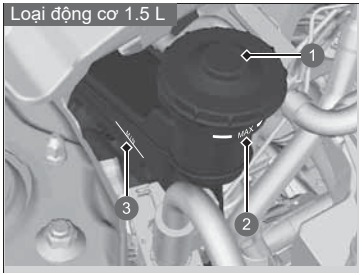
CHÚ Ý

Nếu không có sẵn dầu hộp số Honda MTF, bạn có thể sử dụng tạm thời dầu động cơ có độ nhớt SAE 0W-20 hoặc 5W-20 theo tiêu chuẩn API.
Thay bằng loại dầu MTF càng sớm càng tốt. Nếu tiếp tục sử dụng dầu động cơ không chứa chất phụ gia phù hợp cho hộp số có thể làm giảm hiệu suất sang số và làm hỏng hộp số.

Dầu Phanh/Ly Hợp*

Dầu quy định: Dầu Phanh DOT 3 hoặc DOT 4

Kiểm Tra Dầu Phanh



Mức dầu phải ở giữa vạch **MIN** và **MAX** ở sườn bình chứa.

Loại xe số sàn

Bình chứa dầu phanh cũng có thể được sử dụng để chứa dầu ly hợp của xe. Không cần kiểm tra mức dầu ly hợp miễn là bạn duy trì mức dầu phanh theo chỉ dẫn ở trên.

❶ Bình Chứa
❷ **TỐI ĐA**
❸ **TỐI THIỂU**

Dầu Phanh/Ly Hợp*

CHÚ Ý

Dầu phanh đạt DOT 5 không tương thích với hệ thống phanh của xe và có thể gây hư hỏng nghiêm trọng.

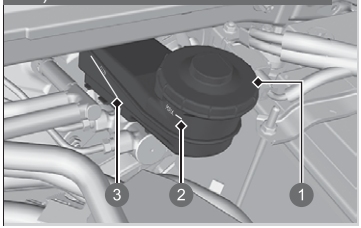
Bạn nên sử dụng sản phẩm chính hiệu.

Nếu mức dầu phanh ở hoặc dưới mức **MIN**, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra rò rỉ và mòn các má phanh càng sớm càng tốt.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

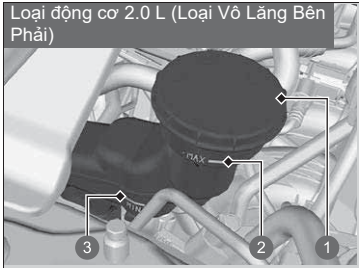
Còn nữa

Loại động cơ 2.0 L (Loại Vô Lăng Bên Trái)



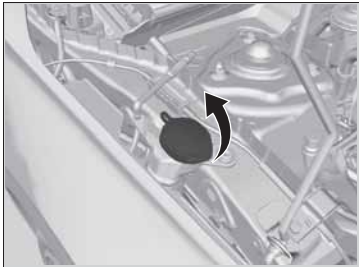
❶ Bình Chứa
❷ **TỐI ĐA**
❸ **TỐI THIỂU**

Loại động cơ 2.0 L (Loại Vô Lăng Bên Phải)



❶ Bình Chứa
❷ **TỐI ĐA**
❸ **TỐI THIỂU**

Bổ Sung Nước Rửa Kính



Kiểm tra mức nước rửa kính.

Nếu ở mức thấp, hãy đổ đầy bình chứa nước rửa kính.

Đổ cẩn thận nước rửa kính. Không để tràn ra bình chứa.

Bổ Sung Nước Rửa Kính

CHÚ Ý

Không đổ chất chống đông động cơ hoặc dung dịch giấm/nước vào bình chứa nước rửa kính chắn gió. Chất chống đông có thể làm hỏng bề mặt sơn xe. Dung dịch giấm/nước có thể làm hỏng bơm rửa kính chắn gió.
Chỉ dùng nước rửa kính chắn gió có sẵn trên thị trường.
Không sử dụng nước cứng trong thời gian dài để tránh tạo thành mảng bám.

Lọc Nhiên Liệu

Thay lọc nhiên liệu theo khuyến nghị về thời gian và quãng đường trong lịch bảo dưỡng.

Phải để kỹ thuật viên lành nghề thay lọc nhiên liệu. Nhiên liệu trong hệ thống có thể chảy ra và gây nguy hiểm nếu không nối chính xác các đường ống nhiên liệu.

Đèn Chiếu Sáng

Đèn chiếu sáng là loại đèn LED. Hãy đưa xe đến đại lý ủy quyền của Honda để kiểm tra và thay cụm đèn.

Đèn Sương Mù Trước*

Đèn sương mù trước là loại đèn LED. Hãy đến đại lý ủy quyền của Honda để kiểm tra và thay cụm đèn.

Đèn Xi Nhan Trước

Đèn xi nhan trước là loại đèn LED. Hãy đến đại lý ủy quyền của Honda để kiểm tra và thay cụm đèn.

Đèn Vị Trí/Ban Ngày

Đèn vị trí/ban ngày là loại đèn LED. Hãy đến đại lý ủy quyền của Honda để kiểm tra và thay cụm đèn.

Đèn Xi Nhan Bên/Đèn Báo Khẩn Cấp

Đèn xi nhan bên gương cửa là loại đèn LED. Hãy đến đại lý ủy quyền của Honda để kiểm tra và thay cụm đèn.

Đèn Chiếu Sáng

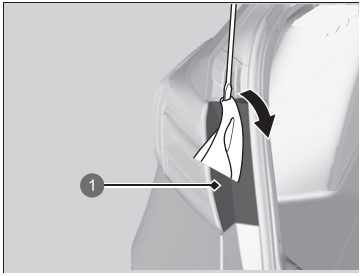
Thường thì không cần điều chỉnh hướng đèn chiếu sáng do nhà máy cài đặt. Tuy nhiên, nếu bạn thường xuyên để vật nặng trong khoang hành lý hãy để đại lý hoặc kỹ thuật viên có tay nghề cao điều chỉnh lại hướng đèn.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Bóng Đèn Phanh, Đèn Hậu và Đèn Xi Nhan Sau

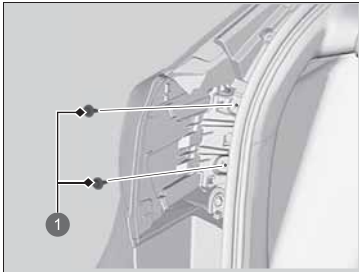
Khi thay, sử dụng các bóng đèn sau.

Đèn Phanh: Đèn LED
Đèn Hậu: Đèn LED
Đèn Xi Nhan Sau: 21 W (Màu Hổ Phách)



1. Vỏ

1. Sử dụng tua-vít đầu dẹt cạy mép vỏ để tháo vỏ.
▶ Bọc đầu tua-vít dẹt bằng một miếng vải để tránh trầy xước.

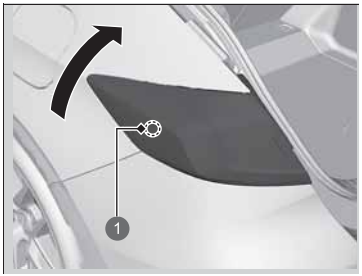


1. Bu lông

2. Tháo bu lông.

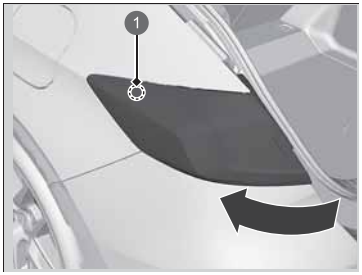
Bóng Đèn Phanh, Đèn Hậu và Đèn Xi Nhan Sau

Đèn phanh và đèn hậu là loại đèn LED. Hãy đến đại lý ủy quyền của Honda để kiểm tra và thay cụm đèn.



3. Nắm vào bên dưới đèn hậu và xoay đèn lên trên để nhả chốt tán đinh dưới.

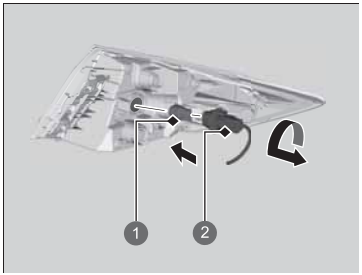
❶ Chốt Tán Đinh Dưới



4. Xoay đèn hậu ra ngoài để nhả chốt tán đinh trên.
5. Kéo cụm đèn ra khỏi trụ sau.

❶ Chốt Tán Đinh Trên

Còn nữa



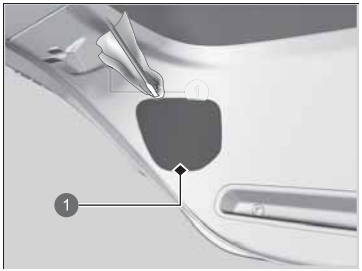
1 Bóng Đèn
2 Đui

6. Xoay đui bóng đèn ngược chiều kim đồng hồ và tháo ra.
7. Tháo bóng đèn cũ ra và lắp bóng đèn mới.
8. Căn chỉnh các chốt thẳng với các vòng đệm trên thân xe, sau đó ấn cho đến khi nó được cố định hoàn toàn.

Bóng Đèn Hậu và Đèn Lùi

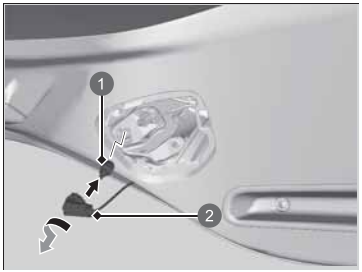
Khi thay bóng, sử dụng các bóng sau.

Đèn Hậu: Đèn LED
Đèn Lùi: 16 W



1 Vỏ

1. Dùng tua-vít đầu dẹt cạy mép để tháo vỏ.
▶ Bọc đầu tua-vít đầu dẹt bằng một miếng vải để tránh trầy xước.



1 Bóng Đèn
2 Đui

2. Xoay đui ngược chiều kim đồng hồ để tháo bóng ra.
Tháo bóng đèn cũ ra.
3. Lắp bóng đèn mới vào.

Bóng Đèn Hậu và Đèn Lùi

Đèn hậu là loại đèn LED. Hãy đưa xe đến đại lý ủy quyền của Honda để kiểm tra và thay cụm đèn.

Đèn Biển Số Sau

Đèn biển số sau là loại đèn LED. Hãy đưa xe đến đại lý ủy quyền của Honda để kiểm tra và thay cụm đèn.

Đèn Phanh Cao

Đèn phanh cao là loại đèn LED. Hãy đưa xe đến đại lý ủy quyền của Honda để kiểm tra và thay cụm đèn.

Đèn Sương Mù Sau*

Đèn sương mù sau là loại đèn LED. Hãy đưa xe đến đại lý ủy quyền của Honda để kiểm tra và thay cụm đèn.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

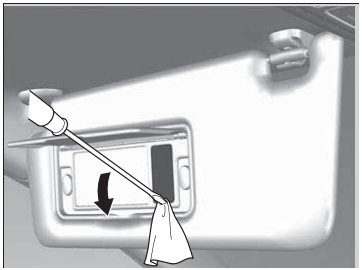
Bóng Đèn Khác

■ Bóng Đèn Gương Cá Nhân

Khi thay, sử dụng các bóng đèn sau.

Đèn Gương Cá Nhân: 2 W

1. Sử dụng tua-vít đầu dẹt cạy mép vỏ để tháo vỏ.
► Bọc đầu tua-vít dẹt bằng một miếng vải để tránh trầy xước.



2. Tháo bóng đèn cũ ra và lắp bóng đèn mới vào.



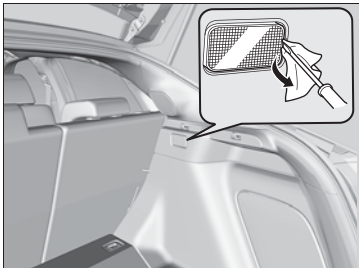
❶ Bóng Đèn

■ Bóng Đèn Khoang Hành Lý

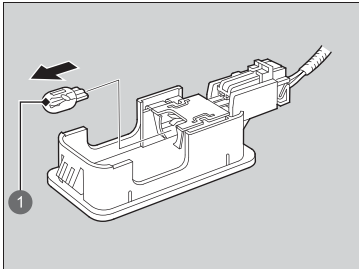
Khi thay, sử dụng các bóng đèn sau.

Đèn Khoang Hành Lý: 5 W

1. Sử dụng tua-vít đầu dẹt cạy mép vỏ để tháo vỏ.
► Bọc đầu tua-vít dẹt bằng một miếng vải để tránh trầy xước.



2. Tháo bóng đèn cũ và lắp bóng đèn mới vào.

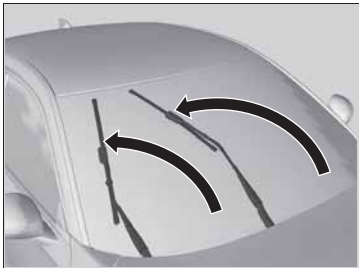


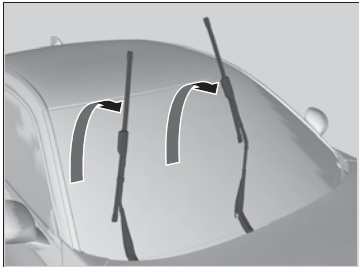
❶ Bóng Đèn

Kiểm Tra Lưỡi Gạt Nước

Nếu miếng cao su lưỡi gạt nước xuống cấp sẽ để lại các vệt bẩn, tạo ra tiếng ồn và bề mặt luỡi gạt cứng sẽ làm xước cửa kính.

Thay Lưỡi Gạt Nước Trước





1. Đặt chế độ nguồn ở BẬT sau đó ở chế độ TẮT MÁY.

2. Trong vòng 10 giây sau khi đặt chế độ, nguồn ở TẮT MÁY, giữ công tắc gạt nước ở vị trí **MIST** trong hơn hai giây.
► Cả hai cần gạt nước được đặt ở vị trí bảo dưỡng như hình vẽ.

3. Nâng cả hai cần gạt nước lên.

Thay Lưỡi Gạt Nước

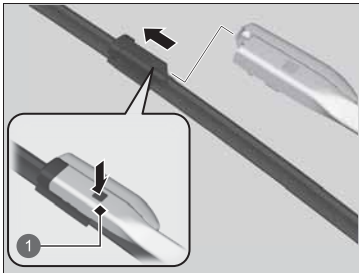
CHÚ Ý

Khi nâng cần gạt nước, luôn thực hiện theo hướng dẫn để di chuyển cần gạt nước vào vị trí bảo dưỡng.
Cần gạt nước có thể bị hỏng nếu tháo bằng tay.

CHÚ Ý

Tránh thả mạnh cần gạt nước vào kính chắn gió để tránh làm hỏng cần gạt nước và/hoặc kính chắn gió.

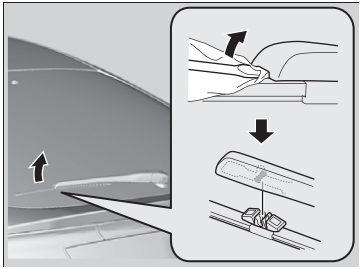
Còn nữa



1 Vấu

4. Ấn vấu khóa, sau đó trượt lưỡi gạt nước ra khỏi cần gạt nước.
5. Trượt lưỡi gạt nước mới vào cần gạt cho tới khi khớp vào đúng vị trí.
6. Hạ thấp cả hai cần gạt nước.
7. Đặt chế độ nguồn ở BẬT, sau đó đặt công tắc cần gạt nước đến vị trí **MIST** một lần.
   ► Cần gạt nước trở lại vị trí chuẩn.

Thay Lưỡi Gạt Nước Sau



1. Giữ cần gạt nước.
2. Chèn tua-vít đầu dẹt vào rãnh của cần gạt nước để tháo lưỡi gạt nước.
   ► Bọc đầu tua-vít dẹt bằng một miếng vải để tránh trầy xước.
3. Chèn lưỡi gạt nước mới và đặt cần gạt nước về đúng vị trí.

Kiểm Tra Lốp

Để vận hành xe an toàn, phải sử dụng lốp cùng chủng loại và kích cỡ, lốp ở tình trạng tốt với gân lốp phù hợp và áp suất lốp đúng tiêu chuẩn.

■ Hướng dẫn bơm lốp

Áp suất lốp phù hợp sẽ giúp việc điều khiển xe dễ dàng, thuận tiện hơn và nâng cao tuổi thọ lốp. Tham khảo nhãn dán trên thanh dọc cửa người lái để biết áp suất lốp quy định.

Lốp quá non sẽ bị mòn không đều, làm ảnh hưởng đến việc điều khiển xe, tiết kiệm nhiên liệu và lốp dễ bị hỏng hơn do quá nhiệt.

Lốp quá căng gây khó lái và dễ bị hư hỏng khi đụng phải chướng ngại vật trên đường và làm lốp bị mòn không đều.

Hàng ngày trước khi lái xe, hãy để ý từng lốp. Nếu một trong các lốp có vẻ không căng như các lốp kia, kiểm tra áp suất bằng đồng hồ đo áp suất lốp.

Ít nhất mỗi tháng một lần hoặc trước mỗi chuyến đi xa, hãy đo áp suất ở các lốp xe bao gồm cả lốp dự phòng* bằng đồng hồ đo áp suất lốp. Ngay cả khi lốp ở tình trạng tốt vẫn có thể giảm áp suất từ 10-20 kPa (0,1 đến 0,2 bar, 1-2 psi) mỗi tháng.

■ Hướng dẫn kiểm tra

Mỗi khi kiểm tra độ căng lốp, kiểm tra luôn lốp xe và thân van.
Hãy kiểm tra:

- Chỗ phình ở thành lốp hoặc trên mặt lốp. Thay lốp nếu thấy có vết cắt, vết nứt, hoặc vết rạn trên mặt lốp. Thay lốp nếu thấy lốp mòn đến lớp vải hoặc lớp thép.
- Để loại bỏ bất kỳ vật gì bám vào lốp và kiểm tra rò rỉ hơi lốp.
- Xem nếu độ mòn lốp không đều, hãy đưa xe đến đại lý để cân chỉnh bánh xe.
- Xem lốp mòn quá không.
  ➡ **Vạch Báo Độ Mòn Lốp** Tr. 637
- Các vết rạn hoặc các hư hỏng khác xung quanh thân van.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Kiểm Tra Lốp

⚠CẢNH BÁO

Sử dụng lốp xe quá mòn hoặc có áp suất không phù hợp có thể dẫn đến va chạm gây trọng thương hoặc tử vong.

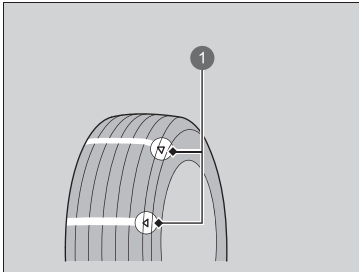
Làm theo các hướng dẫn trong tài liệu hướng dẫn sử dụng này về bơm lốp và thay lốp.

Đo áp suất lốp khi lốp nguội tức là đo khi đã đỗ xe ít nhất được ba tiếng hoặc đã đi chưa đến 1,6 km. Nếu cần, hãy bơm thêm hoặc xì bớt hơi cho đến khi đạt áp suất quy định.

Nếu kiểm tra lốp khi trời nóng, áp suất lốp có thể cao hơn 30–40 kPa (0,3–0,4 bar, 4–6 psi) so với kiểm tra khi trời lạnh.

Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra lốp xe nếu cảm nhận thấy độ rung khi lái xe. Mỗi khi thay lốp mới hoặc tháo lốp ra rồi lắp lại đều phải cân chỉnh lại bánh xe.

Vạch Báo Độ Mòn Lốp



1 Minh Họa Vạch Báo Độ Mòn Lốp

Rãnh lốp là nơi có vạch báo độ mòn lốp. Rãnh thường nông hơn 1,6 mm so với các vị trí khác trên lốp xe. Nếu gân lốp bị mòn sẽ làm cho vạch báo độ mòn lộ ra ngoài, hãy thay lốp xe ngay.

Lốp bị mòn sẽ có độ bám đường kém khi đi trên đường ướt.

Kiểm Tra Lốp

Loại xe lắp lốp 265/30ZR19

Lái xe tốc độ cao

Bạn không nên lái xe nhanh hơn tốc độ giới hạn và điều kiện cho phép. Nếu bạn thường xuyên lái xe ở tốc độ cao (trên 210km/h), hãy điều chỉnh áp suất lốp nguội như bên dưới để tránh bị quá nhiệt và hỏng lốp đột ngột.

Kích Thước Lốp	265/30ZR19 93Y
Áp Suất	Trước: 280 kPa (2,8 bar, 41 psi) Sau: 230 kPa (2,3 bar, 33 psi)

Tuổi Thọ Lốp

Tuổi thọ lốp phụ thuộc vào nhiều yếu tố như thói quen lái xe, điều kiện mặt đường, tải trọng xe, áp suất lốp, lịch sử bảo dưỡng, tốc độ và điều kiện môi trường (ngay cả khi lốp không được sử dụng).

Bên cạnh việc thường xuyên kiểm tra và duy trì áp suất lốp, bạn nên kiểm tra lốp thường niên một lần sau mỗi 5 năm. Tất cả lốp xe, gồm cả lốp dự phòng* cần phải được thay sau 10 năm kể từ ngày sản xuất, bất kể điều kiện và độ mòn lốp lúc đó như thế nào.

Thay Lốp và Bánh Xe

Thay lốp xe mới cùng kích thước, giới hạn tải, giới hạn tốc độ và định mức áp suất lốp nguội tối đa (được ghi ở thành lốp). Sử dụng lốp không cùng kích thước, cấu tạo sẽ làm cho một số hệ thống của xe như hệ thống ABS và Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA) hoạt động kém hiệu quả.

Tốt nhất là thay cả bốn lốp cùng một lúc. Nếu không thể thay cả bốn lốp cùng một lúc, hãy thay hai lốp trước cùng lúc và hai lốp sau cùng lúc.

Đảm bảo các thông số kỹ thuật bánh xe mới giống với bánh xe ban đầu.

Thay Lốp và Bánh Xe

⚠CẢNH BÁO

Lắp lốp mới không cùng chủng loại và kích cỡ có thể gây ảnh hưởng đến điều khiển và ổn định xe dẫn đến va chạm gây trọng thương hoặc tử vong.

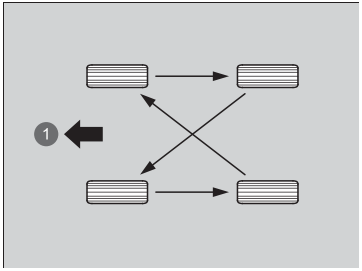
Luôn sử dụng lốp xe có cùng chủng loại và kích cỡ như trên nhãn thông tin lốp xe dán trên xe.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Đảo Lốp

Đảo lốp theo lịch bảo dưỡng giúp phân bổ đều độ mài mòn và gia tăng tuổi thọ lốp.

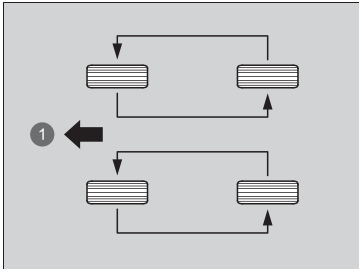
■ Lốp không có ký hiệu chiều quay



Đảo lốp như hình vẽ.

1 Trước

■ Lốp có ký hiệu chiều quay

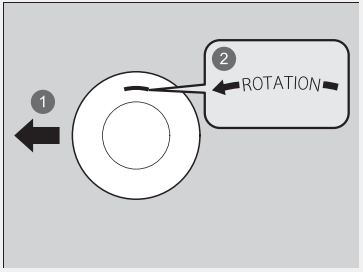


Đảo lốp như hình vẽ.

1 Trước

Đảo Lốp

Lốp xe loại gân lốp một chiều chỉ được đảo từ trước ra sau (không đảo từ bên này sang bên kia). Hướng lắp của lốp phải giống với dấu hướng quay trên lốp như hình vẽ dưới đây.



1 Trước
2 Ký Hiệu Chiều Quay

Khi đảo lốp, đảm bảo kiểm tra áp suất lốp.

Thiết Bị Bám Đường Tuyết

Nếu lái xe trên đường tuyết hoặc băng, cần lắp lốp mùa đông hoặc xích bọc lốp; giảm tốc độ và duy trì khoảng cách với xe khác khi lái.

Chú ý khi vận hành vô lăng hoặc phanh để không bị trơn trượt.

Sử dụng xích bọc lốp, lốp mùa đông, hoặc lốp các mùa theo quy định của pháp luật.

Khi lắp, chú ý các điểm sau.

Đối với lốp mùa đông:

- Chọn các lốp có kích thước và giới hạn tải giống như các lốp ban đầu.
- Lắp lốp cho tất cả bốn bánh.

Thiết Bị Bám Đường Tuyết

⚠CẢNH BÁO

Sử dụng sai xích bọc lốp, hoặc lắp xích không đúng cách có thể làm hỏng các dây phanh, dẫn đến va chạm gây trọng thương hoặc tử vong.

Làm theo hướng dẫn trong tài liệu hướng dẫn sử dụng này ở phần lựa chọn và sử dụng xích bọc lốp.

CHÚ Ý

Sử dụng thiết bị bám đường sai kích cỡ hoặc lắp không đúng cách có thể làm hỏng dây phanh, hệ thống treo, thân xe và bánh xe. Dừng xe nếu các thiết bị này chạm vào bất cứ bộ phận nào của xe.

Khi lắp xích bọc lốp, làm theo hướng dẫn của nhà sản xuất xích liên quan đến giới hạn vận hành của xe.

Loại xe lắp lốp 265/40R18

Về loại xích bọc lốp:

- Liên hệ với đại lý khi mua bất kỳ loại xích nào cho xe của bạn.
- Chỉ lắp xích bọc lốp cho lốp trước.
- Vì xe của bạn có giới hạn bề mặt lốp, bạn nên sử dụng các loại xích sau:

Kích Thước Lốp Ban Đầu*1	Loại Xích
235/40R18 95Y	**SCC Radial Cable SC1034**
265/30ZR19 93Y	**(Không Có Sẵn)**

* 1: Kích thước lốp ban đầu được nêu trong nhãn thông tin lốp xe trên thanh dọc cửa người lái.

- Làm theo hướng dẫn của nhà sản xuất khi lắp lốp xe. Lắp càng chặt càng tốt.
- Đảm bảo xích không chạm vào dây phanh và hệ thống treo.
- Lái xe chậm.

Thiết Bị Bám Đường Tuyết

Chỉ sử dụng xích bọc lốp trong trường hợp khẩn cấp hoặc ở khu vực nhất định theo quy định pháp luật.

Bạn cần chú ý hơn khi lái xe có xích bọc lốp trên đường tuyết hoặc băng. Xích bọc lốp làm hạn chế thao tác xử lý tình huống so với lốp mùa đông không có xích bọc lốp.

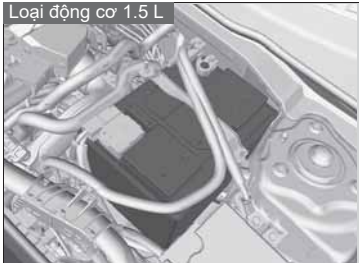
Nếu xe của bạn được trang bị lốp chạy trong điều kiện thời tiết mùa hè, thì cần lưu ý loại lốp này không thích hợp trong điều kiện thời tiết mùa đông. Để biết thêm thông tin, hãy liên hệ với đại lý.

Loại động cơ 2.0 L

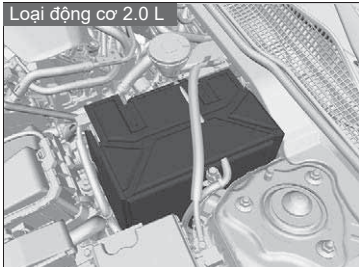
Chiếc xe này được trang bị lốp hiệu suất cao. Nếu sử dụng lốp ở nhiệt độ xấp xỉ dưới 7°C, lốp sẽ không thể thực hiện được hết chức năng của chúng. Không sử dụng lốp hiệu suất cao nếu nhiệt độ ngoài trời dưới -10°C: Lốp sẽ trở nên giòn hơn và có thể làm nứt bề mặt lốp.

Kiểm Tra Ắc Quy

Loại động cơ 1.5 L



Loại động cơ 2.0 L



Tình trạng ắc quy được giám sát bằng cảm biến trên cực âm của ắc quy. Nếu cảm biến này có sự cố, màn hình giao diện thông tin cho người lái sẽ hiển thị thông báo cảnh báo. Nếu điều này xảy ra, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

Kiểm tra mòn cực ắc quy hàng tháng.

Nếu ắc quy xe của bạn bị mất kết nối hoặc bị hỏng hoàn toàn:

- Cài đặt lại đồng hồ.*

➔ **Đồng Hồ** Tr. 182

Ắc Quy

⚠CẢNH BÁO

Ắc quy xả ra khí hydro dễ nổ trong khi hoạt động bình thường.

Tia lửa hoặc lửa có thể làm nổ ắc quy gây tử vong hoặc trọng thương.

Không để ắc quy gần tia lửa, ngọn lửa và các chất dễ bắt lửa.

Mặc quần áo bảo hộ và đeo mặt nạ, hoặc nhờ kỹ thuật viên có kinh nghiệm bảo dưỡng ắc quy.

⚠CẢNH BÁO

Ắc quy chứa axit sunphuric (chất điện phân) có độ ăn mòn và độc hại cao.

Chất điện phân dính vào da hoặc mắt có thể gây bỏng nặng. Hãy mặc quần áo bảo hộ và đeo kính bảo hộ khi làm việc hoặc đứng gần ắc quy.

Bạn có thể bị tử vong nếu nuốt phải chất điện phân và không được xử lý kịp thời.

ĐỂ XA TẦM TAY TRẺ EM

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Nạp Ắc Quy

Tháo cả hai cáp ắc quy để tránh làm hỏng hệ thống điện của xe. Luôn tháo cáp âm (-) trước và nối lại cáp này sau cùng.

Ắc Quy

Phương Pháp Sơ Cứu Khẩn Cấp
Mắt: Rửa bằng nước lấy từ cốc hoặc thùng chứa khác trong khoảng ít nhất 15 phút. (Nước áp suất cao có thể làm hỏng mắt). Gọi bác sĩ ngay lập tức.
Da: Thay quần áo bị dính axit. Rửa sạch da bằng nhiều nước. Gọi bác sĩ ngay lập tức.
Nuốt phải: Uống nước hoặc sữa. Gọi bác sĩ ngay lập tức.

Khi bạn thấy dấu hiệu ăn mòn, hãy lau sạch các cực ắc quy bằng dung dịch bột nở và nước. Lau sạch các cực bằng khăn ẩm. Dùng vải/khăn mềm lau khô ắc quy. Phủ mỡ bôi trơn lên các cực để giúp ắc quy không bị ăn mòn nữa.

Khi thay ắc quy, phải thay loại có cùng thông số kỹ thuật.
Liên hệ với đại lý để biết thêm thông tin chi tiết.

Ắc quy lắp cho xe là dành cho loại xe có Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời*.
Sử dụng ắc quy không đúng loại quy định có thể làm giảm tuổi thọ ắc quy và làm Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời* không hoạt động. Nếu cần phải thay ắc quy, đảm bảo chọn đúng loại và kích cỡ quy định. Hãy tham khảo đại lý để biết thêm thông tin chi tiết.

Thông Số Kỹ Thuật Tr. 720

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Còn nữa

Ắc Quy

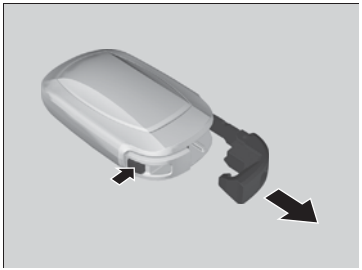
Các đèn báo Hệ Thống Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp*, Hệ Thống Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC)*, Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA), **TẮT** Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA)*, Hỗ Trợ An Toàn có thể sáng khi bạn bật chế độ nguồn sau khi lắp lại ắc quy.
Lái xe quãng đường ngắn với vận tốc trên 20 km/h. Đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn báo không tắt, hãy đưa xe đến đại lý kiểm tra.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Thay Pin Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa

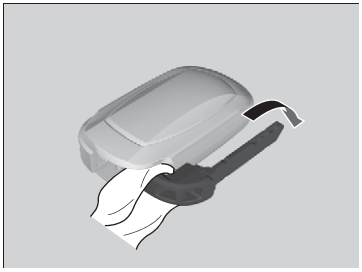
■ Chìa khóa điều khiển từ xa

Khi ấn nút mà không thấy đèn sáng, phải thay pin điều khiển.



Loại pin: CR2032

1. Tháo chìa khóa tích hợp.



2. Tháo nửa trên của vỏ chìa khóa bằng cách cạy cẩn thận mép vỏ bằng kẹp chìa khóa.
- ► Bọc kẹp chìa khóa bằng vải để tránh làm xước chìa khóa điều khiển từ xa.
- ► Tháo cẩn thận để tránh mất các nút.

Thay Pin Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa

⚠CẢNH BÁO

NGUY HIỂM BỎNG HÓA CHẤT
Nếu nuốt phải pin cấp điện cho chìa khóa điều khiển từ xa có thể gây bỏng nặng và thậm chí có thể gây tử vong.
Để pin mới và pin đã sử dụng tránh xa trẻ em.
Nếu trẻ nuốt phải, cần đưa trẻ đến ngay sở y tế để được can thiệp kịp thời.

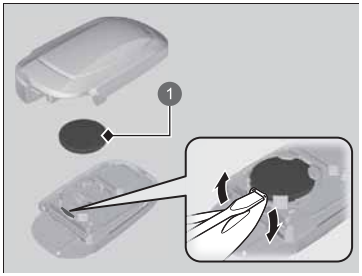
LƯU Ý: Nếu thay pin không đúng cách có thể gây cháy nổ. Chỉ thay pin cùng chủng loại hoặc loại tương đương.

LƯU Ý: Không để pin ở nhiệt độ quá cao như dưới ánh nắng mặt trời, lửa hoặc những thứ tương tự để tránh gây nổ hoặc rò rỉ chất lỏng hoặc khí dễ cháy trong quá trình sử dụng, bảo quản hoặc vận chuyển.

LƯU Ý: Không vứt pin vào lửa hoặc lò đang nóng, hoặc nghiền hoặc cắt pin bằng máy móc, vì những việc này sẽ dẫn đến cháy nổ.

LƯU Ý: Không để pin ở độ cao với áp suất không khí cực thấp để tránh gây nổ hoặc tránh gây rò rỉ chất lỏng hoặc khí dễ cháy.

Còn nữa



1 Pin

3. Dùng tua-vít đầu dẹt cạy vào mép pin để tháo pin. Đảm bảo lắp đúng đầu cực khi thay pin.
► Bọc đầu tua-vít bằng vải để tránh làm xước chìa khóa điều khiển từ xa.

Thay Pin Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa

CHÚ Ý

Thải bỏ pin không đúng cách sẽ gây hại cho môi trường. Luôn tìm hiểu quy định của địa phương trước khi thải bỏ pin.

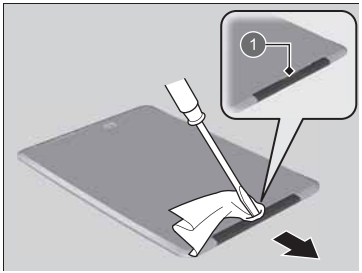
Thay pin có bán trên thị trường hoặc thay tại đại lý.

Theo Tiêu Chuẩn của Australia;

⚠**CẢNH BÁO**

- Pin cấp nguồn cho chìa khóa điều khiển từ xa rất nguy hiểm - để pin mới và pin đã qua sử dụng tránh xa trẻ em.
- Nếu nuốt phải hoặc nhét pin cúc áo/đồng xu Lithium vào bất kỳ bộ phận nào của cơ thể đều có thể khiến người đó bị trọng thương hoặc tử vong trong vòng từ 2 giờ trở xuống.
- Đến ngay cơ sở y tế nếu nghi ngờ đã nuốt phải hoặc nhét pin vào bên trong bất kỳ bộ phận nào của cơ thể.

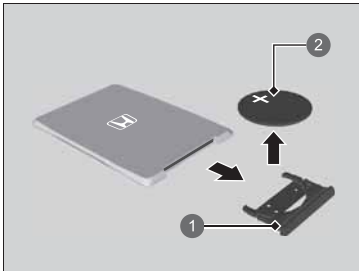
■ Khóa Thẻ Từ*



❶ Rãnh

Loại pin: CR2412

1. Áp cạnh logo H xuống khóa thẻ từ.
2. Đẩy để trượt rãnh của ngăn chứa pin bằng tua-vít đầu dẹt và tháo ngăn chứa pin.
▶ Bọc tua-vít đầu dẹt bằng miếng vải để tránh làm trầy xước ngăn chứa pin.



❶ Ngăn Chứa Pin
❷ Pin

3. Tháo pin điều khiển. Đảm bảo lắp đúng đầu cực khi thay pin.
4. Để lắp lại ngăn chứa pin, hãy ấn ngăn chứa pin vào khóa thẻ từ đến khi nghe thấy tiếng tách.
▶ Đảm bảo lắp ngăn chứa pin đúng phía.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Loại động cơ 1.5 L

Điều Hòa Không Khí

Để hệ thống điều khiển nhiệt độ hoạt động tốt và an toàn, nên để kỹ thuật viên có tay nghề kiểm tra hệ thống ga lạnh.

Không được tháo giàn lạnh hệ thống điều hòa không khí (lõi làm mát) của một chiếc xe cũ hoặc xe phế thải để sửa chữa hoặc thay sang xe này.

Điều Hòa Không Khí

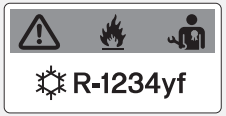
CHÚ Ý

Ga lạnh thoát ra ngoài sẽ gây hại cho môi trường. Để tránh ga lạnh thoát ra, không được tháo giàn lạnh của một xe cũ hoặc xe phế thải để thay sang xe này.

Ga lạnh của hệ thống điều hòa không khí trên xe bạn là chất dễ cháy và gây cháy nổ trong quá trình sửa chữa-bảo dưỡng nếu như không thực hiện đúng quy trình.

Nhãn điều hòa không khí nằm ở dưới nắp ca-pô:

Nhãn An Toàn Tr. 111
Thông Số Kỹ Thuật Tr. 720



: Lưu Ý
: Ga Lạnh Dễ Cháy
: Yêu cầu kỹ thuật viên có tay nghề sửa chữa-bảo dưỡng
: Hệ Thống Điều Hòa Không Khí

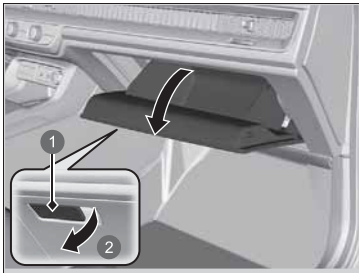
Lọc Gió Điều Hoà

Thời Điểm Nên Thay Lọc Gió Điều Hoà

Thay lọc gió điều hoà theo lịch bảo dưỡng được khuyến nghị. Nếu lái xe trong môi trường nhiều bụi bẩn, nên thay lọc gió điều hoà sớm hơn lịch bảo dưỡng.

Lịch Bảo Dưỡng Tr. 602

Cách Thay Lọc Gió Điều Hoà



1 Tay Cầm
2 Kéo

1. Mở hộp đựng đồ.

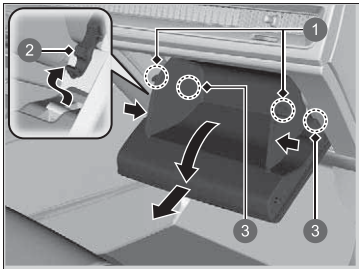
Lọc Gió Điều Hoà

Nếu luồng khí từ hệ thống điều khiển nhiệt độ bị giảm đáng kể và cửa kính nhanh bị đọng sương, cần phải thay lọc gió điều hoà mới.

Lọc gió điều hoà có tác dụng hút bụi, phấn hoa và mảnh vụn nhỏ trong không khí.

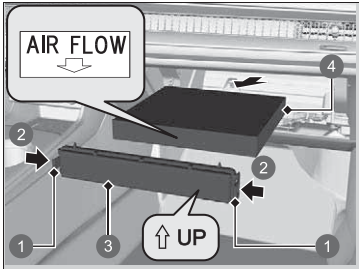
Nếu bạn không biết cách thay lọc gió điều hòa, hãy đưa xe đến đại lý để thay.

Còn nữa



1. Vấu
2. Nút Chặn
3. Kẹp

2. Ấn nút chặn ở hộp đựng đồ phía hành khách để tách nó ra khỏi hộp đựng đồ.
3. Tháo hai vấu bằng cách ấn lên hai bên tấm ốp.
4. Xoay hộp đựng đồ ra.
5. Kéo kẹp ra để tháo hộp đựng đồ.



1. Vấu
2. Ấn
3. Vỏ
4. Lọc Gió Điều Hòa

6. Ấn vào vấu ở góc vỏ hộp lọc gió điều hoà và tháo nó ra.
7. Tháo lọc gió ra khỏi hộp.
8. Lắp lọc gió mới vào hộp.
► Đặt mũi tên **AIR FLOW** (LUỒNG KHÍ) hướng xuống dưới.

Vệ Sinh Nội Thất

Dùng máy hút bụi để hút bụi trước khi dùng khăn lau sạch.
Dùng vải ướt thấm dung dịch trung tính và nước ấm để lau sạch bụi. Dùng vải sạch lau bụi bẩn còn sót lại.

Vệ Sinh Dây Đai An Toàn

Dùng khăn mềm, xà phòng trung tính và nước ấm để vệ sinh dây đai an toàn. Để dây đai an toàn tự khô. Dùng vải sạch lau sạch khe hở của móc luồn dây đai an toàn.



1 Khe hở

Vệ Sinh Nội Thất

Không làm đổ chất lỏng ra xe. Thiết bị và hệ thống điện sẽ bị trục trặc nếu bị chất lỏng dính vào.

Không xịt chất thơm có silicon lên thiết bị điện như thiết bị âm thanh và công tắc để tránh làm hỏng thiết bị hoặc gây cháy bên trong xe. Nếu không may để chất thơm có silicon rây vào thiết bị điện, hãy liên hệ với đại lý để xử lý.

Tùy thuộc vào thành phần hóa học, chất thơm có thể làm các thiết bị nhựa và bọc vải bên trong xe bị bạc màu, nhăn nheo hoặc nứt.
Không dùng dung môi alkali hoặc dung môi hữu cơ như benzen hoặc xăng.

Sau khi sử dụng hóa chất, dùng giẻ khô lau lại thật kỹ.
Không để giẻ bẩn lên các thiết bị nhựa hoặc bọc vải trong thời gian dài.

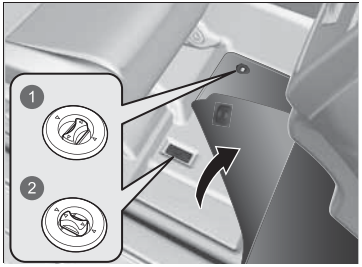
Chú ý không làm đổ chất thơm ra xe.

Còn nữa

■ Vệ Sinh Cửa Kính

Dùng nước rửa kính để lau sạch.

■ Thảm Lót Sàn*



Thảm lót sàn phía người lái được móc vào móc neo trên sàn xe để giữ thảm không bị trượt. Khi lột thảm để vệ sinh, xoay núm móc neo đến vị trí mở khóa. Khi lắp lại thảm sau khi vệ sinh, xoay núm móc neo đến vị trí khóa.
Không lắp thêm thảm lên móc neo thảm lót sàn.

❶ Mở Khóa
❷ Khóa

Vệ Sinh Cửa Kính

Dây điện được lắp bên trong cửa kính sau. Dùng giẻ mềm để lau kính theo chiều của dây điện để không làm hỏng dây.

Cẩn thận không làm tràn các chất lỏng như nước hoặc nước tẩy kính lên trên hoặc xung quanh nắp của camera phía trước và cảm biến mưa/ánh sáng.

Thảm Lót Sàn*

Nếu bạn không sử dụng thảm lót sàn thiết kế cho loại xe của bạn thì cần sử dụng loại thảm thiết kế cho loại xe cụ thể, vừa vặn với xe và được móc chắc chắn vào móc neo sàn xe. Cố định thảm lót sàn ghế sau đúng vị trí. Nếu cố định không đúng, thảm sàn có thể làm ảnh hưởng đến chức năng của ghế trước.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

■ Vệ Sinh Đồ Da Chính Hiệu*

Để làm sạch đồ da đúng cách:

1. Trước tiên dùng máy hút bụi hoặc khăn khô mềm để lau sạch bụi, vết bẩn.
2. Làm sạch da bằng vải mềm ướt với tỷ lệ 90% nước và 10% dung dịch xà phòng trung tính.
3. Dùng khăn ướt lau sạch hết xà phòng còn sót lại.
4. Lau sạch nước còn đọng lại và để đồ da vào chỗ khô, thoáng mát.

■ Vệ Sinh Đồ Da Alcantara®*

Sau khi làm sạch đồ da, làm ẩm vải mềm bằng nước ấm, vắt khô và thấm nhẹ để loại bỏ bụi bẩn. Sau khi khô, chải nhẹ bằng bàn chải mềm.

»Vệ Sinh Đồ Da Chính Hiệu*

Cần phải làm sạch hoặc lau vết bẩn và bụi càng nhanh càng tốt. Nước tràn ra ngấm vào lớp da có thể gây ố. Chất bẩn hoặc bụi có thể làm trầy xước da. Ngoài ra, lưu ý rằng một số quần áo màu tối có thể chà xát vào ghế da, làm thay đổi màu hoặc làm ố da.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Vệ Sinh Ngoại Thất

Lau sạch bụi trên thân xe sau khi lái xe. Thường xuyên kiểm tra xe và các vết xước trên bề mặt sơn. Một vết xước trên bề mặt sơn có thể làm thân xe bị gỉ. Nếu thấy có vết xước, xử lý ngay lập tức.

■ Rửa Xe

Rửa xe thường xuyên nhất là khi lái xe trong các điều kiện sau:

- Lái trên đường có muối.
- Lái trên đường bờ biển.
- Lái trên đường nhựa, có muội than, phân chim, côn trùng hoặc nhựa cây dính vào bề mặt sơn.

■ Sử Dụng Máy Rửa Xe Tự động

- Đảm bảo làm theo hướng dẫn trên máy rửa xe tự động.
- Cụp gương cửa lại.
- Đối với những loại xe được trang bị cần gạt nước tự động ngắt quãng, hãy tắt cần gạt nước.

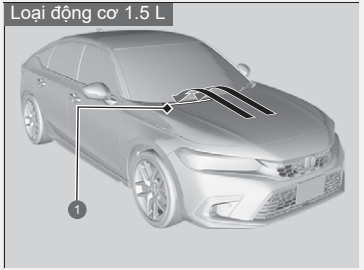
■ Sử Dụng Máy Rửa Xe Áp Suất Cao

- Giữ khoảng cách phù hợp giữa vòi phun và thân xe.
- Chú ý đến vùng quanh các cửa kính. Đứng quá gần cửa kính có thể làm nước bắn vào bên trong xe.
- Không phun nước áp suất cao trực tiếp vào khoang động cơ. Thay vào đó, sử dụng nước áp suất thấp và chất tẩy trung tính.
- Không phun nước vào camera hoặc khu vực xung quanh camera. Nước có thể lọt vào thấu kính và làm camera bị trục trặc.

Rửa Xe

Không được phun nước vào các lỗ thông hơi và lỗ thông hơi nắp ca-pô* để tránh xảy ra sự cố.

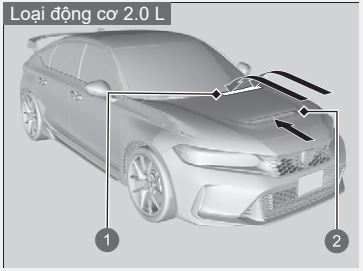
Loại động cơ 1.5 L



1 Lỗ Thông Hơi

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Rửa Xe



1 Lỗ Thông Hơi
2 Lỗ Thông Hơi Nắp Ca-pô

Khóa cửa khi rửa xe.
Không phun nước vào cửa nạp nhiên liệu vì vòi phun áp suất cao có thể làm cửa này mở.

Nếu bạn cần nhấc cần gạt nước ra khỏi kính chắn gió, trước tiên hãy đặt cần gạt nước về vị trí bảo dưỡng.

Thay Lưỡi Gạt Nước Trước Tr. 633

Còn nữa

■ Phủ Sáp

Lớp sáp phủ tốt sẽ giúp bảo vệ lớp sơn khỏi những yếu tố bên ngoài. Qua thời gian, sáp sẽ bị mòn và làm lộ ra các bộ phận xe dưới lớp sơn, vì vậy hãy phủ lại sáp ngay khi cần thiết.

■ Vệ Sinh Cản Xe và Các Bộ Phận Tráng Nhựa Khác

Nếu làm đổ xăng, dầu, nước làm mát hoặc dung dịch ắc quy lên các bộ phận tráng nhựa có thể làm các bộ phận này mất màu hoặc bị bong tróc. Luôn dùng vải mềm và nước sạch để làm sạch những bộ phận này.

■ Vệ Sinh Cửa Kính

Lau bằng nước rửa kính.

■ Vệ Sinh Bánh Xe Vành Nhôm

Vành nhôm dễ bị hỏng nếu mặt đường có muối hoặc các chất nhiễm bẩn khác. Khi cần, hãy dùng miếng xốp và các chất tẩy rửa trung tính để lau vành nhôm càng sớm càng tốt. Không dùng chổi cứng hoặc các chất tẩy rửa mạnh (bao gồm một số loại dung dịch vệ sinh bánh xe trên thị trường). Những chất này có thể làm hỏng lớp mạ nhôm trên vành nhôm khiến vành nhôm bị ăn mòn. Tùy vào loại sơn phủ mà vành bánh xe có thể mất đi độ sáng bóng hoặc bị trầy xước. Để tránh bị gỉ do nước, dùng khăn lau thật khô vành bánh xe khi còn ướt.

Phủ Sáp

CHÚ Ý

Chất dung môi hóa học và dung dịch vệ sinh hoạt tính mạnh có thể làm hỏng lớp sơn, lớp kim loại và nhựa trên xe. Nếu để tràn ra xe, hãy lau ngay lập tức.

Vệ Sinh Cản Xe và Các Bộ Phận Tráng Nhựa Khác

Liên hệ với đại lý để có vật liệu thay thế phù hợp khi cần sửa chữa bề mặt sơn của các bộ phận tráng nhựa.

■ Chóa Đèn Ngoài Xe Bị Mờ

Các chóa bên trong của đèn ngoài xe (đèn chiếu sáng, đèn phanh, v.v.) có thể tạm thời bị mờ nếu bạn lái xe dưới trời mưa, hoặc sau khi xe chạy qua máy rửa xe. Có thể xảy ra tình trạng đọng sương trong chóa đèn khi có sự chênh lệch lớn giữa nhiệt độ ngoài trời và nhiệt độ bên trong chóa đèn (tương tự như cửa kính bị mờ khi trời mưa). Đây là tình trạng bình thường, không phải là vấn đề về thiết kế cấu tạo của đèn ngoài xe.
Đặc tính thiết kế của choá đèn có thể làm tích tụ hơi ẩm trên bề mặt khung của chóa đèn. Điều này cũng không phải là sự cố.
Tuy nhiên, nếu bạn thấy có lượng nước tích tụ lớn, hoặc nhiều giọt nước lớn hình thành bên trong chóa đèn, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

Phụ Kiện

Khi lắp phụ kiện, chú ý các mục sau:

- Không lắp các phụ kiện lên kính chắn gió vì việc này sẽ làm cản trở tầm nhìn của bạn và có thể khiến bạn không kịp phản ứng với các điều kiện lái.
- Không lắp phụ kiện lên các khu vực đánh dấu **SRS Airbag** (Túi Khí SRS), lên cạnh hoặc lưng ghế trước, lên cạnh của các ghế sau*, lên các trụ trước hoặc trụ bên, hoặc gần các cửa kính bên.
  Lắp các phụ kiện ở những chỗ này có thể khiến các túi khí của xe hoạt động không hiệu quả hoặc có thể văng vào bạn hoặc hành khách trong xe nếu túi khí nổ.
- Đảm bảo các phụ kiện điện không vượt quá tải các mạch điện hoặc không gây cản trở đến hoạt động của xe.
  ➡ **Cầu Chì** Tr. 708
- Trước khi lắp bất cứ phụ kiện điện nào, người lắp đặt phải liên lạc với đại lý để hỗ trợ. Nếu có thể, yêu cầu đại lý kiểm tra khâu lắp đặt cuối.

Phụ Kiện và Điều Chỉnh

⚠CẢNH BÁO

Điều chỉnh hoặc lắp thêm phụ kiện không phù hợp có thể làm ảnh hưởng đến khả năng xử lý, tính ổn định, hiệu suất của xe và gây va chạm khiến bạn bị trọng thương hoặc tử vong.

Làm theo các chỉ dẫn trong cuốn tài liệu hướng dẫn sử dụng này liên quan đến phụ kiện và điều chỉnh.

Khi được lắp đúng cách, điện thoại di động, chuông báo động, máy bộ đàm, ăng ten radio và hệ thống âm thanh công suất thấp sẽ không làm ảnh hưởng đến hoạt động của các hệ thống được điều khiển bởi máy tính trên xe, như túi khí và hệ thống chống bó cứng phanh.

Nên dùng phụ kiện Chính Hiệu Honda để đảm bảo xe hoạt động tốt.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Điều Chỉnh

Điều chỉnh xe không phù hợp sẽ gây ảnh hưởng đến khả năng xử lý, tính ổn định và chắc chắn của xe, hoặc lắp phụ tùng hoặc phụ kiện không chính hiệu Honda cũng có thể gây ảnh hưởng tương tự như vậy.

Thậm chí điều chỉnh một phần hệ thống xe cũng có thể gây ảnh hưởng đến hiệu suất hoạt động của toàn bộ xe. Luôn đảm bảo lắp và bảo dưỡng đúng cách tất cả các thiết bị xe. Không điều chỉnh xe hoặc các hệ thống của xe khi việc điều chỉnh đó vi phạm các quy định ở địa phương và quốc gia của bạn.

Cổng chẩn đoán trên xe (đầu nối OBD-II/SAE J1962) được lắp trên xe để sử dụng với các thiết bị chẩn đoán hệ thống ô tô hoặc với các thiết bị khác được Honda phê duyệt. Việc sử dụng bất kỳ loại thiết bị nào khác có thể ảnh hưởng hoặc làm hỏng các hệ thống điện tử của xe, hoặc làm hệ thống gặp sự cố như mất điện, hoặc các sự cố không mong muốn khác.

Không điều chỉnh hoặc cố gắng sửa bất kỳ thiết bị điện nào.

Xử Lý Sự Cố Bất Ngờ

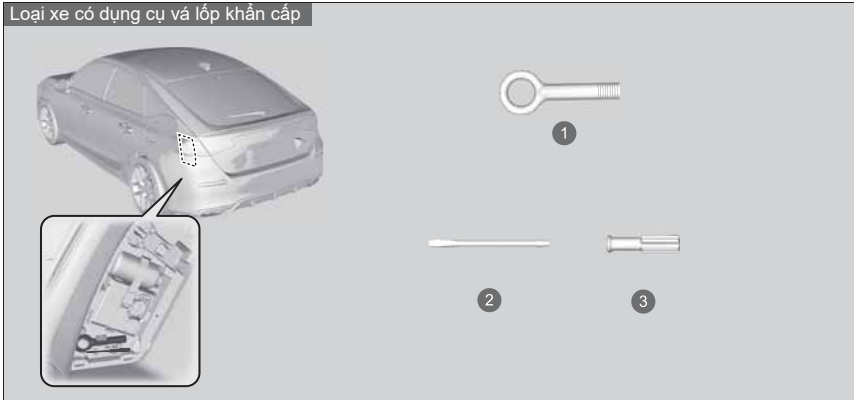
Chương này đề cập đến các cách xử lý các tình huống bất ngờ.

Dụng Cụ 662
Nếu Lốp Bị Xẹp
Vá Lốp Xẹp Khẩn Cấp 664
Thay Lốp Xẹp 679
Khi Nâng Xe Bằng Kích 688
Động Cơ Không Khởi Động
Kiểm Tra Động Cơ 689
Nếu Pin Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa/Khóa Thẻ Từ* Yếu 691
Khởi Động Động Cơ Khẩn Cấp 693
Dừng Động Cơ Khẩn Cấp 694
Nếu Ắc Quy Chết 695
Không Gạt Được Cần Số 698
Quá Nhiệt 699
Đèn Báo Sáng/Nhấp Nháy
Nếu Cảnh Báo Áp suất dầu động cơ thấp Xuất Hiện 703
Nếu Đèn Báo Hệ Thống Nạp Điện Sáng 704
Nếu Đèn Báo Sự Cố Sáng hoặc Nhấp Nháy 704
Nếu Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Đỏ) Sáng hoặc Nhấp Nháy 705
Nếu Đèn Báo Hệ Thống Lái Trợ Lực Điện (EPS) Sáng 706
Nếu Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Đỏ) Sáng hoặc Nhấp Nháy Đồng Thời Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Màu Hổ Phách) Sáng 707
Cầu Chì 708
Kéo Xe Khẩn Cấp 715
Nếu Bạn Không Mở Được Cửa Nạp Nhiên Liệu 716
Nếu Bạn Không Mở Được Cửa Hậu 717

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Loại Dụng Cụ

Loại xe có dụng cụ vá lốp khẩn cấp

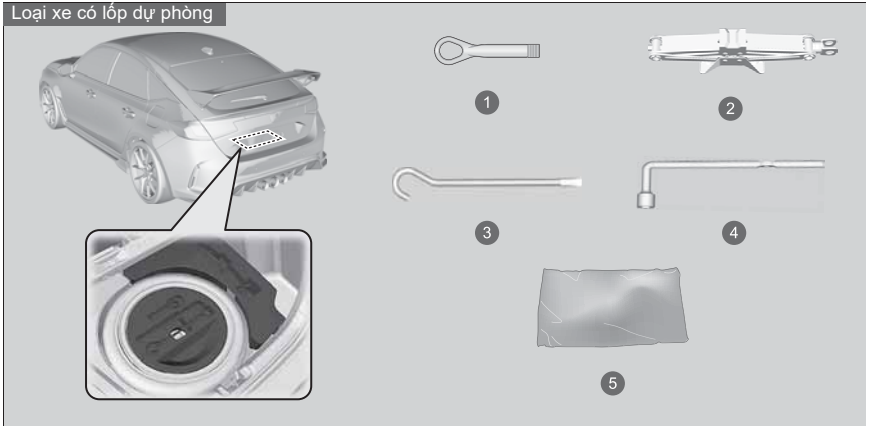


1 Móc Kéo Có Thể Tháo
2 Tua-vít Đầu Dẹt
3 Tay Cầm

Loại Dụng Cụ

Dụng cụ được cất trong khoang hành lý.

Loại xe có lốp dự phòng



❶ Móc Kéo Có Thể Tháo
❷ Kích
❸ Thanh Nối Tay Kích
❹ Cờ-lê Vặn Đai Ốc/Tay Kích
❺ Túi Để Đồ

Loại xe có dụng cụ vá lốp khẩn cấp

Vá Lốp Xẹp Khẩn Cấp

Nếu lốp xe có một lỗ thủng lớn hoặc bị hư hỏng nghiêm trọng, bạn cần phải gọi dịch vụ kéo xe. Nếu lốp có lỗ thủng nhỏ, ví dụ như bị đinh đâm, bạn có thể sử dụng dụng cụ vá lốp khẩn cấp trước khi bạn lái xe đến trạm sửa chữa xe gần nhất.

Nếu lốp xe bị xẹp trong khi lái xe, giữ vô lăng chắc chắn và nhấn phanh từ từ để giảm tốc độ. Sau đó dừng xe ở nơi an toàn.

1. Đỗ xe ở bề mặt chắc chắn, bằng phẳng, không trơn trượt và gài phanh đỗ.

Loại xe có hộp số vô cấp

2. Gạt cần số đến P.

Loại xe số sàn

2. Gạt cần số đến R.

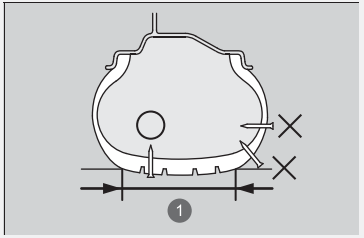
Tất cả các loại xe

3. Bật đèn cảnh báo nguy hiểm và đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY (KHÓA).

Vá Lốp Xẹp Khẩn Cấp

Trong các tình huống sau không nên sử dụng dụng cụ vá lốp khẩn cấp mà hãy liên hệ với đại lý hoặc nhờ người hỗ trợ ở lề đường để kéo xe.

- Keo vá lốp hết hạn.
- Nhiều lốp bị thủng cùng lúc.
- Vết thủng hoặc vết cắt lớn hơn 4 mm.
- Thành lốp bị hư hỏng hoặc có vết thủng bên ngoài khu vực tiếp xúc.



1 Khu Vực Tiếp Xúc

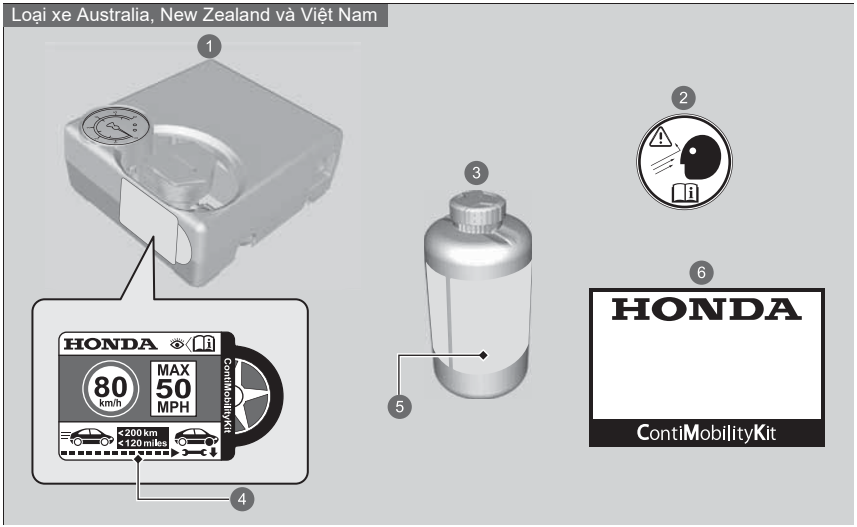
Lốp xe bị thủng:	Sử Dụng Dụng Cụ
Nhỏ hơn 4 mm	Có
Lớn hơn 4 mm	Không

- Có thể xảy ra hư hỏng nếu lái xe khi lốp quá non hơi.
- Mép lốp không lắp khít.
- Vành bánh xe bị hỏng.

Không rút đinh hoặc vít đã đâm vào lốp. Bởi nếu rút ra bạn sẽ không thể sử dụng dụng cụ vá lốp khẩn cấp.

Chuẩn Bị Vá Lốp Xẹp Khẩn Cấp

Loại xe Australia, New Zealand và Việt Nam



1. Bơm Nén Khí
2. Nhãn Bánh Xe
3. Keo Vá Lốp
4. Nhãn Giới Hạn Tốc Độ
5. Hạn Sử Dụng
6. Tài Liệu Hướng Dẫn Sử Dụng

Chuẩn Bị Vá Lốp Xẹp Khẩn Cấp

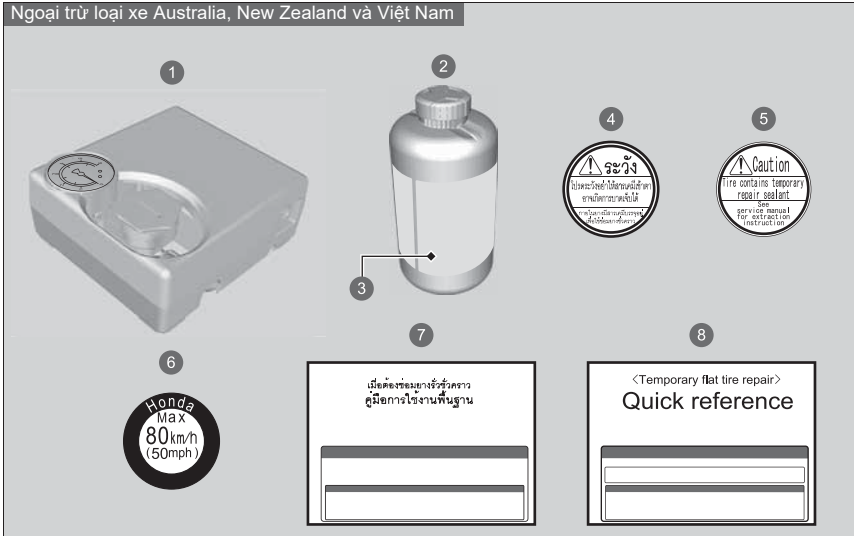
Loại xe Australia, New Zealand và Việt Nam

Nhãn giới hạn tốc độ được dán ở sườn bộ dụng cụ vá lốp khẩn cấp.

Khi thực hiện vá lốp khẩn cấp, đọc kỹ tài liệu hướng dẫn sử dụng đi kèm với dụng cụ vá lốp khẩn cấp.

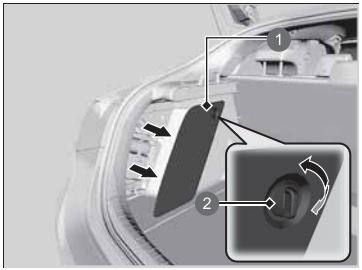
Còn nữa

Ngoại trừ loại xe Australia, New Zealand và Việt Nam

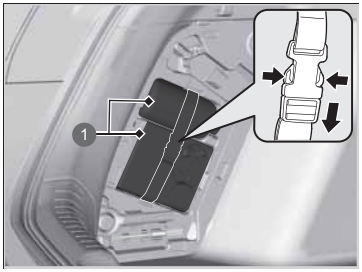


1. Bơm Nén Khí
2. Keo Vá Lốp
3. Hạn Sử Dụng
4. Nhãn Bánh Xe*1
5. Nhãn Bánh Xe*2
6. Nhãn Giới Hạn Tốc Độ
7. Tài Liệu Hướng Dẫn Sử Dụng*1
8. Tài Liệu Hướng Dẫn Sử Dụng*2

* 1: Loại xe Thái Lan
* 2: Loại xe Hồng Kông, Ma Cao, Malaysia và Philippin



❶ Nắp
❷ Núm

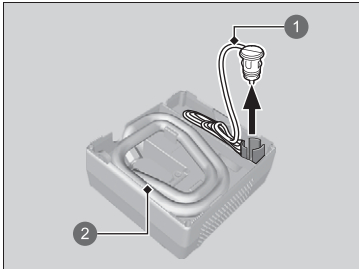


❶ Dụng Cụ Vá Lốp Khẩn Cấp

1. Xoay núm để tháo nắp nằm ở bên trái khoang hành lý, sau đó lấy bộ dụng cụ ra.
2. Đặt dụng cụ quay mặt lên trên, trên bề mặt bằng phẳng gần lốp xe bị xẹp, và tránh xa khu vực có các phương tiện đang lưu thông. Không đặt nghiêng dụng cụ.

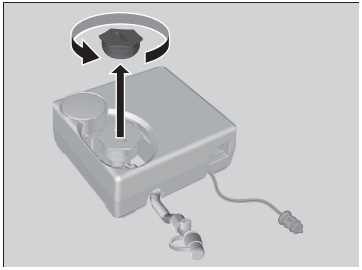
Còn nữa

■ Bơm Keo Vá Lốp và Hơi



1. Lấy ống mềm bơm nén khí và dây cắm ở phía sau bơm nén khí ra.

❶ Dây Cắm
❷ Ống Mềm Bơm Nén Khí



2. Tháo nắp bơm nén khí.

Bơm Keo Vá Lốp và Hơi

⚠CẢNH BÁO

Keo vá lốp có chứa chất độc và có thể gây tử vong nếu nuốt phải.

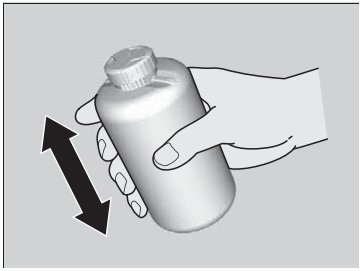
Nếu không may nuốt phải, không được cố ép để nôn ra. Hãy uống nhiều nước và đến ngay cơ sở y tế.

Nếu keo vá lốp dính vào da và mắt, dùng nước mát rửa vùng da đó và đến ngay cơ sở y tế.

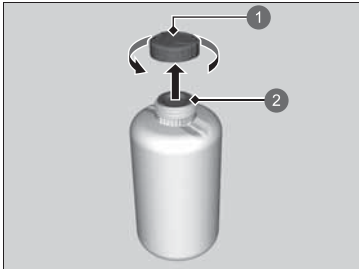
Để lọ keo vá lốp tránh xa tầm tay của trẻ.

Ở nhiệt độ thấp, keo vá lốp có thể không dễ chảy. Trong tình huống này, hãy làm ấm bằng cách để lọ keo vá lốp trong khoang hành khách trước khi sử dụng.

Keo vá lốp có thể làm đổi màu quần áo và các chất liệu khác. Hãy cẩn thận trong quá trình xử lý và lau sạch ngay nếu keo tràn ra.



3. Lắc đều lọ keo vá lốp.



4. Tháo nắp lọ keo vá lốp.
► Không tháo nắp được bịt kín.

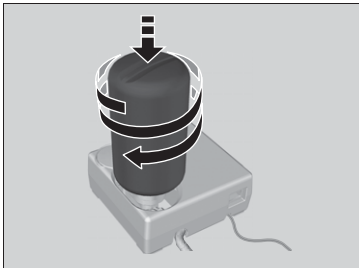
❶ Nắp Lọ Keo Vá Lốp
❷ Không Được Tháo

Bơm Keo Vá Lốp và Hơi

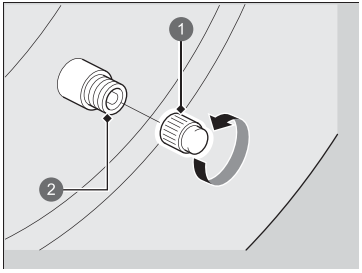
Sau khi bơm keo xong, không được vứt lọ keo vá lốp đã dùng hết.

Đến đại lý Honda để mua keo vá lốp và xử lý đúng cách đối với lọ keo vá lốp đã dùng hết.

Còn nữa

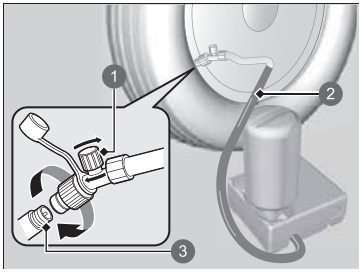


5. Lắp lọ keo vá lốp vào bơm nén khí.
► Vặn chặt lọ keo vá lốp để keo không rơi ra ngoài.

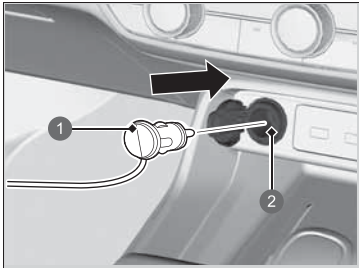


6. Tháo nắp van.

❶ Nắp Van
❷ Van



1 Van Xả Khí
2 Ống Mềm Bơm Nén Khí
3 Van



1 Giắc Cắm
2 Ổ Cắm Điện Phụ Kiện

7. Lắp ống mềm bơm nén khí vào van lốp xe.
► Đảm bảo đóng van xả khí và tắt bơm nén khí.

8. Cắm bơm nén khí vào ổ cắm điện phụ kiện.
➲ **Ổ Cắm Điện Phụ Kiện** Tr. 245

9. Khởi động động cơ.
➲ **Khí CO** Tr. 110

Bơm Keo Vá Lốp và Hơi

⚠CẢNH BÁO

Nổ máy trong khu vực kín gió hoặc không thông thoáng sẽ gia tăng khả năng tích tụ khí độc CO.

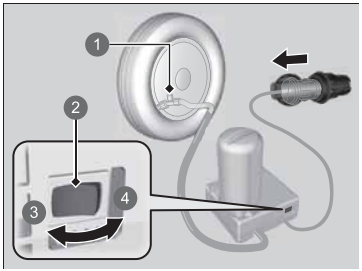
Hít phải khí không màu, không mùi này có thể làm bạn bất tỉnh và thậm chí bị tử vong. Chỉ chạy động cơ để vận hành bơm nén khí khi xe ở khu vực thông thoáng bên ngoài.

Tắt bơm nén khí khi lắp ống mềm bơm nén khí.

Bạn có thể nghe thấy tiếng động cơ của máy nén khí đang hoạt động. Điều này là bình thường.

Nếu trong vòng 10 phút bơm mà không đạt được mức áp suất lốp cần thiết, có thể lốp xe của bạn bị hư hỏng nghiêm trọng, cần phải kéo xe.

Còn nữa



1 Van Xả Khí
2 Công Tắc
3 TẮT
4 BẬT

10. Bật bơm nén khí và bơm lốp đến áp suất quy định.
► Bơm nén khí bắt đầu bơm keo vá lốp và hơi vào lốp xe.
► Tham khảo nhãn dán trên thanh dọc cửa người lái về áp suất lốp quy định.

11. Sau khi áp suất lốp đạt mức quy định, tắt bơm nén khí.
► Kiểm tra đồng hồ đo áp suất trên bơm nén khí.
► Nếu bơm lốp quá căng, hãy xoay van xả khí để xả bớt hơi. Cẩn thận không làm tràn keo vá lốp ra ngoài.

12. Rút giắc cắm ra khỏi ổ cắm điện phụ kiện.

13. Tháo ống mềm bơm nén khí ra khỏi van lốp xe. Lắp nắp ống mềm.
► Cẩn thận không làm tràn keo vá lốp khi tháo ống mềm. Lau sạch vết tràn ra.

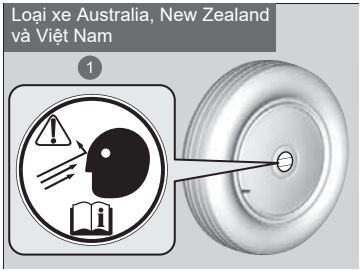
Bơm Keo Vá Lốp và Hơi

Nếu muốn đo áp suất khí bằng đồng hồ đo, trước tiên hãy tắt bơm nén khí.

Hãy thông báo cho đại lý Honda hoặc dịch vụ sửa chữa biết việc bạn đã sử dụng keo vá lốp khi bạn đưa xe đến đó để thay hoặc vá lốp xẹp.

Bơm nén khí này dùng cho lốp ô tô. Kiểm tra các vấn đề sau:
- Dòng điện cấp nguồn bơm nén khí cho ổ cắm điện phụ kiện của xe bạn là 12 vôn DC.
- Không vận hành bơm nén khí của dụng cụ vá lốp khẩn cấp quá 10 phút để tránh làm bơm nén khí có thể bị quá nhiệt và hư hỏng.
  Để bơm nguội bớt khi cần sử dụng liên tục.

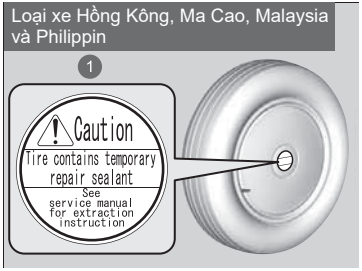
Loại xe Australia, New Zealand và Việt Nam



❶ Nhãn Bánh Xe

14. Dán nhãn bánh xe lên bề mặt phẳng của bánh xe.
► Bề mặt bánh xe phải sạch để đảm bảo nhãn dán bám chắc.

Loại xe Hồng Kông, Ma Cao, Malaysia và Philippin

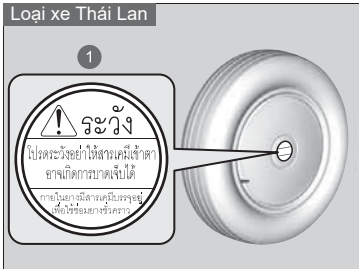


❶ Nhãn Bánh Xe

15. Cất dụng cụ vá lốp khẩn cấp vào khoang hành lý.
► Không tháo lọ keo vá lốp ra khỏi bơm nén khí.

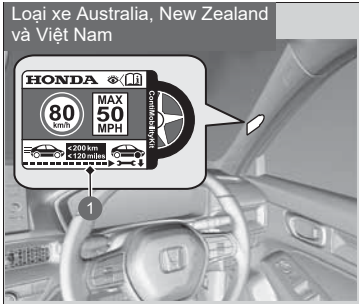
Còn nữa

Loại xe Thái Lan



1 Nhãn Bánh Xe

Phân Bổ Keo Vá Lốp trong Lốp Xe



1. Nhãn Giới Hạn Tốc Độ

1. Dán nhãn giới hạn tốc độ vào vị trí như hình vẽ.

2. Lái xe trong khoảng 10 phút hoặc 3 đến 10 km.

► Không vượt quá 80 km/h.



1. Nhãn Giới Hạn Tốc Độ

3. Dừng xe nơi an toàn.

Phân Bổ Keo Vá Lốp trong Lốp Xe

⚠CẢNH BÁO

Nổ máy trong khu vực kín gió hoặc không thông thoáng sẽ gia tăng khả năng tích tụ khí độc CO.

Hít phải khí không màu, không mùi này có thể làm bạn bất tỉnh và thậm chí bị tử vong. Chỉ chạy động cơ để vận hành bơm nén khí khi xe ở khu vực thông thoáng bên ngoài.

Tham khảo nhãn dán trên thanh dọc cửa người lái để biết thông tin về áp suất lốp quy định.

Còn nữa



1 Bơm Nén Khí
2 TẮT
3 BẬT

4. Sử dụng đồng hồ đó áp suất để kiểm tra lại áp suất lốp trên bơm nén khí.
► Không bật bơm nén khí khi kiểm tra áp suất lốp.

5. Nếu áp suất lốp:

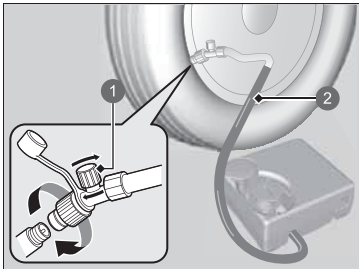
- Dưới 130 kPa (1,3 bar, 19 psi): Không bơm thêm hơi và tiếp tục lái xe. Lốp bị thủng nặng. Gọi dịch vụ kéo xe.
  ➔ **Kéo Xe Khẩn Cấp** Tr. 715
- Đạt mức áp suất lốp quy định (Xem trên nhãn dán trên thanh dọc cửa người lái.) hoặc hơn: Tiếp tục lái xe cho đến khi bạn tìm thấy trạm dịch vụ sửa chữa gần nhất. Không lái xe vượt quá 80 km/h.
- Trên 130 kPa (1,3 bar, 19 psi), nhưng thấp hơn áp suất quy định (Xem nhãn dán trên thanh dọc cửa người lái.): Bơm lốp đến khi đạt được áp suất lốp quy định.
  ➔ **Bơm Lốp Bị Xẹp** Tr. 677

Lặp lại từ bước 2 đến bước 4 cho đến khi bạn tìm thấy trạm sửa chữa gần nhất. Không lái xe vượt quá 80 km/h.
► Quãng đường đến trạm sửa chữa gần nhất nằm trong khoảng 200 km.

6. Cất và xếp gọn dụng cụ vá lốp khẩn cấp.

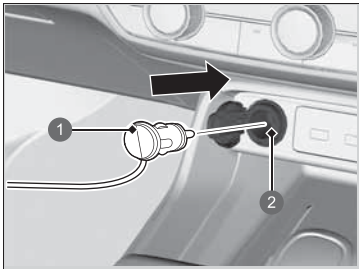
■ Bơm Lốp Bị Xẹp

Bạn có thể sử dụng dụng cụ vá lốp để bơm lốp bị xẹp.



❶ Van Xả Khí
❷ Ống Mềm Bơm Nén Khí

1. Lấy dụng cụ vá lốp ra khỏi khoang hành lý.
2. Đặt dụng cụ quay mặt lên trên, đặt trên bề mặt bằng phẳng gần lốp xe bị xẹp, và tránh xa khu vực có các phương tiện đang lưu thông. Không đặt nghiêng dụng cụ.
3. Tháo nắp van.
4. Vít ống mềm bơm nén khí vào thân van. Vít đến khi chặt.



❶ Giắc Cắm
❷ Ổ Cắm Điện Phụ Kiện

5. Cắm bơm nén khí vào ổ cắm điện phụ kiện.
► Cẩn thận không làm kẹp dây vào cửa hoặc cửa kính.
➔ **Ổ Cắm Điện Phụ Kiện** Tr. 245
6. Khởi động động cơ.
➔ **Khí Xả CO** Tr. 110

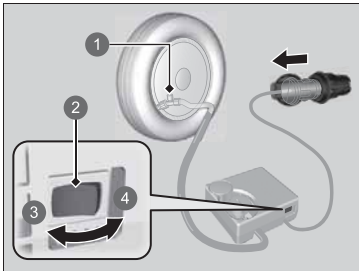
Bơm Lốp Xẹp

⚠CẢNH BÁO

Chạy động cơ xe trong khu vực kín gió hoặc không thông thoáng sẽ gia tăng khả năng tích tụ khí độc CO.

Hít phải khí không màu, không mùi này có thể làm bạn bất tỉnh và thậm chí bị tử vong. Chỉ chạy động cơ để vận hành bơm nén khí khi xe ở khu vực thông thoáng bên ngoài.

Còn nữa



1. Van Xả Khí
2. Công Tắc
3. TẮT
4. BẬT

7. Bật công tắc bơm nén khí để bơm lốp.
- ► Bơm nén khí bắt đầu bơm hơi vào lốp.
- ► Nếu bạn đã khởi động động cơ, hãy để động cơ chạy trong khi bơm hơi.

8. Bơm lốp đến áp suất lốp quy định.

9. Tắt bơm nén khí.
- ► Kiểm tra đồng hồ đo áp suất ở bơm nén khí.
- ► Nếu lốp quá căng, xoay van xả khí để xì bớt hơi.

10. Tắt động cơ, sau đó rút giắc cắm bơm nén khí ra khỏi ổ cắm điện phụ kiện.

11. Tháo ống mềm bơm nén khí ra khỏi thân van lốp. Lắp lại nắp van.

12. Cất bơm nén khí vào khoang hành lý.

Bơm Lốp Bị Xẹp

CHÚ Ý

Không vận hành bơm nén khí của dụng cụ vá lốp khẩn cấp quá 10 phút để tránh làm bơm nén khí quá nhiệt và bị hư hỏng.

Loại xe có lốp dự phòng loại nhỏ

Thay Lốp Xẹp

Nếu lốp bị xẹp khi đang lái, hãy giữ chắc vô lăng và phanh từ từ để giảm tốc độ. Sau đó, đỗ xe ở nơi an toàn. Thay lốp xẹp bằng lốp dự phòng loại nhỏ. Đưa xe đến đại lý càng sớm càng tốt để sửa hoặc thay lốp bị xẹp có cùng kích cỡ.

1. Đỗ xe ở bề mặt chắc chắn, bằng phẳng, không trơn trượt và gài phanh đỗ.
2. Gạt cần số đến R.
3. Bật đèn cảnh báo nguy hiểm và đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY.

Thay Lốp Xẹp

Tuân theo các lưu ý sau đối với lốp dự phòng loại nhỏ:
Kiểm tra định kỳ áp suất của lốp dự phòng loại nhỏ. Áp suất lốp phải đạt mức quy định.
Áp Suất Quy Định: 420 kPa (4,2 bar, 60 psi).

Khi lắp lốp dự phòng loại nhỏ, cần duy trì tốc độ lái dưới 80 km/h. Thay bằng lốp cùng kích cỡ càng sớm càng tốt.

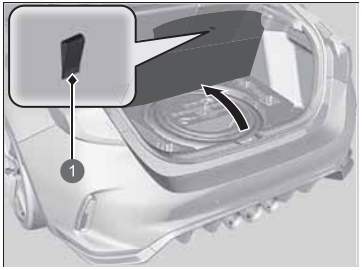
Lốp dự phòng loại nhỏ và bánh xe trên xe bạn là dành riêng cho loại xe này. Không sử dụng chúng cho xe khác cũng như không sử dụng lốp dự phòng loại nhỏ hoặc bánh xe khác cho xe bạn.

Dùng lốp dự phòng loại nhỏ sẽ làm xe đi gần hơn và độ bám đường kém đi. Bạn cần lái xe cẩn thận hơn.

Lốp dự phòng loại nhỏ nhỏ hơn lốp thông thường, vì vậy, khoảng sáng gầm xe sẽ thấp hơn thông thường khi bạn lắp lốp dự phòng loại nhỏ. Lái xe qua những đoạn đường nhiều mảnh vỡ hoặc có vật cản có thể làm hư hỏng gầm xe.

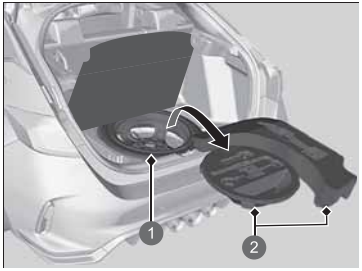
Còn nữa

■ Chuẩn Bị Thay Lốp Xẹp



1. Kéo dây trên nắp sàn để mở nắp.

❶ Dây



2. Lấy hộp dụng cụ trong khoang hành lý ra.
3. Lấy kích và cờ-lê vặn đai ốc bánh xe trong hộp dụng cụ ra.
4. Tháo bu-lông tai và tháo đệm côn, rồi tháo lốp dự phòng.

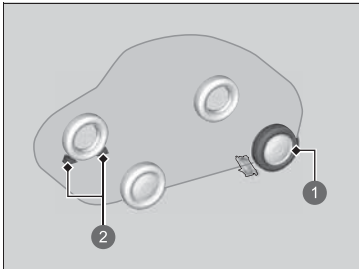
❶ Lốp Dự Phòng
❷ Hộp Dụng Cụ

Thay Lốp Xẹp

CẢNH BÁO: Kích chỉ có thể được sử dụng để hỗ trợ những xe bị xẹp lốp khẩn cấp, không dùng để thay lốp theo mùa thông thường hay cho bất kỳ hoạt động bảo dưỡng và sửa chữa thông thường khác.

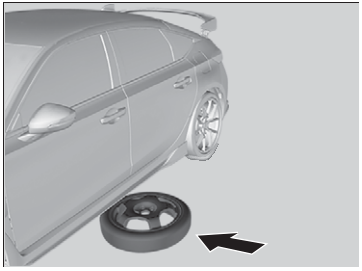
CHÚ Ý

Không dùng kích nếu kích không hoạt động đúng. Liên hệ với đại lý hoặc gọi dịch vụ kéo xe cứu hộ chuyên nghiệp.



❶ Lốp cần thay.
❷ Vật Chèn Bánh Xe

5. Đặt vật chèn bánh xe hoặc tảng đá chéo nhau vào phía trước và phía sau lốp xe bị xẹp.



6. Đặt lốp dự phòng (mặt bánh xe hướng lên) bên dưới thân xe, ở gần lốp cần thay.

Thay Lốp Xẹp

CHÚ Ý

Không lắp lốp dự phòng loại nhỏ cho bánh xe trước để tránh làm hỏng vi sai, vì lốp dự phòng loại nhỏ có kích cỡ nhỏ hơn kích cỡ của lốp dự phòng cùng kích cỡ.

Nếu một trong hai lốp trước bị xẹp, hãy tháo lốp sau ở cùng bên và lắp lốp dự phòng loại nhỏ vào bánh xe sau và lắp lốp sau vào bánh xe phía trước.

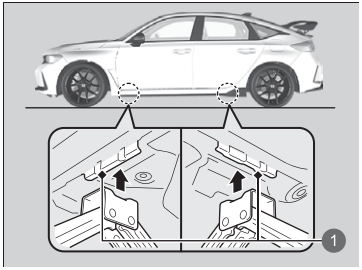
Không sử dụng nhiều lốp dự phòng loại nhỏ cùng một lúc.

Còn nữa



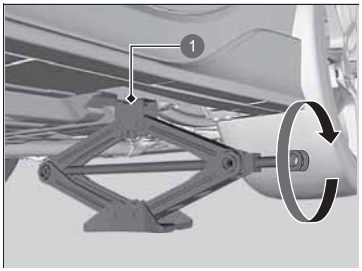
7. Dùng cờ lê vặn đai ốc bánh xe xoay một vòng để nới lỏng đai ốc bánh xe.

■ Cách Lắp Kích



1. Điểm Kê

1. Đặt kích bên dưới điểm kê gần nhất với lốp xe cần thay.



1. Điểm Kê

2. Xoay đầu tay quay theo chiều kim đồng hồ như hình vẽ cho đến khi đầu kích chạm vào điểm kê.
► Đảm bảo vấu điểm kê tỳ vào rãnh kích.

Cách Lắp Kích

⚠CẢNH BÁO

Xe có thể dễ dàng trượt khỏi kích, gây trọng thương cho người đang làm việc dưới gầm xe.

Làm đúng theo hướng dẫn khi thay lốp, không được để ai lại gần hoặc ở dưới gầm xe khi đang đỡ xe bằng kích.

CẢNH BÁO: Kích phải được đặt trên bề mặt phẳng và chắc chắn, bằng với bề mặt đang đỗ xe.

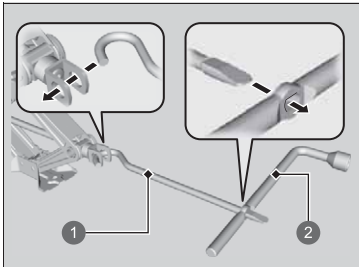
Không dùng kích khi có người hoặc đồ đạc trên xe.

Dùng kích dành riêng cho xe bạn.
Các kích khác có thể không phù hợp với trọng lượng ("tải trọng") hoặc không vừa điểm kích.

Làm theo các hướng dẫn sau để dùng kích an toàn:

- Không dùng kích khi động cơ đang chạy.
- Chỉ sử dụng kích trên bề mặt phẳng và chắc chắn.
- Chỉ kích tại điểm kê.
- Không được vào xe khi xe đang dùng kích.
- Không kê thêm bất cứ thứ gì lên phía trên hoặc phía dưới kích.

Còn nữa



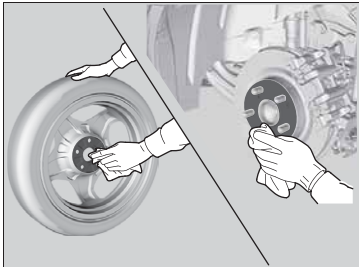
1 Thanh Nối Tay Kích
2 Cờ lê Vặn Đai Ốc Bánh Xe như Tay Kích

3. Nâng xe lên bằng thanh nối tay kích và tay kích cho đến khi lốp xe nâng lên khỏi mặt đất.

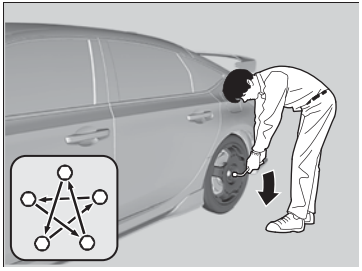
Thay Lốp Xẹp



1. Tháo đai ốc bánh xe và lốp xẹp.



2. Lau sạch bề mặt lắp ghép bánh xe bằng vải sạch.
3. Lắp lốp dự phòng loại nhỏ vào.
4. Vặn đai ốc bánh xe đến khi chạm vào miệng xung quanh lỗ gắn thì ngừng vặn.



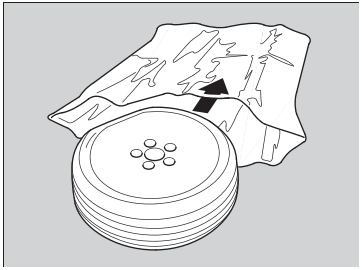
5. Hạ thấp xe và tháo kích ra. Siết chặt các đai ốc bánh xe theo thứ tự như hình vẽ. Siết lần lượt từng ốc từ hai đến ba lần theo thứ tự này.
Lực siết đai ốc bánh xe:
127 N·m (13 kgf·m, 94 lbf·ft)

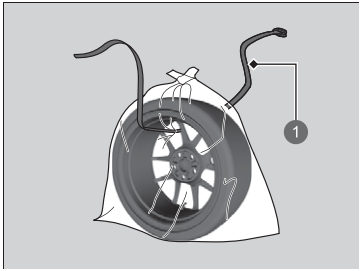
Thay Lốp Xẹp

Không siết đai ốc bánh xe quá chặt bằng chân hoặc ống nối.

Còn nữa

■ Cất Giữ Lốp Xẹp





1. Đặt lốp bị xẹp vào túi đựng lốp được trang bị theo xe của bạn.
   ► Túi đựng lốp nằm ở hộp dụng cụ.
2. Thắt chặt miệng túi đựng lốp.
3. Đặt cẩn thận kích, thanh nối tay kích và cờ lê vặn đai ốc bánh xe vào hộp dụng cụ.
4. Đục thủng túi đựng lốp và luồn dây đai qua lỗ đó của túi và bánh xe của lốp xẹp như hình minh họa.

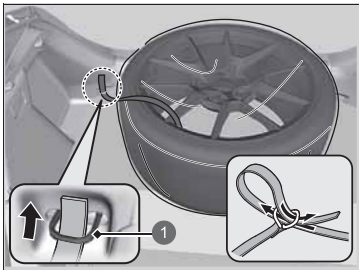
1 Dây Đai

Cất Giữ Lốp Xẹp

⚠CẢNH BÁO

Để vật dụng không chắc chắn có thể làm vật dụng đó văng trong xe gây trọng thương cho người ngồi trong xe.

Cất bánh xe, kích và dụng cụ cẩn thận trước khi lái xe.

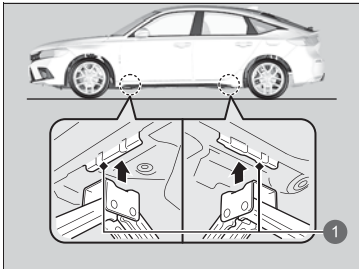


1 Móc Neo Phía Sau

5. Đặt lốp bị xẹp vào khoang hành lý và luồn dây đai qua móc neo phía sau như hình minh họa.
6. Luồn dây đai qua móc neo và thắt chặt dây đai để cố định lốp xẹp vào đúng vị trí.

Loại xe có dụng cụ vá lốp khẩn cấp

Xe của bạn có các điểm kê kích như hình vẽ. Hãy tham khảo đại lý khi thay lốp xe.



1 Điểm Kê

Kiểm Tra Động Cơ

Nếu động cơ không khởi động, hãy kiểm tra bộ khởi động.

Tình trạng bộ khởi động	Danh mục kiểm tra
Bộ khởi động không khởi động hoặc khởi động quá chậm. Có thể ắc quy chết. Kiểm tra từng mục bên phải.	**Kiểm tra thông báo trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.** Nếu thông báo **To start, touch start button with emblem side of remote** (Để khởi động, hãy chạm vào nút khởi động ở mặt có biểu tượng của chìa khóa điều khiển từ xa) xuất hiện. ➡ **Nếu Pin Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa/Khóa Thẻ Từ Yếu** Tr. 691
	Kiểm tra cầu chì. Kiểm tra tất cả các cầu chì, hoặc đưa xe đến đại lý để kiểm tra. ➡ **Kiểm Tra và Thay Cầu Chì** Tr. 712
Bộ khởi động hoạt động bình thường nhưng động cơ không khởi động. Có thể cầu chì có sự cố. Kiểm tra từng mục bên phải.	**Xem lại quy trình khởi động động cơ.** Làm theo các hướng dẫn, và thử khởi động lại động cơ. ➡ **Khởi Động Động Cơ** Tr. 397
	Kiểm tra đèn báo hệ thống chống nổ máy. Khi đèn báo hệ thống chống nổ máy nhấp nháy, không thể khởi động động cơ. ➡ **Hệ Thống Chống Nổ Máy** Tr. 201 ➡ **Đèn Báo Hệ Thống Chống Nổ Máy** Tr. 123
	Kiểm tra mức nhiên liệu. Cần có đủ nhiên liệu trong bình chứa. ➡ **Đồng Hồ Đo Nhiên Liệu** Tr. 135
	Kiểm tra cầu chì. Kiểm tra tất cả các cầu chì, hoặc đưa xe đến đại lý để kiểm tra. ➡ **Kiểm Tra và Thay Cầu Chì** Tr. 712
	Nếu sự cố vẫn còn: ➡ **Kéo Xe Khẩn Cấp** Tr. 715

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Còn nữa

Nếu bạn không thể khởi động động cơ sau khi kiểm tra tất cả các mục ở danh sách trên, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

Nếu cần khởi động xe ngay, dùng xe khác hỗ trợ hoặc ắc quy nối ngoài để khởi động động cơ.

Nếu Ắc Quy Chết Tr. 695

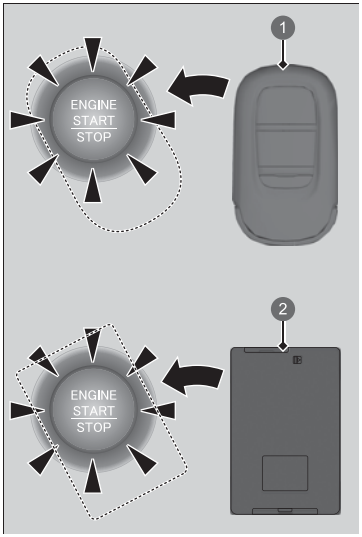
Không giữ nút **ENGINE START/STOP** quá 15 giây.

Tùy vào tình huống, có thể tạm thời khởi động động cơ bằng quy trình khởi động khẩn cấp.

Khởi Động Động Cơ Khẩn Cấp Tr. 693

Nếu Pin Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa/Khóa Thẻ Từ* Yếu

Nếu tiếng bíp vang lên, thông báo **To start, touch start button with emblem side of remote** (Để khởi động, hãy chạm vào nút khởi động ở mặt có biểu tượng của chìa khóa điều khiển từ xa) xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái, nút **ENGINE START/STOP** nhấp nháy, và động cơ không khởi động. Hãy khởi động động cơ như sau:

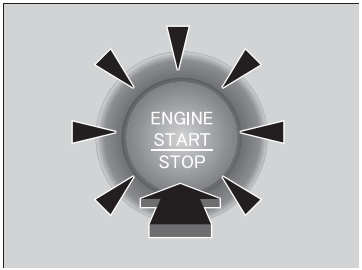


❶ Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa
❷ Khóa Thẻ Từ*

1. Ấn nút **ENGINE START/STOP**.
   ▶ Tiếng bíp vang lên và nút **ENGINE START/STOP** nhấp nháy khoảng 30 giây.
2. Áp logo chữ **H** trên chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* vào giữa nút **ENGINE START/STOP** trong khi nút **ENGINE START/STOP** đang nhấp nháy. Các nút trên chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* phải quay về phía bạn.
   ▶ Tiếng bíp vang lên và nút **ENGINE START/STOP** tiếp tục sáng trong khoảng 10 giây.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Còn nữa



3. Nhấn bàn đạp phanh (hộp số vô cấp) hoặc bàn đạp ly hợp (hộp số thường) và ấn nút **ENGINE START/STOP** trong khi nút **ENGINE START/STOP** sáng.
► Động cơ khởi động.
► Nếu bạn không nhấn bàn đạp phanh, chế độ sẽ chuyển sang PHỤ KIỆN.

Loại xe có hộp số vô cấp

Khởi Động Động Cơ Khẩn Cấp

Nếu không khởi động động cơ theo quy trình khởi động động cơ thông thường, bạn có thể khởi động động cơ bằng quy trình khởi động khẩn cấp dưới đây.

Không sử dụng quy trình này nếu không phải là trường hợp khẩn cấp.

1. Kiểm tra xem có gài phanh đỗ không.
2. Kiểm tra xem có đang ở số P không, sau đó đặt chế độ nguồn đến PHỤ KIỆN.
3. Nhấn chắc chắn bàn đạp phanh, ấn và giữ nút **ENGINE START/STOP** trong ít nhất 15 giây.

Ngay cả khi bạn có thể khởi động động cơ bằng quy trình trên thì đây vẫn được coi là hệ thống có sự cố.
Hãy đưa ngay xe của bạn đến đại lý để kiểm tra.

Khởi Động Động Cơ Khẩn Cấp

Tham khảo mục sau nếu bạn không thể gạt cần số ra khỏi P.

Không Gạt Được Cần Số Tr. 698

Dừng Động Cơ Khẩn Cấp

Có thể dùng nút **ENGINE START/STOP** để dừng động cơ trong tình huống khẩn cấp ngay cả khi đang lái xe. Nếu bạn phải dừng động cơ, hãy thực hiện một trong hai thao tác sau:

- Ấn và giữ nút **ENGINE START/STOP** trong khoảng hai giây.
- Ấn dứt khoát nút **ENGINE START/STOP** ba lần.

Vô lăng sẽ không khóa. Tuy nhiên, vì việc tắt động cơ sẽ làm tắt nguồn điện giúp động cơ cung cấp cho hệ thống lái và phanh, nên sẽ cần nhiều lực và thời gian hơn để lái và giảm tốc độ xe. Phanh bằng cả hai chân để giảm tốc độ xe và ngay lập tức dừng ở nơi an toàn. Với loại xe có số sàn, bạn cũng có thể giảm số để sử dụng phanh động cơ.

Loại xe có hộp số vô cấp

Chế độ nguồn ở PHỤ KIỆN khi động cơ dừng.
Để thay đổi chế độ sang TẮT MÁY, gạt cần số đến P sau khi xe dừng hoàn toàn. Sau đó, ấn nút **ENGINE START/STOP** hai lần mà không nhấn bàn đạp phanh.

Loại xe số sàn

Chuyển chế độ nguồn sang TẮT MÁY.

Dừng Động Cơ Khẩn Cấp

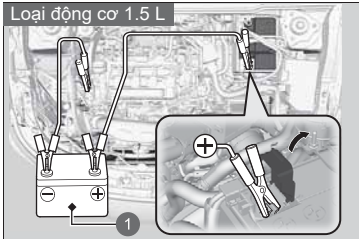
CHÚ Ý

Không ấn nút **ENGINE START/STOP** trong khi đang lái trừ khi thật sự cần thiết phải tắt động cơ. Nếu bạn ấn nút **ENGINE START/STOP** trong khi đang lái xe, tiếng bíp sẽ vang lên.

Quy Trình Khởi Động Bằng Ắc Quy Nối Ngoài

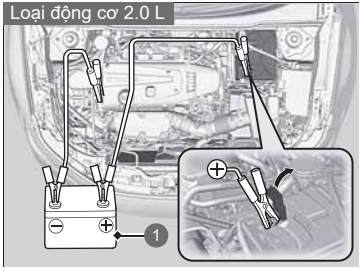
Tắt hết các thiết bị điện, như đèn và hệ thống âm thanh. Tắt động cơ, sau đó mở nắp ca-pô.

Loại động cơ 1.5 L



1 Ắc Quy Hỗ Trợ

Loại động cơ 2.0 L



1 Ắc Quy Hỗ Trợ

1. Mở nắp ở cực dương ⊕ ắc quy của xe.
2. Nối dây cáp nối ngoài thứ nhất vào cực ⊕ của ắc quy xe.
3. Nối đầu còn lại của dây cáp thứ nhất vào cực ⊕ của ắc quy hỗ trợ.
   - ▶ Chỉ sử dụng ắc quy hỗ trợ loại 12 vôn.
   - ▶ Khi sử dụng nạp ắc quy ô tô để hỗ trợ ắc quy của xe bạn, chọn điện áp nạp dưới 15 vôn. Kiểm tra tài liệu hướng dẫn sử dụng nạp để cài đặt cho phù hợp.

≫Nếu Ắc Quy Chết

⚠CẢNH BÁO

Ắc quy có thể nổ gây trọng thương cho bất kỳ ai ở gần ắc quy nếu không làm đúng theo quy trình.

Không để ắc quy gần tia lửa, ngọn lửa và các chất dễ bắt lửa.

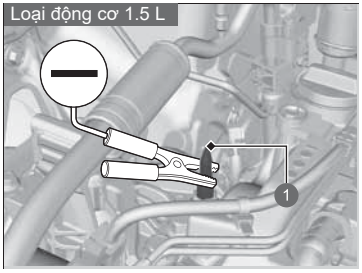
CHÚ Ý

Nếu để ắc quy trong điều kiện nhiệt độ cực lạnh, chất điện phân có thể bị đóng băng. Khởi động bằng ắc quy nối ngoài bị đóng băng có thể gây đoản mạch.

Gắn chắc kẹp dây cáp nối ngoài để nó không tuột khi động cơ rung. Chú ý không để lộn xộn cáp nối ngoài hoặc để các đầu cáp chạm vào nhau khi đang gắn hoặc tháo rời các cáp nối ngoài.

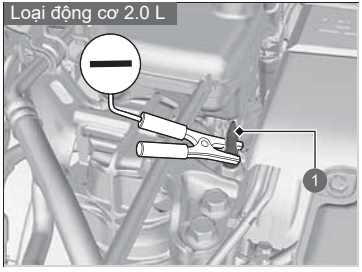
Còn nữa

Loại động cơ 1.5 L



1 Bu Lông Hai Đầu Ren

Loại động cơ 2.0 L



1 Bu Lông Hai Đầu Ren

4. Nối đầu dây cáp nối ngoài thứ hai vào cực ⊖ ắc quy hỗ trợ.
5. Nối đầu còn lại của dây cáp thứ hai vào bu lông hai đầu ren như hình vẽ. Không nối dây cáp nối ngoài vào bất cứ bộ phận nào khác.
6. Nếu xe bạn được nối với xe khác, hãy khởi động động cơ xe hỗ trợ và ga nhẹ.
7. Cố khởi động động cơ xe. Nếu xe khởi động chậm, kiểm tra xem các dây cáp nối ngoài đã được nối đúng chưa.

Nếu Ắc Quy Chết

Ắc quy để trong điều kiện nhiệt độ thấp sẽ hoạt động kém hiệu quả và làm động cơ khó khởi động.

Làm Gì Sau Khi Khởi Động Động Cơ

Sau khi đã khởi động được động cơ, tháo dây cáp nối ngoài ra theo trình tự sau.

1. Tháo dây cáp nối ngoài ra khỏi bu lông hai đầu ren của xe bạn.
2. Tháo đầu còn lại của dây cáp nối ngoài ra khỏi cực ⊖ của ắc quy hỗ trợ.
3. Tháo dây cáp nối ngoài ra khỏi cực ⊕ của ắc quy xe.
4. Tháo đầu còn lại của dây cáp nối ngoài ra khỏi cực ⊕ của ắc quy hỗ trợ.

Đưa xe đến gara gần đó hoặc đến đại lý để kiểm tra.

Nếu Ắc Quy Chết

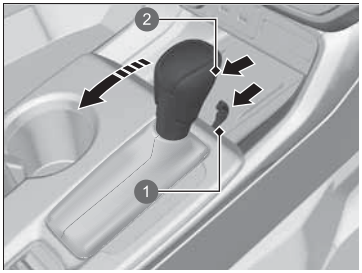
Các đèn báo Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp*, Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC)*, Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA), TẮT Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA)*, Hỗ Trợ An Toàn có thể sáng khi bạn bật chế độ nguồn sau khi lắp lại ắc quy.
Hãy lái xe một quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h. Từng đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn báo không tắt, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Loại xe có hộp số vô cấp

Làm theo quy trình dưới đây nếu không gạt được cần số ra khỏi vị trí P.

■ Nhả Khóa



❶ Khe Nhả Khóa Sang Số
❷ Nút Nhả

1. Gài phanh đỗ.
2. Đặt chế độ nguồn đến TẮT MÁY.
3. Rút chìa khóa tích hợp ra khỏi chìa khóa điều khiển từ xa.
4. Cắm chìa khóa tích hợp vào khe nhả khóa sang số.
5. Trong khi ấn chìa khóa xuống, ấn nút nhả cần số và gạt cần số đến N.
▶ Lúc này khóa đã nhả ra. Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra cần số càng sớm càng tốt.

Loại động cơ 1.5 L

Cách Xử Lý Quá Nhiệt

Dấu hiệu động cơ bị quá nhiệt:

- Thông báo **Engine temperature too hot. Do not drive. Allow engine to cool.** (Động cơ quá nhiệt. Không lái xe. Hãy để động cơ nguội bớt) xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.
- Hơi nước hoặc tia nước bắn ra từ khoang động cơ.

■ Bước đầu tiên

1. Đỗ ngay xe ở nơi an toàn.

2. Tắt hết tất cả các phụ kiện và bật đèn cảnh báo nguy hiểm.

► **Không có hơi nước hoặc tia nước bắn ra:** Để động cơ chạy và mở nắp ca-pô.

► **Hơi nước hoặc tia nước bắn ra:** Tắt động cơ và đợi cho đến khi hơi hoặc tia nước không còn bắn ra thì mở nắp ca-pô.

»Cách Xử Lý Quá Nhiệt

⚠CẢNH BÁO

Hơi nước và tia nước bắn ra do động cơ bị quá nhiệt có thể gây bỏng nặng.

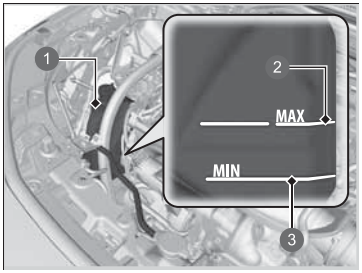
Không mở nắp ca-pô khi đang có hơi nước bắn ra.

CHÚ Ý

Tiếp tục lái xe khi thông báo **Engine temperature too hot. Do not drive. Allow engine to cool.** (Động cơ quá nhiệt. Không lái xe. Hãy để động cơ nguội bớt) xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái có thể làm hỏng động cơ.

Còn nữa

■ Bước tiếp theo



1. Bình Chứa
2. **TỐI ĐA**
3. **TỐI THIỂU**

1. Kiểm tra xem quạt làm mát có chạy và động cơ có dừng khi thông báo **Engine temperature too hot. Do not drive. Allow engine to cool.** (Động cơ quá nhiệt. Không lái xe. Hãy để động cơ nguội bớt) biến mất khỏi màn hình giao diện thông tin cho người lái không.
▶ Nếu quạt làm mát không chạy, phải tắt động cơ ngay.

2. Khi động cơ đã nguội, kiểm tra mức nước làm mát và kiểm tra rò rỉ các bộ phận hệ thống làm mát.
▶ Nếu mức nước làm mát trong bình chứa thấp, hãy đổ thêm nước làm mát đến vạch **MAX**.
▶ Nếu không có nước làm mát trong bình chứa, kiểm tra xem két nước có mát không. Bọc nắp két nước bằng miếng vải dày rồi mở nắp. Nếu cần, bổ sung nước làm mát đến đế cổ lọc và đóng nắp lại.

■ Bước cuối cùng

Khi động cơ đã nguội hẳn, khởi động lại động cơ và kiểm tra màn hình giao diện thông tin cho người lái.
Nếu thông báo **Engine temperature too hot. Do not drive. Allow engine to cool.** (Động cơ quá nhiệt. Không lái xe. Hãy để động cơ nguội bớt) không xuất hiện nữa, tiếp tục lái xe. Nếu thông báo này lại xuất hiện, hãy liên hệ với đại lý để sửa chữa.

Cách Xử Lý Quá Nhiệt

⚠CẢNH BÁO

Tháo nắp két nước khi động cơ còn nóng có thể làm bắn nước làm mát ra ngoài, gây bỏng nặng.

Luôn để động cơ và két nước nguội trước khi tháo nắp két nước.

Nếu bị rò rỉ nước làm mát, hãy liên hệ với đại lý để sửa chữa.

Dùng nước chỉ là biện pháp khẩn cấp/tạm thời. Hãy đưa xe đến đại lý để thay nước làm mát chính hãng càng sớm càng tốt.

Loại động cơ 2.0 L

Cách Xử Lý Quá Nhiệt

Dấu hiệu động cơ bị quá nhiệt:

- Đồng hồ đo nhiệt độ ở vạch H hoặc động cơ đột ngột mất nguồn điện.
- Thông báo **Engine temperature too hot. Do not drive. Allow engine to cool.** (Động cơ quá nhiệt. Không lái xe. Hãy để động cơ nguội bớt) xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.
- Hơi nước hoặc tia nước bắn ra từ khoang động cơ.

■ Bước đầu tiên

1. Đỗ ngay xe ở nơi an toàn.

2. Tắt hết tất cả các phụ kiện và bật đèn cảnh báo nguy hiểm.

▶ **Không có hơi nước hoặc tia nước bắn ra:** Để động cơ chạy và mở nắp ca-pô.

▶ **Hơi nước hoặc tia nước bắn ra:** Tắt động cơ và đợi cho đến khi hơi hoặc tia nước không còn bắn ra thì mở nắp ca-pô.

Cách Xử Lý Quá Nhiệt

⚠CẢNH BÁO

Hơi nước và tia nước bắn ra do động cơ bị quá nhiệt có thể gây bỏng nặng.

Không mở nắp ca-pô khi đang có hơi nước bắn ra.

CHÚ Ý

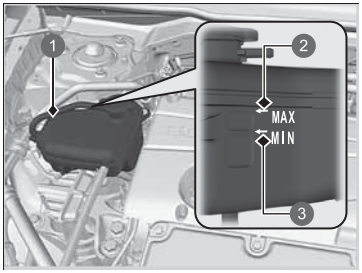
Tiếp tục lái xe khi đồng hồ đo nhiệt độ ở vạch H có thể làm hỏng động cơ.

CHÚ Ý

Tiếp tục lái xe khi thông báo **Engine temperature too hot. Do not drive. Allow engine to cool.** (Động cơ quá nhiệt. Không lái xe. Hãy để động cơ nguội bớt) xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái có thể làm hỏng động cơ.

Còn nữa

■ Bước tiếp theo



❶ Bình Chứa
❷ **TỐI ĐA**
❸ **TỐI THIỂU**

1. Kiểm tra xem quạt làm mát có chạy và động cơ có dừng khi đồng hồ đo nhiệt độ giảm xuống không.
► Nếu quạt làm mát không chạy, phải tắt động cơ ngay.

2. Khi động cơ đã nguội, kiểm tra mức nước làm mát và kiểm tra rò rỉ các bộ phận hệ thống làm mát.
► Nếu mức nước làm mát trong bình chứa thấp, hãy đổ thêm nước làm mát đến vạch **MAX**.
► Nếu không có nước làm mát trong bình chứa, kiểm tra xem két nước có mát không. Bọc nắp két nước bằng miếng vải dày rồi mở nắp. Nếu cần, bổ sung nước làm mát đến đế cổ lọc và đóng nắp lại.

■ Bước cuối cùng

Khi động cơ đã nguội hẳn, khởi động lại động cơ và kiểm tra đồng hồ đo nhiệt độ. Nếu đồng hồ đo nhiệt độ giảm xuống, tiếp tục lái xe. Nếu đồng hồ đo nhiệt độ không giảm xuống, hãy liên hệ với đại lý để sửa chữa.

Cách Xử Lý Quá Nhiệt

⚠CẢNH BÁO

Tháo nắp két nước khi động cơ còn nóng có thể làm bắn nước làm mát ra ngoài, gây bỏng nặng.

Luôn để động cơ và két nước nguội trước khi tháo nắp két nước.

Nếu bị rò rỉ nước làm mát, hãy liên hệ với đại lý để sửa chữa.

Dùng nước chỉ là biện pháp khẩn cấp/tạm thời. Hãy đưa xe đến đại lý để thay nước làm mát chính hãng càng sớm càng tốt.

Nếu Cảnh Báo Áp suất dầu động cơ thấp Xuất Hiện



■ **Nguyên nhân cảnh báo xuất hiện**

Xuất hiện khi áp suất dầu động cơ thấp.

■ **Làm gì ngay khi cảnh báo xuất hiện**

1. Đỗ ngay xe ở nơi bằng phẳng, an toàn.

2. Nếu cần, hãy bật đèn cảnh báo nguy hiểm.

■ **Làm gì sau khi đỗ xe**

1. Dừng động cơ và để động cơ nghỉ khoảng ba phút.

2. Mở nắp ca-pô và kiểm tra mức dầu.

▶ Bổ sung dầu nếu cần.

➡ **Kiểm Tra Dầu** Tr. 613

3. Khởi động động cơ và kiểm tra cảnh báo **Engine oil pressure low** (Áp suất dầu động cơ thấp).

▶ Cảnh báo biến mất: Tiếp tục lái xe.

▶ Cảnh báo không biến mất trong 10 giây: Dừng ngay động cơ và liên hệ với đại lý để sửa chữa.

Nếu Cảnh Báo Áp suất dầu động cơ thấp Xuất Hiện

CHÚ Ý

Chạy động cơ với áp suất dầu thấp có thể khiến động cơ nhanh bị hỏng.

Nếu Đèn Báo Hệ Thống Nạp Điện Sáng



■ Nguyên nhân đèn báo sáng

Sáng nếu hệ thống nạp điện có sự cố.

■ Làm gì khi đèn báo sáng

Dừng xe ở nơi an toàn và đưa ngay xe đến đại lý để kiểm tra.

Nếu Đèn Báo Sự Cố Sáng hoặc Nhấp Nháy



■ Nguyên nhân đèn báo sáng hoặc nhấp nháy

- Sáng nếu hệ thống kiểm soát khí thải động cơ có sự cố.
- Nhấp nháy khi phát hiện ra hiện tượng mất lửa.

■ Làm gì khi đèn báo sáng

Tránh lái xe ở tốc độ cao và đưa ngay xe đến đại lý để kiểm tra.

■ Làm gì khi đèn báo nhấp nháy

Đỗ xe ở nơi an toàn và không có vật dễ cháy ở gần, đợi ít nhất từ 10 phút trở lên từ khi động cơ dừng cho đến khi nguội.

Nếu Đèn Báo Hệ Thống Nạp Điện Sáng

Nếu bạn cần dừng xe tạm thời, không tắt động cơ. Khởi động lại động cơ có thể làm nhanh hết điện ắc quy.

Nếu Đèn Báo Sự Cố Sáng hoặc Nhấp Nháy

CHÚ Ý

Nếu bạn lái xe khi đèn báo sự cố sáng, hệ thống kiểm soát khí thải và động cơ có thể bị hỏng.

Nếu đèn báo sự cố vẫn nhấp nháy khi khởi động lại động cơ, hãy lái xe đến đại lý gần nhất với tốc độ từ 50 km/h trở xuống để kiểm tra xe.

Nếu Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Đỏ) Sáng hoặc Nhấp Nháy



(Đỏ)

■ **Nguyên nhân đèn báo sáng**

- Mức dầu phanh thấp.
- Hệ thống phanh có sự cố.

■ **Làm gì khi đèn báo sáng trong khi đang lái**

Nhấn nhẹ bàn đạp phanh để kiểm tra áp suất phanh.

- Nếu bình thường, kiểm tra mức dầu phanh khi dừng xe.
- Nếu bất thường, cần xử lý ngay. Nếu cần, giảm số bằng phanh động cơ để giảm tốc độ xe.

■ **Nguyên nhân đèn báo nhấp nháy**

- Hệ thống phanh đỗ điện có sự cố.

■ **Làm gì khi đèn báo nhấp nháy**

- Tránh sử dụng phanh đỗ và đưa ngay xe của bạn đến đại lý để kiểm tra.

Nếu Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Đỏ) Sáng hoặc Nhấp Nháy

Đưa ngay xe đi sửa chữa.
Lái xe với mức dầu phanh thấp sẽ rất nguy hiểm. Nếu không thấy có lực cản ở bàn đạp phanh, hãy dừng ngay xe ở nơi an toàn. Nếu cần, giảm số.

Nếu đèn báo hệ thống phanh (đỏ) và đèn báo **ABS** cùng sáng, hệ thống phân phối phanh điện tử không hoạt động. Điều này có thể làm mất tính ổn định của xe khi phanh gấp.
Hãy đưa ngay xe đến đại lý để kiểm tra.

Nếu đèn báo hệ thống phanh (đỏ) nhấp nháy đồng thời đèn báo hệ thống phanh (hổ màu phách) sáng, phanh đỗ có thể không hoạt động. Tránh dùng phanh đỗ và đưa ngay xe đến đại lý để kiểm tra.

Nếu Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Đỏ) Sáng hoặc Nhấp Nháy Đồng Thời Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Màu Hổ Phách) Sáng Tr. 707

Nếu Đèn Báo Hệ Thống Lái Trợ Lực Điện (EPS) Sáng



■ **Nguyên nhân đèn báo sáng**

- Sáng nếu hệ thống EPS có sự cố.

■ **Làm gì khi đèn báo sáng**

- Dừng xe ở nơi an toàn và khởi động lại động cơ.
  Nếu đèn báo vẫn tiếp tục sáng, hãy đưa ngay xe đến đại lý để kiểm tra.

- Nếu thông báo **Do not drive** (Không lái xe) xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái, hãy dừng ngay xe ở nơi an toàn và liên hệ với đại lý.

Nếu Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Đỏ) Sáng hoặc Nhấp Nháy Đồng Thời Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Màu Hổ Phách) Sáng



(Đỏ)



(Hổ Phách)

■ **Nếu đèn báo hệ thống phanh (đỏ) sáng hoặc nhấp nháy đồng thời đèn báo hệ thống phanh (màu hổ phách) sáng, hãy nhả phanh đỗ bằng tay hoặc tự động.**

➡ **Phanh Đỗ** Tr. 555

- Nếu đèn báo hệ thống phanh (đỏ) tiếp tục sáng hoặc nhấp nháy đồng thời đèn báo hệ thống phanh (hổ màu phách) cũng sáng, hãy dừng xe nơi an toàn và đưa ngay xe đến đại lý kiểm tra.
  ► Không để xe di chuyển.

  Loại xe có hộp số vô cấp

  Gạt cần số đến P.

  Loại xe số sàn

  Gạt cần số đến 1 hoặc R.

- Nếu chỉ có đèn báo hệ thống phanh (đỏ) tắt, tránh dùng phanh đỗ và đưa ngay xe đến đại lý để kiểm tra.

Nếu Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Đỏ) Sáng hoặc Nhấp Nháy Đồng Thời Đèn Báo Hệ Thống (Màu Hổ Phách) Sáng

Nếu bạn gài phanh đỗ, có thể sẽ không nhả được phanh.

Nếu đèn báo hệ thống phanh (đỏ) và đèn báo hệ thống phanh (màu hổ phách) sáng cùng một lúc chứng tỏ phanh đỗ đang hoạt động.

Nếu đèn báo hệ thống phanh (đỏ) nhấp nháy đồng thời đèn báo hệ thống phanh (hổ màu phách) sáng, phanh đỗ có thể không hoạt động bởi vì nó đang kiểm tra hệ thống.

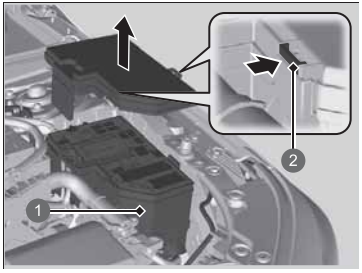
Nếu bạn liên tục vận hành phanh đỗ điện trong thời gian ngắn, phanh sẽ ngừng hoạt động để hệ thống không bị nóng lên và đèn báo sẽ nhấp nháy.
Phanh sẽ trở lại trạng thái ban đầu trong khoảng 1 phút.

Vị Trí Cầu Chì

Nếu có bất kỳ thiết bị điện nào không hoạt động, đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY (KHÓA) và kiểm tra xem có cầu chì nào bị nổ không.

■ Hộp Cầu Chì Khoang Động Cơ

Được đặt gần ắc quy. Đẩy các vấu để mở hộp cầu chì.
Xác định vị trí cầu chì cần tìm theo số cầu chì và số vỏ hộp.



1 Hộp Cầu Chì
2 Vấu

■ Mạch được bảo vệ và cường độ dòng điện

		Mạch Được Bảo Vệ	Cường Độ
1		Ắc Quy	125 A
2	–	–	40 A
	–	–	40 A
		Tùy Chọn Hộp Cầu Chì	60 A
	–	–	40 A
		Tùy Chọn Hộp Cầu Chì 2	40 A
		DC/DC2*	(30 A)
		Hộp Cầu Chì Chính	60 A
3	–	–	40 A
	–	–	40 A
	–	–	40 A
		Bộ Sấy Kính Sau	40 A
	–	–	40 A
		Mô-tơ Quạt Gió	40 A
	–	–	40 A
4	–	–	30 A
		Mô-tơ ABS/VSA	40 A
		DC/DC*	(30 A)
	–	–	30 A
		IG Chính	30 A
	–	–	30 A
		Mô-đun Rơ-le 2	30 A
5		Công Tắc Từ Bộ Khởi Động	30 A
		Cần Gạt Nước Trước	30 A
		EPS	70 A
		Mô-đun Rơ-le 1	30 A*1
		RFC	50 A*2
		ABS/VSA FSR	40 A
		Quạt Chính	30 A*1
		Mô-đun Rơ-le 1	30 A*2
		Hộp Cầu Chì Chính 2	40 A
6		Quạt Phụ	30 A*1
	–	–	–*2
7		IG 2 Chính	30 A
8	–	–	–*1
		Van Xả Chủ Động	7,5 A*2
9		–	(30 A)
10		ÂM THANH PHỤ	(7,5 A)
11	–	–	–
12	–	–	–
13		–	(10 A)

*1: Loại động cơ 1.5 L
*2: Loại động cơ 2.0 L

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

		Mạch Được Bảo Vệ	Cường Độ
14	–	–	–
15		Đèn Sương Mù Trước*	(10 A)
16		Ly Hợp MG	10 A*1 (10 A)*2
17		Rửa Kính	15 A
18		Còi	10 A
19		ĐÈN LÙI	15 A
20		ÂM THANH	(15 A)
21	– 	– RFC RLY CL+	–*1 7,5 A*2
22		DBW	15 A
23		–	(20 A)
24		FI-ECU ĐÈN LÙI	10 A
25		IGP	15 A
26		TCU*	(15 A)
27		LCM L	(15 A)
28	 –	INJ –	(15 A)*1 –*2
29		Đèn Phanh	10 A
30		LCM R	(15 A)
31		Cuộn Đánh Lửa	15 A
32	–	–	–
33		Nguy Hiểm	15 A

		Mạch Được Bảo Vệ	Cường Độ
34		VST ÂM THANH PHỤ*	(7,5 A)
35	–	–	–
36		VST ÂM THANH CHÍNH *	(30 A)
37		ĐÈN LÙI 2	(30 A)*1
38	–	–	–
39	–	–	–
40		VBACT*1 –*2	(10 A)
41		IGPS[LAF]	10 A
42		IG2 MON2 –	7,5 A*1 (7,5 A)*2
43	–	–	–*2
44		–	(30 A)*2

* 1: Loại động cơ 1.5 L
* 2: Loại động cơ 2.0 L

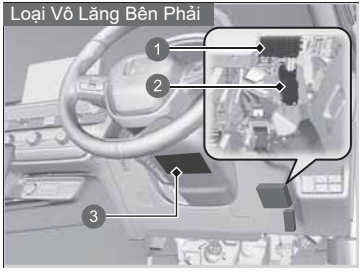
* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Còn nữa

■ Hộp Cầu Chì Trong Xe

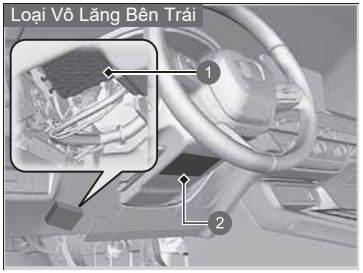
Đặt dưới bảng táp-lô.
Các vị trí cầu chì có ở trên nhãn cầu chì dưới trụ lái.
Xác định vị trí cầu chì cần tìm theo số cầu chì và số trên nhãn cầu chì.

Loại Vô Lăng Bên Phải



❶ Hộp Cầu Chì
❷ Hộp Cầu Chì Phụ*
❸ Nhãn Cầu Chì

Loại Vô Lăng Bên Trái



❶ Hộp Cầu Chì
❷ Nhãn Cầu Chì

■ Mạch được bảo vệ và cường độ dòng điện

		Mạch Được Bảo Vệ	Cường Độ
1		Cửa Kính Điện Phía Người Lái	20 A
2		Cửa Kính Điện Phía Hành Khách	20 A
3		Cửa Kính Điện Phía Sau Phải	20 A
4		Cửa Kính Điện Phía Sau Trái	20 A
5		Tùy Chọn	10 A
6		SRS	10 A
7		Mô-tơ Cửa Hậu	10 A
8	–	–	–
9		Ổ Cắm Điện Phụ Kiện Trước	20 A
10		Khóa Cửa	20 A
11		ĐỒNG HỒ ĐO	10 A
12		Tùy Chọn 3 (NGẮT ST)	10 A
13		Tùy Chọn 2 (RR WIP)	(10 A)
14		Tùy Chọn 6 (VB SOL)	10 A
15		–	(10 A)
16		–	(20 A)
17		–	(10 A)
18	–	–	–
19	–	–	–

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

		Mạch Được Bảo Vệ	Cường Độ
20		Đèn Sương Mù Sau*	(10 A)
21		–	(20 A)
22		hệ thống truy cập từ xa	10 A
23		–	(10 A)
24		–	(7,5 A)
25		IMG	10 A
26		SRS	10 A
27		Rơ-le Ngắt Bộ Khởi Động	20 A
28		Tùy Chọn 5	10 A
29		Bơm Nhiên Liệu	15 A
30		Mở Khóa Cửa Bên Trái	10 A
31		Mở Khóa Cửa Bên Phải	10 A
32	–	–	–
33	–	–	–
34	–	–	–
35	–	–	–
36		–	(20 A)
37		–	(15 A)
38	–	–	–
39		Khóa Cửa Bên Phải	10 A
40		Ghế Điện Người Lái (REC / RR H)*	(20 A)

		Mạch Được Bảo Vệ	Cường Độ
41		Ghế Điện Người Lái (TRƯỢT / FR HI)*	(20 A)
42		–*1 Đèn Lùi*2	(10 A)
43		ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ	10 A
44		Đèn Ban Ngày	10 A
45		ACC	10 A
46		CHÌA KHÓA ACC	10 A
47		Khóa Cửa Bên Trái	10 A
48		Bộ Sưởi Ghế Trước*	20 A
49		Ghế Điện Hành Khách (REC)*	(20 A)
50		–	(10 A)
51		–	(10 A)
52		–	(20 A)
53		Ghế Điện Hành Khách (TRƯỢT)*	(20 A)
54		Tùy Chọn1/Nắp Nhiên Liệu	10 A
55		BỘ KHUẾCH ĐẠI ÂM THANH*	(30 A)
56		Hệ Thống Giảm Chấn Thích Ứng*	(30 A)

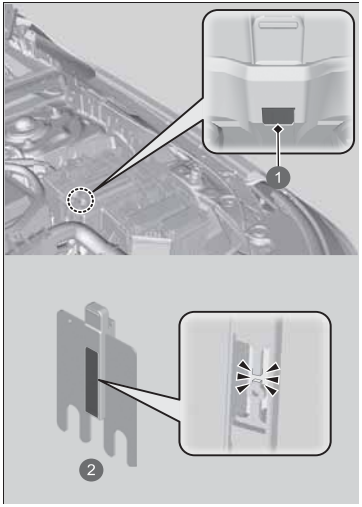
Hộp Cầu Chì Phụ

		Mạch Được Bảo Vệ	Cường Độ
A		ĐÈN LÙI CHÍNH 2	(10 A)*1
B		VST ÂM THANH PHỤ	(7,5 A)*1
C		VST ACC	(10 A)*1
D		RƠ-LE 1 IG1	(10 A)*1
E		VST ÂM THANH CHÍNH	(15 A)*1
F		EOP	(20 A)*1
G	–	–	–*1
H		RƠ-LE 2 IG1	(10 A)*1

*1: Loại động cơ 1.5 L
*2: Loại động cơ 2.0 L

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Kiểm Tra và Thay Cầu Chì



1 Lỗ
2 Cầu Chì Chính

1. Đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY (KHÓA). Tắt các đèn chiếu sáng và tất cả các phụ kiện.
2. Tháo vỏ hộp cầu chì.
3. Kiểm tra cầu chì chính trong khoang động cơ.
▶ Quan sát cầu chì qua lỗ.
▶ Nếu cầu chì nổ, hãy đưa xe đến đại lý để thay cầu chì.

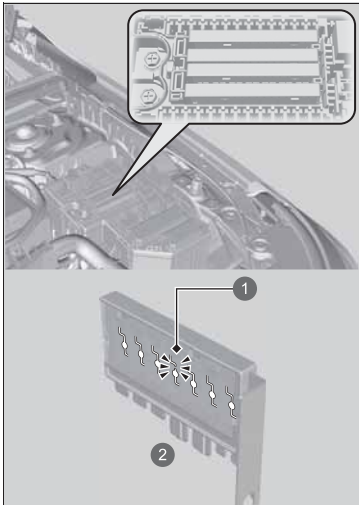
Kiểm Tra và Thay Cầu Chì

CHÚ Ý

Nếu thay bằng cầu chì có cường độ cao hơn sẽ làm hệ thống điện nhanh hỏng.

Sử dụng bảng để xác định vị trí cầu chì cần tìm và xác định cường độ dòng điện quy định trên nhãn cầu chì.
Vị Trí Cầu Chì Tr. 708
Thay cầu chì mới có cùng cường độ dòng điện quy định.

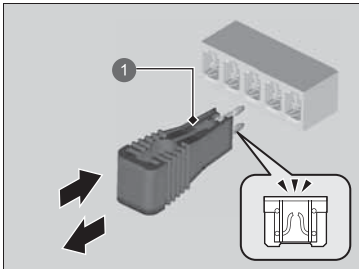
Có một kẹp tháo cầu chì ở phía sau vỏ hộp cầu chì trong khoang động cơ.



1 Cầu Chì Nổ
2 Cầu Chì Tổng

4. Kiểm tra các cầu chì tổng trong hộp cầu chì khoang động cơ.
▶ Quan sát khoảng trống giữa các cầu chì.
▶ Nếu cầu chì nổ, hãy đưa xe đến đại lý để thay cầu chì.

Còn nữa



❶ Kẹp Cầu Chì

5. Kiểm tra các cầu chì nhỏ trong khoang động cơ và bên trong xe.
► Nếu có cầu chì bị nổ, hãy dùng kẹp tháo cầu chì để tháo và thay cái mới.

Hãy gọi dịch vụ kéo xe chuyên nghiệp nếu bạn cần kéo xe.

■ Thiết bị kéo sàn phẳng
Xe của bạn được đặt trên thùng xe chuyên dụng để vận chuyển.
Đây là cách tốt nhất để di chuyển xe của bạn.

■ Thiết bị nhấc bánh xe
Xe kéo chuyên dụng sử dụng hai tay nâng để nâng hai lốp trước lên khỏi mặt đất. Các lốp xe sau vẫn nằm trên mặt đất. **Có thể sử dụng cách này để kéo xe bạn.**

Kéo Xe Khẩn Cấp

CHÚ Ý
Cố nâng hoặc kéo xe bằng tấm cản sẽ gây hư hỏng nặng. Các tấm cản không được thiết kế để nâng đỡ trọng lượng của xe.

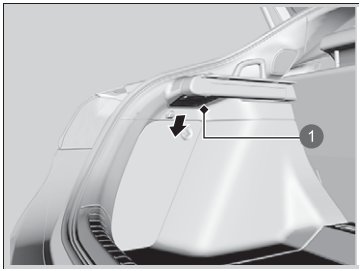
Đảm bảo đã nhả phanh đỗ. Nếu bạn không thể nhả phanh đỗ, xe của bạn phải được vận chuyển bằng thiết bị kéo sàn phẳng.
Phanh Đỗ Tr. 555

CHÚ Ý
Kéo xe không đúng cách như kéo bằng nhà di động hoặc bằng xe khác có thể làm hỏng hộp số.

Kéo xe bằng dây thừng hoặc xích rất nguy hiểm vì dây thừng hoặc xích có thể lắc từ bên này sang bên kia hoặc bị đứt. Không được kéo xe bằng dây thừng hoặc xích.

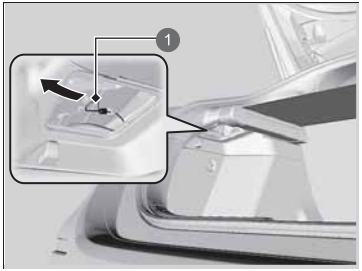
Làm Gì Nếu Không Mở Được Cửa Nạp Nhiên Liệu

Nếu bạn không mở được cửa nạp nhiên liệu, hãy làm theo quy trình sau.



1. Mở cửa hậu và tháo nắp ở bên trái khoang hành lý.

1 Nắp



2. Kéo dây nhả về phía bạn.
   ▶ Dây nhả sẽ mở khóa cửa nạp nhiên liệu khi kéo dây.
3. Mở cửa nạp nhiên liệu.
   Cách Nạp Nhiên Liệu Tr. 584

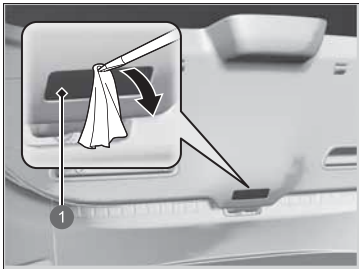
1 Dây Nhả

Nếu Bạn Không Mở Được Cửa Nạp Nhiên Liệu

Sau khi thực hiện các bước này, hãy liên hệ với đại lý để kiểm tra xe.

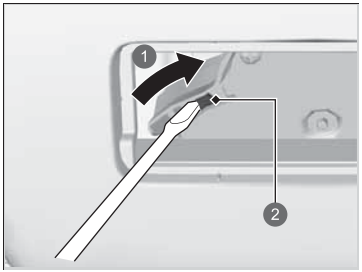
Làm Gì Nếu Bạn Không Mở Được Cửa Hậu

Nếu bạn không mở được cửa hậu, hãy làm theo quy trình sau:



1 Miếng Ốp

1. Dùng tua-vít đầu dẹt để tháo miếng ốp nằm ở phía sau cửa hậu.
► Bọc đầu tua-vít dẹt bằng một miếng vải để tránh trầy xước.



1 Đẩy
2 Cần

2. Để mở cửa hậu, ấn cửa hậu đồng thời dùng tua-vít đầu dẹt để đẩy cần.

Nếu Bạn Không Mở Được Cửa Hậu

Sau khi thực hiện các bước này, hãy liên hệ với đại lý để kiểm tra xe.

Khi bạn mở cửa hậu từ bên trong, đảm bảo có đủ khoảng trống xung quanh cửa hậu và cẩn thận để không va vào ai hoặc vật gì.

Thông Tin

Chương này bao gồm các thông số kỹ thuật của xe, vị trí của các số nhận dạng xe và các thông tin khác theo quy định.

Thông Số Kỹ Thuật.....720
Số Nhận Dạng Xe
Số Nhận Dạng Xe (VIN), Số Máy và Số Hộp Số.....724
Thiết Bị Phát Ra Sóng Radio*.....726
Giấy Phép Mã Nguồn Mở.....730

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Loại động cơ 1,5 L

Thông Số Kỹ Thuật Xe

Loại Xe	Civic	
Trọng Lượng Xe	1.369 kg	
Trọng Lượng Tối Đa Cho Phép	1.840 kg	
Trọng Lượng Tối Đa Cho Phép Trên Cầu	Trước	980 kg
	Sau	870 kg

Thông Số Kỹ Thuật Động Cơ

Loại	DOHC 4 xy lanh thẳng hàng làm mát bằng nước
Đường Kính x Hành Trình	73,0 x 89,5 mm
Dung Tích	1.498 cm^3
Tỷ Số Nén	10,3 : 1
Bugi	NGK DILKAR8P8SY

Nhiên Liệu

Loại	Xăng không chì, chỉ số Octan 91 trở lên
Dung Tích Bình Nhiên Liệu	47.0 L

Ắc Quy

Dung Tích	48Ah (5)/60Ah (20)

Chế Độ Dừng Động Cơ Tạm Thời:
Ắc quy lắp trên xe này được thiết kế đặc biệt. Nếu bạn cần thay ắc quy, đảm bảo chọn đúng loại quy định (LN2). Hỏi đại lý để biết thêm thông tin chi tiết.

Nước Rửa Kính

Dung Tích Bình	1,5 L

Bóng Đèn

Đèn Chiếu Sáng (Chiếu Gần)	LED
Đèn Chiếu Sáng (Chiếu Xa)	LED
Đèn Sương Mù	LED
Đèn Xi Nhan Trước	LED
Đèn Vị Trí/Đèn Ban Ngày	LED
Đèn Xi Nhan Bên (trên Gương Cửa)	LED
Đèn Phanh/Đèn Hậu	LED
Đèn Hậu	LED
Đèn Xi Nhan Sau	21 W (Hổ Phách)
Đèn Lùi	16 W
Đèn Phanh Cao	LED
Đèn Biển Số Sau	LED
Đèn Trong Xe	
Đèn Đọc Sách	LED
Đèn Trần	LED
Đèn Gương Cá Nhân	2 W
Đèn Hộc Đựng Đồ Giữa	LED
Đèn Khoang Hành Lý	5 W
Đèn Chỗ Để Chân	LED
Đèn Viền	LED

■ Điều Hoà Không Khí

Loại Ga Lạnh	HFO-1234yf (R-1234yf)
Khối Lượng Nạp	445 – 495 g

■ Dầu Phanh

Quy Định	Dầu Phanh DOT 3 hoặc DOT 4

■ Dầu Hộp Số Vô Cấp

Quy Định	Honda HCF-2	
Dung Tích	Thay	3,7 L

■ Dầu Động Cơ

Khuyến Nghị	Dầu Chính Hiệu Honda Motor 0W-20, 0W-30, 5W-30 ACEA A5/B5, API cấp SM hoặc cấp cao hơn 0W-20, 0W-30, 5W-30	
Dung Tích	Thay	3,2 L
	Thay cả lọc	3,5 L

■ Nước Làm Mát Động Cơ

Quy Định	Chất Chống Đông/Nước Làm Mát Bốn Mùa Honda Loại 2
Tỷ Lệ	50/50 nước chưng cất
Dung Tích	5,71 L (thay cả 0,65 L còn lại trong bình chứa)

■ Lốp Xe

Thường	Kích Thước	235/40R18 95Y
	Áp Suất	Xem ở nhãn trên thanh dọc cửa người lái
Kích Thước Bánh Xe	Thường	18 × 8J

■ Phanh

Loại	Trợ lực
Trước	Đĩa thông gió
Sau	Đĩa đặc
Đỗ	Phanh Đỗ Điện

■ Kích Thước Xe

Chiều Dài		4.560 mm
Chiều Rộng		1.802 mm
Chiều Cao		1.415 mm
Chiều Dài Cơ Sở		2.733 mm
Vệt Bánh Xe	Trước	1.537 mm
	Sau	1.577 mm

Loại động cơ 2.0 L

■ Thông Số Kỹ Thuật Xe

Loại Xe	Civic TYPE R	
Trọng Lượng Xe	1.422 kg*1 1.423 kg*2 1.424 kg*3 1.428 kg*4 1.429 kg*5 1.438 kg*6	
Trọng Lượng Tối Đa Cho Phép	1,800 kg	
Trọng Lượng Tối Đa Cho Phép Trên Cầu	Trước	1.010 kg
	Sau	800 kg

*1: Loại xe Hồng Kông và Ma Cao
*2: Loại xe Thái Lan
*3: Loại xe Malaysia và Việt Nam
*4: Loại xe Philippin
*5: Loại xe Australia và New Zealand
*6: Loại xe Indonesia

■ Thông Số Kỹ Thuật Động Cơ

Loại	DOHC 4 xy lanh thẳng hàng làm mát bằng nước	
Đường Kính x Hành Trình	86,0 x 85,9 mm	
Dung Tích	1996 cm^3	
Tỷ Số Nén	9,8 : 1	
Bugi	NGK	ILZKAR8J8SY

■ Nhiên Liệu

Loại	Ngoại trừ loại xe Thái Lan Xăng không chì, chỉ số Octan 95 trở lên Loại xe Thái Lan Xăng không chì/pha cồn lên tới E10 (90% xăng và 10% ethanol), chỉ số Octan 95 trở lên
Dung Tích Bình Nhiên Liệu	47,0 L

■ Ắc Quy

Dung Tích	48Ah (5)/60Ah (20)

■ Nước Rửa Kính

Dung Tích Bình	1,5 L

■ Bóng Đèn

Đèn Chiếu Sáng (Chiếu Gần)	LED
Đèn Chiếu Sáng (Chiếu Xa)	LED
Đèn Xi Nhan Trước	LED
Đèn Vị Trí/Ban Ngày	LED
Đèn Xi Nhan Bên (trên Gương Cửa)	LED
Đèn Phanh/Đèn Hậu	LED
Đèn Hậu	LED
Đèn Xi Nhan Sau	21 W (Hổ Phách)
Đèn Lùi	16 W
Đèn Sương Mù Sau*	LED
Đèn Phanh Cao	LED
Đèn Biển Số Sau	LED
Đèn Trong Xe	
Đèn Đọc Sách	LED
Đèn Trần	LED
Đèn Gương Cá Nhân	2 W
Đèn Hộc Đựng Đồ Giữa	LED
Đèn Khoang Hành Lý	5 W
Đèn Hộp Đựng Đồ	LED
Đèn Chỗ Để Chân	LED
Đèn Viền	LED

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

■ Điều Hòa Không Khí

Loại Ga Lạnh	HFC-134a (R-134a)
Khối Lượng Nạp	435 - 485 g*1 445 - 495 g*2

*1: Loại Vô Lăng Bên Trái
*2: Loại Vô Lăng Bên Phải

■ Dầu Phanh/Ly Hợp

Quy Định	Dầu Phanh DOT 3 hoặc DOT 4

■ Dầu Hộp Số Thường

Quy Định	Honda MTF	
Dung Tích	Thay	2,2 L

■ Dầu Động Cơ

Khuyến Nghị	Loại xe có lọc xăng Dầu Chính Hiệu Honda Motor 0W-20 ACEA C2/C3/C5 0W-20, 0W-30, 5W-30	
	Loại xe không có lọc xăng Dầu Chính Hiệu Honda Motor 0W-20, 0W-30, 5W-30 API cấp SN hoặc cao hơn ACEA A5/B5 0W-20, 0W-30, 5W-30	
Dung Tích	Thay	5,0 L
	Thay cả lọc	5,4 L

Tham khảo trang sau để xác định xe của bạn có trang bị lọc xăng không.

➡ **Dầu Động Cơ Khuyên Dùng** Tr. 611

■ Nước Làm Mát Động Cơ

Quy Định	Chất Chống Đông/Nước Làm Mát Bốn Mùa Honda Loại 2
Tỷ Lệ	50/50 với nước cất
Dung Tích	6.65 L*1 (thay cả 0,75 L còn lại trong bình chứa) 6.63 L*2 (thay cả 0,75 L còn lại trong bình chứa)

*1: Loại Vô Lăng Bên Trái
*2: Loại Vô Lăng Bên Phải

■ Lốp Xe

Thường	Kích Thước	265/30ZR19 93Y
	Áp Suất	Xem ở nhãn trên thanh dọc cửa người lái
Dự Phòng Loại Nhỏ*	Kích Thước	T125/70R18 99M
	Áp Suất	Xem ở nhãn trên thanh dọc cửa người lái
Kích Thước Bánh Xe	Thường	19 x 9 1/2J
	Dự Phòng Loại Nhỏ*	18 x 4T

■ Phanh

Loại	Trợ lực
Trước	Đĩa thông gió
Sau	Đĩa đặc
Đỗ	Phanh Đỗ Điện

■ Kích Thước Xe

Chiều Dài		4.593 mm*1,2 4.595 mm*3 4.606 mm*4
Chiều Rộng		1.890 mm
Chiều Cao		1.407 mm*1,2,4 1.405 mm*3
Chiều Dài Cơ Sở		2.734 mm*1,4 2.735 mm*2,3
Vệt Bánh Xe	Trước	1.624 mm*1,4 1.626 mm*2 1.625 mm*3
	Sau	1.623 mm*1,4 1.614 mm*2 1.615 mm*3

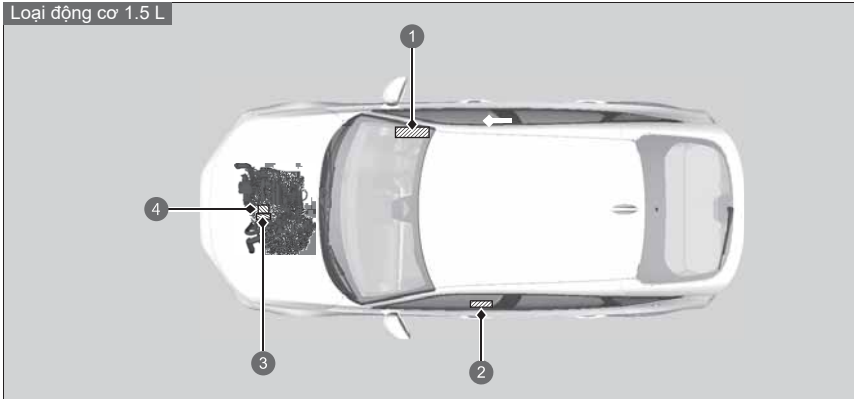
*1: Loại xe Indonesia, Malaysia và Thái Lan
*2: Loại xe Philippin và Việt Nam
*3: Loại xe Hồng Kông và Ma Cao
*4: Loại xe Australia và New Zealand

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Số Nhận Dạng Xe (VIN), Số Máy và Số Hộp Số

Xe bạn có số nhận dạng 17 ký tự (VIN) dùng để đăng ký xe nhằm mục đích bảo hành, cấp bằng và bảo hiểm.
Xem hình ảnh bên dưới để biết vị trí của số VIN, số máy và số hộp số.

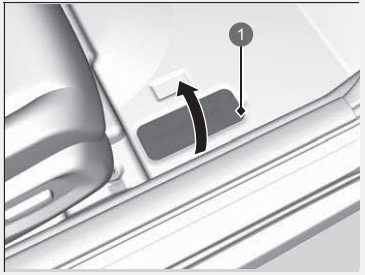
Loại động cơ 1.5 L



1 Số Nhận Dạng Xe*
2 Nhãn Ghi Ngày Xuất Xưởng*
3 Số Hộp Số Vô Cấp
4 Số Máy

Số Nhận Dạng Xe (VIN), Số Máy và Số Hộp Số

Số nhận dạng xe (VIN) nằm ở bên dưới nắp che.

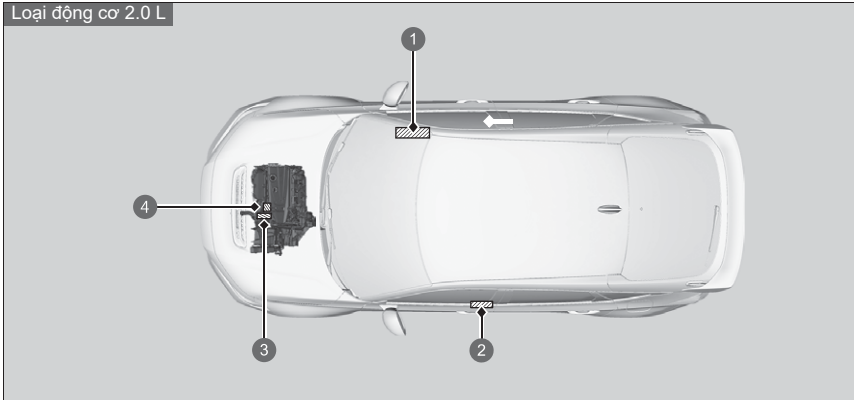


1 Nắp che

Loại xe Australia

Ngày xuất xưởng* là tháng và năm khung xe và các các cụm chi tiết của cơ cấu truyền động được lắp ráp và xe được di chuyển ra khỏi dây chuyền sản xuất.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe



1 Số Nhận Dạng Xe*
2 Nhãn Chứng Nhận*/Số Nhận Dạng Xe*/Số Máy*
3 Số Hộp Số Thường
4 Số Máy

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Thiết Bị Phát Ra Sóng Radio*

Các thiết bị và hệ thống trên xe dưới đây sẽ phát ra sóng radio khi hoạt động.

Loại xe Indonesia

Hệ Thống Truy Cập Từ Xa	
FOB	Thẻ Khóa Từ
Địa chỉ web của mã QR là: https://sertifikasi.postel.go.id/valid?section=4f94ec92c3a7c44073065bef ddad1b22S3r107620S3r07b0b99ff69237 3 59f67408f220423ba	Địa chỉ web của mã QR là: https://sertifikasi.postel.go.id/valid?section=0d153544317d014415cc533 5b18ec1d5S3r95668S3rfc385fdbaf8ac13 6f 37b6592461fdf5c

Loại xe Philippin

Hệ Thống Truy Cập Từ Xa		
BCM	FOB	Khóa Thẻ Từ
Số ESD-RCE-2023291	Số ESD-RCE-2022596C	
NTC Type Accepted	NTC Type Accepted	NTC Type Accepted No.: ESD-RCE-2023320

Thông Tin

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Loại xe Thái Lan

Hệ Thống Truy Cập Từ Xa

BCM	FOB	Khóa Thẻ Từ
		

Loại xe Thái Lan

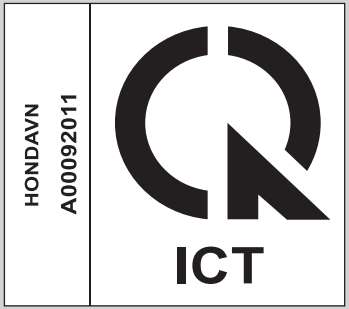
TCU
Kiểm tra và chứng nhận trang thiết bị viễn thông Thiết bị viễn thông này tuân thủ Tiêu Chuẩn Kỹ Thuật hoặc Yêu Cầu Kỹ Thuật của Ủy Ban Viễn Thông và Phát Thanh Truyền Hình Quốc Gia (NBTC). Tiêu Chí và Giải Pháp An Toàn khi Sử Dụng Thiết Bị Thông Tin Vô Tuyến đối với Sức Khỏe Con Người Thiết bị thông tin vô tuyến này có cường độ trường điện từ đảm bảo theo Tiêu Chuẩn An Toàn khi Sử Dụng Thiết Bị Thông Tin Vô Tuyến đối với Sức Khỏe Con Người do Ủy Ban Viễn Thông Quốc Gia công bố.



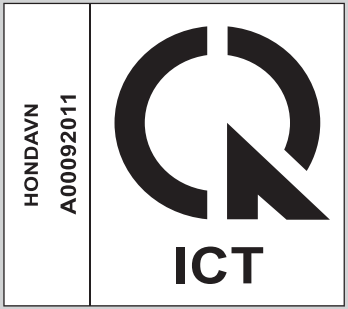
Loại xe Việt Nam

Hệ Thống Truy Cập Từ Xa

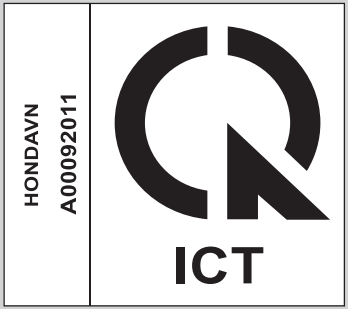
BCM



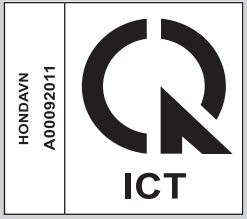
FOB



Khóa Thẻ Từ



TCU



Hệ thống thông tin điểm mù/Cảnh Báo Vật Thể Băng Ngang Đường



Bộ Sạc Không Dây





Giấy Phép Mã Nguồn Mở Cho Đồng Hồ Đo

Phần mềm được nhúng trong sản phẩm này là phần mềm nguồn mở. Hãy truy cập trang web dưới đây để biết thêm thông tin về phần mềm nguồn mở.
https://www.nippon-seiki.co.jp/business_ic_meter/

Giấy Phép Mã Nguồn Mở TCU*

Thông Tin Phần Mềm Nguồn Mở/Miễn Phí
Xe này có Phần Mềm Nguồn Mở/Miễn Phí (FOSS).
Hãy truy cập trang web dưới đây để biết thêm thông tin về giấy phép và/hoặc mã nguồn của FOSS.
https://www.denso.com/global/en/opensource/tcu/honda/

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

A

ABS (Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh) 567
Đèn Báo 119
An Toàn Cho Trẻ 73
Khóa Phòng Ngừa Trẻ Em 197
Áp Suất Khí 721, 723

Ă

Ắc Quy 642
Bảo Dưỡng (Kiểm Tra Ắc Quy) 642
Bảo Dưỡng (Thay Thế) 645
Đèn Báo Hệ Thống Nạp Điện 117, 704
Nếu Ắc Quy Chết 695
Ắc Quy Chết 695

Â

Âm Thanh 145
Âm Thanh *Bluetooth*® 301

B

Bảng Điều Khiển 113
Điều Chỉnh Độ Sáng 220
Bảng Thông Số Kỹ Thuật Chất Bôi Trơn 721, 723
Bảo Dưỡng 151, 176, 589
An Toàn 591
Ắc Quy 642
Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa 645
Dầu 613
Dầu Hộp Số 620
Dưới Nắp Ca-pô 606
Két Nước 617
Lịch Bảo Dưỡng 602
Lốp Xe 636
Lưu Ý 590
Nước Làm Mát 616, 618
Thay Bóng Đèn 625
Vệ Sinh 651
Bổ Sung
Dầu Động Cơ 615
Nước Làm Mát 616, 618
Nước Rửa Kính 623
Bộ Sưởi 249
Bộ Sưởi Ghế Trước 249
Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa 192
Bu-gi 720, 722

C

Cài Đặt Đồng Hồ 182
Cài Đặt Lại Đồng Hồ Đo Hành Trình 143, 165
Cài Đặt Màn Hình Hiển Thị 280
Cảm Biến Nhiệt Độ 136, 257
Camera Lùi Đa Hướng 581
Camera Trước 553
Cảnh Báo 180
Cảnh Báo Áp Suất Dầu Động Cơ Thấp 703
Cảnh Báo Chệch Làn Đường 530
Bật và Tắt 537
Cảnh Báo Tốc Độ 146, 169
Cảnh Báo Vật Thể Băng Ngang Đường 577
Cần Gạt Nước/Rửa Kính 219
Cần Gạt Nước và Rửa Kính 217
Kiểm Tra và Thay Lưỡi Gạt Nước 633
Cần Số 405
Không Gạt Được 698
Nhả 698
Vận Hành 405
Cập Nhật Hệ Thống 281
Cầu Chì 708
Kiểm Tra và Thay Thế 712
Vị Trí 708, 710
Chất Phụ Gia, Dầu Động Cơ 610, 611
Chế Độ Hiện Tại cho ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp, LKAS và Hỗ Trợ Lái Xe Khi Tắc Đường 138
Chế Độ Sang Số Thường 7 Cấp 407
Chìa Khóa 183
Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa 192
Không Mở Được Cửa Sau 197
Loại và Chức Năng 183
Nhãn Mã Số Chìa Khóa 185
Chiếu Xa 209
Chiếu Xa Tự Động 214
Đèn Báo 122
Chọn Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em 79
Chở Hành Lý 393, 395

Chuyển Đổi Màn Hình Hiển Thị 140, 161
Chuyển Động Từ Từ.....404
Chức Năng Tự Động Cụp Gương Cửa 225
CMBS (Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm) 460
Công Tắc (Quanh Vô Lăng).....6, 8, 205
Công Tắc Chế Độ Lái 421
Cổng USB.....264
Cờ-lê Đai Ốc Bánh Xe (Tay Kích).....684
Cửa 183
Chìa Khóa.....183
Khóa Cửa Tự Động.....198
Khóa/Mở Khóa Cửa từ Bên Ngoài 187
Khóa/Mở Khóa Cửa từ Bên Trong 195
Mở Khóa Cửa Tự Động.....198
Thông Báo Cửa Mở.....42
Cửa Hậu.....199
Bóng Đèn.....631
Không Mở Được..... 717
Cửa Kính (Mở và Đóng) 203
Cửa Nạp Nhiên Liệu 27, 584

D

DAB.....291
Dầu
Hộp Số.....620
Nước Làm Mát Động Cơ.....616, 618
Nước Rửa Kính Chắn Gió.....623
Dầu Động Cơ 610, 611
Bổ Sung.....615
Cảnh Báo Áp Suất Dầu Động Cơ Thấp....703
Dầu Động Cơ Khuyên Dùng.....610, 611
Độ Nhớt 610, 611
Hệ Thống Giám Sát Dầu 593
Kiểm Tra 613
Nếu Cảnh Báo Áp suất dầu động cơ thấp Xuất Hiện 703
Dây Đai An Toàn 43, 151, 176
Đèn Cảnh Báo 45, 119
Điều Chỉnh Móc Neo Vai 50
Kiểm Tra 52
Lắp Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em bằng Dây Đai An Toàn Hông/Vai 101
Nhắc Thắt Dây Đai An Toàn 45
Phụ Nữ Mang Thai 51
Thắt Dây Đai An Toàn 45
Dây Đai (Ghế) 43
Dụng Cụ.....662
Dụng Cụ Vá Lốp Khẩn Cấp Của Honda.....664
Dụng Cụ Vá Lốp Khẩn Cấp (TRK) 664
Dừng Xe..... 570

Đ

Đài AM/FM 286
Đài FM/AM 286
Đèn 208, 625
Chiếu Xa 209
Công Tắc Đèn.....208
Đèn Ban Ngày 213
Đèn Báo Chiếu Xa 122
Đèn Báo Đèn Bật.....121
Đèn Chiếu Sáng 208
Đèn Vị Trí.....208
Thay Bóng Đèn 625
Trong Xe 236
Đèn Ban Ngày 213
Đèn Báo 114
ABS (Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh) 119
Cảnh Báo Chệch Làn Đường (Hồ Phách) 131
Cảnh Báo Chệch Làn Đường (Xám) 131
Chế Độ +R 126
Chế Độ COMFORT 126
Chế Độ ECON 126
Chế Độ INDIVIDUAL 126
Chế Độ NORMAL 126
Chế Độ SPORT 126
Chiếu Xa 122
Chiếu Xa Tự Động.....122
Đèn Báo Sự Cố 117
Đèn Bật.....121
Đèn Sương Mù Sau.....122
Đèn Sương Mù Trước 122
Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp.....129

Giảm Số....119
Giữ Phanh Tự Động....117
Hệ Thống Bảo Vệ Phụ Trợ....120
Hệ Thống Cảnh Báo An Ninh....123
Hệ Thống Chống Nổ Máy....123
Hệ Thống Giới Hạn Tốc Độ Có Thể Điều Chỉnh....128
Hệ Thống Giới Hạn Tốc Độ Thông Minh....128
Hệ Thống Giữ Phanh Tự Động....117
Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS)....130
Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA)....120
Hệ Thống Lái Trợ Lực Điện (EPS)....121
Hệ Thống Nạp Điện....117
Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS) (Hổ Phách)....131
Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS) (Xám)....131
Hệ Thống Số....118
Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời....124
Hỗ Trợ An Toàn (Hổ Phách)....132
Hỗ Trợ An Toàn (Xanh Lục/Xám)....134
Khoảng Cách Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC)....130
M (chế độ sang số thường 7 cấp)/số....118
Nhắc Thắt Dây Đai An Toàn....119
Nhiên Liệu Thấp....119
Nhiệt Độ Thấp....120
Phanh Đỗ và Hệ Thống Phanh....116
Sẵn Sàng Hỗ Trợ Cảnh Báo Chệch Làn Đường....131
Số....118
Tạm Dừng Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời....125
Tăng Số....119
TẮT Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời....124
TẮT Tự Động Hỗ Trợ Lái của Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường....132
TẮT VSA....121, 445
Thông Báo Hệ Thống....127
Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời....124
Vị Trí Số....118
Xi Nhan và Cảnh Báo Nguy Hiểm....121
Đèn Báo Chế Độ ECON....126
Đèn Báo Chiếu Xa....122
Đèn Báo Hệ Thống Nạp Điện....117, 704
Đèn Báo Nhiên Liệu Thấp....119
Đèn Báo Phanh Đỗ và Hệ Thống Phanh....116
Đèn Báo Số....406
Đèn Báo Sự Cố....117, 704
Đèn Báo Đèn Sương Mù Trước....122
Đèn Báo Thông Báo Hệ Thống....127
Đèn Báo Vượt....208
Đèn Cảnh Báo Sáng/Nhấp Nháy....703
Đèn Chiếu Sáng....208
Chiếu Xa....209
Chỉnh Hướng Đèn....625
Đèn Ban Ngày....213
Đèn Vị Trí....208
Làm Mờ....208
Vận Hành....208
Đèn Trong Xe....236
Đèn Vị Trí....208
Đèn Viền Đồng Hồ....135
Điện Thoại....145
Điều Chỉnh....726
Điều Chỉnh
Đèn Chiếu Sáng....455
Ghế Sau....230
Ghế Trước....226, 227
Gương....224
Nhiệt Độ....136
Tựa Đầu Trước....233
Tựa Tay....235
Vô Lăng....223
Điều Chỉnh Âm Thanh....279
Điều Chỉnh Độ Sáng....220
Núm....220
Điều Chỉnh Độ Sáng (Bảng Điều Khiển)....220
Điều Chỉnh (và Phụ Kiện)....658
Điều Khiển....181
Điều Khiển Âm Thanh Từ Xa....265
Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp....473, 490
Đèn Báo (Hổ Phách)....129
Đèn Báo (Trắng/Xanh Lục)....129

Định Vị 145, 168
Độ Nhớt (Dầu) 610, 611, 721, 723
Động Cơ
Bộ Phát Tiếng Bíp Công Tắc 205
Dầu 610, 611
Khởi Động 397
Nếu Ắc Quy Chết 695
Nước Làm Mát 616, 618
Đồng Hồ 138, 155, 182
Đồng Hồ Bấm Giờ 156
Đồng Hồ Đo 135
Đồng Hồ Đo Hành Trình 143, 165
Đồng Hồ Đo Nhiệt Độ 136
Đồng Hồ Đo Quãng Đường 136, 165
Đồng Hồ Đo Tốc Độ Động Cơ 135
Đồng Hồ Đo Tốc Độ Xe 135
Đồng Hồ Đo Tu-bô 174
Đồng Hồ Đo Vị Trí Bàn Đạp Ga/Áp Suất Phanh 174
Đồng Hồ Đo Vòng Quay Động Cơ 138

G

Gập Ghế Sau 230
Ghế 226
Bộ Sưởi Ghế Trước 249
Điều Chỉnh 226
Ghế Sau 230
Ghế Trước 226
Nhắc Ghế Sau 231
Ghế Lót Đặc Biệt (Cho Trẻ) 108
Ghế Sau (Gập) 230
Ghế Trước 226
Điều Chỉnh 226, 227
Giám Sát Mức Độ Tập Trung Của Người Lái 147, 170
Giấy Phép Mã Nguồn Mở 356
Giới Hạn Tải 395
Giữ Phanh Tự Động 561
Đèn Báo 117, 561
Gương 224
Bên Ngoài 225
Chiếu Hậu Trong Xe 224
Cửa 225
Điều Chỉnh 224
Gương Bên Ngoài 225
Gương Cá Nhân 11
Gương Chiếu Hậu 224
Gương Chiếu Hậu Trong Xe 224
Gương Cửa 225

H

Hạng Mục Tiện Ích Bên Trong 236
Hạng Mục Tiện Ích Bên Trong Khác 245
Hành Lý (Giới Hạn Tải) 395
Hệ Thống An Ninh 201
Đèn Báo Hệ Thống Cảnh Báo An Ninh 123
Đèn Báo Hệ Thống Chống Nổ Máy 123
Hệ Thống Âm Thanh 260
Âm Thanh *Bluetooth*® 301
Cách Cập Nhật 281
Cài Đặt Cập Nhật Hệ Thống 282
Cài Đặt Đồng Hồ 276
Cài Đặt Hình Nền 277
Cài Đặt Màn Hình Hiển Thị 280
Cách Cập Nhật Bằng Mạng Không Dây 284
Cách Cập Nhật bằng USB 285
Cập Nhật Hệ Thống 281
Chọn Nguồn Âm Thanh 274
Chức Năng Hệ Thống Âm Thanh 262
Chức Năng Truy Cập Ứng Dụng Nhanh 269
Cổng USB 264
DAB 291
Đài AM/FM 286
Điều Chỉnh Âm Thanh 279
Điều Khiển Âm Thanh Từ Xa 265
FLAC/PCM/WAVE/MP4/AVI/MKV/ASF/WMV 297
Hạn Chế khi Vận Hành Bằng Tay 275
Hệ Thống Dữ Liệu Radio (RDS) 289
iPod 294
Kết Nối Wi-Fi 304
Khởi Động 261
Màn Hình Âm Thanh/Thông Tin 268
MP3/WMA/AAC 297
Thông Báo Lỗi 352
Thông Tin Chung 353
Ứng Dụng Android Auto 309
Ứng Dụng Apple CarPlay 305
USB 297, 353
Vận Hành Cơ Bản 262
Vùng Trạng Thái 274

Hệ Thống Bảo Vệ Phụ Trợ (SRS) 56
Hệ Thống Bật Nắp Ca-pô 70
Kiểm Tra Và Thay Thế Hệ Thống Bật Nắp Ca-pô 72
Hệ Thống Cảm Biến Đỗ 572
Hệ Thống Cảnh Báo Xe Phía Trước Khởi Hành 549
Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh (ABS) 567
Đèn Báo 119
Hệ Thống Chống Nổ Máy 201
Đèn Báo 123
Hệ Thống Dữ Liệu Radio (RDS) 289
Hệ Thống Điện Thoại Rảnh Tay 332
Cài Đặt Điện Thoại 339
Danh Mục HFT 336
Hạn Chế khi Vận Hành Bằng Tay 335
Liên Hệ Yêu Thích 344
Màn Hình Cài Đặt Điện Thoại 338
Màn Hình Trạng Thái HFT 334
Nhạc Chuông 343
Nhận Cuộc Gọi 350
Nút HFT 332
Tạo Cuộc Gọi 348
Tùy Chọn Khi Đang Gọi 351
Tự Động Chuyển Cuộc Gọi 343
Tự Động Lưu Danh Bạ Điện Thoại và Cuộc Gọi Gần Đây 342
Hệ Thống Điều Hòa Không Khí (Hệ Thống Điều Khiển Nhiệt Độ) 250
Cảm Biến 257
Chế Độ Lấy Gió Trong/Lấy Gió Ngoài 253
Làm Tan Sương Kính Chắn Gió và Cửa Kính 254
Sử Dụng Điều Khiển Khí Hậu Tự Động ...250
Thay Đổi Chế Độ 253
Hệ Thống Điều Khiển Nhiệt Độ..... 250
Cảm Biến 257
Chế Độ Lấy Gió Trong/Lấy Gió Ngoài 253
Làm Tan Sương Kính Chắn Gió và Cửa Kính 254
Lọc Gió Điều Hòa 649
Sử Dụng Điều Khiển Khí Hậu Tự Động....250
Thay Đổi Chế Độ 250
Hệ Thống EPS (Lái Trợ Lực Điện).....121, 706
Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em.....73
Chọn Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em 79
Ghế Lót Đặc Biệt 108
Hệ Thống Ghế Ngồi cho Trẻ Nhỏ 78
Hệ Thống Ghế Ngồi cho Trẻ Sơ Sinh.....76
Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em Quay Mặt Về Phía Sau 76
Lắp Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em bằng Dây Đai Hông/Vai.....101
Sử Dụng Dây Thắt.....103
Trẻ Lớn 107
Hệ Thống Giới Hạn Tốc Độ Có Thể Điều Chỉnh.....431
Hệ Thống Giới Hạn Tốc Độ Thông Minh 437
Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS).....508
Đèn Báo (Hổ Phách).....130
Đèn Báo (Trắng/Xanh Lục).....130
Hệ Thống Lái Trợ Lực Điện (EPS).....706
Đèn Báo 121, 706
Hệ Thống Màn Hình Giải Trí 261
Hệ Thống Nhận Diện Biển Báo Giao Thông 137, 543
Hệ Thống Phanh 555
Đèn Báo 116
Giữ Phanh Tự Động 561
Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh (ABS) 567
Hệ Thống Phanh Khẩn Cấp.....568
Phanh Chân 560
Phanh Đỗ 555
Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS).....460
Hệ Thống Thông Tin Điểm Mù.....449
Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời.....414
Đèn Báo Hệ Thống (Hổ Phách).....124
Đèn Báo (Xanh Lục) 124
Đèn Báo Tạm Dừng.....125
Đèn Báo TẮT 124
Hệ Thống Vù Ga Tự Động.....411
HFT (Điện Thoại Rảnh Tay).....332
Hình Nền.....277
Honda LogR 363
Chế Độ Chấm Điểm Tự Động 367

Chế Độ Ghi Dữ Liệu 373
Giám Sát Hiệu Suất 365
Giới Thiệu Về Honda LogR 363
Khởi Tạo Cài Đặt 364
Tùy Chọn 384
Honda Sensing 456
Hỗ Trợ An Toàn 152, 177
Đèn Báo (Hổ Phách) 132
Đèn Báo (Xanh Lục/Xám) 134
Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA) 444
Công Tắc Tắt 445
Đèn Báo Hệ Thống 120
Đèn Báo TẮT 121
Hỗ Trợ Xử Lý Nhanh 447
Hộp Đựng Đồ 237
Hộp Đựng Đồ Trung Tâm 238
Hộp Số 405
Chế Độ Sang Số Thường 7 Cấp 407
Dầu Hộp Số 620
Đèn Báo Số 118, 406
Hộp Số Vô Cấp 405
Số Hộp Số 724
Hộp Số Vô Cấp 404
Chuyển Động Từ Từ 404
Dầu 620
Không Gạt Được Cần Số 698
Nhảy Về Số 404
Sang Số 405
Vận Hành Cần Số 26, 405, 406

I

iPhone 353
iPod 294, 353

K

Kéo Rơ-moóc 396
Kéo Xe Của Bạn
Khẩn Cấp 715
Két Nước 617
Kết Nối Wi-Fi 304
Khẩn Cấp 715
Khí CO 110
Khí Xả Nguy Hiểm (Khí CO) 110
Khóa/Mở Khóa 183
Chìa Khóa 183
Khóa/Mở Khóa Cửa Tự Động 198
Khóa Phòng Ngừa Trẻ Em 197
Sử Dụng Chìa Khóa 193
Từ Bên Ngoài 187
Từ Bên Trong 195
Khởi Động Bằng Ắc Quy Nối Ngoài 695
Khởi Động Động Cơ 397
Bộ Phát Tiếng Bíp Công Tắc Động Cơ 205
Không Khởi Động 689
Nếu Ắc Quy Chết 695
Không Có Thông Tin 154
Kích (Cờ- lê Đai Ốc Bánh Xe) 683
Kiểm Tra An Toàn 42
Kính Chắn Gió 217
Cần Gạt Nước và Rửa Kính 217
Làm Tan Sương/Làm Tan Băng 254
Lưỡi Gạt Nước 633
Nước Rửa Kính 623
Vệ Sinh 656

L

Lái Xe 391
Hộp Số Vô Cấp 404
Khởi Động Động Cơ 397
Phanh 555
Sang Số 405
Lái Xe An Toàn 37
Làm Mờ
Đèn Chiếu Sáng 208
Gương Chiếu Hậu 224
Làm Tan Sương Kính Chắn Gió và Cửa Kính 254
Lẫy Sang Số (Chế Độ Sang Số Thường 7 Cấp) 407, 409
Lọc
Lọc Gió Điều Hòa 649
Lọc Gió Điều Hòa 649
Lốp Bị Mòn 636
Lốp Mùa Đông 640
Xích Bọc Lốp 640
Lốp Xe 636
Áp Suất Lốp 721, 723
Dụng Cụ Vá Lốp Khẩn Cấp (TRK) 664

Đảo Lốp 639
Kiểm Tra 636
Kiểm Tra và Thay 636
Mùa Đông 640
Thủng (Xẹp Lốp) 679
Vạch Báo Độ Mòn 637
Xích Bọc Lốp 640
Lốp Xẹp 664, 679
Lưu Ý Khi Lái Xe 401
Khi Trời Mưa 403

M

Màn Hình Âm Thanh/Thông Tin 268
Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái 140, 155, 160
Âm Thanh 145
Bảo Dưỡng 151, 176
Cảnh Báo Tốc Độ 146, 169
Cảnh Báo 180
Chuyển Đổi Màn Hình Hiển Thị 140, 161
Chức Năng Theo Dõi Mức Độ Tập Trung Của Người Lái 147, 170
Dây Đai An Toàn 151, 176
Điện Thoại 145
Định Vị 145, 168
Đồng Hồ 155
Đồng Hồ Bấm Giờ 156
Đồng Hồ Đo Hành Trình 142, 163
Đồng Hồ Đo Quãng Đường 163
Đồng Hồ Đo Tu-bô 174
Đồng Hồ Đo Vị Trí Bàn Đạp Ga/Áp Suất Phanh 174
Hỗ Trợ An Toàn 152, 177
Không Có Thông Tin 154
Máy Đo Trọng Lực 175
Nhiên Liệu 142, 163
Quãng Đường 142, 163
Thông Tin 154, 180
Tốc Độ và Thời Gian 144, 166
Tùy Chọn Màn Hình Hiển Thị 153, 158, 178
Máy Đo Trọng Lực 175
Mặc Định Tất Cả các Cài Đặt 331
Mở
Cửa Hậu 717
Mở/Đóng
Cửa Kính Điện 203
Nắp Ca-pô 608
Mở Khóa Cửa 187
Mở Khóa Cửa Trước từ Bên Trong 195
Móc Neo Giữ Đồ 242
Móc Neo Phía Dưới 95
Móc Neo Vai 50
Móc Treo Áo 241
Móc Treo Đồ 241
MP3/WMA/AAC 297

N

Nạp Điện Ắc Quy Yếu 704
Nạp Nhiên Liệu 389, 583
Đèn Báo Nhiên Liệu Thấp 119
Đồng Hồ Đo Nhiên Liệu 135
Xăng 583, 720, 722
Nắp Bình Nhiên Liệu 27, 584
Ngăn Để Cốc 239
Ngăn Để Đồ 237
Nhãn An Toàn 111
Nhãn Cảnh Báo 111
Nhãn Chứng Nhận 724
Nhãn Mã Số Chìa Khóa 185
Nhảy Về Số 404
Nhắc Ghế Sau 231
Nhiên Liệu 583
Đèn Báo Nhiên Liệu Thấp 119
Đồng Hồ Đo 135
Khuyên Dùng 583
Nạp Nhiên Liệu 583
Quãng Đường 143, 165
Tiết Kiệm Nhiên Liệu và Khí Thải CO_2 586
Tiêu Thụ Nhiên Liệu Trung Bình 143, 165
Tiêu Thụ Nhiên Liệu Tức Thời 143, 165
Nhiên Liệu Quy Định 583
Nhiệt Độ
Đèn Báo Nhiệt Độ Thấp 120
Hiển Thị Nhiệt Độ Ngoài Trời 136
Nhiệt Độ Bên Ngoài 136
Nút Cảnh Báo Nguy Hiểm 6, 7
Nút Khởi Động/Dừng Động Cơ 205
Nước Làm Mát Động Cơ 616, 618
Bổ Sung vào Bình Chứa 616, 618
Bổ Sung vào Két Nước 617
Đèn Báo Nhiệt Độ Thấp 120
Quá Nhiệt 699

O

Oát 720, 722

Ô

Ổ Cắm Điện Phụ Kiện 245

P

Phanh Chân 560
Phanh Đỗ 555
Phát Nhạc Trên *Bluetooth*® 301
Phụ Kiện và Điều Chỉnh 658
Phụ Nữ Mang Thai 51

Q

Quá Nhiệt 699
Quãng Đường 143, 165
Que Thăm Dầu (Dầu Động Cơ) 613

R

RDS (Hệ Thống Dữ Liệu Radio) 289
Rửa Kính Chắn Gió 217
Bổ Sung/Đổ Đầy Nước Rửa Kính 623
Công Tắc 217

S

Sạc Không Dây 246
Sang Số (Hộp Số) 405
Sấy Gương Cửa 222
Sấy Kính Sau 222
Số Nhận Dạng 724
Số Máy và Số Hộp Số 724
Số Nhận Dạng Xe 724

T

Tấm Che Khoang Hành Lý 243
Thảm Lót Sàn 652
Thay
Ắc Quy 645
Bóng Đèn 625
Cao Su Lưỡi Gạt Nước 633
Cầu Chì 708, 710
Lốp Xe 679
Thay Bóng Đèn 625
Đèn Biển Số Sau 630
Đèn Chiếu Sáng 625
Đèn Gương Cá Nhân 631
Đèn Hậu 626, 629
Đèn Khoang Hành Lý 631
Đèn Lùi 629
Đèn Phanh 626
Đèn Phanh Cao 630
Đèn Sương Mù Sau 630
Đèn Sương Mù Trước 625
Đèn Vị Trí/Ban Ngày 625
Đèn Xi Nhan Bên/Đèn Báo Khẩn Cấp 625
Đèn Xi Nhan Sau 626
Đèn Xi Nhan Trước 625
Thiết Bị Phát Ra Sóng Radio 726
Thời Gian (Cài Đặt) 182
Thời Gian Xe Chạy 144, 168
Thông Số Kỹ Thuật 720
Thông Số Kỹ Thuật Bóng Đèn 720, 722
Thông Tin 154, 180
Thông Tin Về An Toàn 0
Thông Tin Pháp Lý về Ứng Dụng Apple CarPlay/Android Auto 361
Thông Về Tin Xe 139
Tiết Kiệm Nhiên Liệu và Khí Thải CO_2 ... 586
Tiêu Thụ Nhiên Liệu Trung Bình 143, 165
Tiêu Thụ Nhiên Liệu Tức Thời 143, 165
Tín Hiệu Dừng Khẩn Cấp 569
Tính Năng 259
Tính Năng Tùy Chọn 313, 321
Tốc Độ Trung Bình 144, 168
TRK (Dụng Cụ Vá Lốp Khẩn Cấp) 664
Trọng Lượng Tối Đa Cho Phép 395
Túi Khí 54
Cảm Biến 54
Đèn Báo 68, 120
Kiểm Tra và Thay Thế Túi Khí 69
Sau Va Chạm 57
Thiết Bị Ghi Nhận Dữ Liệu Sự Cố 1
Túi Khí Bên 63
Túi Khí Đầu Gối 59
Túi Khí Rèm 66
Túi Khí Trước (SRS) 56

Túi Khí Bên.....63
Túi Khí Đầu Gối.....59
Túi Khí Rèm.....66
Túi Khí SRS/(Túi Khí).....56
Túi Khí Trước (SRS).....56
Tùy Chọn Màn Hình Hiển Thị.....153, 158, 178
Tựa Đầu.....233
Tựa Đầu Ghế Trước.....233
Tựa Tay.....235

U

USB..... 297, 353

Ư

Ứng Dụng Android Auto.....309
Ứng Dụng Apple CarPlay.....305

V

Vạch Báo Mòn (Lốp).....637
Vệ Sinh Cửa Kính.....656
Vệ Sinh Ngoại Thất.....654
Vệ Sinh Nội Thất.....651
Vi Sai Hạn Chế Trượt (LSD).....448
Vị Trí Cần Số
Hộp Số Vô Cấp..... 405
Vô Lăng.....223
Điều Chỉnh.....223
VSA (Hỗ Trợ Ổn Định Xe).....444

W

WMA..... 297

X

Xăng.....27, 583
Đèn Báo Nhiên Liệu Thấp.....119
Đồng Hồ Đo.....135
Nạp Nhiên Liệu.....583
Thông Tin.....583
Tiết Kiệm Nhiên Liệu và Khí Thải CO_2.....586
Tiêu Thụ Nhiên Liệu Tức Thời.....165
Xe Có Động Cơ Tăng Áp.....587
Xẹp (Lốp).....664, 679
Xi Nhan
Đèn Báo (Bảng Điều Khiển).....121
Xử Lý Sự Cố.....661
Bàn Đạp Phanh Rung.....32
Cầu Chì Nổ.....708, 710
Đèn Cảnh Báo.....114
Động Cơ Không Khởi Động.....689
Kéo Xe Khẩn Cấp.....715
Không Gạt Được Cần Số.....698
Không Mở Được Cửa Sau.....33
Lốp Bị Thủng/Xẹp..... 679
Ồn Khi Phanh.....34
Quá Nhiệt.....699
Tiếng Bíp Vang Lên Khi Mở Cửa.....34

Civic Type R

Hướng dẫn sử dụng

HONDA

4FT40611
00X4F-T40-6111

© 2023 Honda Motor CO., LTD.

5.2024.10.25
PRINTED IN VIETNAM